

TRUYỆN NGẮN

nguyên
huy
thiệp

(VỚI MINH HOẠ CỦA CÁC HOẠ SỸ)

LỜI TỰA

Trong quá trình nghiên cứu và sáng tạo, tôi đã được nhiều người bạn đồng hành cùng tôi. Tôi xin gửi lời cảm ơn đến các bạn đồng nghiệp và các bạn thân của tôi. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến các bạn đồng nghiệp và các bạn thân của tôi.

Trong quá trình nghiên cứu và sáng tạo, tôi đã được nhiều người bạn đồng hành cùng tôi. Tôi xin gửi lời cảm ơn đến các bạn đồng nghiệp và các bạn thân của tôi. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến các bạn đồng nghiệp và các bạn thân của tôi.

Trong quá trình nghiên cứu và sáng tạo, tôi đã được nhiều người bạn đồng hành cùng tôi. Tôi xin gửi lời cảm ơn đến các bạn đồng nghiệp và các bạn thân của tôi. Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn đến các bạn đồng nghiệp và các bạn thân của tôi.

TRUYỆN NGẮN

nguyên
huy
thiệp

(VỚI MINH HỌA
CỦA CÁC HỌA SỸ)

LỜI TỰA

Ngày trước, người ta làm sách là để đồng nhất nhân tâm trị đạo. Bậc thánh nhân có đức có tài mới dám đứng ra làm sách. Sau này xã hội phát triển, kỹ thuật in ấn tân kỳ, người làm sách đa dạng, sách trở nên thường, nhiều khi làm sách cũng để kiếm tiền, cũng có khi chỉ để mua vui hoặc phô trương rôm đời.

Tôi đọc sách từ năm 10 tuổi, được phụ huynh dạy: "Trong cõi nhân sinh, muốn cho vẻ vang không có gì bằng đọc sách ("*nhà ta quý sách hơn vàng*" - thơ Nguyễn Bính). Trong hạng đọc sách, muốn trở thành bậc cao thượng không có gì bằng học đạo". Đạo ở đây là con đường đi, là lý tưởng, là những chiêm nghiệm tôn giáo, là văn hóa sống. Biết vậy nhưng đâu hiểu gì, không nghĩ sau này thành nhà văn. Lớn lên chút nữa, số phận run rủi đẩy tôi lên rừng, hết một đại hạn mười năm (1970 - 1980) "*úp mặt vào núi đọc sách*", qua tuổi thanh xuân, đến khi về đến Hà Nội thời thế đổi thay, cứ bần khoản không biết xoay trở thế nào. Năm 1987 truyện ***Tướng về hưu*** in ra, bỗng chốc trở nên nổi tiếng, thoát cái đến nay đã 20 năm, một lòng cung cúc tận tụy theo nghiệp văn chương, vừa rồi đếm số trang viết ra kể đến cả vạn trang! Thật đáng sợ, có lẽ cũng nhàm, cũng nhàm!

Khi mới viết văn, bởi người viết còn trẻ tuổi, thiếu kinh nghiệm sống, quan niệm thiện ác cũng như xử thế thị phi rạch ròi, lòng dạ sắt đá, bởi thế theo cổ nhân ắt hẳn "*văn viết ra khó, tâm tuyệt, khí tuyệt, mặt tựa người chết*" (chữ của Kim Thánh Thán). Trước năm 1992, phần lớn truyện tôi viết ra đều ở dạng này (***Tướng về hưu, Không có vua, Giọt máu, Kiếm sắc, Vàng lửa, Phẩm tiết, Những người thợ xẻ v.v..***). Bắt đầu ngấm ngấm từ truyện ***Sang sông***, thật ra phải cho đến truyện ***Sống để lắm*** tôi mới đủ tâm thế bèn chuyển sang lối viết dễ (hoặc tưởng là dễ) như thể phóng lãng, nhại đùa, cốt khư khư tồn dưỡng tâm khí cho mình mà không để nó thất thoát ra nữa. Cái dễ của nghề viết văn thực ra khi này chỉ là cái dễ bề ngoài mà thôi, mắt miệng hấp háy, cử chỉ lơ đãng, má hóp, hai bên khóe mép buông xuôi, đôi khi cười một mình, ngơ ngác ngác, quần áo trễ tràng ("*lòng như sắt cứng cũng mềm dần*" - thơ Lê Thánh Tông). Ta biết Tâm là thứ Trời định ra cho ta rồi: khi cái Tâm ra ngoài là Tính, vào trong là Tính, đi xuôi là Thức, trở ngược là

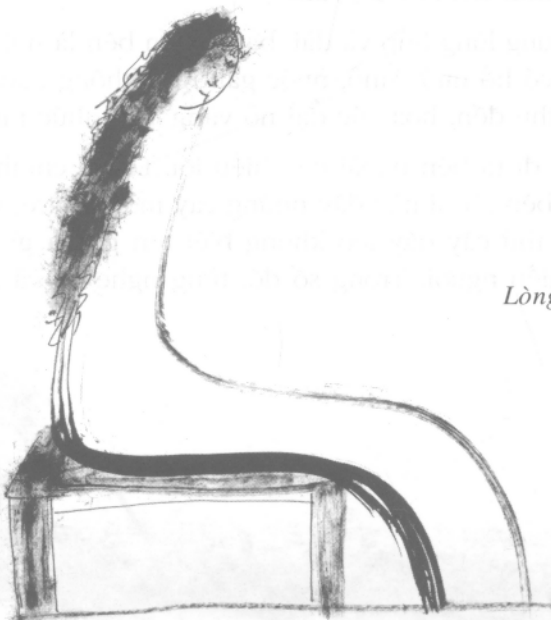
Trí. Muốn đem ra ngoài mà cho trở ngược vào trong tức là phản quán, đấy là điều rất khó chứ dễ dàng gì (phản là trở lại, quán là chiếu soi hay xét biết). *"Tuổi già hạt lệ như sương. Hơi đâu chuốc lấy hai hàng chứa chan!"* (thơ Nguyễn Khuyến). Làm sao người ta về già có thể trở lại như thời trai trẻ?

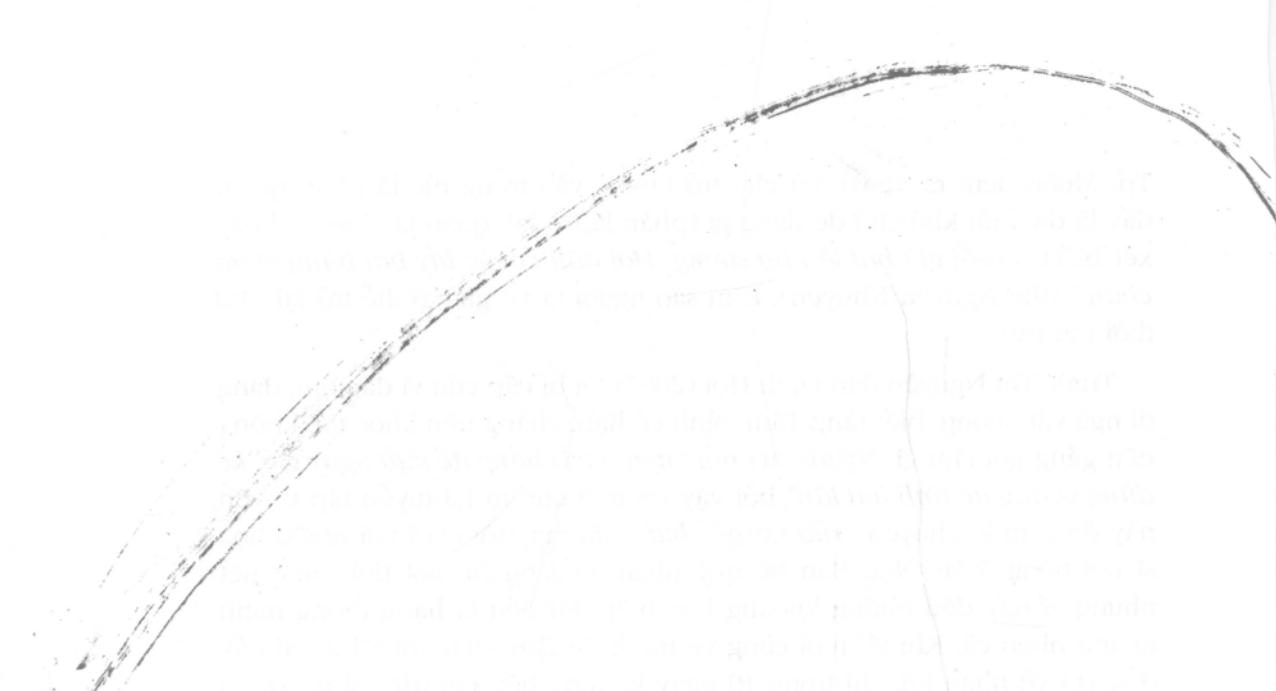
Trước Tết Nguyên đán Đinh Hợi (2007) tôi bị cấp cứu vì đau tim, đang đi ngã vật xuống, biết rằng Tâm mình có hạn, chẳng nên khoe tài, không nên găng gỏi làm gì. Người xưa nói *"người trí chẳng để mất ngày giờ, kẻ dumber chẳng để tính hai lần"* bởi vậy tôi mới cho in lại tuyển tập truyện này để sớm lo chuyện *"rửa tay gác bút"*. Rất may tôi chơi với nhiều họa sĩ nổi tiếng ở Hà Nội. Bạn bè quý nhau, mỗi người một tính, một nét nhưng ai nấy đều phóng khoáng hào hiệp, lại đều là hạng thông minh nhanh nhẹn cả. Khi tôi mời cùng vẽ tranh để làm sách với tôi thì ai nấy đều vui vẻ nhận lời, chỉ trong 10 ngày là xong hết, chỉ trừ đôi người vô duyên nên lỡ dịp.

Tập truyện được tôi sắp xếp lại theo thứ tự thời gian. Các họa sĩ đều là bạn bè thân tình với tôi minh họa để cho thêm sinh động, vui mắt. Nó là tình cảm liên tài với nhau, cũng là một cơ để khi gặp gỡ chuyện trò vui đùa. Đời người có hạn, lẽ trời là thế, không ai sống mãi được. *"Tự nhiên chờ cái đến. Thanh thản tiễn cái đi. Yêu những điều không muốn. Tâm nhàn hơn mây trôi!"* (thơ Nguyễn Bảo Sinh). Tất cả rồi qua đi, ấy thế mà loanh quanh thế nào lại có những thứ tưởng như vẫn vơ mà không tài nào mất đi đâu cả, biết đâu trong ấy chẳng có cuốn truyện lẫn với tranh mà bạn đang cầm trên tay này đây? Như thế thật đặc ý!

Hà Nội ngày 09/7/2007
Nguyễn Huy Thiệp

Lòng như sắt cứng cũng mềm dần...





NHỮNG NGỌN GIÓ HUA TÁT

(Mười truyện trong bản nhỏ)

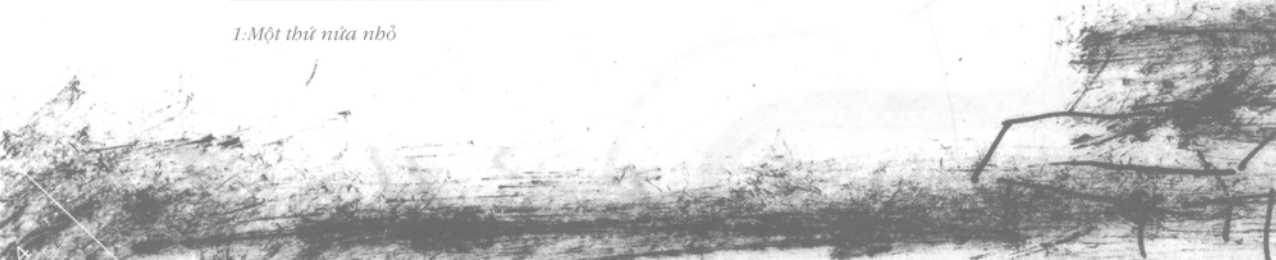
Tặng Nguyễn Hồng Hưng

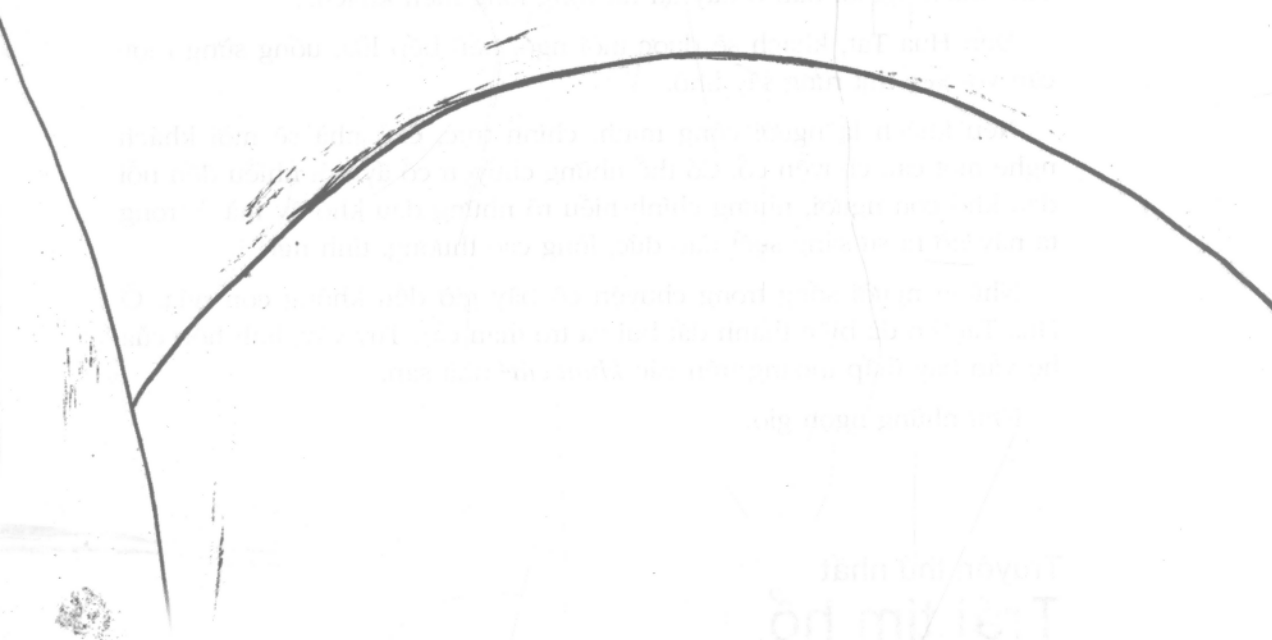
Ở Tây Bắc có một bản nhỏ người Thái đen nằm cách chân đèo Chiềng Đông chừng dặm đường. Bản tên là Hua Tát.

Bản Hua Tát ở trong thung lũng hẹp và dài, ba bề bốn bên là núi cao bao bọc, cuối thung lũng có hồ nước nhỏ, nước gần như không bao giờ cạn. Xung quanh hồ, khi thu đến, hoa cúc dại nở vàng đến nhức mắt.

Từ thung lũng Hua Tát đi ra bên ngoài có nhiều lối. Lối đi chính rải đá, vừa một con trâu. Hai bên lối đi này đầy những cây mè loi¹, tre, vầu, bứa, muôm và hàng trăm thứ cây dây leo không biết tên gọi là gì. Lối đi này đã in dấu chân nhiều người. Trong số đó, từng nghe có cả một vị hoàng đế.

1: Một thứ nửa nhỏ





Thung lũng Hua Tát ít nắng. Ở đây quanh năm cứ lung bung một thứ sương mù bàng bạc nên nhìn người và vật thì chỉ nhìn thấy những nét nhòa nhòa đại thể mà thôi. Đây là thứ không khí huyền thoại.

Ở Hua Tát, những chuyện cổ như những bông hoa dại, màu vàng nhạt, bé như khuy áo, điểm đầu đó quanh rào trong các ngõ nhỏ. Đàn ông ngậm hoa này trong miệng uống rượu không bao giờ say. Nó cũng giống như những viên đá cuội trắng, có gân đỏ, mảnh như sợi chỉ nằm kín đáo nơi lòng suối. Phụ nữ thích những viên sỏi này. Họ nhặt nó về ủ trong áo lót đủ một trăm ngày. Khi làm đệm cho chồng, họ giấu viên



sôi ấy vào trong. Có lời nguyện rằng, người chồng nằm trên đệm ấy sẽ không bao giờ mơ tưởng đến những phụ nữ khác.

Hua Tát là một bản nhỏ cô đơn. Người dân ở đây sống giản dị, chất phác. Công việc nương rẫy nhọc nhằn vất vả. Cả việc săn bắt cũng thế. Tuy nhiên, người dân ở đây lại rất rộng lòng mến khách.

Đến Hua Tát, khách sẽ được mời ngồi bên bếp lửa, uống sừng rượu cần với xeo thịt rừng sấy khô.

Nếu khách là người công minh, chính trực, chủ nhà sẽ mời khách nghe một câu chuyện cổ. Có thể những chuyện cổ ấy nói nhiều đến nỗi đau khổ con người, nhưng chính hiểu rõ những đau khổ ấy mà ở trong ta nảy nở ra sự sáng suốt đạo đức, lòng cao thượng, tính người.

Những người sống trong chuyện cổ bây giờ đều không còn nữa. Ở Hua Tát, họ đã biến thành đất bụi và tro than cả¹. Tuy vậy, linh hồn của họ vẫn bay thấp thoáng trên các *khau cút*² nhà sàn.

Như những ngọn gió.

Truyện thứ nhất Trái tim hổ



Ngày ấy, ở Hua Tát có một cô gái tên là Pù. Sắc đẹp của nàng khắp các nương không ai bì kịp, da trắng như trứng gà bóc, tóc mượt và dài, môi như son đỏ. Chỉ khổ một nỗi là Pù bị liệt hai chân, suốt năm suốt tháng nằm một chỗ.

Hồi xảy ra chuyện này Pù mười sáu tuổi. Tuổi mười sáu là tuổi của mùa xuân, tuổi của tình yêu. Tình yêu có thể có nhiều nhưng mà mùa xuân thiếu nữ lại chỉ có một. Năm mười sáu tuổi là tháng đầu của mùa xuân, đến tuổi mười chín thì có khi đã sang mùa thu rồi.

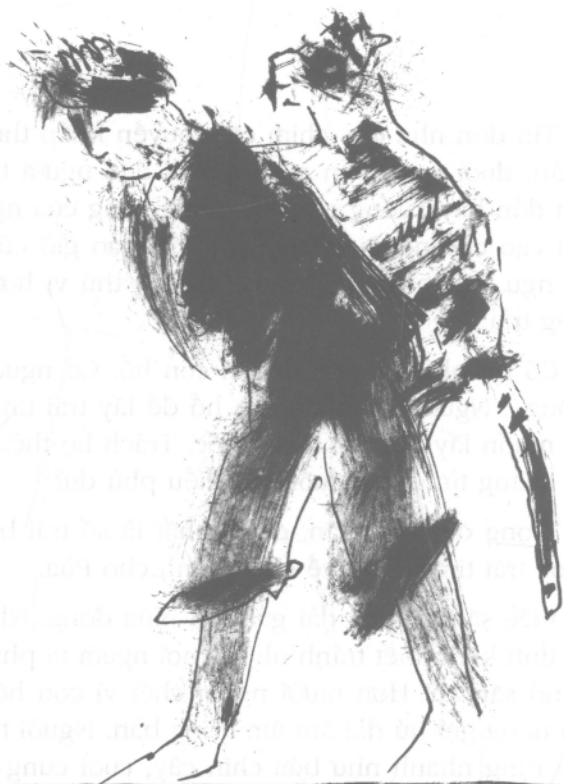
Mùa xuân ở Hua Tát đầy ắp tiếng khèn bè. Tiếng khèn quán quýt chân sàn, chân quán³ nhà các cô gái. Cỏ dưới chân cầu thang không mọc được. Ở đấy phẳng lì một lớp đất bạc.

Sàn nhà Pù không có những tiếng khèn bè. Không ai đi lấy cô gái

1. Người Thái đen có tục chôn người chết hoặc hỏa táng.

2. Biều tượng trên nóc nhà sàn.

3. Sàn ở rể.



Trai bản Hua tát lặng im, cúi gằm mặt xuống...

liệt cả hai chân làm vợ. Mọi người thương xót Pù. Người ta cúng ma, tìm thuốc cho Pù. Vô hiệu, đôi chân của nàng vẫn không nhúc nhích.

Năm ấy, Hua Tát sống trong một mùa đông khủng khiếp. Trời trở chứng, cây cối khô héo vì sương muối, nước đóng thành băng. Mùa đông ấy, trong rừng Hua Tát xuất hiện một con hổ dữ. Hổ rình rập suốt ngày đêm quanh bản. Bản hoang vắng hẳn, không ai dám ra nương ra rẫy. Buổi tối, chân các cầu thang được rập rào gai kỹ lưỡng, các cửa nhà đóng chặt. Sáng sáng, thấy vết chân hổ vòng quanh từng ngôi nhà một. Cả bản sống trong nơm nớp lo âu.

Người ta đồn con hổ có trái tim khác thường, trái tim nó chỉ bằng hòn sỏi và trong suốt. Trái tim ấy là bùa hộ mệnh, cũng là vị thuốc thần. Ai có trái tim ấy sẽ được may mắn, giàu sang suốt cả cuộc đời. Trái tim ấy nếu mang ngâm rượu sẽ chữa được mọi thứ bệnh hiểm nghèo. Liệt chân như Pù, uống thứ thuốc ấy cũng sẽ khỏi được.

Tin đồn như con chim cất chuyễn khắp thung lũng. Ở bếp lửa, chân quẩn, dưới suối, trên nương, đâu đâu người ta cũng nói về trái tim hổ. Tin đồn bay xuống cả vùng đồng bằng của người Kinh, bay lên cả đỉnh núi cao của người Mông. Tin đồn bao giờ cũng thế, qua miệng những kẻ ngu dốt thì quái lạ thay, thường thú vị hơn qua miệng những người từng trải.

Có rất nhiều người đi săn con hổ. Có người Thái, người Kinh, người Mông... Người thì muốn săn hổ để lấy trái tim làm bùa hộ mệnh, người thì muốn lấy trái tim làm thuốc. Trách họ thế nào được? Đời người ta, ai đã chẳng từng săn đuổi bao điều phù du?

Trong đám thợ săn, đông nhất là số trai bản Hua Tát. Họ muốn lấy được trái tim hổ để về chữa bệnh cho Pù.

Việc săn hổ kéo dài gần hết mùa đông. Nhưng, như có phép lạ, con hổ tinh khôn biết tránh những nơi người ta phục nó. Những người đi săn bị nó săn lại. Hơn mười người chết vì con hổ dữ. Tiếng khóc than lẫn với tiếng gió hú dài âm âm trong bản. Người ta nản chí dần, số người đi săn rụng nhanh như bữa chín cây, cuối cùng chỉ còn một người. Người ấy là Khó.

Khó là trai bản Hua Tát. Chàng mồ côi cha mẹ, sống như con đon, con dim. Con đon, con dim sống thui thủi, đi con đường riêng, ăn uống thế nào không ai biết được. Khó chẳng bao giờ tham dự những cuộc họp mặt, hội hè ở bản. Phần vì Khó nghèo, phần Khó xấu trai. Chàng bị đậu mùa, mặt rỗ chẳng chịt. Người Khó dị dạng: hai tay dài chấm đầu gối, đôi chân khằng khiu, lúc nào đi cũng như chạy. Con đon, con dim có đi bao giờ?

Thấy Khó đi săn nhiều người ngạc nhiên. Người ta lại càng ngạc nhiên khi thấy Khó săn hổ không phải để lấy bùa phép may mắn cho chàng mà để lấy thuốc về chữa cho Pù. Đêm đêm, họ thấy Khó đứng dưới chân sàn nhà Pù nhìn lên như kẻ si tình, cũng giống như tên ăn trộm.

Người bản Hua Tát không biết Khó đi con đường nào tìm vết hổ. Đường của con đon, con dim, hổ cũng không biết. Con hổ thấy sự nguy hiểm. Nó thay đổi chỗ ở, thay đổi đường đi. Khó và con hổ săn nhau từng giờ...

Một đêm, người ta đang ngồi kể chuyện ở sàn nhà Pù thì nghe thấy tiếng súng nổ. Tiếng súng kíp âm âm như tiếng sấm. Có tiếng hổ gầm

dữ dội vang trong khe núi.

- Hổ chết rồi! Đứng Khó bắn chết hổ rồi! - Cả bản kinh hoàng xôn xao như rừng gặp bão. Người ta reo hò. Nhiều người vừa reo vừa trào nước mắt. Trai bản đốt đuốc lên rừng tìm Khó.

Gần sáng, người ta mới tìm thấy Khó và xác con hổ đã chết. Cả hai lẫn xuống vực sâu dưới suối. Khó bị gãy lưng, mặt chàng đầy vết cào cấu của hổ. Con hổ bị bắn toác đầu. Viên đạn bắn gần xé rách trán hổ xuyên vào tận óc.

Nhưng, điều kỳ lạ nhất là ngực con hổ đã bị rạch đi, trái tim nó không còn đấy nữa. Vết rạch bằng dao còn mới, máu bết hai bên vết rạch chảy ròng ròng, sủi thành bọt như bong bóng. Đã có kẻ nào đánh cắp trái tim con hổ!

Tất cả trai bản Hua Tát lặng im, cúi gằm mặt xuống. Họ hổ thẹn, cảm giận, chua xót.

Hơn mười người chết trong mùa đông ấy vì con hổ dữ. Thêm hai người nữa chết dần sau câu chuyện đó. Hai người ấy là Pù và Khó...

Người bản Hua Tát đã chôn con hổ ngay nơi nó chết. Không ai nhắc lại huyền thoại về sự mẫu nhiệm của trái tim hổ. Người ta đã quên nó đi như quên bao điều cay đắng xảy ra trên thế gian này. Điều ấy cũng cần.

Còn nhớ chuyện ấy, bây giờ có lẽ chỉ rất ít người.

1971

Truyện thứ hai

Con thú lớn nhất

Ngày ấy, ở Hua Tát có một gia đình ngụ cư không biết ở nương nào chuyển đến. Họ dựng nhà ở ngoài rìa bản, chỗ gần rừng ma. Nhà ấy chỉ có hai vợ chồng đều luống tuổi. Họ đi đâu cũng có nhau. Người vợ lúc nào cũng âm thầm, im lặng, suốt ngày không hề thấy nói một tiếng. Người chồng cao lớn, gầy guộc, mặt sắt lại, mũi như mỏ chim. Đôi mắt của lão đục và sâu hoắm, phảng phất những tia lân tinh lạnh lẽo.

Người chồng là tay thợ săn cự phách. Khẩu súng kíp trong tay lão như có mắt. Mỗi khi khẩu súng giờ lên, ít khi có chim chóc hoặc thú rừng



*Suốt đời lão già chỉ săn được những
con chim, con thú bình thường...*

nào thoát chết. Đằng sau nhà lão, lông chim, xương thú chất đầy thành đống. Những đống lông chim xơ xác đen xỉn như màu mực tàu, còn những đống xương thú màu đá vôi thì lốm đốm những vệt nước tủy vàng khè, hôi hám. Những đống ấy to như những cái mả. Lão thợ săn như là hiện thân thần Chết của rừng. Chim chóc và thú rừng sợ hãi lão. Cánh thợ săn ở Hua Tát vừa ghen tị, vừa bất bình với lão. Lão không tha bất cứ con vật nào trong tầm súng của mình. Có người kể rằng đã tận mắt nhìn thấy lão bắn chết một con công đang múa. Một con công đang múa nhé: cái đầu cong như lá lúa, cái đuôi xòe nửa vòng cung với đủ màu sắc, tia nắng mặt trời hắt ánh lửa lấp lánh như vàng, đôi chân khéo léo lượn vòng. Chỉ có tình yêu thì mới lượn vòng tình tế như thế. Con công đang múa, thế mà - "Đùng" - khẩu súng trong tay lão già giật lên, phụt ra một lưỡi lửa đỏ. Con công ngã gục, cái cánh có ánh cầu vồng ngũ sắc nhòe máu. Vợ lão già đến, khô đét, đen ngòm, âm thầm nhặt con công cho vào cái lếp¹ sau lưng.

Tuy vậy, suốt đời lão già chỉ săn được những con chim, con thú bình

1. Giỏ đeo

thường. Lão già chưa bao giờ săn được con thú lớn ba bốn tạ thịt. Khẩu súng của lão chỉ bắn được những con vật nhỏ ngu ngốc. Đây chính là điều lão già khổ tâm, dằn vặt.

Cả bản Hua Tát xa lánh vợ chồng lão, không ai nói chuyện, chơi bời với gia đình lão. Nhìn thấy vợ chồng lão, người ta tránh ngoắt đi. Cứ thế, lão thợ săn sống cô đơn bên người vợ âm thầm.

Cuối năm ấy, ở Hua Tát động rừng, cây cối xơ xác, chim chóc trốn biệt, không có dấu chân một con thú nào trong rừng. Chưa bao giờ người Hua Tát sống vất vả đến thế. Người ta đồn là Then bắt đầu trừng phạt. Lão thợ săn ngu cư kiếm ăn cũng rất khó khăn. Vợ chồng lão lang thang khắp rừng. Lần đầu tiên trong đời lão già gặp phải cảnh này. Ba tuần trăng, khẩu súng của lão không hề được nổ. Lão già dậy từ gà gáy canh ba vác súng đi đến tối mịt. Người vợ gầy của lão không còn đủ sức đi theo chồng nữa. Mụ ở nhà nhóm lửa chờ đợi. Ngọn lửa mụ nhóm như có ma ám, không đỏ mà lại xanh lét như mắt chó sói.

Lần ấy lão già đi vắng cả tuần liền. Người lão mệt lả. Đầu gối lão chùn xuống, các bắp thịt nhão ra tưởng chừng có thể dùng tay bấu được như bấu những con vắt nhẽo bết máu. Lão đã lết khắp nơi mà không gặp gì. Đến một con chim sâu, thậm chí một con bướm lão cũng không thấy. Lão hoang mang sợ hãi. Then đã trừng phạt thế gian như lời người ta đồn đại hay chẳng?

Cuối cùng, mệt lả, lão già kiệt sức phải lết về nhà. Đến con suối đầu bản, lão dừng lại nhìn về nhà mình. Nhà lão có ánh lửa, cái ánh lửa xanh lét, chắc là vợ lão vẫn thức đợi chồng. Lão nhấm nghiền đôi mắt đục và sâu hoắm lại. Ngẫm nghĩ một lát, lão lộn lại rừng. Mũi lão đã đánh hơi thấy mùi thú... Lão gặp may thật. Lão đã nhìn thấy nó. Cái con công ấy đang múa. Kìa, đôi chân con công di chuyển nhẹ nhàng về phía bên phải, cái đuôi xòe thành đường tròn lại dịch về phía bên trái, cái ánh xanh gay gắt trên túm lông đầu của nó mới rực rỡ làm sao! Lão già giương súng lên: "Đùng!" Phát súng nổ. Lão nghe thấy tiếng rú thất thanh. Lão chạy lại con thú bị bắn ngã. Đây là vợ lão. Mụ đi ra rừng đợi lão, tay mụ còn cầm bộ lông chim công.

Lão thợ săn nằm sấp xuống, úp mặt vào vũng máu trên lớp lá mục nồng nồng, ngái và hơi như mùi chuột.

Miếng lão học lên như tiếng lợn lòi. Lão nằm thế rất lâu. Mây đen sà xuống thấp, khu rừng tối sẫm, nóng hầm hập như da người sốt. Gần

sáng, lão già bỗng đứng phắt dậy nhanh như con sóc. Lão nảy ý định lấy xác vợ lão làm mồi để săn con thú, con thú lớn nhất đời mình. Lão nằm trong bụi cây gần cái xác thối rửa của vợ lão một vài tay, đạn lên nòng, khắc khoải chờ đợi. Nhưng Then đã trừng phạt lão. Không có con thú nào đến với lão, chỉ có cái chết đến với lão.

Ba ngày sau, người ta lôi cái xác còn queo của lão ra khỏi bụi cây. Một vết đạn xuyên qua trán lão. Lão đã bắn được con thú lớn nhất đời mình.

1971

Truyện thứ ba

Nàng Bua

Ở Hua Tát có một người đàn bà đặc biệt là Lò Thị Bua. Đi ra đường không ai chào hỏi nàng. "Quý dữ đấy! Đừng gần nó!" Các bà mẹ dặn con như thế. Các bà vợ dặn chồng như thế.

Bua là một thiếu phụ duyên dáng. Người nàng cao lớn, đôi hông to khỏe, thân hình lẳn chắc, bộ ngực nở nang mềm mại. Nàng lúc nào cũng tươi cười, tràn trề thứ ánh sáng cuốn hút lòng người.

Bua ở một mình với chín đứa con của nàng. Không ai biết bố chúng là ai. Ngay với Bua, nàng cũng không biết đích xác bố của từng đứa một. Rất nhiều người đàn ông đến với nàng rồi sau đó họ bỏ rơi nàng. Những anh chàng thiếu niên miệng còn hơi sữa chưa đủ kinh nghiệm làm bố, những ông già từng trải, những người thợ săn dũng cảm, những kẻ hà tiện... Mỗi người đến với Bua một cách và họ ra đi cũng chẳng có ai giống nhau. Chuyện tình ái, giống đực thường khôn ngoan và vô trách nhiệm, giống cái thì nhẹ dạ và tận tụy quá. Bua nổi nản với tất cả những người đàn ông đến với nàng và cũng lạnh nhạt với tất cả những người đàn ông bỏ rơi nàng. Những đứa con không bố sinh ra tự nàng lo liệu lấy chúng. Bua không quyến luyến, gắn bó với bất cứ người đàn ông nào trong bản. Nàng sống trơ trơ trước mắt mọi người. Nàng có chú ý đến mọi người không, nào ai biết được?

Cái họ gia đình đông đúc của nàng Bua sống vui vẻ, hòa thuận và nghèo túng. Đàn bà trong bản nổi khùng, họ rít lên những lời khinh rẻ qua kẻ rào. Thực ra lòng họ sợ hãi. Đàn ông trong bản cười cợt, thêm



Quý dữ đấy! Đừng gần nó!...

thường. Họ ngồi cạnh nhau quanh các bếp lửa, nước dãi nhỏ ra bên khóm mép, đôi mắt long lanh, tròn tuột.

Ở Hua Tát, mọi người đều có gia đình nền nếp của mình. Ai cũng phải sống theo phong tục cổ truyền, vợ có chồng, con có bố. Thật chưa bao giờ có một gia đình quái gở thế này? Vợ không chồng! Con không bố! Chín đứa con! Chín đứa mà chẳng đứa nào giống một đứa nào! Những lời đàm tiếu như nạn dịch lan nhanh trong bản. Ở đàn bà, đấy là nạn dịch bộ gà. Ở đàn ông, đấy là nạn dịch sốt... Kẻ bị hành hạ nhiều nhất là đám phụ nữ. Họ buộc cánh đàn ông phải có cách gì giải quyết ổn thỏa việc này. Hoặc là phải đuổi Bua đi, hoặc là tìm ra bố của những đứa trẻ. Sao lại để một gia đình như thế ở trong cộng đồng Hua Tát? Những đứa trẻ lớn lên rồi chúng sẽ trở thành trai bản, gái bản. Chúng sẽ phá vỡ tất cả nền nếp cổ truyền.

Cuộc họp của cánh đàn ông trong bản Hua Tát nhiều lần dự định không thành. Nhiều người đàn ông thấy mình có lỗi ở trong chuyện ấy.

Lương tâm họ cắn rứt. Đứng ra nhận con thì không ai dám. Họ sợ miệng lưỡi của các bà vợ nông nổi, thủy chung. Họ sợ dư luận. Đáng sợ hơn cả còn là cuộc sống nghèo túng.

Năm ấy, không hiểu sao rừng Hua Tát củ mài nhiều vô kể. Người ta đào được những củ mài to tướng dễ như bỡn. Những củ mài xốp, thơm hanh hanh và ngậy, ninh lên bỏ tơi, ăn hơi tê rất vòm miệng rất thú. Nàng Bua và lũ con cũng kéo nhau đi đào. Rừng hào phóng và bao dung với tất cả mọi người.

Một bữa, lần theo rễ củ, Bua và lũ con đào được một cái hũ sành sứt mẻ, nước da lươn đã xỉn vì năm tháng. Bua gạt lớp đất ở miệng hũ sành và nàng ngạc nhiên thấy hũ chứa đầy những thoi vàng, thoi bạc lấp lánh. Bua rụng rời, run rẩy cả người, đầu gối nàng quỵ xuống, những giọt nước mắt sung sướng giàn giụa. Lũ con xúm xít xung quanh, sợ hãi nhìn mẹ.

Thoắt một cái, người đàn bà nghèo khó và bị khinh rẻ trở thành giàu có nhất bản, nhất vùng.

Bây giờ, cuộc họp của cánh đàn ông về Bua không còn cần nữa. Người ta lần lượt tìm đến nhà Bua để nhận con mình. Các bà vợ nông nổi và thủy chung giục già chồng mình đi nhận con về. Hóa ra không phải là chín ông bố, cũng không phải là hai chục nữa. Bọn họ có đến cả năm chục người. Tuy nhiên, Bua không thừa nhận những người đàn ông ấy là bố của những đứa trẻ. Họ đến và ai cũng được một món quà tặng làm vui lòng các bà vợ nền nếp của mình.

Cuối năm ấy, Bua lấy một người thợ săn hiền lành, góa vợ và không con cái. Có lẽ đây mới là tình yêu của nàng vì nàng đã rơi những giọt nước mắt hạnh phúc trong đêm hợp cẩn. Với những người đàn ông trước, ở nàng không có những giọt lệ ấy.

Đáng lẽ ra Bua sẽ sinh với người chồng được thừa nhận của mình một đứa con nữa, đứa con thứ mười, nhưng người đàn bà ấy không quen sinh nở trong sự đầy đủ và nền nếp cổ truyền. Nàng đã chết khi trở dạ để giữa đồng mền chân ẩm áp.

Đám ma nàng, cả cộng đồng Hua Tát đi đưa. Cả đàn ông, cả đàn bà, cả trẻ con nữa. Người ta tha thứ cho nàng, có lẽ nàng cũng tha thứ cho họ.

Truyện thứ tư

Tiệc xòe vui nhất

Hà Thị E là con gái trưởng bản Hà Văn Nó. Hiếm có người xinh đẹp như E. Lưng như lưng kiến vàng, mắt long lanh như sao Khun Lú - Nàng Ủa, tiếng nói của nàng dịu dàng. Khi nàng cười, tiếng cười trong vắt và vô tư lự. E xinh đẹp đã đành nhưng đức hạnh của nàng cũng ít có người bì kịp. Nàng là niềm tự hào của người Hua Tát. Cả bản mong nàng tìm được người chồng xứng đáng. Trưởng bản Hà Văn Nó cũng muốn thế, các bộ lão trong bản cũng muốn thế. Trao người con gái xinh đẹp như E cho người chồng không xứng đáng là có tội với Then vì nàng là quà tặng của Then với người Hua Tát. Chọn ai bây giờ? Người ta đưa việc chọn chồng của E ra bản. Người muốn xin làm con rể trưởng bản Hà Văn Nó có rất nhiều. Trai trong bản Hua Tát cũng có, trai ngoài bản Hua Tát cũng có. Các bộ lão trong bản Hua Tát thức trắng một đêm, uống hết năm vò rượu cần, rồi quyết định sẽ làm một cuộc thi tài để chọn một người nào có đức tính quý nhất mà khó kiếm nhất làm chồng của E. Đức tính quý nhất và khó kiếm nhất là đức tính gì? Ai là người có đức tính ấy? Các chàng trai ngồi tùm bên các bếp lửa bàn bạc, không biết bao nhiêu là rượu và thịt tiêu ma. Lớp trẻ bây giờ không thể suy nghĩ bằng nước lã được, đã đành...

Một bữa kia có một chàng trai dáng vẻ hùng dũng đến nói với trưởng bản và các bộ lão:

- Dũng cảm là đức tính quý nhất và khó kiếm nhất. Tôi là người có đức tính ấy!

- Cứ chứng minh xem! - Trưởng bản trả lời.

Chàng trai đi vào rừng. Đến chiều chàng vác về một con lợn lòi bị chàng bắn chết. Con lợn lòi đến hơn tạ thịt, lông cứng tua tủa như lông nhím, chết rồi mà hai con mắt đỏ lù của nó vẫn ngầu sắc máu. Chàng vút con lợn xuống sàn, mắt chàng long lanh sáng, người chàng như có hào quang. Mọi người đều khen ngợi chàng.

Trưởng bản hỏi con gái:

- Con xem, chàng trai thực là dũng cảm. Chàng ấy đã chứng minh đức tính dũng cảm của mình...

E mỉm cười, trái tim nàng rung động khi nhìn thấy đôi mắt dũng cảm của người cầu hôn. Đôi mắt ấy có ánh lửa. Nhưng vốn thông minh, E



*Đức tính quý nhất và khó
kiếm nhất là đức tính gì...*

biết, những người dũng cảm sẽ mãi mê với sự nghiệp của mình.

E trả lời:

- Đúng thế, thưa cha! Chàng trai đã chứng minh đức tính dũng cảm của mình... đức tính thật đáng quý... Nhưng thưa cha, đức tính ấy đáng quý nhưng chắc không khó kiếm vì mới từ sáng đến chiều chàng đã chứng minh được nó.

Các cô lão gật gù. Người ta đồng ý với lời E nói. Con lợn được mổ thịt. Cả bản xòe suốt đêm để mừng đức tính dũng cảm, đức tính đáng quý nhưng không khó kiếm. Nhiều người con trai chân chính ở rừng có đức tính này...

Một lần khác, có chàng trai trông thông minh, sáng sủa đến nói với trưởng bản và các cô lão:

- Khôn ngoan là đức tính đáng quý và khó kiếm! Tôi là người có đức tính ấy!

- Cứ chứng minh xem! - Các cô lão nói với chàng trai.

Chàng trai đi vào rừng. Đến chiều chàng mang về một đôi rái cá còn nguyên vẹn. Rái cá là con vật khôn ngoan nhất rừng, nó vô cùng thính nhạy, bẫy nó gần như là việc sức người không thể làm được. Chàng trai mỉm cười, mắt chàng long lanh sáng, người chàng như có hào quang. Mọi người đều khen ngợi chàng.

Trưởng bản nói với con gái:

- Con xem, chàng trai thực khôn ngoan. Chàng ấy đã chứng minh đức tính khôn ngoan của mình...

E mỉm cười, lại một lần nữa trái tim của nàng rung động. Đôi mắt người cầu hôn có ánh lửa, có giọng bảo. Nhưng, những người khôn ngoan bao giờ cũng sẽ đau khổ, thậm chí bất hạnh. Họ biết quá nhiều...

E trả lời:

- Thưa cha, chàng trai đã chứng minh được đức tính đáng quý của mình. Nhưng thưa cha, đức tính ấy đáng quý nhưng chắc cũng không khó kiếm vì mới từ sáng đến chiều, chàng đã chứng minh được nó...

Các bộ lão gật gù. Người ta làm thịt đôi rái cá. Cả bản lại xoe suốt đêm để mừng đức tính khôn ngoan, đức tính đáng quý nhưng cũng không khó kiếm. Những người con trai chân chính ở rừng đều cần có đức tính này...

Một lần khác nữa, có một chàng trai béo phì cười ngửa đến bản. Chàng béo nói:

- Giàu có là đức tính đáng quý và khó kiếm nhất. Tôi là người giàu có.

Chàng béo đổ ra sàn không biết bao nhiêu là vàng và bạc trắng. Mọi người hoa mắt. Trưởng bản và các bộ lão nín lặng. Chưa bao giờ họ thấy có người giàu có như thế.

- Giàu có là điều không phải chứng minh!... - Chàng béo nói.

Các bộ lão gật gù. Trưởng bản cũng gật gù. Chàng béo mỉm cười, mắt chàng có ánh lửa, có giọng bảo, có cả đêm tối nữa. Người chàng như có hào quang.

Trưởng bản hỏi E:

- Thế nào, con gái ta... Giàu có có phải là đức tính đáng quý và khó kiếm không con?

- Khó kiếm thì đúng, - E trả lời. - Nhưng giàu có thì không phải là đức tính. Giả dối thì đúng là một đức tính... Không thể giàu có mà không

giả dối...

Các bộ lão cười phá lên. Người ta lại xòe suốt đêm để mừng con người giàu có.

Cuối cùng có một chàng trai trong bản Hua Tát tìm đến gặp trưởng bản và các bộ lão. Đây là Hặc, chàng trai mồ côi, người thợ săn xuất sắc nhất bản. Hặc nói với mọi người:

- Trung thực là đức tính đáng quý và khó kiếm nhất!

- Cứ chứng minh xem! - Mọi người bảo chàng. Hặc trả lời:

- Trung thực không phải cái vòng bạc ở cổ đưa ra cho mọi người trông thấy, sờ tay vào nó.

Mọi người xôn xao, các bộ lão bàn tán. Trưởng bản tức giận, mặt ông đỏ bừng như lửa:

- Phải chứng minh! - Trưởng bản hét lên, ông đã nhìn thấy đôi mắt trù mền của E nhìn Hặc.

- Ai tin mày! Ai bảo mày có đức tính trung thực? - Trưởng bản lại hỏi.

- Then biết! - Hặc trả lời.

- Cả con cũng biết! - E nói nghiêm trang.

- Điên rồi! - Trưởng bản gầm lên. Ông nhìn sang các bộ lão cầu cứu. Ông biết, người già bao giờ cũng tìm ra được lối thoát đơn giản cho mọi rắc rối trên đời.

- Hãy cầu Then đi! - Một bộ lão bảo Hặc. - Trời đang hạn hán, tất cả mớ nước¹ đều đã cạn khô. Nếu con trung thực, con hãy cầu Then mưa xuống!

Trưa hôm sau, dân bản Hua Tát lập đàn cầu đảo, không khí oi nồng ngột ngạt. Hặc bước lên đàn, chàng ngược đôi mắt trang nghiêm nhìn trời. Chàng nói:

- Con sống trung thực, dầu biết trung thực bao giờ cũng chịu đau khổ thiệt thòi. Tuy nhiên, nếu lòng trung thực chuộc được tội lỗi và mang tình yêu đến được cho thế gian này, xin trời mưa xuống...

Trời cao tĩnh lặng. Bỗng nhiên từ đâu đó xa xôi có một cơn gió mơ hồ thổi về. Tất cả ngọn cây trên rừng xào xạc. Mặt đất bắt đầu xuất hiện những cơn lốc nhỏ.

1. Nguồn nước chảy từ núi

Buổi chiều, bầu trời đầy mây vẫn vù và khi đêm xuống thì mưa như trút.

Lần ấy, người ta đã xòe suốt một tuần trăng để mừng đám cưới của Hạc với con gái trưởng bản. Đây là tiệc xòe vui nhất ở bản Hua Tát. Cả bản đều say khướt. Từng cái cột nhà, thậm chí đến từng cái cây trong vườn cũng được mời uống một sừng rượu đại.

1981

Truyện thứ năm Sói trả thù

Ở Hua Tát có gia đình thợ săn họ Hoàng. Đến đời Hoàng Văn Nhân thì tiếng tăm của gia đình này đã vang dội khắp các bản mường. Nhân bắn rất giỏi, ông luôn là người cầm chịch trong các mùa săn. Ông không biết sợ là gì. Điều này giống như cha ông, ông nội ông và cụ nội ông.

Nhân có hai vợ nhưng cả hai bà đều không có con cái. Ngoài năm mươi tuổi, Nhân lấy thêm một bà vợ nữa và may mắn thay, bà ba sinh hạ cho ông được một đứa bé đẹp như tiên đồng. Ông Nhân đặt tên cho con là Hoàng Văn San.

Từ năm tuổi, San đã theo cha vào rừng. Ông Nhân quyết chí rèn cặp cho con cũng thành một chàng thợ săn lão luyện. Các bố lão trong bản khuyên ông:

- Hãy để thằng San qua tuổi mười ba là tuổi ma bắt. Hãy biết sợ rừng, cho nó vào rừng sớm quá là không tốt đâu!

Ông Nhân trả lời:

- Năm tuổi cha tôi cũng đã cho tôi vào rừng rồi đấy!

Các bố lão bảo:

- Thời xưa khác, thời nay khác. Cha ông có bốn người con, còn ông lại chỉ có một...

Ông Nhân cười khẩy. Bọn trẻ chúng ta cũng hay cười khẩy với những người già như thế. Ta không biết rằng lời nói của những người già đôi khi giống như những lời tiên tri. Người già biết sợ, có điều sợ không phải là điều đáng thích thú gì...

San lớn dần lên, tám tuổi thì nó đã bắt được cả gà lôi, mười tuổi thì

nó đã bắn được mười phát trúng bầy. Ông Nhân thấy rằng cũng đã đến lúc phải cho con mình đi săn thú dữ. Năm mười hai tuổi, ông Nhân cho con đi săn chó sói.

Lần ấy, phường săn đi theo ông Nhân để có hơn ba chục người. Chó sói là loài thú khôn ngoan và cũng không kém kiêu hãnh ở rừng. Nó ác độc và mưu mẹo. Khi bị phường săn tấn công, nó tản ra và chịu hy sinh một số con mồi để cứu những con chủ yếu nhất đàn. Ông Nhân là người có kinh nghiệm, ông để một số thợ săn đuổi theo những con sói mồi, còn ông và những người khác không chịu buông tha những con chủ yếu. Ông không mắc mưu con sói đầu đàn. Đó là một con sói cái đã già, lông hung hung đỏ. Khi chạy, nó nằm rạp xuống mặt đất và phóng theo một đường chữ chi ngoằn ngoèo. Ông Nhân quyết chí bám riết, dẫn nó đến tận hang cùng.

San theo sát bố. Nó đã quen với tiếng rú rít của lũ sói. Ông Nhân dạy con biết cách phân biệt các tín hiệu của loài sói, đâu là tiếng lệnh, tiếng gọi, tiếng kêu sợ hãi, thậm chí đến cách vẫy đuôi cũng có những dấu hiệu riêng. Cho đến cuối ngày, đàn sói đã bị phường săn tiêu diệt gần hết.

Phường săn dẫn con sói cái đầu đàn vào hang của nó, cái hang sâu, ở đó có những cột nhũ đá rêu bám xanh rì. Con chó sói đã già, từng rúm lông lưng đã chuyển sang lốm đốm bạc. Bị dẫn vào hang, nó chống cự ác liệt, mắt nó đỏ ngầu. Không hiểu lúc đó nó đã nghĩ gì. Một thoáng, nó nhìn chăm chú ông Nhân như để nhận dạng rồi nó lao vào góc sâu nhất nơi có đàn con đang chụm vào nhau. Nó cố ngoạm được một con sói con thì phát súng nổ. Ông Nhân đã lia cả vào lưng con sói một chùm đạn ghém. Con sói đầu đàn đề lên con sói bé xiu mà nó cắn răng vào giữa đỉnh đầu. Phường săn ào vào, lôi xác con sói đầu đàn và bắt những con sói con. Thăng San gỡ con sói con trong miệng của con sói mẹ mang về. Đây là con sói con đẹp nhất trong đàn sói nhỏ.

Con chó sói con lớn lên giữa lũ chó nhà. Nó có vết răng cắn ở đỉnh đầu, nơi đó thành sẹo lông không mọc được. Con chó sói con được nuôi trong nhà ông Nhân. Nó quen với người, tính nết gần giống chó nhà, chỉ có con mắt và điệu bộ là khác. Mắt nó dữ dằn, điệu bộ của nó lăm lết. Ông Nhân và cả thăng San đều cùng không thích con sói con này. Tuy nhiên, con sói không hề bao giờ làm trái ý người, vật trong nhà. Nó tránh mọi sự va chạm, tính nết của nó ôn hòa rất đối lạ lùng. Nó không tranh ăn với những con chó khác, không gây sự với ngựa, dê hoặc lợn.



Thời xưa khác, thời nay khác...

gà. Nó sống lắm lùi và rất biết điều. Hình như nó biết mọi người trong nhà đều không thích nó.

Thời gian trôi qua, thấm thoát thằng San đến tuổi mười ba. Ông Nhân định ngày cúng ma cho con. Ông bảo người nhà giết hai con lợn, nhân thể giết luôn con chó sói để thịt bà con trong bản.

Hôm ấy, khi người nhà chuẩn bị động dao giết lợn thì xảy ra một việc kinh người. Thằng San ngồi cạnh bố, nó mặc bộ quần áo lạnh đẹp nhất. Nó đã ra dáng vẻ một ông chủ. Ông Nhân bảo con đi xem công việc người làm. Thằng San gật đầu, nó nhảy ba bước xuống cái cầu thang bằng gỗ vàng kiềng, không may cái ống quần lạnh vướng vào then ngang của cái cầu thang. Nó ngã xuống đất ngay nơi xích con chó sói. Con sói đang nằm lim dim thì bỗng giật mình chồm dậy. Thằng San đập đầu xuống một hòn đá cạnh con chó sói, miệng vấp vào cái dây sắt buộc vào cổ nó. Máu trào ra từ miệng thằng San. Vết máu đỏ từ miệng thằng

San thức tỉnh từ trong tiềm thức mơ hồ của con dã thú một điều gì đấy. Nó chồm lên nhe hàm răng nhọn và trắng nhớn tóe vào giữa cổ thẳng San nơi có những vết lang ben mờ mờ. Người nhà ông Nhân hốt hoảng chạy lại. Con chó sói như điên dại không buông tha thẳng bé. Nó cắn, cào, nhay, nhá, nó rút từ cổ thẳng San ra từng mảnh thịt, từng sợi gân và dây chằng bê bết máu. Thằng San chết ngay, mắt trợn ngược. Cổ nó hõm vào một khoảng đồ lồi, từ đấy máu phun ra phì phì, sủi cả bong bóng. Máu phun đầy mặt con sói, nhuộm đỏ cả cái đầu lông lá bù xù.

Người ta vất vả lắm mới kéo được con sói ra. Ông Nhân cầm rìu tiến về con sói nước mắt rùng rùng. Người ta đặt ra hai bên nhường chỗ cho ông. Ông Nhân run bắn cả người. Con sói rúm lại, xích quẩn vào dưới cầu thang. Dừng lại một lát, bỗng nhiên ông Nhân vung rìu lên và cứ liên hồi chém vào sợi dây xích sắt. Lưỡi rìu quẩn lại, các sợi xích đứt tung. Con sói tru lên một tiếng rồi phóng chạy về phía rừng, trên cổ vẫn còn lòng thông một đoạn dây ngắn. Đám người đứng quanh ông Nhân sững sờ. Ông Nhân buông rìu quý xuống xác đứa con duy nhất, những ngón tay gầy trơ cả khớp xương cày trên mặt đất bê bết máu.

1982

Truyện thứ sáu

Đất quên

Lò Văn Pành là ông già nổi tiếng ở bản Hua Tát. Hơn tám mươi tuổi, hàm răng của ông vẫn còn đều tăm tắp như răng chàng trai mười bảy tuổi. Cối đá giã gạo, ông dùng một tay cử lên như bốn. Ông làm bằng ba người khác. Uống rượu cũng vậy, sức ông có thể chấp nổi muôn người. Tráng đinh trong bản Hua Tát nhìn ông kiêng nể.

Ông Pành có ba vợ, tám đứa con và khoảng ba chục đứa cháu. Họ sống hòa thuận và khá sung túc. Gia đình cũng giống như những lò than, các cục than có sức tỏa ấm cho nhau nhưng rồi sau đó lại thiêu đốt nhau. Gia đình nào mà chẳng thế?

Sẽ không có chuyện gì xảy ra nếu như ông Pành chỉ sống quanh quẩn ở trong thung lũng Hua Tát. Nhưng dùng một cái, ông bỗng nảy sinh ý định đi về Mường Lùm mua trâu. Thực ra nếu chỉ mua trâu chẳng phải vất vả nhiều đến thế, chỉ cần đi sang bản Chi, bản Mạt, ông Pành có thể



Lê Thiết Cương

Em có bằng lòng ta không...

mua được những con trâu cày hạng nhất. Nhưng Mường Lưm là nơi thời trẻ ông Pành ở đó. Ký ức xa xưa sống dậy trong ông.

Mường Lưm là vùng đất xa xôi hẻo lánh tận cuối Châu Yên. Tiếng Thái Mường Lưm nghĩa là đất quên. Ở đây có những khu rừng nguyên sinh từ thời thượng cổ, cây cối bạt ngàn, chim thú nhiều vô kể.

Hôm ấy, ông Pành cười ngựa đến gần Mường Lưm thì trời đã tối. Một cơn mưa đá dữ dội ập đến.

Ông Pành nhìn quanh xem có chỗ nào trú được hay không nhưng chỉ thấy mênh mông rất đổi cỏ gianh lá sắc như dao. Đá ở trên cao ào ào trút xuống. Con ngựa sợ hãi không chịu đi nữa, miệng nó hý vang,

móng cào xuống đất.

Ông Pành nhảy vội xuống ngựa, miệng chửi rủa, ông chưa bao giờ thấy trận mưa nào dữ dội đến thế. Gió to quá, những giọt mưa đá quất vào người ông đau điếng. Đem dần ập xuống, sấm sét rền vang làm đất rung chuyển, con ngựa dút dút dây cương chạy vụt xuống đồi. Ông Pành định đuổi theo thì bỗng nhiên thấy có bóng đen nhỏ chạy về phía mình. Ông định thần lại. Đây là một cô gái đi làm nương về, gặp mưa bất thần, nàng sợ hãi vừa chạy vừa ngã, luôn miệng kêu trời. Gặp ông Pành, nàng kiệt sức ngã quỵ vào vòng tay ông.

Mưa như trút, những cục đá văng như đạn ghém. Ông Pành đứng lom khom che chỗ cho cô gái, cô gái úp mặt vào hai bàn tay, toàn thân run rẩy. Cô tựa vào bộ ngực trần vạm vỡ của ông tin cậy. Ông Pành an ủi:

- Đừng sợ... đừng sợ... Cơn giận của Thần sẽ qua đi thôi...

Họ đứng như thế giữa đồi cỏ gianh, xung quanh mưa đá sấm rền. Ông Pành ngợp trong cảm giác diệu huyền. Cả cuộc đời từng trải của ông, ông chưa bao giờ có cảm giác ấy. Ông biết đây chính là điều ông vẫn hằng khao khát mong tìm. Hơn cả tình yêu, hơn cả những người phụ nữ mà ông đã gặp, cảm giác này như là hạnh phúc.

Khi trời mưa tạnh thì trên cao bắt đầu le lói một thứ ánh hồng mờ ảo. Cô gái ngượng ngập rút tay ra khỏi bàn tay ông Pành. Ông chưa bao giờ thấy ai lại đẹp như vậy. Nàng vùng chạy. Ông luống cuống đuổi theo, vấp ngã nhưng rồi cuối cùng ông nắm được bàn tay nàng.

- Em tên là gì? - Ông hỏi. - Ngày mai ta đến cầu hôn... Em có bằng lòng ta không?

Cô gái bối rối, mãi sau nàng mới đáp ứng:

- Em là Muôn... ở bản Mường Lưm...

Nàng đẩy ông ra rồi chạy xuống đồi, đôi bắp chân trần trắng nõn nà. Ông Pành ngồi thụp xuống đất, mồ hôi vã ra, bủn rủn. Một niềm sung sướng tràn ngập lòng ông. Ông nằm vật ra giữa đám cỏ gianh ướt sũng, mặc cho những con kiến đen to tướng bò lung tung trên tấm ngực trần. Ông thiếp đi cho đến lúc con ngựa tinh khôn tìm thấy ông, lấy cái miệng nóng hổi nhảy nhay vào cái tai to, có những chùm lông đen loăn xoăn của ông để lôi dậy.

Trưa hôm sau, ông Pành dắt ngựa vào bản tìm đến nhà Muôn. Ông quỳ xuống, chổng cả đồng bạc hoa xòe dự định mua trâu cho ông bố

Muôn. Biết lời cầu xin của khách, bố Muôn cười vang, ông gọi vợ con và dân bản đến. Mọi người cười cọt bàn tán. Ông Pành vẫn cứ trơ trơ giữa lời nhạo báng sắc tựa dao chích. Muôn nấp sau khe cửa nhìn ra. Nàng thấy hay hay và thấy câu chuyện còn có vẻ buồn cười nữa. Quả thật, nàng đã quên khuấy đi cơn mưa đá đêm qua, những giọt nước mắt và cuộc gặp gỡ trên đồi.

Một mực khăng khăng, ông Pành nhắc đi nhắc lại những lời cầu hôn. Thực quá đáng, mọi người không thể còn cười được nữa. Cuối cùng, bố Muôn đành phải đặt ra điều kiện:

- Thôi được, ông muốn làm rể tôi thì ông ở đây làm sao hạ được cây gỗ lim to nhất ở đỉnh Phu Luông mang về. Cây gỗ ấy sau này sẽ là căn nhà của ông và con Muôn đấy...

Mọi người lại cười phá lên. Không ai ở đây không biết cây gỗ lim ấy, vòng gốc của cây gỗ lim tám người đứng ôm không xuể. Nó mọc trên đỉnh núi đá vôi cao đến nỗi đứng ở trên ấy nhìn xuống thì bản Mường Lũm chỉ bé như mái nhà sàn.

- Được! Xin ông hãy giữ lấy lời! - Ông Pành trả lời như dao chém đá.

Người ta đồn rằng hôm sau ông Pành leo lên đỉnh núi, bập được nhát rìu đầu tiên vào gốc cây lim thì ông kiệt sức. Ông chết vì bị vỡ tim.

Đám tang ông Pành, Muôn không đi đưa. Hôm ấy, nàng bận đi chợ Yên Châu xem đám chơi gà. Chiều về nàng cũng gặp mưa, nhưng mà lần này trời không mưa đá.

1982

Truyện thứ bảy

Chiếc tù và bị bỏ quên

Trên gác xếp nhà trưởng bản Hà Văn Nó có chiếc tù và không biết đã từ đời nào sót lại. Chiếc tù và này bằng sừng trâu, khảm bạc, rạn nứt, mạng nhện chằng đầy, tò vò làm tổ ở trong. Không ai chú ý đến nó. Nó nằm đấy, lẩn lóc, vất vưởng.

Năm ấy, bỗng dưng trong rừng Hua Tát xuất hiện một loại sâu đen kỳ lạ. Chúng bé như những cái tăm, bám đầy chi chít trên những cành



Tính mạng của ông như treo sợi tóc...

lá. Đi vào rừng hay đi lên nương, cứ nghe tiếng sâu bọ mình lách tách, tiếng rào rào nghiêng lá của chúng mà rợn cả người. Không có thứ lá cây nào mà loài sâu ấy lại không ăn được. Từ lá lúa, lá tre, cả lá của những cây song, cây mây đầy gai cũng bị chúng nhai ngấu nghiến.

Trưởng bản Hà Văn Nó gầy rộc. Ông cùng với dân bản tìm đủ mọi cách để diệt loài thần trùng ấy. Họ rung cây, đốt lửa, hun khói, dội nước nóng và nước lá ngón. Tất cả mọi cách thử đều vô hiệu. Loài sâu sinh nở nhanh chóng lạ lùng.

Bản Hua Tát tiêu điều như có dịch hạch. Người ta đã bàn tới chuyện dời bản Hua Tát về nơi ở khác. Các bộ lão họp bàn. Mọi người sợ hãi đi mời thầy mo về cúng.

Trưởng bản Hà Văn Nó sai người giết trâu, giết lợn để xin trời đất quý thần phù hộ. Thầy mo bảo:

- Cái xương ông tổ họ Hà đang rửa, biến thành sâu bọ, phải lôi cái xương ra ánh mặt trời mà rửa mới hết được sâu.

Trưởng bản giật mình. Họ Hà ở đây có tục thiêu người khi chết. Sau khi thiêu xong, xương cốt được cho vào cái tiểu sành mang đi cất giấu. Ở trong dòng họ chỉ có một người đàn ông duy nhất biết được nơi cất giấu này. Trước khi chết, người ấy chọn ra một người trong họ để kế tục mình. Có lời nguyện rằng nếu thù ghét nhau, kẻ địch chỉ cần tìm được xương ấy mang tán trộn vào thuốc súng bắn đi là cả dòng họ tuyệt diệt. Họ Hà không ít kẻ thù. Bây giờ nếu mang ra rửa, làm lộ nơi giấu, khác nào tạo cho kẻ thù cơ hội tốt.

Trưởng bản nghĩ ngợi. Ông biết kẻ thù đang rình rập ông từng bước, nhưng chẳng lẽ cứ để nạn sâu phá hoại quê hương?

Một đêm cuối tháng, trưởng bản thức dậy rồi gọi con trai là Hà Văn Mao theo mình. Mao mười tám tuổi, tuấn tú, thông minh, trí lực hơn người.

Hai cha con trưởng bản bí mật ra đi. Nơi cất giấu hài cốt họ Hà ở một hang sâu tít trên đỉnh núi. Ngoài cửa hang, một cây si già buông rễ phủ kín. Rạch qua lớp rễ ken dày mới chui được vào trong đó. Vất vả lắm, khi ánh mặt trời le lói thì hai cha con trưởng bản mới đưa được cái tiểu sành ra được cửa hang.

Trưởng bản mở nắp tiểu sành, bày xương ra đất, dùng rượu rửa. Xương cốt còn nguyên không hề mủn nát như lời thầy mo nói. Ở giữa đám xương có một sợi dây bằng bạc cực kỳ tinh xảo. Mao hỏi cha:

- Dây này để làm gì vậy?

- Không biết! - Trưởng bản nghĩ ngợi. - Có thể nó dùng để buộc hay đeo vũ khí gì chăng?

- Con thích nó! - Mao bảo cha và chàng giắt sợi dây bạc vào người.

Hai cha con trưởng bản rời hang, cất đường xuống núi. Họ đến chỗ ngoặt cách hang không xa thì thấy một toán người lạ nằm phục. Trưởng bản nhận ra kẻ thù. Ông sai con chạy về bản gọi người ứng cứu, còn ông ở lại chặn đường.

Trưởng bản lập kế. Ông tìm cách nhử kẻ thù ra xa hang sâu bí mật. Trong thế không cân bằng này, tính mạng của ông như treo sợi tóc.

Mao về bản. Chàng lập tức gọi ngay những tay súng cừ khôi nhất bản lên rừng để cứu cha mình. Tiếng súng thưa thớt trên rừng khiến lòng chàng như lửa đốt.

Đến trưa, họ mới tìm thấy trưởng bản. Ông bị trói dưới gốc cây xa cái hang bí mật đến chục dặm đường. Khẩu súng hết đạn vút dưới chân ông. Kẻ thù đã cất lười ông vì ông không chịu khai nơi dòng họ cất giấu hài cốt.

Mao đưa cha mình về bản. Trưởng bản không chết, nhưng từ bữa ấy ông thành người câm, không còn nói được.

Nạn sâu phá hoại vẫn cứ lan tràn càng ngày càng tệ hại. Mao nổi giận, chàng sai cất lười thấy mo rửa hận cho cha, rồi chàng ra lệnh chuẩn bị dời bản đi sang đất khác.

Hôm dọn đồ đạc, Mao thấy cái tù và ở trên gác xép. Trên tù và có một lỗ nhỏ buộc dây. Chàng sức nhớ ra sợi dây bằng bạc lấy trong đám xương cụt. Chàng bèn lấy sợi dây đeo vào tù và. Chiếc tù và cũ bỗng dung trông đẹp hẳn lên. Mao cầm tù và rúc thử một hồi. Thật kỳ lạ! Khi tiếng tù và vừa mới cất, những con sâu đen trên cây tự dung quần quai rồi rơi xuống đất.

Mao ngạc nhiên, chàng cầm tù và rúc thử vài lần. Những con sâu đen rụng xuống như mưa. Chàng sung sướng, vội vã sai ngay mọi người dừng việc dọn nhà.

Cả bản reo hò theo Mao lên rừng. Sáng ngày hôm ấy, chiếc tù và không ngớt rúc lên âm thanh kỳ lạ của nó. Sâu đen rơi xuống rào rào, người ta chỉ cần vun lại giết đi. Nạn sâu phá hoại chỉ trong một ngày đã bị diệt sạch.

Diệt xong nạn sâu, dân bản Hua Tát mở hội ăn mừng. Chiếc tù và cũ được đặt trang trọng ở trên ngai thờ.

Từ đấy, ở bản Hua Tát, sáng sáng lại có một hồi tù và vang dội cất lên. Tiếng tù và cổ xưa nhắc nhở mọi người nhớ đến tổ tiên, báo hiệu cuộc sống bình yên không có sâu hại.

Chiếc tù và lúc nào cũng đeo bên mình ông già cầm Hà Văn Nó. Chiếc tù và ấy trông cũng bình thường, chẳng khác mấy tí những chiếc tù và thường gặp. Thậm chí nó còn như xấu xí, tiếng kêu cũng chẳng to hơn.

1984

Truyện thứ tám

Sạ

Kẻ điên rồ nhất ở bản Hua Tát là Sạ. Sạ là con út ông Pành, người từng lập nên cả một gia đình đông đúc có tám người con và gần ba chục đứa cháu; ông già nổi tiếng khắp các bản mường.

Từ nhỏ, Sạ đã nghịch ngợm và thích phiêu lưu. Suốt đời chàng mơ làm nên sự tích phi thường. Bỏ qua hết thầy những lời khuyên nhủ, chàng chỉ khẳng khái một mực làm theo ý thích của mình. Uống rượu ư? Ai có thể uống luôn một lúc hai mươi sừng rượu, hãy độ với chàng! Săn hoẵng ư? Ai có thể đuổi theo con hoẵng hơn ba ngày trời để cho con hoẵng đến nỗi phải nằm vật ra đứt ruột, hãy độ với chàng! Ai có thể tung còn được nhanh và khéo hơn chàng? Ai có thể làm cho chiếc khèn bật ra âm thanh quyến rũ hơn chàng? Và nữa, ai có thể chinh phục trái tim phụ nữ tài giỏi hơn chàng?

Có lần bản Hua Tát vất vả một ngày mới bắt hết số cá thả ở dưới hồ lên thuyền. Chỉ còn chờ lúc chia cá thì Sạ lập úp thuyền xuống nước. Mặc kệ những lời kêu la chửi rủa, Sạ cười sằng sặc, chàng nhảy xổ vào đám cá trắng bạc đang quẫy tứ tung chàng vừa phóng thích.

Sạ điên rồ đến nỗi chỉ vì một lời thách đố là chàng nhảy ngay vào lửa. Đối với chàng, lời khen của đứa bé con hoặc một phụ nữ còn quý hơn cả lượng vàng. Thế nhưng - điều này cũng quái ác như mọi thói đời, dân bản Hua Tát chẳng ai đi khen chàng cả. Người ta không gọi tên chàng. "Thằng Điên"... "Thằng Rồ"... "Kẻ Khùng"... đấy là tên gọi của chàng. Chàng như một con thú lạ sống giữa mọi người. Sạ sống như thế bứt rứt

đau khổ. Chàng ngờ vực trí tuệ, khả năng mình. Ở trong đám hội, chàng vui đấy, nhưng chỉ lúc sau chàng lại lặng im như hóa đá. Chàng ngồi suốt ngày, suốt tháng, chế tạo ra thứ đồ chơi hay thứ vũ khí gì đấy, nhưng khi làm xong chàng lại vứt đi. Không ai dám đặt lòng tin hay dám giao phó việc gì cho con người đầy bất trắc đó. Nỗi cô đơn khủng khiếp giày xé tim chàng. Niềm ham sống và những khát vọng mãnh liệt bứt chàng ra khỏi mọi nếp thường. Năm ba mươi tuổi, nghe theo lời rủ rê của một



gã buôn muối ở dưới xuôi lên, Sạ bỏ Hua Tát ra đi cũng với ý muốn lập nên sự tích phi thường ở vùng đất khác.

Sạ đi rồi, cuộc sống ở bản Hua Tát như buồn tẻ hơn. Các vụ đánh lộn không còn ác liệt như trước. Phụ nữ cũng ít ngoại tình. Không còn có những tiệc xòe thâu đêm suốt sáng. Nụ cười ít hơn. Thậm chí đến cả chim chóc bay qua bầu trời Hua Tát vỗ cánh cũng như uể oải. Người ta



Thế rồi năm tháng qua đi...

trở nên cau có, công việc đè lên vai họ nặng nề hơn trước. Cho đến lúc ấy, người ta mới thấy nhớ Sạ, mới thấy Sạ đi là điều đáng tiếc.

Tin tức về Sạ thỉnh thoảng do gã buôn muối mang đến làm cho mọi người kinh ngạc. Nghe nói, chàng đang tham gia giúp việc Cần vương ở mãi dưới xuôi. Một dạo, nghe nói chàng đang đi sứ ở một nước nào xa xôi ghê lắm. Lại có một dạo, nghe nói chàng bị đi đày vì đã tham gia âm mưu phản lại triều đình.

Phụ nữ bắt đầu lấy Sạ ra để làm gương dạy dỗ chồng mình. Người bản Hua Tát nhắc đến tên Sạ để mà so sánh việc nọ việc kia với người bản khác. Thậm chí, người ta còn dẫn những việc hồi xưa ở bản Sạ chẳng hề làm. Tên tuổi của chàng thành niềm tự hào của họ.

Thế rồi năm tháng qua đi. Người ta nghĩ Sạ chắc đã gửi xác ở nơi đất khách quê người, thì một ngày kia Sạ bỗng trở về.

Không còn chàng Sạ trẻ trung và vui nhộn nữa. Đây là ông lão lụ khụ trông hết người rừng, một chân cụt, đôi mắt già nua bắt đầu có nước đọng trong đồng tử.

Được hỏi chuyện, Sạ trả lời dè dặt về quãng đời oanh liệt ông từng trải qua. Những lời đồn đại do gã buôn muối kể lại phần nào có thật.

Người bản Hua Tát dựng lên cho Sạ một mái nhà sàn. Ông sống bình thường như mọi người khác. Có ai nhắc lại chuyện cũ thì ông lảng tránh.

Sạ lấy vợ. Hai vợ chồng già sinh được một đứa con trai. Sống được đến bảy mươi tuổi thì ông mới mất. Trước khi mất, nghe đồn ông nói lại rằng:

- Quãng đời bình thường cuối cùng ta sống ở bản Hua Tát như mọi người đời, mới thực chính là sự tích phi thường mà ta lập được!

Có thể thế chăng? Không thấy người dân Hua Tát bàn tán gì về câu nói ấy. Nhưng đám tang Sạ, người ta cử hành trang trọng hết như đám tang một vị vương hầu.

Truyện thứ chín

Nạn dịch

Ở Hua Tát có cặp vợ chồng Lù, Hénh. Họ thân nhau từ nhỏ. Lớn lên, hai người yêu nhau, lấy nhau, sinh con đẻ cái. Họ thuộc từng cử chỉ, tính nết, đến cả ý nghĩ của nhau. Chẳng bao giờ hai người xa nhau. Đến kỳ Hua Tát có nạn dịch tả, hai người gắn bó với nhau kể đến năm chục năm trời.

Dịch tả ở Mường La, Mai Sơn tràn đến Hua Tát vào một ngày thời tiết kỳ lạ: vừa nắng chang chang, vừa mưa như trút. Hơi nước ở trên mặt đất hầm hập bốc lên nghi ngút gai lạnh cả người. Trẻ con chết trước rồi đến người già. Người nghèo chết trước rồi đến người giàu. Người tốt bụng chết trước rồi đến lượt những tên đê tiện. Trong nửa tuần trăng, ở bản Hua Tát ba chục người chết. Người ta đào vôi đào vàng những hố chôn người, rồi rắc vôi bột lên trên. Đến đêm thần Chết mở tiệc xòe dưới vầng trăng đỏ quạch.

Người Hua Tát chống trả dịch tả bằng rượu mạnh, gừng già nhỏ trộn tỏi và ớt. Người ta đổ ộc vào miệng những đứa bé con đang bú sữa mẹ hàng bát những thứ nước ấy. Chúng khóc thét lên vì gan ruột cào xé. Có hề gì, chẳng nào thì sống ở đời gan ruột chẳng phải cào xé nhiều lần.

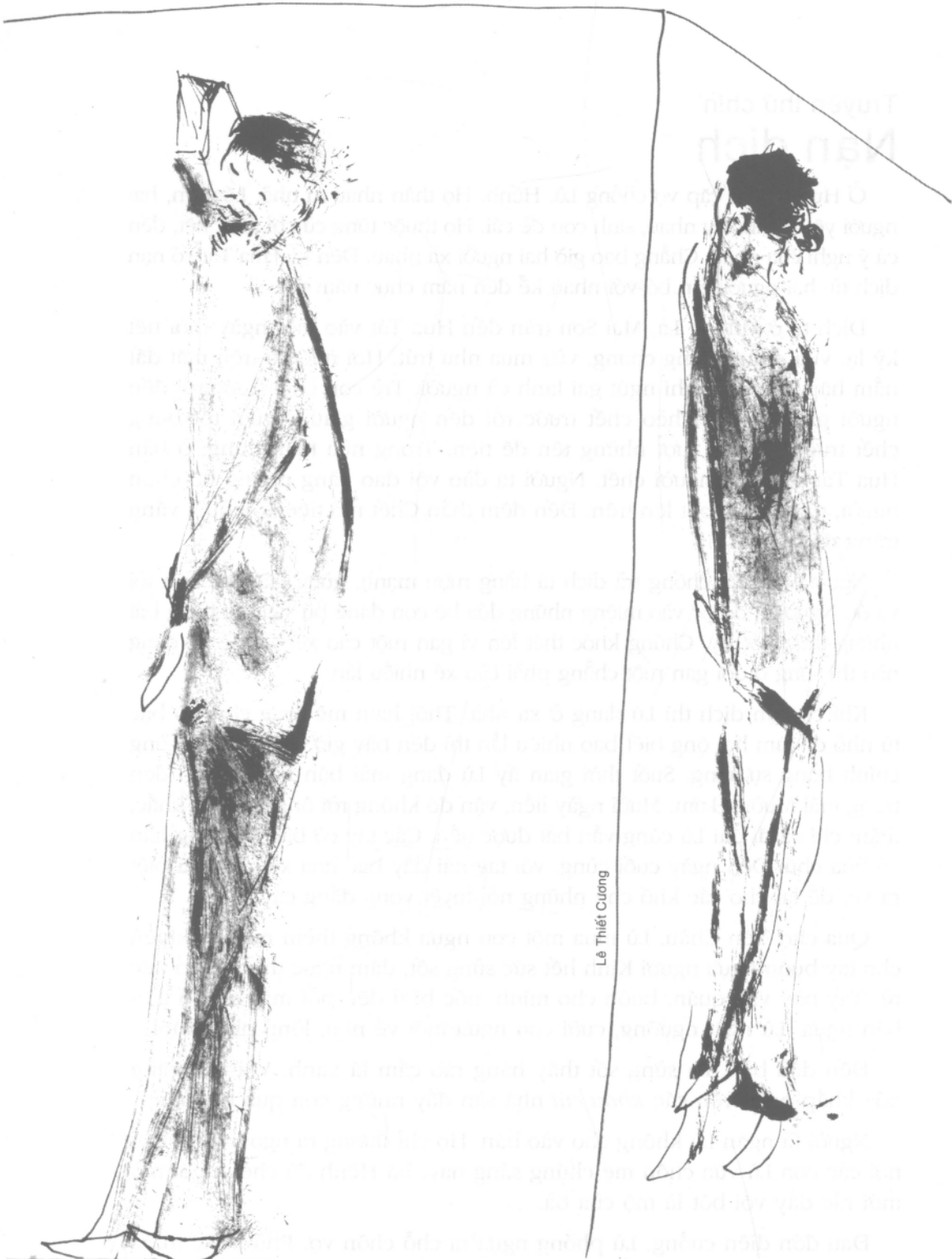
Khi có nạn dịch thì Lù đang ở xa nhà. Thói ham mê rong chơi cờ bạc từ nhỏ đã làm hại ông biết bao nhiêu lần thì đến bây giờ đền đáp cho ông chính bằng sự sống. Suốt thời gian ấy Lù đang mãi bận vào hội đồ đen trong mải Mường Lùm. Mười ngày liền, vận đỏ không rời ông lấy một khắc, thậm chí cả đi đái Lù cũng vẫn bắt được tiền. Các tay cờ bạc ngỡ ông hẳn có bùa chú. Đến ngày cuối cùng, với tay nải đầy bạc hoa xòe, Lù già biệt ra về, để lại cho các khổ chủ những nỗi tuyệt vọng đáng cay.

Qua chợ Yên Châu, Lù mua một con ngựa không thèm mặc cả khiến cho tay buôn ngựa người Kinh hết sức sửng sốt, đâm ngực thùm thụp tiếc rẻ. Tay này vào quán, buồn cho mình, nốc bí tí đến nỗi mất hết số tiền bán ngựa. Lù ngật ngưỡng, cười con ngựa mới về nhà, lòng phơi phơi.

Đến đầu bản, Lù sửng sốt thấy hàng rào cấm lá xanh. Vôi bột trắng xóa khắp nơi. Trên các *khau ciút* nhà sàn đầy những con quạ béo núc.

Người ta ngăn Lù không cho vào bản. Họ chỉ đường ra ngoài rừng ma, nơi các con Lù vừa chôn mẹ chúng sáng nay. Bà Hénh đã chết, ngôi mộ mới rắc đầy vôi bột là mộ của bà.

Đau đớn điên cuồng, Lù phóng ngựa ra chỗ chôn vợ. Phủ phục trước



Lê Thiết Cương

Hai người chôn cùng một huyệt...

mộ, Lù kêu gào nước nở.

- Hénh ơi... - Lù khóc. - Tôi sống ra sao bây giờ khi không có bà? Đi làm nương về lấy ai đun nước cho tôi rửa mặt? Săn được con hoẵng, ai làm món lạp cho tôi... Lấy ai chia sẻ niềm vui, nỗi buồn?

Lù khóc lâu lắm. Ký ức sống dậy khiến ông đau đớn. Ông thấy thương vợ vô cùng. Ông nhận ra mình bạc bẽo, vô tình, thấy vợ cao thượng, chịu đựng. Càng nghĩ ông càng ân hận, thương cảm. Từ những miếng ăn Hénh cũng nhường nhịn, những miếng vải đẹp Hénh cũng dành dụm... Tất cả vì ông, vì con, Hénh sống với ông như một người chị, người mẹ, một người đầy tớ. Còn ông hơn năm mươi năm, ông đã làm gì cho Hénh?

Gục đầu trước mộ, Lù bỗng nghe thấy có tiếng rên rỉ dưới đất vọng lên. Tiếng rên của Hénh! Ông đã quen thuộc với từng hơi thở của vợ nên nhận ra ngay. Gạt sang một bên những nỗi kinh hoàng, Lù cuống cuống vội vã bới đất, lòng thầm hy vọng có sự nhầm lẫn nào chăng?

Càng đào sâu, tiếng rên càng rõ. Lù điên cuồng vui sướng. Tay ông tóc máu mà không cảm thấy đau. Cuối cùng, ông bật được nắp quan tài, thấy Hénh còn đang thoi thóp.

Lôi vợ ra khỏi quan tài. Lù vội vã đặt lên yên ngựa, ôm túi bạc phóng sang bản Chi để tìm thấy thuốc. Người ta ngăn ông không cho vào bản. Lù đổ một nửa số bạc cho người gác để thuyết phục họ. Cuối cùng, người ta cũng cho hai người vào bản, có điều phải để lại hai phần ba túi bạc.

Vào trong bản, Lù tìm đến nhà thầy thuốc. Chồng cả số bạc hoa xòe còn lại, Lù xin thầy thuốc hết lòng cứu Hénh.

Lù không lường được tai họa của việc ông làm. Ông bị lây bệnh. Cả hai người chết ngay đêm hôm ấy. Thầy thuốc đã lấy số bạc của ông tổ chức đám ma cho cả hai người.

Hai người chôn cùng một huyệt. Khi lấp đất, người ta rắc vôi bột và ném xuống một vốc bạc trắng hoa xòe và một bộ bài Tây.

Dưới ba thước đất, chắc hẳn linh hồn Lù sẽ ngậm cười. Nạn dịch ở bản Hua Tát sau đó ít lâu thì hết. Nỗi kinh hoàng về nạn dịch ấy đến mấy thế hệ sau mới được xóa nhòa. Ngôi mộ chôn Lù và Hénh, bây giờ là một đụn đất khá cao, trên mọc đầy những cây song, cây mây gai góc, những người già ở bản Hua Tát đặt tên nó là mộ tình chung thủy, còn bọn trẻ con gọi là mộ hai người chết dịch.

Truyện thứ mười

Nàng Sinh

Sinh là một thiếu nữ mồ côi ở bản Hua Tát. Nghe nói ngày xưa mẹ nàng bị ma chà, để nàng trong rừng. Nàng gầy gò, bé nhỏ, trông rất đáng thương. Nàng không bao giờ được ăn miếng ngon, mặc váy áo đẹp. Thân phận *côn buôn*¹, nàng sống thui thủi như con chim cút.

Ở Hua Tát, trên đường đi vào rừng ma, có cái miếu nhỏ. Miếu này thờ chàng Khó, người từng giết con hổ dữ ngày nào. Trong miếu có hòn đá nhỏ bằng nắm tay người, để trên bệ gạch. Hòn đá nhẵn thín như bào, sâu trong lớp đá có những vân đỏ li ti như mạch máu người. Ai muốn cầu xin thì sờ tay vào hòn đá, ghé sát miệng vào kể lể với nó. Hòn đá nằm trên bệ thờ từ bao đời rồi, chứng kiến rất nhiều cuộc đời, rất nhiều số phận. Hòn đá trở thành một thứ ngẫu vật thiêng liêng, ban đêm có người trông thấy hòn đá tỏa sáng như một cục lửa. Những nỗi đau khổ, những lời cầu xin tích tụ trong hòn đá nhỏ.

Một bận, có một người khách lạ từ dưới xuôi lên, ông ta cao lớn, cười trên một con ngựa ô khỏe mạnh. Ông rẽ vào nhà trưởng bản, thăm các bộ lão, la cà khắp nơi đây đó, ông hiểu rất rõ phong tục ở bản. Dân bản Hua Tát đoán ông là người buôn cao hổ cốt hoặc lông thú hiếm. Ông rất nhiều tiền, cư xử hào hiệp và sang trọng lắm.

Một bữa, ông khách qua miếu chàng Khó, trông thấy hòn đá định cầm lên xem. Nhưng thật lạ lùng, ông không làm sao nhấc được hòn đá lên khỏi bệ thờ. Ngạc nhiên, ông về gọi dân bản đến xem. Người ta xúm xít xung quanh miếu nhỏ. Ông khách thử cho từng người lần lượt vào miếu để nhấc hòn đá lên tay, nhưng đều bất lực. Hòn đá nặng đến kinh người.

- Chắc có chuyện gì uẩn khúc? - Ông khách căn vặn mọi người. - Trong bản liệu còn có ai chưa đến miếu này nhấc thử?

Người ta soát lại thấy thiếu Sinh. Người ta quên bằng mất nàng.

Ông khách bảo với mọi người đi tìm Sinh đến. Nàng đang đi đào củ mài mãi trong nguồn nước.

Sinh đến miếu thờ. Mọi người rẽ lối cho nàng. Ông khách bảo nàng nhấc thử hòn đá. Như có phép lạ, Sinh nhấc hòn đá lên tay dễ dàng như bỡn. Mọi người ngạc nhiên, tất cả reo hò sung sướng.

1. *Đang cấp thấp nhất.*

Sinh cầm hòn đá đưa cho ông khách. ánh sáng mặt trời chiếu vào đôi bàn tay nàng, đôi tay chai sạn, ngón không ra ngón. Sinh bóp khẽ vào cái ngầu vật thiêng liêng. Hòn đá bỗng tan thành nước trước mắt mọi người. Những giọt nước ấy trong như nước mắt, chảy qua kẽ tay nàng rơi xuống mặt đất, in hình trên đó như những ngôi sao.

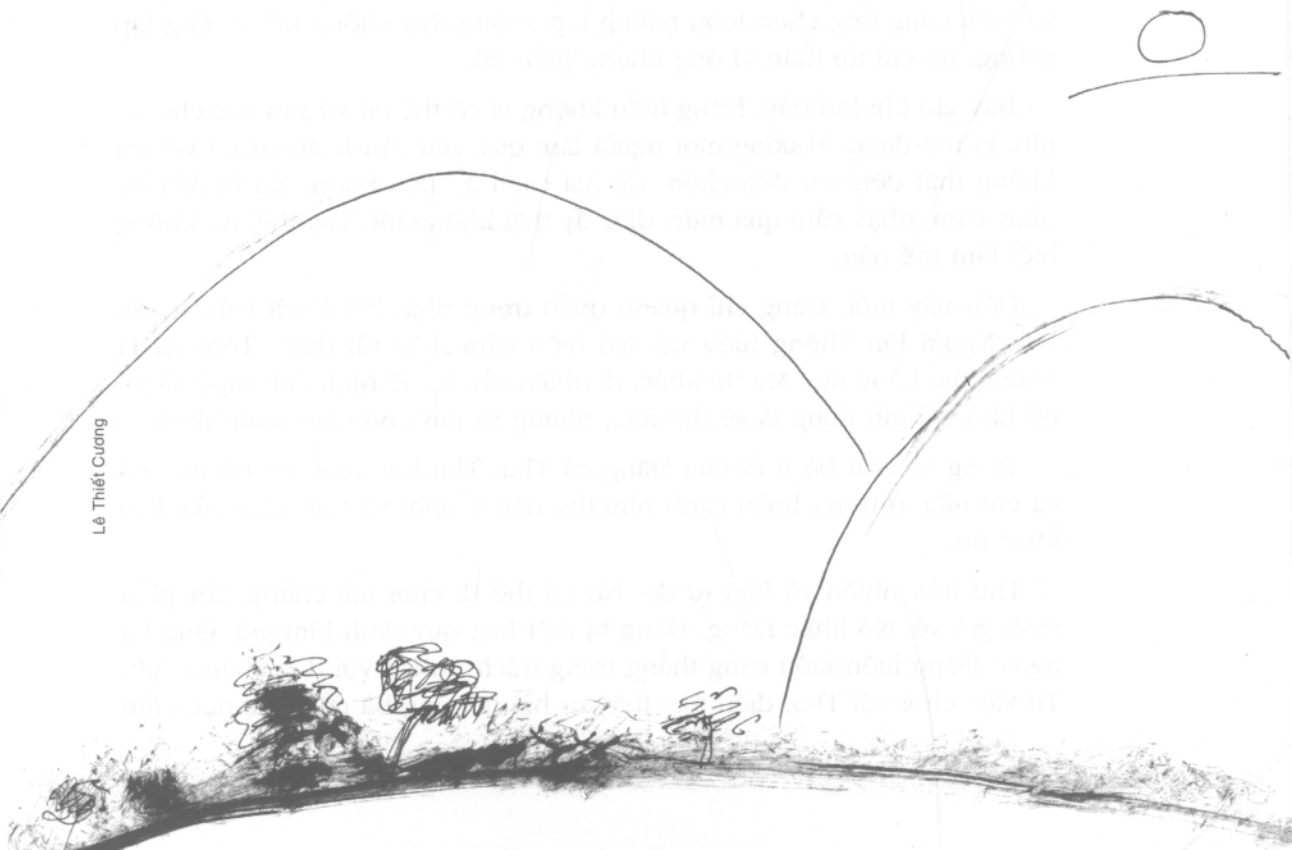
Ông khách lặng người, những giọt nước mắt lăn trên gò má. Ông xin dân bản được đón Sinh đi. Ông sắm váy mới, áo mới cho nàng. Sinh bỗng trở nên xinh đẹp lạ thường.

Hôm sau, ông khách rời bản Hua Tát ra đi. Người ta đồn rằng về sau Sinh rất sung sướng. Ông khách là một Hoàng đế cải trang vi hành.

Ở Hua Tát, con đường rải đá đi ra bên ngoài thung lũng, con đường nhỏ, vừa lối trâu đi, hai bên đầy cây mè loi, tre, vầu, bứa, muỗm và hàng trăm thứ cây dây leo không biết tên gọi là gì, con đường đó được gọi là Đường Nàng Sinh.

Con đường ấy còn đến bây giờ.

1986



TÂM HỒN MẸ

Khi Đấng hai tuổi mẹ nó chết đột ngột vì sốt xuất huyết. Vì thế, hình ảnh của nó về một người mẹ rất mơ hồ. Nó ở với ông bà ngoại. Bố nó đã đi lấy vợ khác, chỉ thỉnh thoảng mới đến thăm nó.

Đấng hình dung mẹ theo cách nghĩ riêng của nó. Nó hay xét nét sự quan tâm săn sóc của những người xung quanh nó bằng cách đặt ra câu hỏi: nếu là mẹ sẽ thế nào? Chẳng hạn, lúc tắm bà ngoại kỳ cọ kỹ quá, nó nghĩ ngay rằng nếu là mẹ thì không làm thế. Mẹ chỉ gội đầu và kỳ cọ những chỗ cần thiết, còn thì mẹ để cho nó tự làm lấy. Ăn cơm cũng vậy, nếu là mẹ thì không làm như ông ngoại. Ông ngoại không hiểu nó không thích lạp xường, đáng lẽ đừng ép thì đấng này ông lại ép, nổi giận và cuối cùng ông chén luôn miếng lạp xường. Nó không tiếc miếng lạp xường, nó chỉ tủi thân vì ông không hiểu nó.

Bây giờ khi lên bảy, Đấng hiểu không ai có thể cư xử săn sóc cho nó như là mẹ được. Thường mọi người làm quá yêu cầu hoặc cư xử với nó không thật đến nơi đến chốn. Cả hai cách ấy đều buồn. Nó là đứa bé nhạy cảm, nhạy cảm quá mức, điều ấy thật không tốt. Tuy thế, nó không biết làm thế nào.

Đến bảy tuổi, Đấng chỉ quanh quẩn trong nhà. Nó ở với toàn người lớn. Người lớn không hiểu nó. Nó luôn cảm thấy tủi thân. Tóm lại là không thể bằng mẹ. Mẹ thì khác, dĩ nhiên rồi. Mẹ là hình ảnh tuyệt diệu, nó không hình dung là sẽ thế nào, nhưng rõ ràng nó cảm nhận được.

Trong số bạn bè ít ỏi của Đấng có Thu. Thu bảy tuổi, có bố mẹ, có cả em nữa. ở trong hoàn cảnh như thế nên ý nghĩ và tình cảm của Thu khác nó.

Thu hồn nhiên và khá tự do. Nó có thể đi chơi mà chẳng cần phải định giờ về. Nó khác Đấng. Đấng bị một loạt quy định kìm giữ. Ông bà ngoại Đấng luôn luôn căng thẳng trong trách nhiệm với đứa cháu mình. Từ việc chơi với Thu, điều này thật vô hại mà ông bà cũng đe nẹt, cấm



Tâm hồn là gì...

đoán nó.

Thu có đôi tai hồng và đôi mắt đen nháy. Không hiểu sao Đăng rất thích được ve vuốt đôi tai hồng ấy và nhìn sâu vào đôi mắt đen nháy ấy.

- Mà nhìn như nuốt tao ấy. Mà tìm cái gì ở đấy?

Đăng bối rối. Ừ, nếu là mẹ thì chắc cũng có đôi mắt như vậy. Không thể khác được.

- Không, tao không tìm gì cả. - Nó đánh trống lảng. - Này, mà có hay khóc không?

- Thỉnh thoảng. Phải có cái gì mới khóc chứ. Ai lại tự nhiên đi khóc bao giờ?

- Thế mà thỉnh thoảng tao lại tự nhiên khóc đấy. - Đăng nói. Nó cố ngẫm nghĩ xem có lần nào nó tự nhiên khóc không?

- Đấy là hồn của mẹ mày. - Thu nghiêm trang nói. Nó đã nghe đến chuyện người ta gọi hồn. - Hồn mẹ mày về bảo: "Này Đăng, con khóc đi, khóc đi cho vơi nỗi buồn..."

- Nỗi buồn là gì? - Đăng hỏi.

- Không biết, nhưng nó cũng giống như đánh mất cái gì. Hôm qua tao đánh mất cái cặp tóc, thế là tao buồn.

- Tao đánh mất thì tao không buồn. - Đăng kiên quyết. - Ông ngoại tao bảo: "Ở đời người ta đánh mất nhiều thứ lắm. Người mất của cải, người mất tâm hồn..."

- Tâm hồn là gì?

- Nó ở đây này, - Đăng chỉ vào bụng.

- Trong bụng người ta toàn cứt. - Thu thờ dãi. - Mẹ tao bảo thế. Nếu thế thì kinh quá nhỉ?

- Đấy là mẹ mày nói bậy nói bạ thế thôi. - Đăng an ủi. - Tâm hồn nó giống như dây đàn ấy, ông ngoại tao bảo thế, khi có ngọn gió thổi đến thì nó rung lên khe khẽ: a-a-a-a...

- Tâm hồn mà kêu a-a thì hay thật. - Thu cười như nắc nẻ. Nó nhắm tít mắt lại và nhại: a-a-a-a...

- Mày chẳng hiểu gì cả. - Đăng bực dọc. - Mày không có tâm hồn. Mày giống mẹ mày ấy. Mẹ mày chỉ thích tiền thôi.

- Có thể thật. - Thu công nhận. - Có thể mẹ tao không có tâm hồn thật đấy! Chẳng cần! Mà có tâm hồn làm gì. Khi gió thổi đến nó lại kêu a-a thì kinh lắm. - Thu lại cười nắc nẻ.

Đăng nhủ lòng mày lại. Nó không thích Thu trêu nó. Nó bảo:

- Mày cười như thế là đủ rồi đấy. Con gái hay cười là vô duyên lắm...

- Vô duyên thì làm quái gì?

- Vô duyên thì ế chồng đấy.

- Thằng quý ả. Mày như cụ non ấy!

Thu phát cáu, từ trong tiềm thức mơ hồ của nó, bản tính tự nhiên

giục nó tìm cách trả thù bằng cách cố ý soi mói độc ác:

- Mày là thằng mồ côi. Mày cay nghiệt lắm!

Đặng sững lại, mặt nó tái đi. Thu chọc mũi kim vào nơi nó đau nhất. Nước mắt nó trào ra, đôi môi run rẩy, tái dại. Thần sắc của nó biến đổi khiến Thu hoảng sợ.

- Này này, tao đùa đấy... Hơi tí đã khóc. Thôi, thôi, nếu như mày muốn thì tao sẽ có tâm hồn. - Thu bối rối, nó bắt đầu phịa ra câu chuyện tưởng tượng để dỗ bạn. - Đúng thế đấy, tối qua tao nghe thấy ở đâu đấy vang lên âm thanh rất khê: u-u-u-u. Tao không hiểu tiếng gì... Tựa tựa như gió thổi ngoài đầu hồi... Có thể đấy là tiếng tâm hồn của tao chăng?

Đặng lắng nghe và nhận ra vẻ bối rối của bạn. Nó biết Thu phịa. Nó cảm thấy bị xúc phạm. Nó khóc to lên. Thu cũng òa khóc theo. Nghe thấy tiếng khóc, bà ngoại Đặng chạy xuống. Bà giận dữ nhìn Thu. Bà giang tay tát thẳng vào cái má trắng nhợt của đứa bé. Đặng hé mắt nhìn và không hiểu sao các vết đỏ trên má Thu làm nó nhớ đến năm cánh hoa mà có lần nó vẽ bằng bút dạ.

* *

*

Vào lớp Một, Đặng và Thu ngồi cùng một bàn. Với sự tiếp nhận thế giới xung quanh, Đặng luôn luôn cảm thấy thua kém Thu nhiều mặt. Thu dễ hòa hợp với bè bạn hơn. Nhận thức bài học cũng vậy, Thu nhận thức nhanh hơn. Vô hình trung, Đặng cảm thấy có sự lệ thuộc nào đấy vào bạn. Một cách không tự giác, Thu như chỗ dựa cho Đặng về mặt tinh thần. Thu đứng ra bảo vệ cho Đặng trước các địch thủ trong lớp, nó nhắc nhở Đặng trong việc chuẩn bị bài vở. Cho đến lúc nào đó, Thu còn như lạm dụng vai trò của nó với Đặng. Bạn bè trong lớp đã chế giễu chúng:

- Cái Thu là mẹ, thằng Đặng là con! Cái gì thằng Đặng cũng đều hỏi mẹ!

Những lời như thế đầu tiên làm Đặng phẫn nộ. Sau đó quen đi, một phần cũng do bản tính thụ động. Dần dà trong ý thức, Đặng có sự nể vì đặc biệt đối với Thu, sự nể vì đáng lẽ dùng cho người lớn. Thu rất tự hào về vai trò của nó đối với bạn. Nó nói với Đặng:

- Tao là mẹ mày! Thật đấy! Chúng nó nói không sai đâu!

Đặng cười bối rối, nó không tin Thu có thể trở thành mẹ. Tuy thế, nó không bác lại. Thật ra, nó cần có mẹ. Ông ngoại nó nói: "Mỗi người đàn bà đều có thiên tính người mẹ". Thu có thể thành mẹ được không?

Ít lâu sau xảy ra chuyện này:

Lần ấy, cô giáo tổ chức cho lớp học cắm trại ở bãi ngoại thành. Đặng và Thu bị lạc. Trời tối nhanh. Ở cánh đồng, những bụi cây lúp xúp cứ sẫm dần và ánh lên tinh dưới cánh những con đom đóm nhấp nháy. Thu khóc, nó ân hận vì tự nó nảy ý kiến đi xa.

- Im đi. - Thăng Đặng quát. - Khóc cũng chẳng ăn thua. - Nó thờ dài,
- Tao đói quá! Mày có cái gì ăn không?

- Chẳng có. - Thu trả lời. - Tao cũng thấy đói.

- Nếu là mẹ thì phải chuẩn bị đầy đủ cho một chuyến đi. Chỉ ít cũng là lương thực... - Đặng giễu cợt, nó cố ý nói rất độc ác. - Mày chẳng có trách nhiệm gì với tao cả. Lại khóc nữa. Mày là một bà mẹ tồi.

Thu nín khóc, nó lục lọi túi áo rồi đắc thắng:

- Có cái kẹo! Đúng rồi, tối qua dì Hải tao cho tao cái kẹo và tao quên mất. - Nó giành được chủ động nên bình tĩnh lại. - Thực ra không phải tao quên, tao chuẩn bị rồi tao cố ý quên đi.

Đặng ngờ vực. Nó bóc cái kẹo cắn thử. Đúng kẹo thực, mà kẹo chanh. Có thể Thu là mẹ thật chăng? Mẹ bao giờ cũng tìm ra được lối thoát trong những hoàn cảnh khắc nghiệt. Nó cắn một nửa, một nửa đưa cho Thu và nó vừa dùng đầu lưỡi lán lán nửa cái kẹo trong miệng vừa suy nghĩ.

- Nếu có lửa. - Nó bắt đầu trò đùa theo cách của nó, cũng là một thử nghiệm theo cách của nó. - Nếu mày là mẹ thì mày thử nghĩ xem sao?

Thu bối rối. Không thể lật túi để tìm bật lửa. Vận may chỉ đến có một lần thôi, dưới hình thức cái kẹo... Nó nhú mắt suy nghĩ.

- Cứ đi đi. Sẽ có lửa đấy, tao sẽ tìm ra lửa.

Đặng cười buồn rầu, nó nói một cách nghi hoặc:

- Nếu mày tìm được lửa thì mày là mẹ thật. - Nó bật cười. - Và tìm ra lửa thì tao sẽ nghĩ ra cách để cho người ta tìm thấy chúng mình.

Chúng vừa nói chuyện vừa đi men theo bờ ruộng. Chúng đi vào một khoảng đất trống có những nắm đất tròn u ám, lạnh lẽo. Đây là bãi tha

ma. Cái Thu chợt nhớ, năm ngoái nó đi theo dì Hải về quê tảo mộ bà nó. Cũng bãi tha ma thế này. Người ta đốt hương sau khi đắp mộ và vút diêm đi.

Đặng thì thảo:

- Mày có sợ không...? Tao sợ...

- Đừng sợ. - Thu nói khẽ, giọng nó lạc đi. - Tao với mày đi tìm ở cái mả mới kia kìa. Ở đấy sẽ có lửa đấy.

Chúng đến bên một cái mộ mới đắp. Hoa tươi đầy ắp quanh mộ, những chân hương mới cắm đầy.

- Đây rồi! - Thu kêu lên. Nó đã tìm thấy một bao diêm cũ, trong bao có chừng hơn một chục que.

Phấn khởi làm cho hai đứa quên cả sợ hãi. Đặng thần phục:

- Mày tài thật! Sao mày lại nghĩ có diêm ở đấy?

Thu cười. Bây giờ nó là mẹ rồi. Mẹ thì được quyền giấu con những điều bí mật. Nó bảo:

- Mày không biết đâu. - Nó hãnh diện nói. - Vì tao là mẹ.

Đặng vơ củi rác, nó ủ bao diêm vào áo cho hết hơi ẩm rồi châm lửa đốt.

Khoảng nửa giờ sau cô giáo tìm ra hai đứa.

* *

*

Chuyện của trẻ con thì người lớn không nên cắt nghĩa vì *logic* của trẻ con là thứ *logic* huyền thoại không tiền khoáng hậu. Người lớn bị thực tế khắc nghiệt làm mất đi sự mong manh của *logic* huyền thoại, thay vào là thứ *logic* xám xịt, rạch ròi.

Ông bà ngoại Đặng thương chiều nó. Nó là của quý. Những thói hư tật xấu của nó thường bị ông bà nó đổ lỗi cho Thu. Tính lông bông ương bướng, thói giễu cợt, sự lười nhác, thậm chí cả việc chậm hiểu của đầu óc nó cũng do bạn nó. Đặng biết ông bà ngoại nó nhầm. Càng lớn lên nó càng bướng bỉnh, càng cô đơn và càng nhạy cảm hơn về thân phận côi cút của mình.

Một bữa, Đấng đánh vỡ tan ông Phúc trong bộ Tam Đa bằng sứ. Bà ngoại tiếc của mắng nó:

- Đồ hậu đậu. Tất cả là từ cái con mẹ Thu nhãi ranh của mày.

Đấng trào nước mắt, nó uất ức, tủi cực. Nó trốn xuống bếp ngồi trong bóng tối và tức tưởi khóc. Trên nhà bà ngoại của Đấng vẫn đang điên cuồng gào thét. Có tiếng tàu điện sầm sập chạy nhanh ngoài phố. Bỗng ý nghĩ về cái chết bật ra rất nhanh trong Đấng. Đúng rồi! Ngã xuống dưới đường ray! Cái khối sắt đồ sộ lướt qua và thế là hết. Chẳng phải làm gì, chẳng phải nghĩ ngợi. Mười phút nữa sẽ có chuyến tàu đi qua. Điều cần nhất là báo cho Thu. Nó là bạn tốt. Nó cất nghĩa được cái chết. Ông Phúc trong bộ Tam Đa bằng sứ có nghĩa lý gì? Phúc-Lộc-Thọ có nghĩa lý gì? Đấng len lén mở cửa rồi chạy ra đường. Cái tàu điện cách ba trăm mét. Thu đứng ở vệ đường.

- Mày sao thế? - Thu ngơ ngác.

Đấng chấp chới. Mặt nó tái đi không còn thần sắc. Cái tàu điện lướt qua.

- Trời ơi! - Thu đẩy Đấng ra rồi ngã vật xuống. Nó ngất đi.

* *
*

Đấng không chết, vì do Thu đẩy ngã. Còn Thu lại bị tàu điện cán gãy nát chân. Người ta đưa cả hai đứa đi viện. Đấng sốt cao, suốt đêm cứ vật vã nói mê liên hồi:

- Mẹ... mẹ... mẹ... mẹ...

Tiếng "mẹ" của nó như tiếng gió thổi ở ngoài đầu hồi.

Trong giấc mơ, Đấng thấy Thu với nó đứng ở trên cao. Ở đấy nhìn xuống thấy người bé xiu, những chiếc ô tô cũng bé xiu. Gió lồng lộng, Thu cười nắc nẻ, hàm răng trắng bóng. Thu bảo:

- Đây Đấng, tao sẽ đi trên khoảng không bằng đôi chân này. - Nó chìa đôi chân trần ra trước mặt Đấng. - Đi như bay ấy, như trong chuyện cổ...

Nói xong, Thu đi thật. Nó bước vào khoảng trống không, hai tay bơi

rê không khí. Đăng áp người vào hàng lan can, cảm giác cô đơn côی cút làm nó ớn lạnh. Nó gọi Thu:

- Đợi với! Đợi tao đi với! Hãy bảo tao đi như thế với! Hãy bảo tao đi như thế với!

Thu bay lướt đi, nó bảo:

- Mày không đi được thế đâu! Hiểu không? Vì tao là mẹ.

Đăng giật mình dậy. Giấc mơ qua đi. Nó mở mắt ra nhìn kỹ căn phòng bệnh viện. Cạnh Đăng, ông bà ngoại nó đang chăm chú nhìn. Nó bỗng rùng mình vì thấy mắt của hai người trong suốt.

Đăng nhìn ra ngoài cửa sổ. Trời xanh ngẩn ngất. Trên sợi dây thép phơi áo, có ngọn gió nào rung khê. Ở đấy vọng lại những tiếng thì thào, thính tai lắm mới nghe thấy được:

- U...u...u...u...

HUYỀN THOẠI PHỐ PHƯỜNG

Sinh nhật con gái, bà Thiều làm cơm đãi khách. Dự hôm ấy có hai bà buôn vàng dưới phố, hai ông công chức cùng Sở ông Thiều và đám thanh niên bè bạn của Thoa. Bà Thiều mặc bộ đồ xoa mỡ gà, trẻ đến mười tuổi. Thoa mặc quần bò, áo phông đỏ, trông lộng lẫy và khá đài các. Vẻ đẹp của cô, theo ý bà mẹ, là do "sức sống tinh thần" mang lại. Điều này đáng ngờ, bởi Thoa mới hai mươi tuổi, thi trượt đại học, rèn luyện trí tuệ chủ yếu thông qua giáo trình của lớp Anh văn buổi tối. Tuy nhiên, chính vẻ trẻ trung, cách đánh hồng và cử chỉ tuyệt khéo khi nhận mùi của cô quả rất ưa nhìn.

Câu chuyện xung quanh bàn ăn là thú vị. Bà Thiều gợi lại kỷ niệm của thuở hàn vi. Đây là cách làm sang quen thuộc của người thành đạt. Bài học rút ra ở trường hợp ấy bao giờ cũng là ý chí muôn năm. Khách khứa đều hiểu việc biến đổi một bà bán bún ốc thành nhà triệu phú buôn vàng đâu chỉ đơn thuần là sự vận động ý chí? Nhưng gì thì gì, bởi thức ăn ngon, tất cả những lời chối tai đều nuốt trôi được.

Chuyện đang sôi nổi thì cửa rộng mở và bỗng một người đàn ông huỳnh huých bước vào. Bà Thiều reo lên mừng rỡ:

- Cậu Phúc!

Phòng khách linh hoạt hẳn lên. Phúc là em ruột bà Thiều, làm việc ở Xưởng phim truyện. Ông dáng thấp đậm, râu tóc để rất nghệ sĩ. Bó chặt trong bộ quần áo màu ghi cộc tay ba túi trông ông rất khỏe.

- Xin lỗi vì cậu đến muộn... - Phúc vỗ vai cô cháu gái. - Cậu mắc việc bận. Cậu đi với một người bạn. Anh ấy đang đứng ngoài đường...

- Sao lại thế? - Bà Thiều gắt yếu. - Cậu quen cái thói rề người từ bao giờ thế? Bạn bè của cậu cũng là bạn bè của chị. Nhà ta xưa nay gia phong giản dị... Cậu gọi anh ấy vào đi.

- Thôi được... Nếu chị đồng ý em sẽ ra mời! - Phúc lại huỳnh huých bước ra và chỉ loáng cái đất vào một người thanh niên còn trẻ.

- Cậu Hạnh... - Phúc giới thiệu, - làm việc ở Vụ...

Thoa chăm chú nhìn. Người này trạc ba mươi tuổi, đôi mắt sáng rực, khỏe mép mím lại trông hơi nghiêm ngắc. Y mặc bộ đồ bảo hộ lao động. Bộ trang phục ấy giữa phòng khách này trông hơi chướng mắt.

- Vào đây cháu... - Bà Thiều xích ghế lại mời. - Hôm nay sinh nhật em Thoa. Trước lạ sau quen... Khách khứa đều là người nhà người cửa...

Hạnh cười bên lên. Y đi bắt tay lần lượt mọi người với vẻ bối rối rồi quay lại chỗ ghế ngồi. Bà Thiều hơi ngả sang y để tiếp thức ăn, giống như một thứ cây cao bóng cả độ lượng ngả xuống mặt đất tầm thường.

Bữa ăn có Phúc thú vị hẳn lên. Phúc kể chuyện khéo, ông biết nhiều giai thoại ngộ nghĩnh của giới văn nghệ. Trong một bữa ăn phong lưu, thật chẳng có món gì đáng giá giảm hạ vị hơn là món ấy. Giới này, theo con mắt nghiêm khắc của các vị công chức cùng Sở ông Thiều, là bọn người lông bông và vô tích sự, đầu óc rất những tư tưởng rối ren, nhưng theo con mắt trẻ trung của đám thanh niên thì lại là những thần tượng rất đáng khâm phục. Bà Thiều có vẻ tự hào về cậu em trai. Bà nói:

- Cậu ấy - chỉ ông Phúc - có chí lắm!

- Ăn nhằm gì! - Ông Phúc phản đối. - Ở trong cuộc đời em thất bại rồi! Có chí phải kể lớp trẻ bây giờ. Như cậu Hạnh này - Ông Phúc vỗ vai người bạn của mình. - Mới ba mươi tuổi mà đã khẳng định tài năng. Chỉ tự học thôi mà đỗ được bằng đại học!

- Anh nói thế thôi... Tài năng mà nghèo thì buồn ghê lắm. Nếu đã tài năng thì phải thực giàu! - Hạnh nhìn bà Thiều tìm sự đồng tình. - Cháu nói như thế có phải không cô?

- Cô không biết rõ! - Bà Thiều bối rối vì ánh mắt nhìn khá bạo dạn của người trẻ tuổi. - Các anh các chị bây giờ khác xưa nhiều lắm!

- Cậu ấy chỉ mơ được thành triệu phú! - Ông Phúc mỉm cười.

- Đây là một ước mơ tốt! - Một vị công chức khẳng định như đinh đóng cột.

- Thế anh đã làm cách gì để thành giàu có? - Thoa hỏi chen vào.

- Chưa có cách gì! - Hạnh cười ngượng ngịu. - Cuộc đời đầy những bất ngờ. Tội chờ thần may mắn đến...

- Ê hê... - Ông Phúc cười lớn. - Cậu hãy chịu khó mua xổ số đi! Hai cú độc đắc là thành triệu phú! - Rồi chợt nghĩ ra, ông rút ở túi áo ngực ra hai chiếc vé xổ số. Ông trình trọng nói. - Nhân danh định mệnh... Tôi có hai vé xổ số vừa mua... Hôm nay sinh nhật cháu Thoa, cậu xin tặng cháu một vé. Hoan hô những cô thiếu nữ ở tuổi hai mươi! Còn một vé, - ông đút vào túi áo ngực của Hạnh, - tôi xin tặng cậu. Hoan hô những tài năng trẻ còn đang nhú mầm!

- Rõ rõ! - Hai ông công chúc đưa mắt nháy nhau.

- Ông ấy đến là hồn nhiên! - Hai bà buồn vàng khúc khích.

Còn mấy thanh niên bè bạn của Thoa thì vừa ghen tị lại vừa khó chịu. Tổ ra bất cần, họ tấn công vào món nộm mực một cách diêm dā.

* *

*

Sau tiệc ăn, bọn trẻ kéo nhau lên gác mở nhạc tưng bừng. Hai ông công chúc vội vã xin về, bởi công việc nhà nước bao giờ cũng đều quan trọng và thiếu thì giờ. Hai bà buồn vàng ngồi lại bàn với bà Thiệu việc đi lễ chùa. Ông Phúc lim dim ngủ (ông có tật, hề đã cơm no rượu say là mất điu lại). Hạnh ngồi với nhóm các bà. Được sự bảo trợ của em bà chủ, y đã trở nên thân thuộc đối với gia đình.

Hạnh chăm chú nghe câu chuyện, thỉnh thoảng lại chen vào vài câu đưa đẩy. Sinh ở nông thôn, y ít có dịp tiếp xúc với giới thượng lưu thành thị. Hạnh nhìn cuộc sống của bọn người giàu có với nhiều khao khát thêm muốn. Hạnh nghèo, y sợ những sự thiếu thốn. Chao ôi, nếu y có một căn nhà với đủ tiện nghi! Nếu y có tiền! Y không phải lo đến chuyện sinh hoạt. Y sẽ làm việc, sẽ sáng tạo, có thể y thành một người xuất chúng. Hiện giờ, Hạnh ở nhờ nhà một ông chú họ xa lác tận mãi ven thành. Chỗ ở của Hạnh chỉ kê vừa cái giường một, tất cả sách vở cộng với nồi niêu xoong chảo nhét dưới gầm giường. Hàng tháng, Hạnh trả cho ông chú họ một khoản tiền nhà. Khoản tiền này cứ tăng lên bất chấp cố gắng cải thiện tình cảm ruột rà mà y cố công vun đắp. Ông chú họ (vốn đạp xích lô) xử thế với y khá là giản dị theo tinh thần câu ngạn ngữ "đã quen, phải lèn cho đau".

Hạnh sống cô đơn. Cuộc sống thành phố với bao lạc thú gây nên

những mơ ước. Nhưng Hạnh biết rõ những lạc thú ấy chứa đầy cạm bẫy. Vốn hay quan sát, y đã chứng kiến ở thành phố này các “hoạ sĩ” trẻ, các “thi sĩ” trẻ, các nhà “bác học” tràn đầy hứa hẹn đã bị cà phê, thuốc lá và những cám dỗ tình ái đánh gục thế nào. Một số không bị những lạc thú ấy quyến rũ thì lại sa vào cơm áo gạo tiền và bị bao nhiêu lo lắng đời thường đánh quỵ. Hạnh không sợ những điều ấy. Từ tuổi mười tám, Hạnh đã xây dựng cho mình nếp sống khác kỷ đặc biệt. Hạnh không hút thuốc, không uống rượu, không phí phạm tiền nong vào các trò cao hứng, ngông cuồng. Dưới một bề ngoài bình thản và ít cỏi mở, Hạnh giấu trong lòng một tham vọng lớn và trí tưởng tượng hùng hực bốc lửa. Hạnh hiểu giàu có mới là điều kiện để thành đạt. Không có đồng tiền, sự nghiệp lập thân chỉ là chuyện hão. Dè xẻn, tiết kiệm từng đồng hào một - đấy là điều Hạnh luôn phải nhắc mình.

Mấy bà buôn vàng đã hoạch định xong cho chuyến đi lễ ngày rằm. Nào là hương hoa, xin sớ, đặt oản, tiền xích lô, tiền công đức... Sợ sợ, Hạnh nhắm chi phí lên tới chục nghìn.

- Còn nữa... - Bà Thiều bỗng chợt nghĩ ra. - Phải lấy cái vé xổ số cậu Phúc cho con bé Thoa mang đi xin lộc!

- Bà chị phải xếp vào đấy bảy trăm nghìn tiền âm phủ! - Một bà mặc áo phin nơn mỉm cười. - Chị cứ nghe em cầu thánh đổi tiền âm phủ thành tiền dương thế là xong! Thánh thần bây giờ cũng sòng phẳng lắm. Em xin đánh cược thế nào cũng trúng!

- Thật nhá! - Bà Thiều thú vị. - Cô cược là trúng chứ gì? Cô dám đánh cược một chỉ vàng không?

- Đối với người khác thì em không dám, nhưng với bà chị thì em phải chiều! - Bà khách cười nịnh rồi rút cái nhẫn ở ngón tay út đặt lên mặt tráp.

- Được rồi! - Bà Thiều bắt tay bà khách dứt khoát. - Thế nhưng tôi không có nhẫn một chỉ vàng đâu! - Rồi sực nhớ ra, bà Thiều đứng dậy gọi với lên nhà. - Thoa ơi! Xuống dưới này, con!

Thoa ở trên gác băng xuống. Mùi nước hoa thơm nồng quện mùi mồ hôi.

- Gớm! - Bà Thiều nhăn mặt, - Nhảy nhót thế nào mà sống với áo ướt đầm đìa thế, con đưa cái nhẫn một chỉ của con ra đây cho mẹ! Cô Duyên cược là cái vé xổ số của con thế nào cũng trúng giải bảy trăm nghìn. Không trúng thì mẹ con mình cũng được chỉ vàng lộc của cô Duyên...

Thoa giờ bàn tay ra phía trước mặt rồi bỗng giật mình:

- Thôi chết! Cái nhẫn của con vẫn đeo ở đây mà rơi đâu mất! Buổi sáng ngủ dậy còn thấy cơ mà?

- Cha bố cô! - Bà Thiều chồm dậy. - Chỉ toàn ăn tàn phá hại! Có đi tìm ngay không bà lại cho một trận bây giờ!

Mọi người rối rít. Ông Phúc tỉnh ngủ. Thoa lục lại tung cả tủ quần áo. Bà Thiều rên rầm:

- Con với cái! Từ Tết đến giờ phá hại năm sáu chục nghìn! Nợ ời là nợ! Bố mày đang ở nước ngoài chứ nếu ông ấy ở nhà thì ông ấy giết!

Các vị khách nữ thấy chủ bối rối muốn lảng ra về.

Bà Thiều nín lại:

- Cô Duyên... Cứ để nhẫn lại đây. Tôi bù tiền mặt cũng được chứ gì?

- Được thôi... - Bà khách tỏ ra dễ dãi. - Nếu chị trúng giải chị nhớ chia lộc cho em là được. Chị nhớ chồng bảy trăm nghìn đồng âm phủ đấy nhé!

- Được rồi... - Bà Thiều cố nặn ra một nụ cười. Bà xin lỗi khách rồi tiễn họ ra ngoài cửa. Quay vào nhà, bà tát một cái bất ngờ làm cô con gái ngã lạng. Thoa bật lên khóc nức nở...

Hạnh đứng lặng im. Ông Phúc vừa lục lại tung cả đồng quần áo vừa can bà chị:

- Chị nên bình tĩnh mới được, còn bạn bè nó trên gác kia kìa... Thoa này, cháu thử nhớ lại xem có tháo cái nhẫn rồi để đâu không?

- Có lẽ... - Thoa hơi nhăn trán suy nghĩ. - Có khi lúc cháu làm gà rồi rơi ngoài rãnh...

Mọi người kéo nhau xuống bếp, Hạnh cũng đi theo. Y bỗng bị lay tâm trạng lo lắng của mọi người.

Bà Thiều lật úp ổ đựng lông gà. Thoa mếu máo khóc. Ông Phúc cầm chiếc que đun gầy gầy những con thủy tức ở rãnh nước bồn. Hạnh bảo:

- Anh tìm như thế không được! - Y xắn tay áo rồi đưa tay mò dọc theo cái rãnh đầy bùn, lông bông nước bồn, thậm chí còn có cả cục phân người.

Đến mười phút. Bỗng Hạnh reo lên mừng rỡ:

- Đây rồi! - Hạnh giơ cái nhẩn vừa mò được lên cao. Bà Thiều bỗng cười sảng sặc. Thoa mừng đến méo cả miệng. Cô nhìn người khách trẻ trung với sự hàm ơn cảm động. Từ phút ấy, Hạnh đã trở nên hoàn toàn tin cậy đối với gia đình.

Tiền Hạnh ra về, bà Thiều dặn đi dặn lại:

- Thế nào hôm rằm cũng đến ăn cơm với cô, cháu nhé!

* *
*

Hạnh nằm trần trọc, y cố gắng ngủ mà không ngủ được. Chuyến đi lễ rằm cùng với mẹ con bà Thiều để lại một ấn tượng mạnh. "Mẹ kiếp... - Hạnh nghĩ. - Bọn người này họ coi đồng tiền như rác. Mỗi kỳ sóc vọng tiêu pha đến mấy chục nghìn...". Hạnh nghĩ đến số tiền ít ỏi mà mình phải gắng chi tiêu dè xẻn hàng ngày mà rối cả lòng. Thường thường, chỉ những khi nào thật đặc ý lắm hoặc thật mệt mỏi y mới dám ăn một bát cháo lòng. Món ăn bình dân này hợp với túi tiền. Hạnh ăn một cách cầu kỳ. Rắc hạt tiêu thật đậm, cho thêm một ít ớt bột lên trên. Ăn nhẩn nha, tận hưởng cái thú của từng miếng một. Mỗi miếng có một vị riêng. Miếng dạ dày thú ở vị sần sật khi nhai. Miếng lòng non ngọt. Miếng gan bùi. Miếng dồi đậm. Nếu vớ được miếng cổ hũ thì thật tuyệt vời. Để ăn bát cháo, Hạnh phải cúp đi một khoản chi tiêu nào đấy, thí dụ một tuần phải bớt đi một món ăn mặn. Đây là luật Hạnh đề ra nghiêm khắc với mình. Y tin ở sự cơ chỉ. Tiết kiệm! Tiết kiệm một cách ngọt ngào - đấy là tất cả sức mạnh mà Hạnh có được.

Hôm nay, riêng tiền xích lô của hai mẹ con bà Thiều cũng đến bạc nghìn. Chỉ riêng khoản chi phí ấy cũng gấp ba lần số tiền mà Hạnh kiếm được trong tháng. Hạnh khê thở dài, y không xác định được ngay tình cảm của mình đối với bà Thiều cũng như đối với cô con gái. Cả hai mẹ con, Hạnh thấy rõ ràng biểu hiện của thứ căn bệnh của bọn người giàu: bệnh buồn chán. Tình trạng no đủ ngồi rồi đẻ ra bệnh ấy. Cả hai mẹ con đều thấy dấu hiệu của thứ từ vết hư hỏng đạo lý, thứ từ vết mờ hồ có thể cảm thấy mà khó diễn đạt thành lời. Nó ở ánh mắt, nụ cười, ở ngay trong cách trang phục của họ. A ha! Hạnh tự nhủ, y rất có thể nhồi vào hai tâm hồn ấy một ngọn lửa nhỏ cho nó bùng lên. Hạnh có sức lực, y thừa tài năng để làm việc ấy. Biết đâu điều ấy mang lại cho

y những cơ hội tốt. ở họ, họ có khả năng trả giá bạc nghìn để mua lấy một niềm vui hoặc một phép lạ. Hạnh cười gằn: “Cuộc sống ở thành phố này thiếu gì phép lạ?”

Hạnh đưa tay, vợ lấy quyển sách đầu giường. Từ trong quyển sách rơi ra chiếc vé xổ số ông Phúc cho y hôm trước. Hạnh giật mình. Tất cả nghi lễ xoay quanh chiếc vé xổ số mẹ con bà Thiều mang đi xin lộc hôm nay sống dậy trong y. Chiếc vé của Hạnh bất hạnh chừng nào. Cũng là chiếc vé cùng một xê ri, hoàn toàn giống nhau về mặt hình thức, nhưng chiếc vé kia lại được một sự bảo trợ vô hình. Bà Thiều đã đưa chiếc vé đi lễ gần một chục chùa, cuối cùng chiếc vé cùng cả bọc tiền âm phủ được đặt lên tay tượng thần đồng đen trong đền Trấn Vũ. Hạnh thấy ớn lạnh. Mùi hương trầm thơm, không khí lạnh lẽo trang nghiêm trong đền thờ thánh gây nên cảm giác thiêng liêng. Bảy trăm nghìn! Trời ơi, cả một số tiền lớn lao kinh khủng. Cả một cố nghiệp, cả một gia tài. Đây là sự nghiệp! Đây là hạnh phúc mà y mong muốn!” Nhất định trúng... - Hạnh lẩm bẩm. - Chiếc vé trúng giải độc đắc mất thôi! Một sự thành kính đến thế, những chi phí lớn đến thế... Bao nhiêu lễ vật! Liệu thánh thần nào có thể vô tình?” Hạnh khẽ rên lên, y toát cả mồ hôi trán. Hạnh có cảm giác như sốt. Chiếc vé ấy trúng mất thôi. Hạnh đã nghe thấy các tay cao thủ số đề tiên đoán lần này sẽ đổ 36. Chiếc vé ấy đuôi 36! Chiếc vé của y đuôi 37! Như vậy, chiếc vé của y chỉ sai mỗi hàng đơn vị. Thật là chưa xót.

Hạnh ngủ thiếp đi, tay nắm chặt chiếc vé bất hạnh. Trong giấc ngủ, cứ chập chờn hình ảnh pho tượng đồng đen cao lớn. Pho tượng đứng lên đi lại, bật cười ha hả. Pho tượng đặt thanh kiếm dài xuống ghế, bàn tay co những móng dài xòe trước mặt y những xấp tiền mới. Hạnh nghe rõ cả âm thanh loạt soạt những tờ giấy bạc...

Nửa đêm, Hạnh choàng thức dậy, bỗng một tia chớp lóe lên:

- Nếu ta đánh tráo chiếc vé xổ số bất hạnh của ta với chiếc vé kia thì sẽ thế nào?



Bà Thiều nằm trên di văng, mặc bộ đồ xoa mông dính, mắt ngó trông quấy bán đồ mỹ phẩm nữ trang. Chiếc quấy hàng nhỏ thừa sức nuôi



Em nó đi học tiếng Anh...

sống hai mẹ con bà. Căn nhà tĩnh lặng, nghe rõ tiếng kêu ro ro của chiếc tủ lạnh để ở góc nhà. Bà Thiều lơ đãng lật một tập ảnh khổ thân nước ngoài. Cách giải trí này bà vẫn ngang nhiên phô ra với khách để chứng minh rằng đầu óc của bà tự do tân tiến và ghét thói đạo đức giả cổ hủ lỗi thời.

Có tiếng gõ cửa. Bà Thiều nhòe dậy nhìn ra.

- Ai đấy?

- Hạnh đây... - Tiếng ho húng hắng có vẻ bồn chồn.

Bà Thiều mở cửa. Hạnh mặc bộ đồ khá diện bước vào. Như thể tiện tay, y cài chốt cửa ra vào.

- Đi đâu mà bảnh thế cháu?

- Nhớ cô quá! - Hạnh cười cầu tài. ánh mắt ve vuốt người đàn bà. - Cô

có một sức thu hút mọi người đến khiếp! Em Thoa có nhà không cô?

- Em nó đi học tiếng Anh. Ngoài giờ buổi tối, ban ngày thỉnh thoảng nó đi học nhóm.

Hạnh nhếch mép cười. Y đã từng biết các nhóm học này. Các cô các cậu thanh niên nhà giàu hoàn toàn có thể học tập ở đây khá nhiều tri thức, dĩ nhiên - trừ ngoại ngữ.

Hạnh hỏi:

- Cô đi lễ chùa về có mệt không cô?

- Chẳng mệt tí nào! - Bà Thiều vui vẻ. - Cứ đi lễ chùa là cô lại khỏe như vâm mới lạ. Thần thánh cũng linh thiêng thật! Ngay cả đường đi chùa Hương cheo leo là thế mà năm nào cô cũng đi đấy nhé. Cứ ngâm ít sấm, vừa đi vừa nam mô niệm Phật phù hộ độ trì...

- Phật sẽ phù hộ cô thôi... - Hạnh cười khe khẽ, y đang suy nghĩ rất lung. Thần kinh y căng như sợi dây đàn, những sợi gân xanh hai bên thái dương giãn giãn. Chiều nay mở sổ, Hạnh không thể nào chần chừ được nữa. Hạnh đoán chắc chiếc vé ấy trúng. Đây là cơ hội giúp mình thoát khỏi cảnh nghèo. "Dứt khoát... - Hạnh nghĩ. - Ta phải lập tức trở thành tình nhân của mụ dù bằng mọi giá. Thời giờ thật chật chội quá. Cần đổi bằng được chiếc vé lập tức bây giờ..."

- Cô độc đáo lắm! - Hạnh thả mỗi câu. - Những người phụ nữ độc đáo bây giờ rất hiếm!

- Thế cô độc đáo chỗ nào? - Bà Thiều thú vị và khẹp vạt áo ra phía đằng trước.

- Cô độc đáo trên toàn cơ thể. - Hạnh nói và giọng bỗng dưng đổi khác, đôi mắt xoáy vào bờ vai tròn lẳn của người đàn bà, hai bên cơ hàm tự dưng cứng lại. - Trông cô hấp dẫn như một thiếu nữ đương thì.

Bà Thiều hơi thoáng hốt hoảng. Điều này giống như linh cảm của con gà mái bị con gà trống ngổ ngáo săn đuổi. Tuy nhiên, ý thích mơn trớn và thích phiêu lưu háo hức sống dậy trong lòng bà. Dục vọng trỗi lên thành một động tác bất cẩn: chiếc khuy bấm nơi ngực áo buột ra.

Hạnh chồm hẳn dậy và xô người đàn bà ngã xuống đi-văng.

Bà Thiều rên rỉ. Y thức về phẩm giá khiến bà có những cử chỉ chống cự yếu ớt.

Bà Thiều nhắm mắt, hoàn toàn mất vẻ tự chủ. Hạnh thở khò khè, y



Thế cô độc đáo chỗ nào...

hỏi bằng một giọng nói gần như van lơn:

- Chiếc vé xổ số đâu rồi?

Bà Thiều khựng lại, bà không hiểu ngay được câu hỏi ấy.

- Chiếc vé xổ số đâu rồi? - Hạnh hơi quát lên, giọng đanh lại như tiếng kim loại va đập vào nhau.

Phải đến mấy phút bà Thiều mới hiểu ra được câu hỏi của Hạnh và hiểu ra được tình thế bi kịch của bà.

- Con Thoa để trong chiếc ví xách tay của nó! - Bà Thiều nói như ghen ngào và nổi xấu hổ ề chề choán lấy người bà khi bà thấy Hạnh rời khỏi đi-văng, đứng lên thần thờ như người mất trí. Vừa may lúc ấy, ngoài cửa vang lên tiếng gọi và tiếng đập cửa dồn dập của Thoa.

Thoa ngơ ngác, ngạc nhiên khi cửa mở ra thấy bà mẹ mình nước mắt ròng ròng đang rúm người lại trên chiếc đi-văng. Cửa sập ngay sau lưng cô và Hạnh đứng chắn ngay cạnh, nét mặt lạnh lùng, đôi mắt của y như hai cục lửa:

- Đừng có gào lên! - Hạnh quát khe khẽ. - Cô lấy chiếc vé xổ số trong ví xách tay ra đây!

Thoa run bắn người, cô nhìn bà Thiều, nhìn Hạnh bằng một đôi mắt thất thần, hốt hoảng.

Bà Thiều nói ghen ngào:

- Con lấy chiếc vé ra đưa cho nó!

Thoa run bắn bật, cô hấp tấp mở cái ví xách tay. Chiếc vé xổ số của cô rơi ngay xuống đất. Hạnh chồm nhặt lấy, nhét chiếc vé xổ số ấy vào người rồi thông thả lấy chiếc vé của mình ném vào người bà Thiều.

Mọi việc diễn ra chỉ trong nháy mắt. Hạnh sửa quần áo rồi luồn ra ngoài không nói năng gì. Thoa khóc nức nở rồi ngã vật ra như một thân cây mảnh dẻ vừa bị đốn khỏi mặt đất.

Bà Thiều đứng dậy lấy quần áo mặc vào người rồi quát tướng lên:

- Khóc cái gì? Cha bố cô! Có im đi ngay không bà lại cho cái tát bây giờ!

Lặng im một lát rồi nhận thấy mình vô lý, bà bỗng kéo cô con gái đang lả người đi, mềm nhũn vào lòng bà, rồi nói với giọng tỉnh táo không ngờ:

- Cứ sống đi con, rồi con sẽ hiểu cuộc đời. Khốn nạn! Khốn nạn vô cùng! Con phải biết rằng chính mẹ của con cũng là một con đàn bà khốn nạn!

Đoạn kết

Buổi chiều hôm ấy, xổ số đặc biệt giải bảy trăm nghìn rơi vào con số 20437, đúng vào chiếc vé xổ số của Hạnh ném trả bà Thiều... Nghe

nói Hạnh đã phát điên. Ông chú họ vốn đập xích lô đã phải đưa y đi viện tâm thần. Bà Thiều trúng giải xổ số. Bà mất một chỉ vàng cho cô Duyên. Cuối năm ấy, chồng bà cùng cậu con trai du học nước ngoài về nước. Thoa đã lấy chồng, chồng cô làm việc ở Xưởng phim truyện cùng với ông Phúc.

Trong một thời gian, ở trong thành phố lưu truyền một bài đồng dao mà rất ít người hiểu được xuất xứ:

*Xổ số đặc biệt
Giải bảy trăm nghìn
Món quà phẩm hạnh
Lộc của thần linh
Số trời may mắn
Đâu đến chú mình
Đỏ đen nhân thế
Hữu sự hữu hình...*

1983

CÚN

I

Trong số người quen của tôi, tôi rất nể phục nhà nghiên cứu văn học X. Anh am hiểu các vấn đề lý luận văn học ở ta (lĩnh vực mà thú thực tôi không hiểu gì mấy). Những bài viết của X. có thời được nhiều người ví như "ngon roi" quất vào "con ngựa sáng tác văn học" giúp nó phi nhanh hơn và không trật đường.

X. đẹp trai, thông minh, đặc biệt nhạy cảm với những cái gì đau đớn, tủi cực. Nhiều lần đi chơi với anh, tôi thấy X. thường lảng tránh những nơi có người ăn mày hoặc người tàn tật. Trường hợp không lảng tránh được, X. rất bối rối, tôi thấy mặt anh tái đi, anh dốc hết túi cho người ăn mày hoặc người tàn tật đó.

Với tôi và các nhà văn trẻ thuộc thế hệ tôi, X. rất nghiêm khắc. X. đòi hỏi cao điều mà anh gọi là tính người: tính thần làm việc, đức hy sinh, lòng tận tụy, chữ "tâm"... và dĩ nhiên cả văn phạm nữa. Sự nghiêm khắc ấy làm cho tình bạn của hai chúng tôi không phải không sóng gió. Tuy nhiên, tôi khâm phục X..

Nhiều khi lẩn thẩn, tôi nghĩ rằng phải có một lý do nào thật sâu xa lắm mới rèn lên được một người như X.. Có lần tôi gắng hỏi mãi, X. tự dưng buột miệng:

- Cha tôi là Cún. Cả cuộc đời ngắn ngủi của ông chỉ có độc một khát vọng thành người thế mà không được...

Từ câu nói ấy của X., tôi viết câu chuyện này...

II

"Cún biết cái chết sẽ đến với Cún chỉ vài phút nữa. Chân Cún đã lạnh, cái lạnh từ chân cứ thế ngược lên, bao giờ cái lạnh ngấm đến đỉnh đầu

là hết, là vĩnh biệt con người, vĩnh biệt cuộc sống...

Cún há miệng. Khát, khát... Cún thấy cổ họng mình se lại. Cảm giác bị dồn, bị đè bao phủ toàn thân. Cún biết lần này Cún không thể thoát nó. Nó đấy! Nó thò cái lưỡi vô hình, đen như đêm tối liếm vào đôi mắt Cún rồi...

Hơn chục năm trước, người ta thấy Cún ở một cái cống bên con sông đào ngoại ô thành phố. Con sông đen ngòm nước thải, đầy rác, giấy vụn và những đám bèo Tây lá đầy bụi bặm. Cái cống xi-măng vỡ nằm ngang con đường đất nhỏ, hứng gió cả ở bên phía bờ sông, cả ở bên phía cánh đồng. Cún nằm trong đồng tử rách hơi hám, cả đầu cả chân tím ngắt vì gió. Chẳng hiểu sao Cún không chết ngay khi ấy? Chắc vì lão Hạ. Nếu Cún không gặp lão Hạ, chắc Cún đã chết ngay rồi.

Lão Hạ là lão ăn mày ở chợ. Hôm ấy, không hiểu sao lão Hạ lần ra cống. Đứng trên đường, lão nghe thấy tiếng khóc. Tiếng khóc như từ dưới đất vọng lên, như từ âm phủ vọng lên. Lão rung mình hãi sợ. Chiều đang xuống, nắng đã tắt, ráng mây mờ gà ở phía chân trời hắt xuống mặt đất một thứ ánh sáng lạnh lẽo và kinh dị. Gió bắc đuổi nhau hun hút quanh các lều chợ lụp xụp không một bóng người. Lão Hạ run cầm cập. Quang cảnh này hồn ma rất dễ hiện hồn. Đây là thời khắc xuất hiện ma quỷ. Gần cả đời người, lão Hạ sống nhưng không sợ người, người chỉ làm lão yêu hay lão ghét, thích hoặc không thích, lão Hạ chỉ sợ cái gì không phải là người.

Lão Hạ sợ quá, bủn rủn hết cả chân tay. Tiếng khóc ngằn ngặt đúng là có thật. Lão đứng tai nghe. Đúng là tiếng khóc trẻ con.

Lão Hạ cuống cuống chạy xuống vệ sông. Lão vừa chạy vừa ngã. Tiếng khóc nín lão lại. Lão nhìn bên đường và nhận ra đứa bé nằm ở trong cống.

Lão Hạ dần dần hoàn hồn. Hóa ra chẳng có quỷ ma nào cả! Hú hồn hú vía! Ma quỷ đã bỏ mất một cơ hội để rình chộp lão!

Lão Hạ bò về phía cống, thò tay kéo đứa bé ra. Chân tay đứa bé lạnh buốt.

Lão Hạ ôm đứa bé về lều chợ. Lão đặt tên nó là Cún. Cún là tên chó không phải tên người. Đứa bé này thật cũng không phải là người, nó kỳ hình dị dạng, đầu nó to tướng, hai chân tay mềm oặt như chẳng có xương, chỉ hơi lệch trọng tâm là người nó ngã kênh ra đất. Điều kỳ lạ là Cún có khuôn mặt đẹp lạ lùng.

Cún ở cùng lão Hạ. Cún không chết bởi nó có hai khả năng kỳ quặc. Một là đôi mắt, đôi mắt của nó làm cho tất cả mọi người xung quanh đều sợ hãi. Họ đi qua Cún mà không bỏ một đồng hào vào cái nón rách thì không an lòng. Ánh mắt Cún ám ảnh họ, hành hạ họ suốt đêm ngày. Khả năng thứ hai của Cún là khả năng chịu đựng tuyệt vời: nó chịu được đói, được rét, nó sống lơ lửng như thân thể nó được tạo bằng thứ nguyên liệu siêu phàm.

Lão Hạ đâm quý thằng bé tàn tật. Có nó, lão kiếm tiền được dễ dàng hơn. Lão mang thằng bé đi khắp đó đây kiếm ăn. Chỉ trong một hội Phở Giày, lão kiếm được bằng mấy năm lão đi ăn xin một mình. Cách làm của lão thật đơn giản. Lão cứ đặt Cún nằm giữa một chỗ với cái nón mê giữa đám đông người. Thế là xong chuyện. Cún sẽ cựa quậy và mắt nó sẽ làm việc, mắt nó sẽ hỏi mọi người:

- Này ông, này bà! Ông bà là người, hãy nghĩ đến tôi là kẻ chưa được thành người...

Lão Hạ nấp ở đâu đấy, khi thấy nón đã khá tiền thì ra thu về. Thịnh thoảng lão rút cho Cún mấy miếng bánh đúc ngô tựa như người ta rút cho những con gà mang bán ở chợ.

Lão Hạ coi Cún như con. Tuy nhiên, lão cũng chẳng quan tâm nhiều lắm đến thằng bé. Lão có bao nhiêu việc phải làm. Con người của nghề nghiệp khác có bao nhiêu việc ở đời thì việc của lão ăn mày cũng nhiều như thế. Ở trong thế giới ăn mày, thân phận một đứa bé con què quặt chẳng đáng kể gì. Lão Hạ chẳng hề áy náy vì những lần để Cún đói lả, run người trong những trận sốt mê man để đi uống rượu hay đi đánh bạc. Bản thân lão cũng đã bao lần bị đói, bị ốm, bị rét như thế. Trong thế giới ăn mày, người ta có thể sử dụng một đứa bé con trong vài ba tháng để làm cơ ăn xin. Khi đứa bé chết, người ta vứt nó ra ngoài đồng rác như vứt một thứ vật hỏng bình thường, như cái rổ, cái rế... Việc kiếm ra một đứa bé không khó. Chỉ cần vài ba đồng bạc, một sái thuốc phiện, một bộ quần áo cũ là xong. Đời còn đói rét. Đói rét bất chấp tất cả, cả đạo lý, cả tình người.

Cún lớn dần lên, Cún dần ý thức được thân phận mình, buộc phải ý thức về hoàn cảnh mình.

Năm ấy, bấy giờ đang có chiến tranh, nhiều người chết đói. Trời rất lạnh. Cún và lão Hạ nằm cuộn mình trong hai cái bao tải ở một hiên nhà cách chợ Mới ngoại ô thành phố chừng trăm mét. Lão Hạ ho dồn. Lão yếu lắm, đã mấy ngày nay lão không dậy được, thỉnh thoảng lại ho ra máu.



Võ Tá Hùng

Hoá ra chẳng có quỷ ma...

- Cún này, mày đã lớn rồi... Tao sắp chết rồi... Mày sắp mất tao, mất chỗ dựa rồi... - Lão Hạ thều thào bảo Cún. - Thực ra tao cũng chẳng phải chỗ dựa của mày. Cả tao và mày cùng sống... Sống như con giun, con dế, như con ong, cái kiến... - Lão ho sù sụ rồi khóc. - Con người sống khác... Trời ơi, sao trời hành hạ chúng con như thế? Chúng con muốn sống như mọi người thôi mà sống không được...

Cún lắng tai nghe. Cún mặc kệ lão Hạ nức nở rên rẫm một mình. Cún chẳng nói gì. Cún quen với cảnh này rồi. Cún lấy tay co cái bao tải rách che bụng. Cún thở dài... Cún mệt mỏi rồi. Hơn chục năm nay, Cún đi ăn mày, Cún cũng chẳng lạ gì cuộc sống con người... *Ăn mày là ai, ăn mày là ta... Đói cơm rách áo hóa ra ăn mày...* Cuộc sống con người đầy

bất trắc và vô nghĩa, họ sống cũng như Cún, như lão Hạ, như con giun, con ếch, như con ong, cái kiến... Cún chỉ đau đớn vì Cún khuyết tật. Cún chưa phải là người, cái gì mọi người làm được thì Cún đều thấy khó quá. Càng lớn, Cún càng thấy việc Cún đứng vững ở trên mặt đất thực chẳng dễ gì. Cún cứ lẩy bẩy, cứ đi ba bước là lệch trọng tâm, cứ thế ngã quay ra đất. Hai chân hai tay của Cún không tuân theo được ý mình.

Gần đây, Cún tự dưng lo sợ, lo sợ một cái gì đấy vô hình. Cũng chẳng hiểu sao Cún lại hay nhớ, hay mơ đến Diệu, cô chủ nhà mà Cún và lão Hạ nằm ở hiên này. Cô Diệu bán hàng ở chợ, người lúc nào cũng thơm nức nước hoa, băng phiến. Cô Diệu có đôi mắt nhỏ và hai cánh mũi mỏng dính phập phồng. Tính cô hay đùa, hay cười. Cô hay gọi Cún là “thằng hình nhân mặt đẹp”.

- Này thằng hình nhân mặt đẹp! Cho mày một hào, sáng mai mày ra đón cửa cho tao. Mày như ngôi sao Hóa lộc ở cái nhà này. Hôm nào đi chợ gặp mày là người thiên hạ xô vào mua bán như tranh như cướp...

Cún cười bẽn lẽn. Cún cúi xuống nhặt đồng hào nhưng lại chúi người ngã quay ra đất. Đồng hào cách bàn tay Cún ba hàng gạch. Cún nhồm dầy lấy một đầu gối làm trụ để giữ trọng tâm, Cún giơ tay với nhưng không giữ được, lại ngã nghiêng người sang phải. Đồng hào còn cách Cún một hàng gạch nữa. Cô Diệu cười như nắc nẻ trên bậc thềm nhà:

- Cái thằng hình nhân mặt đẹp này ngộ quá chừng...! Cố lên! Cố lên lần nữa xem nào!

Cún thích chí cười. Trời ơi, Cún đã làm cho cô Diệu thích. Cún thấy sung sướng. Cún nhồm dầy, cố gập hai đầu gối. Được rồi... Thế, thế... Chỉ cố thêm một tí nữa và nghiêng người sang trái là chạm vào được đồng hào. Cún thở hổn hển, mồ hôi toát ra. Cún ước lượng. Cún cười. Đúng lúc Cún bật nghiêng người lên thì Diệu nhảy thụp xuống nhặt đồng hào để nhích sang một hàng gạch bên cạnh. Diệu ré lên cười. Cún bị mất đà ngã xuống nền gạch. Cún đập trán xuống nền gạch, máu trong miệng Cún trào ra nhưng Cún mặc kệ. Cún hít vội vàng cái mùi đàn bà quyến rũ. Chưa bao giờ Diệu lại ở gần Cún như thế.

Cún cười sáng sặc. Nếu Cún biết hát thì Cún sẽ hát...

Lão Hạ ngồi yên trong góc tường vỗ thương hại nhìn Cún. Lão nhồm dầy chậm chạp đến chỗ đồng hào, lão lẳng lẳng nhặt đồng hào cho vào túi mình.

- Thằng già khốn nạn! - Diệu bật nụ cười, môi mím lại đánh đá. - Đồng

hào không phải cho mày đâu đấy! Rồi lại đi nướng vào rượu cho xem!

Lão Hạ đứng im ủ rũ như người có lỗi, vai lão so lại như chờ người đánh, Diệu đi khuất vào nhà, lão Hạ mới ngồi thụp xuống lau máu cho Cún rồi xốc nách Cún đi về phía chợ...

Cô Diệu ấy len vào đời Cún dần từng ngày một. Cún cứ miên man suy nghĩ. Cún hình dung thấy cô Diệu đi lại, nói cười, Cún chẳng để ý gì đến những tiếng kêu ú ở nghen ngào của lão Hạ nằm bên cạnh. Mãi sau, lão Hạ học lên, những ngón tay sần sùi của lão bấu vào mặt Cún rất đau Cún mới bừng tỉnh. Cún mở mắt ra. Cún giật mình thấy mặt lão Hạ biến dạng hẳn đi, mặt lão trắng bệch như sáp, nhãn trung lệch sang một bên. Từ miệng lão, máu đen trào ra ồ ạt. Lão cố ú ớ nói gì đó. Bàn tay lão cố ấn vào tay Cún một cái túi con nặng nặng. Cún bò nhồm dậy. Cún đã hiểu ra sự việc: cái chết đang hiện ra bằng xương, bằng thịt ở trước mặt Cún. Nó đấy. Nó nấp trong trông mắt sâu hoắm và không thần sắc của lão Hạ đây. Cún khóc nức nở, thế là Cún đã mất đi một chỗ dựa rồi, chỗ dựa để Cún khỏi lệch trọng tâm ở trên mặt đất mà chính Cún cũng chỉ hiểu rất lơ mơ...

Sau cái chết của lão Hạ, số phận Cún cũng chẳng đổi thay mấy. Vẫn đói và rét. Trong cái mùa đông khủng khiếp năm ấy, Diệu đi lấy chồng. Chồng Diệu là một gã trai đưa hàng. Gã có đôi mắt khô ráo hoảnh. Mắt gã chẳng hề xúc động trước một điều gì. Cún theo dõi từng ngày cuộc sống của người con gái. Cún linh cảm thấy rồi cô sẽ chẳng được sung sướng gì.

Linh cảm không đánh lừa Cún. Ba tháng sau ngày cưới, gã chồng cô Diệu cuỗm sạch tài sản của vợ mới cưới trốn đi Nam bộ với cô tình nhân mới.

Cô Diệu như kẻ hóa rồ. Chỉ vì nhẹ dạ cả tin mà cô mất hết. Cô ốm đến hơn tháng trời, có lúc cô định tự vẫn.

Ngày cô Diệu khỏi ốm, bắt đầu ăn giả bữa được là một ngày hè nắng dịu dàng. Cô ngồi trong buồng trông ra ngoài phố. Nắng lung linh trên vòm lá bàng, cả vòm lá sấu và vòm lá linh lăng nữa. Nhà cô đi vắng hết, chỉ có tiếng một nghiêng gỗ gai gai cả người kêu ở góc chiếc tủ hàng rỗng không. Cô Diệu nhớ chợ, nhớ cửa hàng xén của mình. Liệu đến bao giờ cô mới có được cửa hàng như thế?

Cô Diệu buồn bã trông ra ngoài phố. Cô chợt thấy Cún ngồi ngay thềm cửa nhà mình. Cún đang đưa tay thu thu cái gì trong túi. Cô quỳ

xuống ngó ra cửa sổ, Cún đang giở bọc vải lão Hạ cho Cún, cái bọc vải gu, khâu chỉ đen, bé xíu như cái mề gà. Cô Diệu bỗng giật thót mình vì thấy trong lòng tay Cún lóng lánh mấy chiếc nhẫn vàng. Cô thấy lạnh toát sống lưng. Chân tay cô run bần bật. Một ý nghĩ bất chợt chớp trong óc cô.

- Này thằng hình nhân mặt đẹp! - Cô vội hé cửa ngòl thụp bên Cún.
- Mày có cái gì trong tay mày đấy?

Cún ngẩng mặt lên, Cún xòe tay ra rồi nói bằng giọng khoe khoang hồn nhiên như đứa trẻ dại:

- Nhẫn đấy! Đây là nhẫn vàng lão Hạ cho Cún...

- Vàng thật hay là vàng giả?

Cô Diệu chớp lấy tay Cún; trong tay cô có ba chiếc nhẫn, mỗi chiếc dễ đến hai đồng cân vàng.

- Để tao xem thử nào?

Cô Diệu cầm từng chiếc nhẫn và khê để rơi trên nền đá. Cô lắng tai nghe. Cô soi ra ánh sáng. Cô cho vào miệng cắn. Cô xuyt xoa rên rĩ:

- Trời ơi, vàng thật đấy rồi... Cả một gia tài đây nhè... Cái thằng hình nhân mặt đẹp này thật là giàu...

Cô tái mặt đi, cô cười, cô đâm thùm thụp vào người của Cún.

- *Thực vàng chẳng phải thau đâu... Đừng đem thử lửa mà đau lòng vàng...* Thằng chó con này! Sao đến bây giờ tao mới biết mày?

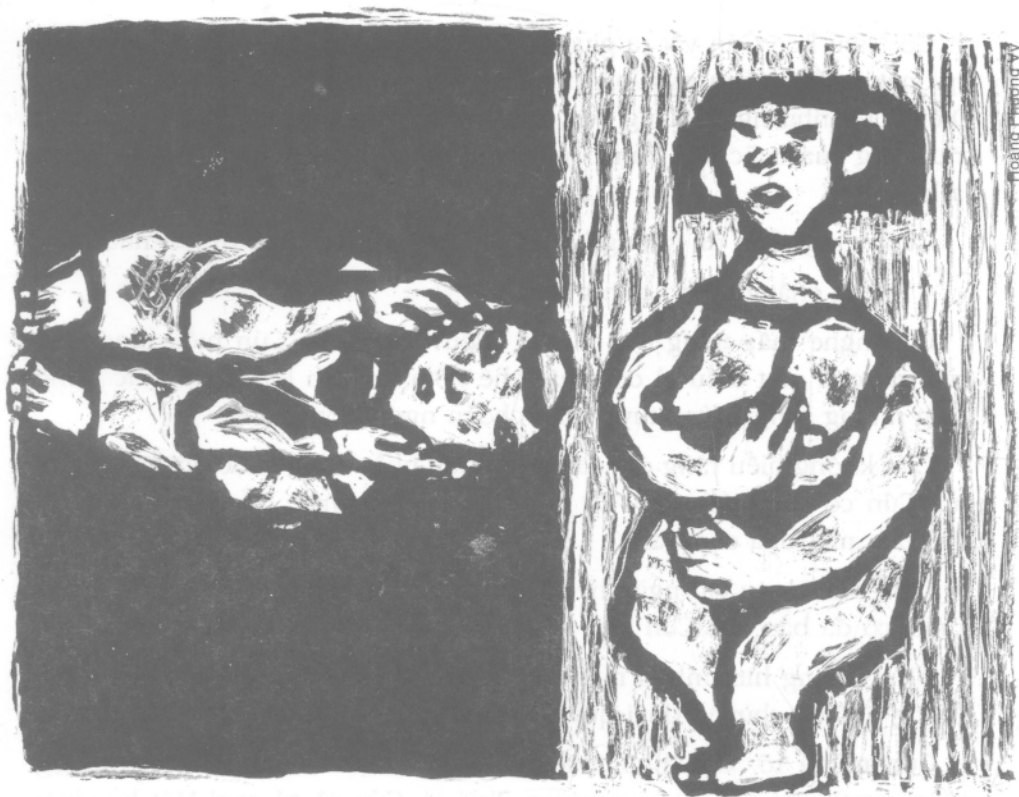
Cô Diệu hỗn hển:

- Vào đây... vào đây... Cái thằng chó con giàu có...

Cô Diệu khép cánh cửa lại, ấn người Cún xuống ghế. Cô lồng nhẫn vào ngón tay rồi chắp hai tay ra phía đằng sau. Cô đứng sát trước mặt Cún, người hơi ưỡn ra phía trước như một cây cung...

- Thế nào? Tao mặc cả nhè! - Cô Diệu vừa nói vừa cười, ý nghĩ của cô rạch nhanh như những tia chớp trong đầu. - Mày hãy cho tao ba cái nhẫn này, mày không có nó cũng không sao... Mày vẫn là đứa ăn mày... Thế nào? Có đồng ý không? Mày muốn gì tao cũng nghe mày...

Cún gật đầu, hai khước mắt Cún đầy lệ. Cún chỉ thấy sung sướng. Cún đã làm cho cô Diệu thích. Cô Diệu đã bình phục. Cô Diệu đã khỏe rồi. Cún như mê ngủ. Như người trong mộng.



Thật vàng chẳng phải thau dẫu...

- Thế nào? - Cô Diệu cúi người cọ trán của cô vào trán của Cún. - Làm gì mà thần mặt ra thế? - Cô cười sáng sặc. - Nói đi... Bây giờ mày muốn cái gì?

Cún đưa tay lên, Cún không chủ động được những sợi gân chằng ở trong cánh tay, cánh tay Cún vẽ một cử chỉ vu vơ trong khoảng không. Những người chiêm hương trước bàn thờ cũng có cử chỉ vu vơ như thế...

- Hiểu rồi... Tao hiểu rồi. - Cô Diệu ngồi xuống bên Cún vuốt ve. - Mày cũng là thằng khốn kiếp lắm kia! Đàn ông chúng mày thế hết... Được đấy... Được đấy... Thế là phải giá... Được rồi... Tao chỉ sợ mày sẽ không làm được. Thằng chồng mất dạy của tao còn không làm cho tao chữa được nữa là...

Cô Diệu kéo Cún vật ra giường. Cún hoảng sợ. Cún nhắm mắt lại rồi úp mặt xuống cánh mũi phập phồng hơi ánh một màu xanh mờ của Diệu. Cún như người đang bay trên mây... Cún cảm thấy bao nỗi buồn trĩu nặng của cuộc đời Cún bỗng được trút hết cả đi, khuây khỏa lạ lùng.

Cuối cùng, Cún đã không hiểu Cún đã ngồi ở vỉa hè từ khi nào nữa.

- Thế là chẳng có nợ nần gì nhé!

Cún nghe thấy tiếng nói của cô Diệu đâu đó và Cún hiểu rằng Cún vừa trải qua một điều gì đấy thật ghê gớm, thật to lớn. Cảm giác trống rỗng nhưng sung sướng tuyệt trần choán ngập trong lòng.

Cún không hiểu rằng đây là cơ hội duy nhất trong cuộc đời khốn nạn của Cún có cảm giác này. Cơ hội đó, oái oăm thay, để chín tháng sau cho Cún một đứa con trai...

Chín tháng sau cái ngày hè ấy, cô Diệu sinh con trai. Từ mấy tháng trước, cô đã báo cho Cún biết tin này:

- Nay thằng hình nhân mặt đẹp... Mày sắp có con rồi đấy! Tao cũng không ngờ có chuyện quái quỷ thế này!

Cún mừng rỡ. Cún như một người điên dại. Cún không ăn không uống, người chỉ còn da bọc xương. Trời ơi, Cún sẽ có con! Một kẻ chưa được thành người lại sẽ có con. Cún đã hình dung về nó thật rõ ràng. Nó đi mạnh mẽ ở trên mặt đất, nó không bao giờ lệch trọng tâm, nó vừa đi vừa mỉm cười, xung quanh nó là một vầng ánh sáng đủ màu.

Cún sống trong trạng thái như ngây như dại mấy tháng trời trong khi cô Diệu mang thai. Cún ốm nặng, Cún chỉ sợ nhất cái chết ập đến bất ngờ khi Cún chưa biết đứa con thế nào. Cún thỏa thuận với cái chết, Cún cầu xin nó từng ngày. Cái chết đồng ý cho Cún chờ đến cái phút con Cún ra đời, nó sẽ thay thế Cún chạy tiếp chặng đường đi trên mặt đất.

Đúng đêm cô Diệu đẻ, Cún bò lết từ lều chợ đến cửa sổ nhà cô. Trời mưa phùn, cái lạnh thấm vào người làm Cún tê buốt. Đầu Cún nóng bừng, thỉnh thoảng Cún lại ngất đi mê man. Chỉ hơn trăm mét mà Cún thấy xa xôi quá. Cún cố gắng giành giật từng mét đường đi cùng với cái chết. Nó đấy. Nó đen như là đêm tối kia rồi. Cún cứ nhích lên là nó lại kéo Cún ngã dúm xuống bùn.

Cún vừa lết đi vừa rên, máu từ trong tai rỉ rả chảy ra. Cún đến được hiên nhà bên cái cửa sổ sáng đèn thì ngất xỉu. Khi tỉnh lại, Cún có cảm

giác như bị một vật gì mông mênh đè nặng lên người.

Cún há miệng ra... Khát, khát. Cún thấy khát khô cổ họng. Cả đời ăn mày nhọc nhằn của Cún cũng chưa bao giờ bị khát thế này. Cún cố nín thở để giữ sức lực. Cún chờ tín hiệu của đứa con mình. Cún cứ hết mê lại tỉnh. Mãi đến nửa đêm Cún bỗng giật mình vì những tiếng kêu rối rít trong nhà. Có tiếng oa oa của trẻ sơ sinh... Tiếng khóc con trai. Cún biết nó đấy, đứa con mà Cún chờ đợi nay đã ra đời.

Cún cười sung sướng rồi lịm người đi. Có một làn gió rất chi mơ hồ lướt trên khuôn mặt bất động của Cún.

Cún đã chết. Cuộc đời thật ngắn ngủi, cuộc đời của kẻ chưa được thành người. Đây là mùa đông năm 1944."

III

Sau khi viết xong chuyện Cún, tôi mang đến đọc cho nhà nghiên cứu văn học, giáo sư tiến sĩ X. nghe. Mặt anh tái đi theo diễn biến câu chuyện.

- Không phải thế! - X. giằng lấy tập bản thảo ở trên tay tôi. - Cậu viết những điều bịa đặt! Cần phải tôn trọng hiện thực. Hiện thực khác lắm! Cậu biết cha tôi như thế nào không?

X. lục lại đầu óc ở trong tủ sách và anh lấy ra một tấm ảnh màu. Anh cười khe khẽ, hơi ngân nga nữa, bàn tay mềm mại chạm vào giữa huyệt Du chì ở khuỷu tay tôi:

- Cha tôi là Cún nhưng không phải thế! Hiểu không? Ảnh của ông cụ đây này!

Trong ảnh, một khuôn mặt đàn ông to béo mặc áo the đen, cổ hồ cứng, có hàng ria đen xén gọn nhìn tôi mỉm cười.

CHẢY ĐI SÔNG ƠI

Đoạn sông chảy qua bến Cốc lia một vòng cung đầy những doi cát bên bồi về mãi phía Tây. Bến đò ở ngay gốc gạo đơn độc đầu xóm. Con sông bến nước mơ màng và buồn cô liêu, nửa như chờ đợi, nửa như hồn dỗi. Mùa hoa, trên ngọn cây gạo màu đỏ xao xuyến lạ lùng. Nước lờ lững trôi, giữa tim dòng sông rạch một mũi sóng dập dờn, ở đầu mũi sóng có một điểm đen tựa như mũi giáo. Bến đò tĩnh lặng rất ít những người qua lại. Mùa đông có cả những con sáo lông đen chân vàng đậu trên sợi thép nứu đò căng từ gốc gạo sang phía bên kia sông. Chúng nghiêng nghiêng đầu xuống dòng nước chảy thao thiết lú ra lú rú. Chiều xuống, tiếng chuông nhà thờ ở giữa bến Cốc lan trên mặt sông mang mang vô tận. Con sông tựa như giật mình phút chốc sau đó lại lặng im trôi, giống như một người hiểu biết tất cả nhưng đang mãi mê suy nghĩ, chẳng cần mà cũng chẳng thèm biết đến xung quanh chọn rộn những gì.

Con sông và bến đò ấy gắn với đời tôi những năm thơ ấu. Hồi ấy nhà tôi ở cách bến đò chừng dặm trăm thước. Ngoài giờ đi học, thỉnh thoảng tôi vẫn lang thang xuống bến đò chơi.

Thường thường, tôi vẫn thích nhất mùa đánh cá mè. Tiếng gõ đuổi cá lanh canh và tiếng sóng vỗ oàm oạp bên mạn thuyền nan làm tôi mê mải. Ở trên mặt sông ánh sao mờ hắt xuống những vệt lặn tẩn bâng bạc đẹp đến lạ lùng. Hàng chục chiếc thuyền thúng bé nhỏ lặng tờ trôi trên mặt nước. Tiếng ho húng hắng, tiếng rít thuốc Lào và tiếng lẩm rầm đọc kinh cầu nguyện nghe thú vô cùng. Về sáng, một dải sương mù buông tỏa trên sông, không thể phân biệt ranh giới giữa bến với bờ, giữa đường mặt sông với nền trời nữa. Những con cá mè màu trắng bâng bạc đầy trong lòng thuyền. Mùi khói thơm nồng và mùi cá nướng thơm ngậy lan trong không khí ban mai trong sạch. Tất cả những quang cảnh ấy và cảm

giác ấy đều thật tuyệt vời. Tuyệt vời hơn nữa còn là truyền thuyết huyền hoặc về con trâu đen ở khúc sông này. Những người đánh cá ban đêm quả quyết đã nhìn thấy nó. Nó thường xuất hiện vào lúc nửa đêm. Nó ở dưới đáy lòng sông lao lên mặt nước. Toàn thân bóng nhẫy, đôi sừng vút cao, mõm thở phì phì, con trâu phi trên mặt nước như phi trên cạn. Con trâu phì bọt, nước dãi của nó tựa như trứng cá. Nếu ai may mắn hớp được bọt ấy sẽ có sức lực phi thường, bơi lặn dưới nước giỏi như tôm cá.

Tất cả những điều như thế đối với tuổi thơ của tôi có sức lôi cuốn lạ kỳ. Thâm tâm, tôi vẫn ước mong nhìn thấy con trâu, biết đâu tôi sẽ chẳng được hưởng điều kỳ diệu? Hễ cứ chập tối là tôi bỏ nhà ra đi, mặc kệ sách vở và những lời khuyên của mẹ. Tôi xuống bến đò, năn nỉ những người đi đánh cá mời để giúp không công cho họ. Thường tôi phải rã bọt mép mới có một người nào đấy thương hại cho tôi ngồi ghé lên thuyền.

- Chỉ qua bến Cốc thôi nhá! - Ông chủ hào hiệp của tôi mặc cả. - Thằng ngu như chó, trời rét thế này về mà nằm ổ. Mà định học đánh cá mời để làm gì thế?

- Nó định lớn lên lập hợp tác xã! - Một gã béo lùn và đen trùi trùi ở chiếc thuyền bên mồm cười thâm hiểm. - *Giêsuma!* Ông lỗi đã sành đi đánh cá đêm thì ta chỉ còn xương cá mà ăn thôi đấy!

- Quảng nó xuống sông cho Hà Bá bắt! - Một gã nào đấy hăm dọa. Thuyền gã lướt qua và gã dùng chiếc mái chèo thúc vào sườn tôi đau điếng.

- Ông cho nó đi xúi cả mẻ cá đêm nay là ăn đòn đấy! - Một lão mất chột găm gừ. Lão giơ mái chèo về chẳng có gì là đùa bỡn cả.

- Thôi mày xuống đi! - Ông chủ của tôi hốt hoảng. - Cái lão trùm Thịnh không đùa với lão được đâu.

- Cháu xin bác... - Tôi rên rỉ. - Bác bảo cho cháu đến cuối bến Cốc cơ mà!

- Cốc với cò gì... - Ông chủ của tôi lái thuyền vào bờ, nửa như bực bội nửa như ngượng nghịu. - Mày chỉ mới ngồi mà nước tràn cả vào thuyền, đến cuối bên Cốc thì tao xuống dưới đáy sông với Hà Bá à?

Tôi lội xuống thuyền nhìn theo, nước mắt giàn giụa. Có con cá gì thúc vào giữa bụng chân tôi, tôi cảm thấy cái vây của nó đục vào nhòn nhòn mềm mại.

Có lần tôi được chính gã béo lùn và đen trùi trùi cho ngồi lên thuyền.

Tên gã là Tảo. Gã có đôi mắt lơ lơ như là mắt cá, một vết sẹo bỏng ở má bên trái to bằng bàn tay làm mặt của gã biến dạng hẳn đi. Gã nói với tôi bằng giọng mềm mại và trơn tuồn tuột:

- Tao cho chú mày lên thuyền nhưng tao bảo gì chú mày phải nghe đấy nhá... Hồi tao bằng tuổi chú mày tao cũng đi đánh cá đêm. Tao quăng lưới xuống lòng sông rồi ra sức kéo. Hôm ấy mưa phùn mà rét rét là... Lưới nặng như cùm. Tao nghĩ phen này phải được một mẻ cá lớn ư... Khi tao kéo lưới lên thuyền thì mày có biết gì trong lưới hay không? Một cái đầu lâu người chết! Tóc xòa rũ rượi vương những sợi rong dài như giun đũa. Cái đầu ngâm nước trương phình, mồm như quả thị. Máu bết ở hai lỗ mũi nhơm nhớp như nước dãi người... Tao đụng tay vào hai hàm răng thì nó tụt ngay khỏi lợi. Những cái chân răng ba ngạnh dài bằng đốt tay dính đầy những sợi dây chằng bé như sợi chỉ... Hai mắt của cái đầu lâu thô lỗ nhìn tao, hai cái con ngươi từ từ đùn khỏi hốc mắt cứ thế phồng ra như có người bơm không khí...

Tôi sợ tái người. Con thuyền không người điều khiển quay tròn tạo thành những xoáy nước nhỏ. Tảo bỗng quát lên:

- Chèo gì lạ thế? Đã sợ vãi đái ra quần rồi hả? - Tảo đưa ngón tay chuối mẩn nắm lấy ngực tôi. - Tôi xin mời ông cút khỏi thuyền ngay! Ông ở trên thuyền rồi tôi lại kéo phải đầu lâu người thì thôi tôi chết!

Tôi khóc nức nở, lạy van rồi rít. Thuyền của chúng tôi đang ở giữa sông, cây gạo ở phía bên bờ trông xa như một bàn tay nhỏ bé nhiều ngón khua lên bầu trời dùng dục.

- Nhảy xuống! - Tảo nhe hàm răng nhọn hoắt quát lên hung dữ. - Ông cho mái chèo vào gáy bây giờ!

Tôi trườn xuống dưới dòng nước và lặn lẽ bơi, mắt hướng về phía cây gạo làm chuẩn. Tảo cho thuyền bơi ngược dòng, giọng cười của gã rờn vờn trên mặt nước:

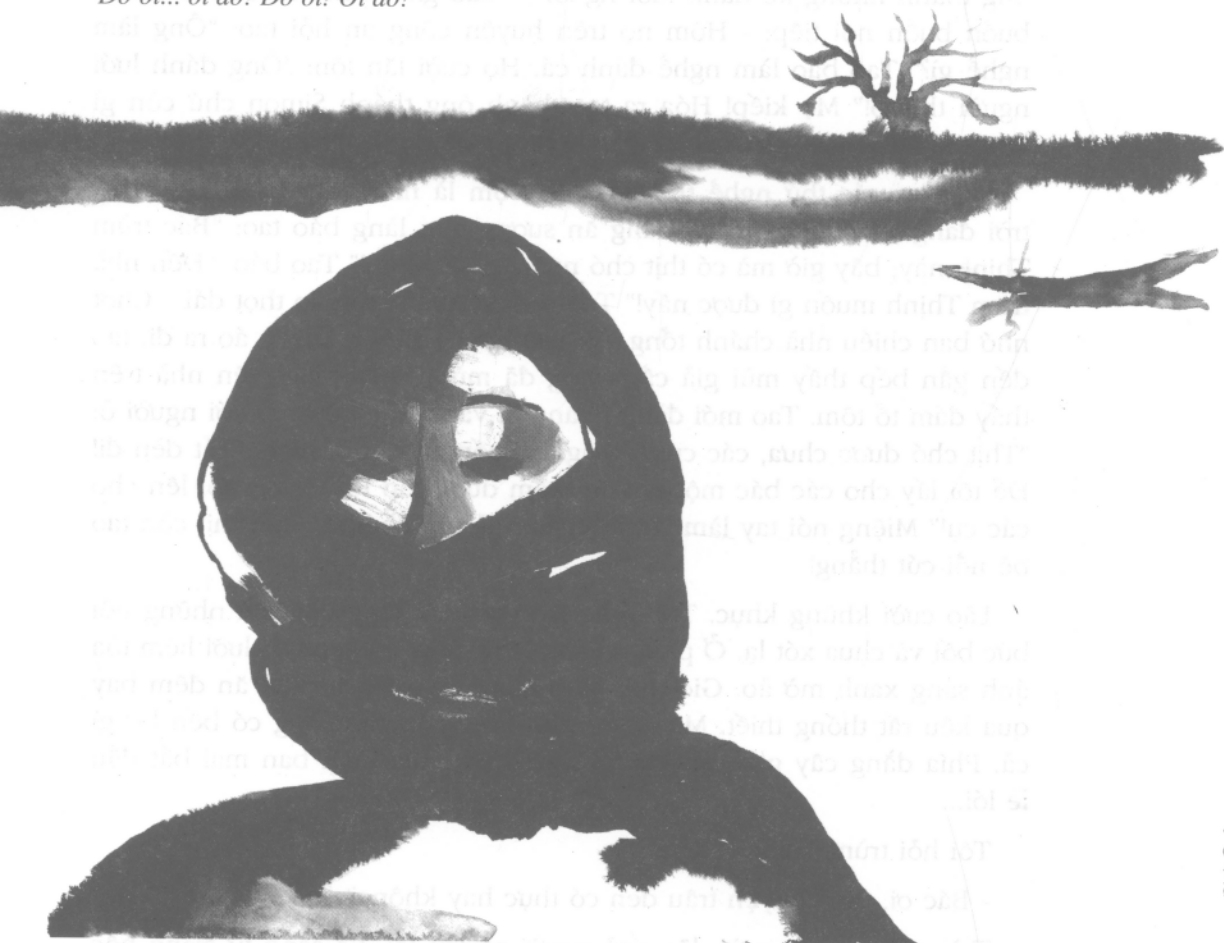
- Bơi cho cẩn thận đấy nhá! Chỗ ấy là chỗ ngày trước tao kéo được đầu lâu đấy!

Tôi cắn chặt răng để khỏi òa khóc. Trái tim nhỏ bé của tôi thất lại. Nước chảy rất xiết, nước chảy bao giờ cũng xiết. Có điều phải cố mà bơi cho đến được bờ...

Cũng có một lần tôi theo trọn được buổi đánh cá đêm. Lần ấy tôi ngồi thuyền của trùm Thịnh. Lão già chột mắt này rất nổi tiếng vì những câu

chuyện rừng rợn trong cuộc đời mình. Hồi trẻ lão từng đi lính cho Tây. Vợ lão có hai đứa con da trắng mắt xanh mũi lõ. Lão giết thằng quan ba Tây để chiếm vợ. Những vụ trộm lớn trộm nhỏ trên phố chắc có dính líu đến lão vì cứ thỉnh thoảng Ủy ban lại gọi lão giam ít ngày. Lão mở quán mì vẫn thảnh thơi nhưng người ta vẫn đồn lão dùng thịt chuột đánh bả thạch tín. Bát mì vẫn thảnh mang cho chó ăn chó chết. Người ăn thịt chó cũng lại chết luôn. Quán mở nửa tháng thì lão dẹp tiệm, lão chất rơm vào trong quán rồi đốt đùng đùng. Có người kể rằng khi lửa bốc cao thì ở trong quán có con chuột to bằng bắp chân người phóng thẳng ra ngoài cứ cười hềnh hếch... Cái lão trùm Thịnh khùng khiếp thế mà đồng ý cho tôi đi theo. Tôi trèo vào thuyền mà run như dế. Nhưng rồi chính niềm

Đò ơi... ời đò! Đò ơi! Ơi đò!



say mê huyền diệu và phiêu lưu đã thắng trong tôi. Tôi bắt đầu chèo và cố làm tốt những điều lão già sai bảo.

Lão già bắt tôi lái thuyền men theo bờ sông bên lở. Thuyền lão bỏ cách thuyền khác đến nửa cây số. Tôi nhìn cách lão điều khiển con thuyền và hiểu đây thực là tay bợm già trong nghề sông nước... Lão biết những chỗ thuyền nên dừng lại. Cũng có nhiều khi lão nằm hàng giờ nửa thức nửa ngủ kể tôi xoay xở. Khoảng quá nửa đêm lão tỉnh như sáo và bỗng huyền thuyền đủ các thứ chuyện.

- Cái nghề đánh cá là nghề có sớm bạc nhất. - Lão nói với tôi. - Anh em ông thánh Simon trước kia cũng đi đánh cá. Đức Chúa Giêsu trông thấy mới bảo họ rằng: "Các ông hãy đi theo tôi, rồi tôi sẽ biến đổi các ông thành những kẻ đánh lưới người". - Lão già rút hơi thuốc lão rồi lại buồn buồn nói tiếp: - Hôm nọ trên huyện công an hỏi tao: "Ông làm nghề gì?" Tao bảo làm nghề đánh cá. Họ cười lăn lộn: "Ông đánh lưới người thì có!" Mẹ kiếp! Hóa ra tao thành ông thánh Simon chứ còn gì nữa!

- Trong các thứ nghề thì nghề ăn trộm là nhàn nhả nhất... Có lần, trời đang mưa phùn, mấy thằng ăn sương bên làng bảo tao: "Bác trùm Thịnh này, bây giờ mà có thịt chó ngồi ăn thì thích!" Tao bảo: "Đến nhà trùm Thịnh muốn gì được nấy!" Tao nói thế thôi, cũng lo thọt dái... Chợt nhớ ban chiều nhà chánh tổng Thi giết chó... Thế là khoác áo ra đi, tao đến gần bếp thấy mùi giả cây bưng đã mừng thầm. Ngó lên nhà trên thấy đám tổ tôm. Tao mới đang hoảng đi vào trong bếp nói với người ở: "Thịt chó được chưa, các cụ đang giục cuống lên trên nhà... Tắt đèn đi! Để tôi lấy cho các bác một bát ăn thả dưới bếp rồi tôi bê nổi lên cho các cụ!" Miệng nói tay làm... Mấy thằng gà mờ chúi vào bát thịt còn tao bê nổi cút thẳng!

Lão cười khùng khục. Tôi nghe lão cười mà lòng cộn lên những nỗi bức bối và chua xót lạ. Ở phía doi cát bên sông, vầng trăng lưỡi liềm tỏa ánh sáng xanh mờ ảo. Gió thổi mơn man. Có con chim gì ăn đêm bay qua kêu rất thống thiết. Mặt sông như rộng hẳn ra chẳng có bến bờ gì cả. Phía đằng cây gạo, những tia sáng hồng của buổi ban mai bắt đầu le lói...

Tôi hỏi trùm Thịnh:

- Bác ơi, thế chuyện trâu đen có thực hay không?

Trùm Thịnh bật cười, lão ngả người ra sau lái, tia sáng từ trong hốc

con mắt lạnh nhay nháy:

- Tao đã đánh cá trên khúc sông này sáu chục năm trời. Tao thuộc từng luồng lạch một... Chuyện con trâu đen chỉ là chuyện đồn nhảm nhĩ... Mày hãy tin tao, ở bến Cốc này thì chuyện giết người ăn cướp có thực, ngoại tình có thực, cờ bạc có thực, còn chuyện trâu đen là giả.

Tôi lên một tiếng thở dài, con thuyền bỗng bênh trôi xuôi.

Một lát, thuyền của chúng tôi tìm cách vòng ra tim sông. Những con thuyền khác cụm dần một chỗ, tiếng gõ lanh canh vang trên mặt nước nghe rất rộn ràng. Trùm Thịnh bỗng nhiên chồm dậy, giọng lão lạc đi rất lạ:

- Luồng cá!

Những con thuyền khác cũng đã phát hiện ra được luồng cá. Một cuộc giành giết diễn ra, tiếng lưới ném xuống mặt sông rào rào. Thuyền của chúng tôi bị kẹp giữa những chiếc thuyền khác, không sao tung lưới ra được. Trùm Thịnh lâu bầu chửi rủa. Lão điều khiển thuyền vọt lên làm tôi ngã ngửa. Tôi định ngồi dậy thì thuyền chòng chành lật nghiêng hất tôi xuống nước. Tôi không hiểu ngay được tình thế mình. Nước sặc vào miệng khiến tôi ngạt thở. Một nỗi hoảng hốt lạnh buốt lướt trong tim óc. Tôi gào thét thanh kêu cứu. Chân tôi cứng đờ, đầu buốt lạ lùng. Tôi chìm xuống nước. Tôi bỗng hoảng sợ điên cuồng vì nhớ những người đánh cá có lệ không cứu những ai chết đuối... Tôi mê lịm đi, thấp thoáng nghe có tiếng ai như đang tâm sự với mình:

- Năm nay Hà Bá chưa bắt người nào!

Tiếng một phụ nữ thất thanh. Tôi ngất lịm đi, thấy cả bầu trời sập xuống.

* *
*

Khi tôi tỉnh dậy, tôi thấy mình nằm trên con đò ngang. Ngồi bên cạnh tôi là một phụ nữ khăn trùm kín mặt. Đôi mắt to đen nhìn tôi mừng rỡ:

- Thế là tỉnh rồi... Em ăn một tí cháo nhé?

Tôi cố nhồm dậy, bụng dạ trống rỗng và đau cồn cào, chân tay tôi run bần bật, tôi đón bát cháo cá nóng mà cầm không vững.

- Để chị bón cho. - Người phụ nữ nói dịu dàng. - Chị tưởng em chết. Chân tay em cứng đờ ra.... Lão Tảo dốc trong bụng em ra đến nửa vại nước. Em là liều lắm! Đi đánh cá đêm với lão trùn Thịnh có ngày chết toi mất xác!

- Chị cứu em à? - Tôi hỏi.

- Ủ... Chị nghe thấy em kêu cứu.

- Bọn đánh cá đêm ác lắm chị ạ. - Tôi buồn rầu nói. - Họ nghe thấy em kêu cứu mà cứ lờ đi...

- Đừng trách họ thế. - Người phụ nữ an ủi tôi, giọng nói ngân nga như hát. - Có ai yêu thương họ đâu... Họ đói mà ngu muội lắm...

Tôi ngạc nhiên nghe lời chị, chưa ai đi nói với tôi những điều như thế. Buổi sáng hôm ấy trời đẹp tuyệt vời. Mùa đông thường có những ngày nắng ấm tương tự thế này: mặt trời hào phóng trải trên mặt đất tất cả hào quang rực rỡ của mình. Trời xanh ngấn ngát, một làn gió thổi làm những hạt cát trên thuyền xoáy thành lốc nhỏ. Ở bên kia sông có tiếng ai hát một bài rất lạ, tiếng hát thật buồn:

*Chảy đi sông ơi
Băn khoăn làm gì?
Rồi sông dài bến
Anh hùng còn chi?...*

Tiếng hát lơ lửng bay trên mặt sông. Hơi nước ở trên mặt sông bốc lên ngùn ngụt. Lòng tôi trào dâng cảm giác dễ chịu lạ lùng, như vừa tắm xong, như vừa gột rửa được điều u ám.

Thế là từ đấy tôi quen chị Thắm. Chị Thắm nhà trong bến Cốc. Nhà chị nghèo lắm. Suốt ngày chị ở trên con đò ngang, một tấm khăn vuông đen trùm mặt.

Có lần tôi hỏi chị Thắm về chuyện trâu đen. Chị bảo:

- Trâu đen có thực! Nó ở dưới nước. Khi nó lên bờ là nó mang cho người ta sức mạnh... Nhưng nhìn thấy nó, được nó ban điều kỳ diệu phải là người tốt.

Tôi tin lời chị. Lòng tôi vẫn hằng ấp ủ trông thấy điều kỳ diệu ấy.

- Con người ta tầm tối lắm... - Chị nói với tôi khi hai chị em ngồi trên mũi đò chờ khách sang sông. - Con người vô tâm nhiều như bụi bặm trên đường...

Tôi nghe chị nói, mắt ngó nhìn những bông hoa gạo thỉnh thoảng lại khê khằng buông những cánh đỏ thắm trên bãi cát ướt.

Tôi thiu thiu ngủ, văng vẳng lời chị đang kể thủ thỉ sự tích các Thánh trên nước Thiên đàng:

- Ngày xưa ngày xưa ở xứ Giêruxalem có một *con người*...

* *

*

Mùa hè năm ấy nhà tôi chuyển về thành phố. Thế là tôi xa bến Cốc, xa chị Thắm. Khi tôi ra đi, chị Thắm gọi tôi xuống đò cho ăn cháo cá. Tôi cũng không ngờ đó là bát cháo cá mòi cuối cùng tôi ăn trong thời trai trẻ. Một cuộc sống mới mở òa ra trước mắt tôi. Thành phố cũng bán cá mòi, nhưng là thứ cá đã được ướp khô, rút ruột.

Tôi cũng chẳng biết tôi hòa cùng với nhịp sống thành phố từ khi nào nữa. Tôi lớn dần lên, hăm hở đuổi theo bao điều phù du. Kỷ niệm về mùa cá mòi và chuyện trâu đen trong thời thơ ấu của tôi phai nhạt dần đi.

Năm ngoái, bỗng nhiên tôi có dịp trở về qua bến Cốc. Bây giờ tôi đã trưởng thành. Tôi làm công chức ở Sở, lấy vợ, để một đàn con đông đúc. Cuộc sống trưởng giả no đủ bao bọc lấy tôi. Có lẽ tôi cũng chẳng có gì phàn nàn cuộc sống. Ước mơ tuổi trẻ nhường chỗ cho bao nhu cầu thiết thực.

Bến Cốc vẫn hệt như xưa. Cá mòi phơi trắng trên bờ. Bến đò rất ít những người qua lại. Cây gạo vẫn đứng cô đơn chốn cũ, màu hoa rực đỏ xao xuyến bốn chôn. Tôi bước xuống đò mà lòng bồi hồi khôn tả.

Trên đò, một bà cụ già đang ngồi tư lự. Tôi bước lại gần khê hỏi: '

- Cụ ơi, chị Thắm lái đò còn ở đây không?

- Thắm ư? - Bà cụ thoáng nổi ngạc nhiên. Tôi đứng lặng người khi nhận ra con đò cũ. Kỷ niệm ấu thơ bỗng vụt hiện về.

- Ông quen nhà Thắm ư ông? - Bà cụ hỏi tôi, giọng nói nghẹn ngào.

- Bao nhiêu năm nay chẳng hề có ai hỏi thăm nhà Thắm... Nhà Thắm chết đuối hai chục năm rồi!

Tôi òa lên khóc nức nở. Xung quanh sông nước nhòa đi. Bà cụ lái đò

vẫn đang rầu rầu kể lể:

- Khốn nạn! Nhà Thăm cứu được không biết bao nhiêu người ở khúc sông này... Thế mà cuối cùng nó lại chết đuối mà không ai cứu...

Bên sông lại vắng tiếng hát thuở nào tẻ tái:

*Chạy đi sông ơi,
Bắn khoăn làm gì?
Rồi sông dài hết
Anh hùng còn chi?...*

Tôi muốn gào lên chua xót. Tôi bỗng nhiên thấy cuộc sống hiện giờ của tôi vô nghĩa xiết bao. Con trâu đen, con trâu đen trong thời thơ ấu của tôi nay ở đâu rồi?

Bên sông có tiếng ai gọi đến là ráo riết:

- Đò ơi... ơi đò! Đò ơi! Ơi đò!

1985

CHÚT THOÁNG XUÂN HƯƠNG

"Chành ra ba góc đa còn thiếu..."
(Hồ Xuân Hương)

Truyện thứ nhất

Tổng Cóc nhìn ra ngoài cửa. Ông ngắm cái sân lát gạch Bát Tràng lâu ngày đã rỗ rạn. Do cống thoát nước đã mấy năm nay tắc nên mưa là nước tràn cả vào sân. Để thế, không những sân mà cả ngôi từ đường cũng hư nát. Thông cống thì sức nhà này không làm riêng được, cái cống đụng chạm đến bao nhiêu nhà.

Tổng Cóc nghĩ ngợi, ông vớ lấy be rượu sành mở nút lá chuối rót ra chén. Đây là thứ rượu Xuân Hương mang ở quê ngoại Kinh Bắc về nhà.

Tổng Cóc đắm đắm nhìn vào chén. Hơi rượu thơm sức làm ông hắt hơi rịn cả nước mắt. Ông bực mình lấy ống tay áo lau mắt rồi uống đại một hơi.

Tổng Cóc thở dài. Ông chẳng bao giờ có được phong độ lịch lãm như người. Trời sinh ra ông thô vụng xấu xí thì đành chịu. Ông có cái lỗ cái hiệp của ông, để gì ai có?

Tổng Cóc nghĩ ngợi. Ông không chịu được cái vẻ sạch sẽ gớm ghiếc của người đời. Nó chán chết. Ông thích những gì ào ạt của cuộc sống thực trần tục.

Tổng Cóc biết mình không được học hành nhiều, việc nhà thì bận rộn. Ông sợ cái nghèo cái đói. Nhìn ra ông thấy một lũ vô học và vô lương tâm vẫn đang nhớn nhoe ăn sung mặc sướng. Như thể ông hoàng bà chúa. Ông điên người. Ông cũng lao động quần quật, ông cũng đã đổ mồ hôi nước mắt. Ông phải có quyền sung sướng theo cách sắp xếp



Ta không bàn bạc với chú...

của ông. Tổng Cóc rót chén rượu nữa. Ông biết thiên hạ coi ông chẳng ra gì. Thiên hạ coi ông là thô lậu. Ông chẳng cần. Ông khinh những kẻ không dám sống thực, không dám lặn sâu xuống đáy cuộc đời. Ông cũng khinh cả những kẻ lặn mình xuống đáy rồi ngập ở đáy không sao lên được. Ông hiểu sống cho giản dị là khó vô cùng. Thế nào là phải? Sống phải cho mình là đã sống phải cho thiên hạ. Làm điều gì đấy không phải với mình thì sao ép người khác phải? Thiên hạ uốn theo chiều gió, gió thổi bốn phương tám hướng thì biết sao được? Bản tính người Việt là hay trông ngóng, nhiều khi quên gốc ở ngay chính tim óc mình. Ăn cũng trông nể trông hướng, nhưng cứ trông mãi mà quên mất ăn thì chết. Cha chung không ai khóc là thế, vì cứ ỷ nhau, ngóng nhau. Nhà này ông không tự lo mà cứ trông vào họ hàng thì cũng sạt nghiệp lâu

rồi, đâu mà xây cất được cả dinh cơ như vậy? Thiên hạ làng nước ghét ông, nó thấy ông cứ trần lặc, ông cóc cần gì ai cả, ông cứ lăm lăm lạnh lùng xuyên lên như dao xuyên thịt. Nó nói xấu ông. Nếu chúng cứ sống như ông, liệu mặt chúng có nhàu đi như đùm vấy rách?

Tổng Cóc thở dài. Đã từ lâu khi ông ra đường ông đều xâu theo vài ba chuỗi tiền Cảnh Hưng vào cặp quần, ông buộc nó cả vào bụng. Ông coi tiền như rác bùn nhưng cũng coi nó như vua chúa. Đồng tiền giúp ông hiểu rõ đời hơn theo cung cách riêng của nó. Hôm ở hội Gióng có bà quận chúa họ Trần nổi tiếng kiêu kỳ, võng lọng nghênh ngang, coi người như rơm rác. Bà đánh bạc thua, sĩ diện muốn gỡ lại bạc nhưng chẳng có tiền, cũng chẳng dám vay các bậc công hầu. Ông thấy điều đó và giữa đám hội ông thần nhiên đi đến ghé vào tai bà nói nhỏ:

- Tâu lạy quận chúa, quận chúa sẽ đủ tiền đánh cho hết hội.

Quận chúa đưa đôi mắt sắc như dao nhìn kỹ Tổng Cóc rồi kéo ông ra một góc:

- Nếu ông có cho ta vay thì ta cũng chẳng có tiền để trả! Chồng ta là quan thượng thư nhưng chẳng bao giờ cho ta tiền cả.

- Tâu lạy quận chúa, quận chúa có thứ bán được tôi mua.

Quận chúa đỏ mặt, bà im một lát rồi ồm ờ:

- Thế ông mua gì mà trả thế nào?

- Tâu lạy quận chúa, nụ cười quận chúa đáng trăm quan tiền. Tôi xin trả gấp hai lần số đó!

Đêm đó, Tổng Cóc lần đầu được ngủ với một bà lớn quyền thế nghiêng trời. Cảnh vàng lá ngọc cũng chẳng khác gì con đò. Hôm sau hai người gặp nhau. Quận chúa nửa đùa nửa thật:

- Ta ngủ với ông mà cứ kinh hoàng tưởng như ông hiếp dâm ta!

Tổng Cóc đáp lại quận chúa:

- Tâu lạy quận chúa, việc mua bán đã xong rồi!

Tổng Cóc uống chén rượu nữa. Ông lấy cái tráp sơn đen đựng tiền dùng những ngón tay thô ráp lần từng đồng. Ông chán ghê gớm. Trong cuộc đời mình ông vất vả nhiều, ông đã buôn một bán mười, đã thu tô cấy rẽ, đã toan tính từng nước cờ đời nhưng trong mình vẫn cứ tê tái cảm giác thua cuộc thế nào. Ông thấy trong đời toàn những thằng ác, thằng hèn nhưng lại ranh khôn như cáo. Ông sợ nhất bọn nhỏ giả, sợ

đám chiều ấm và bọn tập tọng văn chương. Ở trong cuộc đời, chúng lấy lý đạo dồn ông vào bầy thiện tâm tín nghĩa, làm cho ông lơ cái sắc cái lạnh vốn có ở ông. Đúng lúc mà ông do dự thì chúng phổng sạch, đôi khi đã đâm ba lần ông suýt trở nên tay trắng. Sợ thật, ông thấy gai người. Ông mà thất bại, ông mà ăn đất thì chết ráo hết cả nhà. Ông chịu Xuân Hương ở chỗ bà luôn thất bại ở trong cuộc đời mà vẫn thăng bằng, mà vẫn không có cảm giác thua cuộc. Ông ngờ ngợ bà to lớn hơn ông, bà mạnh mẽ hơn, sống có dũng hơn. Trong cõi nhân gian, tất cả mọi sự nghiêm chỉnh cũng là khôi hài, nên có cơ hội cần phải cười ngay, thế nhưng không hiểu tại sao ông không cười được.

Tổng Cóc đứng dậy ra trước bàn thờ. Ông hài lòng thấy bàn thờ sạch sẽ. Nải chuối trứng cuốc bày trên đĩa sơn, một đĩa hoa thơm cạnh bên tinh khiết. Hôm nay mồng Ba tháng Ba. Chắc là Xuân Hương đã dọn bàn thờ từ sáng sớm. Ông nhìn theo hút dải khói mồng mảnh. Ngoài ngõ bỗng có tiếng mô vọng vào:

*"Chiềng làng, chiềng chạ...
Trên ngai tạc dưới xuôi
Làng ta có người
Không chồng mà chửa... ừa..."*

Tiếng rao rất khó chịu. Chắc cánh hương lý bày trò gọt đầu bôi vôi đi Huệ dưới Đoài. Tổng Cóc cau trán nghĩ ngợi rồi chạy ra ngõ:

- Ơi mỗ! - Ông đưa tay vẫy. - Mày đừng rao nữa mà chạy về bảo Lý Cờ lại đây tao bảo.

Ông đóng sập cửa. Ông biết làng này đổ có thằng nào dám dây vào ông. Lý Cờ là hạng đàn em. Tất cả lề luật làng này đều trong tay nó. Nó cho mỗ rao trước cửa nhà ông là nó nhằm gì không biết. Đi Huệ ngủ hết với cánh đàn anh trong tổng. Ông thấy thương nó. Đi Huệ phải nuôi hai bố mẹ già, mảnh đất cấm dùi không có, nó không bán trôn thì nó lấy gì mà sống.

Ông ra tràng kỷ ngồi đợi Lý Cờ. Ông rót nước trong cái ấm đất nung ủ rơm ra chén chiều từng ngụm. Nước nụ với nóng, Xuân Hương đã bỏ vào đôi lát gừng nên có vị thơm là lạ. Rặng với nhà ông năm nay nhiều nụ, một nửa làng này rồi sẽ phải mua nụ với nhà ông. Đây là món tiền dành Tết.

Lý Cờ mặc áo the đen lật đặt đi vào, trên tay cầm chiếc roi song. Tổng Cóc cười thầm. Ông bỗng chợt nhớ trò chơi ú òa khi ông còn nhỏ, ông

nấp một chỗ nhìn rõ địch quân hoang mang rón rén lại gần.

- Vào đây! - Ông giơ tay vẫy. Không để cho khách ngồi yên ông đã phủ đầu. - Chú làm việc công mà ngu như chó! Chú cho gọt đầu bôi vôi đi Huệ. Ra trước hàng tổng, nó khai hết bọn chú ra thì rồi có đẹp mặt không?

Lý Cờ há miệng, bộ ria mép khê động đậy. Tổng Cóc rót nước mời khách, ông nheo mắt nhìn khuôn mặt thẳng đuốn của hắn, ngạc nhiên nhận ra ở vành tai trái có nốt ruồi đỏ. Cái nốt ruồi này tương lạ.

- Đây là ý của các cụ... - Lý Cờ đỡ lấy chén nước. - Không làm thì không giữ được lệ làng... Sợ thiên hạ cười...

Tổng Cóc cười khẩy:

- Chú ngu lắm! Các cụ cũng ngu như chú...

- Vậy ý quan bác thế nào? - Lý Cờ nén giận, mắt hắn lừ lừ nhìn theo bàn tay Tổng Cóc lẩn lẩn dưới áo. - Quan bác thử nghĩ lại xem...

- Ta không bàn bạc với chú! - Tổng Cóc ném lên mặt bàn mấy chuổi tiền đồng. - Chú cầm lấy chuổi tiền này về làm bữa rượu bàn với các cụ! - Ông nhìn Lý Cờ, đôi mắt nẩy lửa nhưng giọng nói ông dịu lại. - Tha cho nó, cho nó ít tiền rồi bảo nó lấy thẳng mô làm chồng.

Tổng Cóc đứng dậy. Lý Cờ diên ruột nhưng vẫn phải cầm lấy mấy chuổi tiền đồng giật lui ra cửa.

Tổng Cóc tiễn hắn ra ngoài ngõ. Ông bỗng bắt sang chuyện khác. Ông hỏi Lý Cờ:

- Thóc giống vụ này nhà chú khá không?

Lý Cờ bắt chuyện. Đi đến hết ngõ thì cả hai bên đều đã vui vẻ. Hai người biệt nhau thân tình.

Tổng Cóc lững thững đi vào. Ông nhìn rặng với hai bên bờ ao thở dài: vụ với năm nay thế là chỉ đủ số tiền đưa cho Lý Cờ lúc nãy. Ông ngắt một bông hoa nhài đưa lên mũi ngửi rồi nhắm mắt. Ông bước lên bậc thềm nhà. Trên sập gụ, một mâm bánh trôi vừa làm xong bốc nóng. Ông ngơ ngác nhìn xung quanh ngôi từ đường tĩnh lặng để tìm bóng của Xuân Hương...

Truyện thứ hai

Ấm Huy đứng lẫn trong đám chiêu ẩm đang tùm ngoài sân công đường. Chàng chán ngấy chuyện khoe khoang nhà cửa, ngựa xe, áo quần của họ. Chốc chốc, vài ba nhóm người trịnh trọng mang câu đối phúng tử cổng đi vào, đàn ông mặc áo the đen, đàn bà mặc áo mớ ba mớ bảy. Chàng nhận ra được rất ít người quen.

Ấm Huy sửa lại vành khăn tang trắng trên đầu rồi đi lững thững. Mấy bác lính lệ đang vội vã bắc thêm rạp. Chiếu hoa trải cả trên hè, trên sân mà vẫn không đủ chỗ ngồi. Mấy bà già đang tằm trầu, đóng trầu ngồn ngộn đầy mấy tráp sơn. Đằng sau công đường âm ỉ tiếng lợn kêu. Ở giữa công đường, hương khói mờ mịt. Câu đối phúng bằng vải, bằng giấy treo đầy trên cột, trên vách. Ấm Huy thấy rất nhiều người đội khăn tang trắng, phải đến gần một chục người vận áo xô gai. Chàng hơi ngạc nhiên, chàng vẫn đi lại thường xuyên với anh họ mình sao không gặp những người này. Chàng biết ông phủ Vĩnh Tường giao du có chọn lọc lắm. Họ hàng đông hòng nhờ vả gì ông, ông không làm quan cầu lợi. Ấm Huy rất nể anh mình nhưng trong thâm tâm chàng thấy ông cầu kỳ. Chàng trọng Xuân Hương vì bà sáng suốt hơn chồng. Bà gieo ở lòng chàng một nỗi kính phục và sợ hãi.

Ấm Huy nhìn quanh. Chàng không thích không khí đầy đủ chửi chu của đám tang này. Chàng đã dự nhiều đám tang người khác, chính việc tang gia bối rối làm chàng thấy yên tâm hơn về người đã chết. Người ta lúng túng, công việc cứ lung tung, thiếu cái này, thừa cái nọ, ai cũng thấy mình làm được, giúp được đâu rằng có khi chẳng giúp làm gì cho tang chủ cả. Người ta xích lại nhau hơn. Tất cả hướng vào một đích. Họ có thể nói về chuyện mùa màng, công danh, thua lỗ, được bạc, đủ tất cả chuyện thế thái nhân tình nhưng đều hướng về cái chết vô nghĩa hay có nghĩa đang chờ đón họ. Sự hướng nhận ấy vô thức, người chết nằm trong quan tài chỉ là cái cớ gợi ý hướng ấy trong mọi người thôi. Ở đây không có điều ấy. Ấm Huy ngạc nhiên hiểu rằng dù chàng có mặt hay không có mặt ở đám tang này đều không quan trọng. Thế mà ngoài Xuân Hương ra thì chàng là thân thiết nhất với người đã khuất. Không ai cần chàng. Có lẽ không cần cả Xuân Hương nữa. Tất cả đã sắp xếp rồi. Ai có công việc người nấy. Thời giờ đã được tính toán. Ngay cả tiếng kèn, tiếng phách của phường bát âm cũng được tính toán khúc khoan khúc nhặt cho từng người viếng ông phủ Vĩnh Tường. Ấm Huy đã biết là Xuân Hương đã giao cho tri huyện Thặng đứng ra làm tang chủ lo toan

công việc. Hình thức đám tang chỉ là một chuyện. Có chuyện gì đó liên quan đến cả ông phủ Vĩnh Tường, đến cả Xuân Hương và những người đứng xung quanh đây nữa.

Ấm Huy vòng ra sau dinh công đường. Cách đây mấy tháng, ông Phủ Vĩnh Tường đã vui Trung Thu với những người quen ở đây. Cột nhà Thủy Tạ vẫn còn vết sém do mấy đứa con của tri huyện Thặng đốt nến. Trong đám quan lại, Thặng thuộc lớp người kỳ cựu có nhiều thâm niên. Thặng không bon chen nhưng lão khét tiếng đục khoét dân lành, cũng lạ, trong hạt của lão không hề xảy ra loạn lạc, kiện cáo như bao huyện khác. Lão coi làm quan chỉ là một nghề. Lão bảo ông phủ Vĩnh Tường:

- Đệ phục quan bác không coi quan trường là nơi kiếm sống. Đệ không làm được. - Lão lắc cái đầu múp míp và hớn hớn cười. - Đệ chỉ ăn no ngủ kỹ, làm tròn bốn phận đối với triều đình. Lính đệ bắt đủ. Thuế đệ nộp đủ. Thằng nào chống lại đệ cùm.

- Nèn phải lựa lời thuyết phục dân lành, - Ông phủ Vĩnh Tường bảo Thặng. - Dân ta tốt lắm. Bạc cha mẹ dân phải nêu được nghĩa công bằng.

- Đệ có bảo dân xấu đâu... - Thặng cười ha hả. - Đệ chỉ không thích được nghĩa công bằng mâm cơm của đệ với chúng. Quan bác đã nhìn mâm cơm chúng chưa, đệ mà ăn thế đệ chết lâu rồi...

Ông phủ Vĩnh Tường im lặng. Ông nể mặt Thặng lớn tuổi hơn. Thặng đã giúp ông từ thuở hàn vi, thuở ấy ông chỉ có những hoài bão dự định trong đầu và dăm cuốn sách thánh hiền.

- Dân ta cực khổ. Tôi trông vào đâu cũng thấy xót xa. Phải lấy lý lẽ văn chương và sự công bằng pháp luật hướng đạo dân mình. - Ông phủ Vĩnh Tường nói. - Tôi muốn sĩ phu và bạc cha mẹ con dân phải hiểu...

- Đệ chịu khí chí của quan bác vậy, - Thặng cười, - nhưng dân nó ghê gớm lắm, cứ bảo một đảng nó làm một nẻo. Trong hạt của đệ có lão Lý Hồng. Thằng ấy đệ phải phục nó. Đệ bảo gì nó cũng gật nhưng mà về làng nó làm khác cả, nó dùng mình làm ngoáo ộp để nó bóp hầu con đở. Dân kêu nó bảo hối huyện. Đệ biết đệ phải ngậm tăm, nhiều khi đệ phải học nó xử sự với đời...

- Ông phải cách cổ nó đi mà thay thằng khác. - Ông phủ Vĩnh Tường bực bội. - Luật của triều đình thế còn thể thống cái gì?

- Đệ nghĩ chán rồi! Thay nó thì thằng khác lên cũng thế. Thực ra dân

nó chỉ lo làm ăn nó có cần gì chúng ta bày vẽ... Đệ thấy trong hạt của đệ nơi nào mình cứ mặc kệ thì đâu vào đấy, nơi nào mình cứ xằng xái chỉ bảo nó kia thì loạn...

- Tôi nghe đồn ông hách lắm phải không? - Ấm Huy xen vào, chàng biết Thặng cũng là tay sâu mọt nhưng lão cũng có cái thực và sự hào hiệp mà chàng vị nể.

- Hách chứ! - Thặng giơ ngón tay như quả chuối mần ra trước Ấm Huy.
- Không hách thì để cho bọn văn chương các chú làm loạn cả à? Văn chương là miếng đất nghịch!

- Dân có nghịch không?

- Không nghịch. - Thặng nói thản nhiên như lão đã từng nghiền ngẫm điều này lâu lắm. - Dân quen nô lệ, luật cứ ngặt nghèo nghiêm khắc là xong. Không có bàn bạc gì cả...

Ông phủ Vĩnh Tường lo lắng nhìn Thặng:

- Cách làm của ông không ổn... Các bậc thánh hiền đều lấy nhân trị làm gốc. Phải lo cho đến từng người...

- Đây là các thánh. - Thặng không chịu thua. - Đệ nghĩ nhân cũng ba bảy đường nhân. Đệ không lo đến thân phận từng người trong hạt của đệ. Không lo được! Người nào có thân thì lo. Đệ chỉ lo việc triều đình, cũng là lo thân của đệ.

- Không ai lo đến thân phận từng người cả à? - Ấm Huy hỏi, chàng như ngồi trên đồng lửa.

- Đây là việc của các chú, của chị Xuân Hương. Văn chương may lo được đấy! - Thặng nháy mắt cười. Ấm Huy chỉ muốn hất cả chén nước cầm tay vào ngay mặt lão.

- Lù người bé nhỏ chúng ta không thể coi chốn quan trường là nơi để ta tiến hành cách tân này nọ. - Thặng nói. - Quan trường khóa ta vào trong guồng máy con Tào xoay vần, ta không thoát nổi miệng túi càn khôn đã định...

- Chí của tôi khác... - Ông phủ Vĩnh Tường nghiêm nghị. - Quan trường là nơi tôi muốn sử dụng...

- Đệ hiểu quan bác muốn nói gì rồi. - Thặng cười. - Quan trường nó sử dụng bác thì có... Đệ không muốn nói nữa đâu! Đệ biết quan bác và chú Huy đây khinh đệ, chứ nghĩa đệ nông cạn đệ nói thế thôi. - Thặng



Đỗ Dũng

Không ai lo đến thân phận từng người...

quay lại chỗ Xuân Hương đang ngồi với lũ trẻ con nhà lão. Nàng đang kể chuyện gì đó và lũ trẻ con cười như nắc nẻ. Lão đứng nhìn mấy đứa con thích thú.

Ánh trắng vàng vặc lộng lẫy lạ lùng. Lão bỗng quay lại chỉ ra ngoài trời vẫy gọi ả Hủy:

- Chú hãy lại đây... Tất cả những trò bàn luận của chúng ta đều vô nghĩa hết. Thiên nhiên không hề dối trá!

Ấm Hủy lại cúi đầu chào chị dâu mình:

- Chị vốn công bằng. - Thặng bảo Xuân Hương. - Chú ả Hủy đây lúc này còn muốn gây sự với đệ. Chị bảo đệ đúng hay đệ sai?

- Đừng hỏi chị ấy, - Ấm Hủy xen ngang câu hỏi, chàng rất trọng chị

dâu và không muốn Thặng đẩy bà vào cuộc. - Ông đứng một cách khốn kiếp, thế thôi. Tôi cũng công bằng lắm đấy.

- Thế ông anh họ của chú sai à?

Ấm Huy đỏ mặt, máu chàng rần rạt trong người. Chàng nuốt nước bọt.

- Chú tỉnh tể lắm. - Thặng cười ha hả. - Tôi xin báo trước cho chú: tất cả mọi sự thanh cao hoang tưởng vẫn chết trong cõi dung tục như thường!

- Điều ấy vẫn thế, - Xuân Hương tham gia câu chuyện. - *Tôi không ngờ ông tri huyện tiên tri cho cả cuộc thế thời nay điều ấy.*

Ấm Huy bỗng nhăn mặt lại, chàng thấy nhói ở nơi tim, chàng vẫn vâng vẳng lời của Xuân Hương hôm ấy. Đám tang hôm nay tựa như minh chứng cho sự phũ phàng của vòng luân thế. Ông phủ Vĩnh Tường ôm bao dự định tốt lành mà không làm được. Chàng bỗng thấy thương ông quá. Chàng hiểu ra rằng từ đây Xuân Hương sẽ lại bắt đầu chặng đường cay đắng, bao nhiêu là ngọn gió hàn sẽ thốc thổi vào lòng bà. Anh ấy cũng là bé nhỏ với bà nhưng dù bé nhỏ cũng lấp được nỗi cô đơn ít nhiều nào đấy.

Ấm Huy sửa áo rồi lại đi về phía trước dinh công đường. Trước sân công đường chật ních người. Chàng len vào chỗ mấy người đào huyệt đang kể lể gì với tri huyện Thặng:

- Chúng con đào đến ba lần mới được. Lần đầu đào đến nửa chừng thì "cộc": đụng phải tiểu của người khác. Chúng con đào sang chỗ khác thì lại "thụt": mai thuổng cứ như đào vào chỗ trống. Hóa ra tổ mối... Chúng con phải sang đến chỗ thứ ba mới được, quan bảo thế có kỳ lạ hay không?

- Thiên di đấy! Thiên di! - Tri huyện Thặng gật đầu. - Không sao cả đâu, thiên di không độc. Bảo với mọi người là không sao cả. Linh hồn ông phủ Vĩnh Tường vẫn còn muốn sống...

Lão chen ra ngoài, người lão chạm vào ấm Huy.

- Nay chú, chú đi đâu đấy? Chuẩn bị đưa ma ra đồng rồi đấy! Đầu giờ Mùi rồi! - Lão kéo ấm Huy ra một góc vắng. - Chú coi chừng chị Xuân Hương! - Lão lấy tay áo lau mồ hôi trán. Lão thở phì phì, ghé cả cái miệng hôi hám vào mặt ấm Huy. - Mấy quan trên xuống mà bọn khóc thuê và bọn mặc áo xô gai đòi giả thêm tiền.

Ấm Huy tái mặt, tay chàng bấu chặt vào tay của lão:

- Sao khốn nạn thế? Họ hàng bà con đâu cả?

Tri huyện Thặng cúi, lão rít nhỏ nhỏ vào tai của chàng:

- Chú ngu như chó! Ông ấy có cho bà con họ hàng nhờ vả gì đâu... Ông ấy làm quan nên coi mình là người thiên hạ... Trách nhiệm đám tang hôm nay là của triều đình... - Thặng giằng tay ra giận dữ. - Chú cứ mặc tôi! Chị Xuân Hương giao thì tôi lo hết! Tôi có cách xử của tôi. Đáng ra hay chữ như chú thì phải đứng ghi xem chúng nó phúng viếng thế nào, thằng nào phúng sót thì chú bảo tôi. Đàng này chú cứ như người ngoài cuộc... Tôi không nể chị Xuân Hương quý chú thì tôi cho lính nó cùm chú lại...

Ấm Huy bỗng trào nước mắt. Chàng khóc hu hu. Mọi người xung quanh kinh ngạc nhìn chàng. Tiếng thanh la bỗng vang lên báo hiệu chuẩn bị đưa ma ra đồng, những hàng cờ phướn bắt đầu xếp thành từng hàng ngoài cổng. Ai đó gạt ấm Huy ra nhưng chàng vội vã chen lên phía chiếc quan tài sơn son. Chàng cố chạm vào nạng quan tài lên cùng với bao nhiêu bàn tay khác nữa. Chàng hiểu đây là cơ hội duy nhất trong đời chàng không bỏ được. Đây là trách nhiệm bốn phận của chàng. Chàng hiểu cả tri huyện Thặng, cả chàng, cả ngay ông phủ Vĩnh Tường cũng sẽ chẳng là gì cả, tất cả chỉ là nhân chứng cho sự tồn tại của một CON NGƯỜI: nàng Hồ Xuân Hương mặc áo xô gai đang nức nở khóc, đang nức nở khóc cho nỗi cô đơn mệnh mông của cõi đời...

Truyện thứ ba

Khi đạo diễn giao cho anh sắm vai Chiêu Hổ trong bộ phim viết về Hồ Xuân Hương, quả thật anh bối rối vô cùng. Anh hiểu khó khăn của nghệ thuật. Nghệ thuật đòi hỏi dốc lòng, sự trung thực và nhiều thứ khác. Anh được trang bị đến đâu, thực ra anh cũng mơ hồ.

Việc giao cho anh sắm vai Chiêu Hổ đơn giản như một trò đùa, một trò đùa ác.

Anh hỏi đạo diễn:

- Anh giao cho tôi đóng vai Chiêu Hổ vì lý do gì?

- Cậu là thi sĩ. - Đạo diễn trả lời. - Một thi sĩ trẻ có tài. Cậu hiểu vai

trò của cậu.

- Thôi đi... - Anh nhân nhó nói. - Thơ tôi nào có ra gì?

- Ban đầu đa số đều thế.

- Vì lý do khác phải không? - Anh cố gắng hỏi để cho ra nhẽ.

- Ủ. - Đạo diễn trả lời. - Cậu có đáng đáp một thằng trai điểm. Phụ nữ mê cậu. Trong phim có cảnh Chiêu Hồ bóp vú các cô thôn nữ, cậu vào vai ấy tuyệt vời.

Anh tái mặt, cổ họng tắc nghẹn. Đạo diễn bỏ đi, lát sau quay lại cầm tập bản thảo và tờ công lệnh.

- Các cụ ngày xưa cũng du côn lắm... Ra chỗ tài vụ lĩnh tiền rồi về nông thôn mà nghỉ. Cậu được ba tháng chuẩn bị để quay chính thức.

Ba tháng trôi qua...

Ngày mai anh sẽ trở về thành phố. Anh thấy dứt khoát mình không sắm nổi vai này. Anh đã thuộc lòng kịch bản, một kịch bản khôn nạn, vẫn không ra văn, chữ không ra chữ.

Anh thấy xót xa. Hình ảnh trong phim Xuân Hương nhột nhột, bị hiểu sai lệch nhớ nhãng. Người ta đắp điểm cho nhiều nhân vật những thứ tư tưởng cao siêu đáng ngờ. Đối thoại đầy rẫy ngôn ngữ hoa mỹ. Diễn viên rất đẹp. Cảnh quay rất khéo. Anh biết chắc chắn sẽ có nhiều đoạn thành công. Cảnh hội làng... Cảnh đám ma... Có khi cả cảnh Xuân Hương "sáng tác"... Một thứ hiện thực huyền ảo mung lung.

Anh đi men theo bờ đê, nhìn xuống dòng sông. Bất chợt, anh thấy một con thuyền nhỏ đậu ở ven bờ. Một thiếu phụ hì hục vác những bao tải nặng từ bến xuống thuyền. Sắc chiều mùa đông xám nhạt.

- Tôi muốn giúp chị được không? - Anh bước lại gần con thuyền. Thiếu phụ ngẩng lên nhìn anh. Anh bỗng sững sờ vì vẻ đẹp lôi cuốn của chị. Vẻ đẹp tự nhiên, không ra ngày thơ, không ra từng trải.

Anh xách bao tải lên vai và nhận ra bao chứa đầy ngô hạt. Tất cả chừng độ chục bao. Cả hai không nói năng gì. Anh cẩn thận bước trên tấm ván chông chênh và cố gắng giữ để không thở dốc. Đến bao cuối cùng, anh vấp vào mạn thuyền gỗ làm cho bao ngô tung tóe, tấm ván bắc cầu trượt xuống làm anh ngã ướt nửa người.

Thiếu phụ bật cười.

- Không hề gì. - Anh trèo vào thuyền cố nén cơn đau. - Chị về đâu

đấy?

- Tôi về dưới bến Tầm Xuân.

- Cho tôi đi nhờ thuyền với nhé...

- Anh ngồi xuống đi... Cứ để ngô đấy cho tôi. Ngô mua cho lợn, có bán một chút cũng chẳng hề gì.

Thiếu phụ ngồi ở mũi thuyền, khéo léo điều khiển con thuyền trôi theo dòng nước.

Phía bên bờ đê, một đàn chim sẻ bay ào xuống sát mặt sông, qua lại trên đầu của họ.

Họ ngồi như thế một lúc khá lâu, chỉ nghe thấy tiếng mái chèo khe khẽ. Anh rút một điếu thuốc lá rồi châm lửa hút.

- Chị nghĩ gì thế? - Anh hỏi và thoáng nhìn vào đôi mắt xa xăm của thiếu phụ.

- Anh không phải là người ở đây phải không?

- Tại sao chị biết?

- Trông cách ăn mặc... cách anh vác ngô thì biết.

- Chắc buồn cười ghê lắm phải không?

- Không phải người quen lao động...

Thiếu phụ lặng im vẻ như biết hồi vì lời nhận xét không đâu. Anh hơi mỉm cười. "Đôi mắt thật đẹp". Anh nghĩ.

- Anh là thầy giáo phải không?

"Cuối cùng sự tò mò đã thắng. - Anh lại nghĩ tiếp: - Đôi môi thật đẹp... Cái cổ cũng đẹp..."

- Đại để thế... ở đây thích thật. Sông nước sao mà tuyệt thế.

- Cũng bình thường thôi!

- Tại chị quen đấy. Tôi thì tôi thấy cảnh đẹp tuyệt vời. Chị mua ngô về cho gia đình à?

- Cho trại lợn. Tôi ở trại lợn.

- Công việc chắc buồn phải không?

- Sao lại buồn? Tôi chẳng thấy buồn gì cả.

"Ừ, tại sao công việc lại buồn? Công việc chỉ cần kết quả. Vui buồn

với nó thấy đều vô nghĩa”.

- Chị có chồng chưa? - Anh đột ngột hỏi.

- Anh thử đoán xem.

- Có! - Anh lưỡng lự. - Không... Chắc là chưa có. Chị hăm tám tuổi phải không?

- Tết này tôi băm hai đấy. - Thiếu phụ nheo mắt và lắc mái tóc. Anh lặng người đi vì vẻ nữ tính giản dị ở cử chỉ ấy. Một sợi tóc mai vương trên đôi môi se khô.

- Tại sao anh nghĩ là tôi chưa chồng?

- Nếu chị có chồng thì chồng chị không hiểu chị. - Anh cười nhợt nhạt và cảm thấy đầu gối nhói đau. - Chồng chị là người nông cạn. Anh ấy chỉ tính toán thôi... Có lần anh ấy sắm cho chị cái áo mặc rét thì là áo cũ... Thế là tan vỡ... Chị ra trại lợn và ở một mình trong một căn buồng tập thể có tám mét vuông...

Thiếu phụ cười gượng và tái mặt đi. Cái chỗ chân đau buốt lại. Anh vén ống quần và hoảng hốt thấy đầu gối tím ngắt và rỉ rỉ máu.

- Anh sao thế?

- Đau...

- Ôi trời! - Thiếu phụ gác chèo và lại chỗ anh. - Chết thật! Khéo què thì khốn.

Thiếu phụ lôi dưới gầm thuyền ra chai dầu hỏa.

- Anh đổ vào đấy rồi bóp cho nó tan ra.

Anh nghe theo, lúng túng làm đổ gần hết chai dầu.

- Không phải thế! - Thiếu phụ bực mình cầm lấy chai dầu đổ từng tí một lên đầu gối anh rồi xoa khe khẽ.

Anh nín thở. Anh nhìn chăm chú vào cái lợn tóc loạn xoăn nơi cổ thiếu phụ rồi thở hắt ra. Anh hơi chạm tay vào bên bờ cổ thiếu phụ nơi có sợi gân nổi lên, giãn giãn. Anh cảm thấy được hơi ấm lan ra từ đấy và khẽ rùng mình.

- Có đỡ không? - Thiếu phụ hỏi.

- Đỡ lắm...

Một con ong nặng không biết từ đâu cứ thế bất động bay trước mặt

anh. Không dần lòng được, anh đưa tay vuốt từ cái ngấn cổ trắng ngấn xuống lưng thiếu phụ, cảm thấy gờ chiếc áo lót dưới lần vải mỏng.

Thiếu phụ oằn lưng nhìn thẳng vào anh. Đôi mắt lạnh lùng giận dữ. Anh đỏ mặt. Chị vùng đứng dậy ra chỗ đầu thuyền và gò má chèo để cho con thuyền khỏi trôi ra giữa tim sông.

Họ ngồi yên lặng. Sóng vỗ ở bên mạn thuyền đều đều gây nên cảm giác xa vắng.

- Tôi xin lỗi... - Cuối cùng anh lúng túng nói, mắt nhìn vào bàn tay mình như thể nhận ra ở đấy một vật quái dị ở đâu gắn vào. - Tôi ngu xuẩn quá...

Anh nhìn ra phía bờ sông bên lở. Ở đấy có một vạt đất vừa mới sụt xuống rào rào.

- Tôi xin lỗi chị. Tôi đã cư xử thật tồi.

Thiếu phụ hướng mắt nhìn phía bờ sông bên bồi.

- Thôi đi... Đàn ông các anh ai mà chẳng thế! Anh giúp tôi mấy bao ngô rồi đòi trả ơn... Đàn ông các anh thế hết.

Anh thấy cổ mình đắng ngắt. Một nỗi tê tái lan truyền ở toàn cơ thể. Ở phía chân trời có một cánh vạc đơn lẻ bay về. Họ lại lặng im. Lát sau anh ngượng ngập hỏi:

- Chị không giận chứ?

- Hơi đâu mà giận! - Thiếu phụ trả lời, khóe môi mím lại, đôi mắt nhìn anh không hề khoan nhượng.

- Đàn ông chúng tôi đều đốn mạt hết! - Anh buồn rầu nói rồi bồng cẩu lên. - Chị không tha thứ thì mặc kệ chị! Chúng ta là gì ở thế gian này? Trước sau thì tôi cũng chết! Chị cũng chết! Đàn lợn của chị cũng đều chết ráo!

- Anh buồn cười thật. - Cuối cùng thiếu phụ bắt đầu vui lại. - Lúc này anh bảo tôi ở một mình trong phòng tập thể có tám mét vuông là vì sao thế?

- Vì sao ư? Vì chị là người đàn bà rất tốt. - Anh nói hơi thiếu tự tin. - Đàn ông không chịu nổi những người đàn bà rất tốt, tâm hồn của người đàn bà phải hơi nhom nhem thì mới sống được. Bao giờ cũng thế. Khi người đàn ông bất lực, thấy những kẻ khác to lớn hơn mình thì họ gây sự, thế thôi.



Nếu chị có chồng thì chồng chị không hiểu chị...

Thiếu phụ khe khẽ thở dài.

- Chị có tin lời tôi nói hay không?

- Không! - Thiếu phụ lắc đầu. - Đàn ông các anh như trẻ con cả! Cũng giống hệt như đàn lợn của tôi. Khi nào được ăn thì phởn...

Cả hai cười phá lên. Dòng sông êm ả tuyệt vời.

- Được trò chuyện với chị thật thích! - Anh thành thực nói. - Chị không giận chứ? Thật tôi ăn hận quá chừng...

- Không. - Thiếu phụ trả lời. - Chúng tôi quen rồi. "Làm hoa cho người ta hái, làm gái cho người ta trêu"...

Anh nhìn đắm đắm vào những xoáy nước hút bên mạn thuyền rồi nói:

- Cuộc sống thật buồn. Nhưng nó giản dị và đẹp. Chị thấy thế không?

- Thỉnh thoảng, - Thiếu phụ trả lời.

- Được gặp những người đàn bà như chị thật thích. Tất cả đàn ông chúng tôi đều muốn sống mãi, chúng tôi đều sẽ tốt lên.

- Anh nói khéo lắm! - Thiếu phụ cười khẽ, âm thanh giọng cười quyến rũ. - Thế sao lúc này anh bảo nếu tôi có chồng thì chồng tôi sẽ gây sự với tôi?

- Anh ấy sẽ gây sự... - Anh nói sôi nổi và đầy thuyết phục. - Chắc chắn thế! Anh ấy sẽ đau khổ. Anh ấy sẽ sa ngã, sẽ đánh bạc, sẽ nghiện ngập... Anh ấy đuổi theo những người đàn bà không đáng bằng cái gấu quần của chị. Anh ấy thân tàn ma dại! Cái thằng chó ấy! Nó không biết rằng khi nó mất chị thì nó mất cả cuộc đời!

Thiếu phụ hoảng hốt nhìn anh rồi bật òa khóc. Anh sợ hãi. Anh nhìn chăm chú vào khuôn mặt đầy nước mắt của thiếu phụ rồi chậm rãi nói:

- Rồi chị sẽ tha thứ... Phải không... Rồi chị sẽ tha thứ... Mặc dầu chị biết điều ấy cay đắng vô cùng...

Anh khẽ thở dài rồi thử cử động cái chân. Cái chân không còn đau nữa.

- Anh thật tốt quá... - Lát sau chị nói khẽ. - Sắp đến bến rồi...

"Ván chèo là thứ bở ỉn bậc nhất! - Anh cay đắng nghĩ. - Nó gây ra sự nổi loạn trong cuộc đời thường. Cuộc đời trôi đi đơn giản. Day đi dứt lại làm gì?"

- Chị tên là gì? - Anh đột ngột hỏi. - Tôi muốn đến thăm liệu có được không? Tìm chị ở đâu?

- Tôi là Hương. Tôi cạp thuyền vào để anh lên nhé. Tôi phải đưa thuyền vào dưới kênh đào.

Anh gật đầu. Nỗi buồn tràn ngập lòng anh.

- Chị Hương này! - Anh nói khi bước lên bờ. - Ngày xưa có một nữ sĩ tên là Hương đấy. Chị có biết không?

- Có! - Thiếu phụ gật đầu và vẻ hân hoan ngập tràn trong nắng chiều.
- Thế đến bao giờ anh lại thăm tôi?

Anh bước lên bờ mà chẳng trả lời. "Không. Tôi chẳng bao giờ đến

thăm chị cả. - Anh cay đắng nghĩ. - Nếu thế thì rồi mọi việc sẽ nghiêm trọng mất. Tất cả những gì nghiêm trọng dành cho người khác. Tôi là nhà thơ, tôi cũng đòi một chút quyền...”

Anh bước một mạch lên trên mặt đê mà không ngoảnh lại. Ngày mai anh về thành phố và sẽ bước vào trường quay trong vai Chiêu Hổ.

Có tiếng ai gọi vang trên mặt sông nghe rất xa vời, anh chỉ nghe rõ tiếng “ơi”.

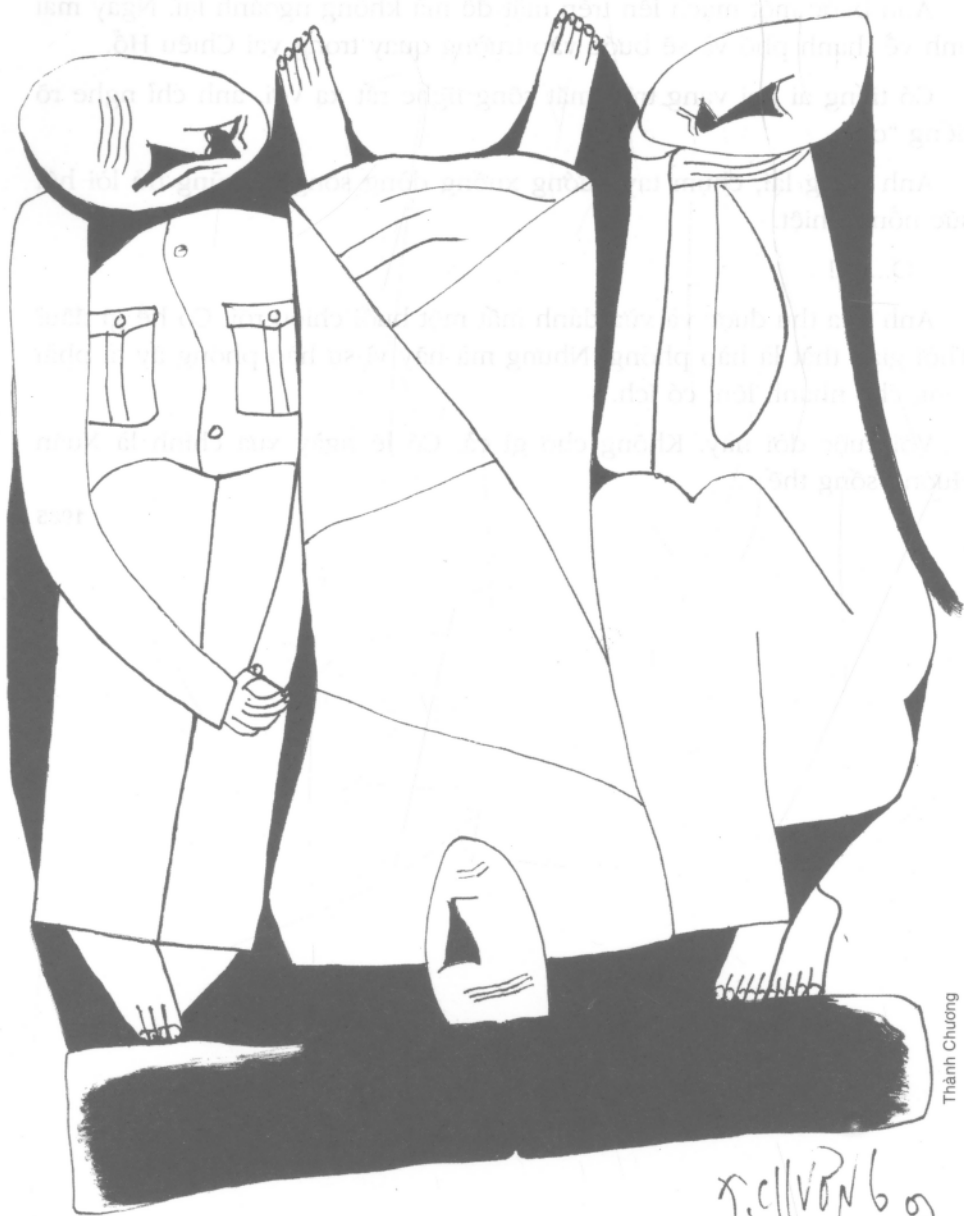
Anh dừng lại, chụm tay hướng xuống dòng sông và cũng trả lời hết sức nồng nhiệt.

- Ơ... ơi!

Anh vừa thu được và vừa đánh mất một buổi chiều rồi. Có hề gì đâu? Thời gian thật là hào phóng. Nhưng mà hãy vì sự hào phóng ấy ta phải sống cho nhanh lên, có ích.

Với cuộc đời này. Không chờ gì cả. Có lẽ ngày xưa chính là Xuân Hương sống thế.

TƯỚNG VỀ HƯU



Thành Chương

Việc lớn trong đời tôi làm xong rồi...

I

Khi viết những dòng này, tôi đã thức tỉnh trong vài người quen những cảm xúc mà thời gian đã xóa nhòa, và tôi đã xâm phạm đến cõi yên tĩnh nắm mồ của chính cha tôi. Tôi buộc lòng làm vậy, và xin người đọc vì nể nang những tình cảm đã thúc đẩy tôi viết mà lượng thứ cho ngòi bút kém cỏi của tôi. Tình cảm này, tôi xin nói trước, là sự bênh vực của tôi đối với cha mình.

Cha tôi tên Thuận, con trưởng họ Nguyễn. Trong làng, họ Nguyễn là họ lớn, số lượng trai đinh có lẽ chỉ thua họ Vũ. Ông nội tôi trước kia học Nho, sau về dạy học. Ông nội tôi có hai vợ. Bà cả sinh được cha tôi ít ngày thì mất, vì vậy ông nội tôi phải tục huyền. Bà hai làm nghề nhuộm vải, tôi không tường mặt, chỉ nghe nói là một người đàn bà cay nghiệt vô cùng. Sống với dì ghẻ, cha tôi trong tuổi niên thiếu đã phải chịu đựng nhiều điều cay đắng. Năm mười hai tuổi, cha tôi trốn nhà ra đi. Ông vào bộ đội, ít khi về nhà.

Khoảng năm... cha tôi về làng lấy vợ. Chắc chắn cuộc hôn nhân này không do tình yêu. Mười ngày nghỉ phép bẽ bộn công việc. Tình yêu đòi hỏi điều kiện, trong đó thời gian cũng cần.

Khi lớn lên, tôi chẳng biết gì về cha mình cả. Tôi chắc mẹ tôi hiểu về cha tôi cũng ít. Cả đời cha tôi gắn với súng đạn, chiến tranh.

Tôi đi làm, lấy vợ, sinh con. Mẹ tôi già đi. Cha tôi vẫn đi biệt biệt. Thỉnh thoảng cha tôi cũng ghé về nhà, nhưng những lần về đều ngắn. Cả những bức thư cha tôi gửi về cũng ngắn, đầu rằng dưới những dòng chữ, tôi biết ở đấy ẩn chứa nhiều tình thương cùng với âu lo.

Tôi là con một, tôi đã chịu ơn cha tôi về đủ mọi mặt. Tôi được học hành, được du ngoại. Cả những cơ sở vật chất gia đình cũng do cha tôi lo liệu. Ngôi nhà tôi ở ven nội, xây dựng trước khi cha tôi về hưu tám năm. Đây là một biệt thự đẹp nhưng khá bất tiện, đã được xây cất dựa theo thiết kế của một chuyên gia kiến trúc trứ danh, bạn của cha tôi, ông này đại tá, chỉ thạo việc xây doanh trại.

Năm bảy mươi tuổi, cha tôi về hưu với hàm thiếu tướng.

Mặc dầu biết trước, tôi vẫn ngỡ ngàng khi cha tôi về. Mẹ tôi đã lặn (bà hơn cha tôi sáu tuổi), vì vậy thực ra ở nhà chỉ có mình tôi có những tình cảm đặc biệt với sự kiện này. Mấy đứa con tôi còn bé. Vợ tôi biết

ít về ông, vì hai chúng tôi lấy nhau khi mà cha tôi đang bất tin tức. Bấy giờ đang có chiến tranh. Tuy thế, ở trong gia đình, cha tôi bao giờ cũng là hình ảnh của niềm vinh dự, tự hào. Cả ở trong họ, trong làng, tên tuổi cha tôi cũng được mọi người ngưỡng vọng.

Cha tôi về nhà, đồ đạc đơn sơ. Cha tôi khỏe. Ông bảo: “Việc lớn trong đời cha làm xong rồi!” Tôi bảo: “Vâng”. Cha tôi cười. Tâm trạng xúc động lây sang cả nhà, mọi người chuyển choáng đến nửa tháng trời, sinh hoạt tùy tiện, có hôm mười hai giờ đêm mới ăn cơm chiều. Khách khứa đến chơi nườm nượp. Vợ tôi bảo: “Không để thế được”. Tôi cho mổ lợn, đi mời họ hàng làng nước đến để chia vui. Làng tôi tuy gần thành phố nhưng mà tập tục nông thôn còn giữ.

Đúng một tháng sau, tôi mới có dịp ngồi với cha tôi bàn chuyện gia đình.

II

Trước khi kể tiếp, xin nói về gia đình tôi:

Tôi ba mươi bảy tuổi, là kỹ sư, làm việc ở Viện Vật lý. Thủy, vợ tôi, là bác sĩ, làm việc ở Bệnh viện Sản phụ. Chúng tôi có hai con gái, đứa mười bốn, đứa mười hai. Mẹ tôi lẫn lộn, suốt ngày chỉ ngồi một chỗ.

Ngoài những người trên, gia đình tôi còn có ông Cơ và cô con gái gàn dở của ông.

Ông Cơ sáu mươi tuổi, quê Thanh Hóa. Vợ tôi gặp cha con ông khi nhà của họ bị cháy, cơ nghiệp mất sạch. Thấy cha con ông tốt bụng, đáng thương, vợ tôi sắp xếp cho họ ở với chúng tôi. Cha con ông ở dưới nhà ngang, sinh hoạt riêng rẽ nhưng mọi chế độ thì do vợ tôi chu cấp. Không có hộ khẩu, họ không có những tiêu chuẩn lương thực, thực phẩm như những người dân khác trong thành phố.

Ông Cơ hiền lành, chịu khó. Thường ông đảm nhiệm việc chăm vườn tược, lợn gà và đàn chó giống. Nhà tôi nuôi chó béc-giê. Tôi cũng không ngờ việc kinh doanh chó lại thu lợi lớn. Khoản thu này trội nhất trong nhà. Cô Lại mặc dầu gàn dở nhưng lại xốc vác và nội trợ giỏi. Vợ tôi dạy cô cách thức nấu bống, nấu nấm, nấu gà hầm. Cô bảo: “Cháu chẳng ăn thế bao giờ”. Cô không ăn thật.

Cả hai vợ chồng và hai con tôi không phải lo toan công việc gia đình.

Từ ăn uống, giặt giũ, tất cả giao cho hai người giúp việc. Vợ tôi cầm chịch các khoản chi tiêu. Tôi bận nhiều việc, hiện đang vùi đầu vào công trình ứng dụng điện phân.

Cũng cần nói thêm: quan hệ tình cảm của vợ chồng tôi êm thấm. Thủy có học thức, sống theo lối mới. Chúng tôi suy nghĩ độc lập, nhìn nhận vấn đề xã hội tương đối giản dị. Thủy am tường các việc lo liệu kinh tế cũng như dạy dỗ con cái. Còn tôi, hình như tôi khá cổ hủ, đầy bất trắc và thô vụng.

III

Tôi quay lại đoạn kể cha con tôi bàn việc gia đình. Cha tôi bảo: “Nghĩ rồi, cha làm gì?” Tôi bảo: “Viết hồi ký”. Cha tôi bảo: “Không!” Vợ tôi bảo: “Cha nuôi vẹt xem”. Trên phố đạo này nhiều người nuôi chim họa mi, chim vẹt. Cha tôi bảo: “Kiếm tiền à?” Vợ tôi không trả lời. Cha tôi bảo: “Để xem đã!”.

Cha tôi cho mỗi người trong nhà bốn mét vải lính. Ông Cơ và cả cô Lài cũng thế. Tôi cười: “Cha bình quân!” Cha tôi bảo: “Đấy là lẽ sống”. Vợ tôi bảo: “Cả nhà đồng phục thì thành doanh trại”. Mọi người cười ồ.

Cha tôi muốn ở một phòng dưới dãy nhà ngang giống như mẹ tôi. Vợ tôi không chịu. Cha tôi buồn. Việc để mẹ tôi ăn riêng, ở riêng làm ông bứt rứt. Vợ tôi bảo: “Tại mẹ lẫn”. Cha tôi đâm chiều.

Tôi cũng không hiểu sao hai đứa con gái của tôi ít gần ông nội. Tôi cho chúng học ngoại ngữ, học nhạc. Chúng lúc nào cũng bận. Cha tôi bảo: “Các cháu có sách gì mang cho ông đọc”. Cái Mi cười. Còn cái Vi bảo: “Ông thích đọc gì?” Cha tôi bảo: “Cái gì dễ đọc”. Hai đứa bảo: “Thế thì không có”. Tôi đặt báo hàng ngày cho ông. Cha tôi không thích văn học. Văn chương nghệ thuật bây giờ đọc rất khó vào.

Một hôm tôi đi làm về, cha tôi đứng ở dãy nhà vợ tôi nuôi chó và gà công nghiệp. Trông ông không vui. Tôi hỏi: “Có chuyện gì thế?” Ông bảo: “Ông Cơ và cô Lài vất vả quá. Họ làm không hết việc, cha muốn giúp họ được không?” Tôi bảo: “Để con hỏi Thủy”. Vợ tôi bảo: “Cha là tướng, về hưu cha vẫn là tướng. Cha là chỉ huy. Cha mà làm lính thì dễ loạn cờ”. Cha tôi không nói năng gì.

Cha tôi nghỉ hưu nhưng khách khứa nhiều. Điều đó làm tôi ngạc

nhiên, thậm chí thích thú. Vợ tôi bảo: “Đừng mừng... họ chỉ nhờ vả. Cha à, cha đừng làm gì quá sức”. Cha tôi cười: “Chẳng có gì đâu... cha chỉ viết thư... Thí dụ: “*Thân gửi N. tư lệnh quân khu... Tôi viết thư này cho cậu... Hơn năm mươi năm, đây là lần đầu tôi ăn tết mừng Ba tháng Ba dưới mái nhà mình. Hồi ở chiến trường, hai đứa chúng mình đã từng mơ ước v.v... Cậu nhớ cái xóm ven đường, cô Huệ đã làm bánh trôi bằng bột mì mốc. Bột mì bê bết trên lưng v.v... Nhân đây, M. là người tôi quen, muốn được công tác dưới quyền của cậu v.v...*”. Cha viết như thế được không?” Tôi bảo: “Được”. Vợ tôi bảo: “Không được!” Cha tôi gãi cằm: “Người ta nhờ mình”.

Cha tôi thường bỏ thư viết vào phong bì đựng công văn bằng giấy cứng, cỡ 20x30, trên có in chữ Bộ Quốc phòng, rồi đưa cho người nhờ vả mang đi. Sau ba tháng, hết sạch loại phong bì ấy. Ông làm phong bì bằng giấy bìa học sinh cũng to bằng cỡ 20x30. Một năm sau, ông cho thư vào thứ phong bì bình thường vẫn bán ở quầy bưu điện, giá năm đồng một chục cái.

Tháng Bảy năm ấy, tức là ba tháng sau ngày cha tôi về nghỉ, chú họ tôi, ông Bổng, cưới vợ cho con.

IV

Ông Bổng với cha tôi là anh em cùng cha khác mẹ. Thăng Tuân con trai ông làm nghề đánh xe bò. Hai cha con đều ghê gớm, to như hộ pháp, ăn nói văng mạng. Thăng Tuân lấy vợ lần này là lần thứ hai. Vợ trước bị đánh đau quá, bỏ đi. Ra tòa, nó khai là vợ theo trai, tòa phải chịu. Cô vợ lần này tên là Kim Chi, làm nghề nuôi dạy trẻ, con nhà có học hẳn hoi, xí xốn thế nào nghe nói có thai với nó. Kim Chi là cô gái đẹp, làm vợ thăng Tuân đúng là “hoa nhài cấm bãi cút trâu”. Thâm tâm chúng tôi không ưa cha con ông Bổng, khốn nỗi “một giọt máu đào hơn ao nước lã”, giỗ tết vẫn phải đi lại, nhưng mà ngày thường cũng nhạt. Ông Bổng hay nói: “Quân trí thức khốn nạn! Rẻ dân lao động! Nể bố nó, không tôi cạch cửa!” Nói thế thôi, ông Bổng vẫn sang vay tiền. Vợ tôi khe khắt, bao giờ cũng bắt ông phải ký cược. Ông Bổng rất ức, ông nói: “Mình là chú nó, trót vay nợ nó mà nó cư xử hết như địa chủ”. Nhiều món nợ ông cứ lờ đi không trả.



Ừ... ê... cái con gà quay...

Cưới vợ cho con, ông Bổng nói với cha tôi: “Anh phải đứng ra chủ hôn, bố cháu Kim Chi Vụ phó, anh là tướng, thế là “môn đăng hộ đối”. Sau này các cháu nhờ phúc của ông, như tôi là thằng phu xe, bấu gùi”. Cha tôi bằng lòng.

Đám cưới ngoại ô lố lằng và khá dung tục. Ba ô tô. Thuốc lá đầu lọc nhưng gần cuối tiệc hết sạch, phải thay bằng thuốc lá cuộn. Năm mươi mâm cỗ nhưng ế mười hai. Chàng rể mặc comlê đen, cravat đỏ. Tôi phải cho mượn cái cravat đẹp nhất trong tủ áo. Nói là mượn, chắc gì đòi được. Phù rể là sáu thanh niên ăn mặc hết nhau, đều quần áo bò, râu ria rất hời. Đầu tiệc là dàn nhạc sống chơi bài *Ave Maria*. Một anh cùng hợp tác xã xe bò thằng Tuấn nhảy lên đơn ca một bài khùng khiếp:

Ừ ê cái con gà quay

Ta đi lang thang khắp miền giang hồ

*Tìm nơi nào có tiền
Tiền ơi, mau vào túi ta
Ừ... ề cái con gà rì*

Sau đó đến lượt cha tôi. Ông luống cuống, khổ sở. Bài văn chuẩn bị công phu hóa thừa. Kèn *clarinét* đệm rất bậy bạ sau dấu chấm câu. Pháo âm ỉ. Trẻ con bình luận nhảm nhí. Cha tôi nhảy cóc từng đoạn. Ông cầm tờ giấy mà run bắn người. Một sự ô hợp láo nháo thần nhiên rất đời, thô thiển, thậm chí còn ô trọc nữa làm ông kinh hãi, đau đớn. Ông Vụ phó thông gia cũng đâm hoảng hốt, luống cuống, làm đổ cả rượu xuống váy cô dâu. Chẳng nghe thấy gì. Dân nhạc sống át đi bằng những ca khúc vui vẻ quen thuộc của các ban nhạc *Beatles* và *Abba*.

Sau đó, rắc rối đầu tiên đến với cha tôi là việc Kim Chi sinh cháu chỉ sau hôm cưới chục ngày. Gia đình ông Bổng bê bối. Ông say rượu, tống cổ cô con dâu ra cửa. Thành Tuấn cầm dao chém bố, may trượt.

Vô phương, cha tôi phải đón cháu dâu về nhà. Gia đình tôi thêm hai khẩu. Vợ tôi không nói năng gì. Cô Lài thêm một trách nhiệm. Được cái cô Lài vô tâm, tính lại yêu trẻ.

V

Một tối, tôi đang đọc tạp chí *Sputnik*, cha tôi lặng lẽ đi vào. Ông bảo: "Cha muốn nói chuyện với con". Tôi pha cà phê, cha tôi không uống. Ông hỏi: "Con có để ý công việc của Thủy không con? Cha cứ rờn rợn".

Vợ tôi làm việc ở Bệnh viện Sản phụ, công việc là nạo phá thai. Hàng ngày các rau thai nhi bỏ đi, Thủy cho vào phích đá đem về. Ông Cơ nấu lên cho chó, cho lợn. Thực ra điều này tôi biết nhưng cũng bỏ qua, chẳng quan trọng gì. Cha tôi dắt tôi xuống bếp, chỉ vào nồi cám, trong đó thấy có các mẫu thai nhi bé xíu, thấy có cả những ngón tay nhỏ hồng hồng. Tôi lặng đi. Cha tôi khóc. Ông cầm phích đá ném vào đàn chó béc giê: "Khốn nạn! Tao không cần sự giàu có này". Đàn chó sủa vang. Ông bỏ lên nhà. Vợ tôi đi vào nói với ông Cơ: "Sao không cho vào máy xát? Sao để ông biết?" Ông Cơ bảo: "Cháu quên, cháu xin lỗi mẹ".

Tháng Mười hai, vợ tôi gọi người bán sạch đàn chó béc giê. Vợ tôi bảo: "Anh thôi hút thuốc lá Galăng đi. Năm nay nhà mình hụt thu hai mươi

bảy nghìn, chỉ làm mười tám nghìn, cộng là bốn mươi lăm nghìn”.

Kim Chi hết thời gian nghỉ, đi làm. Nó bảo: “Cám ơn anh chị, em đưa con về nhà đây”. Tôi hỏi: “Về đâu?” Thành Tuấn đã bị bắt giam vì tội côn đồ. Kim Chi đưa con về nhà của bố mẹ đẻ. Cha tôi đưa về tận nơi bằng xe taxi thuê riêng. Cha tôi ở chơi với ông Vụ phó bố của Kim Chi một ngày. Ông này vừa đi công tác ở Ấn Độ về, ông biếu cha tôi một mảnh lụa hoa và nửa lạng cao tổng hợp. Cha tôi cho cô Lài mảnh lụa hoa, cho ông Cơ nửa lạng cao.

VI

Trước Tết Nguyên đán, ông Cơ nói với hai vợ chồng tôi: “Cháu xin cậu mợ một việc”. Vợ tôi hỏi: “Việc gì?” Ông Cơ nói vòng vèo, chẳng đầu vào đâu. Đại để ông muốn về thăm quê. Ở với chúng tôi sáu năm, cũng có dành dụm, ông Cơ muốn về bốc mộ bà vợ. Để lâu ngày chắc ván đã sứt. “Nghĩa tử là nghĩa tận”. Ở thành phố, cũng muốn về thăm họ hàng làng xóm cho nó mát mặt. Bây giờ đã vậy, sau này “cáo chết ba năm quay đầu về núi”. Vợ tôi cắt lời: “Thế bao giờ đi?” Ông Cơ gãi đầu: “Đi mười ngày, về Hà Nội trước hăm ba Tết”. Vợ tôi tính: “Được. Anh Thuần này (Thuần là tên tôi), anh có nghĩ phép được không?” Tôi bảo: “Được”. Ông Cơ bảo: “Chúng cháu muốn mời ông về quê chơi. Như đi du lịch”. Vợ tôi bảo: “Tôi không thích. Thế ông bảo sao?”. Ông Cơ bảo: “Ông đồng ý rồi. Không có ông, cháu cũng chẳng nhớ đến việc cải mộ nhà cháu”. Vợ tôi hỏi: “Thế hai cha con có bao nhiêu tiền?” Ông Cơ bảo: “Cháu có ba nghìn, ông cho hai nghìn là năm”. Vợ tôi bảo: “Được, đừng lấy hai nghìn của ông, tôi bù cho hai nghìn ấy, lại cho thêm năm nghìn. Thế là hai cha con có chục nghìn. Đi được”.

Trước hôm đi, vợ tôi làm cơm. Cả nhà ngồi ăn, có cả ông Cơ, cô Lài. Cô Lài vui lắm, mặc bộ quần áo mới may bằng vải cha tôi cho hôm về. Cái Mi và cái Vi trêu: “Chị Lài xinh nhất”. Cô Lài cười thỏn thển: “Chả phải. Mợ mới xinh nhất”. Vợ tôi bảo: “Em đi chú ý đỡ ông những khi tàu xe”. Cha tôi bảo: “Hay thôi không đi?” Ông Cơ giã nẫu: “Chết, cháu đã điện rồi. Mang tiếng chết”. Cha tôi thở dài: “Tôi có tiếng gì mà mang?”

VII

Cha tôi đi Thanh Hóa cùng ông Cơ và cô Lài vào sáng chủ nhật. Tối thứ hai, tôi đang xem tivi thì nghe tiếng “huych”, vội chạy ra ngoài thấy mẹ tôi ngã gục góc vườn. Mẹ tôi lần bốn năm nay, cho ăn biết ăn, cho uống biết uống, phải giục đi ngoài. Mọi hôm có cô Lài săn sóc không sao. Hôm nay, tôi sợ ý, cho ăn mà không giục đi ngoài. Tôi đỡ mẹ tôi vào, bà cụ cứ gục mặt xuống. Không thấy có vết đau. Nửa đêm tôi dậy, thấy mẹ tôi lạnh toát, mắt đại đi. Tôi sợ, gọi vợ tôi. Thủy bảo: “Mẹ già rồi”. Hôm sau mẹ tôi không ăn, hôm sau nữa, cũng không ăn, không chủ động đi ngoài. Tôi giặt giũ, thay chiếu. Có ngày mười hai lần. Tôi biết Thủy và hai con tôi ưa sạch sẽ nên tôi thay giặt luôn, không giữ ở nhà mà mang ra tận kênh đào. Thuốc đổ vào cứ trớ ra.

Hôm thứ bảy, mẹ tôi bỗng ngồi dậy được. Đi lững thững một mình ra vườn. Ăn được cơm. Tôi bảo: “Mừng rồi”. Vợ tôi không nói năng gì, chiều hôm ấy thấy mang về chục mét vải trắng, lại gọi cả thợ mộc. Tôi hỏi: “Chuẩn bị à?” Vợ tôi bảo: “Không”.

Hai hôm sau, mẹ tôi nằm liệt, lại bỏ ăn, lại đi ngoài như cũ. Người dốc nhanh, thải ra thứ nước nâu sền sệt, rất khắm. Tôi đổ sẫm. Vợ tôi bảo: “Đừng đổ sẫm, khổ cho mẹ”. Tôi òa khóc. Rất lâu tôi mới òa khóc như thế. Vợ tôi nín lặng, rồi lại bảo: “Tùy anh”.

Ông Bổng sang thăm. Ông nói: “Bà ấy cứ xoay ngang, xoay dọc trên giường như thế này là gay go đấy!” Lại hỏi: “Chị ơi, chị có nhận ra em không?” Mẹ tôi bảo: “Có”. Lại hỏi: “Thế em là ai?” Mẹ tôi bảo: “Là người”. Ông Bổng khóc òa lên: “Thế là chị thương em nhất. Cả làng cả họ gọi em là đồ chó. Vợ em gọi em là đồ đều. Thằng Tuấn gọi em là đồ khốn nạn. Chỉ có chị gọi em là người”.

Lần đầu tiên, cái ông chú đánh xe bò, lỗ mông, táo tợn, làm đủ mọi điều phi nhân bất nghĩa hóa thành đứa trẻ ngay trước mắt tôi.

VIII

Cha tôi về đến nhà thì sáu tiếng sau mẹ tôi mất. Ông Cơ và cô Lài nói: “Tại chúng cháu. Chúng cháu ở nhà thì bà không mất”. Vợ tôi bảo: “Nói nhảm”. Cô Lài khóc: “Bà ơi, bà đánh lừa con bà đi! Sao bà không

cho con đi hầu bà?" Ông Bổng cười: "Mày muốn đi hầu bà thì đi, tao cho đóng ván". Khi liệm mẹ tôi, cha tôi khóc. Ông hỏi ông Bổng: "Sao người bà ấy rút nhanh thế? Người già ai cũng chết khổ như thế này à?" Ông Bổng bảo: "Anh lắm cảm. Hôm nào nước mình cũng có hàng nghìn người chết khổ nhục vật vờ đau đớn. Mỗi lính tráng các anh, "đòm" phát là sưng".

Tôi cho bắc rạp, bảo thợ mộc đóng quan tài. Ông Cơ cứ loay hoay bên đồng ván vợ tôi cho xẻ hôm trước. Ông thợ mộc quát: "Sợ chúng ông ăn cắp gỗ à?" Ông Bổng hỏi: "Ván mấy phân?" Tôi bảo: "Bốn phân". Ông Bổng bảo: "Mất mẹ bộ xa lông. Ai lại đi đóng quan tài bằng gỗ dổi bao giờ? Bao giờ bốc mộ, cho chú bộ ván". Cha tôi ngồi âm thầm, trông rất đau đớn.

Ông Bổng bảo: "Chị Thủy lược cho tôi con gà, nấu hộ nổi xôi". Vợ tôi hỏi: "Mấy cân gạo hả chú?" Ông Bổng bảo: "Mẹ mày, sao hôm nay cứ ngọt xớt thế? Ba cân"! Vợ tôi bảo tôi: "Họ hàng nhà anh kính bỏ mẹ".

Ông Bổng hỏi tôi: "Nhà này ai chủ trì kinh tế?" Tôi bảo: "Vợ cháu". Ông Bổng bảo: "Đấy là ngày thường. Tao hỏi đám ma này thì ai chủ trì kinh tế?" Tôi bảo: "Vợ cháu". Ông Bổng bảo: "Không được con ơi, khác máu tanh lòng. Tao bảo bố mày nhé". Tôi bảo: "Ông để con". Ông Bổng bảo: "Đưa tao bốn nghìn, mày định làm bao nhiêu mâm?" Tôi bảo: "Mười mâm". Ông Bổng bảo: "Không đủ cho đồ tùy rửa ruột. Mày bàn với vợ mày đi. Bốn mươi mâm". Tôi đưa cho ông bốn nghìn rồi vào nhà. Vợ tôi bảo: "Em nghe hết rồi, em tính ba chục mâm, tám trăm đồng một mâm, ba tám hai tư. Hai tư nghìn, phụ phí sáu nghìn. Việc mua bán em lo. Cổ giao cho cô Lài. Đừng nghe ông Bổng, lão ấy đều lắm". Tôi bảo: "Ông Bổng cầm bốn nghìn rồi". Vợ tôi bảo: "Buồn anh lắm". Tôi bảo: "Anh đòi lại nhé". Vợ tôi bảo: "Thôi, coi như trả công. Lão ấy tốt nhưng nghèo".

Phường bát âm đến bốn người. Cha tôi ra tiếp. Nhập quan lúc bốn giờ chiều. Ông Bổng cạy miệng mẹ tôi cho vào chín đồng vừa tiền chinh Khải Định, vừa tiền một hào nhôm. Ông bảo: "Để đi đồ". Lại cho vào cổ bài tổ tôm, có lẫn cả mấy quân tam cúc. Ông bảo: "Không sao, ngày xưa bà ấy vẫn chơi tam cúc".

Đêm ấy, tôi thức canh quan tài mẹ tôi, ngẫm nghĩ lan man đủ điều. Cái chết sẽ đến với mỗi chúng ta, chẳng trừ ai cả.

Ngoài sân, ông Bổng với mấy bác đồ tùy ngồi đánh tam cúc ăn tiền. Khi nào kết tối đen, ông Bổng lại chạy vào vái quan tài mẹ tôi: "Lạy chị,

chị phù hộ cho em để em vét thật nhẵn túi chúng nó”.

Cái Mi, cái Vi cũng thức với tôi. Cái Mi hỏi: “Sao chết đi qua đồ cũng phải trả tiền? Sao lại cho tiền vào miệng bà?”. Cái Vi bảo: “Đấy có phải ngậm miệng ăn tiền không bố?”. Tôi khóc: “Các con không hiểu đâu. Bố cũng không hiểu, đấy là mê tín”. Cái Vi bảo: “Con hiểu đấy. Đời người cần không biết bao nhiêu là tiền. Chết cũng cần”.

Tôi thấy cô đơn quá. Các con tôi cũng cô đơn. Cả đám đánh bạc, cả cha tôi nữa.

IX

Từ nhà tôi ra nghĩa địa đi tắt chỉ năm trăm mét nhưng đi đường chính qua cổng làng phải hai cây số. Đường bé, không đẩy xe đò được mà phải khiêng vai. Đò tùy thay nhau đến ba chục người, có nhiều người vợ chồng tôi không biết tên gì. Họ khênh quan tài hồn nhiên như việc bình thường vẫn làm, như khênh cột nhà. Vừa đi vừa nhai trầu, hút thuốc, tán chuyện. Khi nghỉ, đứng ngồi ngổn ngang ngay bên quan tài. Có người nằm lăn ra nói: “Mát thật, không bận thì cứ ngủ ở đây đến tối”. Ông Bổng bảo: “Các bố ơi, đi đi còn về nhảm”. Thế là đi. Tôi chống gậy giắt lúi trước quan tài theo tục lệ “cha đưa mẹ đón”. Ông Bổng bảo: “Bao giờ tôi chết, đò tùy của tôi toàn dân cờ bạc, cổ không thịt lợn mà thịt chó”. Cha tôi bảo: “Chú ơi, lúc này mà chú đùa à?”. Ông Bổng nín bật, lại khóc: “Chị ơi, chị đánh lừa em chị đi... Chị bỏ em chị đi...”. Tôi nghĩ: “Sao lại đánh lừa? Chẳng lẽ người chết đều đã đánh lừa người sống cả sao? Bài tha ma này có bao nhiêu người lừa lọc?”.

Chôn cất xong, mọi người về nhà. Bày ra một lúc hai mươi tám mâm. Nhìn mâm cỗ, tôi thật kính trọng cô Lài. Mâm nào cũng gọi: “Lài đâu?”. Cô Lài miệng dạ tíu tít, chạy ra bê rượu, bê thịt. Đến tối, cô Lài tắm giặt, mặc quần áo mới ra hương án khóc: “Bà ơi, cháu xin lỗi bà, cháu không đưa bà ra đồng... Hôm trước bà thềm canh cua, cháu ngại lắm, bà chẳng được ăn... Bây giờ đi chợ, cháu biết mua quà cho ai?...” Tôi thấy đắng ngắt. Tôi nhớ đã chục năm nay tôi chưa lần nào mua được cho mẹ chiếc bánh hay là gói kẹo. Cô Lài lại khóc: “Cháu ở nhà thì bà có chết không bà?”. Vợ tôi bảo: “Đừng khóc”. Tôi cúi: “Cứ để cho cô ấy khóc, đám ma không có tiếng khóc buồn lắm. Nhà mình có ai biết khóc bà cụ thế đâu?”. Vợ tôi bảo: “Ba mươi hai mâm. Anh phục em tính sát không?”

Tôi bảo: “Sát”.

Ông Bổng bảo: “Tôi đi xem giờ. Bà cụ được một cái nhập mộ, hai cái trùng tang, một cái thiên di. Có yểm bùa không?”. Cha tôi bảo: “Bùa con khỉ. Trong đời mình, tôi chôn ba nghìn người chẳng có người nào thế này”. Ông Bổng bảo: “Thế là sướng, “đòm” phát là xong”. Ông giờ một ngón tay trở làm hiệu bóp cò.

X

Tết năm đó, nhà tôi không mua hoa đào, không gói bánh chưng. Chiều mồng hai, đơn vị cũ của cha tôi cho người về viếng mẹ tôi. Biểu năm trăm đồng. Ông Chuồng, phó của cha tôi bây giờ lên tướng, ra mộ thắp hương. Anh Thanh đại úy cần vụ đi theo rút súng bắn ba phát lên trời. Sau này, trẻ con trong làng kháo bộ đội bắn hai một phát đại bác viếng bà Thuần. Ông Chuồng hỏi cha tôi: “Anh muốn về thăm đơn vị đối già không? Tháng Năm tập trận. Đơn vị cho xe về đón”. Cha tôi bảo: “Được”.

Ông Chuồng đi thăm cơ ngơi nhà tôi, có ông Cơ hướng dẫn. Ông Chuồng bảo cha tôi: “Cơ ngơi của anh ác thật. Vườn cây, ao cá, chuồng lợn, chuồng gà, biệt thự. Thế là vững tâm”. Cha tôi bảo: “Con tôi làm đấy”. Tôi bảo: “Đấy là vợ cháu”. Vợ tôi bảo: “Cô Lài chứ!” Cô Lài cười thồn thển, dạo này đầu cứ gật gật liên hồi như bị động kinh: “Chả phải”. Cha tôi đùa: “Thế thì do mô hình V.A.C”.

Sáng mồng ba, Kim Chi đi xích lô bế con về thăm. Vợ tôi mừng tuổi một nghìn. Cha tôi hỏi: “Thằng Tuấn có thư từ gì không?” Kim Chi bảo: “Không”. Cha tôi bảo: “Lỗi ở bác đấy. Tao không biết mày có chữa”. Vợ tôi bảo: “Chuyện ấy là thường. Bây giờ làm gì còn có trinh nữ. Con làm ở bệnh viện sản, con biết”. Kim Chi ngượng. Tôi bảo: “Đừng nói thế, nhưng mà làm trinh nữ thì mệt thật”. Kim Chi khóc: “Anh ơi, đàn bà chúng em nhục lắm. Để con gái ra em cứ nát ruột nát gan”. Vợ tôi bảo: “Tôi còn hai con gái cơ”. Tôi bảo: “Thế các người tưởng làm đàn ông thì không nhục à?” Cha tôi bảo: “Đàn ông thằng nào có tâm thì nhục. Tâm càng lớn, càng nhục”. Vợ tôi bảo: “Nhà mình nói năng như điên khùng cả. Thôi đi ăn. Hôm nay có cô Kim Chi, tôi đãi mỗi người một con gà hầm sâm sen. Tâm đấy. Ăn là trên hết”.

XI

Gần nhà tôi ở có cậu Khổng, trẻ con gọi là Khổng Tử. Khổng làm ở xí nghiệp nước mắm nhưng lại thích thơ, làm thơ gửi báo *Văn nghệ*. Khổng hay sang chơi. Khổng bảo: “Thơ siêu nhất”. Cậu đọc cho tôi nghe Loócca, Uýttxman v.v... Tôi không thích Khổng, ngờ ngờ cậu ta sang chơi vì một cái gì phiêu lưu còn hơn cả thơ ca nữa. Một bận, thấy trong giường của vợ tôi có một tập thơ chép tay. Vợ tôi bảo: “Thơ của cậu Khổng, anh có đọc không?” Tôi lắc đầu. Vợ tôi bảo: “Anh già rồi”. Bất giác tôi thoáng rùng mình.

Một hôm bận trực cơ quan nên tôi về muộn. Cha tôi đón cổng, ông bảo: “Thằng Khổng sang chơi từ chập tối. Nó với vợ mày cứ rúc rích với nhau, bây giờ chưa về, chướng quá”. Tôi bảo: “Cha đi ngủ đi, để ý làm gì”. Cha tôi lắc đầu, bỏ đi lên gác. Tôi dắt xe máy ra đường, phóng lang thang khắp phố cho kỳ hết xăng. Tôi dắt xe đến ngồi ở một góc vườn hoa như một tên du thủ du thực. Có một cô mặt đánh phấn đi ngang qua hỏi: “Ông anh ơi, có đi chơi không?” Tôi lắc đầu.

Khổng có ý tránh mặt tôi. Ông Cơ ghét lắm, một hôm bảo tôi: “Cháu đánh nó nhé?” Suýt tôi gật đầu. Lại nghĩ: “Thôi”.

Tôi vào thư viện mượn thử ít sách. Đọc Loócca, Uýttxman... tôi cứ mơ hồ thấy những nghệ sĩ trác tuyệt là những con người cô đơn khủng khiếp. Bỗng thấy thằng Khổng có lý. Chỉ tức nó đều. Sao nó không đưa thơ nó cho người khác xem mà lại đưa cho vợ tôi?

Cha tôi bảo: “Anh nhu nhược. Duyên do là anh đếch sống được một mình”. Tôi bảo: “Không phải, cuộc đời nhiều trò đùa lắm”. Cha tôi bảo: “Anh cho là trò đùa à?” Tôi bảo: “Không phải trò đùa, nhưng cũng không phải nghiêm trọng”.

Cha tôi bảo: “Sao tôi cứ như lạc loài?”.

Cơ quan định cử tôi đi công tác phía Nam. Tôi bảo vợ tôi: “Anh đi nhé?” Vợ tôi bảo: “Đừng đi. Mai anh sửa cửa nhà tắm, cái cửa hỏng rồi. Hôm nọ cái Mi đang tắm, thằng Khổng đi qua định giở trò đều làm nó hết hồn. Thằng khốn nạn ấy em cấm cửa rồi”. Vợ tôi òa khóc: “Em thật có lỗi với anh, với con”. Tôi khó chịu quay đi. Nếu có cái Vi bây giờ thì nó sẽ hỏi tôi rằng: “Bố ơi, đấy có phải nước mắt cá sấu không?”.



Thế là chị thương em nhất...

XII

Tháng Năm, đơn vị cũ cho xe về đón cha tôi. Anh Thanh đại úy cầm thư của ông Chuồng về. Cha tôi cầm thư run run. Thư viết: "... *Chúng tôi cần anh, mong anh... nhưng anh đi được thì đi, không ép*". Tôi nghĩ cha tôi không nên đi nữa nhưng nói ra bất tiện. Cha tôi già sụp hẳn đi từ khi về hưu. Hôm nay cầm thư, thấy ông nhanh nhẹn và trẻ trung hẳn. Tôi cũng vui lây. Vợ tôi chuẩn bị đồ đạc cho vào cái sắc du lịch. Cha tôi không nghe, ông bảo: "Cho vào ba lô".

Cha tôi đi chào làng nước một lượt, ra cả ngoài mộ mẹ tôi, lại bảo anh Thanh bắn ba phát súng lên trời. Buổi tối cha tôi gọi ông Cơ đến cho hai nghìn, bảo khắc một cái bia đá gửi về Thanh Hóa đánh dấu mộ vợ. Cha tôi lại gọi cô Lài đến bảo: "Cháu lấy chồng đi". Cô Lài òa khóc: "Cháu xấu xí lắm, chẳng ai lấy. Lại cả tin nữa". Cha tôi ghen ngào: "Con ơi, con không hiểu rằng cả tin chính là sức mạnh để sống hả con?" Tôi cũng không ngờ những điều như thế lại là điểm báo chuyển này cha tôi ra đi không về.

Trước khi lên xe, cha tôi lấy trong ba lô ra quyển vở học sinh. Ông đưa cho tôi. Ông bảo: "Trong này cha có ghi chép ít điều, con đọc thử xem". Cái Mi, cái Vi chào ông. Cái Mi hỏi: "Ông đi ra trận hả ông?" Cha tôi bảo: "Ừ". Cái Vi hỏi: "*Đường ra trận mùa này đẹp lắm!*" có phải không ông?" Cha tôi cười: "Mẹ mày! Láo!"

XIII

Cha tôi đi được vài ngày thì ở nhà xảy ra chuyện cười nôn ruột. Số là ông Cơ cùng với ông Bổng vớt bùn dưới ao (vợ tôi trả ông Bổng hai trăm đồng một ngày công, cơm nuôi), bỗng thấy một cái đít chum nổi lên. Hai ông hì hục đào, lại thấy một cái đít chum nữa, ông Bổng đoán chắc các cụ ngày xưa chôn của. Hai ông báo với vợ tôi. Thủy đến xem, cũng lội xuống đào. Rồi cả cô Lài, cả cái Mi, cái Vi. Cả nhà bê bê bùn đất. Vợ tôi bắt phải ngăn ao, lại đi thuê máy bơm Côle về tát nước. Không khí thật nghiêm trọng. Ông Bổng thích lắm: "Công tao thấy trước, cứ phải chia cho tao một chum". Hì hục một ngày đào được hai cái chum sứ trong chẳng có gì. Ông Bổng bảo: "Chắc còn nữa". Lại đào. Được thêm một cái chum nữa,

cũng vỡ. Cả nhà mệt lả, bụng đói cồn cào. Vợ tôi sai mua bánh mì về ăn lấy sức đào tiếp. Đào gần chục mét thì vợ được cái lọ sành. Cả nhà mừng rỡ, ai cũng đoán vàng. Mở ra trong thấy toàn một chuỗi tiền chính “Bảo Đại thông bảo” bằng đồng đã han rỉ cả. Lại thấy một cái mề đay mủn nát. Ông Bổng bảo: “Thôi chết, tao nhớ ra rồi. Ngày xưa tao với trùm Nhân ăn trộm ở nhà Hàn Tín, bị đuổi, trùm Nhân vứt cái lọ này xuống ao”. Cả nhà được một mẻ cười nôn ruột. Trùm Nhân là tên ăn trộm khét tiếng ở vùng ngoại ô. Hàn Tín trước kia đi lính thuộc địa cho Tây, tham gia phong trào “*Rồng Nam phun bạc, đánh đuổi Đức tặc*”. Cả hai đã chết mục xác từ thuở nào thuở nào. Ông Bổng bảo: “Không sao, bây giờ cả làng này chết tao cũng đủ tiền đi dò nhét vào miệng họ”.

Sáng hôm sau, ngủ dậy thì tôi nghe thấy có tiếng gọi cổng. Tôi ra thấy Khổng đứng ngoài. Tôi nghĩ: “Mẹ khỉ, cái thằng đểu này là điểm gỡ nhất của số phận mình”. Khổng bảo: “Anh Thuần ơi, anh có điện. Ông cụ mất rồi!”

XIV

Điện của ông Chương: “*Thiếu tướng Nguyễn Thuấn, hy sinh khi làm nhiệm vụ hồi... giờ... ngày... mai táng tại nghĩa trang liệt sĩ hồi... giờ... ngày*”. Tôi lặng người. Vợ tôi xếp đặt mọi việc rất nhanh. Tôi ra thuê xe, về nhà đã thấy gọn đàu vào đấy. Vợ tôi bảo: “Khóa cửa nhà trên. Ông Cơ ở lại”.

Xe đi Cao Bằng theo đường số Một. Đến nơi thì lễ an táng cha tôi cử hành đã được hai tiếng đồng hồ.

Ông Chương bảo: “Chúng tôi có lỗi đối với gia đình”. Tôi bảo: “Không phải thế. Đời người có mệnh”. Ông Chương bảo: “Cha anh là người đáng trọng”. Tôi hỏi: “Theo nghi lễ quân đội hả chú”. Ông Chương bảo: “Cụ ra trận địa, đòi lên chốt”. Tôi bảo: “Cháu hiểu rồi, chú đừng kể nữa”.

Tôi khóc, chưa bao giờ tôi khóc như thế. Bây giờ tôi mới hiểu khóc như cha chết là khóc thế nào. Hình như đấy là cái khóc lớn nhất đời một con người.

Mộ của cha tôi đặt trong nghĩa trang liệt sĩ. Vợ tôi mang theo máy ảnh bảo chụp mấy kiểu. Hôm sau tôi xin về luôn, ông Chương giữ lại nhưng tôi không nghe.

Đường về vợ tôi bảo xe đi chậm. Ông Bổng lần đầu mới được đi xa, thích lắm. Ông bảo: "Nước mình thật đẹp như tranh. Bây giờ tôi mới hiểu vì sao phải yêu đất nước. Chứ ở quê ta, dù ngay Hà Nội có văn minh thật, tôi chẳng thấy yêu gì cả". Vợ tôi bảo: "Tại chú quen đấy. Ở nơi khác cũng thế, họ lại thấy yêu Hà Nội". Ông Bổng bảo: "Thế là nơi này yêu nơi kia, người này yêu người kia. Tất cả đều đất nước mình, nhân dân mình cả. Vậy thì đất nước muôn năm, nhân dân muôn năm! Hoan hô đền cù!"

XV

Có lẽ câu chuyện của tôi kết thúc ở đây. Sau đó nếp sống của gia đình tôi trở lại như là trước ngày cha tôi nghỉ hưu. Vợ tôi tiếp tục công việc bình thường. Tôi đã hoàn thành công trình nghiên cứu điện phân. Ông Cơ trở nên ít nói, một phần vì bệnh cô Lài nặng hơn. Lúc rỗi, tôi giờ đọc những điều cha tôi ghi chép. Tôi hiểu cha tôi hơn.

Trên đây là những sự việc lộn xộn của hơn một năm cha tôi nghỉ hưu mà tôi chép lại. Tôi coi đấy như nén hương thấp nhớ người. Nếu có ai đã có lòng để mắt đọc điều tôi viết, xin lượng thứ cho tôi. Tôi xin cảm tạ.

1986

MUỐI CỦA RỪNG

Sau Tết Nguyên đán một tháng là thời gian thích nhất ở rừng. Cây cối đều nhú lộc non. Rừng xanh ngắt và ẩm ướt. Thiên nhiên vừa trang trọng, vừa tình cảm. Điều ấy một phần là do mưa xuân.

Khoảng thời gian này mà đi trong rừng, chân dẫm lên lớp lá ải mục, hít thở không khí trong lọc, thỉnh thoảng lại được thót mình bởi một giọt nước trên cây rỏ xuống vai trần thì thật tuyệt thú. Tất cả những trò nhố nhăng dễ tiện vấp phải hàng ngày hoàn toàn có thể rũ sạch bởi một cú nhảy của con sóc nhỏ trên cành dâu da.

Chính dịp đó ông Diều đi săn.

Ý nghĩ đi săn này sinh khi thằng con học ở nước ngoài gửi về biếu ông khẩu súng hai nòng. Khẩu súng tuyệt vời, nhẹ bồng, hết như một thứ đồ chơi, thật nằm mơ cũng không thấy được. Ở tuổi sáu mươi, với khẩu súng mới, đi săn trong rừng vào một ngày xuân kể cũng đáng sống.

Ông Diều nai nịt, mặc quần áo ấm, đội mũ lông và dận đôi giày cao cổ. Để cho cẩn thận, ông còn mang theo cả nắm xôi nếp. Ông đi men theo suối cạn, cứ thế ngược lên mớ nước đầu nguồn. Cách mớ nước một dặm là vương quốc của hang động đá vôi.

Ông Diều rẽ sang lối mòn ngoằn ngoèo đi miết. Chim xanh đầy trên rừng gấm hai bên lối mòn nhưng ông không bắn. Với khẩu súng này mà bắn chim xanh thì thật phí đạn. Chim xanh ông chén chán rồi. Ngon thì ngon nhưng có vị tanh. Nhà ông thiếu gì chim. Chim bồ câu nhà ông có đầy.

Đến chỗ ngoặt, ông Diều giật mình bởi một tiếng soạt trong lùm dẻ gai. Một chùm dây màu sắc sỡ tung trước mắt ông. Ông nín thở: một đôi gà rừng ton ton lao về phía trước, đầu cúi xuống, kêu quang quác. Ông Diều rẽ nòng súng theo. "Bắn sẽ trượt thôi!" Ông nghĩ bụng và ngồi bất

động ở trong tư thế như vậy rất lâu. Ông muốn chờ rừng yên tĩnh lại. Đói gà rừng sẽ nghĩ là chưa gặp người. Như thế tốt cho chúng nó. Cũng tốt cho ông.

Dãy núi đá cao ngất hùng vĩ. Ông Diểu ngắm nhìn để lượng sức mình. Nã được một chú khỉ hoặc chú sơn dương thì thật đã đời. Sơn dương thì khó, ông Diểu biết thế. Giống này bắn được chỉ nhờ ở ngẫu nhiên thôi. Ông Diểu không tin vận may sẽ đến.

Cần nhắc kỹ, ông tính đi men chân núi đá vôi sang rừng dâu da săn khỉ. Chắc ăn hơn mà đỡ tốn sức. Đây là Hoa Quả Sơn, Thủy Liêm Động¹ của thung lũng này. Ở rừng dâu da, khỉ có hàng bảy. Việc bắn được một chú khỉ với ông không khó.

Ông Diểu dừng lại mô đất có cây dây leo. Không biết thứ cây này là thứ cây gì, lá bạc phếch giống như lá nhót, những bông hoa vàng như hoa tai rủ xuống tận đất. Ông ngồi đấy lặng lẽ quan sát. Cần xem bọn khỉ có ở đây không? Loài thú này khôn tựa người, khi kiếm ăn bao giờ cũng có canh gác. Con gác rất tỉnh. Không thấy nó, đừng có hòng cuộc săn thắng lợi, đừng có hòng bắn được con át chủ bài. Con át chủ bài cũng là khỉ thôi. Nhưng đây là con khỉ của ông, là con ấy chứ không con khác. Vì vậy ông phải chờ, phải có cách thì mới bắn được.

Ông Diểu ngồi im để đến nửa giờ. Mưa xuân mỏng và mịn. Thời tiết ẩm. Để đến rất lâu ông Diểu mới lại có dịp ngồi yên thế này, không nghĩ gì, không buồn không vui, không lo lắng, cũng không tính toán. Sự tĩnh lặng bình thản của rừng xuyên suốt qua ông.

Ào một cái, từ trong rừng dâu da bỗng như có tiếng quẫy động của một con vật khổng lồ. Ông Diểu biết là con đầu đàn đã đến. Con khỉ này cũng gồm lắm đây. Nó xuất hiện với một nghi lễ vương chủ. Tự tin đến thô bạo. Ông Diểu mỉm cười và chăm chú nhìn.

Sau tiếng động vài phút thì con đầu đàn đến thật. Nó văng mình rất nhanh đến nỗi gần như không có phút nghỉ ở mỗi chặng dừng. Ông Diểu thần phục vì sự nhanh nhẹn dẻo dai của nó. Thoắt một cái, nó biến mất. Một nỗi xót xa khiến ông nhói lòng: số phận của bậc đế vương không trùng với số phận ông. Niềm vui nhen lên từ khi ở nhà ra đi trong ông vơi đi một nửa.

Khi con khỉ đầu đàn biến mất thì ào ra một đàn khỉ đến hai chục con từ rất nhiều hướng. Con vát vẻo trên cao, con đánh đu ngang cành. Có con lại nhảy xuống đất. Ông Diểu thấy ba con khỉ cứ quẩn lấy nhau: con khỉ đực, con khỉ cái và đứa con nó.

¹ Địa danh trong truyện "Tây du ký"

Y nghĩ con khỉ đực sẽ là con mồi bám lấy ông Diều tức thì. Cái thằng bố ồ trọc ấy! Đồ phong tình phóng đảng! Vị gia trưởng cộc cằn! Nhà lập pháp bẩn thỉu! Tên bạo chúa khốn nạn!

Ông Diều thấy nóng bừng người. Ông bỏ mũ và áo bông ra đặt dưới lùm cây. Ông để cả nắm cơm xuống đất. Ông từ từ dịch chuyển sang chỗ đất trũng thấp hơn. Ông nhìn kỹ và thấy con khỉ canh gác là con khỉ cái. Thế là thuận lợi rồi. Bởi giống cái bao giờ cũng dễ phân tâm. Đấy, thấy chưa? Đang canh gác mà đi bắt rận ở người thì còn gì nữa? Với giống cái thì thân thể mình là quan trọng nhất. Điều ấy thật giản dị và đẹp. Nhưng điều ấy lại đầy xót xa...

Ông Diều tính toán rồi luồn theo hướng ngược gió với con khỉ cái canh gác. Phải tiếp cận đàn khỉ đến hai chục mét thì mới bắn được. Ông bò nhanh và rất khéo léo. Xác định được con mồi rồi là ông chắc chắn thành công. Thiên nhiên đã dành cho ông chứ không ai khác chính con khỉ ấy. Thậm chí ông biết dù ông có đi mạnh chân một chút, gây nên một sự bất cẩn nhỏ nhằng nào đó cũng chẳng hề gì. Điều ấy tưởng như phi lý mà thật bình thường.

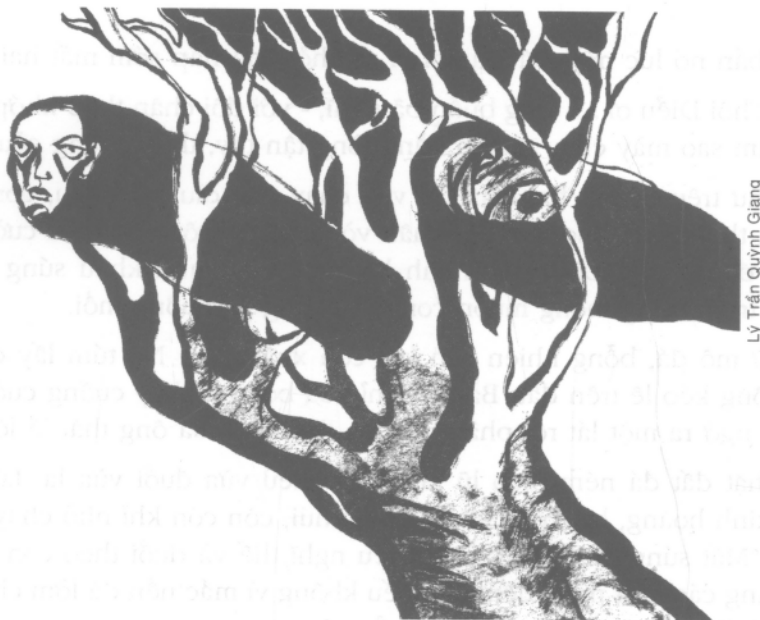
Tuy nghĩ vậy nhưng mà ông Diều vẫn cứ tiếp cận đàn khỉ một cách thận trọng. Ông biết thiên nhiên đầy rẫy bất ngờ. Thận trọng chẳng bao giờ thừa.

Ông Diều tỳ súng vào một chạc cây. Cái bộ ba trong gia đình khỉ không hề biết rằng tai họa đến gần. Con khỉ bố vắt vèo trên cây bứt quả ném xuống dưới đất cho hai mẹ con. Trước khi ném, bao giờ nó cũng chọn quả ngon chén trước. Hành động ấy thật là dễ tiện. Ông Diều bóp cò. Tiếng súng dữ dội đến nỗi đàn khỉ lảng đi để đến một phút. Con khỉ đực buông tay ngã nhào xuống đất nặng nề.

Sự hỗn loạn của cả đàn khỉ khiến cho ông Diều sợ hãi run lên. Ông vừa làm điều ác. Chân tay ông rần rã, giống cảm giác như người vừa mới làm xong việc nặng. Đàn khỉ thoát biến vào rừng. Con khỉ mẹ và con khỉ con cũng chạy theo đàn. Được một đoạn, con khỉ mẹ bỗng quay trở lại. Con khỉ đực bị đạn vào vai, nó gượng dậy, nhưng lại vật xuống.

Con khỉ cái tiến đến gần con khỉ đực một cách thận trọng, nó nhìn ngó xung quanh. Sự im lặng này thật đáng ngờ. Nhưng rồi con khỉ đực cất tiếng gọi nó, tiếng gọi buồn thảm đau đớn. Nó dừng lại lắng nghe với vẻ khiếp sợ hoảng loạn.

- Chạy đi!



Ly Trần Quỳnh Giang

Con át chủ bài cũng là khi thôi...

Ông Diểu rên lên khe khẽ. Nhưng con khi cái tuồng như muốn liều thí mạng, nó đến gần nâng con khi đực nhồm lên.

Ông Diểu tức giận giương súng. Hành động hy sinh thân mình của con khi cái làm ông căm ghét. Đồ gian dối, mày chứng minh tấm lòng cao thượng hết như một bà trưởng giả! Sự tan rã đạo đức bắt đầu từ những tấn kịch thế này, lừa ông sao được?

Khi ông Diểu chuẩn bị bóp cò thì con khi cái quay lại nhìn ông. Đôi mắt nó sợ hãi kinh hoàng. Nó vút phịch con khi đực xuống đất rồi chạy biến đi. Ông Diểu thở phào rồi khẽ bật cười. Ông nhô hẳn người ra khỏi chỗ nấp.

- Sai lầm rồi!

Ông Diểu rửa thầm vì ông vừa bước ra thì con khi cái quay lại tức thì. "Nó biết mình là người thì thôi hỏng việc!" Y như rằng, con khi cái vừa lén nhìn ông vừa lao đến chỗ con khi đực. Nó ghì lấy con khi đực vào lòng rất nhanh và khéo. Cả hai lăn tròn trên đất. Bây giờ thì con khi cái chắc chắn sẽ điên cuồng như một mục ngốc. Nó sẽ cuồng nhiệt hy sinh bởi lòng cao thượng của nó sẽ được thiên nhiên tính điểm. Ông đã lộ mặt là tên ám sát! Dù chết nó vẫn nhe răng để cười. Bất luận thế nào ông cũng sẽ đau đớn, sẽ thao thức, thậm chí ông sẽ chết sớm hai năm nếu

ông bắn nó lúc này. Tất cả chỉ vì ra khỏi chỗ nấp sớm mất hai phút.

- Thôi Diều ơi... - Ông buồn bã nghĩ, - với đôi chân thấp khớp thế này thì làm sao mà chạy nhanh bằng lòng tận tụy, thủy chung của khỉ?

Như trên người, hai con khỉ vừa chạy vừa diu lấy nhau, con khỉ cái thỉnh thoảng lại hươ hươ đôi chân vòng kiềng trông vừa tức cười lại vừa dâm dăng. Ông Diều bực mình lấy đà ném mạnh khẩu súng vàng về phía trước. Ông mong muốn con vật hoảng sợ buông mỗi.

Từ mô đá, bỗng nhiên con khỉ con xuất hiện. Nó túm lấy dây súng của ông kéo lê trên đất. Ba con khỉ vừa bò vừa chạy cuống cuống. Ông Diều ngó ra một lát rồi phá lên cười: tình thế của ông thật là lố bịch!

Nhặt đất đá ném theo lũ khỉ, ông Diều vừa đuổi vừa la. Lũ khỉ hết sức kinh hoàng, hai con chạy về phía núi, còn con khỉ nhỏ chạy về phía vực. "Mất súng thì hỏng"! Ông Diều nghĩ thế và đuổi theo con khỉ nhỏ. Khoảng cách rút ngắn đến mức nếu không vì mắc nền đá lởm chởm, ông lao nhào ra là tóm ngay được khẩu súng.

Việc ông Diều dẫn con khỉ nhỏ đến bờ miệng vực đưa đến hậu quả khôn lường. Giữ chặt dây súng, nó lăn xuống miệng vực không chút chần chừ. Vì ít kinh nghiệm, nó không tìm ra giải pháp nào khác trong trường hợp ấy.

Ông Diều tái mặt, mồ hôi toát ra như tắm. Ông đứng trên miệng vực nhìn xuống rừng mình. Từ dưới sâu hun hút vang lên tiếng rú thê thảm của con khỉ nhỏ. Trong ký ức của ông chưa hề có tiếng rú nào tương tự thế này. Ông Diều lùi lại kinh hoàng. Từ dưới miệng vực, sương mù dâng lên cuộn cuộn, trông vừa kinh dị, vừa đầy tử khí. Sương mù len vào từng chân bụi cây và xóa rất nhanh cảnh vật. Ông Diều chạy lùi trở lại. Phải lâu lắm, có lẽ từ thời thơ ấu, ông Diều mới lại có lần chạy như ma đuổi thế này.

Đến chân núi đá, ông Diều kiệt sức. Ông ngồi phệt xuống nhìn về phía vực. Bây giờ sương mù đã trùm kín nó. Ông sực nhớ ra đây là khu vực đáng sợ nhất trong thung lũng, khu vực mà cánh thợ săn đặt tên cho là Hòm Chết. Ở hòm sâu này, gần như đều đặn, năm nào cũng có người bị sương mù giăng bẫy làm cho toi mạng.

"Hay là ma? - ông Diều nghĩ. - Cô hồn của những bà cô ông mãnh thường biến thành hình khỉ trắng?"

Con khỉ này màu trắng. Nó đoạt súng của ông bất thường đến nỗi ông cũng ngờ vực là sao sự thực có thể giản đơn như vậy?

- "Ta có mê không? - Ông Diều nhìn quanh. - Tất cả như trong mộng mị?" - Ông đứng dậy nhìn lên vách núi bằng hoàng. Phía núi đá ngược chiều Hòm Chết, bầu trời quang đãng không hề vương gợn sương mù, tất cả cảnh vật lộ rõ từng đường nét.

Có tiếng kêu thảng thốt. Ông Diều trông lên thì bỗng thấy con khỉ đực bị thương nằm vắt ở trên mỏm đá. Không thấy con khỉ cái. Ông mừng quá tìm hướng leo lên.

Núi đá dốc và trơn. Leo lên nguy hiểm và vất vả lắm. Ông Diều lượng sức: "Nhưng dù thế nào thì ta cũng phải tóm được chú mày"! Ông Diều bình tĩnh bám vào các khe đá nứt leo lên.

Được khoảng chục mét, ông Diều thấy nóng bừng người. Lựa chỗ đứng thuận tiện, ông cởi bỏ giày và quần áo ngoài để lên một chạc cây dưới. Trên mình mỗi chiếc quần lót, ông thấy thoải mái. Ông leo thoăn thoắt và càng không ngờ sức mình có thể nhanh nhẹn dẻo dai đến thế.

Con khỉ đực bị thương nằm trên ngọn đá phẳng lì và khá chông chênh. Dưới phiến đá, một khe nứt rộng đến gang tay tách nó ra khỏi vách núi. Ông Diều rùng mình, cảm tưởng như bất cứ lúc nào tảng đá cũng có thể lăn nhào khỏi vị trí ấy làm ông kinh hãi. Thiên nhiên oái oăm lại muốn thử thách thêm lòng dũng cảm của ông sao đó.

Ông Diều lấy hai cùi tay làm tựa để co người lên. Con khỉ tuyệt đẹp, lông mịn và vàng. Nó nằm sấp mình, hai tay cào trên phiến đá như muốn tìm cách nhích lên. Máu đỏ bết bên vai nó.

Ông Diều đặt tay lên mình con khỉ và thấy nó nóng hầm hập. "Để đến hơn yển..." Ông Diều luồn tay xuống dưới ngực con khỉ nâng lên ước lượng. Từ trong ngực nó phát ra tiếng "hùm" nhỏ nhỏ nghe rất đáng sợ, tựa như thần Chết bực mình cấu kính vì sự can thiệp của ông với nó. Ông Diều rút phắt tay lại. Con khỉ run bắn, nó đưa đôi mắt dờ dại nhìn ông cầu khẩn. Ông Diều bỗng thấy thương hại. Viên đạn phá vỡ bả vai của nó, làm trồi ra hần đoạn xương dài đến bốn phân. Mỗi khi đoạn xương va chạm, con khỉ quần quai trông rất đau lòng.

- "Để thế không ổn!" - Ông Diều vợ lấy một nắm cỏ Lào vò nát. Ông cho vào miệng nhai kỹ. Ông đắp nắm lá vào miệng vết thương con khỉ. Nắm lá sẽ có tác dụng cầm máu cho nó. Con khỉ co rúm người lại và nghiêng đôi mắt uơn uớt nhìn ông. Ông Diều tránh nhìn vào đôi mắt nó.

Một lát, con khỉ rúc hần vào hai lòng tay ông Diều. Miệng nó phát ra âm thanh lấp lụp nghe như tiếng của trẻ con. Ông biết nó đang van xin

và tìm một sự giúp rập. Ông rất khó chịu.

- "Thà mày chống cự thì tốt cho tao, - ông Diểu nhìn vào cái đầu ngoan ngoãn của con khỉ nhỏ cau mày. - Mình đã già rồi... Nó biết người già thì dễ mũi lòng. Bây giờ tao biết lấy gì băng bó cho mày hở khỉ?".

Ông Diểu suy nghĩ. Ông đành cởi chiếc quần lót đang mặc. Ông dùng chiếc quần lót ấy để băng vết thương cho nó. Vết thương cầm máu, con khỉ không còn rên nữa.

Cứ thế trần truồng, ông Diểu vừa bế vừa đỡ con khỉ tìm đường tụt xuống chân núi. Thoát nhiên, đất đá từ lưng chừng núi sạt xuống rào rào như có sức mạnh nào đẩy xô đẩy.

Núi lở!

Ông Diểu thót mình và bám thật chặt vào tảng đá, kinh hãi. Đoạn đường mà ông leo lên lúc nãy loảng cái chỉ còn một vết chém thẳng phẳng lì. Ông Diểu không còn thấy cây dưới để quần áo và giày dẫu nữa. Đi xuống đường ấy bây giờ thật nguy hiểm. Đành phải vòng ra sau núi. Xa hơn nhưng lại an toàn.

Ông Diểu lần mò đến hơn hai tiếng đồng hồ mới xuống được đến chân núi. Thật chưa bao giờ ông lại vất vả và mệt đến thế. Người ông đầy vết xây xước. Con khỉ sống không ra sống, chết không ra chết. Kéo nó trên đất thì quá đau lòng, mà bế ẵm nó trên tay thì không đủ sức.

Đến chỗ lùm cây dây leo nấp chờ ban sáng, ông Diểu dừng lại để tìm mũ áo và nắm xôi nếp. Ở đây dùn lên một đồng mối to gần bằng cây rạ. Đồng mối nhóp nhép một thứ đất mới đỏ au, trên đây đầy những cánh mối ướt rui. Khốn nạn, dây vào tổ mối thì những đồ vật của ông thành cám! Thở dài thất vọng, ông Diểu quay lại bế con khỉ lên.

- "Chẳng lẽ lại cứ nong nong thế này về nhà thì thật khả ố! - Ông Diểu bực mình. - Mình sẽ thành một trò cười cho thiên hạ mất..."

Ông Diểu cứ vừa đi vừa nghĩ và đâm loanh quanh một lúc mới nhận ra con đường.

- "Thì đã sao nào! - Ông bỗng bật cười. - Hỏi ai bắn được con khỉ thế này? Phải yến rươi thịt... Lòng vàng như nhuộm... Bắn được con vật như thế này thì dẫu mảnh giáp không còn cũng đáng!"

Có tiếng động khẽ đằng sau. Ông Diểu giật mình quay lại và nhận ra con khỉ cái. Thấy ông, nó thoát biến vào bụi rậm. Hóa ra con khỉ cái theo ông từ khi ông ở trên núi mà ông không biết. Ông thấy là lạ. Đi

được một quãng, ông Diểu quay lại thì vẫn thấy nó leo đèo đằng sau. Thật khốn nạn quá! Ông Diểu đặt con khỉ đực xuống đất rồi nhặt đất đá đuổi con khỉ cái. Nó kêu the the rồi chạy biến đi. Chỉ được một lúc, ông Diểu ngó lại thì vẫn thấy nó lảng nhảng bám theo.

Cái bộ ba ấy cứ thế lầm lũi xuyên rừng. Con khỉ cái cũng thật kiên trì. Ông Diểu bỗng thấy bị xúc phạm ghê gớm. Tựa như ông bị theo dõi, bị đòi ăn vạ.

Bây giờ, cả con khỉ đực cũng đã nhận ra tín hiệu vẫy gọi của đồng loại nó. Nó cứ giẫy giụa, nó làm cho ông khổ vô cùng. Ông Diểu mệt lả, ông không còn sức giữ con khỉ nữa. Hai tay con khỉ cào trên ngực ông tóc máu. Cuối cùng, không thể chịu nổi, ông đành tức giận ném nó xuống đất.

Con khỉ đực nằm dài trên vạt cỏ ướt. Ông Diểu buồn bã ngồi nhìn. Cách đó không xa, con khỉ cái cũng thập thò sau một gốc cây theo dõi.

Ông Diểu thấy buồn tẻ tái đến tận đáy lòng. Ông nhìn cả hai con khỉ và thấy cay cay nơi sống mũi. Hóa ra ở đời, trách nhiệm đè lên lưng mỗi sinh vật quả thật nặng nề.

- "Thôi tao phóng sinh cho mày!" - Ông Diểu ngồi yên một lát rồi bỗng đứng dậy nhổ bãi nước bọt xuống dưới chân mình. Lương lự giây phút rồi ông vội vã bỏ đi. Hình như chỉ chờ có thế, con khỉ cái vọt ngay ra khỏi chỗ nấp, chạy vội đến chỗ con khỉ đực nằm.

Ông Diểu rẽ sang một lối đi khác. Ông muốn tránh sẽ gặp người. Lối này đầy những bụi gai ngáng đường nhưng hoa tử huyệt nhiều không kể xiết. Ông Diểu dừng lại sững sờ. Loài hoa tử huyệt cứ ba chục năm mới nở một lần. Người nào gặp hoa tử huyệt sẽ gặp may mắn. Hoa này màu trắng, vị mặn, bẻ bằng đầu tăm, người ta vẫn gọi hoa này là muối của rừng. Khi rừng kết muối, đấy là điềm báo đất nước thanh bình, mùa màng phong túc.

Ra khỏi thung lũng, ông Diểu đi xuống cánh đồng. Mưa xuân dịu dàng nhưng rất mau hạt. Ông cứ trần truồng như thế, cô đơn như thế mà đi.

Chỉ một lát sau, bóng ông nhòa vào màn mưa.

Chỉ ít ngày nữa sang tiết Lập hạ. Trời sẽ ấm dần.

KHÔNG CÓ VUA

1. Gia cảnh

Cô Sinh về làm dâu nhà lão Kiên đã mấy năm nay. Khi về, cô Sinh mang theo bốn bộ quần áo mỏng, một áo dạ mặc rét, hai áo len, một vỏ chân hoa, bốn cái xoong nhôm, một cái xoong bột, một cái phích hai lít rượu, một cái chậu tắm, một tá khăn bông, tóm lại là *một đồng tiền*, nói như bà mẹ cô Sinh làm nghề buôn gạo ở chợ Xanh.

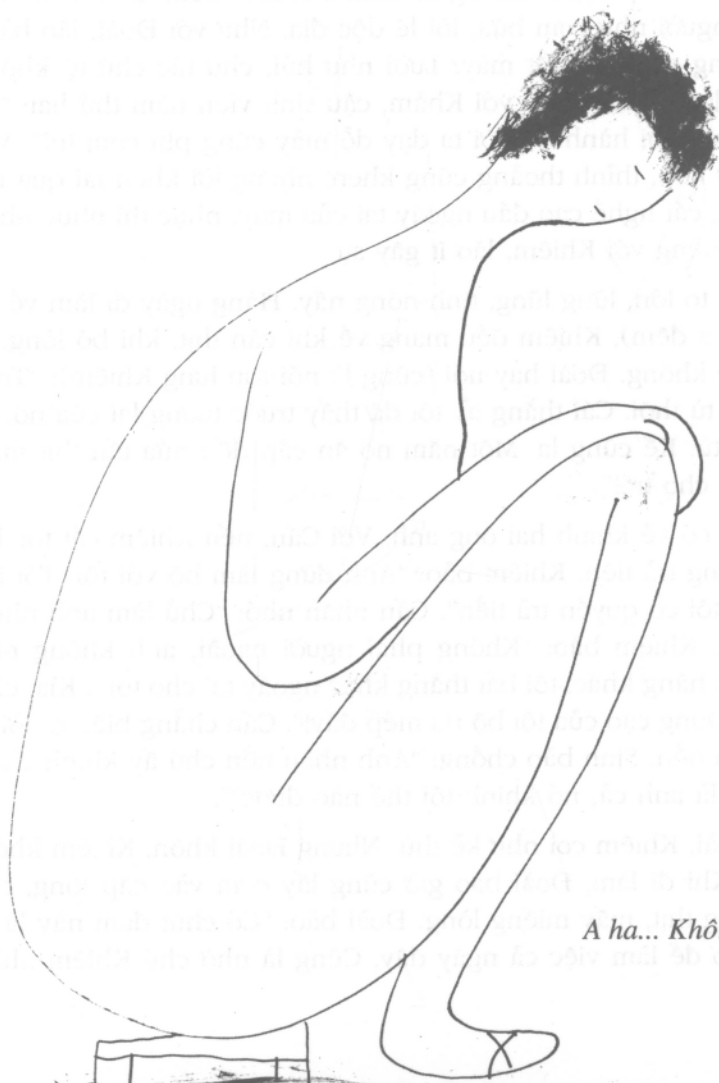
Cậu Cấn chồng cô Sinh là thương binh. Họ quen biết nhau trong dịp tình cờ. Hai người cùng trú dưới hiên nhà trong một trận mưa. Chuyện này đã có người viết (thế mới biết nhà văn ở ta xông xáo!) Theo đồn đại, đại để đây là một "xen" (scène) về tình yêu giản dị, trong sáng, không vụ lợi, cuộc sống là duy vật biện chứng, hài hòa, đẹp, đáng yêu, v.v...

Cấn là con trưởng. Dưới Cấn có bốn em trai, chênh nhau một, hai tuổi. Đoàn là công chức ngành giáo dục, Khiêm là nhân viên lò mổ thuộc Công ty thực phẩm, Khâm là sinh viên đại học, Tồn, con út, bị bệnh thần kinh, người teo tóp, dị dạng.

Nhà lão Kiên sáu người. Toàn đàn ông. Bà Nhớn, vợ lão Kiên, mất đã mười một năm, lúc đó lão Kiên năm mươi ba tuổi, cái tuổi oái ăm, lấy vợ nữa cũng đỡ, không lấy vợ nữa cũng đỡ. Lão Kiên chọn cái đỡ ít hơn, ở vậy...

Nhà lão Kiên trông ra mặt đường. Lão làm nghề chữa xe đạp. Cấn làm nghề cắt tóc (khi mới quen Sinh, anh nói làm nghề dịch vụ). Được tiếp thu một nền giáo dục gia đình bình dân (cha dạy học, mẹ buôn gạo), Sinh không phải là người có nhiều định kiến hẹp hòi. Hơn nữa, trong tính cách, thậm chí ở cô có phần phóng túng. Trình độ văn hóa hạn chế (Sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở) nhưng điều đó không can hệ gì. Với phụ nữ, học vấn giữ vai trò thứ yếu tạo nên sức mạnh thần thánh ở họ, điều này không phải chứng minh.

Về làm dâu, lúc đầu Sinh khá ngỡ ngàng với không khí tự do trong nhà. Ăn cơm chẳng ai mời ai, sáu người đàn ông, ai cũng cời trần, mặc quần đùi, cười nói thản nhiên, chan chan húp húp như rồng cuốn. Sinh phục vụ cơm nước ba lần một ngày. Được cái việc nặng Sinh không phải làm, có Tồn giúp đỡ. Tồn suốt ngày lau nhà, giặt giũ. Nó không có khả năng làm việc gì khác. Cứ cái xô nhựa với tấm giẻ lau, khoảng vài tiếng nó lại lau nhà một lần. Nó không chịu được bẩn. Quần áo ai thay ra, nó cũng giặt mà giặt rất sạch, phơi phóng cẩn thận. Tồn ít nói, nếu ai hỏi gì, chỉ cười bên lên, trả lời nhát gừng. Vừa làm, nó vừa ti ti hát, không hiểu học được khi nào bài hát của bọn bọm rượu:



A ha... Không có vua...

*"A ba... Không có vua
Sớm đến chiều say sưa
Tháng với ngày thoi đưa
Tớ với mình dây đưa
Tình với tính hay chửa?"*

Tồn hay giúp đỡ Sinh, rước xử với Sinh bằng lòng tốt vô bờ bến. Những ý thích nhỏ nhặt của cô, nó thực hiện với lòng tận tụy cảm thú. Nửa đêm, nếu Sinh buột miệng "có ô mai thì thích" là sẽ có ngay ô mai. Không biết Tồn lấy tiền ở đâu, đi mua lúc nào, chuyện này chịu.

Ở trong nhà Sinh hãi nhất lão Kiềm, sau đến Khiêm. Lão Kiềm suốt ngày cau có. Mọi người không ai thích lão. Lão kiếm ra tiền, lão cãi nhau với mọi người như cơm bữa, lời lẽ độc địa. Như với Đoàn, lão bảo: "Mày ấy à? Công chức gì mặt mày? Lười như hủi, chữ tác chữ tội không biết, chỉ giỏi đục khoét!" Hay với Khâm, cậu sinh viên năm thứ hai: "Đồ ruồi nhặng! Học với hành! Người ta dạy dỗ mày cũng phí cơm toi". Với Cấn, lão có đỡ hơn, thỉnh thoảng cũng khen, nhưng lời khen lại quá lời chửi: "Hay thật, cái nghề cạo đầu ngoáy tai của mày, nhục thì nhục nhưng hái ra tiền!" Riêng với Khiêm, lão ít gây sự.

Khiêm to lớn, lưng lửng, tính nóng nảy. Hàng ngày đi làm về (Khiêm hay làm ca đêm), Khiêm đều mang về khi cần thịt, khi bộ lông. Ít hôm Khiêm về không. Đoàn hay nói (cũng là nói sau lưng Khiêm): "Trước sau cũng vào tù thôi. Cái thằng ấy tôi đã thấy trước tương lai của nó. Ít cũng sáu năm tù. Kể cũng lạ. Một năm nó ăn cắp đến nửa tấn thịt mà người ta để yên cho nó".

Khiêm có vẻ khinh hai ông anh. Với Cấn, nếu Khiêm cắt tóc bao giờ Khiêm cũng trả tiền. Khiêm bảo: "Anh đừng làm bộ với tôi. Tôi bắt anh phục vụ, tôi có quyền trả tiền". Cấn nhảu nhố: "Chú làm anh như người ngoài ấy". Khiêm bảo: "Không phải người ngoài, anh không nhận thì thôi, tôi đi hàng khác, tôi bắt thằng khác ngoáy tai cho tôi... Kìa, cẩn thận con dao! Đừng cạo của tôi bộ ria mép đấy!". Cấn chẳng biết trả lời ra sao, phải nhận tiền. Sinh bảo chồng: "Anh nhận tiền chú ấy khinh cho". Cấn bảo: "Tôi là anh cả, nó khinh tôi thế nào được?".

Với Đoàn, Khiêm coi như kẻ thù. Nhưng Đoàn khôn, Khiêm không nói gì được. Khi đi làm, Đoàn bao giờ cũng lấy cơm vào cặp lồng, cho vào mấy miếng thịt, mấy miếng lòng. Đoàn bảo: "Có chút đạm này là đủ hai nghìn calo để làm việc cả ngày đây. Cũng là nhờ chú Khiêm nhà mình

vừa khéo vừa nhanh". Khiêm hỏi: "Khéo với nhanh cái gì?" Đoàn bảo: "Ấy là tôi nói chú khéo xử sự với người, mà nhanh xử sự với lợn". Khiêm tức ghen hợm, sùi bọt mép.

Sinh lọt vào gia đình nhà này tựa như cơn mưa rơi xuống đất nẻ. Không khí dịu lại. Vài tháng đầu, lão Kiền không gây sự gì với con cái. Cấn là người hạnh phúc nhất. Anh cầm kéo cắt tanh tách, đối xử với khách hết sức nhã nhặn. Cấn quyết định nâng giá cắt tóc từ ba chục lên năm chục, ngoáy tai từ một chục lên hai chục, gội đầu từ hai chục lên ba chục, cạo râu từ một chục lên hai chục. Doanh thu tăng vọt. Mức chi tiêu gia đình chủ yếu do Cấn cầm cân nảy mực có phần rộng rãi. Đoàn thấy mức chi tiêu tăng lên, ban đầu hoảng sợ nhưng không thấy ai hỏi han gì về khoản đóng góp thường lệ của mình nên bình tâm hơn. Còn Khiêm, vẫn y như thảng trước, thảng trước nữa, không chi ra một hào nhưng đều đặn góp vào mỗi hôm một cổ lòng lợn hoặc một hai cân thịt. Ăn lòng lợn hơn chục hôm liền, Sinh phát sợ, bảo chồng: "Mai chú Khiêm có mang lòng lợn về thì tôi đưa ra chợ để đổi thứ khác đấy". Cấn cười, mắt ve vuốt thân hình mềm mại của vợ, bảo rằng: "Tùy *ái khanh*".

2. Buổi sáng

Thường thường, ở nhà thì Khiêm là người hay dậy sớm nhất. Khiêm để đồng hồ báo thức một giờ sáng. Khi chuông reo, Khiêm dậy ngay, đánh răng súc miệng rồi dắt xe đi. Tốn ra khóa cửa. Đoàn bị mất ngủ, cầu nhàu: "Thật là giờ làm việc của quân đạo tặc". Ba giờ sáng, lão Kiền dậy, cắm bếp điện đun nước pha chè. Cái ổ cắm bếp điện bị hở, chửa nhiều lần nhưng cứ ít hôm lại có người bị điện giật đến thót, lão Kiền bị điện giật, bèn chửi: "Cha chúng mày, chúng mày ám hại ông. Chúng mày mong ông chết, nhưng trời có mắt, ông còn sống lâu". Đoàn nằm trong giường nói vọng ra: "Ổ đâu không biết, chứ ở nhà này thì *lá vàng còn ở trên cây, lá xanh rụng xuống*" là chuyện thường tình". Lão Kiền chửi: "Mẹ cha mày, mày ăn nói với bố thế à? Tao không hiểu thế nào người ta lại cho mày làm việc ở Bộ Giáo dục!" Đoàn cười: "Họ xét lý lịch, họ thấy nhà mình truyền thống, ba đời trong sạch như gương". Lão Kiền lẩm bẩm: "Chứ không à? Chúng mày thì tao không biết, nhưng từ tao ngược lên, nhà này chưa có ai làm gì thất đức". Đoàn bảo: "Phải rồi. Một miếng vá xăm đáng một chục nhưng tương lên ba chục thì có đức đấy". Lão Kiền bảo: "Mẹ cha mày, thế mày nâng bát cơm lên miệng hàng ngày mày có nghĩ không?" Khâm rên rĩ: "Thôi thôi, anh Đoàn ơi, anh

thương em với, hôm nay em phải thi vấn đáp môn triết học đây”. Đoàn bảo: “Triết học là thứ xa xỉ của bọn một sách. Chú có thấy cái chuỗi hạt nhựa đeo cổ của chị Sinh không? Nó là triết học đấy”. Khảm không trả lời. Căn nhà lặng im được độ một tiếng đồng hồ thì lại nhộn nhịp. Đây là vào lúc bốn giờ rưỡi sáng, Sinh dậy nấu cơm.

Sinh dậy nấu cơm, lấy sáu bò rười gạo. Cẩn lúi húi nhặt rau. Khảm bảo: “Đẹp đôi thật. Có việc gì để em làm giúp”. Sinh bảo: “Chỗ mở lòng hôm qua đây kiến, chú làm sao chặt được hết kiến thì làm”. Khảm bảo: “Ở nước mình, mật độ lòng lợn trên đầu người thì nhà mình nhất. Em đã thử thống kê, một năm anh Khiêm mang về hai trăm sáu mươi bộ lòng”. Đoàn bảo: “Em giai ơi, thằng ấy là phúc thiện tinh của nhà mình đấy. Nói không phải, cái nghề đồ tể của nó giá trị gấp mười lần cái bằng đại học của tao với mày”.

Lão Kiền mở cửa hàng. Một bà cấp thúng xôi đi qua ngõ vào: “Mời bác xôi quả sáng”. Lão Kiền xua tay quấy quây: “Giời ơi, nhà làm ăn, mới sáng ra đàn bà con gái đã ám thế này thì làm ăn gì”. Bà bán xôi bảo: “Chẳng bao giờ tôi bán được một hào xôi cho lão già này”. Cẩn cầm dao mài soàn soạt vào miếng da bò, lẩm bẩm: “Hôm nay cắt được chục cái đầu thì hay”.

Cơm dọn ra, Sinh với Khảm ngồi hai đầu nồi. Khảm xới cơm, Sinh bảo: “Cơm nóng, chú lên thế thì ai ăn được?” Khảm bảo: “Chị đừng lo. Họ Sĩ nhà này toàn miệng gang miệng thép”. Sinh bảo: “Mời bố ăn cơm, mời anh Cẩn và các chú ăn cơm”. Đoàn bảo: “Nhập gia tùy tục, ở nhà này không có lệ mời. Khảm xới tao một bát”. Khảm bảo: “Ăn nhanh thế, em mới được hai và”. Đoàn bảo: “Tao ăn cơm tập thể từ mười bốn tuổi, ăn nhanh quen rồi. Hồi học đại học, có thằng bạn ăn sáu bát cơm trong một phút rưỡi. Thế có kinh không?”. Lão Kiền bảo: “Quân trí thức bây giờ toàn phường phàm phu tục tử”. Khảm cười: “Các cụ ngày xưa chẳng dạy ‘có thực mới vực được đạo’ là gì?” Lão Kiền hỏi: “Bọn chúng mày bây giờ thì vực đạo gì?”. Đoàn ăn xong đứng lên vươn vai: “Cái này phải tranh luận đấy. Tôi đang ngờ cái ông ngày xưa nói ra câu ấy chẳng hiểu quái gì về đạo. Đáng ra phải nói ‘có thực mới vực được tình’. Tức là tình người đấy, đồng bào à”. Cẩn cười tùm tùm: “Chú thì lăm tình lăm”. Đoàn nhìn chăm chú vào khoảng lõm ở ngực chị dâu, nơi chiếc khuy bấm vừa buột ra, băng quơ: “*Tình ơi tình, mình ơi mình, tình bỏ bang lăm cho mình ngẩn ngơ*”. Sinh đỏ mặt, một lát sau lên cài khuy áo.

Sinh dọn mâm bát. Lão Kiền ngồi uống nước. Khảm mặc quần áo,

quần bò, áo phông, trên áo có ghi dòng chữ “Walt Disney Productions”. Khảm bảo: “Anh Cấn ơi, anh cho em năm chục”. Cấn bảo: “Tiền đâu mà cho”. Khảm bảo: “Bố cho con năm chục”. Lão Kiền bảo: “Mày ngồi vá cho tao cái xăm để góc kia kìa, rồi tao cho tiền”. Khảm nhăn nhó: “Thế thì muộn giờ học còn gì”. Lão Kiền không trả lời, mở tủ đồ nghề lúi húi làm việc. Khảm dắt xe ra cửa, nghĩ thế nào lại dựng xe ôm cặp vào nhà. Khảm mở cửa buồng, trông trước trông sau không thấy ai, mở thùng gạo xúc ba bò rười gạo cho vào cặp rồi lên đi ra.

Sinh cất nôi dưới bếp. Đoàn đi theo, lấy cơm vào cặp lồng. Đoàn đưa tay chạm vào lưng Sinh, Đoàn bảo: “Người chị tôi cứ mềm như bún”. Sinh lùi lại, hốt hoảng: “Chết, chú Đoàn, sao lại thế?” Đoàn bảo: “Gớm, đùa một tý đã run bắn người”. Nói xong đi lên nhà.

Tốn xách xô nước, cầm cùi lau sàn, ti tỉ hát: “A ha... không có mưa...”

Có người đến cắt tóc, Cấn hỏi: “Bác cắt tóc kiểu gì?” Khách bảo: “Chú cắt thấp cho tôi. Cấn thận, tôi mọc cái đầu đánh gần chỗ đỉnh đầu”.

Đoàn mặc xong quần áo, dắt xe đi. Đoàn đến cửa quay lại bảo Cấn: “Ngày kia giỗ mẹ, anh Cấn bảo chú Khiêm mai kiếm cho được cân thịt ngon ngon. Em đưa chị Sinh một trăm rồi đấy”. Cấn bảo: “Nhớ rồi”.

3. Ngày giỗ

Giỗ bà Nhớn, lão Kiền làm năm mâm. Bên ngoài có ông Vỹ, em ruột bà Nhớn ở Phúc Yên về dự. Ông Vỹ là công chức về hưu, hưởng lương chuyên viên ba một trăm phần trăm. Ông Vỹ đông con, nhà nghèo, về mang theo mỗi chục quả tai chua với chai rượu trắng làm quà. Trên phố xuống có vợ chồng cô em gái lão Kiền, bà này bán hàng khô, chồng tên là Hiến, làm thợ thiếc. Ông Hiến có năm đứa con vừa trai vừa gái. Khách dự có anh Minh, trưởng phòng, cùng cơ quan với Đoàn. Khảm dẫn về ba bạn học cùng lớp, một cô tên là My Lan, một cô tên là Mỹ Trinh. Cậu con trai tên là Việt Hùng, đeo kính trắng, có đôi môi đỏ như môi con gái.

Khoảng mười giờ, khách đến đông đủ. Cấn bung một mâm đặt trước bàn thờ, thấp ba nén hương rồi quay ra bảo: “Bố vào cúng”. Lão Kiền mặc quần bảo hộ lao động, áo cộc tay trắng ba túi, đầu chải nước lã rất mượt, ra trước bàn thờ chắp tay, lẩm rầm khấn: “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, năm thứ... Lạy Trời, lạy Phật, lạy tổ, lạy tiên, lạy vợ tôi là Ngô Thị Nhớn. Mời tất cả chư vị về dự cơm nhậu với tôi. Tôi, Nguyễn Sĩ

Kiến, sáu mươi tư tuổi, ngụ ở 129 phố... Các con trai là Cấn, Đoài, Khiêm, Khảm, Tốn. Con dâu là Sinh. Tất cả đều lòng thành, xin chư vị phù hộ độ trì, cho sức khỏe dồi dào, làm ăn tấn tới". Cúng xong, lão Kiến quay ra bảo ông Vỹ: "Cậu vào lạy chị cậu một cái". Ông Vỹ mặc áo đại cán kiểu Tôn Trung Sơn, cài khuy đến cổ, trông rất trịnh trọng. Ông Vỹ bảo: "Cán bộ chúng em vô thần. Bốn chục năm nay em theo cách mạng, nhà không có bàn thờ, chẳng biết khấn vái thế nào". Lão Kiến im lặng, mắt đỏ hoe. Ông Vỹ đến trước bàn thờ, đứng nghiêm, gục đầu như mặc niệm. Lão Kiến lau mắt, bảo: "Bây giờ thứ tự, người nào vào cúng thì cúng". Bà Hiền bày lên bàn thờ năm trăm vàng, một xấp tiền âm phủ, một bộ quần áo giấy rồi quỳ thụp xuống, chống tay, lạy ba lạy, đầu chạm sát đất. Ông Hiền đến trước bàn thờ vái ba vái. Cấn cũng vái ba vái. Cấn bảo: "Chú Đoài vào lễ đi". Đoài đang chặt thịt gà, tay đầy mỡ, cứ để thế không rửa tay, chạy lại bàn thờ vái lia lịa. Đoài bảo: "Lạy mẹ, mẹ phù hộ cho con đi học nước ngoài, kiếm cái xe Cub". Ông Vỹ cười: "Cháu đi nước nào?" Đoài bảo: "Cái đấy còn phụ thuộc vào cái ông để rìa mép, mặc áo ca rô kia kìa". Anh Minh nghe thấy bảo: "Đi hay không sao lại phụ thuộc vào tôi?" Đoài bảo: "Gì thì gì, anh là sếp trực tiếp, anh quay lưng lại thì em rồi đời". Anh Minh bảo: "Cậu cứ làm việc cho tốt. Tớ ủng hộ". Đoài bảo: "Công việc nhà nước biết thế nào là tốt, xấu? Chỉ xin anh nhớ thằng Đoài lúc nào cũng tốt với anh".

Sinh lúi húi dưới bếp. Trong buồng Sinh, Khảm đang giới thiệu với ba người bạn tập *album* có chụp những ảnh của Khảm, có cả ảnh hồi bé tập lẫy. Cô My Lan bảo: "Anh Khảm hồi bé bụ ghê". Khảm bảo: "Con anh sau này cũng bụ thế, nhưng xinh hơn, có cái nốt ruồi ở cằm". My Lan đỏ mặt, sờ vào cái nốt ruồi cằm mình, đâm thùm thụp vào lưng Khảm. Việt Hùng hỏi: "Ảnh này chụp hồi đi thực tập phải không?" Khảm bảo: "Ừ". Việt Hùng khen: "Nét lăm". My Lan hỏi: "Có phải hồi ấy anh ăn trộm khoai, bị dân quân bắt không?" Khảm đỏ mặt bảo: "Toàn nói làng nhàng, mắc tội nói xấu đồng đội. Thế nào tớ cũng bắt đền". My Lan hỏi: "Bắt đền gì?" Khảm bảo: "Đợi tới thì biết". Mọi người cười.

Đoài ngó vào, vẫy tay gọi Khảm. Đoài bảo: "Dọn mâm". Khảm hỏi: "Ăn rồi à?" Đoài không trả lời. Khảm đi theo Đoài xuống bếp. Đoài hỏi: "Cô có cái nốt ruồi là người yêu mày đấy à?" Khảm bảo: "Vâng". Đoài hỏi: "Thế cái vị anh hùng thơm nức kia là thế nào?" Khảm cười: "Đấy là Mỹ Trinh, bố cô ấy là ông Anh sáng ban ngày, chủ hiệu điện". Đoài hỏi: "Thằng kia với nó thế nào?" Khảm bảo: "Chưa có gì". Đoài bảo: "Tao chim nó đấy".

Khảm bê mồm, Sinh bảo: “Thiếu cái gì thì gọi”. Đợi Khảm đi khuất, Đoài bảo: “Thiếu một tý tình thôi, Sinh cho tôi xin một tý tình”. Sinh bảo: “Nỡm. Lên nhà trên mà bảo hai cô bạn của chú Khảm ấy”. Đoài bảo: “Hai con ôn vật ấy bằng thế nào được Sinh”. Sinh bảo: “Đi ra đi”. Đoài bảo: “Cái lão Cấn của Sinh như con cua bầy mà lại hách dịch”. Sinh bảo: “Tôi mách anh Cấn đấy”. Đoài bảo: “Đây chẳng sợ”. Nói rồi xán lại, hôn chút lên má Sinh. Sinh đẩy ra, Đoài hỗn hển: “Tôi nói trước, thế nào tôi cũng ngủ được với Sinh một lần”. Nói xong đi ra, Sinh bật khóc.

Cấn đi vào, thấy mất vợ đỏ hoe, hỏi: “Sao thế?” Sinh bảo: “Tại cái bếp nhà mình. Khốn nạn quá”. Cấn bảo: “Cố cho mấy ấm nước lên đi, trên nhà hết cả nước sôi”. Sinh bảo: “Tôi có ba đầu sáu tay đâu?” Cấn trừng mắt: “Nói năng thế à? Nhà này không có lệ thế! Mấy cái bát này sao chưa rửa?” Nói rồi, xô chồng bát, đi ra. Chồng bát vỡ. Sinh khóc òa lên.

Ăn đợt đầu ba mâm. Ăn xong khách ra về. Lại ăn đợt sau hai mâm. Lúc ấy cũng hơn hai giờ chiều. Đang ăn, Khiêm đi làm về, lồm lồm lì lợ chẳng chào hỏi ai. Khảm bảo: “Anh Khiêm ngồi cùng mâm với chúng em cho vui”. Hai cô My Lan, Mỹ Trinh cũng riu rít mời. Cả mâm chống đũa chờ.

Lão Kiển say rượu, nằm ngủ lơ mơ trên giường, nước dãi đọng trên chiếu. Đoài chào mọi người để đưa ông Vỹ ra bến ô tô cho kịp chuyển xe Phúc Yên buổi chiều.

Khiêm hỏi: “Thằng Tốn đâu?” Khảm bảo: “Nó loanh quanh đâu đấy, anh ra ăn cơm, chúng em chờ”. Khiêm bảo: “Cứ ăn đi”. Khảm bảo: “Ta ăn thôi. Ông ấy khó tính bỏ mẹ”. Cô Mỹ Trinh bảo: “Anh ấy trông như Tác dăng”.

Khiêm xuống bếp hỏi Sinh: “Thằng Tốn đâu?” Sinh bảo: “Tôi bận bịu từ tờ mờ sáng cũng quên khuấy. Không biết chú ấy đâu?” Khiêm vút vào chạn bát một bao tải nặng. Sinh hỏi: “Lại lòng à?” Khiêm không trả lời, đi lên nhà, ngó vào buồng Sinh thấy Cấn đang ngáy khò khò. Khiêm xô cửa bước vào hỏi Cấn: “Thằng Tốn đâu?” Cấn ngồi dậy hỏi: “Mấy giờ rồi?” Khiêm hỏi: “Thằng Tốn đâu?” Cấn bảo: “Nhà có việc, để nó ra vào bất tiện, tôi nhốt nó trong cái buồng ở cạnh nhà xí”. Khiêm cầm cái gạt tàn thuốc lá trên bàn ném vào mặt Cấn. Cấn kêu “ối” một tiếng rồi ngã lộn ra. Khiêm xô vào đập túi bụi. Khảm chạy vào đẩy Khiêm ra. Sinh chạy lên hốt hoảng nói: “Sao lại thế?” Khiêm gạt Sinh ra.

Căn phòng cạnh nhà xí trước là chuồng lợn, nay để than củi. Cánh

cửa bằng gỗ thùng đóng ghép. Có ai mới làm thêm chiếc khóa bên ngoài, hôm qua chưa có. Khiêm giật khóa, không được. Khiêm cầm xà beng phá khóa. Cửa mở ra. Tốn chân tay mặt mũi đen nhẻm đang nhe răng cười. Khiêm quát: “Đi ra”. Tốn lết đôi chân què đi lên nhà. Thấy nhà bẩn, nó xách ngay cái xô nước với tấm giẻ lau.

Mấy người bạn của Khâm chào lí nhí rồi về, Khâm dắt xe ra theo. Trước khi đi, Khâm rút vội mấy điều thuốc lá trên bàn cho vào túi áo.

Lão Kiên tỉnh rượu, thấy nhà vắng tanh, hỏi: “Chúng mày đâu cả?”. Sinh lấy miếng cho Tốn ăn. Tốn đói, ăn ba bốn bát liền, sợi miếng lòng thông vương ra đất. Khiêm dắt xe ra cửa, không ăn uống gì. Cấn ôm ngực ho sù sụ, nhổ ra một chiếc răng gãy, máu chảy bên khóe mép. Cấn giờ nắm đấm trước mặt bố, bảo rằng: “Ông liệu tống thằng ấy ra khỏi nhà này, không tôi giết nó”. Lão Kiên bảo: “Chúng mày cứ giết nhau đi, tao càng mừng”. Nói rồi cầm chiếc khóa hồng trên tay, lẩm bẩm: “Mất cả sáng lắp được chiếc khóa. Thế là toi trăm bạc”.

4. Buổi chiều

Sinh rửa mâm bát xong thì ba giờ chiều. Sinh lên buồng lấy quần áo tắm. Bỗng Sinh hốt hoảng gọi Cấn. Cấn hỏi: “Cái gì?” Sinh bảo: “Buổi sáng, tôi bỏ cái nhẫn vào hộp kim chỉ, anh có cầm không?”. Cấn bảo: “Không”. Sinh hỏi: “Có ai vào buồng này không?” Cấn bảo: “Không”.

Đoài dắt xe về nhà, thấy đồ đạc lung tung hỏi: “Chuyện gì thế?”. Cấn cau có: “Chú có vào trong buồng này không?”. Đoài bảo: “Không”. Cấn bảo: “Chị Sinh mất cái nhẫn”. Đoài bảo: “Hỏi bố xem”. Lão Kiên chửi: “Mẹ cha mày. Thế là mày nghi tao lấy cắp chứ gì?” Đoài im, nghĩ một lát rồi bảo: “Buổi sáng thằng Khâm với ba đứa bạn ngồi trong phòng này. Tôi ngờ cái thằng đeo kính, môi đỏ như son. Mất nó rất gian”.

Vừa may lúc ấy Khâm về. Cấn bảo: “Thằng bạn mày lấy cắp nhẫn của chị Sinh”. Khâm tái mặt hỏi: “Ai bảo thế?”. Cấn bảo: “Mất tao trông thấy”. Khâm bảo: “Sao không bắt ngay? Vừa rồi đi chơi nó cứ năng nặc đòi về. Phải đến nhà nó mà đòi. Không trả thì đánh bỏ mẹ nó đi”. Cấn bảo: “Tao đi với mày”. Hai người dắt xe đi. Lão Kiên bảo: “Mang theo cái búa! Đừng đánh vào đầu. Nó chết thì tù mọt gông”.

Đoài lên giường giờ báo ra đọc. Sinh dọn dẹp một lúc rồi xuống đi tắm. Sinh xách hai xô nước vào trong buồng tắm, khép cửa lại.

Lão Kiên loay hoay dưới bếp, nghe tiếng dội nước ở trong buồng tắm, thở dài, bỏ lên nhà. Đi vài bước, lão Kiên quay lại, vào trong bếp, bấc chiếc ghế đầu, trèo lên nín thở ngó sang buồng tắm. Trong buồng tắm, Sinh đứng khỏa thân.

Đoài đang lim dim ngủ, thấy Tồn giật áo ngồi dậy hỏi: "Cái gì?" Tồn xua tay, dắt Đoài xuống bếp, chỉ lão Kiên đang đứng kiềng chân ở trên ghế đầu. Đoài cau mặt tát Tồn rất đau. Tồn ngã vấp mặt xuống cái xô đựng nước, trên có tấm giẻ lau. Lão Kiên vội tụt xuống ghế, nép ở cánh cửa, lát sau chạy ra hỏi: "Sao đánh nó?". Đoài bảo: "Nó vô giáo dục thì đánh". Lão Kiên chửi: "Thế mày có giáo dục à?". Đoài nghiêng răng nói khê: "Tôi cũng vô giáo dục nhưng không nhìn trộm phụ nữ cởi truồng". Lão Kiên im.

Đoài lên nhà, rót rượu uống. Lão Kiên đỡ Tồn dậy. Tồn xách xô nước, ngồi thụp xuống lau nhà. Lão Kiên đi lên bảo Đoài: "Rót tao một cốc". Uống cạn cốc rượu lão Kiên bảo: "Mày có học mà tệ. Bây giờ tao nói chuyện đàn ông với mày". Đoài bảo: "Tôi không tha thứ đâu". Lão Kiên bảo: "Tao chẳng cần. Đàn ông chẳng nên xấu hổ vì có con b..." Đoài ngồi im, uống thêm một cốc rượu nữa, rồi bỗng thở dài: "Kể cũng phải". Lão Kiên bảo: "Làm người nhục lắm". Đoài hỏi: "Thế sao không lấy vợ lẽ?". Lão Kiên chửi: "Mẹ cha mày, tao chỉ nghĩ thân tao, thì lũ chúng mày được thế này à?" Đoài rót ra một cốc rượu nữa, tần ngần: "Bố uống rượu nữa không?" Lão Kiên quay mặt về phía bóng tối, lắc đầu. Đoài nói: "Con xin lỗi bố". Lão Kiên bảo: "Bây giờ mày như đào kép diễn trên tivi".

Tồn lau nhà, thấy cái nhẫn rơi dưới gầm tủ bèn đưa cho Sinh. Sinh mừng quá. Đoài cầm chiếc nhẫn soi ra ánh đèn, bảo: "Được độ nửa chỉ là cùng". Sinh bảo: "Đây là của hồi môn mẹ tôi dành dùm vất vả cả đời người đấy". Lão Kiên bảo: "Chết thật, chỉ sợ thằng Cấn gây sự với nhà người ta thì xấu cả mặt".

Chập tối, Cấn với Khảm về. Cả hai trông như hai thằng mọc dưới cống lên, nhếch nhác bẩn thỉu. Đoài cười: "Chắc ăn đòn hả?" Cấn không trả lời. Khảm bảo: "Nhà ấy nuôi hai con chó bégiê không sao vào được". Đoài bảo: "Cho chết, ai bắt chưa chi đã định giữ thói côn đồ".

Lão Kiên bảo: "Tìm thấy nhẫn rồi". Cấn hỏi: "Ở đâu?" Lão Kiên bảo: "Vợ mày giấu trong cặp quần chứ đâu". Cấn bảo: "Đồ khốn nạn". Nói rồi tát Sinh một cái nẩy đom đóm mắt. Cấn định đánh thêm, Đoài xô Cấn ra, đứng chắn ở trước mặt Sinh, tay cầm con dao lăm lăm rít khê: "Cút đi! Anh mà đụng vào cô ấy là tôi chém liền!"



Lê Thiết Cương



Thế này có giáo dục à...

Sinh úp mặt vào thành giường, khóc nức nở: “Trời ơi... Sao cái thân tôi nhục nhã thế này?”

Lão Kiền hỏi Khảm: “Có mang búa về không?” Khảm cúi: “Tí nữa mất mạng với hai con chó bécgiê còn búa với lại kim gì?” Lão Kiền bảo: “Thế lại toi trăm bạc”.

5. Ngày Tết

Thấm thoát đến Tết. Rằm tháng Chạp, lão Kiền đi ngân hàng rút lãi tiết kiệm được tám nghìn đồng. Lão Kiền mua cho Tồn cái áo sơ mi, mua cho Sinh đôi bút tất, còn lại tiền đưa cả cho Cấn. Khảm bảo: “Bố chỉ quý con dâu, con út”.

Khiêm phải theo xe đi các tỉnh mua lợn, vắng nhà mấy ngày liền. Công việc chắc vất vả, hôm nào Khiêm cũng đi làm từ mười một giờ đêm đến trưa hôm sau mới về, người toàn mùi phân lợn. Về nhà vật ra ngủ liền, thế mà mắt cứ lờn sâu vào, vằn tia máu đỏ.

Cấn cũng đông khách. Từ sáu giờ sáng đến mười giờ đêm lúc nào cũng có người chờ cắt tóc. Buổi trưa Cấn ngủ, Khảm ra cắt tóc thay anh. Hôm đầu chưa quen, Khảm cắt phải tai một ông khách làm chảy máu. Ông này tức, tiền cắt tóc hết bảy mươi đồng chỉ trả có hai mươi đồng. Cấn lấy bút chì ghi tiền làm được hàng ngày vào một cuốn sổ, một trăm đồng thì ghi dấu cộng, hai trăm đồng dấu khuyên tròn, lại vẽ những hình tam giác trong chấm một cái chẳng biết là ký hiệu gì. Đoài bảo: “Sổ sách kế toán của ông này thật như gián điệp”.

Ngày 23 tháng Chạp ăn Tết ông Táo lên trời. Sinh nấu miến, mọi người ăn no căng bụng. Khảm hỏi: “Sao gọi là ông Táo?” Đoài bảo: “Chuyện thế này. Ông Táo là ba ông đầu rau. Ngày xưa có hai anh em cùng lấy một vợ. Người này một hôm ngủ với anh, một hôm ngủ với em. Khi họ chết, Ngọc Hoàng cảm động mối tình khăng khít của họ, biến mỗi người thành một ông đầu rau để lúc nào cũng gần gũi. Ta gọi là thần Bếp, hay ông Táo”. Sinh bưng mâm xuống bếp. Khảm bảo: “Ngày xưa được phong thần dễ nhỉ?” Lão Kiền bảo: “Đừng nghe nó”. Đoài bảo: “Lại có chuyện thế này. Nhà kia có cô con dâu, bố chồng bóp vú cô ta. Đứa con trai hỏi: “Sao ông bóp vú vợ tôi?” Ông bố bảo: “Để trừ nợ. Thế hồi xưa sao mày bóp vú vợ tao?” Nghe nói những người này cũng được phong thần”. Cấn bảo: “Chuyện của chú, tôi chẳng hiểu gì”. Lão Kiền bảo: “Đừng nghe nó”.

Ngày 27, lão Kiền gói bánh chưng. Gói một yếm rười gạo nếp, được hăm tám chiếc bánh. Bánh có hai loại, loại nhân đỗ, loại nhân đường, loại nhân đường đánh dấu bằng sợi lạt nhuộm phẩm đỏ.

Sinh luộc bánh chưng. Đoàn quanh quẩn ở bếp. Đoàn hỏi: “Sinh biết nhà này tương lai thuộc về ai không?” Sinh bảo: “Không”. Đoàn cười: “Về tôi”. Sinh hỏi: “Sao thế?” Đoàn bảo: “Bố già bố chết. Thằng Khiêm trước sau cũng vào tù. Thằng Khâm ra trường không đi Tây Bắc thì cũng Tây Nguyên. Thằng Tốn không nói làm gì, vô tích sự”. Sinh hỏi: “Thế còn anh Cấn?” Đoàn bảo: “Phụ thuộc vào Sinh. Nếu Sinh yêu tôi, tôi sẽ gây sự tống cổ ra đường”. Sinh bảo: “Dễ thế?” Đoàn bảo: “Sinh còn quyền luyện cái gì? Lão Cấn vừa ngu vừa hèn, lại yếu, bác sĩ bảo bị lãnh tinh, lấy Sinh hai năm mà có con cái gì đâu?”. Sinh ngồi yên, nới bánh chưng sôi sùng sục.

Đoàn bảo: “Tối nay tôi vào buồng Sinh nhé!”.

Sinh vợ con dao, nói khê: “Cút đi. Anh đến gần đây là tôi giết đấy!”. Đoàn cười nhạt, đi giật lùi, bỏ lên nhà, vừa đi vừa lẩm bẩm: “Đàn bà là giống ác quỷ”.

Hai chín Tết, lão Kiền đi chợ mua về một cành hoa đào. Đến chiều ba mươi, Khiêm mang về một chậu quất to ba tầng quả với bánh pháo cối dài sáu mét. Khâm bảo: “Chơi sang quá đấy”. Đoàn bảo: “Nó cạy lăm tiền”. Khâm bảo: “Hai anh em mình mang tiếng có học mà Tết nhất đến, một bộ quần áo hần hơi không có”. Đoàn bảo: “Chỉ có con đường lấy vợ giàu thôi. Tối nay mày đưa tao đến con ông Ánh sáng ban ngày đấy nhé”. Khâm bảo: “Được thôi. Nếu anh tán được thưởng em cái gì?” Đoàn bảo: “Thưởng cái đồng hồ”. Khâm bảo: “Được rồi. Anh ghi cho em mấy chữ làm bằng”. Đoàn hỏi: “Không tin tao à?” Khâm bảo: “Không”. Đoàn ghi vào giấy: “*Ngủ được với Mỹ Trinh, thưởng một đồng hồ trị giá ba nghìn đồng. Lấy Mỹ Trinh, thưởng 5% của hồi môn. Ngày... tháng... năm... Nguyễn Sĩ Đoàn*”. Khâm cười cắt mảnh giấy vào túi rồi nói: “Cám ơn”.

Khâm bảo: “Hôm qua em nghe anh Khiêm kể chuyện, thế là đến tối gặp phải giấc mơ kinh quá”. Đoàn hỏi: “Chuyện gì?” Khâm bảo: “Anh Khiêm kể về công việc giết lợn. Hai tay cầm hai cực điện dí vào thái dương từng con, “éc” phát là chết. Bị mất điện, anh Khiêm phải dùng xà beng quật vào gáy lợn. Gặp con lợn khỏe, quật chục cái không chết, gáy toét cả ra, buồn ngủ quá, anh Khiêm quật cả vào chân. Một ca anh Khiêm giết được hơn nghìn con lợn, được khen thưởng”. Đoàn hỏi: “Thế

giấc mơ gì?” Khảm bảo: “Em mơ thấy đi giết lợn, giết mãi không chết, con lợn cứ nhe răng cười, thế là bị đuổi đi dọn cả một bể cút. Bể cút xây xi măng, kích thước 10 x 6 x 1,5 mét, dung tích 90 khối. Mưa bão đến, bể cút trôi phăng phăng, em ngấp trong ấy, cút vào cả mồm, cả lỗ tai”. Đoài bảo: “Giấc mơ tốt đấy, còn công việc để ý làm gì. Mày chơi xổ số đi, thế nào cũng trúng. Các cụ bảo giẫm vào cút là có lộc về. Mày chìm cả người trong bể cút, có khi mày trúng xổ số độc đắc cũng nên”. Khảm bảo: “Ừ nhỉ. Anh không nói thì em không biết”. Nói rồi hớn hờ chạy ra phố.

Lúc giao thừa, ở nhà khi ấy chỉ có Khiêm, Tốn với Sinh. Ông bà Hiến cho con rể đi xe máy xuống mời lão Kiên với Cấn lên phố chơi từ chập tối, chắc uống rượu say chưa về được. Đoài với Khảm dẫn hai cô Mỹ Trinh và My Lan đi chùa Ngọc Sơn hái lộc.

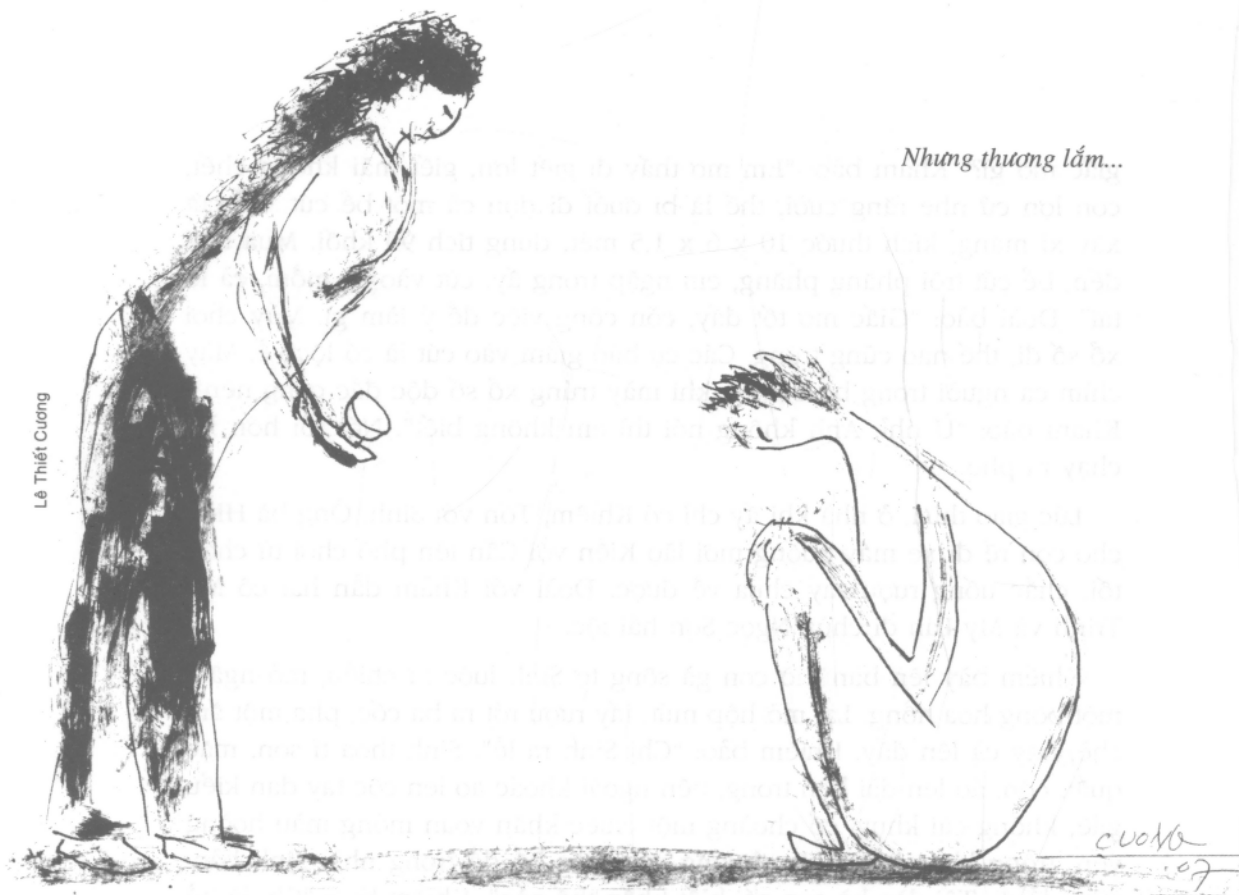
Khiêm bày lên bàn thờ con gà sống tơ Sinh luộc từ chiều, mỗ ngâm một bông hoa hồng. Lại mở hộp mứt, lấy rượu rót ra ba cốc, pha một ấm chè, bày cả lên đấy. Khiêm bảo: “Chị Sinh ra lễ”. Sinh thoa tí son, mặc quần côn, áo len dài bên trong, bên ngoài khoác áo len cộc tay đan kiểu gilê, không cài khuy, cổ choàng một chiếc khăn voan mỏng màu hoàng yến, trông khác hẳn ngày thường vẫn mặc bộ đồ trong nhà. Sinh bảo: “Chú lễ đi. Tội đàn bà con gái biết khăn thế nào”. Khiêm bảo: “Chị là bề trên, chị cứ vái ba vái trước còn đâu tôi khăn”. Sinh bảo: “Cũng được”. Nói rồi ra trước bàn thờ vái ba vái, đứng lăm nhăm một lúc, lại vái ba vái nữa, không phải là người không biết nghi thức.

Khiêm bảo Tốn: “Tao treo bánh pháo ở cửa, lúc nào tao khăn xong thì châm lửa đốt”. Nói rồi châm diều thuốc đầu lọc cắm vào miệng Tốn. Khiêm bảo: “Cầm diều thuốc dí thế này này”. Tốn gật đầu.

Khiêm vái ba vái, nói: “Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Năm thứ...” Tốn đốt pháo. Cả ba nét mặt rạng rỡ. Trời đất giao hòa, lòng người cảm động.

Khiêm bảo: “Năm mới, chúc chị Sinh sức khỏe, may mắn. Mừng tuổi chị một nghìn, chị cầm lấy để cho có lộc”. Sinh rơm nước mắt: “Cho tôi nhiều thế? Tôi cũng chúc chú mạnh khỏe, bằng năm bằng mười năm ngoái. Anh Cấn giữ hết cả tiền, tôi chẳng có gì mừng tuổi cho chú. Chị mừng tuổi Tốn một trăm. Đây là lộc của chú Khiêm”. Tốn cầm tiền giơ lên ánh đèn, hỏi: “Tiền à?” Khiêm bảo: “Ừ”. Tốn hỏi: “Tiền là gì?” Khiêm bảo: “Là vua”.

Nhưng thương lắm...



Một giờ sáng lão Kiên với Cấn về. Một lúc sau, Đoài với Khảm cũng về. Cả nhà ngồi ăn uống đến ba giờ, chợp mắt được nửa tiếng, lại lục đục dậy làm cỗ, khăn vải qua loa, lại ăn uống. Đến tám giờ, lão Kiên bảo: “Tao đi chúc Tết hàng xóm, vợ chồng thằng Cấn đi theo tao. Khiêm ơi, mày cho bố ít tiền để đi mừng tuổi”.

Lão Kiên và vợ chồng Cấn đi chúc Tết. Lão Kiên mặc quần bảo hộ lao động, áo dạ đen, đội mũ len trùm đầu. Cấn mặc bộ quần áo may kiểu quân phục cấp úy, bộ quần áo này mua trên chợ Giời, có một vết thủng ở ống tay áo do tàn thuốc lá rơi vào. Sinh mặc quần bò nhưng, áo lông Đức. Khảm bảo: “Chị Sinh trông như Hoàng hậu”.

Nhà hàng xóm sang chúc Tết, Đoài ra tiếp. Chúc mừng xong xuôi ngồi uống nước nói chuyện phiếm. Đoài bảo: “Xin lỗi bác, cháu chẳng biết nhà bác có bao nhiêu người, tên là gì?”. Ông hàng xóm cười: “Thì tôi cũng thế”. Đoài bảo: “Ngày xưa bọn ăn trộm có luật chia ra bốn loại

mà chúng không lấy: một là nhà hàng xóm, hai là nhà bạn bè, ba là nhà đang có chuyện buồn, bốn là nhà đang có chuyện vui. Cứ thế này, cháu đi ăn trộm, lơ mơ phạm luật". Ông hàng xóm cười: "Thì các con tôi cũng thế". Uống nước xong, mọi người ra về. Đứa con ông hàng xóm bảo: "Cái tay Đoàn có học mà ăn nói linh tinh". Ông hàng xóm bảo: "Loạn".

Ba ngày Tết trôi qua, lòng đường đầy xác pháo. Ai cũng có cảm giác ngày Tết trôi nhanh! Ngày nào mà chẳng trôi nhanh, hử giờ?

6. Buổi tối

Cuối tháng Ba, Sinh tất kinh, thêm ăn của chùa, thỉnh thoảng lại nôn ọe, người cứng đơ, triệu chứng có thai.

Tháng Năm xảy ra việc lão Kiền ốm, đầu tiên tưởng nhẹ, ai ngờ cứ nặng dần. Đầu tiên lão Kiền chỉ hoa mắt, nhìn một hóa hai, cửa không đi cứ đâm sầm vào tường. Cả nhà lo sợ, đưa đi bệnh viện Tây y. Bác sĩ chẩn đoán rối loạn chức năng thần kinh, cho uống B6. Bác sĩ bảo: "Đây này, dây thần kinh thế này, hai dây chập vào nhau, thế là trông một thành hai, trông gà hóa cuốc". Cấn hỏi: "Thưa bác sĩ, vậy làm thế nào?" Bác sĩ bảo: "Y học đang nghiên cứu".

Năm một tuần, mắt lão Kiền mờ đi. Đoàn bảo: "Tôi ngờ đoán nhầm bệnh" Đoàn sang nhờ người quen ở bệnh viện Đông y. Người này bảo: "Tây y ra quái gì. Chú về đưa ông cụ đến đây". Đoàn về, xin cho lão Kiền chuyển viện. Bác sĩ bảo: "Đi là không trở lại đâu nhé".

Lão Kiền điều trị Đông y, không khỏi, người rạc đi, đầu đau nhức. Đến tháng Mười phát hiện thấy có u não. Bác sĩ bảo: "Để thì chết, mổ may ra cứu được". Cấn về họp gia đình, Cấn bảo: "Làm thế nào? Từ khi bố ốm nhà mình tiêu nhiều tiền lắm". Cấn giở quyển sổ kế toán ra đọc: "Chú Khiêm đưa một lần một nghìn, một lần tám nghìn, một lần năm nghìn. Chú Đoàn đưa một lần một trăm, một lần sáu chục, một lần một nghìn mốt. Chú Khâm đưa một lần ba trăm nhưng hôm tôi đưa một nghìn đi lấy thuốc ông lang Toại, chú Khâm mua hết có năm trăm, còn năm trăm vẫn cầm. Tiền thức ăn thế này... thế này... Ai chi gì tôi ghi cả".

Đoàn bảo: "Tôi nghĩ bố già rồi, mổ cũng thế, cứ để chết là hơn". Tốn khóc hu hu. Cấn hỏi: "Ý chú Khâm thế nào?" Khâm bảo: "Các anh thế nào thì em thế". Cấn hỏi: "Chú Khiêm sao im thế?" Khiêm hỏi: "Anh định thế nào?" Cấn bảo: "Tôi đang nghĩ". Đoàn bảo: "Mất thì giờ bỏ mẹ. Ai đồng ý bố chết giờ tay, tôi biểu quyết nhé".

Hôm lão Kiền mổ não, trừ Sinh với Tốn, mấy anh em đều kéo nhau

lên bệnh viện. Ca mổ kéo dài bốn mươi hai phút. Ngồi ngoài phòng chờ, Đoài bảo Khảm: “Ông cụ không viết di chúc mới gay, sau này tài sản biết chia thế nào?”. Khảm bảo: “Lão Cấn tham lắm, anh em mình rồi ra đường thôi”. Đoài bảo: “Sang năm tao cưới Mỹ Trinh, ông Ánh sáng ban ngày hứa cho một cây. Mà bảo một cây mua nổi nhà không?” Khảm bảo: “Vào tay em, em nhân nó lên vài cây ngay”. Đoài bảo: “Cố gắng khiêu kinh doanh thích thật, còn các năng khiếu như văn chương, nghệ thuật, v.v... đều vô dụng cả”.

Cấn vào gặp bác sĩ. Một lúc sau đi ra lắc đầu: “Bác sĩ bảo khoảng một tháng nữa thì đưa bố về”.

Hôm đưa lão Kiên về, lão Kiên đầu quần băng, hỏi gì cũng không nói, mắt lơ dờ. Vào trong nhà, Sinh tháo gỡ băng ra. Đầu lão Kiên trọc lốc, nổi lên một khối u to như quả trứng gà. Nửa tháng sau, khối u này to bằng nửa quả bưởi, lấy ngón tay ấn vào thấy như có chứa bã đậu ở trong, ấn mạnh thì lõm sâu, ấn nhẹ thì lõm ít. Sinh phục vụ, săn sóc, rất khổ sở.

Khảm hỏi Đoài: “Bệnh này có lây không?” Đoài bảo: “Có kiêng có lành. Tao khuyên mày cẩn thận. Vợ chồng lão Cấn còn có tiền. Thằng Khiêm còn có tiền. Tao với mày lỡ bệnh, tiền đâu mà chữa?”

Ít lâu sau, lão Kiên mê sảng, cứ rên rĩ: “Cho tôi chết đi, đau đớn lắm”. Không khí trong nhà u ám, ai cũng buồn rầu. Đến ngày Tốn cũng bỏ lau nhà, suốt ngày ngồi thu lu trong cái buồng vắng để than củi cạnh nhà xí.

Bà Hiên trên phố xuống, thấy anh mình vật vờ đau đớn, khóc: “Anh ơi, tiền oan nghiệp chướng gì mà anh chết khổ, chết sở thế này”. Bà Hiên bảo: “Chúng mày xem thế nào chứ? Để thế này à?” Cấn bảo: “Cô bảo làm thế nào?” Bà Hiên bảo: “Cô có người bạn, bà ấy có bài kinh *Vô thường*, bây giờ xin chép về đọc, may ra ông ấy sẽ đi yên ổn”. Đoài bảo: “Lại thế nữa”.

Bà Hiên bắt Khiêm đeo lên phố, đến nhà bà bạn để chép kinh *Vô thường*. Khiêm mang về bảo Đoài: “Anh giỏi chữ, anh đọc đi”. Đoài cầm tờ giấy, xoay ngang xoay dọc rồi lắc đầu: “Chữ nghĩa chú viết thế này thì tôi xin chịu, thật quá số sách kế toán ông Cấn”.

Khiêm vào đọc kinh. Lúc ấy là chập tối. Bà Hiên thắp hương ngồi cạnh. Lão Kiên lúc đầu vật vờ, rồi nằm yên. Mười một giờ đêm, mọi người đi ngủ. Khiêm vẫn ngồi đọc. Đọc đi rồi lại đọc lại. Đại ý bài kinh

xin đức Phật giải tội cho người sắp chết, để nghiệp chướng cho người sống chịu, lời lẽ khó hiểu. Suốt đêm Khiêm ngồi đọc, lạc cả giọng. Đến bốn giờ sáng hôm sau, lão Kiên tắt thở, trên môi thấp thoáng nụ cười, trông rất hiền lành, trung hậu. Khiêm vuốt mắt bố rồi vào gọi Cấn. Cả nhà dậy.

Đoài bảo: “Ông cụ đi rồi. Thật may quá. Bây giờ tôi đi mua quan tài”.

7. Ngày thường

Sau hôm giỗ lão Kiên một trăm ngày, Sinh đẻ con gái. Đón Sinh về, mọi người làm tiệc mừng. Cấn với Khảm đi chợ. Khiêm nấu nướng. Đoài với Tồn dọn nhà. Hai cô My Lan và Mỹ Trinh đến dự, mua cả hoa.

Vào tiệc, mọi người để Sinh ngồi giữa, hai cô My Lan và Mỹ Trinh ngồi hai bên. Sinh đẹp lộng lẫy. Đoài rót rượu ra cốc, đứng lên nói: “Cốc rượu này tôi dâng cuộc sống. Rượu vừa ngọt vừa cay. Ai chấp nhận cuộc sống thì cầm lên cho. Cuộc sống dù khỉ gió nhưng đẹp tuyệt vời. Vì đứa trẻ mới sinh ra kia, vì tương lai của nó”. Mọi người nâng cốc, Đoài bảo: “Khoan đã. Nhưng nó tên gì nhỉ?” Mọi người cười. Cùng uống rượu vui. Khiêm bảo: “Chị Sinh ơi, về làm dâu họ Sĩ nhà này chị có khổ không?” Khảm bảo: “Chị phải nói thế nào cho hai cô My Lan, Mỹ Trinh khỏi sợ”. Sinh cười: “Cứ thế này thì không thấy khổ”. Cấn hỏi: “Thế ngày thường thì thấy khổ à?” Sinh bảo: “Khổ chứ. Nhục lắm. Vừa đau đớn, vừa chua xót. Nhưng thương lắm”. Tồn mỉm cười ngơ nghe nhắc lại: “Thương lắm!”

Người đưa thư qua cửa ngõ vào: “Nhà 129 phải không? Có điện đấy”. Cấn ra nhận điện, bảo: “Cậu Vỹ ở Phúc Yên mất lúc tám giờ sáng hôm qua”. Đoài bảo: “Cứ gác lại đã. Các bác già chết đi có gì là lạ? Tiếp tục cuộc vui đi. Nào, xin mời *chút hướng*!”

NHỮNG BÀI HỌC NÔNG THÔN

"Mẹ tôi là nông dân,
còn tôi sinh ở nông thôn..."
(Người kể chuyện)

Năm 17 tuổi, sau khi học xong trung học, tôi về nghỉ hè ở nhà một người bạn học cùng lớp tên là Lâm ở xóm Nhài, thôn Thạch Đào, tỉnh N.

Xóm Nhài nằm bên sông Canh, con sông nhỏ, mùa nước cạn, người lội qua sông được, chỗ sâu nhất chỉ ngập đến ngực thôi. Nhà Lâm ở cuối xóm, sâu trong ngõ nhỏ có hàng rào trồng cây khế tần. Nhà lợp rạ, tường đất, ba gian hai chái. Đồ đạc trong nhà chẳng có gì: Giữa nhà kê một hòm gian đựng thóc, hai bên bốn cái giường tre, quần áo vắt trên sào buộc dọc tường. Trang trí duy nhất trong nhà là bức tranh lụa cổ vẽ hình ba ông Phúc, Lộc, Thọ với dăm đứa trẻ dâng đào. Tranh lồng trong khung kính chẳng đầy mạng nhện. Lâu ngày mặt kính mờ đi, trên mặt kính đầy vết cứt ruồi.

Nhà Lâm chẳng có nhiều người. Bà Lâm đã già. Bố mẹ Lâm làm ruộng. Anh trai Lâm đi bộ đội, có vợ là chị Hiền, chị Hiền làm dâu nhà Lâm mới được nửa năm. Lâm có hai đứa em: cái Khanh mười ba tuổi, còn thằng Tiến bốn tuổi.

Nhà tôi ở thành phố. Tôi ít có dịp về ở nông thôn nên lần này về nhà Lâm tôi thích lắm. Cha tôi dạy học, mẹ tôi (xuất thân từ một gia đình quan lại phong kiến cũ) ở nhà nội trợ, "trợ giáo" cho cha tôi. Cha mẹ tôi muốn tôi được học lên nữa. "Có học thì mới đỡ khổ con ạ". Mẹ tôi bảo thế.

Đây là lần đầu tôi đi xa nhà. Mẹ tôi dặn Lâm: "Em nó còn ít tuổi, có gì cháu giúp nó nhé". Tôi nhìn Lâm cười. Lâm còn ít tuổi hơn tôi, Lâm để sau tôi bốn tháng, nhưng nhìn bề ngoài Lâm to cao hơn tôi.

Gia đình Lâm đón tôi chân tình. Chị Hiền dọn hai mâm cơm. Mâm

bưng lên hễ dành cho hai bố con Lâm và tôi. Mâm bày ở sân dành cho bà Lâm, mẹ Lâm, chị Hiền, cái Khanh với thằng Tiến. Canh cua nấu rau dút, cà pháo, tôm rang... Mâm của chúng tôi thêm vài củ lạc và hai quả ổi xanh cho bố Lâm uống rượu.

Chị Hiền mời: "Các cụ xơi tự nhiên". Thằng Tiến đòi: "Cho em làm các cụ với!" Mẹ Lâm gạt đi: "Hỗn nào! Chim bằng quả ớt thế thì làm các cụ ra sao?" Cái Khanh bụm miệng cười. Tôi đỏ mặt. Bà Lâm thở dài: "Các cụ toàn chim to..." Mọi người cười lẫn, chỉ có bố Lâm không cười. Khuôn mặt ông sạm đen, vất vả, nhưng không buồn tẻ nào, bình thản, vô sự. Thằng Tiến khóc. Chị Hiền dỗ nó: "Nín đi! Chị cho Tiến cái càng cua này". Thằng Tiến lắc đầu: "Ừ ừ... càng cua bé tí". Chị Hiền bảo: "Ngày mai chị đi chợ, chị mua cho Tiến bộ tam cúc nhé!". Mẹ Lâm bảo: "Cờ bạc là bác thằng bần. Đừng mua tam cúc cho nó. Lớn lên nó ham chơi thì chết! Cứ mua cho nó cái roi!". Thằng Tiến lại khóc: "Mua tam cúc cơ". Chị Hiền đưa mắt sang mẹ Lâm, giấu cái nhìn đồng lõa: "Ừ mua tam cúc". Bà Lâm bảo: "Ngày xưa có ông Hai Chép lái đò ham đánh tam cúc ăn tiền, đầu tiên mất tiền, rồi mất ruộng, mất đến nhà, vợ nó cũng bỏ đi nốt. Thế là đến đêm ra thuyền ngồi khóc. Giận đời, lại muốn chuộc tội, ông Hai Chép lấy dao cắt phăng hai hòn đá của mình vứt xuống sông. Vợ nó cũng chẳng quay lại". Mẹ Lâm bảo: "Đàn bà thế là bạc". Bà Lâm bảo: "Bạc gì? Có hai hòn đá là của quý thì mất rồi còn đâu?" Chị Hiền cười: "Gớm, chuyện của bà cứ rợn rợn là".

Bữa cơm qua nhanh. Cái Khanh vét nổi quền quẹt. Chị Hiền hỏi tôi: "Hiếu ăn có no không?" Tôi gật đầu: "Em ăn được bốn bát. Ở Hà Nội em chỉ ăn ba bát". Mẹ Lâm bảo: "Trai tráng ăn bốn bát thì hèn. Ông nhà tôi phải chín bát lên chặt. Tôi cũng sáu bát mới đủ no". Chị Hiền bảo: "Con chịu u. Con chỉ ba bát là hết nước". Bà Lâm bảo: "Ăn đi con ạ. Đàn ông nó chẳng thương mình đâu. Rượu thì nó ngồi mâm trên. Ngủ thì nó đè lên mình". Bố Lâm gật: "Bà lão hay nhỉ!" Bà Lâm lẩm bẩm: "Hay còn mẹ mày! Tao tám mươi tuổi đi nói sai à?"

Chiều. Bố Lâm bảo tôi: "Cậu với thằng Lâm có thích xem diều không?" Mẹ Lâm bảo: "Tôi lạy ông. Xay cho tôi mấy thùng thóc". Chị Hiền bảo: "Kệ bố. Để con xay cho. Chẳng mấy khi nhà có khách". Bố Lâm lấy ở góc bếp xuống cái diều to bằng cái thuyền thúng bởi giấy "dó", dây diều là cuộn song to bằng ngón tay trở của tôi. Lâm lấy cát đánh bóng bộ sáo diều bằng đồng cho nó sáng tinh lên. Bố Lâm ngâm cuộn dây song xuống ao. Chờ cho tắt nắng, chúng tôi ra đồng. Cánh đồng đã gặt hết,

còn trog gốc rạ. Phía chân trời, mây cuộn cuộn rực hồng một màu lửa. Mặt ruộng nứt nẻ. Cả cánh đồng hực lên mùi hương đất nồng nàn. Trẻ con trong xóm chạy ùa theo. Mấy ông già đang phơi rạ trên bờ ao cũng bỏ việc đấy đứng nhìn. Có ai bảo: “Lão Ba Đình lại phởn”. Người khác lại bảo: “Hôm nay được gió, điều kêu phải biết”.

Bố Lâm cời trần, mặc quần đùi, bấp thịt cuộn cuộn. Ông khoác cuộn dây song to tướng lên vai. Tới với Lâm lễ mễ khênh điều. Bố Lâm bảo: “Lên gò mồi Đầm Tiên mà thả”. Lâm bảo tôi: “Mày đứng mà xem”. Lâm đứng trên gò mồi cao, lựa hướng gió, tay đẩy điều lên cao, trông như người múa.

Tôi chạy theo bố Lâm, ông ngả người ra đằng sau, giật mạnh dây điều. Chiếc điều chao lượn xuống. Bố Lâm chạy vọt sang phải, nhảy qua các bờ ruộng. Chiếc điều rạch chéo một đường trên không. Bố Lâm lại chạy sang trái. Chiếc điều lại rạch một đường chéo nữa. Rập rình giây phút, chiếc điều bỗng bênh bốc lên thẳng đứng. Bố Lâm thả cuộn dây song. Mồ hôi từng giọt đọng lại trên tấm lưng trần. Ông thở hồng hộc. Chạy. Ngã. Lại chạy. Lại ngã.

Tôi chạy theo bố Lâm mệt muốn đứt hơi. Ông băng qua các thửa ruộng đang gặt, lội qua mương, lạng lẽ, hùng lực, vất vả, chịu đựng, tựa như một người biết rõ công việc đang làm là gian khó lắm, phải chuyên tâm lắm. Cuộn dây song thả dần ra, chiếc điều lên được độ cao tuyệt đích, ở đấy không còn những thứ gió quần khốn nạn, hiểm nguy và đầy bất trắc nữa; ở đấy là thứ gió khác tử tế, cao thượng, độ lượng, bao dung mà bình ổn. Nó nghiêng một cái như để khinh bỉ mặt đất, hay để chào mặt đất, rồi đứng im thối sáo một mình.

*Này là tiếng sáo, tiếng sáo
Có ai biết thế nào là hát ca không?
Chỉ một sợi dây mảnh ràng buộc với đất
Đứt lúc nào chẳng hay
Mà dám lượn chao tự do
Bởi chỉ có điều thôi, điều ơi
Cảm được sự nhẹ tênh của cuộc đời
Mà không làm hại ai
Giữa chông chênh trong xanh
Làm cái tiêu nhỏ nhoi
Để chúng nhìn trời
Những đòn đau, thậm chí cả tình quang nữa*

*Chỉ làm chú mày nhảy cẫng hơn
Cứ hát ca đi
Cho thỏa lòng
Bởi số phận đã định rồi:
Điều nào mà chẳng dứt dây một lần?*

Chiếc điều đã có khoảng dao động ổn định. Sợi dây song chùng như cánh cung. Bố Lâm lên bờ đê xuôi đường dẫn điều về làng. Tay cầm sợi dây, ông lẩm lũi đi, giống như người vừa đi chăn trâu về, thậm chí cũng chẳng ngoái lại nhìn đằng sau nữa. Cả bầu trời ngập trong tiếng sáo. Tôi ngấm thân hình ướt đẫm bết bùn đất của ông khâm phục, tôi ước tính khoảng cách ông vừa vượt qua để đến chín mươi cây số.

Đến đầu làng, bố Lâm buộc ghi đầu sợi dây song vào cái cọc tre đóng sẵn, bấy giờ ông mới ngược mắt nhìn trời, ngấm nghĩa chiếc điều đứng im trên cao, về hài lòng. Ít phút sau, ông bỏ mặc đấy, rẽ xuống sông. Ông cởi trần truồng, buộc túm chiếc quần lên cổ, một tay ôm lấy hạ bộ rồi lội xuống nước, lặn thẳng một hơi đến giữa sông mới nhô đầu lên. Ngừng giây lát, tôi chắc chắn khi đó ông có nhìn điều, ông kêu lên một tiếng gì đó, rồi lần này, lặn thẳng một hơi mất hút. Mặt sông nhòa đi, bóng tối bắt đầu phủ trùm cảnh vật.

Tôi đi một mình trên con đường lạ vào thôn. Bóng tối chập choạng. Không gian tràn ngập một thứ tình cảm dịu dàng mà bí ẩn. Cây lòa xòa bên đường. Tôi không xác định được thời gian sống hiện tại của mình. Trong tôi không hề có hình ảnh nào của thành phố tôi hằng sống, thậm chí tôi quên mất cả khuôn mặt thân yêu của bố mẹ tôi. Cả đến chuyến tàu chở tôi và Lâm từ thành phố về buổi sáng nay nữa, tôi cũng quên biến. Thế mà đây là lần đầu tôi đi xa nhà... Quên cả chiếc điều...

*Thôi quên đi, quên đi
Đêm xuống - cái cú xóa vĩ đại của thời gian
Xóa trước hết cái ngẫu nhiên sinh ra tôi
Xóa mối ràng buộc của tôi với đồ vật
Xóa tất cả những vô tích sự,
và tử huyệt của một ngày trơ trẽn
Hãy xóa... hãy xóa đi
Hãy buộc lại những sợi dây trong tim
Bởi thế nào cũng phải phiêu du trong đêm
Trong giấc ngủ, hồn phải lang thang một mình*

*Không hành lý
Không đến thân xác nữa
Những luân hồi nào chờ đợi?
Và những khoảng không gian nào chứa đựng?*

Trong nhà Lâm, mẹ Lâm đang sàng gạo ngoài sân. Bà Lâm nằm vồng ru thằng Tiến. Cái Khanh ngủ trên chõng tre. Bố Lâm ngồi chẻ lạt. Mẹ Lâm bảo: “Thằng Lâm chờ cậu đi đánh vó tôm mải. Nó đi rồi”. Chị Hiền đang giã gạo dưới nhà ngang. Chị bảo tôi: “Hiếu, không bận thì xuống đỡ chị”.

Tôi vào trong nhà ngang. Bóng tối mờ mờ. Trong nhà chỉ thấp mỗi ngọn đèn dầu bé tí. Cối giã gạo làm bằng cây gỗ nặng dài hai mét rưỡi, đầu cối có vỏ bịt sắt, ở giữa có cái chốt để người đứng giã dùng sức mạnh chân mình đè lên. Chị Hiền hỏi: “Hiếu giã gạo bao giờ chưa?” Tôi bảo: “Chưa”. Chị Hiền bảo: “Đứng lên đây. Tay bím vào sợi dây thừng”. Tôi bảo: “Giã gạo cũng dễ nhỉ?”. Chị Hiền cười: “Hiếu bao nhiêu tuổi rồi?” Tôi bảo: “Em mười bảy, bằng tuổi Lâm”. Chị Hiền thở dài: “Tôi hơn Hiếu ba tuổi. Thế là già rồi đấy. Đàn bà chỉ có một thì. Tôi sợ lắm... Hiếu đổi chỗ cho tôi. Giã gạo, ai đàn ông lại đứng trước đàn bà bao giờ?” Chị



Hà Trí Hiếu

Hãy buộc lại những sợi dây trong tim...

Hiên cười. Tôi thót mình bởi mùi mồ hôi rất gần và cảm giác mềm mại của đôi vú chị Hiền áp vào lưng tôi.

Chị Hiền thủ thủ: “Ở quê buồn lắm. Tôi mới được ra Hà Nội mỗi một lần. Hồi ấy chưa lấy chồng, vui vui là, nhưng cứ sợ. Người Hà Nội ai trông cũng ác. Hôm ấy ở bến xe, có ông đeo kính, để râu con kiến, tuổi bằng bố tôi bảo: “Cô em ơi, cô em đi với anh đi”. Tôi sợ quá, tôi bảo: “Ông này hay nhỉ?” Ông ấy cười: “Xin lỗi nhé, tôi tưởng em là bò lạc”. Tôi chẳng hiểu bò lạc là gì. Sau đó anh Tân (tức là chồng tôi đấy) đi lại, ông này chuẩn mắt. Tôi kể với anh Tân. Anh Tân sầm mặt lại, bảo: “Bọn thành phố toàn quân mất dạy”. Tôi không biết thế nào, nhưng người thành phố ai nói cũng hay, hơi tí thì xin lỗi”.

Chị Hiền lại thủ thủ: “Ở nhà quê sợ nhất là buồn chán. Công việc thì chẳng sợ. Nhiều khi buồn chán quá, người cứ bả ra. Hồi ấy anh Tân đi bộ đội, tôi đã định tự tử vì buồn chán quá. Tôi nằm một mình ở ruộng ngô, giữa tổ kiến vàng. Tôi tưởng kiến vàng đốt thì nhất định chết. Thế mà không chết. Nó thương mình hay sao chứ? Chắc nó thấy tôi trẻ quá mà chết thì phí”. Chị Hiền cười. Lòng tôi tê tái cảm giác đau xót. Tôi nhớ đến bố tôi, bố tôi để râu con kiến, cũng hay đeo kính. Còn mẹ tôi, nếu mẹ tôi nằm ở tổ kiến thì nhất định chết, mẹ tôi chúa hay cựa quậy. Giống kiến vàng không thích người ta cựa quậy...

Chị Hiền bảo: “Ở nhà quê cũng có khi vui. Khi có chèo hay tuồng thì vui ghê lắm. Tôi nhớ có lần diễn Tần Hương Liên xử án, tôi rang một túi châu châu mang đi. Châu châu rang ngon lắm. Tôi này, cái Lược này, cái Thu này, ba đứa vừa đứng xem vừa ăn. Cái lão Trần Sĩ Mỹ bạc tình, làm quan rồi chẳng coi vợ ra gì. May mà đời còn có Bao Công. Nếu không có Bao Công thì đời người ta cứ còn ngang trái mãi à?”. Chị Hiền ngừng một lát rồi bỗng bật cười: “Có mấy tay thanh niên ở bên Duệ Đông đứng sau chúng tôi. Một tay dí chim vào đít cái Lược. Cái Lược bảo: “Làm gì thế?” Tay này cũng dơ, nói thản nhiên: “Làm chủ nhiệm hợp tác”. Cái Lược mắng: “Thôi đi chứ”. Tay này lại bảo: “Nhân dân tín nhiệm thì tôi còn làm”. Xung quanh cười ồ. Cái Lược chạy ra ngoài, đằng sau quần ướt đầm. Á sợ quá, chỉ sợ chữa thì chết, thế là về nhà vứt ngay cái quần xuống ao. Tần Hương Liên với Trần Sĩ Mỹ”.

Chị Hiền bảo: “Hiếu đừng thờ thế. Hít thật sâu vào... rồi thở từ từ. Thở giống như ông thiếu tá tập Cốc Đại Phong¹ ở làng tôi ấy. Ông này tên Bá, về hưu rồi, béo lắm. Sáng nào cũng mặc quần đùi chạy vòng quanh làng, hô to: “1, 2, 3, 4... Khỏe!”. Có lần, tôi với cái Thu đi cấy. Mới bốn

1: Thể dục đường sinh

giờ sáng đã thấy ông Bá chạy ở trên đường. Quần đứt giải rút, bố ấy ôm quần chạy. Cái Thu bảo: “Bố ơi, bố sáu mươi tuổi còn khỏe làm gì?” Ông Bá bảo: “Khỏe để bảo vệ gia đình. Các cô không biết vợ tôi mới bốn mươi tuổi thôi à?”. Ấy thế mà tốt. Tính hay giúp người... Nghe nói về hưu không phải vì già mà là vì gốc. Nghe nói nhà nước bây giờ chỉ nhận biên chế những người trẻ tuổi với có học thôi”.

Chị Hiền lại bảo: “Sao đàn bà cứ phải lấy chồng? Như tôi đây, chồng đi xa, lấy chồng cũng như không. Hiếu bảo lấy chồng mà bỏ chồng thì có tốt không?” Tôi bảo: “Không”. Chị Hiền bảo: “Phải rồi. *Nửa trời sông không giáp cũng gầy. Gái chê chồng không chồng nọ cũng tật kia*”. Tôi hỏi: “Thế là thế nào hả chị?” Chị Hiền bảo: “Thế là đàn bà không ra gì. Nhưng đàn ông cũng nhiều người không ra gì. Lấy chồng phải anh nghèo, bất tài mà lại cao thượng thì hài lắm. Nó làm tan nát đời người đàn bà như tôi”. Tôi hỏi: “Sao chị nghĩ thế?” Chị Hiền bảo: “Không phải tôi đâu. Đây là thầy giáo Triệu. Thầy giáo Triệu dạy Bồ tức văn hóa ban đêm, thầy giáo bảo đàn bà không cần lòng cao thượng. Đàn bà cần cảm thông với vuốt ve, cần giúp đỡ bằng tiền mặt. Đây là tình yêu. Lòng cao thượng chỉ dành cho nhà chính trị. Chính trị mà không cao thượng thì hài lắm, chính trị là chỗ người ta nhìn vào để yên tâm sống”.

Tôi buồn ngủ rồi. Tôi chẳng nhớ tôi đã đi ngủ khi nào. Khi tỉnh dậy tôi thấy bàng hoàng vì sự tĩnh lặng tuyệt vời của căn nhà vắng. Chẳng ai có nhà. Tôi đi rửa mặt rồi đi ngó nghiêng khắp cả mọi nơi. Dưới nhà ngang, mấy thùng gạo trắng xếp chồng lên nhau bên cối giã gạo. Chiếc điều vút lẩn lóc, cánh rách bướm, chẳng thấy sáo cũng chẳng thấy cuộn dây song đâu cả. Trong bếp có đĩa khoai lang luộc với dầm quả cà chắc dành cho tôi. Tôi ăn khoai với cà rồi lên nhà ngồi. Bức tranh vẽ ba ông Phúc, Lộc, Thọ với dầm dừa trẻ dăng đào là tranh thuốc nước, in hàng loạt, có ghi chú bằng chữ Trung Quốc. Tôi thích ông Lộc hơn cả, râu đen, má phính, thân hình cường tráng, mắt như biết nói. Nếu nói, ông Lộc nói rằng: “Thôi tôi biết tổng ra rồi. Các vị phải bình tĩnh chứ, chúng ta cùng thỏa thuận, đừng có lừa tôi”.

Ngoài sân có mấy con gà mổ thóc. Tĩnh lặng. Không một tiếng động.

*Hãy dừng lại đi, dừng tất cả
Dẹp mọi âm thanh cuộc sống xô bồ
Dừng một chút
Lắng nghe sự tĩnh lặng tuyệt đối*

*Sẽ thấy mình bé bỏng thế nào
Ta chỉ là một hạt thien bé tí
Với một tí thien, làm sao sinh lợi được?
Với một tí thien, làm sao chống chọi được?
Cái vốn mẹ để dành còi cọc
Nấp kín trong xó tối tăm
Cái xó tối tăm lương tri ấy
Ngày đêm khăn tiếng khóc thầm...*

Khoảng độ mười giờ thì bà Lâm, cái Khanh với thằng Tiến về. Bà Lâm bảo: “Ba bà cháu đi chùa, sư cụ cho oản, cái Khanh, mầy đưa cho cậu Hiếu một cái để cậu Hiếu nếm cho biết mùi”. Tôi bảo: “Bà ăn đi chứ, cháu ăn khoai rồi”. Bà Lâm bảo: “Tôi chẳng ăn. Ăn mãi rồi. Tám mươi tuổi mà cứ tham ăn thì khó chết lắm. Bốn năm nay tôi không dám ăn cái gì bổ béo vào người mà không chết được”. Bà cụ thở dài: “Già quá hóa giặc cậu ạ. Sao mà tôi kinh tuổi già đến thế. Sáng nào tôi cũng đi chùa, lạy Phật tổ Như Lai cho chết mà Ngài cứ lắc đầu, Ngài chưa nhận. Chung quy vì tôi mãi lam mãi làm, đáng lẽ ngày xưa tôi phải chơi vung tàn tán thì đâu đến nỗi. Ở làng, những đứa con gái cùng lứa tuổi với tôi, đứa nào hồi trẻ thập thành thì Ngài cho lên tiên sớm, chẳng phải đợi đến tuổi thất thập, thế là sống cũng sướng mà chết cũng sướng. Còn tôi, cả đời chỉ biết mỗi một con b..., mang tiếng thủy chung đức hạnh, chẳng biết bấu cho ai, chỉ biết về già sống lâu khổ con khổ cháu”. Tôi cười đau đớn: “Bà ơi, bà đừng nói thế”. Bà Lâm lắc đầu: “Cậu còn trẻ lắm, cậu cứ sống đến tám mươi tuổi đi đã xem nào. Đức Phật tổ cho mỗi người một ít của cải, ai cũng như nhau, người tám lạng, kẻ nửa cân. Sức khỏe, đức hạnh cũng là của cải. Có của thì phải biết tiêu. Chứa nhiều rồi nó hóa tinh ra chứ. Ở bên Duệ Đông, có ông nhà giàu chứa vàng trong nhà những mấy chục cân, thế là vợ hóa điên, con hóa dại, cháu chất chẳng ai sống được đến ba mươi tuổi”.

Hai bố con Lâm đi cày về. Bố Lâm hỏi: “Trưa rồi, mấy bà cháu chưa nấu cơm à?”. Cái Khanh trong bếp bảo: “Con đang nấu”. Bố Lâm lên nhà, ông rót nước ra bát mời tôi. Ông bảo: “Không đi đâu à? Cứ nghe bà lão nhà tôi chuyện trò rồi cậu phát điên có ngày”. Bà Lâm bảo: “Phải. Tôi ngu ngốc”. Bố Lâm bảo: “Không ngu nhưng ác”. Bà Lâm bảo: “Ác tâm mới sợ chứ ác khẩu có gì mà sợ”. Bố Lâm bảo: “Trẻ nhỏ như giếng nước trong, bà cứ thả toàn những ba ba với thường luồng vào, kinh cả người”. Bà Lâm nói dối: “Thôi con ạ, mẹ mười đốt thì tám đốt là quỷ, đốt rưỡi là ma, có nửa đốt là người. Nghe được tí nào thì nghe, không

cứ bỏ ngoài tai”.

Ăn cơm trưa xong có thầy giáo Triệu đến chơi. Anh còn trẻ, chỉ khoảng trên ba mươi tuổi, người gầy gò, điệu bộ như kẻ chán đời. Tôi thoáng thấy chị Hiền co người lại trước cái nhìn bình thần của anh. Anh Triệu hỏi tôi: “Về nhà quê chú có thích không?” Tôi bảo: “Thích”. Anh Triệu cười: “Tôi hỏi một câu ngu quá, chú là khách, nếu nói là không thích thì bác Ba Đình mời chú cuốn xéo”. Bố Lâm bảo: “Tôi không dám”. Anh Triệu bảo: “Bác Ba Đình ạ, ông khách của bác thẹn thò như con gái ấy. Tôi thấy tướng thông minh nhưng nhiều bất hạnh. Nghe tôi nói nhé: lớn lên chú đừng sa vào con đường văn chương chữ nghĩa. Thế nào chú cũng ăn đòn. Người ta sẽ nguyên rửa đấy. Chú không chống nổi sự ngu dốt của bọn có học đâu. Tôi đây này, tôi hiểu sâu sắc sự ngu dốt của bọn có học tai hại thế nào, vừa phản động, nó vừa nguy hiểm, lại vừa mất dạy. Sự ngu dốt của bọn có học tởm gấp vạn lần so với ở người bình dân”. Tôi hỏi: “Vì sao?” Anh Triệu bảo: “Vì chúng giả hình. Chúng nhân danh lương tâm, đạo đức, mỹ học, trật tự xã hội, thậm chí nhân danh cả dân tộc nữa. Chính trị không cao siêu sẽ nhầm lẫn”. Tôi hỏi: “Nhân dân không cần tri thức sao?” Anh Triệu bảo: “Trẻ em rất cần. Còn khi trưởng thành, tôi nói là nhân dân ấy, cần một thứ còn hơn cả tri thức nữa: sự bình ổn để sống tự nhiên hài hòa. Tuổi già cũng cần tri thức nhưng ở dạng khác, đấy là tôn giáo. Khái niệm nhân dân của tôi không có trẻ con, người già. Ở tuổi cường tráng, bản thân đời sống nhân dân là tri thức rồi”.

Anh Triệu bảo chị Hiền: “Bế giảng rồi. Cô được lên lớp tám. Bài toán cô được tám điểm, bài văn được ba điểm, tôi cứ nâng bữa lên năm điểm”. Chị Hiền đỏ mặt: “Em dốt văn lắm”. Anh Triệu bảo: “Chẳng sao đâu. Dân mình giỏi võ là được. Tôi thấy buồn vì văn học của ta ít giá trị thật. Nó thiếu tin ngưỡng và thẩm mỹ thực”.

Anh Triệu ra về. Tôi nói: “Anh ấy hay nhỉ?” Bố Lâm bảo: “Tốt lắm đấy. Trẻ con làng này học anh ấy cả, chúng tôi thì học ông ngoại anh ấy là cụ giáo Đạt”.

Trời bỗng sầm lại. Lát sau thì mưa. Mưa to quá, nước tràn ngập sân. Cái Khanh reo: “Cá rô kia! Cá rô!” Cái Khanh băng ra ngoài sân bắt cá. Tôi cũng đội mưa ra theo. Cái Khanh gọi: “Chị Hiền! Lấy nơm cho em”. Chị Hiền đứng trên hè, ngó trông trời rồi bảo bố Lâm: “Giờ giờ đấy. Bố ơi, mang chài ra sông đi”. Cái Khanh reo to: “Ra sông! Ra sông!”.

Bố Lâm vác chài. Tôi cầm nơm. Chị Hiền cầm rổ. Cái Khanh cầm giỏ

cua. Tất cả đi ra sông. Mưa như trút. Cá nổi lênh bênh trên mặt nước. Chị Hiền bảo: “Bố xem kìa, nhiều cá không?”. Bố Lâm lội xuống nước, ngập đến ngang lưng mới quăng chài. Rất nhiều tép. Có những con cá to bằng bàn tay. Chị Hiền, tôi với cái Khanh gỡ chài. Cá đổ cả lên bãi cát. Bố Lâm liên tục quăng chài, cứ thế đến chục lần, lần nào cũng được cá, có cả những con cá nheo to bằng bắp chân người, loại cá này trơn và nhớt vì không có vảy.

Mưa vẫn to. Tôi bắt đầu thấy lạnh. Chị Hiền và cái Khanh rằng cũng đánh lộp cộp. Vừa mệt, vừa rét nhưng cả ba chị em đều thích.

Bố Lâm quăng chài hai lần liên nhưng không được cá. Ông bèn rũ chài rồi bảo chúng tôi: “Tao về trước, còn đi tháo nước ở chân ruộng mạ. Chị em chúng mày về sau”.

Chị Hiền dồn cá vào đầy rổ rồi bảo cái Khanh: “Xuống tắm đi”. Hai chị em đều bơi giỏi. Tôi lưỡng lự giây lát rồi cũng xuống theo. Nước rất ấm, tôi mới tập bơi nên không dám ra xa. Chị Hiền bảo: “Hiếu kém thế!”

Tắm độ mười phút thì lên bờ. Quần áo ướt dính chặt vào người chị Hiền với cái Khanh. Tôi cứng người vì thấy thân hình chị Hiền với cái Khanh đều tuyệt đẹp. Những đường cong cân đối gợi cảm lạ lùng. Máu rần rật dồn đầy ngực tôi. Chị Hiền gọi: “Hiếu lại giúp tôi”. Anh mắt chị Hiền gặp mắt tôi. Thoáng nhanh, tôi thấy một nét nanh nọc hờn hờ trên khóe mắt ấy. Tôi đi lom khom, tôi định nâng rổ cá lên thì chị Hiền như vô ý xáp lại để đùi chạm vào người tôi. Tôi bần rùn, hàm cứng lại. Một thoáng, tôi thấy chị Hiền nhìn sâu vào đáy mắt tôi rồi đỏ bừng mặt. Tôi không thở được nữa, chân khuyu xuống bãi cát, người run bắn lên. Chị Hiền đặt tay lên đầu tôi, mặt tái đi lúng búng nói một câu gì không rõ nghĩa rồi bỗng chạy té lên đuổi kịp cái Khanh đang cầm nơm đi trước. Tôi nghe tiếng hai chị em cười ròn rã.

Tôi thờ dốc, nằm lán lộn trên bãi cát ướt. Hai viên tinh hoàn và dương vật tôi nặng trĩu, rất đau. Rổ cá đổ văng ra. Tôi nằm úp người giữa đám cá tôm mà phóng tinh, miệng ngoạm đầy cát. Tôi không biết tôi có nuốt cát vào bụng không. Một nỗi sợ hãi lẫn khoan khoái trào dâng lòng tôi. Tôi biết từ nay tôi đã trở thành người lớn.

*Vĩnh biệt nhé, tuổi thơ
Tôi đã trưởng thành
Từ nay tôi phải gánh*

trách nhiệm với tôi, với mọi người
Tôi bắt đầu một chuỗi sơ suất liên tiếp nhau
Ôi tuổi thơ
Khi trong tôi còn là một khối nguyên dương
Tiền tài, danh vọng, luật pháp đều bay qua tôi
Trùm lên tôi là đôi cánh mỏng tang của mẹ
Ôi tuổi thơ
Đâu rồi nụ cười vô tư
Những truyện cổ lạ kỳ
Con đường nhỏ đến trường
Và nỗi sợ hãi bị bỏ rơi...
Tôi đã trưởng thành
Trước mắt tôi là rừng điệp đăm mê
Tâm hồn tôi đục ngầu
Tôi sẵn lòng danh tiếng
Sẵn lòng tiền tài
Hạnh phúc và nghĩa vụ hành hạ tôi
Cái chết mỉm cười chờ tôi cuối đường
Ở đây có lối rẽ xuống hoả ngục
Ôi tuổi thơ
Tuổi thơ trắng trong
Tuổi thơ nghèo, cô đơn, u buồn
Tuổi thơ thảm hại
Ta biết cười hay khóc với mây?
Thôi vĩnh biệt!

Tôi về đến nhà. Mẹ Lâm bảo: "May kịp chợ chiều, để bác mang cá đi bán". Mẹ Lâm để vài con cá to nhất ở nhà, dặn dò cái Khanh vài câu rồi bươn bả cấp rồ đi chợ. Cái Khanh mang dao thớt ra cầu ao làm cá. Lúc này không còn mưa nữa nhưng trời vẫn còn âm u. Tôi buồn ngủ rã rời. Tôi lên giường ngủ.

Tôi chợt mất được một lúc lâu thì choàng tỉnh dậy vì nghe ở ngoài sân có tiếng rúc rích cười. Cái Khanh với thằng Tiến ngồi ở bờ hè đang chơi chuyển thả. Cái Khanh rải que xuống đất, vừa lất vừa tung sỏi. Thằng Tiến quỳ xuống chân chị nó lấp bắp nhại theo. Tiếng cái Khanh lãnh lót:

"Chuyển chuyển một
Một đôi

*Chuyến chuyến khoai
Hai đôi
Chuyến chuyến cà
Ba đôi
Chuyến chuyến từ
Tư đôi
Chuyến chuyến tầm
Năm đôi
Sang bàn chống..."*

Bà Lâm ngồi ở trên giường, những giọt nước mắt lăn trên gò má rần reo. Tiếng cái Khanh vẫn lãnh lót:

*"Vào làng
Xin thịt
Ra làng
Xin xôi
Đi bên sông
Về bên sông
Trồng cây cải
Bơi dò ngang
Một dò ngang
Hai ngang dò..."*

Tôi đi ra ngoài ngõ. Bầu trời bỗng sáng lòa một sắc mỡ gà đẹp lạ lùng. Tất cả trời, đất, cây cối, đồ vật hiện rõ mồn một dưới một sắc màu huyền ảo rực rỡ. Màu mỡ gà trùm lên tất cả, đến cả những bông hoa đậm nhạt có màu đỏ tía cũng bạc cả đi, thành thứ màu khác, hồng như môi người. Tôi thót tim lại vì sợ hãi. Một thế giới khác, cụ thể khủng khiếp, chỉ tiết đến kinh dị hiện ra ở trước mắt tôi.

Ít phút sau, bầu trời sầm lại. Tất cả trở về như cảnh sắc cũ trước đây. Tôi rùng mình, đau đớn, nhận ra thế giới xung quanh tôi nhợt nhạt, tội nghiệp quá. Tôi phải đứng im một lúc rất lâu mới định thần được.

Trên trời cao, có mấy con cò bay qua, tiếng kêu khàn khàn nghe rất hãi hùng. Những giọt nước mưa đọng trên lá cây bỗng rơi rào rào xuống người tôi. Tôi đi dọc theo cái ngõ nhỏ rặng đầy lá tre, loang quanh một lúc trong làng vì lạc đường. Mấy đứa trẻ con chạy táo tác. Có nhà ai bị mất gà đang lớn tiếng chửi lảng giềng, tiếng chửi nghe rất tục tằn, ngoa ngoắt. Tôi vòng lên ra chỗ bờ đê. Phía xa xa, một cánh buồm nâu chậm

rãi đi ngược dòng sông hoàn toàn vô sự.

Anh Triệu ngồi ở bờ đê đọc sách. Tôi lại gần anh, thấy chỗ anh ngồi có những khóm hoa mầu tím, cánh hé mở ra trông như môi người. Tôi ngắt một bông đưa lên mũi ngửi, thấy mùi thơm ngát. Anh Triệu cười: “Chú có biết hoa này không?” Tôi lắc đầu. Anh Triệu bảo: “Hoa này lạ lắm, trông y như cái miệng cười, vợ vẫn có chú muỗi nào rơi vào là nó khép ngay cánh lại. Nó có cái lạ là cứ để yên thì chẳng làm sao, nhưng hễ đụng đến là thơm lựng lên. Người ta đặt tên là hoa cỏ đi. Y hệt đàn bà, để yên thì là hạnh kiểm phi thường, đụng vào tan nát như chơi, đầu tiên nát tiền, đến nát tâm hồn, rồi tan gia đình, tan cơ nghiệp”. Tôi cười: “Anh có vợ chưa?”. Anh Triệu bảo: “Chưa. Vợ người thì đẹp, vợ mình lại tử tế. Khốn thế!”

Anh Triệu nằm ngả trên bãi cỏ xanh. Anh bảo: “Nằm xuống đây. Chú ở thành phố, thế chú có khinh người nhà quê không?” Tôi bảo: “Không”. Anh Triệu bảo: “Ừ, đừng khinh họ. Với nông thôn, tất cả bọn dân thành phố và bọn mang tiếng có học văn chúng ta đều mang tội trọng. Chúng ta phá tan phá nát họ ra bằng những lạc thú vật chất của mình, cả giáo dục lẫn khoa học giả cây, hành hạ bằng luật lệ, lừa bịp bằng tình cảm, bóc lột tận xương tủy, chúng ta đè dí nông thôn bởi thượng tầng kiến trúc với toàn bộ giấy tờ và những khái niệm của nền văn minh... Chú có hiểu không? Tim tôi ứa máu. Bao giờ tôi cũng nói rằng: mẹ tôi là nông dân, còn tôi sinh ở nông thôn...” Anh Triệu im lặng. Một lát, anh bỗng ngồi dậy buồn bã bảo tôi: “Chú chẳng bao giờ hiểu nổi những điều anh nói có nghĩa gì đâu”. Tôi bảo: “Anh không tin em phải không?” Anh Triệu bảo: “Không phải thế. Chỉ vì chú còn trẻ. Lỗi ở tự nhiên chứ không phải chú”.

Tôi bị kiến đốt nên phải ngồi dậy. Dưới chân tôi, những con kiến đen xúm xít rất đông xung quanh xác một con chuồn chuồn mầu đỏ. Tôi bảo: “Kiến nhiều quá”. Anh Triệu bảo: “Đấy. Tất cả dân chúng cũng đông như thế. Họ sống như kiến cả thôi, xằng xở, loanh quanh, kiếm ăn chẳng được là bao. Chú hãy để con chuồn chuồn ra chỗ khác xem”. Tôi làm theo lời anh Triệu. Anh Triệu bảo: “Chú có thấy kiến bu ra chỗ đấy không?” Tôi bảo: “Có”. Anh Triệu bảo: “Dân chúng nhẹ dạ nông nổi cũng như thế đấy. Các nhà chính trị, các thiên tài là kẻ có khả năng xô dạt dân chúng về cả một phía. Dân chúng cầu lợi. Chỉ cần tí lợi là họ sẽ a dua nhau bu đến. Họ không biết rằng điều ấy chất chứa toàn bộ sự vô nghĩa trong đời sống của họ. Họ sinh ra, hoạt động, kiếm ăn, cứ dạt

chỗ nọ rồi đặt chỗ kia mà chẳng tự định hướng cho mình gì cả. Chỉ đến khi nào dân chúng hiểu rằng không được cầu lợi, mà có cầu lợi thì cũng chẳng ai cho, người ta chỉ hứa hẹn suông để bịp bợm thôi, thẳng hoặc có cho thì cho rất ít, lợi bất cập hại. Lợi phải do chính dân chúng tạo ra bằng sức lao động của mình. Họ cần hiểu rằng phải cầu một thứ cao hơn thế nữa, đấy là giá trị chân chính cho toàn bộ cuộc sống của mình, quyền được tự mình định đoạt cuộc sống, tóm lại là tự do”.

Anh Triệu thở dài, suy nghĩ một lát rồi chậm rãi nói: “Còn điều này nữa, đã nói thì nói cho xong. Thời loạn dứt khoát phải có một nền thống trị bá đạo. Còn thời bình, đường lối chính trị bá đạo sẽ đưa dân tộc đến thảm họa. Chỉ có một nền chính trị vương đạo, dân chủ, tín nghĩa và văn hóa đạo đức cao mới làm cho đất nước phồn vinh”.

Chúng tôi lặng im. Anh Triệu bảo: “Hiếu này! Chú đừng nghe tôi. Tôi nông cạn và sai lầm lắm. Mẹ tôi là nông dân, còn tôi sinh ở nông thôn”. Tôi nhìn anh thương xót, tự dưng nước mắt tôi ứa cả ra. Tôi úp mặt xuống bờ cỏ để anh khỏi thấy rằng tôi đang khóc.

Anh Triệu đứng lên đi xuống vệ đê. Bỗng lúc ấy có những tiếng kêu âm ỉ trên đồng. Một con trâu bê bết bùn đất đang phi điên cuồng về phía chúng tôi. Ngay lúc ấy tôi nghe thấy có tiếng gọi: “Anh Hiếu về ăn cơm!” Trông ra tôi thấy thằng Tiến đang đứng ngơ ngác ở dưới chân đê gọi tôi. Con trâu đang lao thẳng đến chỗ thằng Tiến. Tôi hốt hoảng, chưa kịp định thần đã thấy anh Triệu nhảy đến chắn ngay trước mặt thằng Tiến. Chỉ nghe tiếng rú thất thanh khủng khiếp. Con trâu lao thẳng vào người anh Triệu với một sức mạnh kinh người. Tôi thấy anh Triệu như bị đôi sừng của nó nhấc bổng lên cao.

Anh Triệu chết ngay trước mặt tôi. Đầu anh ngật sang một bên, máu ộc ra đầy miệng, gan ruột lòng thông. Con trâu điên thần nhiên gặm cỏ ở bên. Thằng Tiến tái xanh tái tử bị anh Triệu gạt ngã xuống bờ ruộng đang lồm cồm bò dậy.

Nhiều người chạy đến, có cả vài người mang súng. Một anh dân quân xả súng bắn như điên cuồng vào đầu con vật.

Người trong xóm đổ ra rất đông. Bà Lâm dắt thằng Tiến vừa khóc vừa lay anh Triệu. Bố Lâm, mẹ Lâm cũng khóc, quỳ xuống bờ ruộng lay như té sao. Mấy ông già trong xóm bàn bạc, cuối cùng bảo với mọi người đưa xác anh Triệu ra gốc cây trôi cổ thụ đã sống hơn chín trăm năm, trông xa tán xòe như mâm xôi, vòng gốc phải bốn người ôm mới xuể.

Đêm xuống. Trên trời sao giăng chi chút. Tôi bỗng hoảng hốt y hệt buổi chiều khi ráng mờ gà đột nhiên phản chiếu. Tôi nhận ra thế giới bao la vô cùng vô tận, bản thân tôi, sự sống và ngay cái chết đều là bé nhỏ và không có ý nghĩa gì.

Người ta đóng quan tài cho anh Triệu ngay bên gốc trôi. Lâm và mấy thanh niên trong xóm mang hương án lập bàn thờ. Trên bàn thờ có ảnh, bát hương, ngũ quả, cau trầu... Cả làng đổ ra bên gốc cây trôi. Có ai lại mang chiếu hoa ra trải trên đất để cho các cụ bà ngồi tằm trầu. Dân quần đến gác, mang cả súng. Một bầu không khí vừa trang nghiêm, vừa thương xót, lại lo sợ nữa trùm lên tất cả.

Người ta nhập quan anh Triệu vào lúc nửa đêm, đèn đuốc sáng rực một vùng. Mọi người đều chít khăn tang. Mẹ Lâm cũng đưa cho tôi một chiếc khăn tang. Tôi đoán chiếc khăn xé ra từ chiếc màn cũ ở nhà, trên khăn có vết khâu đít chỉ đen. Kèn trống tưng bừng, các bà, các chị và các em nhỏ khóc rống. Tôi cũng đã khóc.

Nhập quan xong, Lâm và mấy thanh niên về nhà bắt lợn. Thối xôi, thịt lợn, nấu nướng ngay bên gốc trôi. Khi trời sáng bạch thì xong mọi việc.

Lễ tang anh Triệu tiến hành lúc tám giờ sáng. Lúc này mặt trời lên cao rực rỡ, ánh nắng chan hòa khắp cả cánh đồng. Các cụ ông, cụ bà và người trong xóm đứng xúm xít quanh quan tài. Học sinh xếp hàng ở trước mặt họ. Ông Miêu hiệu trưởng đọc diếu văn, người cứ run bần lên. Tôi lắng nghe, hết sức ngạc nhiên khi biết anh Triệu không phải là người làng này. Bố mẹ anh ở Hà Nội, bố anh là bộ trưởng, mẹ anh sinh ra trong một gia đình trí thức tiếng tăm. Anh sống độc thân, đã ở làng này chín năm, anh chẳng bao giờ về thăm gia đình mình ở thành phố, nghe nói bố mẹ anh đã "tù" anh, bản thân anh chỉ là một giáo viên cấp Một bình thường.

Người ta chôn anh Triệu trong bãi tha ma của làng. Trên mộ chỉ có một vòng hoa trắng. Sau này, tôi đã dự nhiều đám ma người khác nhưng tôi hiểu rằng đây là đám ma duy nhất để lại trong tôi ấn tượng không thể phai mờ.

Người ta phải cảm ơn anh

người thầy giáo nông thôn

Anh là người khai hóa vĩ đại của nhân dân tôi

Đây mới là kiến thức tình khiết

Cho dù nó vừa thô sơ, vừa sai lầm, lại ấu trĩ nữa

Nó là a, b, c
Ơi anh giáo làng
Anh phải làm việc với bọn ranh con thò lò mũi
Chúng không biết thế nào là tay phải, tay trái
Anh sẽ dạy chúng, phải không, sẽ dạy chúng:
Tay phải thì vung cao
Còn tay trái đặt lên trái tim...
Anh sẽ dạy chúng, phải không, sẽ dạy chúng:
Đây là số không, là số một
Còn mẹ thì không bao giờ được quên
Phía trước là chân lý
Rất có thể có nạn hồng thủy
Mà ngoài trái đất là thiên hà
Đây là chữ a...

Buổi chiều hôm ấy chỉ có Lâm mang trâu đi bừa, còn mọi người đều ở nhà. Mẹ Lâm làm cơm cúng anh Triệu. Chị Hiền vừa vật lông gà vừa khóc, trên đầu vắn vắn khăn xô. Mẹ Lâm bảo: “Hiền này, mày bỏ khăn ra đi. Mình lòng thành, để tang anh ấy trong lòng. Còn người thiên hạ trông vào, chồng mày ở xa, tao trông cái khăn hải lắm”. Chị Hiền bỏ khăn ra khóc: “Lạy thầy giáo, thầy giáo sống khôn chết thiêng, phù hộ phúc đức cho gia đình em”. Bà Lâm bảo: “Thằng Tiến nhà này được ông giáo thế mạng. Tuy là người dưng nhưng hóa thần thánh trong nhà. Người đầu mà quý hóa thế?”. Ông Miêu đang ngồi uống nước với bố Lâm. Ông Miêu bảo: “Anh ấy là cháu cụ giáo Đạt có chân trong nhóm văn thân ngày xưa, người bên Ninh Xá. Dòng họ ấy nhiều người hào kiệt lắm”. Bà Lâm bảo: “Khốn nạn con gái làng này, thế không đứa nào thương ông giáo à? Người thế mà chết không ai nối dõi thì có phí không?” Chị Hiền bảo: “Nghe nói trước có để ý đến cái Thu nhưng bị nó chê là lạnh lùng, triết lý, không tình cảm”. Bà Lâm bảo: “Cha bố con đi, để tí nữa nó đến đây tao bảo. Các cô bây giờ chỉ thích nước sơn hào nhoáng, rồi rơi vào tay Sở Khanh mới biết thân”. Ông Miêu bảo: “Dòng máu hào kiệt ở nước mình cứ cạn dần vì mỹ nhân toàn rơi vào tay bọn Sở Khanh với Khuyển Ưng cả. Tiếc lắm thay!”. Bố Lâm bảo: “Tôi cũng không thích triết lý”. Ông Miêu bảo: “Người ta triết lý để chết thì cũng phải bỏ qua thôi. Ở nước mình, nhiều cái chết ngẫu nhiên đáng sợ lắm. Mọi người đều phải vội vàng cả. Vội vàng như chẳng kịp... Đây là thân phận anh Triệu”.

Cuối giờ chiều, cỗ bàn vừa xong thì bà Hợp bên hàng xóm đến kéo



Tôi nhẹ dạ, anh nhẹ dạ, chị nhẹ dạ...

theo mấy bà mấy cô bên đội cấy. Bà Hợp gào thét từ ngoài ngõ. Bà Hợp bảo: “Ông Ba Đình ơi, ông ra mà xem con trai ông cày bữa ngoài đồng. Cày thì cày lỏi, bữa thì bữa dối. Chúng tôi mang mạ đến bắt đền ông đây”. Lâm từ trong nhà chạy ra đỏ bừng mặt. Bố Lâm hỏi: “Không cấy được à?”. Bà Hợp bảo: “Cấy được thì chị em chúng tôi chẳng phải đến bắt đền ông”. Lâm bảo: “Cháu xin lỗi, cháu ham về ăn cỗ quá”. Bố Lâm quát: “Năm xuống đây! Tao đánh ba roi để nhớ. Bà Hợp ạ, để tôi bảo cháu nó ra bữa lại cho bà”. Bố Lâm rút cái dây mây trên nóc nhà xuống. Lâm nằm phủ phục ở sân. Mọi người xúm lại ngăn. Bố Lâm bảo: “Các bà đi ra đi, để tôi dạy cháu. Làm ăn không cẩn thận, đánh để nhớ! Nó còn ra ngoài thiên hạ kiếm cơm, rồi quen thói lừa lọc thì ra làm sao”. Mẹ Lâm níu tay bố Lâm: “Tôi xin ông, đánh con nó nhẹ tay thôi”. Bố Lâm cầm roi bảo Lâm: “Tao đánh ba roi cho nhớ. Hai roi phải nhớ làm ăn cẩn

thận. Một roi phải nhớ là con lão Ba Đình, đừng để bố mày bị thiên hạ chửi vào mặt". Chiếc roi vút lên không trung, Lâm nẩy người lên ba lần. Mẹ Lâm giằng roi trong tay bố Lâm mắng: "Rõ đồ vũ phu!" Lâm lồm cồm bò dậy chấp tay: "Con lạy bố". Bố Lâm lăm lũi xuống bếp tháo trâu, vác bữa đi ra ngoài ngõ.

Chập tối, cái Khanh chạy về báo: "Anh Lâm ơi, anh Hiếu có thư đây này". Tội ngạc nhiên, hóa ra thư của bố tôi. Bố tôi viết:

"Con thân yêu,

Bố rất bực mình vì bố đi vắng thì mẹ tự tiện thả con về nông thôn. Tao xin báo cho mày biết, đồ chó, rằng nhà mày ở thành phố, tương lai của mày ở đấy...

Con ơi, con hãy nghe bố, con phải về ngay. Bố mẹ sẽ mở rộng cửa đón mày như đón đứa con nhẹ dạ, nhẹ dạ quá mức...

Bố của con"...

Tôi sững người. Tôi đưa cho Lâm đọc thư. Lâm bảo: "Hiếu ơi, thôi mày về đi. Bố mày không đánh ba roi như bố tao đâu, với lời lẽ thế này thì ông ấy giết. Sáng mai có tàu năm giờ sáng đấy".

Sớm hôm sau, chị Hiền dậy nấu cơm nếp rồi gói lá chuối cho vào túi tôi. Lâm hỏi: "Mày đi một mình được không?". Tôi gật đầu. Mọi người trong nhà đều như bận việc, có vẻ như không một ai để ý đến tôi. Tôi biết, tôi có quyền gì đòi hỏi mấy may lưu luyến ở họ, ở bà Lâm, bố Lâm, mẹ Lâm, chị Hiền, cái Khanh, thằng Tiến...

Tôi rời thôn xóm ra đi. Trời còn tối lắm. Cánh đồng mờ mịt hơi sương. Tôi tự hỏi vì sao bố tôi lại đi coi tôi là người nhẹ dạ?

Sự nhẹ dạ của lòng người.

Tôi nhẹ dạ, anh nhẹ dạ, chị nhẹ dạ

Và em nữa, em thân yêu

Em nhẹ dạ quá chừng

Chúng ta đều nhẹ dạ trên cõi đời này

Tôi đã nhẹ dạ tin theo bố tôi

Tôi nhẹ dạ tin anh, tin chị

Và em nữa, em thân yêu

Em nhẹ dạ quá chừng

Trái tim em trong trắng thế

Và đôi môi em tinh khiết thế

*Đôi mắt em buồn tái tẻ
Niềm tin kia...
Niềm tin chẳng có giả thiết gì, chẳng điều kiện gì
Còn nếu tôi là quý dĩa?
Anh là quý dĩa? Chị là quý dĩa?
Bố mẹ tôi là quý dĩa?
Sự nhẹ dạ của lòng người
Có chấp cánh cho chúng ta bay lên
Thiên đường không?*

Tôi cứ đi, đi mãi. Tôi băng qua cánh đồng, qua dòng sông. Mặt trời bao giờ cũng ở phía trước mặt tôi.

Tôi còn nhớ mãi... Năm ấy tôi mười bảy tuổi. Xóm Nhài, thôn Thạch Đào, tỉnh N.

1988

CON GÁI THỦY THẦN

Truyện thứ nhất

*"Cái tình chi
Mượn màu son phấn ra đi..."*

(Lời hát cổ)

Chắc nhiều người còn nhớ trận bão mùa hè năm 1956.

Trận bão ấy, ở bãi Nổi trên sông Cái, sét đánh cụt ngọn cây muỗm đại thụ. Không biết ai nói trông thấy có đôi giao long quấn chặt lấy nhau vẫy vùng làm đục cả một khúc sông. Tạnh mưa, dưới gốc cây muỗm, có một đứa bé mới sinh đang nằm. Đứa bé ấy là con thủy thần để lại.

Dân trong vùng gọi đứa bé ấy là Mẹ Cả. Ai nuôi Mẹ Cả, tôi không biết, nghe phong thanh ông từ ở đền Tĩa đón về nuôi. Lại đồn thím Mòng trên phố chợ đón về nuôi. Lại đồn các xơ trong nhà tu kín đón về, đặt tên thánh cho Mẹ Cả là Gianna Đoàn Thị Phương.

Chuyện Mẹ Cả ám ảnh tôi suốt thời niên thiếu. Một bận, mẹ tôi đi chợ Xuôi về, kể chuyện Mẹ Cả cứu hai cha con ông Hội bên Đoàn Hạ. Ông Hội làm nhà, mang đứa con gái tám tuổi đi đào cát. Hố cát khoét hàm ếch, sụt xuống, vùi lấp cả hai cha con. Mẹ Cả đang bơi trên sông, trông thấy, hóa phép thành con rái cá ra sức đào bới, cứu được hai người.

Một lần, ông Tư Chung đào giếng bảo đào được một cái trống đồng. Phòng văn hóa huyện về xin mang trống đi. Khi qua sông, tự dưng sấm chớp ùng ùng, sóng to gió lớn cợn lên. Mẹ Cả bơi trên sông bảo: "Vứt trống xuống đây". Thuyền chòng chành sắp úp, mọi người đành vứt trống xuống cho Mẹ Cả. Mẹ Cả ngồi trên mặt trống đánh thùng thùng. Thế là sấm tan mưa tạnh. Mẹ Cả ôm trống lặn xuống đáy sông.

Chuyện Mẹ Cả lung tung lắm, nửa hư nửa thực. Tuổi thơ của tôi u

buồn và bế bộn việc, mà việc nào cũng vất vả cả, tôi cũng chẳng có thì giờ để ý đến chuyện người dưng.

Nhà tôi làm ruộng, đào đá ong và làm thêm nghề lột giang đan mũ. Làm ruộng chẳng nói ai cũng biết rồi, chẳng dễ dàng gì. Mười bốn tuổi, tôi là thợ cày chủ lực trong hợp tác xã. Bốn giờ sáng, ông đội trưởng đội cày gọi cổng: “Chương ơi, hôm nay cày chân ruộng Gò mả ngựa nhé!” Thế là tôi bỏ dậy, ăn vội ăn vàng bát cơm nguội rồi đi. Trời còn tối, chuột đồng chạy rào rào trong các vạt ngô ven bãi. Tôi nửa thức nửa ngủ, chân nam đá chân chiêu, cứ nhằm phía quãng sáng điện thị xã mà đánh trâu đi. Chân ruộng Gò mả ngựa ở đó. Đây là chân ruộng xấu nhất cánh đồng, đất cằn bạc phếch bạc phơ, thỉnh thoảng lại có đá ngầm. Tôi cày một mạch đến trưa, thấy đứng bóng thì tháo trâu về. Mẹ tôi bảo: “Chương ơi, ông Nhiều dặn đá ong nhà mình tháng này thiếu tám chục viên, hôm trước bố con mới nộp hơn bốn trăm viên”. Tôi vác thùng đi lên đồi Sậy. Đá ong đồi Sậy thường chỉ đào được sáu lớp thì hết một vĩa, đến lớp đất thịt. Đá ong chỉ đào được những hôm nắng. Hôm mưa thì bùn nhão nhoét, đồ càn cách, đá bở. Thường một buổi chiều cật lực, tôi đào được hai chục viên. Ông Nhiều đi qua khen: “Có nghề lắm. Ngày xưa tao đào có lần xấn mẹ phải ngón chân cái”. Ông chìa bàn chân đi dếp cao su cho tôi nhìn thấy ngón chân bị cụt. Chân của ông Nhiều là chân Giao Chỉ, ngón cái không thẳng mà tõe hẳn ra. Chân này chắc chẳng giày nào vừa được. Buổi tối, tôi ngồi lột nan. Giang mua của cánh lái bè, về cạo ra, chặt bỏ mấu, pha nhỏ, cho vào nồi luộc. Sau đó phải hấp diêm sinh, mang đi phơi khô, bó lại gác lên nóc nhà. Khi làm thì ngâm vài ngày rồi lấy dao lột. Lột giang phải thật cẩn thận, lột bằng thứ dao đặt ở thợ rèn, lưỡi mỏng dính, dứt tay như chơi. Khi lột, lòng, cật để riêng, sau đó tách thành từng sợi đều đặn thuê trẻ con đan. Mỗi cuộn là hai chục mét, bán cho người có máy khâu may mũ. Mẹ tôi bảo: “Nghề này chẳng giàu được đâu nhưng mà có việc quanh năm để trẻ khỏi nghịch”. Những đứa em tôi, bốn tuổi đã biết đan rồi, tay cứ nhoay nhoáy suốt ngày, đi đâu cũng có bó nan cấp nách. Gà gáy canh ba tôi mới đi ngủ. Một ngày đầy ắp công việc. Giấc ngủ kéo đến. Hình ảnh Mẹ Cả chen vào giấc ngủ ở một khe hở nào đó rất nhỏ, không phải thường xuyên, tôi không chắc một năm đã được một lần.

Một dạo, ông Hai Thìn bấy giờ lên chức chủ nhiệm hợp tác xã bảo tôi: “Chương này, trai tráng trong làng đi bộ đội cả, mày thật thà, tao tính rút mày lên làm kế toán, nhưng mày trình độ văn hóa kém quá, thôi, mày làm ban kiểm tra với bảo vệ vậy”. Tôi hỏi: “Làm ban kiểm tra thì phải

làm gì? Làm bảo vệ thì phải làm gì?" Ông Hai Thìn bảo: "Ban kiểm tra là xem chúng tao có ăn bớt ăn xén gì không thì mách ông Phụng bí thư xã biết. Làm bảo vệ thì hợp tác xã có bãi mía đấy, quân bãi Nổi cứ đến ăn trộm, mày vác súng ra, thấy đứa nào ăn trộm thì bắn chỉ thiên cho chúng nó sợ". Tôi bảo: "Ban kiểm tra cháu chẳng làm đâu, hay gì chuyện mách lẻo. Cháu làm bảo vệ".

Bãi mía ven sông rộng vài chục mẫu, gác cũng khó. Tôi làm một cái chòi, lên đấy nằm đọc truyện. Đọc chẳng vào. Tôi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Có lần mơ thấy đi cày, cày hết chân ruộng Gò mã nguyệt thì đến thị xã, cứ cày mãi, dân thị xã phải dắt nhau chạy. Có lần mơ thấy đào đá ong, xắn phải ngón chân cái, một lúc sau ngón chân lại tự mọc ra, lại xắn phải lần nữa, cứ thế vài chục lần, lần nào cũng đau lắm. Lại có lần mơ thấy lột gang, dao cứa đứt cả năm ngón tay, khi ăn cơm phải vục mặt xuống như chó. Đại để giấc mơ của tôi là thế, toàn những việc làm hàng ngày, chẳng ra gì cả. Đây là vì tôi nghèo tưởng tượng, sau này khôn lớn tôi mới hiểu ra, chứ lúc ấy, mười sáu tuổi, tôi có biết gì.

Một buổi, trăng rất sáng, tôi nhớ đàn ấy vào dịp tháng Bảy, tôi đi gác quanh bãi mía. ánh trăng soi rõ mồn một, trông thấy cả những rễ mía trông hơi giống đầu rễ si đâm tua tủa ở các đốt cây. Rặng mía hắt bóng thẫm đen chạy dài trên mặt cát đã bị gió làm cho khô se đi nên rất mịn. Thỉnh thoảng, gió đùa rào rào trong bãi mía nghe lạnh cả người. Tôi nghe thấy tiếng mía đổ, chạy ra, thấy mía nằm ngổn ngang trên cát, trông xót lắm. Tôi điên người, bắn một phát súng chỉ thiên. Năm, sáu đứa trẻ con trần truồng chạy ào ra. Một đứa con gái chừng mười hai tuổi có vẻ như tên cầm đầu còn kéo theo cả một cây mía chạy. Tôi gào lên: "Đứng lại!" Bọn chúng hoảng hốt lao xuống nước, cuống cuống bơi về phía bãi Nổi.

Tôi vút súng, cởi quần áo, cũng nhảy xuống sông. Tôi quyết bắt cho được một đứa. Bắt được một đứa sẽ truy cả bọn, công an vẫn thường làm thế.

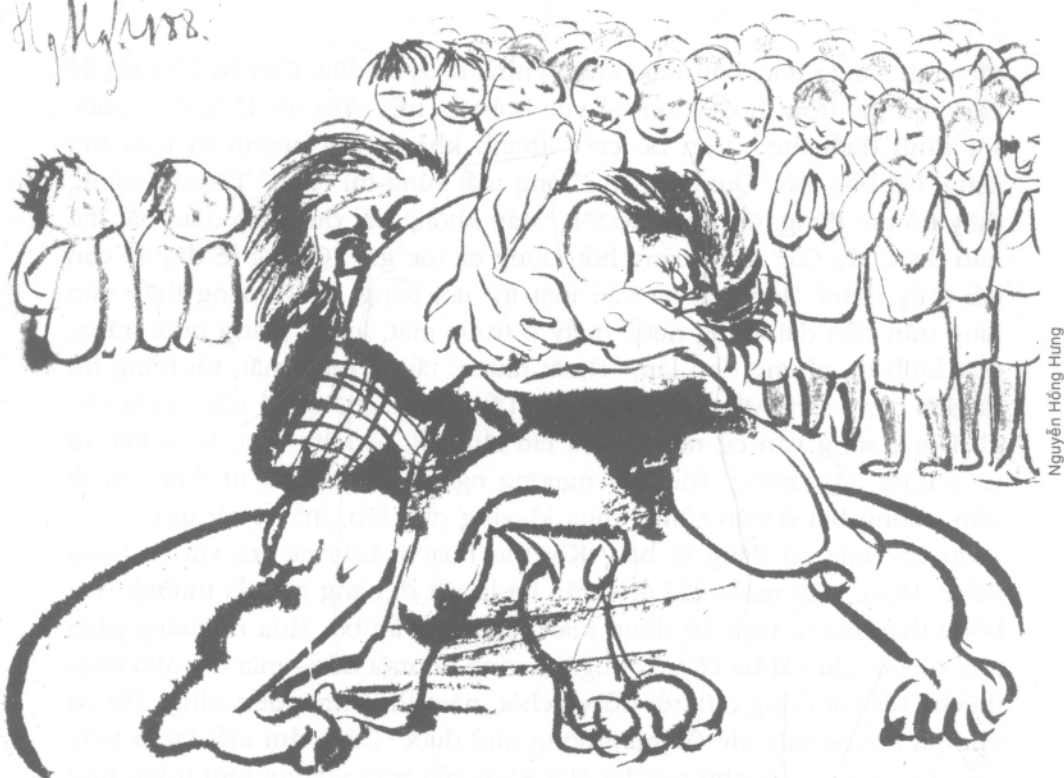
Đứa con gái kéo cây mía bơi tách ra, đập nước loạn xạ, có vẻ như không biết bơi, lại bơi ngược dòng nên rất chậm. Tôi bơi đuổi theo. Nó quay lại nhìn tôi, lè lưỡi ra, rất tinh nghịch. Tôi bơi chặn đầu, con bé té nước vào mặt tôi. Tôi lặn xuống nước, ước lượng khoảng cách để tóm chân nó. Con bé vùng thoát được. Cứ thế mãi. Con bé bơi ở phía trước, lúc nào cũng giữ khoảng cách không xa với tôi. Tôi gần nửa tiếng đồng hồ trôi qua mà tôi không bắt được nó. Tôi bỗng hiểu ra đối thủ của tôi

rất sành sông nước, bắt được không phải chuyện đùa. Con bé lồm tồm để cho bọn kia trốn thoát. Con bé vừa bơi vừa trêu. Tôi tức lắm, đập nước sải cánh đuổi theo. Con bé cười khanh khách, bơi nhanh ra giữa tim sông. Nó bảo tôi: "Quay về đi, không mất súng thì chết!" Tôi giật mình, thấy nó nói đúng. Con bé bảo tôi: "Mày không bắt được tao đâu, bắt thế nào được Mẹ Cả!" Tôi hoảng hốt, dựng cả tóc gáy. Chẳng lẽ đây là con gái thủy thần? Nước tạt cả vào mặt tôi ướt sũng. Tôi thoáng thấy tấm lưng trần dềo dai loáng nước quấy ở trước mặt, loang loáng dưới trăng, thật kinh dị, nhưng đẹp lắm. Thoát nhiên, tất cả biến mất, tôi bỗng trơ ra giữa dòng sông vắng mênh mông. Tất cả như chẳng hề xảy ra chuyện gì. Dòng sông vẫn cứ như thế từ lâu lắm rồi, từ hôm qua, hôm kia, từ năm trăm năm trước. Tôi thấy ngượng ngùng. Nửa đêm, tự dừng lại đi trần truồng bơi ở trên sông, khua khoáng rầm lên, mà vì cái gì cơ chứ! Dầm cây mía có đáng là bao? Khi thu hoạch, hợp tác xã vớt đi hàng đống. Hoặc mùa nước, chỉ một trận lụt là vớt đi hàng mẩu là thường. Tôi bỗng thấy buồn, mặc kệ dòng nước đẩy dạt vào bờ. Hóa ra chẳng phải mất nhiều, chỉ vài ba cây. Tôi ngồi xuống bẻ một dóng mía ăn. Mía nhạt thêch. Tôi vứt dóng mía rồi trở về chòi, nằm thao thức đến sáng. Tôi cố nhớ lại khuôn mặt Mẹ Cả mà không nhớ được. Cứ nhắm mắt lại là thấy toàn mặt quen, tựa như mặt bà Hai Khởi vừa tròn vừa to, mũi trông như vỏ cam sần, hoặc như mặt chị Vĩnh, dài, mà tai tái như dãi trâu, như mặt cô Hỷ, đỏ như tôm luộc, mặt anh Dư, xương hàm bạnh ra như mặt ngựa. Chẳng có khuôn mặt nào đáng là mặt người. Mặt nào trông cũng thú vật, đầy nhục cảm, không đều cái, đối trá thì cũng nhăn nhúm đau khổ. Tôi tìm một mảnh gương vỡ soi thử mặt mình. Mảnh gương bé quá, không rõ hết mặt. Chỉ thấy trong gương một đôi mắt dờ dại nhìn mình như mắt tượng gỗ trên chùa.

Cuối năm ấy, tôi rút khỏi chân bảo vệ, chuyển sang đội thủy lợi. "Nhất thổ, nhì mộc", công việc xăn mai bốc đất vất vả nhưng tôi sức trẻ nên cứ phăng phăng. Bẵng đi ba năm, hơn nghìn ngày. Kể đất tôi vác có khi đắp được một trái núi con. Thế nhưng quê tôi nào đâu có núi non gì, chỉ bằng phẳng những cánh đồng cằn, những con mương chạy ngang dọc khắp chốn cùng nơi mà đất vẫn khô nẻ.

Năm 1975, đây là một năm đáng để quan sát ghi nhớ. Quê tôi mở hội rất to. Thi bơi chải trên sông, thi vật, đội văn công ĩnh về biểu diễn. Các đô vật ở Đoàn Hạ thắng đậm các đô vật khác trong vùng. Dân bãi Nổi táo tợn là thế, cử ra bốn đô vật đều bị loại từ vòng đầu. Hạ được bãi Nổi, Đoàn Hạ được thể. Đô Thi thúc trống hỏi to: "Không có ai vào xới

HgHg.1988.



Nguyễn Hồng Hùng

Khá lắm! Du côn lắm...

thì tôi lấy giải về cho Đoàn Hạ đây này". Trai làng tôi tức lắm, xui tôi vào xối. Thú thực, tôi không thạo vật, nhưng tôi có sức. Tay tôi đã bám vào đầu thì thật như kim, nội công ngoại lực gì tôi không biết, nhưng tôi đã bóp, gạch cũng nát vụn.

Tôi cởi quần áo, mặc độc cái quần đùi nâu. Mọi người cười ồ. Người ta giải thích dài dòng rắc rối, đại để tôi muốn giật giải phải vật với những năm người. Trai làng tôi không chịu, cãi nhau om lên, cuối cùng đi đến thỏa thuận là tôi phải vật thắng hai người khác mới được vật đô Thi là người đang nhiều điểm nhất.

Đô Tiến vào xối. Tôi xông vào ngay. Đô Tiến cũng khỏe, khoèo chân tôi. Những hơn nghìn ngày lội bùn vác đất nên chân tôi chắc lắm, cắm xuống như cọc. Đô Tiến xoay ngang xoay dọc mà tôi vẫn đứng trơ trơ. Hai tay tôi tóm được hai bả vai đô Tiến, cứ thế bóp. Độ ba phút thì đô Tiến đỡ ra, mặt tái nhợt, cứ thế quy xuống. Trọng tài tuyên bố tôi thắng cuộc.

Đến lượt đồ Nhiêu. Đồ Nhiêu bé nhỏ, nhanh nhẹn. Hắn nhảy như con chơi chơi, luồn lách rất khéo. Chỉ sau vài miếng, tôi biết đồ Nhiêu lập kế lừa tôi, hắn chỉ chờ tôi đứng lệch trọng tâm là phục xuống béc, dùng vai gồng ngà. Biết thế, tôi bèn đứng né chân chèo, người hơi ngả ra. Đồ Nhiêu cúi xuống, luồn đầu vào hai chân tôi, định hất lên, thế vô rất ác. Tôi đổi chân, khép gối lại, dùng hết lực túm hai mạng sườn, bóp mạnh. Đồ Nhiêu oằn oại như con rắn lớn. Một lúc thấy không quấy được nữa, tôi mới đặt hắn ngửa ra, vỗ mạnh vào rốn. Tiếng reo như sấm. Có ai nhét vào tay tôi một đoạn mía ngắn đã tiện róc rỏi. Mọi người xúm xít, lấy áo phẩy vào mặt tôi giống như kiểu người ta săn sóc võ sĩ quyền Anh.

Trống lại nổi lên. Đồ Thi to con, hai mắt như mắt lợn luộc. Hắn đạo một đường quyền ngắn trông rất đẹp mắt. Nhiều tiếng xuýt xoa. Tôi cứ lừ lừ đi vào. Đồ Thi đứng trước mặt tôi gườm gườm: “Muốn sống, chịu thua ngay đi, con ạ!” Tôi bảo: “Dễ thế!” Đồ Thi chửi: “Mẹ mày! Giữ lấy cái mũi! Ông sẽ cho mày sặc tiết cho xem!” Hắn lao vào ngay, đầu gối giơ lên rất nguy hiểm.

Đến hơn mười phút, đồ Thi không vật được tôi. Hắn giở thế vỗ đánh ngầm. Hắn dùng cùi tay, đầu gối đánh tôi. Trận đấu căng thẳng. Trọng tài là người Đoàn Hạ, đáng lẽ bắt lỗi nhưng cứ lơ đi. Tôi tức lắm, vừa đỡ vừa hỏi: “Vật nhau hay là đánh nhau thế này?”. Đồ Thi bảo: “Mẹ mày! Ông đánh cho mày chết mẹ mày đi!” Trống thúc dồn dập, mọi người reo hò nhưng không có ai đứng ra ngăn cản. Rất nhiều tiếng gào, khuyến khích đồ Thi: “Đánh đi, đánh cho chết mẹ nó đi!”. Một nỗi căm giận trào lên trong tôi. Tôi thấy mắt tôi hoa lên, tai tôi ù đi, máu trào mẩn mẩn trên môi. Đồ Thi nhảy đá song phi, tôi tránh được, thuận tay bắt được cổ chân. Đồ Thi giằng ra, nhưng hai tay tôi như hai kìm sắt. Đồ Thi lăn lộn trên sàn. Tiếng gào: “Thua rồi, thua rồi” ầm ĩ cả lên. Trọng tài bảo tôi vật không đúng luật. Tôi chẳng nói chẳng rằng, gạt ông ta ra, cứ thế đi đến bàn ôm bọc giải thưởng đi xuống. Có ai vỗ vào vai tôi: “Khá lắm! Du côn lắm!”. Tôi không hiểu nghĩa hai chữ du côn, chắc nó tỏ ý khen ngợi.

Ra khỏi xối vật, tôi rẽ vào hàng mua cho các em gói kẹo, cho mẹ chiếc lược rồi đi tắt đồng, qua bãi về nhà. Đến sông thì chấp choạng tới. Ở khúc quặt bồng có tốp người hùng hổ xông ra, đi đầu là đồ Thi, đồ Nhiêu, đồ Tiến. Đồ Thi bảo: “Muốn sống đứng lại!” Tôi hỏi: “Cướp đường à?” Bọn kia không nói năng gì xông vào đánh ngay. Tôi đánh trả lại cũng ác, nhưng thân cô thế núng, lát sau tôi ngất lịm đi. Khi tỉnh lại, tôi thấy mình nằm trên ổ rơm, người đau ê ẩm. Mẹ tôi hỏi: “Con có đau không?”

Tôi gật đầu. Mẹ tôi khóc: “Chương ơi, con ra tranh hơn thiên hạ làm gì? Mang thân mua vui cho người có nhục không con?”. Tôi âm thầm khóc, thấy mẹ tôi nói phải. Mẹ tôi bảo: “Hứa với mẹ đi, đừng bao giờ thế!”. Tôi thương mẹ tôi nên hứa, nhưng nghĩ lần sau đi đâu phải dắt theo dao. Tôi hỏi mẹ tôi: “Ai cứu con?”. Mẹ tôi mỉm cười: “Mẹ Cả cứu”. Tôi định hỏi thêm, nhưng mẹ tôi đã ra ngoài, đi sao lá cúc tần sắc cho tôi uống.

Tôi hồi phục sức khỏe rất nhanh, chủ yếu do trẻ trung, chẳng phải do thuốc. Thuốc có gì đâu, chỉ có lá cúc tần sao khô vừa bóp vừa uống. Khi đi lại được, ý nghĩ đầu tiên của tôi là vác dao tìm đến đô Thi. Thế nhưng hợp tác xã cử tôi đi học một lớp nghiệp vụ kế hoạch ở trên thị xã, giấy báo tập trung gấp quá, tôi đành bỏ dở ý định trả thù.

Lớp học chúng tôi có ba mươi người, học trong sáu tháng. Chúng tôi được học các môn chủ nghĩa xã hội khoa học, lịch sử, chính trị kinh tế học, các nghiệp vụ quản lý kế toán. Lần đầu tiên, tôi biết những danh từ, khái niệm, thuật ngữ rất lạ. Tôi háo hức vô cùng. Sau vài hôm tôi đau đớn nhận ra tôi không học được. Chữ nghĩa cứ chuội đi, tôi không làm sao phân biệt được các nguyên tắc nhờ thu nhận trả, các tài khoản, các biểu thống kê, cũng như không hiểu nổi khái niệm duy tâm, duy vật. Phép biện chứng, theo tôi là sự tiến lên, bất chấp khó khăn, đại để giống như giấc mơ của tôi cày Gò mả nguy. Quy luật phủ nhận, tôi nghĩ nó giống như trận đòn thù đề tiện của bọn đô Thi, tôi căm ghét nó. Nó thành quy luật thì phải trả thù, phải nện đau hơn nó đã nện mình. Tôi học lịch sử, hoàn toàn lẫn lộn về cách phân kỳ. Các thầy cô giáo rất ức, bảo tôi không có khả năng học tập.

Cả lớp không ai thích tôi. Tôi làm mất điểm thi đua. Tôi lố bịch nữa. Cả lớp không ai ăn mặc như tôi. Họ mặc lối thị xã cả, đẹp thật, tôi cũng rất thích nhưng vì không tiền phải chịu. Tôi mặc quần nâu áo xanh trứng sáo. Còn ăn, mọi người ăn chung, tôi nấu ăn riêng. Ăn chung có mức, tôi ăn tám, chín bát cơm một bữa, ngày ba bữa, mức nào chịu được.

Ở trong lớp, tôi ngồi một xó, tha hồ ngủ gật. Các thầy cô giáo chán nản, thôi hành hạ tôi, bài kiểm tra nào cũng cho điểm năm là điểm trung bình.

Gần tan lớp học, trên bồng cử cô Phượng về dạy chúng tôi môn kế toán. Cô Phượng học nước ngoài về, tính vui nhộn. Cô mặc quần bò, áo phông, áo bỏ trong quần, vai đeo túi, trông giống diễn viên điện ảnh.

Trả bài kiểm tra, cô Phượng bồng hỏi: “Ai tên là Chương?”. Tôi bảo:

"Em đây". Cả lớp cười ồ, vì cô Phượng trẻ, chỉ bằng tuổi tôi. Cô Phượng nín cười, bảo: "Tôi không hiểu nổi bài viết của anh. Đường lối kế toán của anh đặc biệt bí hiểm". Cả lớp lại cười. Cô Phượng bảo: "Hết giờ mời anh gặp tôi. Tôi sẽ giảng lại cho anh về các quy luật kinh tế".

Hết giờ buổi chiều, tôi tìm cô Phượng. Người ta bảo cô vừa phóng xe máy ra sông. Tôi buồn rầu, khoác cái xác cốt để sách vở, tiền nong, giấy tờ, bỏ đi lang thang.

Loanh quanh thế nào, tôi vòng ra phía bờ sông, bỗng thấy cô Phượng đang ngồi một mình, bên cạnh có chiếc xe máy. Quang cảnh giống hệt quê tôi, phía trước là sông, phía sau bãi mía.

Tôi đến gần, thấy cô Phượng khóc, hai tay ôm mặt, bả vai rung rung. Tôi ấp úng chào. Cô Phượng giật mình, ngẩng lên thấy tôi, bèn giận dữ nói: "Cút đi, cái lũ đàn ông khốn kiếp các anh!" Tôi kinh hoàng ngơ ngác, chôn chân tại chỗ. Cô Phượng cầm dép ném vào mặt tôi. Dép cao gót, có đinh, tôi tránh không kịp, mặt bị chảy máu. Máu chảy nhiều quá, tôi ngồi thụp xuống, hoa cả mắt. Cô Phượng chạy lại, quỳ xuống gỡ hai tay tôi, lột hoảng: "Anh có sao không? Trời ơi, sao tôi rồ dại thế này!"

Tôi xuống sông, vĩa nước rửa vết đau. Cô Phượng cứ loay hoay bên tôi, rớt rít xin lỗi. Tôi cho cô Phượng xem những vết sẹo trên vai, trên tay mà bọn đồ Thi đánh tôi. Tôi bảo: "Không sao cô ạ. Vết thương như thế có gì". Cô Phượng bảo: "Tôi xin lỗi anh. Tôi gặp chuyện buồn phiền quá. Tôi không kìm chế được mình".

Cô Phượng lấy bánh mỳ, lấy chuối ép tôi ăn. Cô Phượng nói: "Anh tha thứ cho. Tôi yêu, tôi bị phản bội. Tôi không chịu nổi. Nếu anh có yêu, anh mới hiểu". Tôi bảo: "Tôi chưa yêu. Nhưng tôi nghĩ nếu ai phản bội tình yêu thì xấu xa lắm". Cô Phượng cười đau đớn: "Anh chẳng hiểu gì, kẻ phản bội cũng là người tốt, có điều người ta không dám hy sinh".

Cô Phượng ngồi, tay bó gối, trông vừa bé nhỏ, vừa buồn, lại đẹp nữa. Trong tôi trào lên cảm giác thương xót, tựa như thương xót chính em gái tôi.

Cô Phượng bảo: "Tôi đã không đúng. Người ta không dám hy sinh vì tôi là phải. Tôi là đứa con gái xấu xí, phải không nào?" Tôi lắc đầu, tôi nghĩ người nào được yêu cô Phượng thật hạnh phúc. Tôi bảo cô: "Không phải đâu. Cô đẹp lắm". Cô Phượng cười. Cô cầm cái xác cốt của tôi, đập đập: "Anh đừng cái gì ở trong này thế?" Tôi ngượng ngập bảo: "Có sách vở, tiền nong, chứng minh thư, thẻ Đoàn". Cô Phượng bảo: "Anh Chương này, nếu anh yêu, anh có dám hy sinh vì người yêu không?". Tôi bối rối

không biết trả lời ra sao. Cô Phượng bảo: “Thế này nhé: nếu tôi yêu anh, anh có dám vớt cái túi này xuống dưới sông không?”. Tôi gật đầu. Cô Phượng bảo: “Anh vớt đi”. Tôi đứng lên, cầm cái xác cốt quẳng ra giữa sông. Cái xác cốt chìm ngấm. Cô Phượng ngạc nhiên, mặt tái đi: “Anh có dám phá tan cái hàng rào kia hay không?”. Tôi lẳng lặng đến hàng rào bao quanh bãi mía, co đứt dây thép gai, nhổ các cọc sắt, uốn cong lại, vớt dưới chân cô.

Cô Phượng bảo: “Anh lại đây”. Cô ôm cổ tôi, hôn lên môi. Tôi đỡ đỡ. Cô Phượng bảo tôi, cô rất sung sướng: “Anh biết không, thế mà tôi đã buồn phiền vì một tên đàn ông ích kỷ. Thật chẳng ra sao!”. Cô Phượng lên xe máy phóng đi, quay lại bảo tôi: “Anh hãy quên những quy luật kinh tế chết tiệt ấy đi”.

Tôi sống sót. Cái hôn bất ngờ làm tôi ngây ngất. Tôi thấy sung sướng. Cứ thế tôi lội xuống sông, bơi sang bên kia rồi lại bơi về. Trăng rất sáng, tôi thấy cuộc đời thật đẹp tuyệt vời.

Sau hôm ấy, hai hôm sau giải tán lớp học. Cô Phượng không đến, nghe nói có việc phải đi Hà Nội. Tôi buồn rầu thu dọn đồ đạc, chào mọi người rồi đi về làng.

Tôi về làng, được cử làm kế toán trưởng. Được một tháng, ông Hai Thìn bảo: “Mày học hoài cơm”. Người ta cách chức tôi, tôi cũng chẳng lấy thế làm buồn. Tôi trở lại công việc bình thường, công việc của mười năm trước: sáng đi cày, chiều đào đá ong, tối lột gang đan mũ. Công việc nặng nề, nhưng tôi khôn người nhớ về cô Phượng.

Một lần, tôi kiếm cỏ lên thị xã, rẽ vào trường cũ để thăm cô Phượng. Ở đây chẳng còn ai nhận ra tôi. Ông trưởng trực hỏi: “Cậu hỏi Phượng nào? Trường có nhiều Phượng lắm: Trần Thị Phượng. Quách Thị Phượng, Lê Thị Phượng. Có cô cũng trạc tuổi cậu, cô ấy đi khỏi trường rồi. Cô ấy ngày xưa ở nhà tu kín, tên thánh là Gianna Đoàn Thị Phượng”. Tôi giật mình, sống sờ sờ nhớ đến giai thoại ngày xưa kể về Mẹ Cả.

Ông trưởng trực không biết gì thêm. Đang nghỉ hè, sân trường vắng ngắt. Tôi lang thang ở trong thị xã, không biết hỏi ai. Cuối cùng tôi nảy ý định vào nhà tu kín.

Bà Nhất tiếp tôi. Bà đã luống tuổi, có đôi mắt hết sức u sầu. Bà Nhất bảo: “Gianna Đoàn Thị Phượng ở nhà tu này từ sáu đến mười hai tuổi. Cha mẹ cô ta nhờ tôi nuôi dạy”. Tôi ngạc nhiên: “Sao bảo Gianna Đoàn Thị Phượng là Mẹ Cả, là con gái thủy thần?” Bà Nhất bảo: “Cha mẹ



Mượn màu son phấn ra đi...

Gianna Đoàn Thị Phượng ngoài Hà Nội. Cô ấy là con riêng ông Đoàn Hữu Ngọc, buôn nước mắm". Tôi thần thờ buồn bã ra về. Bà Nhất bảo: "Tôi không biết Mẹ Cả của anh, còn Gianna Đoàn Thị Phượng là con của Chúa. Ông Đoàn Hữu Ngọc gửi con vào trong nhà Chúa như gửi con vào nhà trẻ, nhưng Chúa không giận. Chúa tha thứ, Chúa vốn nhân từ".

Đêm ấy, tôi ngồi ngoài hè tường nhà tu kín. Đường phố thị xã xe chạy ầm ầm tôi không ngủ được. Sáng sớm hôm sau, tôi xuôi đường đê tìm về đền Tía.

Đền Tía ngay sông, chênh vênh trên một kè đá xây cất công phu. Ông từ giữ đền Tía tên Kiệm, làm nghề đánh cá, trạc sáu mươi tuổi, ở ngay trong đền. Tôi vào trong đền, thấy cá phơi đầy sân, gác cả trên hai thanh cột quá giang. Ông Kiệm cho tôi nhắm rượu cá nướng. Ông Kiệm bảo: "Tôi giữ đền này hơn bốn mươi năm, ở một mình, nuôi mỗi con rùa làm bạn". Ông chỉ cho tôi con rùa buộc dây nằm dưới gầm giường. Tôi hỏi ông về Mẹ Cả. Ông Kiệm bảo: "Tôi không biết. Nhưng trận bão ấy

thì nhớ, sét đánh cụt ngọn cây muôm ở trên bãi Nổi, cậu phải về đấy hỏi xem”.

Tôi ở chơi với ông Kiệm buổi sáng, đợi giúp chỗ mái đèn đốt. Buổi trưa, tôi chào ông Kiệm, tắt đồng đi về bãi Nổi.

Đường về bãi Nổi đi qua Đoàn Hạ, tôi hỏi thăm nhà ông Hội, nghe nói ngày xưa cha con ông được Mẹ Cả cứu. Ông Hội đã già, lẫn lộn cả. Ông Hội bảo: “Đào cát. Khoét hàm ếch. Sụt xuống. Nặng lắm, máu ộc ra...”. Hỏi gì cũng chỉ nói từng ấy tiếng. Con trai ông Hội bảo tôi: “Ông cụ có nhớ gì đâu. Tai điếc ba bốn năm rồi”. Tôi buồn rầu, chào cha con ông rồi về.

Tôi bơi qua sông, đến bãi Nổi. Cây muôm đại thụ bị sét đánh bao nhiêu năm khô xác, dưới gốc cây, bọn trẻ đốt lửa làm thành cái hốc lõm sâu đen sì. Tôi rẽ vào một túp lều cạnh lưới cạnh đấy. Tôi ngó vào, rùng mình thấy trong xó tối có một lão già nằm trên ổ rơm dưới đất. Thấy tôi, lão già hỏi: “Đồ Thi đấy à?” Lão già nhồm lên, tôi kinh hoàng thấy lão già chẳng khác gì ma quỷ, râu tóc lồm chồm, đôi mắt đục ngầu. Tôi đoán lão già bị liệt, hai chân teo lại, lông chân trông như lông lợn. Tôi chào lão già, ngạc nhiên thấy lão anh minh lạ thường, nói năng rành rọt. Một lúc sau, qua câu chuyện, tôi biết lão già là bố đồ Thi ở bên Đoàn Hạ. Lão già bị liệt mấy chục năm rồi, chỉ nằm một chỗ trông lưới.

Trò chuyện mãi, tôi hỏi lão già về chuyện Mẹ Cả. Lão già ôm bụng cười lẫn lộn, đôi chân liệt bất động trông rất đáng sợ. Tôi chưa thấy ai khủng khiếp như vậy. Lão già bảo tôi: “Mày có trông thấy cái nia rách kia không? Đôi giao long quấn nhau ở trong ấy đấy...”. Lão già lại cười. Tôi kinh hoàng sợ hãi. Lão già lại bảo: “Hồi ấy tao chưa bị liệt. Tao bịa ra chuyện Mẹ Cả. Ai cũng tin. Mẹ Cả kia kìa, mày muốn biết hình Mẹ Cả đào lên mà xem”. Lão già chỉ một nắm đất gần kề gốc muôm. Tôi lấy chiếc mai trong lều ra chỗ nắm đất, đào lên. Tôi đào theo kiểu người ta vẩn đào khi bốc mộ. Được hơn một mét, tôi lúi dưới ấy lên một khúc gỗ mục chẳng hình thù gì. Tôi ngồi rất lâu bên khúc gỗ ấy. Lão già ma quỷ cũng đã thôi cười, bây giờ chác ngủ trong lều.

Trước mặt tôi, dòng sông đang thao thiết chảy. Sông chảy ra biển. Biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển, mà tôi đã sống một nửa cuộc đời rồi đấy... Thời gian cũng thao thiết trôi. Chỉ ít năm nữa đến năm 2000...

Tôi đứng lên, đi về nhà. Ngày mai tôi đi ra biển. Ngoài biển không có thủy thần.

Truyện thứ hai

Khi chào mẹ để đi ra biển, lúc ấy nào tôi có biết rằng biển ở đâu?

Mẹ tôi bảo: "Chương ơi, thế con bỏ mẹ đi à? Bỏ các em con đi à?". Tôi không trả lời, tôi vụt ra ngõ như chạy. Tôi biết, nếu tôi dừng lại lúc này thì tôi sẽ không bao giờ đi nữa. Tôi sẽ quay lại công việc của mười năm trước; tôi sẽ cố thể cho đến hết đời: sáng đi cày, chiều đào đá ong, tối lột gang đan mũ. Tôi sẽ kéo mòn kiếp sống của tôi như thế. Như thế bố tôi, như ông Nhiều, như ông Hai Thìn, như những người dân hiền lành, lam lũ ở quê hương tôi.

Tôi đi... Tôi nhắm hướng mặt trời mọc mà đi. Tôi không mang theo một thứ đồ đạc nào cả trên người, trừ con dao sắc lẹm mà tôi cất công sang tận Đoài Hạ để thửa. Con dao này rèn từ nhíp ô tô, mũi nhọn, nước thép xanh biếc.

Ý nghĩ về Mẹ Cả, về Gianna Đoàn Thị Phượng ám ảnh tôi. Con gái thủy thần, nếu tôi tìm được thấy nàng thì tôi sẽ không hối tiếc gì về cuộc sống. Không hiểu vì sao tôi lại nghĩ rằng nàng ở đấy, ở ngoài xa kia, ở biển...

Tôi đi qua rất nhiều làng mạc, vừa đi vừa làm thuê kiếm ăn. Những làng quê mà tôi đi qua đều buồn tẻ, tiêu điều. Quanh quần chỉ từng ấy cây: cây lúa, cây ngô, cây khoai lang, vài thứ cây rau quen thuộc. Quanh quần từng ấy công việc: cày ruộng, cấy hái, vun trồng.

Sáng sáng, tôi tìm đến đứng ở đầu thôn xóm mà tôi đi qua, dưới gốc si hoặc cái quán xiêu vẹo, cũng có khi ở một chợ cóc ven đường. Có nhiều người như tôi, cả đàn ông, cả đàn bà. Họ đều là những người dân quê phiêu tán hoặc những người nghèo trong thôn xóm. Những chợ người này họp từ gà gáy... Những người thuê muốn cầm đuốc soi mặt chúng tôi, nắn chân nắn tay từng người. Họ hỏi: "Có biết làm việc này không? Làm việc kia không?". Họ và chúng tôi thỏa thuận giá cả, thường công lao động một ngày rất thấp, nếu làm thợ đấu thì quy ra thóc chỉ độ hai cân rưỡi đến ba cân một ngày, thợ cấy ít hơn: chỉ độ một cân hai đến một cân tám. Tôi hay nhận những việc ngoài đồng: cấy, gặt, gieo mạ, bón phân. Tôi không thích nhận việc trong nhà. Ở ngoài đồng không khí thoáng đãng hơn, trên đầu tôi là bầu trời tự do, tôi không vướng những mối liên hệ nào đấy đối với con người. Những người thuê muốn tôi cũng chẳng giàu có gì, họ cũng phải làm quần quật, đôi khi họ phải nhịn ăn để dành trả công cho thợ.

Không khí u uất, tù đọng của làng quê làm tôi tái tê cảm giác chua xót. Mọi người rối rít, cuống cuống để kiếm miếng ăn. Những định kiến, tập tục thật nặng nề. Tôi đã thấy tinh thần gia trưởng hủy hoại bao nhiêu số phận con người. Tôi cũng thấy những ngộ nhận giới tính và đạo đức giết chết vẻ diễm lệ trên các khuôn mặt thiếu nữ. Rất ít thanh niên. Ngoài đồng chỉ thấy có các ông bà già, phụ nữ và trẻ em thất học làm việc.

Sang tháng Ba, công việc đồng áng vãn bớt, tôi không có việc làm thường xuyên. Có nhiều ngày tôi phải nhịn đói. Tôi đi trong đám sương mù bàng bạc dọc bờ đê. Những hạt bụi nước li ti giăng ở trước mặt, ở bên phải, ở bên trái, ở sau lưng. Gió hun hút thổi. "Cái đói cái rét bằng nhau". Người xưa nói thật chẳng ngoa chút nào. Một lần tôi nhìn thấy có ông lão ăn mày chết đói ở bên vệ đê. Một nỗi lo sợ mơ hồ thoáng dậy trong tôi. Tôi bắt đầu nghĩ tới cái chết, điều này trước đây chưa bao giờ tôi nghĩ đến. Đói. Rét. Nỗi cô đơn như gió quất vào mặt. Lòng tôi cồn cào, đau đáu một nỗi khác khoải hướng về Mẹ Cả, con gái thủy thần. Nàng là ai? Nàng xấu hay đẹp? Nàng ở đâu, góc biển chân trời nào?

Tôi bắt đầu hình dung thấy nàng. Nàng hiện ra rục rờ. Những đường nét trên khuôn mặt nàng rõ ràng, đôi lông mày thanh tú, quả cảm. Thoạt nhìn, nàng thậm chí đen đúa và lạnh cảm. Nàng không đẹp. Chúng tôi muốn có nhau, lại không muốn phụ thuộc vào nhau. Tôi ý thức rằng, để có nàng, tôi buộc phải sống kiếp sống của kẻ khổ sai lưu đầy, tôi buộc phải vất kiệt tôi đến chết. Tâm hồn nàng ăn uống thú thức ăn thật man rợ: đây là từng miếng sống tươi rói của cuộc đời tôi. Tôi hình dung nàng xé xác tôi bằng bàn tay thon nhỏ, móng sắc. Nàng nhai từng miếng thịt và lè đầu lưỡi nhón hoắt liếm những giọt máu ứa ra.

Những ý nghĩ trên không phải đến ngay với tôi khi ấy, khi tôi đói khát lang thang trên đường mà mãi sau này tôi mới hiểu ra. Thời tôi đang kể là thời tôi còn mù mịt, đầy những thành kiến ngộ nhận. Tôi là một thanh niên nông dân ngu độn, trong lòng đầy những tình cảm thương người vụn vặt, vừa duy tâm, vừa siêu hình, lại tầm thường nữa. Tôi chưa biết khinh rẻ bản thân, cũng chưa biết khinh rẻ học vấn. Tôi chưa biết cách thương mình. Những vấn vương của tôi về mái nhà, về tình cảm xóm làng bao bọc dưới những sắc màu làng mạn huyền thoại cũng là một thứ văn hóa thấp kém, có sức trì kéo. Tôi chưa giác ngộ về lẽ tồn tại cá nhân, cũng như của cả bấy người.

Cuối tháng Bảy, tôi nhận đóng gạch cho một bà cụ người Sơn Tây. Bà cụ 80 tuổi, có người con trai đi bộ đội đóng quân ở Campuchia. Bà cụ

có người con gái năm nay 42 tuổi, lấy chồng ở tận làng xa, tên là Thời, thỉnh thoảng mới về thăm mẹ được một buổi chiều, sắp ngửa dọn dẹp chốc lát rồi lại ra đi. Bà cụ ở một mình giữa khu vườn hoang rộng hơn sào đất. Ngôi nhà lợp rạ, vách trát dứng, giỏi lắm trụ được qua hai mùa mưa là đổ. Người con trai làm đại đội trưởng công binh, tên là Thế, chưa có vợ. Bà cụ cho tôi xem những bức thư anh viết ở Công Pông Xom, chữ rất thoắt, lời lẽ rõ ràng là của người con có hiếu:

“U ơi, xin u nương nhẹ thân mình, dúi chỉ để cho con đỡ khổ. Con xin bừa sang năm con sẽ về phép, con sẽ làm nhà, lấy vợ. U cứ giám cho con một cô ở làng, mặt rỗ cũng được, góa chồng cũng được, miễn là người ta yêu thương mình. Chỉ mười ngày phép là xong mọi việc, u sẽ mất lòng mát dạ ở nơi tuổi vàng. Còn con, con khỏe lắm, được mọi người yêu mến. Con luôn nhớ về u, nỗi nhớ như gai đâm ruột...”

Tôi đào đất, đóng gạch ở ngay trong vườn. Công đóng một viên gạch mộc là năm hào, bà cụ nấu cơm ba bữa cho tôi ăn, trừ tiền gạo với tiền thức ăn, công thực tế chỉ còn ba hào rưỡi. Bà cụ bảo: “Tôi chỉ mong đốt cho nó sáu vạn gạch. Nó xây nhà hết bốn vạn, còn hai vạn thì xây cái bếp. Chú tính, nếu tôi thuê chú cả vào lò, cả ra lò, chú có làm xong trước tiết Đông chí không?” Tôi bảo: “Được”. Bà cụ bảo: “Tôi vụng tính quá. Sao tôi lại đi thuê đóng gạch vào mùa mưa. Thế có khổ không? Trước tôi cứ nấn ná. Tại con mẹ Thời cả, tôi đã bảo nó bán cho tôi đôi hoa tai, nó cứ nói dối không bán được. Cũng may gặp chú, chú thương tôi, làm thuê mà như làm cho nhà mình. Cũng là cái số của tôi, để phúc lại được cho con...”. Tôi cay xè cả mắt, tôi muốn gào lên cho thấu trời xanh. Tôi muốn làm cho dứt hợp đồng để lại lên đường. Khốn nỗi trời cứ mưa tầm tã, đóng được vài trăm viên gạch lại phải khuôn vác che chắn. Tôi đói. Tôi không có việc nào khác. Tôi bắt buộc phải nhận công việc chết rấp này, công việc có cơ khiến tôi trắng tay.

Tôi sẽ không kể lại công việc tôi làm ra sao. Bà cụ dậy từ gà gáy, đi bòn những lá rau khoai lang, rau dền, rau mần cọng trong vườn để nấu canh mắm cua. Thức ăn mặn thường là tép rang, muối vừng, cua đậm. Cơm nấu trong cái nồi đất. Bà cụ nấu cơm khéo, cơm dẻo, không bao giờ nát, cháy cơm mềm chứ không khô, không lại gạo. Tất cả tâm lực bà cụ hướng về sáu vạn viên gạch. Tôi cũng ước ao tâm lực của tôi hướng về một thứ vật chất cụ thể như thế. Nếu như thế được, mà nếu được thế...

Sang tháng Mười, tôi đã đóng xong đủ sáu vạn viên, chuẩn bị đốt một lúc hai lò gạch. Trông đóng gạch mộc chất cao mà sướng mắt. Bà

cụ nhỏ bé, gầy yếu đứng lọt thỏm trong đồng gạch tấm tức khóc. Tôi bảo: “Nếu mà đốt lò, mấy cây khế, cây chuối trong vườn đều chết hết cả đấy, cụ ạ”. Bà cụ bảo: “Chết thì chết”. Tôi bảo: “Nếu hết củi là phải dỡ nhà mà đốt đấy, cụ ạ”. Bà cụ bảo: “Thì dỡ đi chứ! Sang năm con tôi có nhà mới rồi”.

Tôi nổi lửa đốt hai lò gạch, đốt kiểu lò đã chiến, đứng trong ngày Đông chí, rét buốt ruột. Mâm cỗ đốt lò có chai rượu trắng với cái chân giò luộc chấm tương. Tôi uống hết nửa chai rượu, chửi tục một câu rồi kéo mái gianh nhen lửa. Bà cụ nằm trên chõng, đắp chiếc chăn dạ cũ. Bà cụ đang ốm. Tôi dỡ nửa cái mái nhà mới nhen được lửa. Hai lò gạch cháy bùng, đỏ rực. Nóng như thiêu. Trời rét mà tôi đánh độc một cái quần đùi, mồ hôi túa ra như tắm. Lò đốt ba ngày ba đêm. Cây cối trong vườn xém rụi hết. Đến đêm thứ ba thì bà cụ mất. Bà cụ mất rất nhẹ nhàng, không giới giăng gì. Tôi ôm xác bà cụ trên tay đi vòng quanh hai lò gạch như kẻ mộng du. Sáu vạn viên gạch, thế là bà cụ nợ tôi hai trăm mười nghìn đồng.

Sáng hôm sau, chị Thời con gái bà cụ dắt theo đàn con buộc khăn tang trắng chạy về. Chị Thời lần bên xác mẹ, lấy ra đôi hoa tai vàng trả công cho tôi. Tôi giắt đôi hoa tai vàng vào áo bỏ đi khi người ta đóng quan tài cho bà cụ. Tiếng khóc ai oán vọng sau lưng. Tôi đã mất gần nửa năm trời làm việc ở đây. Biển còn xa lắc...

Tôi gõ cửa một tiệm vàng ở thị trấn H. lúc sáng tinh mơ. Bộ dạng tôi chắc kinh khủng lắm: một nửa năm trời tôi không cắt tóc, bộ quần áo từ ngày bỏ nhà ra đi đã sờn rách cả, đồ đạc trên người có mỗi con dao nhọn lưỡi.

Tôi xòe đôi hoa tai vàng dạm bán. Chủ tiệm vàng đi chân đất, quỳ xuống lay như tể sao: “Làm gì có thứ hoa tai thế này hở cậu? Đây là thứ đồ chơi con nít bán đầy ở chợ. Mới sáng sớm dọn hàng xin cậu thương tôi...”

Tôi ngồi phệt xuống nền gạch đá hoa. Chủ tiệm vàng lấy ra các đồ nữ trang trong tủ giải thích cho tôi thế nào là vàng tây, vàng ta; thế nào là vàng bảy, vàng mười; thế nào là đồng, là bạch kim, là saphia. Tôi nghe như vịt nghe sấm. Chủ tiệm vàng dắt tôi ra quầy hàng xén bên đường, chỉ cho tôi xem những thứ hoa tai, nhẫn vàng dùng làm đồ chơi trẻ con. Đôi hoa tai bà cụ trả công cho tôi giống y hệt thứ ấy, có thể bẻ vụn ra được.

Tôi chào ông chủ tiệm vàng tốt bụng mà nhút nhát, rồi bỏ đi. Tôi

đứng ở ngã ba đường. Sương mù rất dày. Xung quanh tôi vắng ngắt. Tôi rút dao ra và quyết sẽ đâm chết người đầu tiên đi qua ở trước mặt tôi lúc này để lấy một nghìn đồng đủ ăn bát phở. Tôi đói. Tôi đói như một con hắc tinh tinh. Tôi đói như một con lợn rừng. Tôi đói như một con vật ở địa ngục. Tôi đói đã nửa năm nay. Nửa năm tôi ăn độc một thứ rau khoai lang, rau dền, rau mần cọt, toàn thứ rất dễ mất máu.

Tôi đứng một lúc lâu. Sương tan dần, một đám các cô các bà gồng gánh đi đến. Một giọng phụ nữ rất chua khúc khích cười: “Phượng ơi, có người chờ để gánh thuê cho mày đi chợ kia”. Đám người dừng trước mặt tôi. Tôi sững sờ nhận ra khuôn mặt người con gái có tên là Phượng, khuôn mặt đã ám ảnh tôi trong bao giấc mơ. Vẫn khuôn mặt ấy, những đường nét dứt khoát và quả cảm, vừa hồn nhiên vừa lãnh cảm. Cô Phượng bảo: “Này anh kia, có gánh thuê không?”. Tôi bảo: “Có!”. Cô Phượng trao gánh cho tôi. Cô Phượng bảo: “Anh gánh gạo cho tôi lên chợ, rồi tôi cho tiền mà đi cắt tóc”. Mọi người cười, họ vỗ vai, thụi vào ngực tôi. Tôi gánh gạo đi theo họ như việc phải làm. Tôi không hiểu vì sao như thế. Cô Phượng đi bên cạnh tôi, dùng đưa cái túi xách giả da màu đỏ.

Phiên chợ giáp Tết đông như trẩy hội. Cô Phượng bán loáng cái đã xong. Cô Phượng bảo tôi: “Tôi với anh đi ăn bún riêu. Đợi tôi mua ít hàng rồi anh gánh về cho tôi với nhé”. Tôi gật đầu rồi đi theo cô Phượng vào quán bún riêu. Tôi húp soạt hai lần là xong bát bún. Cô Phượng phì cười, gọi thêm một bát bún nữa. Cô Phượng hỏi tôi: “Anh đói đã mấy ngày rồi?” Tôi nói, tự dưng nước mắt ứa ra: “Tôi đói đã sáu tháng nay rồi”. Mọi người trong quán im bật, lặng lẽ nhìn tôi. Chắc chẳng ai tin lời tôi nói. Cô Phượng không nói năng gì, bỏ dở bát bún ngồi nhìn tôi ăn. Tôi ăn xong, cô Phượng lại hỏi: “Anh có ăn bánh đúc không?”. Tôi gật đầu. Cô Phượng lại gọi thêm cho tôi nữa mẹt bánh đúc. Cả đời tôi, tôi chưa bao giờ được ăn uống ngon lành thỏa thích như thế.

Tôi gánh hàng đi theo cô Phượng về nhà. Hàng toàn vôi vôi sơn, tôi không biết mua để làm gì. Nhà cô Phượng ở vùng đất bãi, giống hệt quê tôi, chỉ khác ở đây có nhà thờ đạo Thiên chúa. Cô Phượng ở với bố, một người cô mù không biết tên thật là gì, chỉ thấy mọi người gọi bà là Maria. Cô Phượng có hai em gái, một cô tên là Thủy, một cô tên là Liên. Khi đưa tôi về, cô Phượng nói với mọi người: “Tôi nhặt được ông mãnh này ở ngã ba đường. Có vẻ là dân lao động chứ không phải lưu manh giang hồ”. Bố cô Phượng hỏi: “Này anh kia, tên là gì? Có vướng trộm cắp gì không?”. Tôi bảo: “Tôi là Chương. Tôi không trộm cắp vật”. Bố



Chúa giúp tôi! Nếu không thì chẳng có Chúa.....

cô Phụng cười: “Tôi biết rồi, tướng anh là tướng người trộm cướp lớn chứ không trộm cắp vặt. Cái dái tai thế kia, cái mũi ống bương thế kia không phải là hạng tầm thường. Chán đời hay sao mà cánh bèo trôi dạt đến đây thế này?”. Tôi bảo: “Phận tôi nó thế”. Bà Maria lấy tay sờ mặt tôi, thét lên: “*Giêsuma!* Chúa ơi! Người đâu mà chẳng thấy thịt, chỉ thấy toàn đất là đất thế này?”

Tôi ở nhà cô Phụng. Người ta hứa nuôi tôi một tháng. Bố cô Phụng là trùm xứ đạo. Công việc của tôi là sơn, quét vôi lại toàn bộ nhà thờ. Công việc khó khăn nhất là phải tô sơn lại bức tượng Chúa đứng trên nóc gác chuông, bức tượng cao hai mét, tạc hình Chúa Giêsu mặc áo choàng đỏ giang hai tay ra, chân đứng trên quả cầu tròn. Đây là điểm cao nhất của nóc gác chuông, hoàn toàn không có mặt bằng để dựng dàn giáo. Muốn tô sơn lại bức tượng, tôi chỉ còn có cách buộc thùng vào người rồi chằng thùng vào thân tượng. Hợp đồng công việc của tôi không có bảo

hiếm. Bố cô Phượng bảo: “Xứ đạo chúng tôi nuôi anh ba bữa, anh chết thì chúng tôi chôn. Làm xong anh được hai trăm nghìn đồng”. Tôi nhớ đến khoản tiền công đóng gạch cho bà cụ người Sơn Tây mà cười ra nước mắt. Cô Phượng bảo tôi: “Anh nghĩ lại đi. Bức tượng làm cách đây hai trăm năm rồi, vôi vữa không khéo đã mục, leo lên đấy nhờ chết thì sao?” Tôi bảo: “Chúa giúp tôi. Nếu không thì chẳng có Chúa”.

Tôi quét vôi nhà thờ gần một tháng. Đầu tiên, tôi cạo hết lớp vôi cũ rồi phủ lên hai lớp vôi trắng. Ngoài cùng tôi quét vôi vàng. Giúp việc cho tôi là cô Thủy, cô Liên. Bố cô Phượng xem xét công việc. Ông bảo tôi: “Chú em ạ, tôi chỉ tiếc chú em là kẻ vô đạo. Nếu không, tôi có ba con gái, tôi gả cho chú cả ba”. Tôi đỏ bừng mặt. Tôi cười đau đớn. Tôi đâu phải loại chó dái đi tìm chó cái? Trái tim tôi đã thuộc về nàng, thuộc về Mẹ Cả, thuộc về con gái thủy thần...

Sau khi quét vôi xong và sơn lại toàn bộ cửa kính nhà thờ, tôi bắt tay vào việc tô tượng Chúa. Trước ngày tôi trèo lên nóc gác chuông, cô Phượng nấu cho tôi một nồi nước hương nhu bảo tôi tắm gội. Mọi người trong nhà cô Phượng đều quan tâm săn sóc đến tôi. Họ biết có thể đến ngày mai tôi không còn ở trên cõi đời này nữa. Ông trùm đạo có vẻ bồn chồn. Nửa đêm ông kéo tôi dậy, pha một ấm trà đặc mời tôi. Ông bảo: “Cậu Chương này, hay thôi đừng tô tượng nữa. Tôi cứ lo lắng thế nào”. Tôi bảo: “Bác mặc tôi. Công việc nó thế”. Ông cụ thở dài: “Ừ! Phải thế đấy. Nếu mệnh hệ nào, cậu có oán tôi không?” Tôi bảo: “Không”. Ông cụ nghĩ một lúc rồi lưỡng lự hỏi: “Cậu Chương này, cậu có muốn giới giảng gì không?” Tôi cười: “Nước ta có sáu mươi triệu người thì năm mươi tám triệu cười vào mũi lời giới giảng của tôi”. Ông cụ bảo: “Tôi hiểu. Cậu đi ngủ đi”.

Tôi đi ngủ. Quả thực tôi chẳng lo lắng gì. Kể từ ngày tôi bỏ nhà ra đi, tôi rất ít khi nghĩ ngợi về mình. Những khao khát của tôi nhắc tôi lên khỏi mặt đất. Những ý nghĩ của tôi không gắn gì với đời sống và sự tồn tại của bản thân tôi. Hôm nay tôi sống như một con vật hay một ông hoàng có gì quan trọng? Trái tim tôi đã khô héo và cần cỗi. Có lẽ vì có quá nhiều cảnh ngộ đau đớn đập vào mắt tôi. *“Những điều trông thấy mà đau đớn lòng”*. Tôi biết tất cả những thiện cảm mà cô Phượng, con gái ông trùm đạo dành cho tôi, thậm chí cả những thiện cảm của cô Thủy, cô Liên dành cho tôi nữa. Tôi biết hết. Tôi không có quyền gắn sinh mạng của tôi với họ, bởi như thế, rồi cuộc tôi cũng lại sống như ông Nhiều, như ông Hai Thìn hoặc những người dân hiền lành, lam lũ

ở quê hương tôi hay là ở xứ đạo này. Một mái nhà gianh với ba bốn trái tim vàng là hết nước. Cô Phượng tôi gặp ở lớp kế toán đạo nào hay cô Phượng con ông trùm đạo ở đây cũng chỉ là một mảnh của nàng, con gái thủy thần, người tôi ước ao gặp gỡ...

Sáng hôm sau, tôi treo lên nóc gác chuông. Tôi lấy một sợi dây thừng để buộc thòng lọng rồi tròng lên cổ Chúa Giêsu làm điểm tựa. Tôi buộc sợi dây thừng vào quanh người tôi rồi vừa đu vừa làm việc. Cả xứ đạo đứng tụm lại ở dưới gác chuông nín thở theo dõi công việc của tôi. Chỉ sơ suất, sợi thừng đứt hoặc tôi bị mất thăng bằng, tôi sẽ rơi trên cao hai mươi ba mét xuống nền sân đá.

Tôi mê mải làm việc. Không biết bao nhiêu thời gian trôi qua. Trong ống tay áo Chúa Giêsu có một tổ chim. Những con rơm của tổ chim chẳng khác những sợi vàng ròng.

Đến cuối ngày, tôi đã tở xong bức tượng. Một niềm hân hoan khiến tôi nghệt thở. Phút cuối cùng, không hiểu sao, tôi đã không kìm được ý thích ngông cuồng là được ký tên lên vầng trán thanh thần của Chúa. Lấn vào mái tóc xỏa, tôi dùng con dao nhọn lười vạch tên tôi lên đấy. Về việc này, đến sau này tôi phải trả một giá rất đắt, tôi không lường được.

Tôi đứng trên vai bức tượng mắt nhìn về xa. Mặt biển dâng trước mắt tôi, căng như sợi chỉ. Tôi nghe thấy tiếng sóng như tiếng người thở dốc. Những tia hào quang lấp lánh ở một góc biển và không hiểu sao tôi nghĩ đấy là nơi con gái thủy thần trú ẩn.

Tôi xuống sân nhà thờ trong sự hân hoan của toàn xứ đạo. Tôi thấy xây xẩm, bải hoải toàn thân. Tôi nằm xuống bậc đá, ngất đi. Tôi thấy hồn tôi nhẹ như sợi khói. Hồn tôi bay là là trên các bậc thềm nhà thờ, trên các mái gianh, mái rạ, trên các ngô nhỏ, trên các vườn chuối. Hồn tôi bay trên các cánh đồng khô nẻ... Tôi không biết mọi người đưa tôi về nhà từ khi nào nữa.

Nghỉ ngơi dăm hôm, tôi lại lên đường. Tôi mặc bộ quần áo nâu nhuộm vỏ, giắt bên lưng con dao nhọn lười. Cả nhà cô Phượng lưu luyến tiễn đưa tôi. Ông trùm xứ đạo, bà Maria, cô Thủy, cô Liên tiễn đưa tôi đến cuối vườn chuối thì dừng lại. Bà Maria quàng vào cổ tôi sợi dây đeo thánh giá rồi làm dấu trên ngực tôi. Cô Phượng đưa tiễn tôi thêm một quãng ngắn nữa. Cô Phượng bảo tôi: "Anh Chương này, thế anh đi thật à?". Tôi gật đầu, tôi bảo: "Thôi em về đi. Em nhớ cầu nguyện cho anh".

Cô Phượng gục đầu vào ngực tôi nức nở: “Thôi anh đi đi, chân cứng đá mềm. Em chẳng giữ được... Xin anh nương nhẹ thân mình, dầu chỉ để cho em đỡ khổ”.

Tôi vùng bỏ đi như chạy. Trước mặt tôi là dòng sông. Sông chảy ra biển, biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển... Thế mà tôi sống nửa cuộc đời rồi đấy. Thời gian cũng thao thiết trôi. Chỉ ít năm nữa đến năm 2000...

Tôi cứ đi... Phía trước mặt tôi còn biết bao điều bất ngờ chờ đợi. Nàng là ai? Con gái thủy thần? Nàng ở đâu? Con gái thủy thần? Là tình chi? Con gái thủy thần? Để tôi mượn màu son phấn ra đi...

1989

Truyện thứ ba

*“Giang hồ sót lại mình tôi
Quê người đáng khời, quê người cay men...”
(Nguyễn Bính)*

Kể từ ngày tôi rời xóm đạo bên sông ra đi, thoát cái thế mà đã mấy năm ròng. Không biết bao nhiêu sự việc qua đi, không biết bao nhiêu người tôi gặp gỡ, gặp gỡ rồi lại chia tay..., không biết bao nhiêu vui buồn, đắng cay cũng có, ngọt bùi... - ồ, mà sao vị ngọt bùi cũng nhạt vậy à? - mà ngọt bùi cũng có...

Tôi đã yêu, đã được yêu. Tôi cũng đã chạy trốn nhiều lần. “Chương này! Không phải thế, vẫn không phải thế”.

Tôi đã sống nhiều nơi, làm nhiều việc. Tôi cũng đã vứt bỏ nhiều lần. “Chương này! Không phải thế, vẫn không phải thế”.

Tôi nhớ khi tôi lên mười tuổi, lúc ấy chuyện về Mẹ Cả đang ồn cả lên, sáng sớm tôi hay đi dọc bãi cát bên sông, thăm ao ước trông thấy hình ảnh siêu phàm. Sương mù giăng giăng trên mặt sông. Khi nắng lên, sương tan ra, sương tan ra rồi bay lên như khói, như mây. Mặt sông lộ rõ, ngái ngái và thẹn thùng. Sóng vỗ bờ, đẩy xác những con phù du, những con vờ đến tận sát chân tôi. Ấy là cảm giác về lẽ thường, lẽ vô thường lần đầu tìm đến rón rén thăm dò tâm hồn tôi. Tôi không biết, tôi không hề để ý đến chúng. Tôi còn quá trẻ! Lúc ấy, sự mất mát, sự vô nghĩa, lần ý thức về thời gian biến dịch không khiến tôi phải bận lòng.

Tôi đi dọc bãi cát bên sông. Tôi nhìn thấy một hố cát lõm ngay bên mép nước. Tôi hình dung đêm qua con gái thủy thần đã nghỉ ở đây. Nàng nằm nghiêng, co người lại, đầu gối sát cằm. Nàng nói chuyện với sóng. Sóng khỏa lấp thân nàng. Nàng thủ thủ với sóng. Nàng nói: "Này sóng! Thôi đừng đùa, đừng ngốc nữa..."

Tôi đi... Thời tôi đang sống là thời khó khăn gian khổ. Chiến tranh đã qua, mọi người bắt đầu xây dựng lại cuộc sống mới. Những vết thương cũ khép dần miệng lại, lên da non. Người ta rồi rít kiếm tìm việc làm, kiếm tìm hy vọng. Làn sóng người từ nông thôn tràn ra thành phố nhiều vô kể, hợp thành một tầng lớp dân phiêu tán. Tôi đi lẫn trong đám người này, lòng thắc thỏm lo âu cho số phận mình, cũng là số phận của một số ít nông dân hoặc cùng quẩn nhất hoặc nhiều khao khát và ảo tưởng nhất. Những gì để lại đằng sau lưng kia liệu có giá trị gì không? Con sông quê hương lặng lẽ, rặng tre đầu xóm, bức tường đá ong rêu phủ, bóng mẹ liêu xiêu in trong nắng chiều. Mẹ khỉ! Tôi nôn mửa vào hoài niệm. Nó không sinh ra tiền bạc, nó chẳng may mang lại cho tôi một nụ cười nào. Ở đấy không có hy vọng.

Tôi đi... Tôi muốn xem phía trước có gì.

Tôi đi... Tôi đã khao khát tình yêu đến như thế nào, như thể người đi trong sa mạc khao khát nước! Ở đó lẫn lộn rất nhiều mơ ước xen vào: đấy là hạnh phúc, giọt nước mắt, sự ấm êm, những chân trời, chân trời và mặt biển rộng xa vời, một góc nhỏ trong vườn, một ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng... Ô, rất nhiều thứ đấy! Mẹ Cả của tôi, ảnh hình của một điều gì đó hơn cả người con gái, hơn cả người đàn bà. Nó là ảnh hình của một nửa thế giới bên trên hoặc bên dưới tôi, của thượng giới và trần gian. Con gái thủy thần! Nàng ở đâu? Nàng bận việc gì? Sao nàng không đến cùng tôi mà nàng chỉ gửi những tín sứ của nàng đến như cơn mưa kia bất chợt, như đêm trăng kia bất chợt, như tiếng sáo véo von kia bất chợt, như chiếc hôn vội vàng kia bất chợt xót xa tê tái tận đáy lòng...

Thôi thôi... Tôi đã nhục nhã, dẽ hèn đến như thế nào. Ở đâu chứ? Từ đâu chứ? Vì cái gì? Mà Chương ơi, nỗi cô đơn và sự bất lực của mi nào ai thấy được ngoài mi? Ai đã làm chi? Mà mi đã làm chi? Bởi cái tình chi?

Nào! Tôi phải nhận rằng trong khát vọng tìm kiếm cuộc sống của tôi hẳn có ẩn chứa một con quỷ dữ đã thiếp ngủ lâu rồi. Nó ích kỷ, cô đơn, bị làm nhục, nó hoài nghi đủ thứ, dè chừng đủ thứ, vụ lợi và dẽ hèn. Nó ngấm ngấm đôi chút về tôn giáo, về bản chất con người chẳng qua cũng chỉ nhằm để đối chiếu và làm sắc nhọn thêm bản lĩnh quỷ dữ của

nó mà thôi. Nó vừa ngô nghê, vừa khôn ngoan, vừa nhanh nhẹn. Nó đa nghi như Tào Tháo. Nó hiểu thời cuộc... A... Nó hiểu những cơ hội ít ỏi của mình. Nó sục sạo, tìm kiếm. Nó phản bội trái tim tôi. Nó giết chết những khát vọng mong muốn cao thượng tử tế trong tôi để duy trì cuộc sống chính nó, trong xác thân phàm tục này. Tôi đã nhiều lần bắt gặp nó trong tiềm thức mơ hồ của tôi. Khi tôi phải che mặt, phải ê chề, khi tôi chạy trốn, nhục nhã, tủi hổ... nó ngồi trong góc tâm hồn và khe khẽ hát bài ca của mình, lạnh lùng, giễu cợt... nó nhỏ toẹt vào trật tự - đã đành rồi - thậm chí tình yêu, đạo đức, tình bạn, sự tín nghĩa, lòng trung thực, cả tôn giáo nữa. Nó biết tất cả điều ấy chỉ là ước lệ, không chính xác bao nhiêu, độ bền vững thấp, do ai đó đặt ra trong những tình thế bất buộc, đôi khi trong những tình thế sinh tử. Kẻ đặt ra nó sẽ rối trí, sẽ xấu hổ khi y chán đời, khi y thất bại, nghĩa là khi ấy y đã không còn nhiều cơ hội nữa trong đời. Chúa Trời mà con quỷ dữ dè chừng, sợ hãi chính là thần Chết chứ không phải Thượng đế. Tôi biết chắc chắn thế mà. Tôi biết chắc chắn thế...

Tôi đi... Hôm qua mưa. Hôm nay nắng đẹp. Ngày mai nắng. Tôi là Chương. Tôi đi... Tôi muốn vắng tục! Tôi đi, tôi đang đi... Tôi muốn vắng tục!

Cách đây không lâu, tôi đến làm thuê cho một gia đình người ở thành phố. Chủ nhà là một người giàu. Ngôi biệt thự đã xây xong, bây giờ xây thêm một bức tường chắn bên ngoài. Tôi đến nhận việc cùng với năm người khác nữa, trong đó có một cô gái tên là Mây, người Mường Hòa Bình.

Làm được ba ngày, đến buổi trưa thì Mây đến gần bảo tôi: "Anh Chương này, bà chủ bảo tôi mời anh lên nhà".

Tôi bước vào phòng khách. Căn phòng rộng, trải thảm, đồ đạc cầu kỳ. Trên tường treo bức tranh thảm dệt hai con ngựa đang âu yếm nhau. Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ treo tường sốt ruột và mờ ám. Tôi nghĩ... Nếu là nơi ở của tôi thì sẽ là cửa ra vào nhỏ và cửa sổ rộng, không trang trí gì và ngoài kia là bãi cỏ xanh với cánh rừng.

Tôi chờ một lúc lâu thì có tiếng gọi mời tôi lên gác. Cô chủ trạc ba mươi tuổi, xinh đẹp, nằm ở trên giường.

Cô chủ bảo tôi: "Anh vào đây...". Tôi bước vào phòng. Cô chủ bảo tôi: "Anh ngồi xuống đi. Tôi tên là Phượng. Còn anh, anh tên là gì?". Tôi bảo: "Tôi là Chương, con ông Hùng". Cô Phượng cười: "Anh ngồi xuống đi.

Tên anh không ý nghĩa gì với tôi. Anh hãy nhìn xem. Tôi có đẹp không?" Tôi bảo: "Đẹp". Cô Phượng cười: "Anh vội vàng quá. Anh chưa biết thế nào là đẹp hay xấu nơi người đàn bà. Anh thấy tôi giàu, anh tưởng tôi đẹp. Anh thấy tôi học thức, anh tưởng tôi đẹp. Không phải thế! Nếu tôi đẹp, tôi phải nhìn thấy trong ánh mắt anh dút khoát có những khao khát dục vọng". Tôi cười buồn bã, không biết trả lời ra sao. Cô Phượng bảo: "Anh là người làm thuê, là dân đen. Phải không nào?" Tôi bảo: "Phải". Cô Phượng bảo: "Như thế nghĩa là anh không có gì cả. Anh là kẻ yếu". Tôi bảo: "Xin cô đừng sỉ nhục tôi". Cô Phượng bảo: "Tôi không sỉ nhục anh. Tôi chỉ nói ra một sự thật. Anh không có của cải, không có sở hữu cá nhân, anh không có quyền sĩ diện, không nên tự ái, không nên phản kháng".

Tôi im lặng, tôi không hiểu lắm về những người giàu tiền của và có học thức. Tôi thấy họ bí hiểm, họ giỏi giang, họ nguy hiểm. Thế thôi! Cô chủ của tôi muốn sức lao động của tôi? Muốn gì? Muốn tâm hồn tôi? Mãi đến sau này tôi mới biết rằng trong tôi cũng có đôi điều giá trị và cũng không ít rác rưởi thối tha. Tôi phải trả giá cho bài học ấy của mình. Nhưng đấy là về sau, về sau này...

Rồi cô Phượng và tôi cũng hiểu ý nhau. Tôi lên giường nằm. Cô Phượng bảo: "Anh hấp tấp và vội vàng! Chẳng qua anh là một con thú yếu. Những con thú yếu hiểu tình yêu như công việc, như đi cấy. Thái độ của họ đối với cuộc sống cũng đều như vậy. Hoàn toàn không phải thế! Cuộc sống là một quá trình suy đồi, là một quá trình hưởng thụ. Có thể thôi!". Tôi găm giữ như sư tử. Cô Phượng bảo: "Anh im đi... đừng có găm giữ. Sư tử cũng chỉ là một con thú đáng thương, nó sợ những con sư tử khác... Anh yên tâm đi, bố chồng tôi chết rồi, chồng tôi không có ở nhà!". Tôi cười như mếu. Tôi tiếc là mình ít học vấn quá, không tranh cãi được, không hiểu tí gì. Tôi không xúc động.

"Tất cả bí mật của vũ trụ, xã hội, công danh, tiền bạc, nghệ thuật... - Cô Phượng bảo tôi, - là ở chuyện này. ám ảnh cao nhất, rộng lớn nhất - trên cao và rộng lớn hơn các ám ảnh khác, kể cả tôn giáo, chính trị - là tình dục. Bọn đàn ông các anh loanh quanh vì các anh sợ hãi. Các anh không dám đam mê. Trật tự phụ quyền được đặt ra là một thứ trật tự tục tũ, ở đây đầy rẫy bạo lực, dối trá, chủ yếu không phải phục vụ con người mà là dùng để ngăn chặn thú tính trong bọn đàn ông với nhau. Anh có hiểu không?". Tôi bảo: "Không". Tôi nói: "Có thể bởi tôi một mình". Cô Phượng bảo: "Anh bĩ ổi. Anh biết rõ dù anh một mình...

vì bố anh biết rõ. Anh bị ổi hết như bố anh, như ông Hùng. Rồi ông Hùng cũng bị ổi hết như ông Gấu, ông Sói, ông Dê, ông Lợn tăng tổ ông ta. Anh đừng giả vờ, anh hiểu thứ trật tự ấy từ trong huyết thống. Giấu giếm trong anh là một thứ quyền lực phụ quyền phản dân chủ. Anh bị ổi hết như ba mươi triệu tên đàn ông cùng thời với anh. Anh mặc quần vào rồi cút đi”.

Tôi xấu hổ bỏ ra ngoài. Tôi không thích lắm việc này. Tôi về chỗ ở của tôi trong khu nhà tạm góc vườn. Tôi ngủ. Trong mơ tôi thấy tôi đi lạc vào một lòng suối khô cạn. Tôi đi ngược lên mãi. Hai bên đường đi là vách đá dựng đứng như đường lên trời. Tôi mơ thấy con gái thủy thần. Nàng hiện ra trong ánh sáng mờ mờ huyền ảo. Nàng không hùng biện. Nàng chỉ buồn rầu. Nàng bảo: “Này Chương, không phải đường đi ra biển...”.

Tôi ở nhà cô Phượng hơn tháng ròng. Chồng cô Phượng vắng nhà, đang ở nước ngoài, mấy đứa con đi học suốt ngày. Cô Phượng có cách nghĩ về tình yêu khá lạ lùng: “Tôi thường thức anh, tôi nhắm anh, - Cô Phượng bảo tôi, - như thể người ta nhắm món ăn. Tôi và ba mươi triệu người phụ nữ đang rên xiết... Tôi là nhà cách mạng nữ quyền...”

Cô Phượng bảo tôi: “Đàn ông các anh tùy tiện đặt ra luật pháp. Cả chồng tôi nữa. Họ có bà Cả, bà Hai. Họ hưởng lạc giấu giếm... Anh là ông Hai của tôi, anh có thích không?”. Tôi bảo: “Cũng thích”. Cô Phượng bảo: “Tôi thích bản chất hồn nhiên man rợ của anh. Nó vô học, vô đạo nhưng lành mạnh”.

Cô Phượng giới thiệu tôi cho các bạn gái của cô. Họ đều xinh đẹp, sồn sồn, có học thức, giàu có. Những điều họ nói trong phòng ngủ khác hẳn những điều tôi vẫn được nghe khi tôi còn ở quê nhà, khi tôi đi học hoặc đi kiếm sống ngoài đời. Tôi lơ mơ hiểu ra trên đời có rất nhiều thứ láo khoét được trang sức rực rỡ bề ngoài.

Cô Phượng bảo tôi: “Khi ngủ với anh, những người phụ nữ khác có kêu lên không?”. Tôi bảo: “Có đôi người”. Cô Phượng cười: “Những tiếng kêu ấy chính là ngôn ngữ nguyên thủy, tinh khiết. Nó trong sáng hơn mọi thứ tiếng ru, thơ phú và nhã nhạc. Tôi luôn cảm thấy những tiếng kêu ấy tựa như tiếng kêu của người tiền sử ở trong hang động...”. Tôi ngẫm nghĩ, tôi thấy có lý nhưng tôi không kêu.

Tôi kể cho cô Phượng và những bạn gái của cô nghe về quang cảnh làng tôi bên sông. Nhà tôi nghèo, trông ra làng nước cũng nghèo. Mùa

lũ về, tôi hay bơi ra bãi Nổi trên sông vớt củi. Dòng sông đổ quạch phù sa. Những cành củi mục trôi phăng phăng. Những xoáy nước hút chổng mặt. Những con cung quăng chạy nhảy điên cuồng, vô số xác những đàn phù du, xác những đàn vờ chết rất thần nhiên, trắng xóa trên bờ. Chúng không bán khoản gì về đạo đức. Chúng không hùng biện.

Cô Phượng hỏi: “Anh thích thế à?”. Tôi bảo: “Cũng thích”. Cô Phượng bảo: “Tôi thấy không có ý nghĩa gì. Anh phải biết rằng cuộc sống là rất rộng lớn”.

Tôi không trả lời. Tôi thấy cuộc sống của tôi và những người dân quê tôi đơn giản bình thường, không phải đặt ra quá nhiều câu hỏi. Chúng tôi sống, lớn lên, hàng trăm hàng vạn thế hệ nối nhau, quanh quẩn chuyện làm ăn, gia đình, tôn giáo, nhà cửa, dục vọng... Chúng tôi cần gì nhiều tiền, nhiều nhà, nhiều đạo đức, nhiều anh hùng? Thoát buổi sáng, đã trưa, đã chiều. Thoát mùa xuân, đã thu, đã đông... Chỉ có nỗi buồn là vĩnh cửu.

Tôi bảo: “Chỉ có nỗi buồn là vĩnh cửu”. Cô Phượng bảo: “Có thể... nhưng anh đừng khẳng định...”. Tôi hình dung ra xác những con phù du, những con vờ bị sóng đánh tạt vào bờ. Tôi chợt nhận ra con người phải lùi rất xa mới gạt lọc được đôi chút dấu vết giá trị văn minh, giống như hôm nay ta xúc động bởi một câu Kiều, bởi một pho tượng Chăm, bởi một dấu vân tay trên bình gốm cổ... Hàng tỉ những con phù du, những con vờ chết đi không để lại một dấu vết gì.

“Cảm giác thôi, - Cô Phượng bảo tôi, - đàn bà chúng tôi chỉ tin ở cảm giác, mà cảm giác nghĩa là nhầm lẫn và tạm bợ. Anh vào ngôi nhà này, anh có cảm giác nó giàu, nó hạnh phúc. Năm mươi năm nữa người ta sẽ đập nó đi. Nó không phải văn hóa! Tôi không biết cách truyền cảm giác vào lịch sử, còn nếu biết cách thì tôi sẽ làm cho nó lúc nào cũng dẽ mê, ít nhất như vậy nó sẽ đỡ tàn bạo và dung tục hơn như thực tế”.

Tôi có rất ít thì giờ để nghĩ ngợi những điều khó hiểu như thế. So với mọi người thì tôi chẳng có gì cả. Tôi không có tiền bạc, công danh, không có gia đình để yêu thương lo nghĩ, không có bạn bè... Ngay cả giấy tờ tùy thân cũng không có nốt. Tôi là con số không. Tôi vui một mình, buồn bã một mình, mơ mộng một mình... Tôi chỉ có con gái thủy thần chờ đợi...

“Thế là anh sướng, - Cô Phượng bảo tôi, - khi người ta sở hữu gương ép, người ta sẽ bị trời buộc. Đây là thứ gông cùm vô hình, mặt đất hóa



Này Chương! Anh bắt lức à.....

thành địa ngục. Tôi đang sống trong địa ngục, đây là văn hóa, pháp luật, gia đình, trường học. Còn anh, chính anh đang ở thiên đường”.

Tôi cười thầm... Tôi nhớ lại những gì mình đã trải qua trong đời. Đám trẻ trần truồng ngồi ở bên sông, nấp trong rừng mía. Chúng tôi nói chuyện cao siêu về người Nga, người Mỹ làm bom nguyên tử, chuyện bà Mạnh Tử dạy con, chuyện người ta câu được một con cá voi nhưng khi lôi được vào bờ chỉ còn có mỗi bộ xương... Thế đấy, những chuyện trẻ con, những chuyện động trời...

Cô Phượng bảo tôi: “Này Chương! Anh đang nghĩ gì?” Tôi bảo: “Trên nền nhà gạch đá hoa thì rất khó đi...” Cô Phượng bảo: “Chồng tôi cũng nói như thế. Anh ta trách tôi không biết đi lại trong nhà, không có cử chỉ linh hoạt và chỉ biết đi từng bước một như đếm...”

Cô Phượng nói năng như trên sân khấu. Tôi nhớ chiếc chòi canh mía khi tôi còn là bảo vệ ở quê. Đêm trăng suông, tôi ngồi chống cằm, mắt nhìn lên những ngôi sao xa xăm. Một ánh mắt vô hình từ trong khoảng không sâu thẳm ở giữa bầu trời bao la đang dõi theo tôi. Tôi biết chắc chắn có ánh mắt ấy. Điều ấy khiến tôi xúc động. Sau này tôi gán cho nàng, cho Mẹ Cả, cho con gái thủy thần, cho người đàn bà vẫn chờ đợi tôi ở nơi xa xăm, mãi tận nơi đâu nơi đâu. Tôi biết, nàng vẫn hy vọng và đấy chính là chỗ dựa cuối cùng cho sự cô đơn hoang vắng ở trong lòng tôi. Tôi đã sống qua rất nhiều lễ thường: những lần đánh nhau với bọn phạm phu, làm việc không công cho người nghèo khó, nhả nhớt cột dừa với lũ du côn... Ánh mắt vô hình vẫn dõi theo tôi hoài hoài. Nàng vẫn thủ thủ trong đêm. Nàng nói: "Này Chương, vẫn không phải đường ra biển..."

Cô Phượng bảo tôi: "Có lẽ ở thế hệ trước thì cha anh tôi cũng giống như anh bây giờ. Họ mang lại đủ thứ cho chúng tôi, trước hết là vật chất, trừ mỗi một thứ là văn hóa sống". Tôi hỏi: "Văn hóa sống là gì?". Cô Phượng nói: "Tôi cũng nghĩ rất nhiều nhưng kết luận có lẽ chỉ một chữ thôi: sướng!".

Tôi nằm im. Tôi không hiểu rõ những điều mà cô Phượng nói. Điều gì làm cho người ta khao khát ham sống? Tôi hỏi cô Phượng điều này. Cô Phượng trả lời: "Ăn ngon, lời tăng bốc và sex. Anh xem còn thêm gì nữa thì tùy".

Những ngày ở nhà cô Phượng khiến tôi suy sụp. Tôi kiệt sức. Tôi hoa mắt, chóng mặt. Ngày xưa tôi đi đào đất cũng không vất vả thế này. Điều kinh khủng nhất là những chuyện mà những người đàn bà ấy rót vào tâm hồn tôi. Tất cả đều là mật đắng. Tại sao cuộc sống lại nhiều xịch xiềng, gông cùm như thế?

Khi chồng cô Phượng về nhà được mấy hôm thì lập tức tôi bị đuổi việc. Tối hôm ấy, tôi nằm trong xó ở khu nhà tạm. Thân thể tôi đau như, lưng đau tưởng như gãy gập, cổ họng khát khô. Nửa đêm, có tiếng kẹt cửa rồi Mây mang vào cho tôi một bát cháo nóng.

Mây hỏi tôi: "Anh Chương! Anh bị sốt à?". Tôi bảo: "Không". Mây bảo: "Anh Chương này, tối nay tôi phải lên hầu ông chủ. Tôi không thể từ chối vì món tiền ông ta cho tôi lớn quá... Tôi không muốn dành sự trong trắng của tôi cho người khác... Tôi muốn anh... Anh giúp tôi đi...". Mây đưa tay cời cúc áo ngực của tôi. Trong bóng tối mờ mờ, Mây quay người lại, tôi thoáng thấy tấm lưng trần quấy ở trước mặt, ánh sáng trắng bên

ngoài chiếu vào trông thật kinh dị nhưng đẹp lắm. Tôi chợt nhớ đến Mẹ Cả, đến con gái thủy thần. Lòng tôi nhói lên cảm giác đau đớn xót xa.

Mây kêu lên những tiếng khe khẽ. Tôi nghe như có tiếng khóc từ nơi xa xăm vọng lại, như từ nơi hoang mạc đưa tới. Nước mắt của tôi và Mây hòa quện vào nhau, ướt đầm trên hai khuôn mặt.

Mây giằng ra khỏi tôi thất vọng: "Này Chương! Anh bất lực à?". Tôi úp mặt khóc thầm, xấu hổ ê chề. Mây đứng dậy bảo tôi: "Em hiểu... cái số của em nó thế... Anh đừng buồn, đừng khóc nữa... Những người ở trên nhà kia họ được tất cả... Anh Chương, xin anh bảo trọng thân mình, dầu chỉ để cho em đỡ khổ...".

Mây luôn chạy ra ngoài sân. Tôi thấy mái nhà sập xuống đầu tôi, bầu trời sập xuống đầu tôi. Tất cả là đổ vỡ và tan nát.

Sớm hôm sau, tôi bỏ đi rời khỏi thành phố. Tôi không có ai để chào từ biệt.

Tôi cứ đi, đi mãi... Trước mặt tôi là dòng sông thao thiết. Sông chảy ra biển. Biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển... Mà tôi sống nửa cuộc đời rồi đấy. Chỉ vài năm nữa đến năm 2000.

Con gái thủy thần! Nàng ở đâu? Nàng ở chỗ nào? Vì cái gì? Bởi lẽ gì? Để tôi mượn màu son phấn ra đi...

Con gái thủy thần! Nàng ở đâu? Nàng ở chỗ nào? Vì cái gì? Bởi lẽ gì? Để tôi mượn màu son phấn ra đi...

GIỌT MÁU

"Đem chuyện trăm năm giở lại bàn..."

(Trần Tế Xương)

I

Nửa đầu thế kỷ trước, ở Kẻ Noi, huyện Từ Liêm có ông Phạm Ngọc Liên là bậc đại phú. Ông Liên xây nhà trên miếng đất đầu làng. Miếng đất này bằng phẳng, rộng ba sào hai thước. Có người đi qua bảo rằng: "Đất này đẹp, hình bút, phát về văn học. Đã phát về văn học thì nước cạn, tàu ráo, hiếm con trai". Ông Liên nghe xong, nín áo người đó bảo: "Tôi bình sinh là dân cày cuốc mong con cháu sau này có ít chữ nghĩa mở mặt với đời. Hiếm con cháu cũng được, miễn là có đức, thiên hạ nể trọng". Người đó cười: "Chữ nghĩa có ăn được không?" Ông Liên bảo: "Không ăn được". Người đó bảo: "Thế đa mang chữ nghĩa làm gì?". Ông Liên bảo: "Gì thì gì, nó cũng hơn cày cuốc". Người đó hỏi: "Nhiều chữ nghĩa thì có đức à?". Ông Liên bảo: "Phải". Người đó cả cười, hỏi gì cũng không nói nữa rồi phất áo đi. Ông Liên giận, bảo: "Đồ cuốc".

Khánh thành nhà, ông Liên mổ hai lợn, một bò, làm lễ tế trời đất, bày la liệt chín mươi mâm cỗ. Dinh cơ quả đồ sộ, giữa là nhà thờ ba gian, chạm trổ long, ly, quy, phượng. Nhà tiền tế năm gian, cửa bức bàn, cột tròn, gỗ xoan rừng. Hai nhà ngang hai bên, sân gạch Bát Tràng, bình phong, bể nước, lại xây tường cao ba mét xung quanh, trên cắm mảnh sành, mảnh thủy tinh. Vừa là vôi cát trộn mật, đặc quánh.

Ông Liên ngồi giữa sân, bảo cả họ: "Lấy ngày 12 tháng Giêng làm ngày giỗ tổ. Họ Phạm xưa nay trong làng không kém họ Đỗ, họ Phan, họ Hoàng. Chỉ hiếm họ Phạm làm ruộng, buôn bán, chưa có ai học hành đỗ đạt. Thiên hạ coi mình là thô lậu. Tức lắm".

Ông Liên gọi năm con trai đến bảo: "Con cháu chúng mày thằng nào đỗ Thám hoa, Bảng nhãn, tào cho ăn tự cả cơ ngơi này, lại cho tất cả của

gia bảo. Cốt làm sao thiên hạ phải học cái đức họ Phạm nhà này”.

Ông Liên sống đến tám mươi tuổi. Ông có ba vợ, năm con trai, sáu con gái. Khi ông bệnh nặng, con trưởng là Phạm Ngọc Gia làm nghề mổ thịt lợn túc trực bên giường gần một tháng trời, mắt sâu hoắm, râu mọc tua tủa. Bên giường ông Liên lúc nào cũng có chuối, cam, thịt, giò, ngỗng ngỗng không thiếu thứ gì. Ông Gia hỏi: “Cha thèm ăn gì không?” Ông Liên bảo: “Thèm ăn cơm rau muống chấm tương với cà”. Ông Gia nấu cơm gạo tám vào nồi đất, đánh mắm canh bằng lá chua me, bày đĩa rau với chén tương Bần, tự tay bung lên cho cha. Ông Liên húp được một thìa canh rồi xua đi. Ông Gia òa khóc. Ông Liên bảo: “Chẳng ra gì, chữ mới cần”. Nói xong tắt thở. Lúc ấy là giờ Tý, ngày 21 tháng Chạp, năm Canh Tý (1840).

Ông Gia bỏ tiền làm ma rất trọng thể. Sau ba ngày làm lễ thành phục, tuần ba mươi nhằm ngày rước linh lên chùa, tuần bốn mươi chín, một trăm ngày thấy đều tươm tất. Dân làng ai cũng khen ngợi là người có hiếu.

Sau đám ma, ông Gia cho sửa lại nhà thờ, xây thêm một gian nữa. Còn toàn bộ cơ ngơi từ đó đến nay vẫn y nguyên. Thời gian có làm cho nó cũ kỹ, mục nát, hư hỏng đi một vài bộ phận nhưng về cơ bản không thay đổi.

II

Ông Gia có một đứa cháu đích tôn là Phạm Ngọc Chiêu tuần tú lạ thường. Chiêu từ bé đã sáng dạ. Năm tám tuổi, có lần ông Gia cho cháu ra Kẻ Chợ thăm phố phường. Thằng bé về, hí hoáy lấy cát, lấy đất sét xây một khu nhà có tường bao, lại lấy lông gà nhuộm phẩm xanh làm cây, hết như một cái sa bàn. Trên sa bàn lấy bột nặn những con rùa đội bìa rất sinh động. Ông Gia vỗ tay hỏi: “Cháu nặn gì đấy?”. Thằng Chiêu cười, lộ hàm răng sún: “Đây là Văn miếu”. Ông Gia giật mình nghĩ: “Trời cho họ Phạm phát đường học vấn ở đứa bé này chắc?”. Hôm sau ông Gia ra phần thịt lợn nhà mình ở chợ Kẻ Noi, lấy cái thủ lợn nặng sáu cân hai, lại bảo con dâu thổi một mâm xôi gấc, luộc thủ lợn đặt lên, đội sang nhà đồ Ngọan.

Đồ Ngọan mất toét, thi hương năm Mậu Thìn (1868), là người thật thà, nhà nghèo lắm. Thấy ông Gia đội xôi thịt đến, đồ Ngọan giật mình, chạy ra vái hai vái. Ông Gia đặt ngay mâm xôi thịt xuống chân, bảo:

"Không dám. Tôi sang rước thầy về dạy chữ cho thằng Chiêu đây". Đồ Ngoạn rước khách vào nhà, mời ngồi, vái lấy vái để: "Không giấu gì bác, tôi thiếu học lắm. Tôi gõ đầu trẻ, cũng là trò bịt mắt thiên hạ kiếm gạo. Thực ra nhà tôi là nhà nhốt trẻ để nó đừng lêu lổng, ngã xuống ao, bắt ve sâu, khỏi chó cắn thôi. Bác rước tôi về, sợ thất chí của bác". Ông Gia vừa bực mình, vừa buồn cười, bảo: "Ông nói thế tôi cũng không ép. Thân phụ tôi mất đi chỉ dặn làm sao cho con cháu học hành thành tài, cướp cái cờ tiến sĩ về dựng ở sân từ đường". Đồ Ngoạn rùng mình: "Bác ơi, chữ nghĩa nó ghê gớm lắm. Nó là ma đấy. Yếu bóng vía là nó ám mình, nó làm cho thê thảm đau đớn mới thôi". Lại ngồi thừ người không nói năng gì. Vợ đồ Ngoạn mặc váy đụp, ra lạy ông Gia hai lạy rồi bảo chồng: "Lũ trẻ đói quá, ông xin phép bác Cả đây ra chân Mả Phường rờ ít khoai lang, lấy rễ về luộc cho chúng ăn!". Ông Gia hỏi: "Khoai trồng bao giờ mà thím đã rờ?". Vợ đồ Ngoạn bảo: "Em trồng cuối tháng Hai". Ông Gia nhẩm tính: "Mới được năm mươi ngày, ăn thế nào được mà ăn?". Vợ đồ Ngoạn bảo: "Nhà em hết gạo tám ngày rồi". Ông Gia thở dài: "Thím bỏ xôi thịt ra cho các cháu ăn. Dọn mâm ra tôi với ông đồ uống rượu". Nói rồi rút trong cặp quần ra cút rượu ngâm tắc kè.

Vợ đồ Ngoạn bưng xôi thịt xuống bếp, dọn hai mâm. Ông Gia và đồ Ngoạn ngồi trong nhà uống rượu. Ngoài sân, tám đứa con của đồ Ngoạn ngồi xúm xít xung quanh mẹ, chờ chia phần.

Đồ Ngoạn bảo: "Tôi nghe ở Kẻ Lũ có ông Bình Chi, trước làm việc ở dinh tri phủ Sơn Nam, bị cách chức, về ngồi dạy học, ông này kiến thức uyên thâm mà cốt cách thanh cao lắm. Học được ông Bình Chi thì cờ tiến sĩ về tay họ Phạm là cái chắc". Ông Gia gật đầu. Ăn uống xong, xách cái mâm đồng về, bụng bảo dạ: "Phải đi Kẻ Lũ".

Ít bữa sau, chọn được ngày tốt, ông Gia dẫn Chiêu tìm đường sang Kẻ Lũ đến nhà ông Bình Chi. Nhà ông Bình Chi ven sông Tô Lịch, cơ ngơi cũng khá. Khi ông Gia đến, ông Bình Chi đang ngồi bình văn với đám học trò. Có khoảng chục đứa con trai ngồi xếp bằng tròn trên chiếu, đều trạc tuổi mười sáu, đứa nào trông cũng thông minh nhanh nhẹn. Trước mặt mỗi đứa có một quyển văn đóng bằng giấy dó, lại có nghiên mực để bên cạnh.

Ông Bình Chi cho học trò nghỉ ra sân chơi. Chiêu thích lắm, đứng dựa cột xem. Ông Bình Chi rước ông Gia vào nhà, hỏi nguyên vọng. Ông Gia tự giới thiệu, một điều bẩm, hai điều bẩm, cung kính lắm. Ông Bình Chi hỏi mục đích học hành của Chiêu. Ông Gia chẳng biết trả lời ra sao, chỉ

nói: “Tôi thấy văn chương có cái gì tựa tựa lẽ phải. Muốn cho cháu học thấy vì thế”. Ông Bình Chi bảo: “Văn chương có nhiều thứ lắm. Có thứ văn chương hành nghề kiếm sống. Có thứ văn chương sửa mình. Có thứ văn chương trốn đời, trốn việc. Lại có thứ văn chương làm loạn”. Ông Gia bảo: “Tôi hiểu rồi. Tôi làm nghề đồ tể, tôi biết. Cũng như có thịt mỡ, thịt thui, thịt sấn, thịt dọi. Nhưng cũng là thịt cả thôi”. Ông Bình Chi bảo: “Đúng đấy! Thế ông định cho cháu học thứ văn chương nào?” Ông Gia bảo: “Tôi suy rằng thịt dọi là thứ vừa phải, nhiều người mua, chẳng bao giờ ế. Vậy có thứ văn chương nào tương tự thế không, chỉ vừa phải, nhiều người theo thì cho cháu học”. Ông Bình Chi bảo: “Tôi hiểu rồi. Đấy là thứ văn chương học để làm quan”. Ông Gia vỗ tay reo: “Phải”. Nói xong gọi Chiêu vào, bảo lấy ba lọ, lấy ra một xấp lụa Hà Đông, năm xâu tiền đồng, xin ông Bình Chi thu nạp học trò.

Ăn cơm xong, ông Gia dặn dò cháu rồi về. Chiêu chạy theo, khóc gọi ông: “Ông ơi, cháu chẳng học đâu. Học phải xa nhà, mất ông, mất cha mẹ thì học làm gì?” Ông Gia gạt nước mắt, bỏ đi như chạy. Ông Bình Chi đỡ Chiêu vào nhà. Thằng bé mơ hồ hiểu rằng học đòi văn chương là nó bước vào một cõi mà ở đấy, nó không thể nương tựa vào bất cứ cái gì, ngoài bản thân nó.

III

Hàng tháng, ông Gia sang Kẻ Lũ hai lần vào ngày mồng 1, ngày 16 mang tiền, gạo nuôi cháu ăn học. Chiêu học rất tấn tới, mười tuổi giảng được sách, các cách “phá đề”, “phá thừa”, “khởi giảng”, “đề tử”, “trung tử” trong kinh nghĩa đều thông thạo. Ông Bình Chi bảo: “Thằng này học như thần, tựa như miếng đất khô, đổ nước đến đâu là thấm”. Ông Gia thích lắm, bảo: “Họ nhà này mấy đời nay một chữ cần đôi không biết, chỉ biết cây ải, gieo mạ, pha thịt lợn. Thằng này rồi mang vinh hạnh cho cả họ đây”. Bởi vậy, Chiêu được chiều chuộng không thiếu thứ gì.

Ông Bình Chi có cô con gái tên là Diêu, trạc tuổi Chiêu, hai đứa vẫn chơi với nhau, quyến luyến lắm. Chiêu bảo: “Lớn lên, tao lấy mày làm vợ cả”. Diêu đỏ bừng mặt, không nói năng gì. Một lần, Chiêu ra đồng chơi, lê la đất cát với lũ trẻ chăn trâu, hạ bộ bị tằm bôi, dương vật sưng to. Đầu tiên chỉ thấy khó chịu, không ngồi học được, ông Bình Chi hỏi thế nào cũng không nói, sau tấy lên, rất đau. Diêu đỏ mặt, Chiêu mới tụt

quần cho xem. Diêu lấy một cọng rơm, đo bằng chiều dài dương vật của Chiêu, gấp ba lại, xòe ra, lấy dao chặt cọng rơm, rồi bảo rửa sạch bằng nước muối. Thế là khỏi. Chiêu cảm ơn lắm.

Năm Mậu Tý (1888), Chiêu đỗ tú tài. Ông Gia làm cổ khao cả làng. Cổ to lắm, bảy bát, bảy đĩa. Bảy bát là một bát măng, một bát miến, một bát khoai sọ, hai bát bóng thả, hai bát đậu nhồi. Bảy đĩa là một đĩa thịt gà, một đĩa ngỗng quay, một đĩa thịt lợn, một đĩa giả hạnh nhân, một đĩa nem chạo, một đĩa nộm, một đĩa dưa ghém. Ông Bình Chi sang dự, cứ nức nở khen cơ ngơi đẹp.

Đến năm sau, ông Gia mất. Khoảng thời gian này, trường thi dời xuống Nam Định nên Chiêu phải xuống đấy thi. Ông Gia chết mất mở trường trường, vượt thế nào cũng không nhấm. Có người bảo: “Cụ chờ tin cậu Chiêu”. Sau phải lấy đũa cả hơ nóng, day ở trên mắt một lúc mới cụp mi xuống. Ở nhà không dám báo tin cho Chiêu vì sợ Chiêu hỏng thi. Bấy giờ trời mưa phùn, đường phố nhộp nháp, Chiêu trọ học trong nhà một cô đầu ở phố Hàng Thao Nam Định, suốt ngày vẫn ôn võ luyện. Cô đầu tên là Thắm, dạy Chiêu đủ các ngón chơi. Kỳ thi ấy, Chiêu đỗ thứ ba nhưng bị đổ bệnh tim la, dương vật lúc nào cũng cương đỏ, hạ bộ nhức nhối. Chịu xong tang ông nội, Chiêu được bổ làm tri huyện Tiên Du. Tiên Du là huyện lớn, thóc gạo nhiều, con gái ở Bịu, Lim hát quan họ rất hay, làm quan ở đấy thật sướng như trời. Chiêu làm quan, nhớ lời thầy học mình dặn rằng: “Làm quan chỉ là nghề kiếm sống, không kiếm được là đại”, vì vậy ra sức đục khoét. Sân công đường để một cái cùm gỗ nghiêng, trên có một cối đá lỗ rất to chặn lên, có người bị cùm nát cả mắt cá chân, về mừng mủ, vết thương có dòi, lên cơn uốn ván mười ngày thì chết. Dân sợ lắm. Trong huyện ba năm không xảy ra kiện cáo, trộm cướp, có tiếng là yên bình. Công sứ Bắc Ninh mấy lần mời Chiêu lên ăn tiệc. Chiêu có hai vợ. Bà Diêu thấy chồng mình làm nhiều việc thất đức, lo sợ lắm, lại thấy cả mình, cả bà hai đều chẳng sinh nở được mụn con trai nào, để toàn con gái thì ngày đêm cầu Trời khẩn Phật, nhà thờ tổ ở Kẻ Noi không lúc nào hết khói hương.

Mang bệnh, Chiêu người khó chịu, tính nết thất thường nên nha lại rất sợ. Một hôm, có người bạn học tên là Ấm Sắc ở Từ Sơn lên chơi, tạ ơn vì một vụ kiện tranh ruộng đất, Chiêu đã xử cho Ấm Sắc được kiện. Ấm Sắc bê vào hai nồi gạo nếp, hai nồi gạo tẻ, một nồi đỗ xanh, năm cặp vịt bầu. Chiêu liếc mắt nhìn qua lễ vật rồi bảo: “Bác thật phí tâm”. Ấm Sắc bảo: “Có gì đâu. Toàn là của nhà lá vườn”. Chiêu giữ Ấm Sắc lại ăn cơm.

Khi ăn cơm, ẩm Sắc thấy Chiêu cứ đứng ngồi không yên, mới hỏi: “Bác bị nhọt hạch à?” Chiêu bảo: “Tôi bị bệnh hoa liễu”. Ẩm Sắc bảo: “Tôi quen lang Vòng chữa bệnh thần tình lắm”. Chiêu bảo: “Tôi không tin bọn lang vườn, toàn nhảm nhí, nghe họ toàn mất tiền, bệnh lại không khỏi”. Ẩm Sắc bảo: “Lang Vòng kỳ lạ lắm. Có ông đồ Thống bị cảm gió, người co lại như con tôm, thuốc thang thế nào cũng không khỏi. Người nhà vờng đến lang Vòng. Lang Vòng mời ngồi, ngồi không được, bảo đứng, đứng không được. Lang Vòng đập bàn quát: “Cái lão này, già rồi còn dè dặt, ăn uống vô độ, chơi bời nhiều. Lại cư xử thất đức mới hóa thế này”. Đồ Thống tím mặt, nghĩ mình suốt đời tần tảo, có biết thế nào là thịt ngon, gái đẹp đâu, bị vu như thế thì uất không nói được. Lang Vòng bất ngờ đứng dậy đập cho một cái, đồ Thống ngã lăn ra, nghe “cục” một cái ở giữa sống lưng, thế là khỏi bệnh. Bấy giờ mới biết lang Vòng chữa mẹo, cứ thế phục xuống lạy như tể sao!” Ẩm Sắc lại kể: “Ở dưới phố Nối có một cô, cổ ngoeo sang bên. Mang đến lang Vòng, lang Vòng bảo cô quây cốt lại, bắt cời trướng ra, ngồi nhìn vào cái gương nhỏ để ở trước mặt. Bất ngờ, lang Vòng xô cốt bước vào. Cô kia hốt hoảng ngồi thụp ngay xuống, quay cổ lại nhìn. Thế là khỏi bệnh”. Chiêu cười: “Các chuyện bác kể đều chỉ chữa bệnh gió máy, như tôi là bệnh gió trăng thì chữa thế nào?” Ẩm Sắc bảo: “Bác đừng lo, lang Vòng chữa được bách bệnh”. Chiêu gật đầu, bảo người sắm lễ vật, rồi cùng ẩm Sắc đi đến nhà lang Vòng.

Nhà lang Vòng ở Diêm, nghe tri huyện Tiên Du đến, lang Vòng cho trải chiếu hoa từ ngõ vào thềm. Chiêu sai lính lệ đưa lễ vật vào, rất hậu. Lang Vòng pha trà mời. Chiêu liếc mắt thấy lang Vòng còn trẻ nhưng tóc bạc phơ, mắt sáng, tai như Phật, biết là người có tướng lạ, trong bụng mừng lắm. Khi kể bệnh, Chiêu không dám giấu giếm tí gì. Lang Vòng bắt mạch bảo: “Bệnh này có bốn cấp. Cấp một thì quy đầu có khe nứt, nước trắng rỉ ra, rất khảm, tiểu tiện thấy buốt, chữa hai tháng là khỏi. Cấp hai thì quy đầu lở loét, người sốt, gáy nóng, ăn không thấy ngon, buồn chân buồn tay, lúc nào cũng bứt rứt, chữa ba tháng thì khỏi. Cấp ba là quy đầu mưng mủ, tiểu tiện ra máu, xuất tinh ngày vài lần, không đi đứng được, chữa ba năm thì khỏi, nhưng chữa được cũng khó. Cấp bốn là tay bắt chuồn chuồn, mắt dờ dại, vết lở ăn lên bụng, xuống chân, đến cấp này thì đóng ván”. Chiêu rung mình, hỏi: “Thầy nói vậy, thế như tôi thì ở cấp nào?”. Lang Vòng bảo: “Cấp hai”. Chiêu thở phào. Lang Vòng bảo: “Cấp một, cấp hai cũng bình thường thôi, quan lớn đừng lo”.

Chưa khỏi bệnh, Chiếu tính tình cũng có dịu đi đôi chút. Năm ấy cho mở hội Lim rất to, mời lang Vòng về làm thượng khách. Sau hôm giã hội, Chiếu thấy trời đẹp mới sai lính bày tiệc ra sân công đường uống rượu. Dân không ai dám đi qua con đường trước cửa huyện lỵ. Chiếu ngồi ngất ngưỡng, sau lưng có hai lính lệ cầm quạt phe phẩy. Chiếu bảo: “Ta là người có học đầu tiên của họ Phạm đây. Chỉ tiếc làm quan xa nhà, chưa làm gì được cho quê cha đất tổ”. Lúc ấy bỗng nhiên có một cái kiệu đi qua trước cổng. Chiếu tức mình mắng: “Thằng này láo, qua đình quan huyện mà không xuống kiệu. Chúng mày đi ra xem nó là ai lòi cổ vào đây”. Lính chạy ra giữ kiệu lại. Hóa ra là cố đạo Tây. Chiếu đang say, sai lính nọc ra đánh ba chục roi. Cố đạo Tây bị đánh, tức lắm. Sau vụ ấy, Chiếu bị thất sủng, cách chức về vườn. Lúc bấy giờ bốn mươi hai tuổi.

IV

Cố đạo Tây bị Chiếu đánh tên là Jean Puginier rất có thế lực. Đường công danh của Chiếu thế là đứt gánh giữa đường. Chiếu về nhà, bắt đắc chí, suốt ngày nằm phục trong ngôi từ đường ở Kẻ Noi. Dân làng kháo Chiếu có chân trong nhóm văn thân chống Pháp, tri huyện Tiên Du là tướng của ông Đề Năm, Đề Thám trên Yên Thế. Lại đồn Chiếu làm quan thanh liêm không ăn cánh với triều đình bấy giờ đang vọng ngoại tộc, do đó mới bị bãi chức. Một đồn mười, mười đồn trăm, tên tuổi Chiếu trong vùng bỗng thành danh giá. Chiếu không nói năng gì, nghiêm nhiên coi việc đánh cố đạo Tây là cử chỉ nghĩa khí nhất trong đời làm quan. Bấy giờ ở Kẻ Noi người ta đứng ra quyên góp tiền bạc để xây đường gạch. Chiếu nghĩ mình chưa làm được gì cho thôn xóm bèn trích một số tiền lớn ra sửa đình và xây toàn bộ cổng làng. Bởi thế, người ta nói đến Chiếu như nói đến bậc thánh nhân. Bấy giờ cánh văn thân và hào lý trong vùng đều trọng nề Chiếu. Chiếu ngồi buồn, thỉnh thoảng giở bộ thẻ ngà ra coi, thở dài mãi.

Bà Diêu thấy mình không có con trai, rủ Chiếu đi chùa Hương cầu tự. Chiếu nghe lời, nhằm ngày mồng một tháng Hai, hai người dậy từ gà gáy, cơm nước xong, khăn áo ra đi. Qua Hà Đông, bà Diêu mua năm chục oản, vàng, hương, số cầu tự rồi ra thuê xe ngựa đi. Hôm ấy trời mưa phùn, gió rét lắm. Chủ xe ngựa trạc năm mươi tuổi, trán thấp, tướng mạo bất tiện, mặc cả với bà Diêu hết như một mụ hàng tôm. Qua Vân Đình, thấy nhiều người cũng đi chùa Hương, các bà già mặc áo tứ thân,

khoác áo to, đi thành đoàn, có đoàn đến ba chục vị. Lại có mấy công tử đội khăn xếp, mặc quần ống sớ cũng đi thành nhóm. Lên bờ đê, mưa phùn lất phất, gió thổi mạnh, đoàn người cứ chúi về phía trước hết như những toán linh hồn lang thang trong tích chèo cổ. Qua một quán rượu ven đường, Chiêu bảo dừng xe lại.

Chiêu vào quán, gọi rượu thịt chó, bà Diêu ngăn chông bảo đi chùa đừng ăn tạp. Chiêu cười: "Xưa nay vẫn nói Phật ở tâm, ai nói Phật ở bụng? Thịt chó Vân Đình nổi tiếng, không ăn là đại". Bà Diêu không biết nói sao, giở cơm nắm ra ăn.

Chủ quán bê ra một đĩa thịt chó luộc, một đĩa dồi hấp, một đĩa nhưa mặn, một đĩa chả nướng, một bát xáo xương, một bát tiết canh, một ve rượu trắng. Chiêu ăn uống nhồm nhoàm, hết như một gã trương tuần. Bà Diêu ăn xong mua một cặp bánh chưng mang cho người đánh xe ngựa rồi ngồi trong xe đợi chồng.

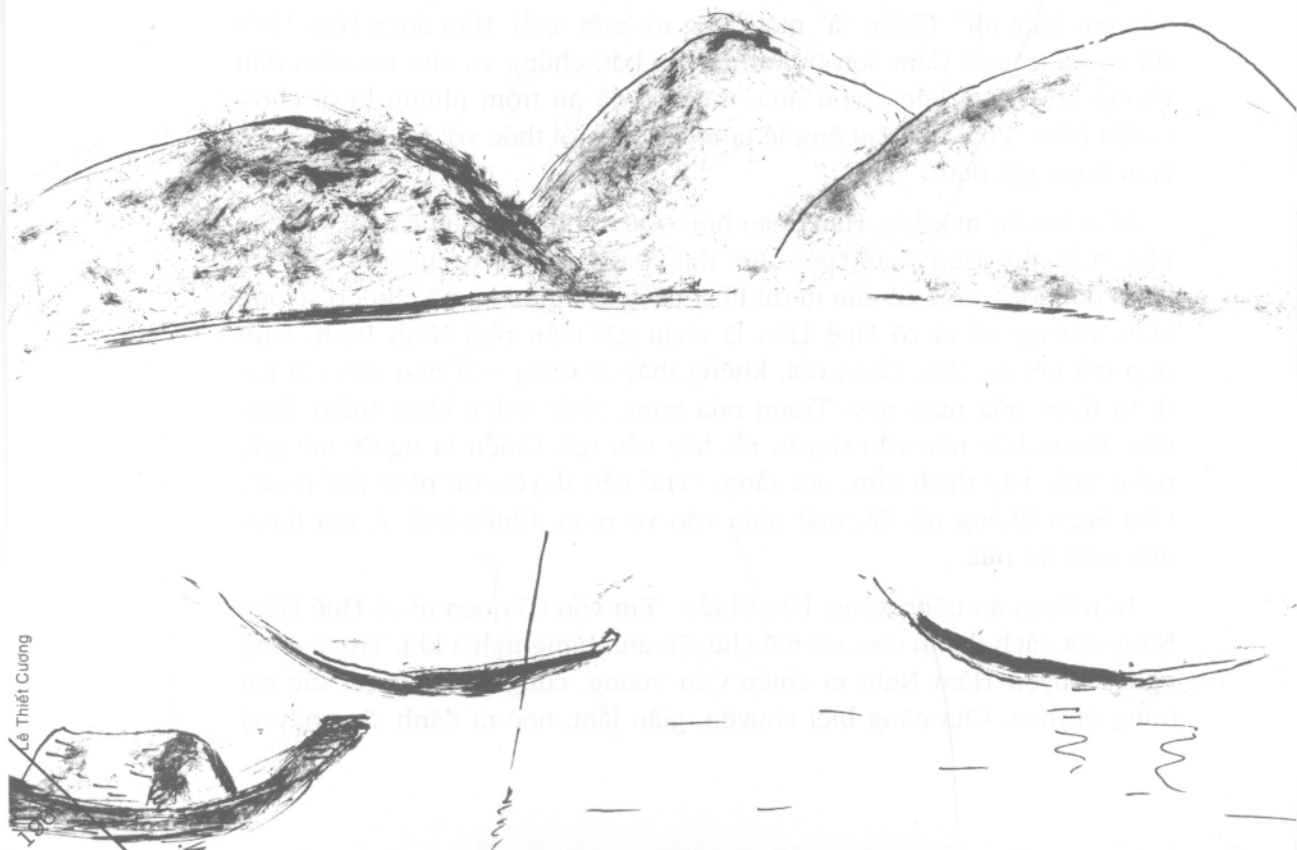
Chiêu đang ăn, thấy một người đội khăn xếp, mặc áo the, cầm ô lục soạn đi vào. Người đó nhìn thấy Chiêu, vội bỏ ô, chấp tay vái. Chiêu cầm đũa chỉ người đó hỏi: "Ông cần gì tôi?" Người đó bảo: "Quan bác không nhận ra em à? Em là Hàn Soạn, trước ở Tiên Du, quan bác có lần cứu em khỏi tội". Chiêu "à" một tiếng rồi mời ngồi. Hàn Soạn bảo: "Hồi đó có vụ trộm ở Cẩm Sơn bị lính huyện bắt, chúng vu cho em cầm đầu chúng nó. Quan bác khám nhà, thấy có đồ ăn trộm nhưng lơ đi cho". Chiêu bảo: "Phải rồi. Sau ông lẻ tạ một chục nổi thóc với bộ đỉnh đồng". Hàn Soạn gật đầu.

Hàn Soạn một lúc, Hàn Soạn hỏi: "Quan bác đi chùa cầu gì?" Chiêu bảo: "Cầu tự". Hàn Soạn cười: "Em thấy bà chị trong xe ngựa rồi. Bà chị cũng đã luống tuổi, có cầu tự thì Phật cũng cho nhưng mà cho ép. Trong chùa Hương có ni cô Huệ Liên là cháu gái tuần phủ Ninh Bình, xinh đẹp mà nét na lăm. Chán đời, không thấy ai đáng mặt nên mới cắt tóc đi tu được nửa năm nay. Trong nửa năm, phép thiền chưa thấm được đâu. Quan bác nên cầu duyên rồi hãy cầu tự". Chiêu là người mê gái, nghe thấy vậy thích lắm, hỏi rằng: "Thế cầu duyên thì phải thế nào?". Hàn Soạn không trả lời, mắt nhìn vào ve rượu. Chiêu biết ý, gọi thêm một suất ăn nữa.

Hàn Soạn ăn uống xong, bảo Chiêu: "Em vốn có quen ni cô Huệ Liên. Nàng cốt cách thanh cao, rất mê chuyện anh hùng nghĩa khí. Trước nàng nghe chuyện Hàm Nghi ra chiếu Cần vương, cũng đã định cắt tóc cải trang đi theo. Cha nàng biết chuyện, giận lắm, nọc ra đánh. Sau này vị

hôn phu theo ông Đề Thám, chết ở Phúc Yên, vì vậy mới phần chí đi tu. Việc quan bác đánh cố đạo Tây cả nước đều biết, ai cũng cảm phục. Nếu quan bác ngó ý thì việc tất thành". Chiểu mừng lắm, nghĩ một lúc rồi bảo: "Chuyện này khó. Kéo gái ra khỏi buồng khuê thì ta làm nhiều lần rồi, không sợ, nhưng kéo gái ra khỏi buồng Phật thì chịu, chưa làm bao giờ". Hàn Soạn cười: "Việc này có năm bước. Em quen hòa thượng trụ trì ở chùa Thiên Trù là nơi ni cô Huệ Liên ở đó. Đến đấy, quan bác giả đồ đau bụng rồi bảo bà chị cứ đi vào chùa Trong trước, quan bác đưa biểu hòa thượng một lạng vàng, nếu hòa thượng không nhận thì thôi, coi như hỏng việc. Nếu hòa thượng nhận, thế là được một bước. Đêm đó hòa thượng cho quan bác ngủ trong trai phòng, quan bác đưa cho em một lạng vàng để em lo gác bên ngoài, hòa thượng mời cơm chay, có ni cô hầu rượu. Quan bác ép ni cô uống một cốc rượu pha thuốc mê, nếu ni cô không uống thì thôi, coi như hỏng việc. Nếu ni cô uống, thế

Đi trên suối, con người như thoát tục...



là được hai bước. Dọn mâm xong, ni cô say thuốc, hòa thượng quay đi, quan bác bế ni cô lên giường, thế là được ba bước. Quan bác cời y phục nhà chùa của ni cô ra, muốn làm gì thì làm, thế là được bốn bước. Sáng hôm sau, ni cô tỉnh lại, hòa thượng với em vào, chửi mắng quan bác với ni cô làm nhục cửa thiền, bắt quan bác phải ký văn tự nhận ni cô về, quan bác nộp vào hòm công đức một lạng vàng xá tội, thế là được năm bước". Chiếu cười: "Được, nhưng ông nói nhanh quá, thế là mấy lạng vàng?" Hàn Soạn bảo: "Ba lạng". Chiếu nghĩ ngợi: "Ba lạng thì ta có thể mua được sáu bà vợ". Hàn Soạn bảo: "Tùy quan bác. Nhưng Huệ Liên thì chỉ có một". Chiếu bảo: "Ông nói phải". Nói xong trả tiền rượu, dẫn Hàn Soạn ra xe. Bà Diêu hỏi: "Ai đấy?" Chiếu bảo: "Bạn tôi". Hàn Soạn chào bà Diêu rất cung kính rồi ngồi nép vào một góc xe, cái ô đặt trên đùi, mắt nhìn thẳng, cả chặng đường không nói năng gì.

V

Đến bến Đục vừa đúng giờ Ngọ. Người đi hội rất đông. Thuyền thúng đồ chum lại dưới suối Yến đến vài chục cái. Bà Diêu thuê một con đồ nhỏ có sáu chỗ ngồi, cả lượt đi lượt về mà giá chỉ tương đương với năm đấu gạo. Lái đồ là một cô gái rất xinh, mau mồm miệng. Đồ lướt đi trên suối êm như ru. Phong cảnh hữu tình. Mái chèo dong đưa rẽ sang hai bên những cây rong và cây lau nước. Vài con chuồn chuồn kim, chuồn chuồn ớt bay theo đậu cả ở trên sạp đồ. Vào chùa Trình, bà Diêu dâng sớ. Chiếu đứng ở đằng sau, lẩm rầm khấn: "Nếu Phật cho ni cô Huệ Liên, xin hậu tạ một bữa tiệc chay thật hậu".

Hàn Soạn thông thạo vùng này, đi đến đâu, kể sự tích đến đấy, bà Diêu rất khâm phục. Thuyền đi ngược, thuyền đi xuôi, ai cũng chào nhau thật lễ độ. Đi trên suối, con người như thoát tục, tự nhiên thấy cảm động, mới thấy mình sống ở đời thật nhiều bụi bặm.

Đến bến Đá, lái đồ neo lại ngồi chờ. Hàn Soạn đi trước, bà Diêu và Chiếu đi theo. Xung quanh Thiên Trù chật ních người, khói hương ngào ngạt. Người bán hàng ngồi la liệt. Những hàng cơm và lều trọ dựng sơ sài bằng tre nửa nhưng sạch sẽ. Hàn Soạn dẫn Chiếu và bà Diêu vào chào hòa thượng trụ trì. Hòa thượng béo tốt, hồng hào, lông mày như vẽ, đôi mắt lơ lơ trông như mắt cá, không đoán được là người hiền hay là người ác, kiến thức nông hay sâu. Bà Diêu dâng lễ vật, Chiếu thấy

hòa thượng gật đầu, râu lễ vật rất thạo và nhanh, bèn nghĩ bụng: "Việc chắc thành". Ngồi một lát, nói dăm ba câu chuyện băng quơ, thấy ni cô Huệ Liên bước ra chào. Chiêu liếc mắt, ngẫm lời Hàn Soạn nói không sai, bụng mừng lắm.

Cúng vái xong, Chiêu kêu đau bụng. Bà Diêu là người thật thà không biết đây là mưu của Hàn Soạn, cứ cuống quýt lên. Chiêu và Hàn Soạn đồ mãi, bà Diêu mới để đồ đạc lại rồi vào chùa Trong một mình, vừa đi vừa áy náy không yên.

Chiêu ở lại, cứ y lời Hàn Soạn mà làm. Thương thay cho ni cô Huệ Liên, muốn đi tu để trốn sự đời mà không trốn được.

Huệ Liên tên thật là Đỗ Thị Ninh, về làm vợ ba của Chiêu thì một năm sau sinh con trai đặt tên là Phạm Ngọc Phong.

VI

Phạm Ngọc Phong được mười sáu tuổi thì mất cả cha lẫn mẹ. Hôm ấy là ngày tiệc làng 11 tháng Tư, Chiêu đi ra đình lễ, về nhà thấy người ngây ngất mới vào buồng nằm. Buổi chiều thấy gầy gầy sốt, ăn có nửa bát cơm rồi bỏ bữa. Bà Diêu sai cô Ninh đi hái lá hương nhu, khúc tần, lá bưởi, lá tre về nấu nước xông. Chiêu không nghe. Sắn nước nóng, cô Ninh mang đi tắm. Nửa đêm, thấy vợ ba thơm tho, Chiêu nổi máu phong tình. Sau cuộc mây mưa, người Chiêu cứ lịm đi, đến sáng thì mất. Cô Ninh sợ quá, khóc ầm lên. Bà Diêu giận lắm, mắng rằng: "Đồ con đi, tu không trốn, bây giờ lại giết chồng". Cô Ninh tủi phận, nghĩ mình bị lừa về làm vợ ba chẳng khác con ở, làm đủ việc nhà, ngủ với chồng cũng phải giấu giếm, bây giờ mang tiếng oan giết chồng, thế là đi tắt qua đê ra sông tự vẫn. Ở nhà đang nhập quan Chiêu thì đám chài ở sông vào báo vớt được xác cô ba. Bà Diêu đập đầu xuống đất than rằng: "Con dâu phụ thật là tiền oan nghiệp chướng". Hai đám tang cùng một lúc, áo quan chàng đi trước, áo quan nàng theo sau. Chuyện này âm ỉ cả vùng, ba chục năm sau người ta còn kể. Cánh hương lý thấy cơ hội làm tiền được, đòi khám tử thi, coi cô Ninh chết do bức tử. Bà Diêu phải lo lót, bán đi năm mẫu ruộng mới dẹp yên chuyện.

Sau lần ấy, bà Diêu ốm nặng, hóa thành người lẫn lộn, dở khôn dở dại.

Phong lớn lên, học chữ quốc ngữ. Tính nết Phong lông bông, ương

nganh. Phong được văn tự cả cơ ngơi hơn chục mẫu ruộng nhưng không thiết, tất cả giao cho chị gái quản lý. Chị Phong tên là Cẩm, con bà hai, ở vậy không lấy chồng, tính nết nhu mì hiền thực.

Phong ra Hà Nội học, thỉnh thoảng mới về nhà. Một hôm Phong dẫn về một người đàn bà hơn Phong đến chục tuổi, người cao lớn, đen đúa, răng vàng, bụng chửa khệ nệ. Phong bảo bà Cẩm: "Đây là cô Lan, sinh viên trường thuốc, cháu của ông Tân Dân làm báo ngoài Hà Nội. Chúng em ăn ở với nhau được một năm rồi". Bà Cẩm tái mặt, ngồi im không biết nói sao. Cô Lan cúi đầu, mặt đỏ như gấc, tay mân mê tà áo may bằng thứ vải lụa Bom-bay, cổ khoét rộng, lộ một chuỗi dây chuyền bằng vàng. Bà Cẩm hỏi: "Thế cậu vợ tính sao?" Phong bảo: "Cô Lan ở nhà. Em ra Hà Nội hùn vốn làm báo". Bà Cẩm bảo: "Cậu ơi, nhà ta xưa nay làm ruộng, mổ thịt lợn. Tôi nghiệm những người bỏ quê ra ngoài mùa may đều không ra gì. Cái chí của cậu, tôi là đàn bà không dám nói sao, chỉ khuyên cậu nên chừng mực thôi". Phong thọc hai tay vào túi áo vét, mỉm cười: "Mécxi". Bà Cẩm ngờ ra không hiểu em trai nói gì. Đến bữa, cô Lan xối có nửa bát cơm, ngồi gầy gầy từng hạt một. Có món canh khế nấu thịt nạc rất ngon, bà Cẩm chan vào bát ép ăn. Phong giã nảy: "Chết, nhà em kiêng ăn hành". Bà Cẩm đỏ bừng mặt. Cơm xong, Phong phải ra chợ Kê Noi mua hai chiếc bánh dày cặp chả cho vợ ăn.

Cô Lan ở nhà một tuần đầu không ra khỏi buồng, chỉ toàn nằm đọc sách. Bà Cẩm sợ Phong cứ nín nhịn không nói năng gì. Một hôm cô Lan hỏi bà Cẩm: "Nhà ta có bao nhiêu ruộng?" Bà Cẩm bảo: "Hơn chục mẫu. Cậu Phong bán đi tám mẫu mang tiền ra Hà Nội làm ăn. Nhà bây giờ còn ba mẫu. Lại còn một phần thịt lợn ở chợ Kê Noi". Cô Lan hỏi: "Phần thịt ai trông?" Bà Cẩm bảo: "Tôi thuê ông Bình là người trong họ. Vốn mình bỏ ra, còn lãi chia đôi". Cô Lan bảo: "Từ mai tôi trông coi phần thịt". Hôm sau ra chợ xem xét, bụng mang dạ chửa nhưng cất đặt việc đầu vào đấy, tiền nong rạch ròi, bà Cẩm với ông Bình hải lắm. Ông Bình không dám ăn bớt một xu.

Bà Diêu ngày càng yếu, lẫn lộn, cứ quanh quẩn trong buồng, ỉa đái ngay chỗ nằm. Phong bảo: "Sao con mẹ này sống dai thế?" Cô Lan bảo: "Cho liều thuốc chuột là yên". Phong bảo: "Không cần, cứ để đói vài ngày". Nói rồi quay ra bảo bà Cẩm: "Từ hôm nay đừng cho mẹ Cả ăn nữa, tám mươi hai tuổi rồi, sống làm quái gì?" Bà Cẩm sợ hãi: "Cậu ơi, cậu nghĩ lại đi, phải để đức cho con cháu chứ?". Phong trừng mắt bảo: "Con ác tặc này nó giết mẹ tôi chị có biết không?". Bà Cẩm cứ kêu khổ.

Phong khóa cửa lại rồi cất chìa khóa vào túi áo vét.

Bà Diêu bị nhốt trong buồng, đói khát lắm, bốc cả phân ăn. Mỗi ngày một lần, Phong mở khóa xem đã chết chưa. Đến hơn nửa tháng, bà Diêu vẫn sống nhăn răng. Phong phát hoảng, bảo vợ: “Con mẹ này là phù thủy chắc?” Cô Lan đến xem, thấy có một hạt cơm rơi ở dưới chân giường, cười nhặt bảo rằng: “Mẹ Cả anh còn sống lâu lắm. Khéo nó còn sống để chôn anh với tôi cơ đấy”. Lại hỏi Phong: “Chìa khóa để đâu?” Phong chỉ vào túi áo vét treo ở trên tường. Cô Lan bảo: “Thảo nào. Anh đưa đây để tôi phá phép của con phù thủy ấy cho”. Nói rồi cầm chìa khóa cho vào cái ví xách tay.

Khoảng nửa đêm, cô Lan bầu Phong dậy. Cái áo vét Phong treo ở trên sập gụ gian ngoài. Dưới bóng trăng mờ mờ, thấy một bóng đen đang lẩn sờ túi áo. Cô Lan cầm tay thước gỗ lim quật thẳng vào đầu bóng đen, chỉ nghe “ối” một tiếng rồi ngã vật xuống. Phong thấp đèn lên thấy bà Cẩm máu me đầm đìa trên trán. Cô Lan bảo: “Khổ quá, tôi tưởng trộm”. Phong gắt bà Cẩm: “Chị lẩn ra đây làm gì?”. Bà Cẩm rên hừ hừ, mặt úp vào bát cơm nguội đầy máu trên sập gụ.

Ba ngày sau, bà Diêu mất, Phong làm ma tử tế, đặt tên hiệu là Đoan Thuận. Còn bà Cẩm, vai trò quản lý dần lu mờ đi. Cô Lan đứng ra điều hành toàn bộ công việc. Đứa con gái cô Lan đẻ ra đặt tên là Huệ. Cô Lan thuê một người vú để trông nom nó. Con bé lớn lên, kháu khỉnh nhưng mẹ nó không thích nó. Việc nuôi dạy nó giao hoàn toàn cho người vú và bà Cẩm.

VII

Ông Tân Dân tên thật là Nguyễn Anh Thường. Trong làng báo, làng văn, ông khá nổi tiếng. Người ta cũng có trách ông là hay la liếm, ăn tham như mỗ, nhưng việc đó không can hệ gì. Ông Tân Dân bảo Phong: “Văn chương phải bất chấp hết. Ngập trong bùn, sục tung lên, thoát thành bướm và hoa, đấy là chí thánh”. Phong chỉ gật đầu. Ông Tân Dân và Phong hùn vốn làm ăn, nói là làm báo nhưng thực chỉ buôn giấy.

Một hôm ông Tân Dân bảo Phong: “Tôi vừa xin được giấy phép buôn muối. Chú ra tay đi. Chú xuống Phát Diệm, ở đấy có cha Tất lo. Ta lên miền núi bán. Tôi đi Sơn La, tìm lão tri châu Cẩm Vĩnh An bàn bạc”. Phong gật đầu.

Phong đến Phát Diệm, tìm đến nhà thờ đá. Đây là một khu đất rộng đến vài ba mẫu gồm cả hệ thống vừa công viên, vừa lăng tẩm, vừa nhà thờ, vừa trường dòng, xây cất rất công phu. Phía trước có một hồ bán nguyệt rộng, nước trong vắt, nhìn rõ cả những con cá bơi lội tung tăng. Lại có cả những núi đá giả đặt tượng Đức Mẹ và Chúa Giêsu trắng toát. Phong đứng nhìn lòng thán phục, bèn nghĩ thầm: "Mẹ khỉ, cả nước mình có lẽ chỉ có công trình này được gọi là công trình kiến trúc của muôn đời. Đạo Thiên Chúa là thứ đạo gì mà ghê gớm vậy?"

Quanh quẩn một lúc, thấy một người bồ già đi ra dẫn Phong vào. Cha Tất còn trẻ, trắng trẻo, trán cao, có đôi mắt rất hóm. Đọc xong thư của ông Tân Dân, cha Tất mời Phong ngồi, đoạn vẫy tay ra phía đằng sau. Có một thiếu niên mặc áo chùng đen bưng trà ra mời. Lại thấy hai thiếu niên mặc áo chùng đen đi ra đứng sau lưng hầu quạt. Phong uống nước, thấy trà thơm lừng. Phong hỏi: "Thưa cha, việc chúng con nhờ cậy liệu có thành không?" Cha Tất nhỏ nhẹ: "*Kinh Thánh nói: "Có ai trong anh em, khi con mình xin bánh, lại cho nó hòn đá không?" Con cứ yên tâm, cứ ở đây nghỉ, rồi đâu vào đấy*". Phong xin phép ra ngoài nhà trọ, cha Tất bằng lòng.

Phong nằm trên gác nhà trọ, trời mưa tí tách. Kề kề một túi tiền nên Phong không dám đi đâu. Chủ quán trọ suốt ngày cứ ngồi ủ rũ trước hiên nhà trông ra ngoài đường. Phong buồn quá, hết đứng lại ngồi, giờ đi giờ lại cuốn truyện Trê Cóc in trên giấy bản đọc đi đọc lại. Phong không biết nhà này có bao nhiêu người mà chẳng thấy ai đi ra đi vào gì cả. Một hôm, Phong đánh liều hỏi chủ quán: "Ở đây có con điếm nào xinh không?". Chủ quán gật đầu. Phong bảo: "Gọi cho tôi một đứa". Chủ quán hỏi: "Ông thích loại còn tân hay đã mất tân?" Phong vỗ đùi đánh đét: "Còn tân thì nói gì nữa?". Chủ quán đứng dậy đi xuống nhà ngang, lát sau dẫn lên một đứa con gái trạc mười lăm tuổi. Chủ quán bảo: "Đây là con gái tôi". Phong uống nước, suýt nữa thì ghen.

Đứa con gái mới lớn, chưa biết gì về chuyện hoa nguyệt. Phong cũng thương thương nhưng rồi tặc lưỡi: "Bản khoán làm gì, tất cả rồi sẽ qua đi". Phong kéo nó lên gác, con bé vừa đi vừa làm dấu, miệng kêu tên Chúa.

Được vài ngày, ông bồ già đến gặp Phong bảo: "Chuyện của cậu cha Tất lo xong rồi. Cậu về Hà Nội mà nhận hàng". Phong cầm giấy tờ, giao tiền cho ông bồ già, cứ thăm phục tay cha cố trẻ măng mà làm việc đâu vào đấy.

Phong về Hà Nội, tìm đến nhà ông Tân Dân. Đây là lần đầu Phong đến nhà riêng của lão. Phong bấm chuông gọi, thấy một con chó Tây lao ra. Một người bồi đi sau gọi: "Lu lu". Con chó cụp đuôi đi vào. Người bồi hỏi: "Ông cần gì?" Phong bảo: "Tôi là Phong". Nói rồi đưa danh thiếp ra. Người bồi bảo: "Ông Tân Dân đi Sơn La chưa về, nhưng có thư gửi ông để ở trong nhà. Mời ông vào gặp bà chủ". Phong đi theo người bồi vào nhà, thấy nhà cửa đồ đạc sang trọng, bài trí rất có gu. Phong nghĩ thầm: "Lão này đều. Thế mà cứ giả nghèo giả khổ. Lúc nào cũng vay tiền mình". Ngồi một lát, thấy có tiếng dép loẹt quẹt rồi một thiếu phụ trạc ba mươi tuổi đi ra. Phong đứng dậy chào, thấy thiếu phụ đẹp rất đài các. Thiếu phụ bảo: "Chào ông Phong. Tôi là Thiếu Hoa. Ông nhà tôi có thư gửi ông". Hai người cùng ngồi, nói đàm câu chuyện băng quơ, đại để như chuyện thời tiết, giá cả. Phong thấy Thiếu Hoa lịch lãm, trong lòng thích lắm. Thiếu Hoa khép vạt áo bảo: "Ông đọc thư đi". Nói xong mỉm cười. Phong cầm thư bảo: "Xin lỗi bà". Thư viết: "*Kính gửi ông Phong, bạn amour của tôi. Tôi đi Sơn La từ hôm 16 tháng Juillet. Việc bán hàng cho Cẩm Vĩnh An đã đâu vào đấy, chỉ chờ hàng lên là lấy tiền. Phần ông lo giúp việc đưa hàng lên sớm ngày nào hay ngày ấy. Nếu cần thì ông lấy mấy tên người nhà của tôi đi theo. Với trí mẫn tiệp và sự tháo vát của ông, tôi tin vạn sự như ý. Bệnh thấp khớp khiến tôi không về lo việc cùng ông được. Mong gặp ông ở Sơn La. Chúc ông với gia quyến bằng an. Rất kính trọng ông. Ký tên: Tân Dân*".

Phong đọc thư xong, cười nhạt. Thiếu Hoa hỏi: "Thưa ông Phong, ông thấy công việc ra sao?". Phong bảo: "Thưa bà, xin bà đừng bận tâm, chồng bà là một thiên tài". Thiếu Hoa đỏ mặt: "Ông quá khen, nhiều khi tôi thấy nhà tôi ích kỷ ghê gớm". Phong cười: "Đấy cũng là một tính cách thiên tài". Thiếu Hoa bảo: "Nhà tôi rất khen ông". Phong hỏi: "Thưa bà, về mặt nào?" Thiếu Hoa bảo: "Nhà tôi bảo ông là một *gentleman*". Phong bảo: "Thưa bà, tôi muốn mời bà một bữa cơm nhạt ở phố Hàng Buồm. Nếu bà chối từ thì tôi không xứng với lời khen ấy". Thiếu Hoa lưỡng lự rồi gật đầu.

Phong về nhà (Phong có một nhà riêng ngoài phố), nghĩ ngợi: "Lão Tân Dân đều thật, vốn mình bỏ ra, bao nhiêu công việc vất vả cũng mình, lão ấy chỉ ngồi hưởng. Được, xem lão ấy được hưởng những gì". Bèn đứng dậy, gọi xe tay bảo đưa đến hiệu cao lâu Hàng Buồm đặt tiệc. Đến hiệu cao lâu, Phong gọi lão Hoa kiều Vương Bình đến bảo: "Nĩ làm cho ngộ một bữa ăn đặc biệt hai người. Cho nhiều thuốc kích dục vào". Vương Bình gật đầu.

Buổi chiều, Phong đến đón Thiều Hoa. Hai người ăn uống vui vẻ, đầu tiên giữ ý, về sau thuốc ngấm, cứ kể vai nhau lời lả. Phong đưa Thiều Hoa vào buồng. Lão Vương Bình đóng cửa ngồi canh. Sau lần ấy, họ còn đi lại với nhau vài lần nữa. Thiều Hoa gặp Phong trẻ trung, thật như đại hạn gặp mưa rào. Hai người thể thốt sẽ sống với nhau.

Đến ngày hẹn, Phong ra bến sông Cái nhận hàng rồi đi Sơn La.

VIII

Đoàn xe ngựa thổ muối đi hơn nửa tháng mới đến Sơn La. Nhà Cẩm Vinh An ở dốc Bản Mạt, nhà quan mà cũng chẳng khác gì nhà người Thái khác, được cái to hơn, gỗ tốt hơn. Ông Tân Dân giới thiệu Cẩm Vinh An với Phong. An chẳng tỏ vẻ gì ra mặt. Phong liếc nhìn, thấy An tướng ngũ đoản, da dẻ hồng hào, mi mắt sùm sụp, điệu bộ chậm chạp, có vẻ như người suy nghĩ chậm. Phong gầy rộc sau chuyến đi vất vả, thấy ông Tân Dân ngày nào cũng ba bữa rượu rồi vác súng đi săn, ngồi tán nhảm thì hăm hực lắm. Ông Tân Dân bảo: "Tôi biết chú vất vả, chuyến này thì chú công đầu". Phong chẳng nói năng gì, lát sau hỏi xin Cẩm Vinh An ít rượu mật gấu để bóp chân tay.

An hỏi: "Có bao nhiêu muối?" Phong bảo: "Tám tấn". Ông Tân Dân giẫy nảy: "Chết, ta thỏa thuận với nhau những hai mươi tấn cơ mà?" An bảo: "Người Kinh các ông hay nói một đằng làm một nẻo". Phong bảo: "Tôi giao đợt đầu tám tấn, giao đến đâu lấy tiền đến đấy, sao bảo nói một đằng làm một nẻo?" An bảo: "Ông Tân Dân đã lấy tiền cả hai mươi tấn". Ông Tân Dân bảo: "Tôi lấy tiền trước, trích phần lãi để mua thuốc phiện mang về Hà Nội". Phong bảo: "Tôi chẳng chơi. Nhà nước cấm buôn thuốc phiện, khéo mà tù. Ông chỉ nên lấy số lãi của ông mua thôi". Ông Tân Dân bảo: "Gay go thật, tôi trót mua rồi thì sao?" Phong bảo: "Không sao cả, ông ghi cho tôi cái văn tự nợ, có quan tri châu ở đây đứng làm chứng". An bảo: "Phải". Ông Tân Dân tái mặt.

Buổi chiều hôm ấy oi bức. Ông Tân Dân phải hoàn lại số tiền mười hai tấn chưa lấy muối cho Cẩm Vinh An rồi ghi văn tự nợ với Phong. Phong bắt ghi rõ thời hạn trả tiền là một tháng, nếu không thì gán nhà riêng. Thuốc phiện trót mua rồi, ông Tân Dân cực chẳng đã phải chịu.

Sáng hôm sau, ông Tân Dân vội vã thu xếp về xuôi, bảo Phong cùng đi với mình. Phong bảo: "Ông đi trước đi. Tôi phải ở lại ít ngày mới hoàn sức được". Cẩm Vinh An bày tiệc tiễn đưa. Phong kêu mệt nằm trong buồng ngủ.

Ông Tân Dân đi rồi, Phong nhồm dậy, lấy ra hai chục vuông vải đen, hai chục vuông vải đỏ nói với Cẩm Vinh An: "Tôi được hân hạnh biết quan tri châu. Hôm qua còn mệt, dâng quà biếu bất tiện, hôm nay mới có cơ hội". An gật đầu. Phong lại nói: "Số muối ước định với quan tri châu là hai mươi tấn, việc này không dám đơn sai, ba ngày nữa số muối còn lại sẽ lên đến nơi". An cũng gật đầu. Phong lại nói: "Khi muối đến nơi, chỉ lấy tiền mười tấn, còn hai tấn xin biếu để nhà ăn dần". An cũng gật đầu. Phong lại nói: "Tôi làm ăn với ông Tân Dân nhưng coi như kẻ thù. Ông Tân Dân mang thuốc phiện là việc không hay. Xin quan tri châu nên báo với nhà chức trách". An cũng gật đầu.

Hôm sau, Cẩm Vinh An cưỡi ngựa đi sớm. Buổi chiều, An về bảo Phong: "Ông Tân Dân đi đến Yên Châu thì bị tóm rồi". Hai người cùng cười. An lấy ra một túi bạc trắng bảo Phong: "Đây là tiền thưởng". Phong bảo: "Quan tri châu chia thành ba phần. Một phần để phụ nữ trong nhà may sắm quần áo mới..." An bảo: "Nhà tôi nhiều đàn bà lắm". Phong bảo: "Thế thì chia bốn".

Ngày hôm sau, đoàn ngựa chở số muối còn lại lên đến nơi. Phong ra xem xét, thấy không thất thoát gì, mừng lắm, thưởng hậu hĩnh cho bọn phu áp tải. Cẩm Vinh An hài lòng, tiễn Phong ra về bằng một bữa tiệc rất to, thịt một con trâu. Trong bữa tiệc, An nèo Phong ăn món nậm pịa (giống như phèo trâu). Phong ăn nhưng ngậm trong mồm rồi ra đầu quần nhỏ toẹt xuống sàn.

IX

Về Hà Nội, Phong báo cho Thiều Hoa biết việc ông Tân Dân bị bắt. Thiều Hoa hỏi: "Liệu tù bao nhiêu năm?" Phong bảo: "Cẩm Vinh An hứa không dưới mười năm". Thiều Hoa bảo: "Ra tù chết là vừa".

Phong về Kẻ Noi bàn với cô Lan việc cưới Thiều Hoa. Cô Lan tức lắm, nhưng biết Phong nhẫn tâm, lắm thủ đoạn, nếu có gây sự thì chỉ thiệt mình, vì vậy đành nín nhịn. Đám cưới Phong với Thiều Hoa rất long trọng. Phong bán cơ ngơi của ông Tân Dân sau khi ông Tân Dân bị tuyên

án vờ nợ và bị xử mười năm tù. Thiều Hoa có một đứa con với ông Tân Dân, thằng bé tên là Hạnh, đầu to tướng, có tật ở chân, đi đứng cứ nhảy nhẩy như con cào cào.

Bấy giờ cô Lan đẻ thêm một đứa con gái nữa, đặt tên là Cúc. Còn Huệ, Phong đưa ra Hà Nội ở, sau này lấy chồng tên là Điềm. Điềm là họa sĩ chuyên vẽ minh họa cho tờ báo mà Phong hùn vốn. Cha mẹ Điềm làm nghề bán tạp hóa.

Rằm tháng Bảy, Phong đưa Thiều Hoa về Kẻ Noi làm sinh nhật năm mươi tuổi. Phong bàn với cô Lan và Thiều Hoa làm cỗ to mời khách. Hôm ấy trăng sáng, Phong trải chiếu hoa ngồi trên hè, nhẩn nha uống nước nọ với. Bà Cẩm nằm võng ru con bé Cúc. Ru rằng:

*"Ông giăng kia ông ở trên giời
Hỏi ông có biết sự đời cho chăng?
Sự đời nhút nhát nhăng nhặng
Nghe ra chẳng biết mần răng nực cười..."*

Dưới nhà ngang, cô Lan chỉ bảo những người trong họ đến làm giúp. Bà Cẩm lại ru. Ru rằng:

*"Cái cò đi đón con mita
Tối lắm mù mịt ai đưa cò về
Cò về thăm quán cùng quê
Thăm cha thăm mẹ, cò về thăm ai..."*

Phong bảo: "Mười năm nữa, giời cho ta sống, làm ăn được, ta lên thượng thọ sẽ khao cả làng". Thiều Hoa bảo: "Gớm, cứ ăn chơi lắm thì liệu có sống được năm năm nữa không?". Bà Cẩm lại ru. Ru rằng:

*"Làm giai cho đáng nên giai
Phú Xuân cũng trái, Đồng Nai cũng tình..."*

Phong hỏi bà Cẩm: "Cái con bé đang vật lông gà kia tên là gì, con nhà ai?" Bà Cẩm bảo: "Đấy là cái Chiêm con ông Mùa". Phong hỏi: "Có phải ông Mùa hồi trước vẫn công tôi ra để xem diều không?" Bà Cẩm bảo: "Phải". Phong hỏi: "Ông Mùa dạo này thế nào?" Bà Cẩm bảo: "Ông Mùa đông con cơ cực lắm. Đận tháng ba ốm suýt chết". Phong nói với con rể: "Mày là họa sĩ, mày thấy con bé Chiêm có đáng là hoa hậu của quê tao không?" Điềm bảo: "Con thấy bình thường". Phong bảo: "Mày không biết nhìn. Mày chỉ thấy quần áo. Đấy là vì mày kém từng trải". Điềm gật gù: "Con chịu bố". Thiều Hoa bảo: "Hai bố con, chuyện ấy

chẳng ai kém ai".

Ngày hôm sau, khách ở Hà Nội về hơn ba chục vị. Ô tô đậu kín một đoạn đê. Có các quan chức, nhà văn, nhà báo, nhà buôn. Một số bà vợ cũng đi theo chồng. Lễ vật bày kín trên tám sập gụ kê giữa nhà thờ. Phong ra tận cổng đón khách. Thiều Hoa lộng lẫy đứng bên. Cô Lan tất bật chỉ bảo công việc bếp núc.

Khoảng gần trưa, cánh hương lý trong làng đến chào. Cũng tới hơn hai chục người. Phong mời cả vào trong nhà tiền tế. Pháo nổ âm ỉ.

Ông Tô Phương, nhà buôn, đứng lên thay mặt quan khách chúc mừng. Vỗ tay ran lên. Phong bắt tay ông Tô Phương, bảo: "Cám ơn ông, cám ơn chư vị. Đứng ở nhà mình, quê mình, xung quanh có vợ con, làng xóm, bạn bè, uống một cốc rượu cất bằng thứ gạo cấy trên mảnh ruộng nhà mình, thế là sướng, dầu rằng biết đời cũng là phù du". Mọi người gật đầu. Ăn uống đến hơn ba tiếng mới xong. Sau tiệc mặn là bánh ga-tô, trên đĩa bánh nào cũng có chữ "Phạm Ngọc Phong" bằng bơ. Mấy ông kỳ mục trong làng dùng tay nhón bánh bỏ vào mồm, dây bơ ra cả ngón tay, thấy bẩn lại bôi xuống chiếu.

Sau tiệc, Phong cho Thiều Hoa ra Hà Nội trước, còn mình nghỉ ở Kê Noi ba tháng. Thời gian này Phong đi thăm thú trong làng, thấy có một số nhà giàu mới lên nhưng cũng có nhiều nhà nghèo lắm. Nhìn chung, tất cả là sự lam lũ nhếch nhác bao trùm. Có hôm Phong lên bờ đê hóng mát, nằm dài trên bãi cỏ xanh mà nhìn trời cao, thấy những cánh cò thấp thoáng bay về phía xa.

Một hôm, Phong đang ngồi trên đê thì thấy một đám xúm đông xúm đỏ. Đến gần, thấy ông lão xẩm kéo nhị và đứa bé con đang hát. Phong lắng nghe, thấy lời lẽ mơ hồ nói về nhân, nghĩa, hiếu, lễ. Bên cạnh, có một anh ngồi nặn những con giống tò he xanh đỏ trên mẹt thúng với nắm bột nếp, nặn cả những anh hùng ngày xưa, vị nào cũng quắc thước. Phong thấy cô Chiêm đứng xem, gánh cổ đằng sau, mắt long lanh sáng, đôi môi cắn chỉ nhay cọng đồng đồng, những giọt mồ hôi đọng cả ở hai thái dương.

Đi về, cô Lan hỏi Phong: "Ông sao buồn thế? Hay là tương tự con bé nào rồi?". Phong bảo: "Tôi thích con bé Chiêm quá". Cô Lan bảo: "Để tôi hỏi làm vợ bé cho ông. Con bé chịu khó. Tôi cũng mến nó". Phong bảo: "Tôi đội ơn bà". Cô Lan bảo: "Ơn huê gì. Ông tuổi Dần, ông đã để ý đến ai thì trước sau thế nào mà ông chẳng ăn thịt người ta".

Vài ngày sau, cô Lan cho mời đến nhà ông Mùa đánh tiếng. Ông Mùa sợ lắm. Cô Chiêm giẫy nẩy, dọa đi tự vẫn. Phong thấy không ổn, mắng rằng: “Thân lừa ưa nặng, ông cho hỏi han tử tế không xong thì cho cả họ nhà mày khốn nạn”. Ông Mùa ra sức ép con, họ hàng xúm vào dỗ dành. Cuối cùng cô Chiêm phải chịu. Đám cưới tổ chức linh đình, cô Chiêm đi về nhà chồng như người mất hồn. Vài năm sau, cô Chiêm đẻ ra hai đứa con trai, đứa đầu đặt tên là Phạm Ngọc Phúc, đứa sau tên là Phạm Ngọc Tâm.

X

Một thời gian dài Phong ở Kẻ Noi, công việc ngoài phố giao cho Thiếu Hoa và Diễm quản lý. Một hôm Thiếu Hoa bảo Phong: “Có tay nhà thơ bán tập bản thảo hay hay, tôi định ghi tên ông rồi cho xuất bản”. Phong trưng mắt bảo: “Nhảm nhí! Rõ chuyện đàn bà. Danh hiệu nhà thơ là thứ danh hiệu lớm người bạc phước. Thơ chỉ là thứ du dương bất lực. Khi nào nó vui hơn hôn thì chẳng ra gì”. Thiếu Hoa bảo: “Thế tôi bảo nó chữa lại rồi ghi tên tôi có được không?”. Phong bảo: “Đàn bà không có thơ đâu. Thơ phải là những tâm sự lớn. Đàn bà thì tâm sự gì. Thơ phải cao cả. Mỗi tháng các bà hành kinh một lần thì cao cả gì”. Thiếu Hoa đỏ mặt. Chuyện này bỏ qua, không nói nữa.

Một hôm, trên tờ báo mà Phong hùn vốn có bức tranh vẽ một ông bị vợ cấm cái sừng hươu lên đầu, khách đi vào treo mũ lên đấy, khuôn mặt người này trông rất giống Phong. Phong xem báo, dò hỏi xem ai vẽ tranh. Nhân viên trong báo chối quanh, nói là không biết. Phong bực mình, dọa đuổi cổ viên trị sự. Người này thú thật có kẻ đến đưa tranh bảo in, hứa thưởng cho tiền. Phong hỏi: “Chuyện tôi mọc sừng có à?” Người này bảo: “Nghe phong thanh khi ông ở quê, cậu Diễm với cô Thiếu Hoa thân mật lắm”. Phong cười nhạt bảo: “Cám ơn ông. Ông về làm việc đi. Lần sau, nhớ phải vì lợi ích của chủ. Không nhớ điều ấy thì đừng làm báo”. Người này băn khoăn: “Tôi tưởng báo chí chỉ phụng sự tự do, bình đẳng, bác ái”. Phong bảo: “Ông hay đùa nhỉ? Mời ông đi ra, tôi mà câu lên thì ông ăn cứt”.

Phong về nhà, vô cớ đập tan cái gương treo tường. Thiếu Hoa hỏi: “Ông chán cái mặt ông à?” Phong không trả lời. Thiếu Hoa bảo: “Ông mệt rồi, nên nghỉ đi”. Phong bảo: “Mai tôi về quê”.

Hôm sau trời mưa to, bong bóng nước nổi lênh bênh trước hiên nhà. Phong ngồi gập chiếc thuyền giấy thả theo dòng nước. Bỗng đứng dậy, đòi đi về quê ngay giữa lúc mưa, Thiếu Hoa và Diễm ngăn lại không được.

Phong lấy ô che đầu đi bộ ra đường. Một lúc ô ướt, nước thấm vào người, Phong tức mình vứt cả ô đi. Càng ngày mưa càng to. Phong cứ đầu trần đi giữa lòng đường. Một chiếc xích lô đi ngang kêu lên: “Ếp, ếp”.

Phong quay lại, không gọi cổng mà lấy chìa khóa riêng mở cửa vào nhà. Thiếu Hoa và Diễm đang nằm hủ hỉ với nhau, thấy Phong về, mặt cắt không còn hạt máu.

Phong bắt Thiếu Hoa ngồi rồi cũng ngồi vào ghế. Diễm run như dề đứng ở trước mặt. Phong hỏi: “Hai người ngủ với nhau mấy lần rồi?” Thiếu Hoa bảo: “Thưa, sáu lần”. Diễm bảo: “Một lần ở vườn hoa Bônbe là bấy”. Thiếu Hoa bảo: “Lần ấy vội vàng thì tính làm gì”. Phong bảo: “Bảy lần hay bảy bảy lần? Thằng Diễm, tao nuôi dạy mày mà mày trả hiếu thế à? Mày quỳ xuống, liếm chân vợ tao với tao không thì mày chết”. Diễm quỳ xuống đất, Thiếu Hoa rút chân vào, liếc mắt thấy Phong trừng mắt, lại đưa chân ra. Diễm đưa tay đỡ chân Thiếu Hoa đưa lên ngang miệng rồi bò sang phía chân Phong. Phong đập chiếc giàyбет bùn vào giữa mặt Diễm rồi bảo: “Cút đi”.

Phong bảo Thiếu Hoa: “Khốn nạn! Thằng hèn như thế mà đi hiến thân cho nó”. Nói xong lên gác, nằm lăn ra, úp mặt vào gối mà khóc. Chiều hôm ấy sốt li bì, Thiếu Hoa một lòng săn sóc Phong, ngày đêm tận tụy bên cạnh không lúc nào rời. Được khoảng nửa tháng thì Phong khỏe lại, trở nên ít nói, tính tình thay đổi, cư xử với mọi người hết sức lạnh lùng.

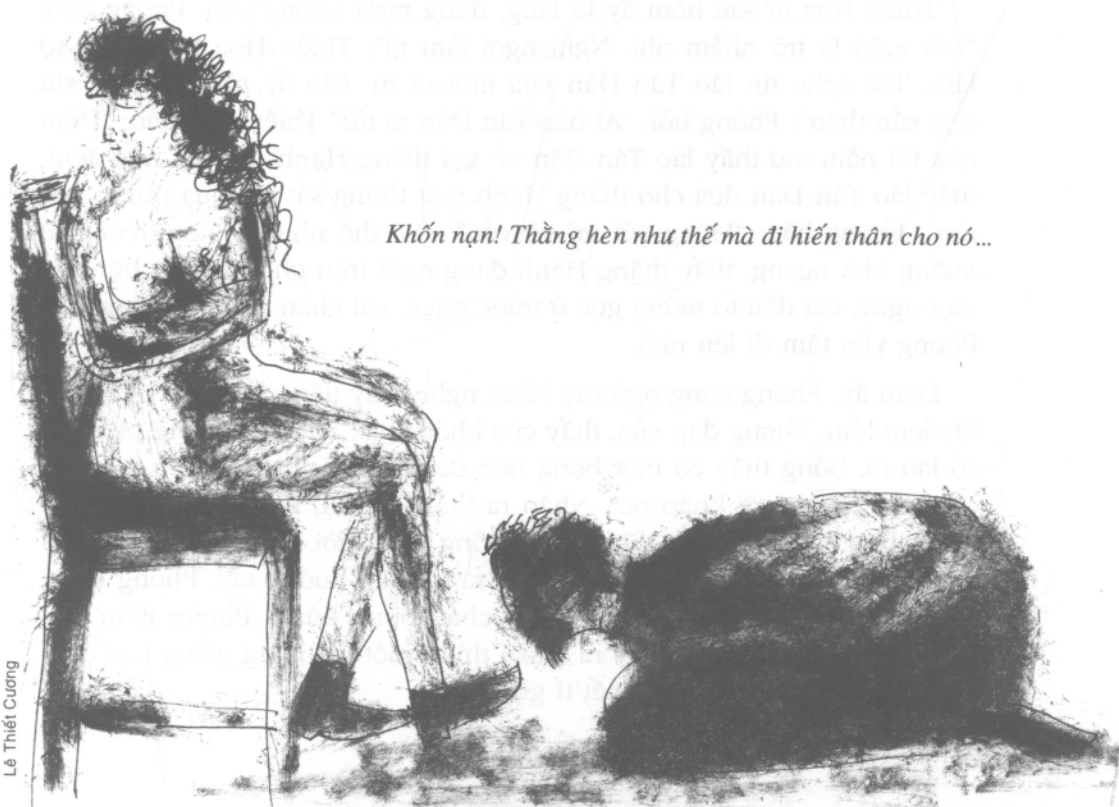
XI

Sau đợt ốm, Phong thường ngồi nhà tư lự. Một hôm bà Vân bán hàng khô ở chợ Đồng Xuân đến thăm biếu Phong hai cân mứt sen với mấy lạng chè. Phong hỏi: “Chợ búa dạo này thế nào?” Bà Vân bảo: “Thời buổi khó khăn, chúng em làm ăn cơ cực lắm”. Phong bảo: “Ừ, tiền bạc không biết thương người có tâm”. Bà Vân bảo: “Em muốn giật nóng ông bà mốn tiền, định liêu buôn chuyển cánh kiến có người đặt hàng nhưng em không có đủ tiền”. Phong hỏi: “Bà vay bao nhiêu? Bao giờ trả?”. Bà

Vân bảo: “Vay một tháng, lãi mười phân”. Phong bảo: “Đạo này tôi cũng cạn tiền. Thôi được”. Rồi thở dài: “Tôi không thích phụ nữ lặn lội kiếm sống. Phụ nữ là phải lành lặn, sạch sẽ”. Bà Vân bảo: “Ôi giờ, em cũng biết thế, nhưng không lặn lội thì biết lấy gì mà ăn. Ông mà cầm quyền thì bọn chúng em được nhờ”. Phong bảo: “Chính trị rất trò mờ ám, bĩ ối”. Bà Vân bảo: “Có bà Tôn Nữ Phương ở Huế ra chơi đang ở nhà em, bà Phương giỏi tướng số, bói toán, để em đưa đến xem hầu ông bà”.

Hôm sau, bà Vân đưa đến một bà già mặc áo dài màu mỡ gà, trên ngực áo có thêu hoa. Bà Vân bảo: “Đây là bà Phương, người trong hoàng tộc”. Phong gọi Thiều Hoa ra tiếp. Bà Phương bảo: “Xem cho ai trước”. Phong bảo: “Xem cho nhà tôi trước”. Bà Phương ngắm nhìn Thiều Hoa, bảo: “Bà vén tóc mai lên xem”. Lại bảo: “Bà cho tôi xem tay phải”. Lại bảo: “Bà đứng lên đi đi lại lại”. Nhìn ngắm một lúc rồi nói: “Thưa bà, bà cốt cách sang quý, mông to, đầu nhỏ, đây là tướng bậc mệnh phụ phu nhân, từ bé đến lớn không vất vả gì, đi đâu cũng được mọi người yêu kính. Bà hai đời chồng. Miệng cười tươi thắm là chuyện thị phi có nhiều. Nhưng dù có tội

Khốn nạn! Thằng hèn như thế mà đi hiến thân cho nó...



vẫn được chồng tha. Trên trán có vết u tối, nhân trung méo xệch, tháng này đại hạn, sợ rằng khó toàn tính mạng". Thiều Hoa giật mình, mặt tái đi, vội hỏi: "Liệu có cách nào giải hạn được không?" Bà Phương bảo: "*Thiên cơ bí mật. Biết nói ra sao. Số đã thế nào. Phải ai nấy chịu*".

Bà Phương bảo Phong: "Ông cho tôi xem tay trái". Lại bảo: "Ông đứng lên đi đi lại lại". Rồi bảo: "Ông là người cơ mưu, gian hùng; nhưng lòng rộng, trọng nghĩa khinh tài, cả đời không chịu thiếu thốn tiền nông, vinh hoa phú quý đủ cả. Cái gì ông cũng tinh tế. Ông là hổ vàng, người đời theo ông còn mệt. Tháng này ông cũng có hạn, xin ông giữ mình".

Phong gật đầu, cũng không hỏi thêm. Sau đó pha trà, chuyển sang nói về Kinh Dịch. Phong hỏi: "Dịch chủ bốc phê. Điều ấy thế nào?" Bà Phương bảo: "Đúng đấy, nhưng xem Kinh Dịch thoát được thì hóa thành thần, không thoát thì hóa ma quỷ. Trong vạn người có khi cũng không có thần, chỉ có ma quỷ". Phong thấy bà Phương nói năng lưu loát mới hỏi: "Hồi trước bà có học hành gì không?" Bà Phương bảo: "Cũng có học hành đôi chút. Sống ở kinh đô, người tài có nhiều, cũng có cái may, nhưng mà cái họa nhiều hơn". Phong gật đầu, giữ bà Phương lại ăn cơm, sau đó biếu một số tiền đi đường.

Thiều Hoa từ sau hôm ấy lo lắng, đứng ngồi không yên. Phong bảo: "Bói toán là trò nhảm nhí. Nghĩ ngợi làm gì". Thiều Hoa bảo: "Tôi sợ lắm. Tôi nghe tin lão Tân Dân vừa mới ra tù. Lão ấy nham hiểm, xin ông cẩn thận". Phong hỏi: "Ai bảo Tân Dân ra tù?" Thiều Hoa bảo: "Đêm qua tôi nằm mơ thấy lão Tân Dân về gọi thằng Hạnh. Lúc ấy nửa đêm, thấy lão Tân Dân đưa cho thằng Hạnh một thùng sắt tây qua phía hàng rào". Phong bảo: "Mộng với mị vớ vẩn". Nói thế nhưng Phong cũng đi xuống nhà ngang, thấy thằng Hạnh đang ngồi trên ghế ngủ gật hết như mọi ngày, cái đầu to tướng gục ở trước ngực, cái chân què vắt đằng sau. Phong yên tâm đi lên nhà.

Đêm ấy, Phong đang ngủ say bỗng nghe thấy tiếng kêu. Mờ mắt thấy lửa lem lem, Phong đập cửa, thấy cửa khóa chặt. Sợ quá, Phong phá cửa sổ lao ra, bỗng thấy có một bóng đen đang nhảy như con cào cào, tay cầm can xăng tưới khắp nơi. Nhận ra thằng Hạnh, Phong nhảy bổ đến đè ra bóp cổ. Lửa cháy dữ dội, rất bỏng cả người. Phong bóp chặt cổ thằng bé đến lúc thấy hai mắt nó lồi ra thì mới buông tay. Phong đứng lên, trông ra thấy cả căn nhà đang cháy bùng bùng. Phong ném xác thằng Hạnh vào lửa rồi chạy ra ngoài thì bị một vật nặng giáng vào đầu, ngã lăn ra mê man không biết tí gì.

XII

Chuyện lão Tân Dân ra tù, đốt nhà Phong để trả thù, âm ỉ cả lên. Nghe nói lão Tân Dân sau đó trốn sang Cao Miên. Thiều Hoa ở trên gác hai, không xuống được, bị chết thiêu. Phong bị bỏng sau lưng, phải nằm chữa bệnh rất khổ sở.

Bấy giờ ở Kẻ Noi bà Cẩm đã chết. Cô Lan thấy Phong ít về quê nên thậm thụt đi lại với lão Trương, cũng làm nghề bán thịt. Thấy Phong bị nạn, cô Lan cũng chẳng ra thăm, chỉ cho người mang tiền và quà ra. Về sau, nghe tin Phong bị bệnh nặng lắm, lão Trương ngang nhiên đi lại với cô Lan giữa ban ngày ban mặt. Ba mẹ con cô Chiêm sống dưới nhà ngang, không dám hé răng nói gì.

Một hôm có người bà con cùng họ Phạm ở Kẻ Noi đến thăm Phong. Người này bảo: "Họ Phạm thất lộc rồi. Bà Lan với lão Trương chiếm nhà, lão Trương đã cho dọn đồ đạc sang kê giữa gian tiền tế". Phong vùng dậy, khạc ra một bãi máu lớn, bảo: "Tôi chưa chết đâu. Họ Phạm mất nhà thế nào được. Tôi còn thằng Tâm, thằng Phúc cơ mà".

Vài hôm sau, Phong gượng dậy bảo người diu đến nhà một viên luật sư quen biết. Ông này du học về, rất thạo pháp luật. Phong vào thấy ông luật sư đang ngồi tiếp một bà trạc bốn mươi tuổi. Ông luật sư bảo: "Chào ông Phong. Ông ngồi chơi xơi nước, chờ tôi một lát". Phong gật đầu, ngồi nghe chuyện của ông luật sư với người đàn bà. Đại để hai vợ chồng có đứa con trai mười hai tuổi, thằng bé rất hỗn, người vợ đánh con vô ý quật phải hòn dái thằng bé, thằng bé chết, người chồng vốn có tư tình với một bà khác, nhân thế kiện người vợ giết con. Người vợ phân bua vô ý dả thương nên con chết, người chồng bác lại, muốn ghép vợ phải đi tù để li dị, chia của cải. Người vợ bây giờ tìm đến luật sư giúp đỡ.

Phong nghe chuyện, thấy ông luật sư trích dẫn sách vở, đại để như điều 216, 217 thì ngán ngẩm, đứng dậy về. Ông luật sư hỏi: "Sao ông lại về?" Phong bảo: "Tôi có cái nhà ở quê, mấy đứa khốn nạn định chiếm, muốn nhờ ông can thiệp". Ông luật sư bảo: "Được thôi, theo điều 318..." Phong bảo: "Cám ơn ông. Chuyện này không có điều luật nào đâu, tôi xử lấy thôi".

Chiều hôm ấy, Phong cho người gọi một tên anh chị khét tiếng tên là Tước sọc đến bảo: "Việc thế này... thế này... Bao nhiêu tiền?". Tước sọc bảo: "Chúng tôi làm việc nghĩa, không mặc cả như bọn tầm thường".

Phong bảo: “Tôi hiểu rồi, ông cứ cầm tạm ít tiền cho tôi yên lòng. Không sao đâu. Tiền bạc là một việc, nghĩa cử là một việc. Tôi nhầm lẫn thế nào được”. Tước sọc hài lòng ra về.

Ít bữa sau, lão Trương và cô Lan đang chuẩn bị dọn hàng ở chợ thì có một bọn người không biết ở đâu kéo đến gây sự. Lúc ấy đã chạng vạng tối. Bọn người kia xông vào đánh hai người. Cô Lan chết ngay, còn lão Trương đưa về nhà thì ba hôm sau cũng chết. Khi nhà chức trách đến xem thì bọn người kia đã biến mất tăm.

Cuối năm ấy. Phong sức yếu nhiều, bèn lần lượt rút vốn buôn bán ở các nơi về.

XIII

Hai đứa con trai cô Chiêm cách nhau tám tuổi, thằng Phúc lên mười, thằng Tâm lên hai. Phong có ý định cho Phúc đi học, bèn về nhà bàn với cô Chiêm.

Địp ấy đầu hè, trời nóng như rang đến hơn chục ngày, bỗng mây vần vũ kéo đến, sấm chớp nhằng nhằng. Thằng Phúc lần đầu được đi xa nhà, thích lắm, cứ sốt ruột hỏi: “Đợi hết mưa thì đến bao giờ?”

Cô Chiêm không muốn cho con đi học, nhưng sợ Phong không dám nói. Thằng Phúc hỏi: “Thế tôi đi học, ở luôn ngoài Hà Nội à?” Phong bảo: “Ừ, tao gửi mày cho ông bạn tao là giáo sư văn chương nuôi dạy”. Thằng Phúc đứng lên, đi khắp các phòng một lượt, lên cả nhà thờ, xuống bếp như muốn ghi nhớ tất cả những gì dính đến kỷ niệm ấu thơ của nó. Sau đó nó ngồi ở cửa, mắt nhìn lên trời, ngóng mưa.

Từ phía đằng Đông, mây đen kéo đến ùn ùn không có tí ti gió nào. Một vài hạt mưa rất to lộp độp rơi xuống mái ngói. Cô Chiêm đang xếp quần áo cho thằng Phúc vào cái hòm gỗ trong nhà. Phong ngồi ở trên sập gụ quạt cho thằng Tâm ngủ. Thằng Phúc reo lớn: “Mưa đấy!” Reo xong nó chạy ra sân. Bỗng lộp một cái, rồi một tiếng sét long trời lở đất vang lên. Khói ở ngoài sân bốc lên một đụn đen ngòm khét lẹt. Cô Chiêm và Phong ngã lăn ra, mái ngói xô ầm ầm.

Lát sau Phong tỉnh lại, tề đại cả người, thấy cô Chiêm đang gào thét bên xác thằng Phúc giữa sân. Mưa như trút nhưng mùi khét vẫn nồng nặc. Thằng Phúc nằm cong queo, người như rút hết nước, đầu nó trọc

lốc, khô xém, một mảng sân gạch Bát Tràng nát vụn.

Phong ốm liệt giường sau khi thằng Phúc bị sét đánh chết. Phong không ăn uống, người sốt rất cao. Đang nằm Phong mơ thấy mình lạc vào địa ngục. Một cái vạc to lửa cháy bùng bùng, những con quỷ dạ xoa mặt đen, tóc dài đang chum củi đun. Trong vạc, những người bị xiềng xích rên la thảm thiết. Phong thấy một người bảo: "Ta là Phạm Ngọc Liên đây". Lại thấy một người bảo: "Ta là Phạm Ngọc Gia đây". Lại thấy một người bảo: "Ta là Phạm Ngọc Chiêu đây". Lại thấy mấy người đàn bà bảo: "Ta là Diêu đây, là Lan đây, là Thiều Hoa đây". Phong giật mình dậy, thấy người trong giấc mơ rất giống những người mình vẫn thường gặp, tựa như ông Liên thì giống ông chủ sự dây thép, ông Gia giống ông luật sư, ông Chiêu giống ông bán báo, cô Lan giống cô bán gạo, Thiều Hoa giống cô bán đường.

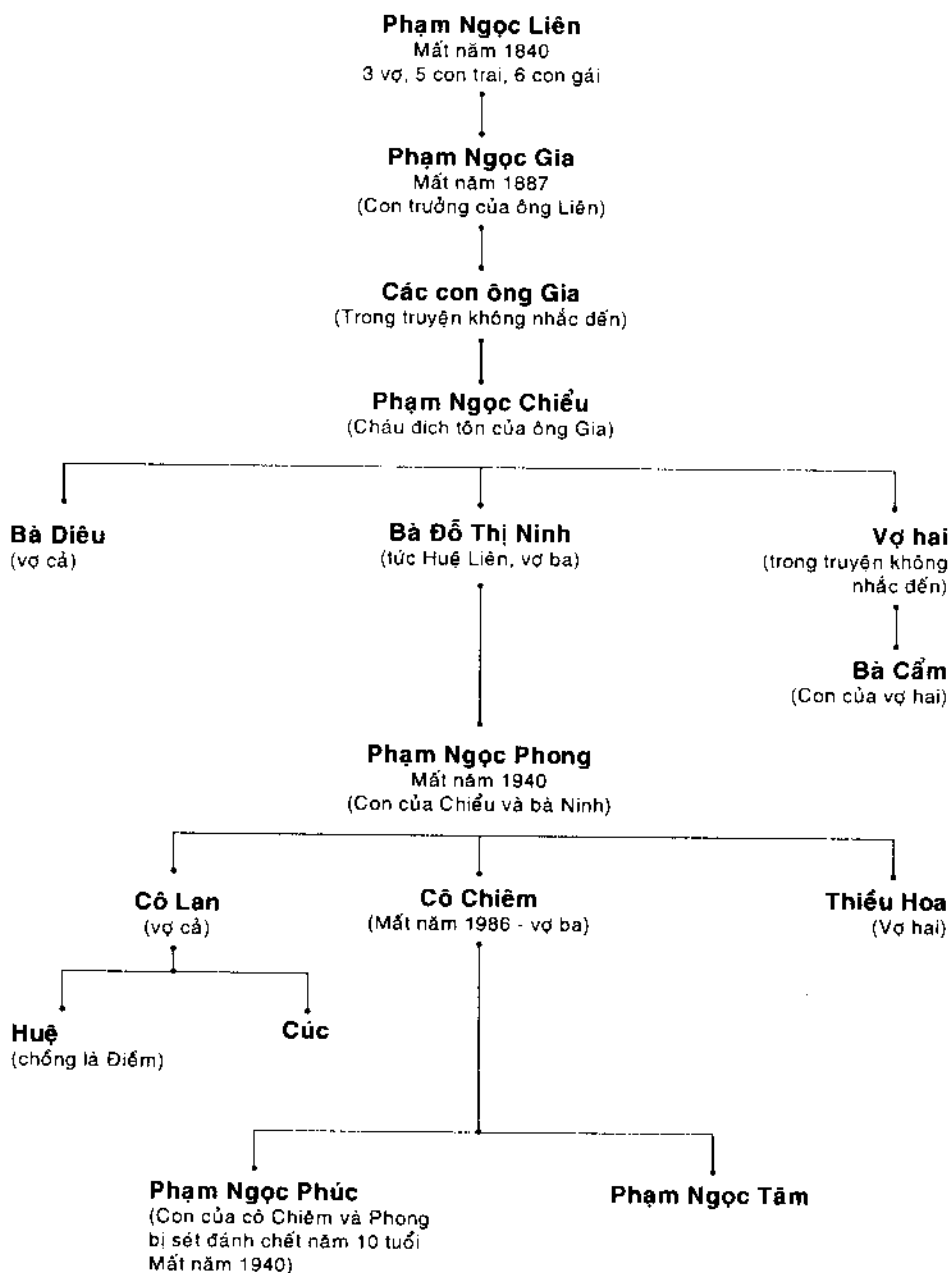
Cô Chiêm bế thằng Tâm ngồi cạnh giường Phong. Phong bảo: "Mình ơi, thằng Tâm là giọt máu cuối cùng của họ Phạm đấy. Chỉ mong giọt máu này đỏ chứ không phải thứ máu đen như ông cha nó". Nói xong thì nấc mấy cái rồi đi. Bấy giờ là giờ Dậu, ngày 13 tháng Ba năm Canh Thìn (1940).

XIV

Bây giờ ai đến Kẻ Noi, huyện Từ Liêm vẫn thấy ngôi từ đường của dòng họ Phạm. Nó cứ trơ trơ trước mọi biến động cuộc đời, thời gian có làm cho nó cũ kỹ, mục nát, hư hỏng đi một vài bộ phận nhưng về cơ bản không thay đổi. Nghe nói về sau cô Chiêm ở vậy nuôi Tâm, hai mẹ con chỉ trồng rau, nuôi lợn, làm đậu phụ bán. Tâm lớn lên, tự học, đọc nhiều sách vở nhưng không thi cử hoặc đi làm gì.

Bà Chiêm mất năm Bính Dần (1986), thọ chín mươi tuổi. Mộ bà Chiêm để ở cánh đồng Cổ Cò, mộ hướng về phía sông Hồng, nơi có một cây gạo cổ thụ đơn độc. Dưới gốc cây, có ba đồng mối đứng chụm vào nhau hơi giống ba ông đầu rau. Ở đấy, vào mùa nước, người ta đồn Hà Bá với các quân tướng ba ba, thường luồn vắn lên tụ họp đánh chén, đơm đóm thấp đèn sáng rực thâu đêm, ếch kêu ồm ộp lẫn trong tiếng nhạc nghe như tiếng người nức nở.

Gia phả họ Phạm ở Kẻ Noi



NHỮNG NGƯỜI THỢ XÈ

"Kéo cửa lửa xè
Ông thợ nào khỏe
Thì về cơm vua
Ông thợ nào thua
Thì về bú tí..."
(Hát đố em)

Ít năm trước đây, tôi theo chân một toán thợ xè lên miền ngược kiếm ăn. Chúng tôi có năm người, do ông anh họ tôi tên là Bường đứng ra làm cai. Bường là một tay anh chị khét tiếng. Trước kia Bường đi bộ đội, ở một đơn vị đặc công thủy. Năm 1975, anh dấn vào một vụ trộm phân đạm ở huyện, bị tù ba năm. Ra tù, Bường chẳng chịu làm ăn gì, mở một quán rượu thịt chó nhưng được hơn một năm thì phá sản. Thời gian Bường mở quán, trong làng tôi nhiều nhà bị mất trộm chó hết sức thần tình. Có nhà, dù chó đã được đóng cũi, cũi lại để trong buồng, buồng lại khóa, thế mà vẫn mất. Ủy ban xã ngờ Bường là thủ phạm các vụ trộm này nhưng không có bằng chứng nên anh vẫn vô can. Sau này, vì thua bạc, chán đời, Bường phóng hỏa đốt quán. Ít lâu sau Bường chuyển sang nghề buôn cây. Nhà nào có cây nhãn, cây mít, cây hồng xiêm... mới ra hoa anh đã đến đặt tiền cọc mua trước. Được hai năm, anh bỏ đi buôn bè trên mạn ngược. Lần này, Bường về lập một toán thợ xè theo anh lên rừng kiếm ăn. Bường cho biết, ở miền núi, nghề thợ xè là nghề rất có triển vọng.

Trong toán thợ chúng tôi có hai anh em sinh đôi là Biên và Biễn, đều mười bảy tuổi, khỏe như trâu mộng. Anh Bường và tôi họ Đặng, còn Biên và Biễn họ Hoàng, nhưng chẳng biết quan hệ họ hàng thế nào mà Biên và Biễn gọi anh Bường là bá, còn gọi tôi là ông trẻ. Biên và Biễn là con ông Hai Dung. Ông Hai Dung là thầy dạy võ trong môn phái Thiếu Lâm Hồng Gia ở quê tôi. Trước, tôi có theo học ông Hai Dung hai năm. Tôi thuộc thế hệ đàn anh của Biên và Biễn. Trong toán thợ, ngoài bốn anh em còn có cu Đình là con thứ hai anh Bường, thằng bé mười bốn tuổi, đi theo chúng tôi để hầu cơm nước.

Tôi là một thanh niên khỏe mạnh. Tôi học xong đại học, do thi trượt tốt nghiệp nên phải ở nhà để đợi năm sau thi lại. Nhà tôi đông anh em, bố mẹ tôi sinh được những chín người con. Các anh chị đều làm ruộng, ai cũng chân chỉ hạt bột, chỉ có tôi ngổ ngược hơn cả.

Anh Bường bảo bố mẹ tôi: “Thằng Ngọc (Ngọc là tên tôi) có máu giang hồ, sao Tử vi đóng ở cung Di, ra ngoài thì Tả phù, Hữu bật, ở nhà không khéo chỉ ngộ độc mà chết, chú thím thương nó thì cho nó lên rừng với tôi một chuyến”. Bố tôi bảo: “Tôi chỉ sợ nó làm lỡ việc của anh”. Anh Bường cười khà: “Lỡ việc, tôi đánh bỏ mẹ. Giang hồ có luật giang hồ. Chú thím cho nó đi với tôi, vừa đỡ tốn cơm nhà, vừa có tiền, một năm sau tôi trả nó về nguyên vẹn là được chứ gì?”. Bố tôi bảo: “Hỏi nó xem”. Anh Bường bảo tôi: “Đi chứ? Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn?”. Tôi bảo: “Đi thì đi, nhưng anh đánh tôi là tôi đánh lại đấy”. Anh Bường cười nhạt: “Được rồi. Anh em họ hàng đối xử với nhau phải nhưn nhận chứ?”.

Ăn Tết Nguyên đán xong được mười ngày thì chúng tôi lên đường. Hôm đi, chị Bường làm cơm. Năm người chúng tôi, ai cũng hăng hái. Thức ăn chẳng có gì: một đĩa lòng lợn, một đĩa dưa muối với hai bát khoai tây nấu cổ cánh gà. Đĩa thịt gà lèo tèo ít miếng xương xấu vì bao nhiêu miếng nạc chị Bường phải lọc ra để làm thức ăn cho bố anh Bường đang ốm nằm bệnh viện.

Anh Bường bảo: “Chúng mày thông cảm. Tao cũng muốn ra quân cho oai nhưng ngặt nhà nghèo quá. Bằng ngày này sang năm, ngồi ở đây, tao xin hứa mỗi tháng một con gà tần”.

Chúng tôi ăn uống xong thì lên đường. Mỗi người một ba lô con cóc đeo vai đựng gạo, đựng quần áo. Cu Dĩnh thì đeo nổi xoong bát đĩa. Dụng cụ có hai bộ cửa xẻ, mấy cái chèo, mấy cái dũa, ngoài ra chẳng có gì cả.

Chị Bường dắt theo ba đứa con đưa tiễn chúng tôi. Anh Bường bảo: “Thôi mẹ đi về đi, bảo vệ an toàn cái hăm, chờ tổ một năm sau tổ về”. Chị Bường nửa cười nửa khóc: “Đồ phải gió! Ở trên ấy nước độc lắm đấy! Đừng có tắm đêm mà ngã nước đấy!” Anh Bường bảo: “Nhớ rồi! Khổ lắm! Đêm ai lại đi tắm nước lã bao giờ? Thôi về đi! *Thương anh giấu ở trong lòng. Xin em chớ có lòng thông với ai*”. Chị Bường bảo “Các con chào bố đi”. Ba đứa con anh Bường lú lú: “Con chào bố”. Anh Bường bảo: “Vâng! Chào các ông các bà! *Các ông các bà ăn no ngủ khỏe. Bố phải xa mẹ lần lóc trên đường*”. Chị Bường bảo: “Dĩnh ơi, con nấu cơm, nhớ đổ nước thì

đeo một đốt rươi tay là vừa đấy". Cu Dĩnh bảo: "Con nhớ rồi. Ở nhà mẹ đừng đánh em Tĩn nhé. Con có mấy trăm đồng giấu đằng sau cái gương, mẹ cứ lấy mà tiêu". Anh Bường bảo: "Đủ rồi đấy, các nhà tình cảm chủ nghĩa ạ. Cứ thế này văn học nước ta chảy nước ra mất".

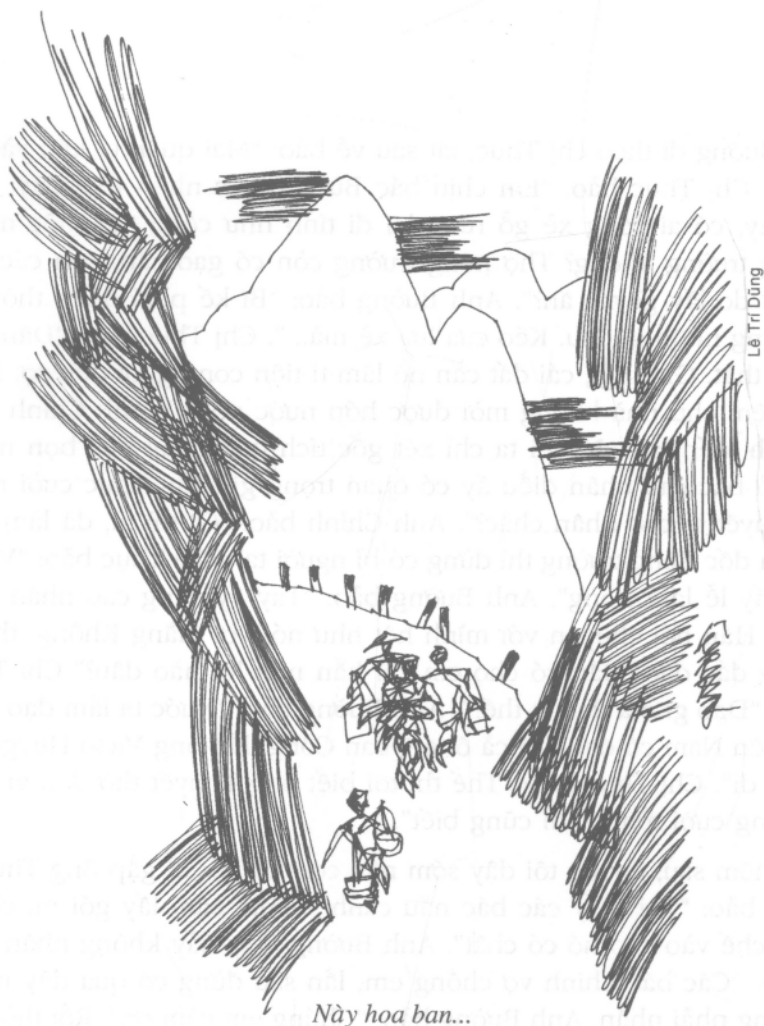
Chúng tôi đến Hà Nội tìm bến xe đi Tây Bắc. Anh Bường có vẻ rất thạo. Biên, Biền và cu Dĩnh lần đầu mới được đi xa nên thấy cái gì cũng lạ. Anh Bường bảo: "Chúng mày cẩn thận. Ở Hà Nội ăn cắp như rươi. Nó thính mất bộ cửa thì ăn mày đấy".

Đường đi Tây Bắc lắm dốc đèo. Biên và Biền bị say ô tô, nôn cả ra mặt xanh, mặt vàng. Hai ngày liền ngồi xe, tôi cũng lừ lả cả người.

Xuống xe, chúng tôi ăn uống qua quýt, nghỉ ngơi ở thị trấn H. một buổi rồi theo anh Bường vào sâu trong vùng núi thuộc đất của đội Bình Minh nông trường X. Hai bên bạt ngàn là ngô và bông. Những dãy núi đá vôi trập trùng cao ngất. Chúng tôi đi men ở dưới chân núi, vừa bé nhỏ, vừa cô đơn, lại liêu linh, mà bất lực, thậm chí vô nghĩa nữa. Bạt ngàn là hoa ban trắng, màu trắng đến là khắc khoải, nao lòng. Đây hoa ban, một nghìn năm trước thì mày có trắng thế không?

Anh Bường bảo: "Cái thằng nào nghĩ ra cái tên Bình Minh ở đất khỉ ho cò gáy này thật là một thằng bịp bợm khốn nạn". Lại bảo: "Cái tên hiệu nó ghê lắm nhé. Vùng ma thiêng nước độc thì tên là Tương Lai, Bình Minh, Tân Lập, Đoàn Kết, Tự Cường! Kêu cứ như chuông! Mấy thằng bán quán, khách vào thì chém cổ lại đặt tên là Bình Dân với Thanh Lịch! Còn mấy thằng bán thuốc bắc nạo thai con gái lại đặt tên là Hồi Xuân với Cửu Thế! Văn học nước mình rôm rả thật!".

Chúng tôi cười, vừa đi vừa nói chuyện lan man. Khoảng gần tối, chúng tôi gặp một cặp vợ chồng đang đẩy một xe củi, người vợ cầm càng xe, còn anh chồng đẩy phía đằng sau. Anh chồng đeo kính, ra dáng trí thức, cô vợ thon thả, trắng trẻo, trông rất dễ mến. Anh Bường ngỏ lời: "*Thạch Sanh đón củi trên rừng. Để nàng công chúa kéo càng lệch vai*". Cô vợ đảo mắt, dừng xe lại ngay: "Có thương thì đẩy giúp, chứ làm thơ thì công chúa chẳng cần!" Anh Bường cười khà: "Khá lắm! Chú Biền, chú giúp cô ấy một tay. Xin lỗi hai bác, hai bác về đâu mà đến giờ này vẫn còn vất vả thế này?". Cô vợ bảo: "Chúng em về đội Bình Minh. Các bác đi xẻ ở đâu thế?". Anh Bường bảo: "Nào đã biết xẻ ở đâu? Tối nay còn chẳng biết ngủ ở đâu nữa là!". Anh chồng xởi lời: "Hay các bác về nhà chúng tôi? Nhà chỉ có mỗi hai vợ chồng son, cũng rộng rãi".



Đây hoa ban...

Biên cầm càng xe, chúng tôi đẩy phía đằng sau. Cả bọn vừa đi vừa nói chuyện. Anh chồng cho biết tên là Chỉnh, là bác sĩ ở bệnh viện nông trường, còn cô vợ tên là Thục, là giáo viên cấp hai. Hai vợ chồng có nhà ở đội Bình Minh, lấy nhau được hơn năm nay nhưng chưa có con. Hai người đều quê ở Hà Nam Ninh.

Ăn cơm xong, chúng tôi ngồi nói chuyện phiếm. Anh Chỉnh bảo: “Trong Tạ Khoang có cây chò chỉ bị đổ, ông Thuyết phó giám đốc nông trường xin xẻ làm nhà, các bác đến hỏi thì có việc đấy”. Chị Thục bảo: “Đào ôi, xẻ cho cái lão người khu Bốn ấy thì ăn cút sắt, lão ấy keo kiệt lắm!”. Anh Bường bảo: “Chó ngựa thì có chọn chủ bao giờ. Bà chị ơi, bà chị có thương chúng em là loài súc vật thì mách đường đi đến nhà ông Thuyết ấy”. Chị Thục bảo: “Đi thì đi. Cách đây dăm nhà chứ mấy”.

Anh Bường đi theo chị Thục, lát sau về bảo: “Mai quân ta kéo vào Tạ Khoang”. Chị Thục bảo: “Em chịu bác Bường, bác nhũn thật đấy. Anh Chinh này, có ai công xẻ gỗ rừng lại đi tính như công thợ mộc mướp của nông trường không? Thợ nông trường còn có gạo cấp, còn các bác là dân tự do lấy gì mà ăn?”. Anh Bường bảo: “Bí kế phải nhận thôi, tôi cũng chẳng nhũn gì đâu. Kéo cửa lửa xẻ mà...”. Chị Thục bảo: “Dân khu Bốn ghê thật. Gì thì gì, cái đất cần nó làm ti tiện con người đến sợ. Ngồi nói chuyện, chủ nhà không mời được hộp nước nóng”. Anh Chinh bảo: “Cô thành kiến lắm. Người ta chỉ xét gốc tích quê quán của bọn người thường, ở bậc cao nhân điều ấy có quan trọng gì”. Chị Thục cười nhạt: “Ông Thuyết là cao nhân chắc?”. Anh Chinh bảo: “Gì thì gì, đã làm đến phó giám đốc nông trường thì đừng có bĩ người ta”. Chị Thục bảo: “Vâng, anh thì lấy lẽ làm trọng”. Anh Bường bảo: “Tay ấy cũng cao nhân đấy, bà chị ạ. Hắn nói chuyện với mình hết như nói với thằng Không, thế là hắn cũng đác đạo. Hắn có cho em cái hắn một lời nào đâu?” Chị Thục phì cười: “Đạo gì mà đạo lạ thế?”. Anh Bường bảo: “Nước ta lắm đạo lắm. Trong miền Nam có đạo thờ cả ông Quan Công, lẫn ông Victor Huygô thì mới quái dị”. Chị Thục bảo: “Thế thì tôi biết ông Thuyết thờ đạo gì rồi”. Anh Bường cười tùm: “Em cũng biết”.

Sáng hôm sau, chúng tôi dậy sớm nấu cơm ăn rồi đi gặp ông Thuyết, chị Thục bảo: “Tôi thấy các bác nấu canh suông, cầm lấy gói mì chính mang đi chế vào cho nó có chất”. Anh Bường giãy nảy không nhận. Chị Thục bảo: “Các bác khinh vợ chồng em, lần sau đừng có qua đây nhé”. Anh Bường phải nhận. Anh Bường bảo: “Chúng em cảm ơn”. Rồi thở dài: “Nghĩa này phải trả đây”. Anh Chinh cười: “Bố thợ xẻ này khó chơi thật. Bố cứ kỹ tính thế thì chóng già đấy”.

Chúng tôi gặp ông Thuyết ở đầu ngõ. Tôi rùng mình vì trông thấy khuôn mặt ông ta: mặt đen mà tái như da ở bùi dái, lông mày rậm, răng vầu mà vàng như răng chó. Ông Thuyết bảo: “Đi bộ mất bảy cây số”. Nói xong đi liền, suốt chặng đường chẳng nói năng gì.

Cây gỗ chò chỉ bị bão đánh bật gốc nằm vắt ngang suối cạn, dài phải đến ba mươi mét, vòng gốc phải bốn người ôm mới xuể. Ông Thuyết bảo: “Chơi được không?”. Anh Bường bảo: “Ghê cả răng”. Ông Thuyết có vẻ khó chịu. Anh Bường bảo: “Chỗ này xa nhà nhỉ”. Ông Thuyết bảo: “Ở đây chỉ có gấu với khỉ thôi. Các bác làm lều mà ở. Chiều tôi cho người mang chân chiếu đến. Tự túc, tự cường, làm việc thật lực nhé. Kích cỡ phân khối tôi ghi cả trong tờ giấy này”. Ông Thuyết đưa cho anh Bường

một tờ giấy kín đặc chữ. Anh Bường cầm lấy đưa cho tôi. Anh Bường bảo: "Thưa bác, nhờ chúng em bị chó sói ăn thịt thì sao?". Ông Thuyết bảo: "Không có chó sói đâu. Ở đây chỉ sợ rắn thôi. Các bác phải cẩn thận loại rắn màu xanh lục, nó chớp một phát là toi đời đấy". Anh Bường cười nhạt: "Cám ơn bác chỉ bảo. Thế mấy ngày bác cho đưa thức ăn vào một lần?". Ông Thuyết bảo: "Cũng còn tùy, nhưng cứ yên tâm, tôi sẽ cung cấp đều. Tôi về nhé!". Anh Bường bảo: "Bác lại nhà. Cho em gửi lời cám ơn bác gái với các cháu".

Ông Thuyết đi, còn lại trơ trọi năm người chúng tôi giữa cánh rừng hoang. Anh Bường chửi: "Tiên sư đời, khốn nạn chưa! Các con ơi các con, các con đã biết đời là gì chưa?" Tôi bảo: "Cái ông Thuyết trông kinh nhĩ". Anh Bường bảo: "Làm việc đi chúng mày! Thăng Biển thăng Biển chuẩn bị cưa! Tao với thằng Ngọc làm lán. Dính ơi, mày đi xung quanh đây xem chỗ nào có nước không?".

Chúng tôi bắt tay vào việc. Anh Bường chặt tre, đánh gianh, loáng cái là xong. Biển và Biển cưa khúc ngọn trước, xẻ ra mấy tấm ván làm phản nằm. Đến chập tối thì xong mọi việc. Cu Dĩnh đang nấu cơm thì thấy một cô gái gánh đồ lủng củng đến. Cô gái xưng tên là Quy, mười bảy tuổi, là con gái đầu của ông Thuyết. Quy trắng hồng, khuôn mặt trông rất dễ ưa. Anh Bường bảo: "Em ơi, bà chúa của anh ơi, em mang những gì cho các anh đấy?". Quy bảo: "Thưa bác, bố cháu bảo mang cho các bác hai cái chân bông, năm cân thịt lợn, một chai nước mắm với hai chục cân gạo". Anh Bường bảo: "Được rồi. Thế có mang cho các anh cái đèn không?" Quy bảo: "Thôi chết, cháu quên mất. Cháu tưởng các bác ở giữa rừng thì cần gì đèn." Anh Bường bảo: "Sống dầu đèn, chết kèn trống. Tưởng gì mà tưởng lạ thế?". Quy bảo: "Thôi được, ngày mai cháu lại vào, cháu về đây". Anh Bường bảo: "Sao lại về? Ngủ đây với các anh. Anh bảo thằng Ngọc kể chuyện trinh thám cho mà nghe". Quy bảo: "Phải gió! Cháu về đây. Trời sắp tối rồi". Anh Bường bảo: "Ngọc! Tiễn cô bé một đoạn".

Tôi đi theo cô gái. Tôi hỏi: "Em tên là Quy à? Tên hay nhỉ?". Quy cười: "Có gì đâu mà hay? Con gái tên là Quy vất vả lắm. Có người bảo em có cái tên rất chi là a dua". Tôi bảo: "Cái tên ấy kể cũng lạ. Hình như cũng là một tên của thứ thần trùng. Hồi tôi học đại học, những cô gái nào tên Quy đều nhạt thếch và bạc bẽo". Quy ngạc nhiên: "Anh học đại học, sao còn đi làm thợ xẻ?". Tôi cười, học lối nói của anh Bường, tôi bảo: "Đấy là vì tình đấy, em ạ. Tình bao giờ cũng lung tung. Người ta chỉ xót nó khi

nó buột khỏi tay thôi". Quy bảo: "Anh nói hay nhỉ? Em chẳng hiểu gì". Tôi bảo: "Em chẳng hiểu gì đâu". Trong lòng tôi một nỗi căm giận vô cớ bỗng bùng vụt đến, khiến tôi đặng khô miệng lại. Tôi rít khe khẽ: "Chỉ có một anh thôi, còn lại là chúng nó". Quy ngạc nhiên, hốt hoảng. Chúng tôi chia tay nhau như người dưng. Mà người dưng thật! Người dưng ới người dưng, một triệu người tôi gặp trong đời có ai là máu của máu tôi? Là thịt của thịt tôi? Có ai sẽ sống vì tôi và chết vì tôi? Có ai không? Có ai là hoàng đế của tôi? Cũng là thần tử của tôi? Ai là tâm phúc với tôi? Là hy vọng của tôi? Cũng là địa ngục của tôi?

Tôi quay lại lẩn. Cả bọn ăn cơm thầm trong bóng tối. Anh Bường hỏi tôi: "Thế nào? Mày có hôn con gái tay Thuyết được cái nào không mà mặt mày u ám như mặt khỉ ấy?" Tôi cúi: "Anh đừng đùa kiểu ấy". Anh Bường bảo: "Thôi ông trí thức con ới, các ông cứ đau đầu về mặt đạo đức, điều ấy chỉ có lợi cho chính trị thôi, còn đàn bà thì không có lợi gì cả". Tôi ăn cơm mà thấy miếng cơm nhạt thêch. Tôi cắn tan cả một hòn sỏi trong miệng. Có gì đâu, hồi học đại học, tôi đã từng yêu và chịu đau đớn. Tôi sẽ kể lại việc này ở một đoạn khác.

Ban đêm, sương xuống lạnh, chúng tôi đốt một đồng lửa rồi chui vào chăn nằm. Nửa đêm, có một con hoẵng tác rất thảm thiết ở bên kia núi, tôi không sao ngủ được. Anh Bường thức dậy bảo: "Này công tử bột, nhớ nhà hả?". Tôi bảo: "Không. Con hoẵng nó kêu thương quá. Nó lạc mẹ hay sao hả anh?". Anh Bường bảo: "Mày không nên đa cảm như thế. Cuộc đời còn cực nhọc lắm con ạ. Chúng ta phải làm kiệt sức để kiếm miếng ăn, đa cảm làm yếu người đi. Ngày mai khối lượng công việc rất nặng. Mày mất ngủ vì một tiếng hoẵng kêu, điều ấy có hại vô cùng. Tao đưa mày lên rừng làm việc chứ không phải để mày tu dưỡng". Tôi thở dài: "Hoẵng nó kêu suốt đêm... Bao giờ nó sẽ gặp mẹ... Anh cứ ngủ đi. Anh kệ em! Ngày mai em không làm mất việc đâu". Anh Bường cúi: "Thằng khỉ ạ, những nhay cảm vô lối sẽ làm tan nát cuộc đời mày mất thôi. Làm gì có chuyện hoẵng đi tìm mẹ? Con ới, đấy là một con hoẵng cái trụ lạc, nó đi tìm hoẵng đực. Vô phúc cho nó, vợ được một con hoẵng đực Sở Khanh. Con hoẵng đực này chơi bởi nhiều quá. Hoẵng cái bị đổ bệnh. Đơn giản là như thế. Mãi mãi là như thế. Tất cả những tiếng kêu trong đêm đều là tiếng kêu bệnh hoạn của dục vọng suy đồi. Tình mẫu tử không bao giờ gào toáng lên thế. Tình mẫu tử là thứ nước mắt chảy ngược vào lòng, nó bào tan nát ruột gan ra, hoặc nó biến thành máu để bắt cơ thể làm việc, buộc phải đẻ ra một sản phẩm vật chất cụ thể thiết thực, không hề phù phiếm".

Tôi ngủ thiếp đi trong những chấp chờn mộng mị. Tôi biết anh Bường không có khả năng lý giải gì về sự sống. Mà nói chung, không ai lý giải được gì về nó, cái sự sống vô cùng vô tận ấy. Hễ tối tăm và đối kém là nó sẽ tác âm lên.

Sáng hôm sau, cơm nước xong là chúng tôi vào việc. Biên với Biên một cặp. Tôi với anh Bường một cặp. Chúng tôi dùng cửa ngang cắt cây gỗ ra từng đoạn ngắn dài theo kích cỡ ông Thuyết định sẵn. Chò chỉ là loại gỗ rất cứng và giòn, cửa ngang thì dễ, xẻ dọc thì thật cực nhọc. Thân gỗ to, chúng tôi phải xẻ theo lối Thanh Hóa, tức là cứ để khúc gỗ ngang dưới đất mà xẻ chứ không kê kích gì cả. Không hiểu cây chò chỉ này ra sao mà nhựa gỗ rất cay, cả bốn chúng tôi ai cũng nước mắt nước mũi giàn giụa. Anh Bường bảo: "Loại gỗ này vua Thủy Tề dùng làm nhà dưới nước, khó nhằn lắm. Mẹ khỉ, kiếp trước lù chúng ta nợ thằng cha Thuyết một vạn quan đây".

Theo tờ giấy ông Thuyết ghi sẵn, chúng tôi phải xẻ tới 36 cái cột nhà cỡ 40x40x320, đấy là chưa kể các cây quá giang với vì kèo. Anh Bường bảo: "Lão Thuyết này làm nhà kiểu gì mà lắm cột cái thế không biết? Hay là nhà sàn?". Buổi trưa có một anh công nhân nông trường đi kiếm củi qua chỗ chúng tôi. Anh Bường níu lại nói chuyện. Anh Bường phàn nàn phải xẻ 36 cái cột nhà to tướng, anh công nhân cười: "Nhà năm gian trên này chỉ đến 12 cái cột là hết mức. Tay Thuyết này ranh lắm, chắc chắn hẳn xẻ để bán cho cánh lái xe dưới xuôi đây mà. Họ thích cột nhà bằng gỗ chò chỉ lắm". Anh Bường bảo: "Ông anh này, phiền bác dụ cánh lái xe vào đây, bọn này sẽ bán trực tiếp, không cho tay Thuyết biết, có được không?". Anh công nhân bảo: "Được, nhưng có mẫu không?" Anh Bường bảo: "Dứt khoát chứ? Bác tên là gì? Em tên là Đặng Xuân Bường". Anh công nhân bảo: "Tôi tên là Trần Quang Hạnh". Anh Bường bảo: "Bác có cái tên đẹp thật. Đừng làm xấu cái tên nhé". Anh công nhân cười: "Được rồi, bốn hôm nữa sẽ có xe ô tô vào đây".

Suốt ngày hôm ấy, chúng tôi chờ mãi nhưng không thấy Quy đến. Anh Bường bảo: "Con ranh con, lại nói dối rồi. Đàn bà ấy, chúng mày ạ, không nên bao giờ đặt lòng tin vào chúng. Chúng tàn bạo trong chính sự ngây thơ trong trắng của chúng. Chúng gây ra cho người ta hy vọng, ham muốn, chờ đợi; rồi cuộc, ta cứ mòn mỏi đi cho đến khi nhắm mắt xuôi tay".

Hôm sau nữa thì Quy đến. Cô mang cho chúng tôi hai cái bắp cải với cây đèn dầu. Quy bảo: "Eo ôi, các bác làm nhanh nhả. Được bao nhiêu

là gỗ rồi. Mai cháu phải bảo bố cháu vào xem mới được". Anh Bường bảo: "Đừng bảo ông cụ vào, bọn anh chỉ mê em thôi. Ông cụ vào là bọn anh lãn công đấy. Lao động chân tay, em ạ, không thể lấy chính trị động viên được, chỉ lấy tiền và gái thôi, đấy mới là thuốc bổ chứ. Chủ nghĩa tư bản nó có cái đều, là lấy tiền và gái để bóc lột giá trị thặng dư, nó làm cho các bác vô sản nhà ta mất hết của cải và tinh lực. Đả đảo chủ nghĩa tư bản thôi nát!".

Trước khi Quy về, anh Bường bảo: "Ngọc ơi, mày lấy giấy bút ra biên cho tao cái thư. Em Quy ra bưu điện gửi cho anh nhé". Quy bảo: "Bác cứ viết thư đi".

Anh Bường đọc để cho tôi chép. Thư như sau:

"Rừng Tây Bắc ngày... tháng... năm..."

"Kính nhớ gửi ông Hai Dung (tức là bố của Biên và Biển), bác cả Diều (tức là bố tôi), mẹ cu Dĩnh (tức là vợ anh Bường).

Tôi là Bường, thay mặt anh em thợ xẻ báo tin đã có việc làm, công trả khá, mọi người đều khỏe. Đồng bào miền núi ai cũng tốt, người ta đều giúp đỡ chúng tôi hết lòng hết sức. Tuần sau tôi sẽ gửi tiền về, mẹ cu Dĩnh chia cho nhà chú Biên, chú Biển ba phần, nhà bác cả Diều một phần, còn giữ lại nhà ta một phần. Thuốc thang cho ông cụ từng tiệm thôi, bệnh già thì chẳng gì chữa được, cốt là cho mấy đứa trẻ có áo mặc, đừng chết đói. Tôi chỉ thương mấy mẹ con không có cái nhà tử tế mà ở, nên quyết tâm xông pha lặn lội trên rừng. Nhờ giới, có phương hướng đúng, chỉ hai năm là nên danh giá. Tôi xin mẹ cu Dĩnh giữ trọn chữ hiếu, chữ tình, còn mọi thứ ở đời đều phù vân cả. Giấy vấn tình dài.

Ký tên: Đặng Xuân Bường"

Quy bảo: "Bác Bường viết thư hay nhỉ". Anh Bường cười khà: "Cũng là trò mị dân thôi, cô em ơi. Tráng sĩ xa nhà, cốt nhất cái hậu phương phải ổn định".

Chúng tôi giữ Quy lại ăn cơm nhưng Quy không nghe. Anh Bường bảo: "Phiền cô em vất vả quá. Em ngồi đây, anh bảo chúng nó vật nhau mua vui cho mà xem".

Anh Bường bảo chúng tôi cởi quần áo ra rồi làm bốn cái thăm bằng giấy, người nào bốc phải thăm có dấu cộng thì phải vào xối vật nhau. Tôi và Biển bốc phải thăm có dấu cộng. Anh Bường cười khà: "Hay quá, tao chỉ sợ thằng Biên, thằng Biển bốc phải thăm, hai anh em sinh đôi

vật nhau thì chẳng khác “*củ đậu đùn hạt đậu, hạt đậu khóc bu hu, cùng sinh ra một gốc, thui nhau nở thế rú*”¹. Bây giờ bắt đầu vào cuộc, thằng nào thắng chiều nay được nghỉ”.

Tôi với Biển vào xới. Biển ít tuổi nhưng to con hơn tôi, hấn nặng những 62 cân. Tôi và Biển đều học thầy Hai Dung nên các ngón nghề đều chẳng lạ gì nhau. Biển tính rất cục, hấn đã cáu lên thì bất chấp, anh em họ hàng gì hấn cũng chẳng nề. Tôi biết vậy nên bước vào xới tôi phải tươi cười như hoa như nụ, đi những miếng nhẹ nhàng để đẩy hấn vào thế không chơi ác được. Hai chúng tôi vờn nhau độ ba phút tôi đã dụ Biển theo nhịp những miếng trò hào hoa vô thưởng vô phạt của tôi. Tôi giơ chân, Biển cũng giơ chân. Tôi giơ tay, Biển cũng giơ tay. Anh Bường, Quy, Biên và cu Dính vỗ tay hò hét rầm lên. Tôi bỏ miếng thượng, Biển cũng bỏ miếng thượng. Tôi bỏ miếng hạ, Biển cũng bỏ miếng hạ. Tôi nghĩ thầm: “Số thằng này, trời bắt ăn đất, không phải lỗi ở mình”. Tôi phục xuống, vận nội công bắt thần hai tay tóm lấy cổ chân Biển ngay chỗ mắt cá, vừa bóp vừa tuốt thẳng lên quá đỉnh đầu. Biển bị đau, lại mất thế, ngã oạch một cái. Tôi sấn vào, giận đầu gối vào chỗ bụng đá, lấy cùi tay chặn ngang cổ Biển khiến hấn không thở được nữa. Mọi người vỗ tay rầm lên. Biển ngồi dậy, lắc đầu: “Ông trẻ đều thật, tưởng chơi đùa hóa ra chơi thật”. Tôi cười, vỗ vai Biển: “Mình xin lỗi, miếng này ông cụ dạy thêm nên Biển không biết đấy thôi”.

Quy có vẻ thích, hai má đỏ ửng. Anh Bường nhảy ra bãi cỏ, đi bài Xà quyền là một bài võ nổi tiếng trong môn phái võ Vịnh Xuân, vừa đẹp mắt, lại biến hóa khôn lường. Chúng tôi nhìn, ai nấy đều nín thở, thót tim lại vì căng thẳng. Tôi đã thấy nhiều người múa quyền nhưng ít thấy ai chuyên tâm vào bài quyền như vậy. Chúng tôi như bị hút hồn. Chỉ đến khi anh Bường dừng tay bái tổ, cả mấy anh em chúng tôi mới thở phào nhẹ nhõm.

Chiều hôm ấy trời nắng chang chang. Tôi hỏi anh Bường: “Em tự do chứ?” Anh Bường dứt khoát: “Không”. Tôi bảo: “Thằng nào được vật thì nghỉ cơ mà?” Anh Bường kéo tôi ra góc để Biển và Biên khỏi nghe thấy. Anh Bường bảo: “Tao nói cho mày biết, mày bỏ cái trò lưu manh ấy đi. Mày dụ thằng Biển chơi giả để hạ nó thật. Lối vật của mày là lối vật của quân trí thức, mày bịp con Quy thì được chứ không bịp được tao đâu”. Tôi cười: “Anh biết không: người cách mạng chỉ chú tâm vào mục đích cuối cùng mà thôi”. Anh Bường bảo: “Đừng có bầy tao vào chính trị tư tưởng, mày đều lắm”. Tôi bảo: “Anh còn lạ gì thằng Biển, nó khỏe thế,

nó bẻ gãy tay tôi, anh có thương không?”. Anh Bường bảo: “Bản chất của mày là một thằng trí thức lưu manh chính trị. Tôm lăm! Cút mẹ mày đi!” Tôi bảo: “Anh là một thằng tù hình sự, một tên lưu manh “gìn”, tại sao anh không chịu nổi tôi?”. Anh Bường nhổ nước bọt vào mặt tôi. Anh bảo: “Mày tự do. Nếu cần, sáng sớm mai tao đi vay tiền cho mày về xuôi”.

Tôi nằm úp mặt xuống bãi cỏ. Gió thổi một lúc làm khô bãi nước bọt trên mặt tôi. Bàn tay tôi sạn chai và rớm máu, bàn chân tôi nứt nẻ. Suốt một tuần nay tôi không tắm giặt, da thịt tôi bần thỉu, ngứa ngáy. Tôi bỗng thấy thương xót mình ghê gớm. Một nỗi thương xót khủng khiếp bóp nghẹt tim tôi. Tôi học lên như chó. Tôi lăn lộn trong đám cỏ gianh, đá nhọn và gai góc. Tôi nhắm mắt lại để cố hình dung khuôn mặt cô gái tôi đã từng yêu. Nàng bé nhỏ, mặt tròn, lông mày rậm, có một nốt ruồi sau cổ cách tai phải chừng bốn phân. Tất cả đường nét trên khuôn mặt nàng đều khá rõ ràng: đôi môi, cánh mũi, cả những đường viền... Nàng không hiểu tôi có thể mang lại cho nàng điều gì đó hơn cả tình yêu (làm gì có tình yêu?). Nàng đã đánh mất đi sự kính trọng và thương xót trong tôi. Mãi mãi. Vĩnh viễn. Không gì cứu chuộc được. Tôi chỉ căm giận, căm giận những phù vân trong toàn bộ hoàn cảnh sống của thời đại tôi. Những giáo điều đạo đức bao giờ cũng giản dị, ngây ngô, buồn cười, sơ lược, thậm chí còn đếu giả nữa. Ác nhất là những giáo điều ấy đúng. Bởi nó cần. Nó là sợi xích tròng cổ để giữ hình ảnh tương đối về mỗi chúng ta. Nếu không sẽ là hủy diệt...

Tôi đi vào rừng tìm nước tắm. Suối cạn khô. Những cánh bướm trắng lả tả, chập chờn trong học đá. Ngược suối mãi, tôi mới tìm được một mó nước khả dĩ tắm được. Tôi cởi trần truồng, đắm mình trong vùng nước giống như trâu đầm. Nước xanh lè, hơi nhờn nhớt vì đầy nước nhiều lá mục quá. Tôi không dám tắm lâu vì sợ ồm, sợ ngã nước. Hai mươi mốt tuổi đầu mà chết thì thật phí đời. Cần phải sống, cho dù cuộc sống ngàn lần khốn nạn, đầy rẫy xấu xa cũng như cực nhọc.

Tôi quay trở về lán xẽ. Anh Bường kê chéo khúc gỗ đang cùng cu Dĩnh kéo cưa. Anh Bường đứng trên cao, còn cu Dĩnh ngồi phệt xuống đất. Thằng bé rần sức, mồ hôi mồ kê đầy trên lưng trông rất tội nghiệp. Tôi đến gần cu Dĩnh, lặng lẽ cầm lấy tay cưa. Tôi và anh Bường không nói năng gì, cứ thế lăm lụi xẽ hết khúc gỗ này đến khúc gỗ kia đến tận tối mịt.

Sắp sửa nghỉ, lúc ấy tôi đứng dưới đất, dế chân chèo, tôi chuẩn bị dừng cưa thì “xoẹt” một cái, tay cưa chạm sát ngực tôi. Tôi kêu một tiếng

thảm thiết rồi ngã lăn ra. Không biết vô tình hay hữu ý, anh Bường đã để lưỡi cửa bật thia lia qua mạch gỗ, bập vào đầu ngón chân tôi. Chỗ khớp ở đầu ngón chân trái của tôi trồi ra một đoạn đầu xương trắng nhô. Máu xối ra ướt đầm. Tôi đau đến nỗi cơ hàm của tôi rúm lại, giật liên hồi như thể động kinh, mồ hôi rịn ra đầy mặt, trong khi đó toàn thân tôi lạnh toát. Tôi lăn lộn trên đất. Biển và Biển phải nằm đè lên, áp người tôi xuống đất. Anh Bường tái mặt đi, dùng một sợi dây cao su buộc ga-rô giữa bàn chân tôi để cầm máu. Anh Bường rồi rít gọi cu Dĩnh lấy nước nóng hòa muối để rửa vết thương cho tôi. Tôi tê dại vì đau đớn. Hai hàm răng lập cập, mặc dầu tôi đã gắng sức nhưng không thể khép hàm lại được. Mãi đến nửa đêm tôi mới thiếp đi, có lẽ vì tôi hoàn toàn kiệt sức.

Tôi sốt miên man ba ngày liền, chân sưng tấy lên. Vết thương thật kinh khủng: lưỡi cửa phật mất hai phần ba ngón chân, lủng là lủng lảng. Phần thịt ở đầu ngón chân đen lại, chắc bị thối. Anh Bường đập nhỏ những viên tetracyclin rắc lên vết thương, mặc dù tôi rửa nước muối nhưng chỗ khe nứt vẫn có mủ trắng.

Buổi chiều, anh công nhân nông trường tên là Trần Quang Hạnh dẫn vào một xe "Zin" bốn tấn. Anh Bường bán phát mười hai cái cột nhà với cả mấy hộp gỗ to dài 2m20, dày 8 phân, rộng 60 phân. Lái xe trả tiền sòng phẳng. Anh Bường chia cho người dẫn mồi hai chục nghìn. Anh Bường bảo: "Bác Hạnh à, bác phải đổi tên là Trần Đức Hạnh".

Anh Chính và chị Thục đi lấy củi qua chỗ chúng tôi. Thấy chân tôi sưng to, chị Thục rất thương xót. Chị Thục chỉ tay vào mặt anh Bường mắng: "Bác thật dã man, chân nó thế này mà không chạy chữa gì à?" Anh Bường cúi mặt, thút thít khóc: "Bà chị bảo em làm gì được?"

Anh Chính xem xét vết thương của tôi. Anh Chính bảo: "Phải cắt phần đầu ngón chân bị thối. Để lâu sẽ bị hoại thư, chết người! Khổ quá, tôi không mang dụng cụ y tế đi theo".

Anh Bường lau nước mắt hỏi: "Chặt bằng dao rửa được không?". Anh Chính bảo: "Được. Nhưng còn thuốc men thì sao?" Chị Thục bảo: "Để tôi về lấy". Nói rồi xăng xái ra đi. Anh Chính bảo: "Em lấy cái túi treo ở trên tường. Mang cả bộ kim tiêm nhé". Anh Bường bảo: "Dĩnh! Đi với cô Thục".

Anh Chính sai Biển đun nước nóng luộc dao rồi rửa vết thương cho tôi. Anh Chính bảo: "Các bố thợ xẻ liễu thật. Coi mạng người như mạng muỗi".

Khoảng một tiếng sau chị Thục với cu Dĩnh về. Chị Thục xách theo một con gà mái ở nhà, bắt Biên và Biền đi làm thịt nấu cháo cho tôi ăn.

Anh Bường bảo tôi ngồi kê chân lên một súc gỗ. Anh Bường bảo: “Bình tĩnh nhé, bây giờ chặt chân đấy”. Lại bảo: “Bác Chỉnh cầm hộ em con dao, đặt vào đây. Em lấy chầy táng cho một phát, đứt ngay”. Chị Thục ôm mặt: “Khiếp! Tôi sợ quá”. Anh Chỉnh cười: “Trong đời bác sỹ của tôi, hành nghề thế này thì đây là lần thứ nhất”.

Anh Chỉnh đặt dao vào chỗ đầu ngón chân tôi. “Uych” một phát, chưa chi anh Bường đã lấy chầy nện xuống sống dao. Tôi bật người lên vì đau quá. Anh Chỉnh bảo: “Chưa chi đã chặt, lưỡi dao đã khớp đầu nào?”. Tôi bảo: “Thôi thôi, đau lắm, chặt nữa thì chết chân tôi”. Chị Thục giằng lấy chầy trong tay anh Bường: “Cút đi! Định giết người ta hay sao?”. Chị Thục bảo anh Chỉnh: “Bao giờ được, anh bảo em”. Anh Chỉnh bảo: “Được rồi đấy! Chặt đi”. Chị Thục vung chầy: “khự” một cái, chỗ thịt thối ở đầu ngón chân tôi văng ra. Tôi cắn chặt răng vào bàn tay, mắt hoa đi...

Anh Chỉnh tiêm thuốc, băng chân lại cho tôi. Anh Chỉnh bảo: “Tốt rồi, khoảng vài ngày nữa là ổn”. Anh Bường cầm mẫu thịt thối ở đầu ngón chân tôi ném vào đồng lửa. Anh Bường bảo: “Tôi chỉ ước toàn bộ chất lưu manh trong con người nó cũng cháy như cục thịt này”.

Chị Thục bón cháo cho tôi, sau lại lấy cả một con sâm Triều Tiên trong túi thuốc của anh Chỉnh đưa cho tôi ngậm. Anh Bường bảo: “Thằng Ngọc sương nhé. Đời tao chưa bao giờ được ai hầu hạ săn sóc tận tụy thế này”. Chị Thục bảo: “Đưa chân đây, tôi chém cho một nhát rồi tôi săn sóc cho”. Anh Chỉnh cười: “Vợ tôi ở nhà thì kèn kịt, nhưng ra thiên hạ thì xởi lởi hào phóng lắm anh ạ”. Anh Bường bảo: “Đàn bà lạ lắm. Cái gì thuộc về họ thì họ hành hạ đến nơi đến chốn, họ chỉ quý thứ tình gió đưa thôi. Bởi vậy, sống ở đời, khốn nạn nhất là thằng đàn ông nào trở thành vật sở hữu của đàn bà”. Anh Chỉnh bảo: “Ừ, có thể thật”. Chị Thục bảo: “Thế thì anh sống với tôi làm gì? Hay là li dị?” Anh Chỉnh cười: “Lại tự ái rồi”.

Anh Chỉnh với chị Thục định về. Anh Bường bảo Biên và Biền xếp lên xe ba gác của anh Chỉnh hai hộp gỗ. Anh Bường bảo: “Chúng em biếu hai bác bộ phận mang về nằm. Của thiên hạ, mình là người tốt không được hưởng, để bọn người xấu nó hưởng thì xót xa lắm”. Chị Thục nhất định không nhận. Chị Thục bảo: “Không được đâu! Gỗ này thuộc quyền sở hữu của ông Thuyết rồi”. Anh Bường bảo: “Hôm qua chúng em đã bán cho cánh lái xe một nửa. Sợ gì đời!”. Anh Chỉnh cười: “Các

bố thợ xẻ liễu thật, bán giờ không vắn tự. Tay Thuyết nó hạch thì sao?" Anh Bường bảo: "Các bác yên tâm. Chúng em có cách. Tay Thuyết nó trả công rẻ như thế, chúng em không lừa xẻ mà chỉ kéo cua thì sống làm sao?" Chị Thục bảo: "Gì thì gì, tôi không nhận đâu". Anh Bường gọi Biền, Biền và cu Dĩnh đến: "Tất cả chúng mày quỳ xuống lạy hai bác đây bốn lạy. Hai bác không nhận thì tất cả đập đầu vào đá tự tử cho tao. Người ta không coi chúng mình là người nữa đâu".

Cả mấy anh em thợ xẻ quỳ xuống chấp tay. Cả cu Dĩnh cũng quỳ xuống, mặt úp xuống đất. Chị Thục khóc: "Thôi thôi, các bác làm gì lạ thế. Tôi xin nhận một hộp gỗ vậy". Anh Bường sướng lắm, cầm tay chị Thục lắc lẩy lắc để: "Thế là bà chị thông cảm cho chúng em rồi. Bà chị không coi chúng em là súc vật! Chúng em phận hèn, của cải chẳng có, chúng em mắc nợ nghĩa tình thì khốn nạn lắm!".

Biền, Biền đẩy xe đưa tiễn anh Chinh với chị Thục đến tận cửa rừng.

Mấy hôm sau, chân tôi đỡ hẳn, lại xẻ được gỗ, anh Bường mừng lắm. Anh Bường bảo: "Hôm nay tay Thuyết vào đây, hứa sẽ khao quân. Đồi lại tươi rồi".

Chiều hôm ấy ông Thuyết và Quy vào. Tưởng khao quân có gì hóa ra chỉ có hai bao thuốc lá với cân mắm tôm. Ông Thuyết bảo: "Đây là mắm tôm xuất khẩu, ông bạn tôi ở ngoại thương Hải Phòng mang lên". Anh Bường bảo: "Em biết rồi. Mắm tôm này xuất sang Nhật Bản chứ gì?". Ông Thuyết bảo: "Không biết, nhưng dân châu Âu nghiện mắm tôm nước ta lắm".

Ông Thuyết xem xét cây gỗ, phân nân: "Tôi tưởng cây chò chỉ này xẻ ra phải được vài khối, hóa ra cũng ít nhỉ?". Anh Bường bảo: "Bác tính, một nửa cây gỗ rồng ruột, được thế là khá đấy. Bác làm nhà, bác phải hạ thêm ít nhất hai cây nữa". Ông Thuyết bảo: "Tôi tính rồi, cây gỗ này chỉ làm cột với quá giang thôi, vì kèo với cầu phong, li-tô phải hạ thêm cây dậu nữa. Tôi cũng muốn xẻ ít ván, nhưng cạn tiền quá". Anh Bường bảo: "Bác gắng lên là được". Ông Thuyết bảo: "Xẻ xong cây gỗ này thì xẻ tiếp cho tôi cây dậu. Cây dậu này mọc hơi cheo leo. Lại ở xa nữa." Anh Bường bảo: "Tiền làm được hết". Ông Thuyết bảo: "Cây dậu này có hai chủ, tôi chỉ ké vào thôi. Chủ chính là ông Sông, người Thái ở bản Vược. Sáng mai ông ấy vào đấy".

Ông Thuyết lấy giấy bút ra tính toán rồi bảo: "Bây giờ tôi thanh toán

tiền công. Theo thỏa thuận, xẻ cây gỗ này tôi phải cấp 50 cân gạo, 10 cân thịt với từng này... từng này... tiền. Thế nhưng các bác xẻ không đủ số lượng, tôi trừ từng này... từng này... tiền. Hai cái ruột chân bông, từng này tiền... các bác cần thì tôi bán lại". Anh Bường bảo: "Như thế là bác chỉ trả một phần ba số tiền thỏa thuận thôi à?". Ông Thuyết bảo: "Đáng ra tôi còn phải trừ cả một hộp gỗ các bác tự tiện bán cho nhà Thục, nhưng vì cô ấy tự giác mang trả lại cho tôi nên thôi". Anh Bường bảo: "Hộp gỗ ấy tôi không bán, tôi biếu người ta đấy. Bác làm như thế là nghĩa lý gì?". Ông Thuyết bảo: "Bác làm như gỗ của mình không bằng. Đáng ra tôi còn sai tự vệ nông trường bắt giam nhà Thục vì xâm phạm quyền sở hữu cá nhân của tôi". Anh Bường bảo: "Thôi. Vợ chồng cô Thục không có lỗi gì ở đấy. Bây giờ bác tính tiền đi. Bác không trả tiền như tôi thỏa thuận, tôi mời bác xơi nhát dao này. Đùa ai thì đùa, đừng đùa với Đặng Xuân Bường". Ông Thuyết cười gằn: "Này, giờ thói lưu manh ra đấy phải không? Đất có lẽ, quê có thói. Lẽ thói ở đây không thể đâu nhé. Tôi nói cho biết, tôi chỉ phẩy tay là chú tan xương. Chú muốn yên ổn hành nghề hay muốn thôi nào?". Anh Bường bảo: "Gớm, hung hăng nhỉ". Giữa lúc ấy, đang nắng chang chang, bỗng ở trên cao trong xanh vang lên một tiếng sấm rền. Tất cả chúng tôi lạnh toát cả người. Ông Thuyết châm điếu thuốc lá, khẽ mỉm cười: "Chịu chưa?" Anh Bường lắc đầu: "Chịu". Ông Thuyết bảo: "Cầm lấy tiền. Sáng mai tôi cho xe vào chuyển gỗ ra đấy".

Ông Thuyết bảo Quy: "Con về trước đi. Bố còn vào bản Vược, đến nhà bác Sông".

Ông Thuyết với Quy về. Anh Bường mang tiền ra đếm. Anh Bường bảo: "Theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra, đợt xẻ này phải đạt từng này... từng này tiền... Ký với tay Thuyết, hóa ra bọn mình lỗ 70 phần trăm. Được cái tao đã linh động bán đi mười hai cái cột với bảy hộp gỗ, được từng này... từng này... tiền. Hóa ra so với chỉ tiêu, bọn mình vượt 220 phần trăm. Đời xôm thật! Thế mới gọi là hạch toán kinh tế chứ!".

Anh Bường bảo: "Chiều nay nghỉ ngơi, sáng mai tao với cu Dĩnh ra bưu điện gửi tiền về quê. Lão Sông với lão Biển gì mà vào, tao cử thằng Ngọc đứng ra đại diện".

Chúng tôi rủ nhau đi tắm. Anh Bường bảo: "Tao có việc, đi vắng. Cứ ăn cơm trước đi nhé". Nói rồi mất trước mất sau ra đi. Tôi thấy điệu bộ anh Bường đáng ngờ nên quyết định không đi tắm nữa, tìm cách rình xem.

Anh Bường đi rất nhanh về phía nông trường, tôi thấy anh Bường đi tắt chứ không đi đường thẳng nên càng ngờ tợn. Đến cánh đồng bông, tôi thấy anh chui vào, một lát sau chui ra, thấy người khác hẳn, trên người buộc đầy cành lá, mình mặc mỗi chiếc quần đùi. Đến chỗ ngoặt cửa rừng, anh Bường chui vào một bụi cây rậm không thấy ra nữa. Tôi bần khoản: "Thằng cha này giờ trò gì vậy?" Bất giác bàn tay tôi xiết chặt lại, linh tính báo rằng tôi sẽ chứng kiến một việc chẳng lành.

Quả nhiên, lúc sau, từ trong rừng tôi thấy Quy đi ra. Ánh hoàng hôn buổi chiều hắt lên cảnh vật một thứ ánh sáng mờ mờ buồn không thể tả. Quy cầm một nhành củi, vừa đi vừa đập đập vào những bụi cây ven đường. Tôi không thích dáng vẻ tự tin vô tư của Quy. Điều ấy ngu xuẩn biết bao. Phải, ngu xuẩn. Cả cô gái tôi đã từng yêu cũng thế. Nàng cứ tưởng tự tin và tự do là điều hay hơn cho mình. Trăm lần không, vạn lần không. Với phụ nữ, tự tin với tự do nghĩa là bất trắc, là hiểm họa, là thiếu thốn, thậm chí còn có khả năng bất hạnh và điểm nhục. Với riêng tôi, nhân cách của người phụ nữ trước hết là sự phụ thuộc của nàng đối với chính tôi. Mãi mãi. Vĩnh viễn là như thế. Bởi tôi là đàn ông, là tôi. Không ai thay thế được.

Khi Quy đi qua chỗ anh Bường nấp thì vụt một cái, anh Bường chồm dậy. Tôi nghe thấy tiếng Quy kêu thất thanh. Anh Bường bịt miệng, bế thốc cô gái vào trong bụi rậm.

Tôi hiểu ra được tình thế. Một nỗi căm giận khiến tôi đau đến thót tim. Tôi ngã vật xuống, tắc nghẹn cả cổ. Tôi chồm dậy, vừa chạy vừa ngã, tôi lao đến chỗ bụi cây. Quy bị lật trướng, hai bắp chân trần rồi rít khua lên trời. Tôi kéo anh Bường ra, đấm thẳng vào khuôn mặt méo xệch của anh ta. Anh Bường nhận ra tôi, "a" lên một tiếng ngạc nhiên. Chúng tôi lao vào nhau như hai con thú.

Khoảnh đất chúng tôi đánh nhau rất hẹp, xung quanh là những bụi cây gai. Chúng tôi không thể lùi, không thể tiến, cả hai nắm chặt tay nhau thủ thế, ở ngoài trông vào chắc buồn cười lắm.

Ghìm nhau một lúc, anh Bường rít lên: "Đồ chó, nếu muốn đánh nhau thì ra ngoài kia, chứ trong bụi gai thế này thì làm gì được?" Nói rồi, anh Bường buông tay, tìm cách nhảy ra bãi trống.

Tôi nhảy theo anh. Anh Bường vừa lùi vừa bảo Quy, giọng buồn hẳn: "Con ranh con, mặc quần vào! Có thích xem đánh nhau thì đứng mà nhìn. Chúng ông đánh nhau vì mày đấy". Nói rồi, anh Bường thân

nhiên đứng ngoáy lỗ mũi, tựa hồ như việc chúng tôi đánh nhau là việc tất nhiên, điều ấy hoàn toàn vô nghĩa và không có giá trị gì.

Thú thực là tôi bối rối. Anh Bường mỉm cười khuyến khích: "Thế nào? Tiến lên đi chứ, công tử bột! Hãy mang chiến thắng về nộp dưới chân nàng Duynxinê ở làng Tôbôdô!"

Tôi điên tiết. Một thoáng tự nhiên tôi nghĩ đến tình yêu đầu tiên trong cuộc đời tôi. Dù cô gái ấy trăm lần phù phiếm, dối trá và vô luân, dù sao tôi đã yêu nàng. Tôi biết chắc chắn sau nàng, trong tôi không còn tình yêu nào khác. Người phụ nữ mà tôi sẽ gặp sẽ chẳng bao giờ khiến tôi vui sướng hoặc đau đớn nữa. Tôi lao vào người anh Bường với tất cả sự căm giận và xót xa từ đáy lòng tôi.

Chắc hẳn anh Bường không thể ngờ rằng bất giác tôi lại trở nên hung hãn, tàn nhẫn đến mức ấy. Cú ra đòn của tôi mạnh và độc đến nỗi nếu như dính đòn, địch thủ sẽ chết hoặc tàn phế suốt đời. Anh Bường hét lên một tiếng để nhảy tránh đòn.

Chúng tôi đánh nhau ác liệt. Tôi vốn theo học môn phái Thiếu Lâm Hồng Gia, còn anh Bường theo học môn phái Vịnh Xuân. Hồi ở bộ đội anh Bường cũng có học thêm nhiều môn phái khác, vì vậy cách đánh của anh biến hóa khôn lường. Tôi luôn luôn dính đòn. Có lẽ anh Bường không muốn hạ ngã tôi ngay nên cố tình di chuyển vòng tròn để tôi dần dần giảm bớt sức lực. Gần tiếng đồng hồ, cả hai chúng tôi mệt lả, phải buông nhau ra.

Đêm buông xuống. Ánh trăng rạng rỡ khắp cả núi rừng. Tôi và anh Bường nằm lẫn trên cỏ, thở hồng hộc. Được một lúc, anh Bường ngồi dậy bảo tôi: "Mày có thấy thậm ngu không, hai thằng đàn ông tự dưng lại đi đánh nhau vì một con đàn bà. Chẳng ra sao cả". Anh Bường nói tiếp, giọng lạc hẳn đi: "Ngọc ơi, mày đừng đau khổ đến thế, mày có biết vì sao cái ấy của phụ nữ các cụ gọi là cái bướm không? Nó là một thứ có cánh, phấp phơ phấp phới. Nó là lộc của trời. Nó đậu vào chỗ nào thì chỗ ấy được. Có khi người ta phải bắt nó đấy". Tôi ngồi dậy, học ra một bãi máu lớn. Tôi nói mà giọng run lên: "Anh khốn nạn lắm, con bé còn ít tuổi". Anh Bường bảo: "Mày chẳng hiểu gì. Ai lại đi tính tuổi cho bướm bao giờ. Một bà già hay một cô gái đều hết như nhau". Tôi bảo: "Anh đều cáng và độc ác lắm". Anh Bường cười nhạt: "Con ơi, thế Giêsu Crit có đều cáng và độc ác không? Như Lai có đều cáng và độc ác không?" Tôi bảo: "Con người - sự cao cả hình như chính ở giới hạn của nó". Anh Bường bảo: "Đúng thế đấy! Mày có thấy khi con Quy bị lột truồng không? Với cách quặp đuôi của nó, nó hoàn toàn cao cả về mặt tinh thần".

Sương xuống lạnh, chúng tôi lầm lũi đi về lán xẽ, cả hai mặt mày thâm tím. Anh Bường bảo: “Mày đánh ác lắm, đánh võ mặt. Như thế, võ công của mày chưa phải đã cao. Bậc cao thủ đánh nhau kiểu khác. Khi kẻ địch ra đòn, bậc cao thủ tìm cách hòa kết năng lượng của chính kẻ địch với mình. Tất nhiên, điều ấy phải được thực hiện bằng các động tác kỹ thuật. Bậc cao thủ dẫn dắt kẻ địch theo những vòng tròn. Vòng tròn bao giờ cũng là mô hình tuyệt hảo nhất trong toàn bộ không gian sống. Thay cho việc dùng sức giải tỏa mâu thuẫn, bậc cao thủ buộc kẻ địch hiểu rằng chỉ có nhẹ nhàng, mềm mỏng, lịch thiệp, tình thương, hòa hợp, yên ổn... mới khép kín được quan hệ giữa những con người và quan hệ giữa từng con người với toàn thế giới. Về kỹ thuật có thể tàn bạo nhưng về chiến lược phải dung hòa, đúng hơn là phải ổn định, cân bằng. Đây là toàn bộ lý luận của bậc cao thủ”.

Tôi cười thâm trong bóng tối. Cái tay Bường này, tôi biết, khi hấn lý giải về sự sống nói chung, bao giờ hấn cũng minh triết, bao giờ hấn cũng cố gắng để giữ cốt cách thanh cao về mặt nhân cách. Thế nhưng đời thực của hấn thì như cút chó. Không sao nghĩ được.

Sáng hôm sau, chúng tôi chuyển chỗ vào nơi xẽ mới. Ông Sông người Thái là một ông già sáu mươi hai tuổi, có khuôn mặt rất thật thà. Ông Sông bảo: “Gian khổ đấy, chịu được không?” Anh Bường bảo: “Đường nào chẳng đến địa ngục”.

Cây dâu vàng mọc cheo leo ở lưng chừng núi, ngã về phía vực. Điều cốt yếu làm sao phải hạ được để nó khỏi rơi vào giữa khe núi. Chúng tôi mất nửa ngày bàn bạc, cuối cùng tìm ra cách tốt nhất, một mặt phải cưa bớt cành, làm dây nịt, một mặt phải đào cả đất, dọn một mặt bằng để hạ cây gỗ xuống an toàn.

Mất đến chục ngày chúng tôi mới hạ được cây gỗ xuống. Ông Sông thích lắm, mời chúng tôi về bản thật dài. Anh Bường bảo: “Tôi ở lại trông đồ đạc. Mọi người cứ đi đi”. Biên, Biễn, tôi và cu Dĩnh theo ông Sông về bản Vực. Bản Thái này ở ngay đường cái, có chừng năm chục nóc nhà sàn. Những người trong bản ai cũng hiền lành và đều tỏ ý thân thiện với chúng tôi. Chúng tôi ở lại nhà ông Sông uống rượu đến chiều mới về. Về tới lán xẽ, chúng tôi hoảng hốt thấy chần mần quần áo lung tung khắp nơi, không thấy anh Bường đâu cả. Chúng tôi bỏ đi tìm. Qua bờ vực, cu Dĩnh tinh mắt phát hiện thấy những bụi cây dạt ra như thể có người lăn xuống. Tôi, Biên, Biễn mỗi người cầm một con dao bèn lần mò xuống.

Vực sâu khoảng hơn trăm mét, dưới lòng vực là một con suối cạn khô.



Những âm thanh ở dưới lòng suối vọng lên như thể có người đánh nhau, chúng tôi ai cũng đoán chắc anh Bường dưới đó.

Quả nhiên, ở một đoạn suối hẹp, chúng tôi trông thấy anh Bường đang quần nhau dữ dội với một con gấu to tướng. Con gấu đứng dựng bằng hai chân sau, tìm cách tấn công anh Bường, miệng học những tiếng khùng khiếp. Anh Bường tay cầm một đoạn tre ngắn, cố gắng tránh đòn. Lưng tựa vào vách đá, anh Bường cố đẩy con gấu ra xa, không để cho nó ép vào thế hiểm nghèo. Đoạn tre tì vào ngực con gấu cong lại, bởi

sức con gấu khỏe quá. Anh Bường có vẻ núng thế, một bên bả vai nhòa máu, mồ hôi trên mặt đầm đìa.

Biên, Biển và tôi cùng hò hét xông vào. Biển nhanh tay chém được một nhát vào vai con gấu. Con gấu quay lại, chồm người về phía chúng tôi.

Bốn chúng tôi đứng thành vòng tròn ở dưới lòng suối. Con gấu đứng giữa, điên cuồng tìm đường thoát thân. Biên, Biển và tôi, trên tay mỗi người chỉ có một con dao găm ngắn lưỡi. Còn anh Bường vũ khí chỉ là một đoạn gậy tre. Con gấu ngựa rất khỏe, nặng chừng hai tạ, vì bị thương nên hung hân lắm. Những cú vả của nó thật khủng khiếp, cũng may cả bốn chúng tôi không ai dính đòn.

Biển rất khôn, Biển thường chém dứ trước mặt con gấu để tạo thế cho ba chúng tôi đâm từ bên sườn và sau lưng gấu. Một lần, lợi dụng khi gấu phục xuống, tôi đâm một nhát dao vào trũng gáy nó. Nhát dao đâm mạnh đến lút dao. Con gấu bật ngửa ra sau, Biển xô theo đà, cắm thẳng lưỡi dao vào giữa tim nó. Con gấu học lên một tiếng khủng khiếp rồi ngã lăn ra, hai bên khóc mép sùi máu. Biển đâm tiếp vài nhát nữa vào hai mạng sườn của nó. Sau mấy lần giãy, con gấu chết hẳn.

Cả bốn chúng tôi mệt lả, bủn rủn hết cả chân tay. Anh Bường mặt mũi tái mét, há miệng cười như mếu. Sau này, tôi đã chứng kiến rất nhiều nụ cười chiến thắng ở nhiều trường hợp khác nhau, tất cả những nụ cười ấy cũng đều như mếu, bao giờ điều ấy cũng gây cho tôi một nỗi sợ hãi và cảm động khôn lường...

Anh Bường dùng dao rạch bụng con gấu lấy mật. Chiếc mật lông thông những nước, to bằng bốn đốt ngón tay. Anh Bường thích lắm, lấy một sợi dây buộc mật gấu đeo ngay vào cổ.

Ngày hôm ấy, chúng tôi dọn dẹp đồ đạc rồi khênh con gấu quay về nông trường đến nhà chị Thục.

Chúng tôi gõ cửa nhà chị Thục lúc hai giờ sáng. Hàng xóm kéo đến, đông như hội. Anh Chính bảo: "Chịu các bố thợ xẻ thật. Hạ được con gấu đáng kể quá". Anh Bường bảo: "Bây giờ lột da gấu rồi làm bữa chén, mời tất cả xung quanh đến dự, được không chị Thục?". Chị Thục bảo: "Còn gì bằng. Ở xóm này có chục nóc nhà, đến dự tất cả thì vinh cho nhà này quá".

Mọi người xúm lại làm thịt gấu. Thịt gấu rất nạc và bùi. Chị Thục nấu một nồi cháo, tống vào tất cả xương xẩu với bốn cái chân. Anh Chính bảo: "Ăn một bát cháo này giá trị bằng cả một lạng cao hổ cốt đấy nhé!"

Ông Thuyết cũng đến dự, mang theo một can mười lít rượu trắng. Ông Thuyết bảo: "Chiều nay xuống đội Tân Lập, không hiểu sao tôi lại rước can rượu này về. Đúng là có số trời thật, ngày thường nếu ai mời rượu, tôi còn mắng cho ấy chứ". Anh Bường bảo: "Em lạy bác, bác đừng mắng những người hối lộ. Họ lòng thành nhưng lại ngu ngốc, nếu là bậc cao nhân phải tự xót xa mà thương lấy họ".

Mọi người uống rượu rất vui. Anh Bường càng uống rượu càng hăng. Anh Bường bảo: "Tôi đang ngồi trong lán thì con gấu đến. Nó cứ xông xộc đi vào, tôi hoảng quá, tôi vớ được cây gậy cứ vụt lia lia". Chị Thục bảo: "Thế bác không sợ à?" Anh Bường bảo: "Sợ chứ, nhưng rồi lại nghĩ: mẹ khỉ, đời chán lắm, sống cũng vậy mà chết cũng vậy, cứ quyết tâm biết đâu chẳng giết được con thú ác. Đây cũng là kỷ tích trong đời, chẳng phải ai cũng làm được". Mọi người cười. Em trai ông Thuyết tên là Kháng ở Hà Nội lên chơi cũng ngồi uống rượu, hỏi đùa anh Bường: "Thế là bác làm việc thiện, việc nghĩa hoàn toàn chỉ do chán đời, có phải không?" Anh Bường vẫn lại: "Thưa bác, bác hỏi em thế là hỏi thật hay hỏi xỏ?" Ông Kháng cười: "Tôi hỏi thật". Anh Bường nghiêm nét mặt lại: "Em hỏi khi không phải, thế bác làm nghề nghiệp gì?" Ông Kháng bảo: "Tôi giảng dạy mỹ học ở dưới Hà Nội". Anh Bường bảo: "Đây cũng là nghề nghiệp hay sao? Theo tôi, khoa học về cái Đẹp là thứ hết sức vô hình, không có thực. Về thực chất, chuyên môn của bác là thứ bịp bợm. Hồi trước, tôi có đọc quyển sách của một tay Tsechnobun nào đó, hẳn nói: *"Cái Đẹp là cuộc sống"*, điều ấy ẩn chứa một nụ cười lớn lao trong đó. Bác giảng dạy mỹ học, thế bác có nhận ra nụ cười ấy không?" Ông Kháng bảo: "Xin lỗi, tôi không được trang bị kiến thức giống như của bác". Anh Bường bảo: "Bác Kháng ạ, mời bác về bú tí mẹ". Chị Thục bảo: "Thôi thôi, ông Bường ơi, tôi xin ông lấy chữ *"dĩ hòa vi quý"* làm trọng". Anh Bường cười: "Em xin nghe lời bà chị".

Ông Sông đến. Mọi người mời vào uống rượu. Ông Sông cười: "Thế các chú có vào xẻ tiếp nữa không hay hạ được gấu thì thôi?". Anh Bường bảo: "Chúng em giúp bác hạ cây gỗ xuống, thế là xong. Còn kéo cửa lùa xẻ, bác là dân lao động, chúng em biết bác cũng tự làm được". Ông Sông bảo: "Phải".

Chị Thục bảo: "Tôi biết có một nơi xẻ gỗ dựng miếu thờ thần, cứ cơm no rượu say đi đã rồi tôi sẽ bảo". Anh Bường bảo: "Chúng em lòng thành, tâm thành, được xẻ gỗ cho dựng thần linh, đấy là may phúc, lại thêm dày nghĩa tình, lấy gì chuộc được?".

Chị Thục bảo: “Nghĩa tình lại chuộc nghĩa tình. Vô sự với tạo hóa, trung thực đến đáy, dù có sống giữa bùn, chẳng sợ không xứng là người”. Anh Bường bảo: “Ngọc ơi, mày chép lấy câu này. Nó tù mù về hình thức, nhưng hình như chứa ẩn nội dung gì đấy”.

Cơm rượu xong chúng tôi lăn ra ngủ. Giấc ngủ đến ngay với tôi. Trong giấc mơ, tôi thấy năm anh em thợ xẻ chúng tôi đi trên một cái cầu vồng bảy sắc. Những thiên sứ chạy ra đón chúng tôi, áo xanh, áo đỏ tung bay phấp phới. Một thiên sứ có khuôn mặt trông rất giống Quy. Những người thân thiết của tôi đứng hai bên đường. Tôi rất ngạc nhiên khi thấy nàng, cô gái tôi đã từng yêu trước kia. Nàng chạy về phía tôi, hai tay giang ra chào đón. Gục đầu vào ngực tôi, nàng khóc: “Anh Ngọc ơi, sau bao đau đớn ê chề em đã hiểu rằng: *chỉ có một anh thôi, còn lại là chúng nó*”. Tôi mỉm cười, tôi gỡ bàn tay bé nhỏ của nàng ra khỏi tay tôi và bảo: “Em lại cực đoan rồi, hoàn toàn không phải thế. Anh chỉ là hạt cát bé nhỏ và bất lực thôi... Cũng có thể anh chẳng mang lại điều gì hay hóm cho em đâu. Em hãy đi đi, đi theo con đường số phận đã định cho mình”. Tôi đẩy nàng ra, tôi hốt hoảng thực sự vì sự lãnh cảm dừng đọng của trái tim tôi.

Chúng tôi cứ đi trên cái cầu vồng bảy sắc. Bạt ngàn là hoa ban trắng bên đường, màu trắng đến là khác khoải, nao lòng. Này hoa ban, một nghìn năm sau thì mày có trắng thế không?

Chúng tôi cứ đi, đi mãi... Tôi biết chắc chắn ở trước mặt tôi đấy là cổng Trời, là cổng Thiên đường...

*

* *

Sau lần ấy, số phận đẩy tôi sang bước ngoặt khác, tôi không đi xẻ gỗ nữa, chuyển sang làm việc khác.

KIẾM SẮC

"Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung"
(Nguyễn Du)

Trong số người gần gũi với Thế tổ Nguyễn Phúc Ánh những năm nhằm mưu phục lại cơ đồ nhà Nguyễn có một hào kiệt mà không sử sách nào nhắc đến. Người đó là Đặng Phú Lân. Lân quê ở Hưng Hóa, cha là Đặng Phú Bình trước là thuộc tướng của Trịnh Bồng. Bình tính ngang tàng, võ công thâm hậu, thấy chúa Trịnh hèn mà cách xử thế keo kiệt, không xứng với bậc vương giả nên bỏ Trịnh Bồng vào Đàng Trong. Khi Tây Sơn nổi lên, Bình theo Nguyễn Nhạc, Nguyễn Nhạc không tin Bình, cho Bình là dân Bắc Hà trí xảo, không trung tín. Nhạc chỉ cho Bình làm một chức quan võ nhỏ ở vùng sơn cước núi Tây Bình Thuận, Bình bất đắc chí, suốt ngày uống rượu, nhiều khi say quá, cứ trông về phía trời Bắc mà khóc hu hu. Lân can thế nào cũng không được. Về sau Bình ngã nước, râu tóc rụng hết, gầy tóp đi, da vàng như nghệ, chỉ nằm chờ chết. Bình có một thanh kiếm gia truyền, sắc như nước, sống kiếm đồ chì, sức chém khủng khiếp. Trước khi chết, Bình trao thanh kiếm lại cho Lân, bảo rằng: "Con ơi, nước đang có loạn. Tây Sơn bây giờ đang lên như thế chẻ tre, nhưng ta thấy sức chơi của bọn này bất quá chỉ như trọc phú nhà giàu, gánh vác giang sơn sao được? Ta đồ rằng mệnh Tây Sơn có hạn. Hiện Gia Định có Nguyễn Phúc Ánh là nòi vương giả, con gắng vào đây tìm xem". Lân khóc, nước mắt chảy có máu. Bình giấy mấy cái, mồ hôi toát đầm đìa, người cứ lạnh dần rồi chết. Lân lấy kiếm đào huyệt chôn cha, tìm đường vào Gia Định theo Nguyễn Phúc Ánh. Lúc bấy giờ Lân mới hai mươi tám tuổi.

Nguyễn Phúc Ánh ở Gia Định tìm cách lật đổ Tây Sơn, khi này thế đã mạnh. Ánh là người đa mưu, túc kế, tính kiên trì, không tin ai, dùng người lấy chữ hiệp chữ lễ làm trọng, không coi nhân, nghĩa, trí, tín ra gì. Thỉnh thoảng, Ánh vào sâu trong đất Thuận Quảng, xuất quỷ nhập thần. Người Đàng Trong sợ Ánh hơn là thích Ánh. Ánh đi đến đâu nghe nói

cũng có mây đen cuộn cuộn bay đằng trước, dân hễ cứ thấy có mưa là biết Anh vừa đi qua.

Lân gặp Anh. Anh thấy Lân khôi ngô, ăn nói khoan hòa mà thủ đoạn táo bạo thì thích lắm, cho ở luôn bên mình. Một lần thuyền Anh qua cửa Tiền Giang, có bốn người đi theo, trong đó có Lân. Bấy giờ có con cá sấu rất to cứ bơi theo, đuổi thế nào cũng không được. Mọi người lo sợ, thấy phải có người nhảy xuống làm mồi cho cá sấu thì mới thoát. Anh hỏi: "Ai vì nước Việt mà chết?" Ba người kia tình nguyện chết, chỉ có Lân ngồi im. Anh trừng mắt hỏi Lân: "Trượng phu quý mạng sống thế à?" Lân chấp tay: "Chúa công đừng giận. Nước Việt thì không ai hại được. Còn thoát hàm cá sấu cần gì phí một mạng người!". Nói rồi nhặt hòn đá ở mạn thuyền ném con vịt giời bay qua. Vịt giời rơi xuống nước, cá sấu thấy vậy, vội bỏ thuyền, lao đến chỗ vịt giời. Anh cười ha hả bảo rằng: "Thế này thì nghiệp ta thế nào trời cũng cho thành".

Anh đi đâu cũng cho Lân đi theo, nhiều khi Anh xem ý Lân để liệu xử thế với người, lần nào cũng trúng. Có lần, lúc này thế Anh như điều gặp gió, trước Tết Nguyên đán, các tướng lĩnh, các nhà hào phú quanh vùng, cả dân chúng Gia Định nữa cũng mang lễ vật đến mừng. Anh cho Lân ra nhận lễ vật. Lân ra nhận, cho ráo vào cả một kho. Khách đến chúc mừng Anh chỉ đi chân tay không mà vào. Bọn Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Thành, Võ Tánh thấy lễ vật của mình cũng bị xếp cùng với lễ vật những người khác thì cảm tức. Bọn này phàn nàn với Anh, ý trách Anh để tả hữu coi thường mình. Anh cười bảo rằng: "Lân là người có văn, có võ, lại cương trực, trung thành với chủ, cứ để hấn khu xử. Hấn có cách khu xử của hấn. Những người gần ta không phải kẻ tầm thường đâu".

Sáng mồng Một, lập đàn tế thần. Anh cho Lân đứng ra chia lộc thánh. Lân chia phần đều ai cũng như ai, mọi người rất hớn hờ. Sau việc này Anh hỏi Lân, Lân đáp: "Nghiệp chúa công chưa thành, thế mà đã có kẻ dâng lễ vật nhiều, dâng lễ vật ít, người tranh công nhiều, người tranh công ít. Biết lễ vật của từng người, chúa công sau này dùng họ khó". Anh bảo: "Phải!" Lân lại nói: "Việc chia phần đều nhau là để ai cũng thấy mình phải cố gắng". Anh bảo: "Cũng phải". Ngồi một lúc Anh nói: "Chỉ e người căn cơ quá chăng?" Lân đáp: "Đầy tớ không căn cơ có hại cho chủ". Anh bảo: "Người là dân Bắc Hà, người không hiểu dân Đàng Trong như ta được. Người tưởng làm thế là chu toàn, nhưng bậc vương giả thích sự tiện lợi hơn cả". Lân bảo: "Chúa công nói phải, căn cơ chỉ hợp với kẻ bần tiện, nhưng đất của chúa công bây giờ nhiều hơn đất của



Núi do đâu mà ra. Sông do đâu mà ra.....

Tây Sơn hay của Tây Sơn nhiều hơn?” Ánh cau mày đáp: “Ta chỉ vốn vẹn có ba thước đất chôn thầy thôi”. Lân bảo: “Không phải thế. Chúa công được lòng trời đất, chỉ cần chúa công thành tâm”. Ánh ngồi im, lát sau lại hỏi: “Nhạc không nói làm gì, Lữ không nói làm gì. Huệ có cách gì mà giỏi giang đến thế?” Lân đáp: “Huệ giỏi dùng người tài nhưng không giỏi dùng người thường. Chúa công khác Huệ”. Ánh ngồi im không nói năng gì.

Khi Nguyễn Huệ chết, con trai là Nguyễn Quang Toàn lên ngôi, Tây Sơn năm bè bấy mối, Ánh mừng lắm, sai mở tiệc mừng. Lân đứng ra can:

“Chúa công đừng làm thế, dân chúng nhìn vào không cho ta là người đại lượng”. Ánh bảo: “Huệ coi ta là quốc thù, hịch truyền khắp nơi, lời lẽ bần thiêu lăm. Ta với Huệ không đội trời chung. Nó chết, ta cười cũng không được ư?” Lân đáp: “Huệ không có tội gì, chỉ là một người tài, bị trời hành, cũng như chúa công vậy. Huệ là một lực lượng. Chúa công cũng là một lực lượng. Chúa công ghét Huệ thế nào, Huệ cũng ghét chúa công như vậy. Nhưng lực lượng của Huệ không được hưởng phúc lâu dài, thế là Huệ đâm bảy đường thiệt. Ta lấy lộc của kẻ được hưởng phúc trời mà cư xử, trời thấy ta phải, người cũng thấy ta phải”. Ánh nghe Lân nhưng nghiêng rằng nói: “Khi nào ta thành nghiệp lớn, ta phanah thấy nó, ta chôn ba họ nó”. Lân bảo: “Chẳng lâu đâu, chúa công cứ nhìn cười, lúc ấy cười một thể”. Quả nhiên sau này, khi Ánh chiếm Thăng Long, thống nhất giang sơn, Ánh trả thù Tây Sơn rất thâm khốc.

Khi Ánh chiếm Phú Xuân, cướp được một ca nữ xinh đẹp lạ lùng, tên là Ngô Thị Vinh Hoa, vừa tròn mười tám tuổi. Vinh Hoa hát hay, đàn giỏi, điệu bộ rất duyên dáng. Một đêm Ánh hứng khởi, sai đưa Vinh Hoa vào bày tiệc, ngồi nghe hát. Lân bảo: “Hát bài *Triều thiên tử*”. Vinh Hoa ôm đàn hát:

*Kìa xanh xanh
Mấy nụ non
Mấy lá non
Nhờ mưta xuân mang sữa cho
Nhờ gió xuân mang khí thở cho
Nhờ đất mang lương thực cho
Chẳng chịu cho ai hái
Càng lớn, nhan sắc càng mỹ miều
Càng lớn, phẩm hạnh càng thanh sạch
Càng lớn, càng cả thẹn
Thơ nào tả được vẻ đẹp này
Bút nào vẽ được ý tứ này
Ai tương tư mà chau mày
Ngủ thì thôi, tỉnh lại nhớ
Ấy là trời cho
Vẻ đẹp hoàn hảo
Vẻ đẹp thiên kim.*

Ánh vỗ tay reo: “Hát hay quá”. Lân lại bảo: “Hát bài *Tình sông núi*”. Vinh Hoa ôm đàn hát:

*Kìa núi cao cao
Kìa sông xanh xanh
Núi do đâu mà ra
Sông do đâu mà ra
Trắng sì xa nhà
Lặn lội trên đường
Nơi cổ hương
Mẹ già bạc đầu
Gái quý đêm nằm trần trọc
Lấy gì trả nghĩa tình
Uống chén rượu sầu
Mời núi cao một chén
Mời sông sâu một chén
Lay thiên tử ba lay
Chẳng quên tình sông núi
Chỉ thương tình mẹ già với người đẹp phương xa...*

Ảnh cau mày: “Hát hay nhưng buồn quá”. Vinh Hoa quỳ xuống lạy: “Tiện thiếp trót làm rầu lòng người trời”. Lân đỡ dậy bảo rằng: “Người chớ lo, chúa công rộng lòng, những thứ tình cảm hèn mọn suốt suốt của bọn người thường không hợp với chúa công đâu”. Nói đoạn, Lân sụp xuống lạy Ảnh: “Ngày mai chúa công ra trận, vui thú ít thôi, cần nghỉ ngơi”. Ảnh thở dài đứng lên: “Cũng phải. Người cứ ép ta, đến nay là chín năm rồi, ta còn nhớ. Từ khi người cấp gươm hầu ta, ăn ngủ cũng phải tính giờ. Xưa kia ta đâu phải vậy?” Lân đáp: “Chúa công chịu mệnh trời, gánh nặng hơn người”. Ảnh bảo: “Ta chỉ thích như người thường thôi”. Tuy nói thế nhưng cũng rũ áo vào trường, Vinh Hoa ôm đàn lui ra. Hôm sau, Ảnh kéo quân ra Bắc Hà. Trên đường đi, Ảnh bảo Lân: “Ta đi mà cứ vắng vắng tiếng hát ca nữ bên tai, tiếng gió thổi, tiếng gươm đao không át được”. Lân bảo: “Chúa công còn nhiều cơ hội nghe hát, nhưng cơ hội diệt Tây Sơn chỉ có một”.

Ảnh họp các tướng bàn kế hoạch đánh ra Thăng Long, Lê Văn Duyệt tâu: “Bắc Hà có nhiều danh sĩ tài giỏi. Sao cho cớ của ta đến đâu, bọn khốn nạn này mà theo thì dân chúng cũng phải theo thôi”. Ảnh bảo: “Không được. Ta ủy mệnh trời, cần gì mua chuộc ai? Ta đến đâu, đào hố đến đấy, chôn chúng nó xuống, dân chúng không theo không được”. Quan tướng ai cũng thấy phải, ngồi yên lặng cả.

Đêm ấy Ảnh thao thức không ngủ được, gọi Lân đến bảo múa kiếm

cho xem. Lân cầm thanh kiếm gia truyền, múa loang loáng, nghe như có gió thổi bốn bề. Ánh nhìn toát cả mồ hôi, đoạn bảo đưa kiếm cho xem. Ánh cầm thanh kiếm hai tay, phạt đứt cây hoa đại vòng gốc như cột nhà mà chỉ một nhát. Nhựa cây phun ra như máu trắng. Ánh hỏi: “Kiếm của người sao sắc bén vậy?” Lân bảo: “Đây là thần kiếm, không rõ xuất xứ, tổ phụ truyền lại”. Ánh hỏi: “Sao bây giờ ta mới thấy nó?” Lân bảo: “Trước chúa công chỉ nhìn thấy đầu rơi dưới kiếm, bây giờ mới nhìn rõ kiếm. Thế là sắp thanh bình thịnh trị rồi đó”. Ánh cầm thanh kiếm không muốn rời tay.

Ánh hỏi: “Trưa nay khi nói việc ta muốn chôn danh sĩ Bắc Hà, sao người tái mặt?” Lân tâu: “Lân là người Bắc Hà nên tội phạm mình, sợ cho mình”. Ánh bảo: “Ta chỉ ghét bọn chữ nghĩa thôi, còn người là con nhà võ thì sợ gì. Chữ nghĩa chúng nó thối lắm, nguy hiểm xảo trá tinh vi. Hành tung chúng, ta chẳng lo. Toàn lũ ốm o, như đòi chỗ, hèn mọn cả”. Lân bảo: “Đa số như thế chôn cũng đáng. Chỉ có đôi người khá, chúa công được họ thì thêm sang cho chúa công”. Ánh bảo: “Ta không tin bọn đó theo ta. Chúng nó quen tử tế với chữ nghĩa thì sẽ coi ta là vô đạo, không có tâm thế. Rửa đầu óc chúng nó mệt lắm”. Lân bảo: “Thế là chúa công vẫn quen dùng người thường, ở bậc cao nhân làm gì còn chuyện vô đạo, hữu đạo? Tâm ở sự thành, đầu phải ở lòng? Chúng không chịu hiểu là lỗi ở chúng. Đã ai hiểu việc chúa công dùng Bá Đa Lộc, dùng người ngoại quốc? Chúa công còn phải mang tiếng ba trăm năm”. Ánh lo sợ hỏi: “Phải làm sao?” Lân bảo: “Chẳng làm sao được, nhưng bên cạnh chúa công có vài người như Ngô Thì Nhậm thì không sao cả”.

Ánh bảo: “Ta muốn người đi trước, chiêu mộ đôi ba người, thế là công to lắm”. Lân sụp lạy: “Được thế còn gì bằng, Lân không thẹn mặt với nơi sinh ra mình”. Ánh bảo: “Ta giữ thanh kiếm này để khi người quay về, có tin hay, ta có cơ mà khen thêm. Còn không được việc, ta có linh khí mà trừng phạt”. Lân tái mặt đành phải chịu.

Ít bữa sau, Lân cải trang, giắt theo ít vàng bạc, tìm đường ra Bắc Hà. Lúc này Bắc Hà nhốn nháo lắm, triều đình Tây Sơn như trứng để đầu đẳng. Bọn tướng của Tây Sơn tranh giành nhau, chẳng biết giữ gìn tiếng tăm nữa. Lân thân cô, thế cô, lang thang đây đó, đi khắp các nơi tìm người tài giỏi nhưng không thấy ai ưng ý.

Một hôm, Lân vào nghỉ ở một quán trọ ven đường thấy có một người cõng cách hiên lành, dáng điệu bốn chồn đang ngồi uống nước chè suông. Hai người nói chuyện. Lân ngạc nhiên thấy người này trong trẻo lạ lùng,

tâm hồn sạch như nước ở núi ra. Lân cố mời rượu, người này chỉ uống một tí đã đỏ mặt. Con gái chủ quán rất xinh đứng ra hầu rượu. Người trẻ tuổi bảo: "Khách ở nơi xa đến, mệt mỏi vì công danh không đâu, chưa biết thế nào là đường đi lối lại, cô Cẩm hát một bài cho nghe đi". Lân thoáng ngạc nhiên, rồi bình tâm lại, vật nài mãi, cô gái chủ quán bèn ôm đàn ra đưa cho người trẻ tuổi. Người trẻ tuổi gảy đàn, cốt cách rất ư thanh lịch. Cô con gái chủ quán hát:

*Kìa trăm năm
Tài mệnh là gì
Chỉ thấy đòn đau
Nụ non, lá xanh
Nhờ mưa mang sữa cho
Nhờ gió mang khí thở cho
Nhờ đất mang lương thực cho
Chẳng chịu cho ai hái
Ai hái cũng phí
Nhan sắc mỹ miều cũng qua thời
Phẩm hạnh thanh sạch cũng nhạt thời
Càng lớn càng cả thẹn
Cố tả đượ vẻ đẹp này
Gắng vẽ đượ ý tứ này
Ai tương tư cho râu lòng
Ngủ thì thôi, tỉnh lại nhớ
Ấy là trời buộc
Cô quanh vì nàng
Ta đi sẵn, đi cầu
Vẻ đẹp hoàn hảo
Vẻ đẹp thiên kim
Bao giờ bốc mộ
Nhỏ cho một giọt nước mắt
Kìa trăm năm
Tài mệnh là gì
Chỉ thấy đòn đau.*

Lân nghe xong, thở dài, trào máu ra từ ngũ khiếu. Lân kêu to: "Trời hỡi trời, sao giống bài *Triều thiên* tít vậy?" Cô gái chủ quán cười, chỉ tay vào người trẻ tuổi: "Bài hát này không có tên, do người này làm ra, chỉ để riêng cho Cẩm hát". Lân thở dài, nói: "Bài hát hay quá, thật Lân này chưa biết thế nào là đường đi lối lại". Nói rồi Lân cáo từ vào trong phòng

ngủ. Hôm sau Lân dậy sớm, bỏ đi không chào chủ quán cũng không hỏi người khách trẻ tuổi với cô Cẩm, con gái chủ quán.

Khi Lân đến được Thăng Long thì Nguyễn Phúc Ánh đã vào thành rồi. Quân Ánh đi như nước lụt. Lân như cánh bèo bị sóng cuốn trôi. Thăm tâm Lân cũng chẳng biết nên vui hay nên buồn, chỉ thấy trong lòng cảm động.

Lân gặp Ánh xin chịu tội vì không làm được việc. Ánh ngồi trên ngai vàng, tả hữu gươm giáo sáng quắc hai bên. Lân tự trối mình, quỳ xuống sân rồng. Ánh bảo: "Người theo hầu ta thế là chín năm một trăm ngày, chín năm không làm hồng việc gì, còn một trăm ngày thì hồng việc, vô tích sự. Thế là treo lên cây mà không hái được quả, đáng tội chết." Lân không nói năng gì, vươn cổ ra chịu chém. Nghe nói, Nguyễn Phúc Ánh đã sai đao phủ dùng thanh kiếm gia truyền của Lân để chém đầu Lân. Khi chém đầu, máu phun ra không đỏ mà trắng như nhựa cây, một lúc sau thì kết lại.

Đoạn kết

Tôi, người viết truyện này, gần đây lên Đà Bắc, đến Tu Lý, ở trong nhà một người Mường. Chủ nhà tên là Quách Ngọc Minh có cho xem bài vị thờ tổ tiên. Tôi hết sức ngạc nhiên khi ông Quách Ngọc Minh cho biết tổ tiên ông là người Kinh. Ông Quách Ngọc Minh có nói tổ phụ ông tên là Đặng Phú Lân, có vợ tên là Ngô Thị Vinh Hoa vốn là một ca nữ, Lân và Hoa trốn vua Gia Long lên Đà Bắc, giả làm người Mường, về sau lập trại, sinh con để cái ở đây. Ông Quách Ngọc Minh có nói tổ phụ ông sinh thời từng gặp Nguyễn Du, tác giả của cuốn *Đoạn Trường tân thanh* nổi tiếng. Tôi còn được con gái ông Quách Ngọc Minh tên là Quách Thị Trình hát cho nghe một bài hát xưa, lời lẽ rất thanh tao về những chồi cây xanh.

Viết truyện ngắn này, tôi muốn đề tặng gia đình ông Quách Ngọc Minh để cảm ơn thịnh tình của gia đình ông đối với riêng tôi. Tôi cũng xin cảm ơn một số nhà nghiên cứu lịch sử và bạn bè quen biết đã giúp tôi sưu tầm, chỉnh lý những tư liệu cần thiết cho công việc viết văn, vốn rất nhọc nhằn phức tạp, lại buồn tẻ nữa - của tôi...

VÀNG LỬA

"Rầu lòng vậy... Cầm lòng vậy..."
(Đản ca)

Ông Quách Ngọc Minh, ngụ ở Tu Lý, huyện lỵ Đà Bắc viết thư cho tôi: *"Tôi đã đọc truyện ngắn "Kiếm sắc" của ông kể về tổ phụ tôi là Đặng Phú Lân. Riêng chi tiết gặp Nguyễn Du không thích. Nhân vật "người trẻ tuổi trong quán trong trẻo lạ lùng, tâm hồn sạch nhit nước ở núi ra" không ra gì. Bài hát "Tài mệnh tương đố" có ý gán cho Nguyễn Du là khéo mà không khéo vậy. Ông gắng thu xếp lên chơi, tôi sẽ cho ông xem vài tư liệu, biết đâu giúp ông có cách nhìn khác. Con gái tôi là Quách Thị Trinh sẽ mời ông món canh cá nấu khế ông thích..."*

Nhận được thư tôi đã lên thăm gia đình ông Quách Ngọc Minh. Những tư liệu cổ mà ông Quách Ngọc Minh gìn giữ thật độc đáo. Về Hà Nội, tôi viết truyện ngắn này. Khi viết, tôi có tự ý thay đổi một vài chi tiết phụ và sắp xếp, chỉnh lý lại các tư liệu để hợp với việc kể chuyện.

* *

*

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh chiếm Thăng Long, lên ngôi vua, đặt tên hiệu là Gia Long. Bên cạnh nhà vua có vài người châu Âu giúp việc. Trong số ấy có một người Pháp tên là Phrăng-xoa Pơ-ri-ê do chính giám mục Pi-nhô đỡ Bê-hen (Bá Đa Lộc) tiến cử. Nhà vua thường gọi y là Phăng.

Phăng từ nhỏ đã thích phiêu lưu. Y từng tham gia cách mạng 1789, bạn với Xanh Giuýt. Năm 1794, cách mạng thất bại, Phăng trốn ra nước ngoài. Năm 1797, Phăng theo chân một tàu buôn trôi dạt đến Hội An. Người ta không rõ cuộc gặp gỡ của y với Bá Đa Lộc, chỉ biết Bá Đa Lộc

có viết thư giới thiệu Phăng với vua Gia Long.

Trong tập bút ký của mình sau này, Phăng viết:

“Nhà vua là một khối cô đơn khổng lồ. Ông đóng trò rất giỏi trong triều đình. Ông đi, đứng, ra, vào, ra các mệnh lệnh, chấp nhận sự tung hô của bọn quần thần. Ông là người cha nghiêm khắc của lũ con ích kỷ, dấn loạn. Là người chồng đáng kính của các bà vợ tầm thường... Ông biết ông đã già, với bọn cung tần mỹ nữ trẻ đẹp ông bất lực. Ông biết rõ cái triều đình thiển cận do ông dựng lên, biết rõ quốc gia mình nghèo đói. Ông luôn lo sợ bởi quyền lực nắm trong tay, nó lớn ngoài sức chứa một con người...”

Trong một chuyến đi săn ở phía Bắc kinh thành Huế, Phăng đi theo vua Gia Long. Phăng kể:

“Nhà vua cưỡi ngựa, lưng rất thẳng. Ở giữa thiên nhiên, trông ông rạng rỡ, mất đi vẻ dâm chiêu cau có hàng ngày. Ông vui vẻ, vào cuộc săn hào hứng. Buổi tối, ngồi với tôi, ông bảo: “Khanh biết không, cái lũ chó ấy, chúng nó chuẩn bị cả rồi, chỗ nào trẫm đi qua thì chúng thả thú ra”. Tôi ngạc nhiên bởi vì sao nhà vua (vốn xuất thân là một võ tướng) lại chịu được sự nhục mạ ấy. Ông cười: “Khanh chẳng hiểu gì. Vinh quang nào chẳng xây trên điểm nhục?” Tôi ngồi nghe nhà vua, nhận thấy ông trải đời ghê gớm. Ông hiểu bản chất đời sống cộng sinh. Số phận ngẫu nhiên giao cho ông đứng trên đỉnh cao nhất, ông không dám phá vỡ bất cứ quan hệ nào làm hai đời sống cộng sinh đó, bởi phá vỡ nó, nghĩa là ngai vàng không còn đứng vững. Tôi có hỏi nhà vua về các nhà tư tưởng phương Đông. Tôi nhận thấy ông không quan tâm đến họ. Ông bảo: “Tất cả do cay cú đời sống. Họ là quá khứ. Thời khắc đang sống là đáng kể”. Nhà vua chăm chú ăn món gân hổ hơn là tiếp chuyện tôi...”

Phăng được vua Gia Long cho phép đi lại nhiều nơi, Phăng từng gặp Nguyễn Du, bấy giờ đang giữ chức tri huyện. Phăng kể:

“Trước mặt tôi là một người bé nhỏ, mặt nhàu nát vì đau khổ. Ông nổi tiếng là một nhà thơ có tài. Tôi thấy ông hoàn toàn không hiểu gì về chính trị. Trước sau, ông là một viên quan tận tụy. Ông hơn những người khác ở nhân cách nhưng nhân cách ấy có giá trị gì khi cuộc đời thực của ông xui xẻo, túng kiết? Ông sống hoàn toàn thiếu tiện nghi. Ông không phải phiếm những sự hào hoa cũng không có nổi. Đời sống tinh thần bóp nghẹt ông. Ông nói chuyện giản dị và hóm hỉnh. Trực giác tuyệt vời. Cũng như vua Gia Long, ông là một khối nguyên liệu to lớn nhưng nhẹ đồng

cân hơn, hợp chất tạo thành ít hơn, độ bám của bụi bặm cũng ít hơn. Cả hai đều là những khối nguyên liệu vô giá, những vật quốc bảo".

Phăng được Nguyễn Du dẫn đi thăm một vài nơi trong địa hạt của mình. Phăng viết:

"Ông ta (tức Nguyễn Du) có sự thông cảm sâu sắc với nhân dân. Ông yêu nhân dân mình. Ông đại diện cho nhân dân ở phần ưu uất nhất, trớ trêu nhất nhưng cũng đáng thương nhất. Vua Gia Long không thêm đại diện cho ai, ông chỉ chịu trách nhiệm với mình. Đây là điều vĩ đại nhưng cũng dễ tiện khiếm. Nhà vua có cách nhìn thực tiễn với chính tình khốc tồn tại của bản thân mình. Nhà vua biết xót thân. Nguyễn Du thì khác, Nguyễn Du không biết xót thân. Nguyễn Du thông cảm với những đau khổ của các số phận đơn lẻ mà không hiểu nỗi nỗi đau khổ lớn của dân tộc. Đặc điểm lớn nhất của xã hội này là nhọt cổ. Đây là một cô gái đồng trinh bị nền văn minh Trung Hoa cưỡng hiếp. Cô gái ấy vừa thích thú, vừa nhục nhã, vừa căm thù nó. Vua Gia Long hiểu điều ấy và đây là nỗi cay đắng lớn nhất mà ông cùng cộng đồng phải chịu đựng. Nguyễn Du thì khác, ông không hiểu điều ấy. Nguyễn Du là đứa con của cô gái đồng trinh kia, dòng máu chứa đầy điển tích của tên đàn ông khốn nạn đã cưỡng hiếp mẹ mình. Nguyễn Du ngáp trong mơ bình thường của đời sống, còn vua Gia Long đứng cao hẳn ngoài đời sống ấy. Người mẹ của Nguyễn Du (tức nền chính trị đương thời) giấu giếm con mình sự ề chề và chịu đựng với tinh thần cao cả, kiên cố. Phải ba trăm năm sau người ta mới thấy điều này vô nghĩa.

Nguyễn Du sống dân dã, ông hồn nhiên chịu đựng sự nghèo túng cùng nhân dân. Ông không đứng cao hơn họ, không hưởng thụ cao hơn họ, và như thế, ông hoàn toàn không biết làm chính trị. Tất cả đời sống vật chất của ông do những hoạt động cù lần mang lại, năng suất thấp, chỉ thỏa mãn những nhu cầu tối thiểu. Lòng tốt của ông là thói lòng tốt nhỏ, không cứu được ai. Vua Gia Long thì khác. Ông khùng khiếm ở khả năng dám bốn cột với Tạo hóa, dám mang cả dân tộc mình ra lườm gạt, phục vụ cho chính bản thân mình. Ông làm cho lịch sử sinh động hẳn lên. Đây là lòng tốt lớn của nhà chính trị. Lòng tốt lớn của nhà chính trị không chỉ là làm việc thiện với một số phận đơn lẻ mà còn là sức đẩy của ông ta với khối cộng đồng. Từng phần tử trong cộng đồng do luật tự nhiên chi phối sẽ tự tồn tại, định hướng và phát triển. Không có một sức đẩy mạnh, cả cộng đồng sẽ mọc rêu, mủn nát. Cộng đồng Việt là một cộng đồng mặc cảm. Nó nhỏ bé xiết bao bên cạnh nền văn minh Trung Hoa,

một nền văn minh vừa vĩ đại, vừa bỉ ổi, lại vừa tàn nhẫn..."

Phăng có kể lại cho vua Gia Long ấn tượng khi gặp Nguyễn Du. Phăng viết:

"Nhà vua nghe tôi một cách lơ đãng. Tôi có cảm giác ông bị nặng tai nhưng không phải. Ông không coi Nguyễn Du ra gì, hoặc có thể ông coi Nguyễn Du là con ngựa giống tốt trong cả đàn ngựa, lợn, bò, gà mà ông chán ghét. Ông bảo: "Trẫm có biết người ấy. Cha nó là Nguyễn Nghiễm. Anh nó là Nguyễn Khản". Tôi thấy nhà vua hiểu sự bất lực của ông đối với đời sống nghèo khổ và những tri trệ của dân tộc ông. Ông không tin học vấn có thể cải tạo giống nòi. Điều ấy có lý. Trí tuệ hết là vật chất. Những hoạt động kinh tế cù lần chỉ đủ sức cho một dân tộc sống ngắc ngoải. Vấn đề ở chỗ phải đứng lên vươn mình thành một cường quốc. Làm điều đó, phải có gan chịu đựng sự va xé trong quan hệ với cộng đồng nhân loại. Thói hủ nho và thủ dâm chính trị sẽ không bao giờ tạo được những quan hệ trong sáng, lành mạnh. Sẽ đến lúc nền chính trị thế giới giống như món nộm suông sã, khải niệm thanh khiết ở đây vô nghĩa".

Năm 1814, người ta phát hiện ra một nơi có vàng, Phăng xin vua Gia Long cho một số người châu Âu cùng mình đi tìm kiếm. Vua Gia Long đồng ý. Phăng không để lại tư liệu nào kể về chuyến đi tìm vàng này. Tuy nhiên có một người Bồ Đào Nha tham gia đoàn tìm vàng đã viết hồi ký. Người Bồ Đào Nha này kể lại:

"Đoàn chúng tôi có mười một người gồm bốn người Bồ Đào Nha, một người Hà Lan, năm người Pháp và một người Việt dẫn đường. Chỉ huy chúng tôi là Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê. Y là một người tàn bạo được vua Gia Long tin cậy... Chúng tôi đi ngựa, mang theo vũ khí và những dụng cụ đào vàng như dân tìm vàng hồi thế kỷ trước ở Bắc Mỹ. Ngay Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê cũng không lường trước sự việc diễn ra. Điều ấy khiến cho chúng tôi sau này phải trả giá đắt. Đa số chúng tôi tham gia chuyến đi vì sự hiếu kỳ. Chúng tôi chuẩn bị lương thực đủ trong một tháng. Chúng tôi luôn rình và đến nơi sau một tuần đi đường. Nơi đây là thượng nguồn một con sông lớn nằm kẹp trong thung lũng hoang vắng. Không hề thấy một bóng người qua lại. Qua bay hàng đàn. Trong bản đồ, Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê gọi đây là thung lũng Quạ. Chúng tôi cắm lều ngay trên bờ sông. Ngay ngày đầu tiên, người Hà Lan trong đoàn đã lên cơn sốt. Ông ta lên những cơn co giật khủng khiếp, người nóng như than, mặt xám lại. Chúng tôi để nghị để lại một người chăm sóc ông ta nhưng Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê



Đặng Xuân Hoà

Rầu lòng vậy... Cầm lòng vậy...

không nghe. Y dồn tất cả chúng tôi vào mũi dao vàng và lọc quặng. Buổi tối, khi chúng tôi trở về thì người Hà Lan đã chết. Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê sai ném xác người Hà Lan xuống sông. Qua lập tức bu đen trên thấy người chết...

Mỏ vàng gần như lộ thiên. Sự hào hứng khiến chúng tôi quên mệt nhọc. Đến ngày thứ ba, chúng tôi bị thổ dân tấn công. Chúng tôi co cụm lại. Những người thổ dân cầm dao, gậy đứng từ xa chửi rủa và dùng đá ném chúng tôi. Họ có ý muốn đuổi chúng tôi chứ không có ý gì khác. Người Việt dẫn đường đi theo chúng tôi đã biến mất ngay từ khi những người thổ dân xuất hiện. Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê nói tiếng Việt rất tốt. Y giờ cao tám thê tín bài của vua Gia Long nhưng vô hiệu. Đáng lẽ chúng tôi phải rút ngay nhưng Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê không kìm chế được. Y nổ súng. Một người thổ dân trúng đạn. Số còn lại chạy tán loạn. Chúng tôi đòi Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê quay về nhưng y không nghe, y bắt chúng tôi tiếp tục làm việc. Vàng đã làm cho y lóa mắt và mù mị đi. Buổi chiều khi chúng tôi quay về lều thì thấy dấu lâu của người Việt dẫn đường cắm trên cọc nhọn ngay bên cạnh đấy. Trời nóng như thiêu, chúng tôi thấy rất nhiều quạ bay từ rừng trên, vừa bay vừa kêu những tiếng man rợ.

Khoảng nửa đêm, lửa bốc cháy dữ dội xung quanh lều. Những mũi tên tẩm thuốc độc ở đâu bắn đến như mưa. Năm người trong đoàn chúng tôi chết ngay. Phơ-răng-xoa Pơ-ri-ê mang theo số vàng đã được mở con đường máu thoát ra. Lửa nóng quá. Trút mắt, sau lưng, trên trời, dưới đất, đâu đâu cũng thấy lửa cháy rừng rực..."

Hồi ký của người Bồ Đào Nha vô danh không viết gì thêm. Tôi, người viết truyện này đã cất công đi tìm các thư tịch cổ và hỏi han nhiều bậc bô lão. Không có tài liệu gì và cũng không ai biết gì về thung lũng Quạ hoặc chuyện của những người châu Âu thời vua Gia Long. Mọi cố gắng của tôi trong nhiều năm nay vô hiệu. Tôi xin hiến bạn đọc ba đoạn kết cho câu chuyện này để bạn đọc tùy ý lựa chọn.

Đoạn kết I

Đoàn tìm vàng còn sót lại ba người. Phăng bảo toàn nguyên vẹn số vàng đào được mang về. Vua Gia Long vui mừng vì đã tìm được mỏ vàng. Nhà vua cho khoanh vùng thung lũng Quạ và cho tiến hành khai thác mỏ. Phăng được cử trông coi việc này. Hai người châu Âu sót lại trong đoàn tìm vàng cũng được mời tham gia nhưng họ từ chối. Phăng trông

coi việc khai thác mỏ vàng trong hai năm. Vua Gia Long rất tin cần y và thường ban cho y những bổng lộc hậu hĩnh. Một hôm, người ta đưa đến cho y món ăn quý do nhà vua ban: món chim hầm bát bảo nấu rất công phu. Phăng ăn xong thì thấy bụng đau cồn cào dữ dội, mất trợn ngược, máu ộc ra đầy mồm miệng. Y chết ngay trên bàn ăn. Trong một quyển sổ ghi chép còn sót lại của y, người ta đọc thấy những dòng chữ sau:

"Tất cả những cố gắng của con người hướng về điều thiện đều là những cố gắng đau đớn, nhọc lòng. Điều thiện hiếm như vàng và sau đó phải được vàng bảo đảm nữa mới có giá trị thực."

Chúng ta sống vô nghĩa, nghèo khổ và đau khổ trong những lý thuyết chấp vá đầy nguy hiểm; những mối bất hòa kỳ thị dân tộc và đẳng cấp; những kinh nghiệm sống của chúng ta mong manh và vụn vặt xiết bao. Đến bao giờ, hỡi đến bao giờ, trên mặt đất này xuất hiện tiến bộ?"

Đoạn kết II

Thoát khỏi biển lửa, đoàn tìm vàng sót lại một mình Phăng. Y mang số vàng tìm đến được dinh quan sở tại. Phăng đưa tấm thẻ tín bài có dấu triện của vua Gia Long xin được che chở. Quan huyện là một vị túc nho già, biết nghề thuốc. Phăng đã dưỡng bệnh ngay tại huyện lỵ hẻo lánh này. Con gái quan huyện là Vũ Thị còn trẻ nhưng góa chồng mang lòng yêu mến y. Sau khi Phăng về kinh đô, y được vua Gia Long ban thưởng hậu hĩnh. Nhà vua đã cho tiến hành khai thác mỏ vàng.

Lúc này ở châu Âu, nền Đế chế của Napôlêông Bonapac đã sụp đổ. Châu Âu chín chắn hẳn lên. Họ đã bắt đầu hiểu về đẹp và vinh quang một dân tộc không phải do cách mạng hoặc chiến tranh mang lại, cũng không phải do các nhà tư tưởng hoặc các Hoàng đế mang lại, bởi vậy họ sống đỡ căng thẳng hơn, giản dị hơn, hợp tự nhiên hơn. Phăng xin vua Gia Long mang theo Vũ Thị và một số vàng lớn hồi hương. Về Pháp, ông lập một ngân hàng và sống sung sướng đến già. Ông thường kể lại cho con cháu nghe về những kỷ niệm quá khứ, về những biến cố ở xứ An Nam xa xôi. Theo ông, thời kỳ ông ở An Nam mới là sự bắt đầu lịch sử của quốc gia người Việt, khi này biên giới phân định, chữ viết có gốc từ chữ La tinh phổ biến, người Việt dần thoát ra sự cầm tù đáng sợ của nền văn minh Trung Hoa, có những mối giao lưu chung với cộng đồng nhân loại.

Đoạn kết III

Tất cả đoàn tìm vàng bị giết chết. Lính triều đình bao vây và tấn công họ chứ chẳng có thổ dân nào cả như trong hồi ký của người Bồ Đào Nha vô danh lắm tưởng. Người ta tìm được vàng giấu trong đồ đạc của những người châu Âu, nó lẫn trong quần áo và ở cả trong những sổ sách ghi chép. Vua Gia Long cho xung công và sau đó cử một người trong hoàng tộc đứng ra lo việc khai thác mỏ vàng. Cuối đời, vua Gia Long sống trong cung cấm, tìm cách tránh mọi tiếp xúc với bên ngoài. Nhà vua rất ghét những ai nhắc lại mối quan hệ với người này, người nọ khi nhà vua còn hàn vi, dù đấy là người Việt, người Trung Hoa hay người châu Âu nào khác.

Triều Nguyễn của vua Gia Long lập ra là một triều đại tệ hại. Chỉ xin lưu ý bạn đọc đây là triều đại để lại nhiều lãng.

PHẨM TIẾT

Chữ trình đáng giá ngàn vàng...
Chữ trình còn một chút này...
Chữ trình kia cũng có ba bảy đường...
(Nguyễn Du)

Việc tìm ra ngôi mộ cổ ở vùng lòng hồ trong khu vực thủy điện sông Đà khiến tôi lại lên Tu Lý, huyện lỵ Đà Bắc. Ông Quách Ngọc Minh (bạn đọc đã làm quen với ông qua hai truyện ngắn *Kiểm sắc* và *Vàng lửa* của tôi) ngờ rằng ngôi mộ này là của bà Ngô Thị Vinh Hoa sống cách đây gần hai trăm năm. Truyền thuyết người Mường vùng này kể rằng bà đã lập ra dòng họ Quách.

Hôm dời mộ từ khu vực lòng hồ lên Tu Lý, tôi đã đến xem. Mộ ở vuông đất hẹp, bằng phẳng, cách bờ sông Đà hai trăm năm mươi mét, ở độ cao mười sáu mét kể từ mặt sông. Bao nhiêu năm nay chưa bao giờ lũ sông Đà ngập đến chỗ này.

Nhìn bề ngoài, ngôi mộ cổ trông không khác một gò mồi lớn. Đào sâu ba mét thấy vữa gạch. Người chết táng theo lối xưa, trong quan ngoài quách. Quan tài làm bằng gỗ quý, ván dày tám phân, dăm gỗ nhỏ, đưa ra ngoài trời có màu mận chín. Quan tài chạm trổ đơn giản nhưng đẹp mắt. Khi bật nắp quan tài, thấy có một lớp vải lụa hồng. Dưới lớp vải lụa hồng, là một màng trong suốt như thạch, hiện lên hình một phụ nữ đẹp rực rỡ, khuôn mặt tươi tỉnh như người sống, trang phục xiêm y lộng lẫy. Đây là ngôi mộ kết. Tất cả chúng tôi thấy đều kinh hoàng. Thoắt cái, một làn sương mờ trên quan tài ùn lên phủ kín xung quanh. Mười phút sau, làn sương tan hết, trong quan tài chỉ còn một bộ xương đen như mun, lớp vải lụa hồng cũng không thấy nữa. Trong quan tài đầy vụn chèn khô, lẫn ở đáy rất nhiều đồ trang sức quý giá.

Ông Quách Ngọc Minh tự tay rửa sạch từng đốt xương bằng rượu quý và nước thơm, đặt vào vuông vải trắng trong tiểu sành. Tôi chưa bao

giờ chứng kiến lần bốc mộ nào có ấn tượng mạnh như thế. Con gái ông Quách Ngọc Minh là Quách Thị Trinh hỏi tôi có biết gì về người phụ nữ nằm trong ngôi mộ hay không? Tôi băn khoăn quá. Phải là người mơ mộng và nghiêm khắc mới hiểu rằng biết hoặc không biết, đều chỉ là những ước lệ mơ hồ, có tính lịch sử và hạn chế.

Câu chuyện này kể về người phụ nữ nằm trong ngôi mộ ấy.

* *

*

Ngô Thị Vinh Hoa là con thứ mười của Ngô Khải. Khải là hậu duệ của Chương khánh công Ngô Từ, người đã sinh ra bà Ngô Thị Ngọc Dao, mẹ vua Lê Thánh Tông. Ngô Khải là bậc đại phú, nhà gần chùa Tiên Tích, chuyên buôn hàng tơ lụa. Nhà Khải kho đụn không khác gì phủ Chúa, đầy tớ vài trăm người. Khải giao du rộng, chơi với toàn người sang. Con gái họ Ngô đẹp nổi tiếng Kẻ Chợ, đời này qua đời khác, nhiều người được tuyển vào cung. Khải có bảy người con gái thì sáu người đều là thiếp yêu ở Phủ Chúa. Vinh Hoa là con gái út. Khải rất yêu chiều. Khi đẻ ra Vinh Hoa, trên nóc nhà bỗng có đám mây ngũ sắc bay đến, tỏa ra ánh sáng rực rỡ, khắp nơi hương thơm ngào ngạt. Trên cổ Vinh Hoa có tròng hoa quấn cổ, xòe lòng tay ra thấy có viên ngọc ở trong, trên khắc hai chữ “thiên mệnh”. Khải dựng tóc gáy, lập bàn thờ tạ trời đất. Có người bảo rằng: “Trời mượn cửa nhà ông gửi ngọc, liệu mà chăm chút”. Vinh Hoa lớn lên, hát hay, đàn giỏi, đẹp lồ lộ, nói câu nào thiêng câu ấy. Khải rất sợ. Tỉ như trời nắng chang chang, nàng buột miệng “ngày kia trời mưa”, quả nhiên ngày kia mưa thật. Tỉ như có người đi qua, nàng bảo “mai ông này chết”, quả nhiên người ấy không ốm đau bệnh tật gì hôm sau lăn ra chết. Trai gái lấy nhau thường dặt đến trước mặt nàng nhờ xem, nàng gặt đầu là lấy nhau được, nàng lắc đầu thì chịu, ba đầu sáu tay gì lễ cưới cũng không thành.

Nhà Ngô Khải có cửa hàng tơ lụa gần Hồ Gươm. Khi nào Vinh Hoa trông hàng, khách vào mua đông như hội. Ai trót tham, đo vải thừa, trả tiền thiếu, khi về nhà nếu không bị chó cắn thì nhà cháy, đại để thế, tai họa không lường được. Ở Kẻ Chợ có câu ca:

*Biết điều thì tránh Vinh Hoa
Quyết năm các bạc mất nhà như chơi.*

Năm Kỷ Dậu (1789) Quang Trung Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc diệt Mãn Thanh xong, tìm cách an dân. Nghe theo lời Trần Văn Kỷ, nhà vua cho mời cơm các nhà danh giá thế phật trong thành, Khải cũng được mời.

Khi thiệp mời đưa đến nhà Khải, Khải cho gọi người quản lý tên là Sâm đến bàn. Khải nói: “Ta không đi không được, Quang Trung là bậc anh tài, hào hùng lắm. Ta ăn lộc nhà Lê, nhưng cũng không bỏ lộc nhà Trịnh, gì thì gì cũng mang tiếng cơ hội. Bây giờ Quang Trung mời đến, nên xử thế nào cho phải?” Sâm nói: “Đại nhân chớ băn khoăn về chuyện cơ hội hay không cơ hội. Điều ấy vô nghĩa. Có điều Quang Trung đang thịnh, lẽ đời là phải phù thịnh, đại nhân cứ thế mà làm. Ta không phù Quang Trung, sợ cơ ngơi này khó bảo toàn, lấy ai tiếp nối? Lĩnh Tây Sơn chỉ cho mỗi lửa, vu cho tàn quân Tôn Sĩ Nghị là xong, lúc đó ta biết kêu ai? Không nói gì đến đại nhân bị hại, bọn Sâm này cũng mất niêu cơm”. Khải cười: “Mày ranh ma lắm. Ta nghe mày”. Nói đoạn bảo Sâm chuẩn bị lễ vật đi dự tiệc.

Sâm là tên đầu cẳng, xuất thân lái trâu, từ lâu có ý hại chủ. Chuẩn bị lễ vật cho Khải, Sâm cho vào rương hòm toàn những đồ vàng bạc giả, còn vải lụa quý thì cho cắt vụn ra từng đoạn ngắn. Khải không biết gì, cứ thế cho đầy tớ mang vào cung.

Bữa tiệc của vua Quang Trung có đủ mặt mấy trăm gia đình giàu có ở Kẻ Chợ. Khải ngồi chiếu trên cùng. Vua Quang Trung nói: “Ta xuất thân áo vải cò đào, vì nước xả thân, dẹp yên bốn cõi. Thời chiến ta lấy kẻ có sức lực làm điểm tựa, thời bình ta lấy kẻ có trí lực làm điểm tựa. Nay các ông đến đây, đều là những người có của, tức là những người có trí lực cả; ta cho ăn cho uống, xin các ông vì ta mà mở mang công nghệ, bán buôn, làm cho nước giàu dân mạnh”. Bọn Khải lay tạ, ai cũng vui vẻ, hứa sẽ vì nước mà làm giàu.

Ăn uống xong, nhân vui vẻ, vua Quang Trung hỏi thức ăn có vừa miệng không, Khải đang say, đại miệng nói rằng: “Ngon thì ngon nhưng chưa biết nấu, hơi ghê ghê, có vị lợn”. Nhà vua cười nhạt, không nói năng gì.

Khách dự tiệc lần lượt cho dâng vào các lễ vật mừng, đủ đồ ngọc ngà châu báu, sơn hào hải vị rất lạ. Vua Quang Trung đứng xem, trầm trồ thán phục. Đến lượt Khải, Khải cho đầy tớ khênh vào ba cái rương to, mở ra thấy đồ vàng bạc toàn đồ giả, vải lụa bị cắt ra từng mảnh vụn nhỏ. Khải thất sắc, mọi người có mặt thấy kinh hoàng. Vua Quang Trung

giận lắm, mắng rằng: “Thằng Khải kia, tài bằng cái đầu, khinh ta quá chừng! Trời cho mày sống, cướp không biết bao nhiêu lộc thiên hạ, ăn miếng ngon không biết đầy mồm, còn chê là lợm. May nhờ phúc tổ, có ít của chìm, như cái đuôi khô, tháng ba ngày tám mang ra gặm, tưởng xênh xang ư?”

Khải về nhà, căm tức tên Sâm lắm. Tên Sâm đã bỏ trốn. Đang hoang mang thì đã thấy tướng của Tây Sơn là Đặng Tiến Đông mang quân đến vây, bắt tịch biên gia sản. Khải khóc lóc kêu oan nhưng không sao được. Vinh Hoa từ trong lầu chạy ra, rẽ đám lính Tây Sơn, quỳ trước mặt Đặng Tiến Đông lạy rằng: “Tướng quân tha cho, việc này ở tên đầy tớ khốn nạn. Thân phụ thiếp hồn nhiên, lỡ phạm đến uy trời. Tướng quân vì thiếp mà xét phải trái, sao chỉ vì một gã buôn trâu mà gây oán hận?” Đặng Tiến Đông thấy Vinh Hoa xinh đẹp lạ lùng đánh rơi cả kiếm. Là người có học, Đông biết anh hùng và mỹ nhân ở đời đều hiếm, nông nổi phạm đến có tội với trời. Đông bảo rằng: “Tội của cha nàng đáng chết nhưng quyền tha không phải quyền ta. Nàng muốn giải tội cho cha, phải vào cung mà tâu bày”. Nói rồi Đông quay ra cho lính bao vây dinh thự nhà Khải, còn tự mình dẫn kiệu Vinh Hoa vào cung.

Đặng Tiến Đông vào cung, tâu bày sự việc với vua Quang Trung. Nhà vua thấy Vinh Hoa, thốt nhiên rung mình, hoa mắt, đánh rơi cốc rượu quý cầm tay. Vinh Hoa nói năng rành rẽ, đầu vào đấy, nhà vua thích lắm. Nhà vua hỏi gì, nàng trả lời điều ấy, nói thông cả buổi, kim cổ đông tây đủ cả. Bọn Trần Văn Kỷ ngồi nghe thích thú. Nhà vua bảo Vinh Hoa hát. Nàng gảy đàn hát:

*Mây ngửi sắc ửng diễm lành
Con Tào xoay vẫn
Ai biết gặp nhau ở đâu?
Mộng tưởng hảo huyền
Muôn dặm đường trường
Khi cười vui giục trống đánh thành
Có nhớ ngày xưa đom đóm lập lòe ở góc vườn không?
Có nhớ mẹ ta cây nanh ở miệng không?
Mối sầu của ta chỉ có mặt trăng biết
Ngồi trên ngai cao còn biết sợ ai?
Ngọc tử cầm trên tay lo việc nước
Biết lo là được, còn thành bại ở trời
Ở nơi người*

*Người ngoan không nên biện bạch có quý thần hay không có
quý thần*

Hãy nhìn từng giọt đồng hồ rơi mà run sợ.

Tiếng đàn có khí lạnh, mọi người không ai dám thở. Vua Quang Trung hỏi nhỏ: “Vận Tây Sơn được mấy đời?” Vinh Hoa bảo: “Sao không hỏi được bao nhiêu ngày”.

Vua Quang Trung giữ Vinh Hoa lại trong cung, rồi sai Đặng Tiến Đông rút quân khỏi nhà Khải. Khi Đông đến nhà Khải thì Khải hồ thẹn đã treo cổ tự tử. Vua Quang Trung thương xót, hối lại thì đã muộn. Nhà vua đang đêm xoa tóc, đi chân đất, vừa đi vừa vấp, chạy vào báo cho Vinh Hoa việc Khải mất. Vinh Hoa lập bàn thờ ngay trong cung, thắp hương, tạ vong linh Khải rồi bảo: “Bệ hạ khỏi bận lòng. Phận nào phận ấy. Trời chỉ nhờ cửa sinh, có ai giữ được bố mẹ sống một nghìn năm? Bệ hạ có thương, cho mở kho lấy một đấu vàng để trả đạo hiếu”. Nhà vua gật đầu. Khi đi ra gặp Trần Văn Kỷ, nhà vua bảo: “Ta nóng nảy đã đành, ta có lý của ta. Còn cái lũ nhà giàu khốn nạn, chỉ biết mỗi thân mình, Khải bị hạn, sao không có đứa nào đứng ra kêu hộ một tiếng?” Trần Văn Kỷ tâu: “Bệ hạ không hiểu bọn nhà giàu, chúng có thương xót ai bao giờ? Ta có câu: Có độc mới đủ, có phũ như chó mới giàu!...” Nhà vua lại hỏi: “Khải khôn khéo thế, bình sinh cẩn thận, sao sơ xuất đến nỗi bị tên đầy tớ kia lừa?” Trần Văn Kỷ tâu: “Đời người ta có vận hạn, Khải không sợ trời, tính ích kỷ, giàu có mà đóng cửa ăn một mình, không biết giúp ai, không biết làm điều phúc, điều thiện, không biết chia lộc cho thiên hạ, trông thấy người hiền ngoảnh mặt đi; khi hạn đến, tránh sao kịp được? Nói chi đến mưu thẳng buôn trâu, có khi chỉ vì con ruồi cũng làm tan nghiệp”. Nhà vua gật đầu, cho làm ma Khải rất hậu rồi lệnh truy nã tên Sâm.

Vinh Hoa ở trong cung, vua Quang Trung rất ân cần, thương xót. Từ quan tới lính, không ai không nể vì. Nàng ăn nói khoan hòa, cư xử thông minh, lịch lãm, bọn Ngô Văn Sở, Ngô Thì Nhậm, Đặng Tiến Đông, Vũ Văn Dũng, Trần Văn Kỷ... ai cũng quý trọng nàng. Nhiều việc triều chính nàng tham dự, mọi ý kiến luận bàn của nàng vua Quang Trung hết sức tán phục, làm gì cũng thành. Cũng có khi nàng múa hát cho mọi người xem. Vua Quang Trung nói: “Ta được Vinh Hoa như được báu vật, một Vinh Hoa bằng ba vạn người”.

Tuy vua Quang Trung đối xử ân cần, hết lòng yêu thương chiều chuộng, song Vinh Hoa vẫn một mực không cho nhà vua thành thân. Mỗi



Mối sầu của ta chỉ có mặt trăng biết...

khi nhà vua ngỏ ý, nàng đều khéo léo chối từ. Nhà vua rất lấy làm buồn. Tuy hàng ngày gặp nhau nhưng nhà vua vẫn không sao gần gũi được.

Ổn định xong Bắc Hà, vua Quang Trung giao việc triều chính cho bọn Ngô Văn Sở rồi kéo quân về Phú Xuân, đưa cả Vinh Hoa theo. Ít lâu sau nhà vua bỗng mất đột ngột. Khi lâm chung, có Vinh Hoa đứng hầu bên giường, nhà vua nhìn mãi Vinh Hoa mà không nhắm mắt. Cả triều đình thương cảm. Con trai nhà vua là Nguyễn Quang Toản vuốt mắt cho cha nhưng hễ buông tay ra mắt nhà vua lại mở trừng trừng. Đến cả Hoàng

hậu Ngọc Hân cũng thế. Sau Vinh Hoa phải lấy ngón tay út của mình đặt lên hai mi mắt nhà vua thì mắt nhà vua mới nhắm lại được. Sau đấy, chỗ ngón tay út của Vinh Hoa đen như chàm, rửa thế nào cũng không sạch.

Từ khi vua Quang Trung mất, nội bộ Tây Sơn rối ren, Nguyễn Quang Toản kéo quân vào Quy Nhơn đánh bác ruột mình là Nguyễn Nhạc. Bọn tướng của Tây Sơn là Vũ Văn Dũng đánh nhau, chia năm sẻ bảy cơ nghiệp. Năm Tân Dậu (1810), vua Gia Long Nguyễn Phúc Ánh chiếm Phú Xuân, Nguyễn Quang Toản chạy ra Bắc, triều đình Tây Sơn sụp đổ.

Khi chiếm Phú Xuân, tướng của vua Gia Long là Vũ Văn Hoàn vào trước, kéo quân thẳng vào hậu cung, cướp được nhiều cung tần mỹ nữ, cướp được cả Ngô Thị Vinh Hoa. Quân hồi vô phùng, Hoàn hốt rất nhiều vàng bạc. Hoàn vốn xuất thân quân tượng, theo vua Gia Long nhưng thâm tâm có ý không phục. Khi vua Gia Long vào thành an dân, kiểm kê kho đụn Tây Sơn, thấy chẳng còn bao nhiêu. Nhà vua hỏi Hoàn: “Cửa cái trong kho, không có cánh mà bay à?” Hoàn tâu: “Từ khi Nguyễn Huệ chết, Tây Sơn làm gì có cửa, chỉ có chuột”. Nhà vua hỏi: “Phi tần không còn ai ư?” Hoàn tâu: “Đàn bà trơn mà nhanh như rắn, động ổ là chuồn, biết đâu mà lần?” Nhà vua nín lặng, không nói năng gì.

Ít bữa sau, có người mật báo với vua Gia Long nhà Hoàn chứa đầy gái đẹp với đồ vàng bạc. Nhà vua giận lắm, đang đêm đến vây nhà Hoàn, thấy Hoàn đang ngủ trên giường bèn trối nghiêng lại. Tướng của vua Gia Long là Nguyễn Văn Thành soi đuốc dẫn nhà vua đi xem xét, quả nhiên thấy đúng như lời mật báo. Nhà vua gọi Hoàn ra mắng: “Thằng khốn nạn theo voi ăn bã mía kia, để cái gì mà này. Mày mượn danh ta để đi ăn cướp với chơi gái à?” Hoàn lạy van: “Bệ hạ tha cho. Hoàn theo bệ hạ từ thuở hàn vi, nằm gai nếm mật đắng cay. Nay nghiệp đã thành, muốn hưởng lạc riêng, thế gọi là trả giá đời sống”. Nhà vua cười nhạt: “Mày tưởng công mày to ư? Mày ở gần ta mà không biết ta. Mày kể công với ta làm gì? Mày chỉ dựa vào trò chơi của ta. Trò chơi nào chẳng vô công? Mày phạm luật thì mày chịu. Đừng trách ta ác”. Hoàn lại lạy van: “Bệ hạ! Bệ hạ! Bệ hạ nói gì vậy? Đẩy vạ con người vào cuộc binh đao là trò chơi sáo?”. Nhà vua bảo: “Binh đao là trò chơi của trời. Sao mày lại hỏi ta? Ta chơi trò khác, chơi trò đế vương!” Hoàn lại lạy van: “Bệ hạ thương tình! Vàng bạc trả lại bệ hạ! Phi tần trả lại bệ hạ! Chỉ xin bệ hạ ban cho Ngô Thị Vinh Hoa!” Nhà vua nổi giận: “Thằng mặt xanh kia! Kể miệng lỗ còn dê ư? Ta cho cắt dải mày! Ta cho mày ăn cứt”.

Nhà vua vào phòng Ngô Thị Vinh Hoa. Mở cửa ra, thấy Vinh Hoa bị trói, trên người không có mảnh vải che. Gia nhân thưa rằng Hoàn muốn làm nhục Vinh Hoa nhưng nàng không chịu, nhà vua rất thương xót. Nhà vua đến gần, thấy Vinh Hoa đẹp quá, bỗng nhiên xây xẩm mặt mày. Nước thơm từ cung xuân Vinh Hoa tiết ra thơm ngát như mùi hoa sữa. Nhà vua thở dài quay đi.

Vinh Hoa ở trong cung được nhà vua hết sức yêu chiều. Dần dần nàng hồi tâm lại, đẹp hơn nữa như lộc mùa xuân. Biết Vinh Hoa có tài múa hát, lại có tài đoán định việc trước sau, nhà vua thích lắm, muốn lấy làm thiếp. Nguyễn Văn Thành can: “Bệ hạ! Bệ hạ! Vinh Hoa ở với Nguyễn Huệ bao năm mà Huệ không dám đụng vào thân thể. Thần xin bệ hạ giữ lấy mình rồi!” Nhà vua bảo: “Thế là Huệ đại, Huệ trọng tinh thần mà bỏ thể xác”. Thành hỏi: “Bệ hạ muốn dùng Vinh Hoa ở tinh thần hay thể xác?” Nhà vua bảo: “Làm đến đại tướng còn ngu. Bậc đế vương giữ nước là ở tinh thần, còn giữ mình là ở thể xác”. Thành lắc đầu rồi lui ra.

Vua Gia Long vào cung, tìm Ngô Thị Vinh Hoa, nhà vua bảo nàng: “Ta muốn sở hữu nàng như nuôi con gà, con vịt trong nhà”. Vinh Hoa tâu: “Bệ hạ muốn làm vua gà, vua vịt hay sao?” Nhà vua thở dài: “Sứ mệnh đế vương thật là sứ mệnh khốn nạn, chỉ được quyền cao cả, không được quyền dễ tiện”.

Vinh Hoa tâu: “Ai cũng phải thế”. Nói rồi nàng ôm đàn hát:

*Nước có còn không
Nước có mạnh không
Thiên tử là cái gốc lớn thiên hạ
Cây cao, bóng cả
Trìu lên muôn dân
Gió mây có biến hóa
Ghi nhớ trong tâm trường
Nhắc ai tự chủ trương
Giữ chữ “thường”
Chính đạo thuần vương*

Nhà vua nghe tiếng đàn, mơ màng, gục đầu xuống bàn ngủ thiếp đi. Khi tỉnh dậy, nhà vua không thấy Vinh Hoa đâu nữa, chỉ thấy trên bàn có ghi mấy chữ:

*Thời lai phong tống tạ Đà Giang
(Thời vận đến, gió đưa lại phía sông Đà)*

Nhà vua sai tìm Vinh Hoa khắp nơi nhưng không thấy. Ít lâu sau, ở vùng huyện lỵ Đà Bắc (thuộc phủ Hưng Hóa), người ta vớt được xác một phụ nữ quý tộc trôi trên sông, trên tay có bế một đứa bé con còn sống. Quan sở tại báo việc này về triều đình. Vua Gia Long cho người lên xem xét, nhận ra người chết giống hệt Ngô Thị Vinh Hoa. Nhà vua cho làm ma nàng rất hậu, bắt lập miếu thờ. Đứa bé con được những người dân Mường ở đây đón về nuôi. Trong miếu thờ, có đôi câu đối của nhà vua ban, ghi rằng:

*"Sự nhĩ quân, vĩnh thủ trinh tâm
Lưu vạn cổ, bảo tồn phẩm tiết".
(Thờ hai vua, vẫn giữ lòng trinh
Lưu muôn thuở, còn nguyên phẩm tiết).*

1988

MƯA

"Phong vận kỳ oan ngộ tự cú"⁽¹⁾
(Nguyễn Du)

Em,

Anh bắt đầu truyện ngắn này lúc 8 giờ sáng trong một quán cà phê tối tệ nhất thành phố. Quán vắng khách, không ai quấy rầy anh. Trời đang mưa.

Anh ngồi viết... Khuôn mặt em hiện ra trong anh. Em đang ở xa. Em đang ở đâu? Những ý nghĩ của anh hướng cả về em. Em hiện hiện. Em ngồi bên cạnh và sắp xếp những con chữ rời rạc.

Hôm ấy trời cũng mưa, mưa như trút. Anh và em ngồi trong xó tối. Trước mặt chúng ta có hai phụ nữ, một người thấp, một người cao, cả hai đều đẹp. Anh nhắc em chú ý đến cô gái cao, để tóc xỏa, mỗi khi cười lại hay ngả người vào ghế. Em hỏi anh tên người ấy. Anh bảo: "Gọi gì mà chẳng được? Tên người cũng là một thứ ký hiệu thôi. Anh gọi cô ta là N." Em bảo: "Thế người ngồi cạnh là M. à?" Anh bảo: "Phải".

- Mình biết không? - M. nói - Mình chẳng hiểu gì về hắn. Đời mình sẽ tan nát vì hắn mất thôi. Tớ van mình, mình đừng yêu hắn!

- Không, tớ chẳng yêu đâu. Tớ chẳng đại... - N. cầm một bông hoa trên bàn xé nhỏ. - Nhưng hắn hiền lành và thông minh lắm. Gắn hắn, tớ sẽ học được cái gì chẳng?

- Với bọn đàn ông thì người phụ nữ chẳng học được cái gì đâu. Chúng chỉ chăm chăm một việc là đề mình ra giường rồi tỹ tỹ những lời đường mật. Chúng mình tưởng bỏ, chúng mình tưởng đấy là tình yêu, là tính người. Thế là hết đời!

- Sao mình ác khẩu thế? - N. thở dài. Họ yên lặng một lúc. Nghe rõ

1: *Tu tư coi mình là kẻ mắc nỗi oan lạ lùng bởi nét phong nhã*

tiếng mưa rơi.

N. nói:

- Hẳn đọc thơ, bằng một giọng trầm, hay không tả được.

- Lại thơ nữa! Thành đàn ông nào khi quyến rũ đàn bà mà chẳng làm thơ? Chúng làm thơ suốt từ thời người vượn nguyên thủy đến nay, được những bốn nghìn năm rồi.

- Mình hôm nay thế nào ấy. Thế mình lấy chồng, mình có hạnh phúc không?

- Ừ... ừm... không biết. Nhưng mà chắc có đấy. Có điều tay chồng tớ đều kinh khủng. Tớ biết hẳn lừa tất cả mọi người. Thế mà trước khi lấy hẳn, không hiểu sao tớ thấy hẳn cao thượng thế!

N. cười khẽ. Khi cười, mái tóc xòa ở bên thành ghế.

- Mình cho tớ xin một liều thuốc lá. Từ khi lấy chồng, tớ phải hút trộm... Chồng tớ thấy, hẳn sẽ đánh tớ.

- Tại mình cả thôi. Tớ đã bảo đấy là một thằng đàn ông dè tiện cơ mà! Tớ rất ghét chồng mình, tớ chưa bao giờ thấy chồng mình nói thật bao giờ.

- Thôi, số kiếp cả. Làm sao được? Thân tớ thế là coi như xong rồi đấy. Rồi tớ sẽ đẻ con, vào bệnh viện, không hiểu sao tớ nghĩ sau này tớ sẽ bị liệt, thế là hết đời. Nhưng mà mình, tớ van mình, mình đừng yêu hẳn!

- Không, tớ chẳng yêu đâu. Tớ chẳng đại...

- Mình thể đi. Tớ van mình. Mình đừng yêu hẳn!

Em hỏi: "Sao thế nhỉ? Sao người ta lại đi can gián tình yêu?" Anh bảo: "Em đừng sốt ruột. Một người đáng kể thế kia thì chẳng bao giờ thể thoát gì đâu".

M. ngồi hút thuốc. Ánh lửa ở đầu điếu thuốc đỏ rực.

- Tớ van mình. Mình đừng yêu hẳn. Mình thể đi!

- Không! Mình đừng bắt tớ thể. Buồn cười lắm!

- Mình có hiểu một người như hẳn tệ hại đến thế nào không? Hẳn thích gì hẳn sẽ làm nấy. Hẳn có thể đánh nhau đấy!

- Ừ...

- Tớ đã biết hẳn. Hẳn rất khinh người. Một người như thế là không

tôn trọng ai đâu.

- Nhưng hấn đối xử với tớ rất tốt... Dễ thương nữa.

- Mình chẳng hiểu gì cả! Ai mà hấn chẳng tốt! Hấn bịp bợm đấy! Hấn chẳng coi cuộc sống ra gì. Mình có thấy cách chi tiêu của hấn không? Nếu có một quốc gia trong tay thì hấn cũng chỉ chi tiêu trong năm phút.

- Thờ của hấn lạ lắm!

- Lại thờ! Mình cứ mơ mộng thế là chết đấy! Hấn ham chơi lắm, mình đã thấy hấn đá cầu với một thằng bé con sáu tiếng đồng hồ! Mình cứ tưởng tượng xem, sáu tiếng đồng hồ người ta làm được bao nhiêu là việc!

- Ngộ nhỉ?

- Ngộ gì mà ngộ? Có mà điên!

Họ lại ngồi im lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

- Tớ van mình ... mình cẩn thận đấy! Mình có hiểu tình yêu của một tay đàn ông như thế thì thế nào không?

- Không... Tớ biết sao được.

- Nó sẽ làm lòng dạ mình tan nát như chơi... Mình chẳng hiểu gì cả... Hấn chỉ làm mọi việc theo ý hấn thích mà thôi. Khi hấn yêu hấn sẽ quên hết... Mà như thế thì khổ lắm... mà ngượng lắm!

- Sao lại ngượng?

- Thế mình chỉ sống có mỗi một mình thôi à? Mình còn có bạn bè, bố mẹ, lại còn bà, rồi còn sự nghiệp nữa.

- Ừ, bà thì rắc rối lắm!

- Chứ còn gì nữa? Hấn sẽ gạt tất cả sang bên. Hấn sẽ cười vào mũi tất cả, cười rất khà ố... Hấn chẳng coi mọi sự là cái gì đâu! Tớ cấm mình yêu hấn đấy!

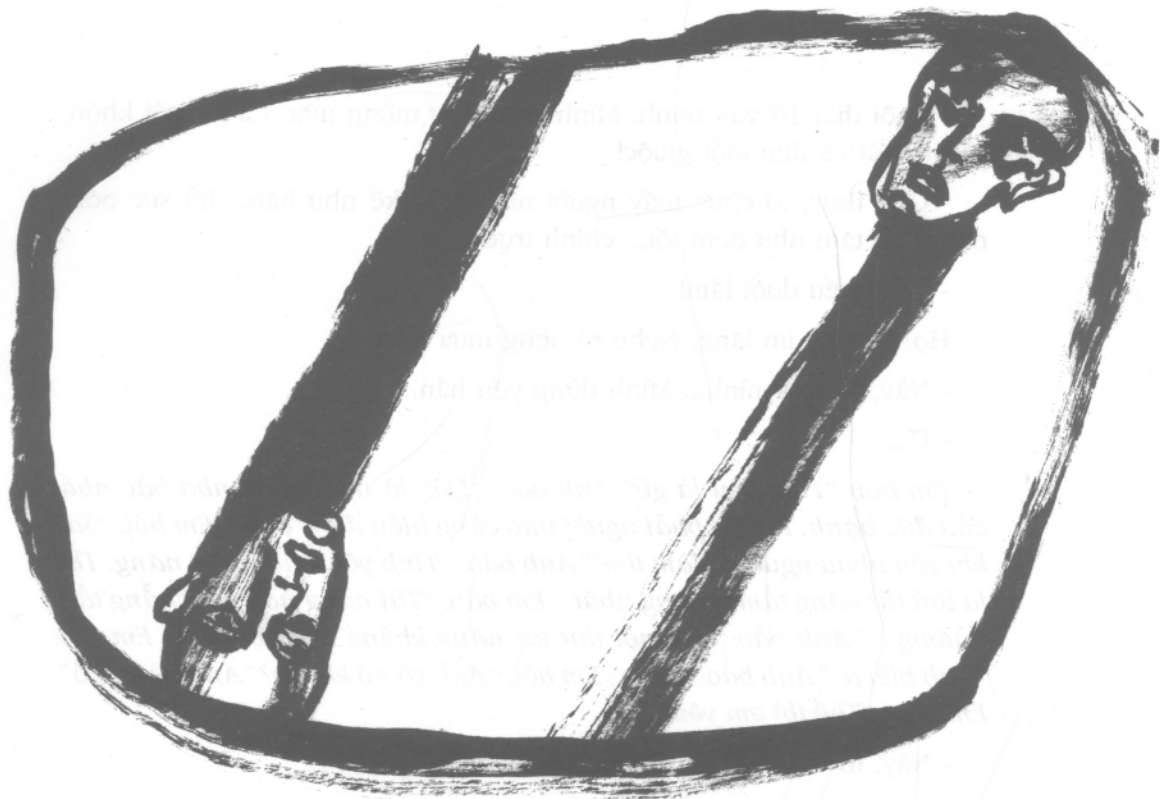
- Ừ!

- Tớ van mình... Mình đừng yêu hấn...

- Thờ của hấn rất lạ... chẳng có đầu có cuối gì cả. Này nhé:

*"Chính bởi thế mà nửa đêm ta dậy
Lang thang khắp phố phường..."*

- Bởi cái gì?



Tình yêu là gì...

- Ma nào mà biết được? Tổ cũng hỏi hấn thế... Hấn cười, hấn cũng không biết nốt. Hấn chỉ lên trời...

- Lại thế nữa... Thế là điên rồi đấy!

- Mà còn thế này nữa:

"Ta nhổ một cái lông chân

Đem so xem nó có giống lông trâu không?

Ta ký một hợp đồng

Và ra sức lừa gió về

Trong căn phòng trống trải của ta..."

M. nhòm người lên:

- Ký hợp đồng với ma quỷ đấy! Chắc chắn thế! Tổ biết mà... Hấn không chơi với người đâu, hấn chỉ chơi với ma quỷ thôi...

- Hấn có thể chết bởi những điều rất vớ vẩn... Mà hấn cả tin lạ lùng.

- Thôi đi... Tở van mình. Mình đừng mơ mộng nữa. Cả tin với không cả tin. Tất cả đều một giuộc!

- Quả thực, tớ chưa thấy người nào đáng kể như hấn. Hết sức nồng nhiệt, tối tăm như đêm tối... chính trực nữa...

- Mình yếu đuối lắm!

Họ lại ngồi im lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

- Đây, tớ van mình... Mình đừng yêu hấn...

- Ừ...

Em hỏi: "Tình yêu là gì?" Anh bảo: "Đây là nét phong nhã bậc nhất của đức hạnh. Không phải người nào cũng hiểu được đâu". Em hỏi: "Sao khi yêu nhau người ta làm thơ?" Anh bảo: "Tình yêu sinh ra tài năng. Thơ là thứ tài năng tầm thường nhất". Em bảo: "Tài năng nào mà chẳng tầm thường..." Anh bảo: "Có một thứ tài năng không tầm thường". Em hỏi: "Anh biết à?" Anh bảo: "Biết". Em hỏi: "Anh có nó không?" Anh bảo: "Có". Em bảo: "Thế thì em yêu anh".

- Đây, tớ van mình... Mình đừng yêu hấn...

- Ừ...

- Để tớ kể mình nghe chuyện này. Ngày xưa hấn đã yêu một thiếu nữ. Cô ấy con nhà gia giáo. Mình có biết một thiếu nữ trinh thực là thế nào không? Mỗi cô ta lúc nào cũng thắm đỏ. Đáy mắt cô ta ánh xanh như vỏ trứng chim sáo. Cô ta được nuôi dưỡng bằng truyện cổ tích và toàn cơm tám giò chả. Một thiếu nữ được nuôi như thế thì da trắng hồng...

- Thôi, mình bỏ trò miêu tả ấy đi. Khó chịu lắm. Một thiếu nữ trinh thực là rất khó chịu...

- Ừ, thật thế đấy. Hấn đến... liệu hấn có biết thứ quà tặng gì đối với cô ta có thể làm chết người như là tình yêu của hấn hay không? Tớ cũng tin hấn yêu say đắm. Một cô gái như thế thì sao lại không yêu được? Có thể khi đến với cô ta, lòng hấn sẽ yên tĩnh lại, sẽ không sôi réo nữa. Hấn sẽ tu tỉnh, hấn không du côn và lêu lổng nữa.

M. im lặng, cô ta lại châm một điếu thuốc lá. ánh lửa ở đầu điếu thuốc đỏ rực. Nghe rõ tiếng mưa rơi...

- Thế... Không thể nói rằng hấn là kẻ vô giáo dục được. Hấn chỉ hơi dám đến gần cô ta. Không phải là hấn yêu đâu, hấn chiêm ngưỡng, hấn thờ phụng cô ta như thể người ta thờ phụng Đức thánh Trần.

- Sao lại Đức thánh Trần?

- Tại vì đây là thứ tình yêu chẳng có hôn hít gì cả. Chỉ có tình yêu với Đức thánh Trần mới như thế chứ...

- Ủ... Tớ hiểu rồi. Kể cũng kỳ lạ đấy. Hình như bây giờ hấn đã bạo hơn...

- Mình im đi! Tớ van mình, mình không được nghĩ gì về hấn nữa đấy.

- Ủ...

- Thế... hấn với cô ta như thể hai người trong mộng. Cô ta héo hắt đi vì hấn. Mình tưởng tượng xem... Một cô gái mới lớn, lần đầu tiên biết yêu. Còn hấn, một con dê xồm mỗ hôi đầu, cười nói thản nhiên như côn đồ. Hấn có thể trồng cây chuối trước mặt bố mẹ cô ta. Bố cô ta là một trí thức, ông treo ảnh danh nhân trên tường, yêu thích văn học cổ điển, nhạc cổ điển và chính trị cổ điển. Còn hấn, hấn biểu diễn âm nhạc bằng cách thọc hai ngón tay vào miệng...

- Ngộ nhỉ?

- Ngộ gì mà ngộ... Hấn bắt một con thạch sùng rồi để lên bàn. Hấn trình bày thế giới bằng cách miêu tả con thạch sùng ấy. Thượng tầng kiến trúc là đầu, hạ tầng cơ sở là chân, khúc đuôi là đạo đức. Hấn cho rằng đạo đức rụng rồi lại mọc, đạo đức có thể ngoe nguẩy một mình, còn toàn bộ sự sống chuồn mất...

- Thật quá quái!

- Đấy... Mình bảo như thế thì ai chịu được.

- Không chịu được thật...

- Tớ van mình... Mình đừng yêu hấn!

- Được rồi... Thế tình yêu của hấn với cô gái kia thế nào?

- Hấn quyến rũ cô ta, hay là cô ta quyến rũ hấn... Cùng chẳng biết được. Họ say mê, quyến luyến nhau... Xa cô ta một ngày là hấn gây sự. Kể ra cũng không thể phàn nàn gì về một tình yêu như thế. Quả thực, nếu đấy không gọi là tình yêu thì tớ cũng không biết thế nào là tình yêu nữa...

- Tớ hiểu rồi... Tớ biết rất rõ.

- Mình lại nghĩ đến hấn phải không? Tớ cấm đấy. Tớ van mình... Mình

đừng yêu hấn...

- Ủ... Mình kể tiếp đi.

M. lại hút thuốc. Im lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

Em hỏi: "Cuộc sống cơ bản là buồn, phải thế không?" Anh bảo: "Không có tình yêu buồn". Em hỏi: "Hai cô gái kia thì ai hạnh phúc?" Anh bảo: "Một cô vừa đánh buột mắt hạnh phúc. Còn cô kia đang có hạnh phúc trong tay, nhưng không khéo cũng đánh buột mất".

M. kể tiếp:

- Họ yêu nhau. Hấn đính hôn với cô ta. Mọi người ngăn cản. Hấn khuyên cô ta trốn...

- Trốn đi đâu?

- Chắc là phải trốn đến nơi nào thật lạc hậu.

- Sao thế?



Lý Trần Quỳnh Giang

Mình đừng mơ mộng...

- Thì những nơi vẫn mình ai chứa được một người như hấn? Không có gì với hấn là quá cao, cũng chẳng có gì với hấn là quá thấp...

- Họ trốn chứ?

- Đúng vào phút cuối cùng thì họ từ bỏ ý định, từ bỏ lời thề.

- Khốn kiếp?

- Ừ...

- Hấn có quay lại không?

- Một người như hấn thì đời nào quay lại? Lòng cao thượng của hấn là lòng cao thượng của quỷ chứ đâu phải của người! Hấn biết rằng chỉ vì một cô gái thì không đáng để hấn hi sinh cuộc đời, dù rằng đấy là một cô gái trinh thực, mỗi lúc nào cũng đỏ thắm, da trắng hồng...

- Hấn đi luôn à?

- Phải! Hấn đi luôn... mất tâm mất tích. Hấn đặc biệt nhạy cảm với sự nhục mạ...

- Sau đó thì sao?

- Cô ta ốm lẫn lóc nhưng không chịu uống thứ thuốc hấn gửi đến, thuốc mà làm gì... Thời gian trôi đi... Cô ta bắt đầu tiêu phí đời mình. Cô ta hiểu rằng không có một người đàn ông thứ hai như thế...

Họ lại ngồi im lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

- Này... Tớ van mình. Mình đừng yêu hấn. Hấn không có lòng đại lượng. Hấn không tha thứ cho ai... Mình, mình đừng yêu hấn... Hấn là quỷ sứ!

N. lục lọi đâu đó trong túi rồi đặt lên bàn một tấm ảnh nhỏ.

- Ảnh hấn đấy...

- Mình... tớ van mình... Mình đừng yêu hấn. Mình hãy đốt tấm ảnh ấy đi... Hãy xé đi...

- Mình...

- Không! Phải tự tay mình! Mình xé nó đi!

N. cầm bức ảnh trên bàn lặng lẽ xé nhỏ.

Chớp lóe sáng. Có tiếng sấm rền. Nghe rõ tiếng mưa rơi.

- Khốn nạn!

- Mình bảo ai khốn nạn?
- Mình không hiểu đâu... Mình không biết rằng sau mối tình ấy cuộc đời trở nên khốn nạn thế nào?
- Cô ta còn sống à?
- Không, cô ta chết rồi! Tâm hồn cô ta chết rồi. Cô ta chỉ còn hình hài. Cô ta thành kẻ đề tiện. Cô ta lấy chồng. Chồng cô ta cũng đề tiện nốt. Hắn ăn cắp rất giỏi. Hắn đánh cô ta mỗi khi cô ta hút thuốc.
- Tôi không hiểu... Thế là thế nào?
- Mình... Tôi xin lỗi mình... Mình đã xé tấm ảnh đi rồi... Mình đã làm điều mà tôi mong muốn...

Họ ngồi yên lặng. Nghe rõ tiếng mưa rơi. Bỗng nhiên cả hai khóc òa. M. nói, giọng đầm nước mắt:

- Tôi xin lỗi mình... Thế mình tưởng tôi tha thứ cho mình vì mình xé tấm ảnh đi ư?
- Mình... mình sao thế?
- Mình chẳng hiểu gì cả? Mình tưởng tôi kể như vậy là lòng tôi thư thái hay sao? Sẽ thanh thản hay sao? Mình không biết tôi đã rút từ tim tôi từng mảnh thịt một...
- Mình... mình... Sao thế mình...
- Mình tưởng tôi sẽ tha thứ cho mình vì mình độc ác thế à? Không, mình hiểu không? Nếu cần, tôi sẽ bỏ chồng, bỏ hết để đi theo hắn. Hắn vào tù thì tôi đưa cơm. Tôi sẽ theo hắn cùng trời cuối đất... Chỉ cần hắn quay lại... Nhưng hắn sẽ không bao giờ quay lại...
- Giới ả! Sao mình lại kể, sao mình lại kể?
- Vì sao ư? Vì tôi không muốn... Mình hiểu không, tôi không muốn hắn rơi vào tay một người đàn bà nào khác, rơi vào tay mình.

N. đứng dậy đi ra ngoài trời. Một lúc sau, M. cũng đi ra nốt. Nghe rõ tiếng mưa rơi. Tiếng mưa rơi buồn không tả được.

Em hỏi anh: "Cuộc sống cơ bản là buồn, phải thế không?" Anh bảo: "Không". Em hỏi: "Người đàn ông mà hai người nói chuyện ấy là ai?" Anh bảo: "Không biết". Em hỏi: "Là công nhân, nông dân hay thợ thủ công?" Anh bảo: "Không biết". Em hỏi: "Chắc là nghệ sĩ. Vì cô ta đọc thơ". Anh bảo: "Thơ gì lại thế? Em có muốn nghe thơ anh không? Thơ của anh cũng

có nhổ lông..." Em bảo: "Thôi, để khi khác. Nhưng em áy này quá, không biết hẳn là ai?" Em bảo: "Em thấy cô ta cầm tấm ảnh in trên tờ báo. Chắc là một nhà chính trị". Anh bảo: "Không biết". Em bảo: "Hẳn thật đáng kể".

Mưa.

Ngoài trời kia vẫn mưa. Khuôn mặt em hiện ra trong anh. Em đang ở xa. Em ở đâu? Những ý nghĩ của anh buồng cả về em. Bây giờ là 2 giờ chiều. Anh đã ngồi viết truyện ngắn này sáu tiếng đồng hồ. Sáu tiếng đồng hồ liền.

Sáu tiếng đồng hồ. Nhân vật chính trong truyện của anh đã cầu sáu tiếng đồng hồ. Cái thằng vô lại ấy! Một tên Cao Cầu! bắt bủ!

Em ở đâu?

Ngoài kia trời mưa

Bao giờ thì em về? Hả em?

1990

NGUYỄN THỊ LỘ

Vấp phải đời phàm tục
Chiếc thuyền tình vỡ tan...⁽¹⁾

Họ gặp nhau khoảng giờ Tý, một ngày thu. Hôm ấy Nguyễn Trãi từ Côn Sơn trở lại Đông Đô, ông ghé nghỉ ở một quán khách ven đường. Cùng đi với ông có Hoàng môn thị lang Thái Quân Thực.

Đông Đô ở thế kỷ thứ XV dưới triều vua Lê Thái Tôn có vẻ đẹp của người đẹp mê ngủ.

Nắng ngoài đường rực rỡ. Những hàng cây cơm nguội nở hoa. Những cây dương liễu ngơ ngác buồn. Trời rất xanh. Giữa trời có đám mây trắng trông hết dáng điệu một nhà hiền triết. Thoát cái, gió xua mây đi, nhà hiền triết biến thành con chó xồm lớn.

Nguyễn ngồi yên lặng, ông nâng chén rượu mà Thái Quân Thực vừa dốc ở trong nậm ra. Đúng lúc ấy thì Nguyễn Thị Lộ cùng Thị nội cung tần Trịnh Ngọc Yến bước vào. Nguyễn cũng chẳng để ý. Mất ông đắm đắm nhìn những tấm rượu sủi lên trong chén.

Tưởng như có tiếng ong bay đầu dây. Thời tiết nóng nực, một thứ nóng uể oải, rất dễ làm người ngủ gật.

Câu chuyện giữa Nguyễn và Thái Quân Thực rời rạc.

Thái Quân Thực biết Nguyễn đang có tâm sự trong lòng, vì vậy chuyện được vài câu ông không nói năng gì nữa mà cứ một mình thần nhiên đánh chén. Ông kể cho Nguyễn chìm đắm tư lự một mình.

Ở một góc quán khác, Nguyễn Thị Lộ và Thị nội cung tần Trịnh Ngọc Yến đã an vị. Người hầu bàn đang hỏi món ăn. Vẻ sốt sắng của người hầu bàn làm Nguyễn để ý. Ông ngược mắt lên nhìn và nhận ra Nguyễn Thị Lộ. Tạo hóa đã dày công chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ này những 29 năm 9 tháng 10 ngày.

1. *Mượn ý thơ Mãi lạc ôpxki.*

Lúc này, ở ngoài phố vọng lại tiếng rao của hàng quà rong nghe rất động lòng.

Nguyễn nhận ra Nguyễn Thị Lộ. Trong giây khắc, trái tim ông ngừng đập. Con người cũ trong ông chết đi. Giây khắc sau ông sống lại, bắt đầu chuyển thành con người khác.

Nguyễn cau mày. Ông đã gặp người này ở đâu? Từ bao giờ?

Ở đâu? Từ bao giờ? Nguyễn căng óc suy nghĩ... Có lẽ từ lâu lắm. Từ khi còn nằm trong bụng mẹ ông đã bắt gặp khuôn mặt này rồi. Ký ức vụt dậy nhanh như tia chớp. Ông không nhớ gì cả. Không có khuôn mặt ấy trong ký ức ông. Ngôi nhà ven sông... Góc thành Nam, lều một gian... Chặng đường rừng xa vắng... Buổi gặp mặt Lê Lợi lần đầu... Những đêm chong đèn viết "Bình Ngô sách"... Hội thể Lam Sơn... Những lần hành quân vất vả... Buổi tiễn đưa Vương Thông... Bữa thiết triều đầu tiên ở điện Kính thiên... Những ngày tù ngục... Không thấy có khuôn mặt người phụ nữ này.

Nguyễn vẫn suy nghĩ. Thoảng câu thơ cũ xen ngang:

*"Tây tân sơ nghị trạo
Phong cảnh tiền giang hồ..."*

Bến Tây thuyền mới ghé mái chèo, thoát cái phong cảnh đã là giang hồ rồi.

*"Hồi thủ Đông Hoa địa
Trần ai giác dĩ vô"*

Ngoảnh lại nhìn chỗ cửa Đông Hoa là nơi phồn hoa thì đã thấy mình không còn là bụi bặm nữa.

Nguyễn suy nghĩ. Trán ông cau lại. Mắt ông vẫn dăm dăm nhìn về phía Nguyễn Thị Lộ. Thực ra, nếu lúc ấy Thái Quân Thục ngồi yên thì chẳng xảy ra chuyện gì. Song, Thái Quân Thục dõi theo ánh mắt Nguyễn và thốt ra câu hỏi định mệnh:

- Người quen à?

Câu hỏi nhắc Nguyễn đứng dậy. Định mệnh mượn lời Thái Quân Thục làm một cú đẩy vào số phận Nguyễn. Ông bước như đạp mây đến chỗ hai người phụ nữ. Ông chào, vừa sốt sắng, vừa tự tin, lại vừa háo hức. Ông xưng danh. Ông nói về mình. Ông nhận ra vẻ thích thú trong ánh mắt nàng. Họ làm quen nhau. Ông được biết tên nàng là Nguyễn Thị Lộ. Tên của nàng không gây được ấn tượng gì cho ông. Nàng mời

ông đến chơi. Ông vui vẻ nhận lời. Buổi đầu làm quen chỉ độ khoảng giáp hạ triều.

Nguyễn cáo lui. Ông quay về chỗ Thái Quân Thực.

*"Hồi đầu tam thập niên tiền sự
Mộng lý du du cảnh mạc tâm..."*

Quay đầu nhớ lại ba chục năm về trước mà trong mộng mịt mù không tìm ra được.

- Ở nàng, rạng lên một thứ ánh sáng linh diệu từ phía bên ngoài, không trùng lên con người thật của nàng. Bởi thế nàng bị lẫn giữa đám đông, không ai nhận ra. Người ta chỉ biết có hình hài. Tương ẩn...

Nguyễn nghĩ vậy. Ông lên ngắm nàng một lần nữa. Ông bị rung chuyển. Ông cũng không biết rằng số phận hai người từ nay đã được ràng buộc với nhau. Nơi nào giữa xa xôi kia trong vũ trụ mệnh mông, Tạo hóa mỉm cười.

Thái Quân Thực hỏi Nguyễn:

- Người quen à?

Nguyễn gật đầu.

Thái Quân Thực không biết rằng ông vừa chứng kiến cuộc gặp gỡ tình duyên hết sức oái oăm, đến mãi sau này người ta còn nhắc.

* *
*

Khi Nguyễn Trãi đến thăm Nguyễn Thị Lộ thì lúc ấy nàng đang vận một bộ áo xoàng xĩnh trong nhà. Nàng định thay áo thì Nguyễn ngăn lại. Nguyễn kéo ngọn nến về phía mình để nàng ngồi chìm trong phía bóng tối. Nguyễn đưa mắt nhìn đầu đó qua cửa sổ. Lúc này ở ngoài trời khoảng không hư ảo lắm, lẫn lộn những bụi hơi nước của tiết trời thu, ánh sáng lắt lay của ngọn đèn lồng ngoài đường và ráng hoàng hôn yếu ớt phía trời Tây còn sót lại.

Nguyễn bận bịu cả ngày. Ông chỉ rảnh rang vào chập tối...

Cho đến lúc ấy, có lẽ cũng chẳng xảy ra chuyện gì nếu Nguyễn Thị Lộ tầm thường như những phụ nữ khác. Nàng không sủng sính bởi học



Bởi nàng là Nguyễn Thị Lộ...

vấn hoặc phẩm hạnh, cũng không cứng nhắc bởi đồ lót mình. Nàng trinh bạch, điềm tĩnh và cương nghị. Vẻ trinh bạch ấy của nàng khiến ông thất tim lại lo sợ. Nguyễn đã hiểu bao điều khốn nạn diễn ra xung quanh. Bao nhiêu phạm tặc của ngày hôm nay, hôm sau, hôm sau nữa...? Rồi còn tháng tới? ..

Họ nói chuyện về mùa màng, những việc xảy ra trong cung từ khi vua Lê Thái Tổ băng hà, những bài thơ chữ Hán của Nguyễn viết ở Côn Sơn, cuộc đời gian truân của ông, phép ứng xử của đẳng cấp quý tộc mới được hình thành... Câu chuyện lan man, vui vẻ, có lẫn những nhận xét sắc sảo. Nguyễn hết sức ngạc nhiên trước trí lự phi thường của Nguyễn Thị Lộ. Thường ít có người theo kịp những dòng suy nghĩ sắc bén của ông. Ông gần như không có bạn, không có tri âm tri kỷ. Dưới một bề ngoài bình thản, rụt rè, Nguyễn giấu mình trong vỏ ốc.

Nguyễn Thị Lộ theo sát những ý nghĩ của Nguyễn. Nàng thường tóm tắt được ý nghĩ của Nguyễn bằng một hai từ hết sức chính xác, giản dị. Điều ấy kích thích trí tưởng tượng bay bổng và thỏa mãn những căng thẳng trong tinh thần ông. Nàng không hề vướng bận bởi các thành kiến xã hội và các quy ước xã giao thông tục.

- Người ta luôn nhầm lẫn...

Nguyễn nói. Nàng lắng nghe. Nàng hình dung người ta nhầm lẫn thế nào. Gà nhầm với cuốc. Chó nhầm với dê. Lễ nhạc cũng nhầm. Đường hướng cũng nhầm. Con người hành hạ nhau, lãng nhục nhau. Nàng nhận ra mối quan tâm của Nguyễn là to lớn. Ông là một nhà duy mỹ, trước hết là nhà duy mỹ. Đạo đức duy mỹ chất chứa hiểm nguy, chất chứa phiêu lưu nhưng nó sâu sắc, không bịp bợm, hẳn nó giá trị gấp triệu lần thứ đạo đức duy lý trắng trợn của trật tự bấy đoàn.

Thời gian trôi nhanh. Họ cảm thấy như đã thân nhau. Nguyễn cố ghìm điều mong muốn được vuốt ve bàn tay nàng. Từ trong thành, vọng lại tiếng trống điểm canh.

Yên lặng dễ sợ. Tiếng côn trùng ủa vào căn phòng riết róng và buồn bã. Thậm chí nghe rõ cả tiếng hạt sương rơi trên tàu lá tiêu.

- Rồi cái chết...

Nguyễn nói. Nàng hình dung người chết nằm dưới đất. Đêm tối hoàn toàn. Đêm tối vĩnh viễn. Rất nhiều đất, hết lớp này lớp khác, cứ thế mãi mới đến được mặt đất. Trên mặt đất là cổ ấu, cổ gà, cổ chân chim, cổ gianh, cóc, thằn lằn, cả xương rồng nữa. Những con kiến đen, kiến đỏ, kiến gió, kiến bọ dọt chạy nháo nhác. Không ai biết dưới đất có con người đang nằm, cứ thế tự tiêu đi, vừa nằm vừa hồi tưởng. Chỉ được hồi tưởng thôi. Chỉ có cách duy nhất là hồi tưởng. Vĩnh viễn chỉ biết hồi tưởng. Ngậm miệng lại. Không được nói. Không được cự mình.

Vọng lại tiếng trống điểm canh. Nguyễn cáo lui. Nàng tiễn ông ra cửa... Theo thói quen, nàng nhân mùi. Nguyễn bật cười. áo ông vướng vào gốc bạch đào trước cửa. Nàng cúi xuống gỡ áo cho ông. Cây đào tươi tốt, đang vào nụ. Nàng hỏi ông có thích hoa không? Chính ông cũng không biết nữa. Nàng bỗng hỏi xin ông một bài thơ hoa. Ông vui vẻ gật đầu. Họ quay trở lại phòng khách. Sẵn nghiên bút, Nguyễn vén ống tay áo và những lời thơ xuất thần tuôn trào như nước chảy:

*"Một đóa đào hoa khéo tốt tươi
Tường xuân môn môn thấy xuân cười
Động phong ắt có tình hay nữa
Kiện tiền mùi hương dễ động người.*

*"Động người hoa khéo tỏ tình thần
Ít bởi vì hoa, ít bởi xuân
Rỉ sứt chim xanh đừng chuốc lỗi
Bù tri đã có khí hồng quân.*

*"Khí hồng quân hãy sá tài qua
Chớ phụ xuân này chớ phụ hoa
Hoa có ý thì xuân có ý
Đâu đâu cũng một khí dương hòa.*

*"Khí dương hòa há có tư ai
Nặng một hoa này nặng mọi loài
Tính kể chỉ còn ba tháng nữa
Kịp xuân mưa để má đào phai.*

*"Má đào phai hết bởi xuân qua
Nếu lại đâm thì liền luống hoa
Yến sỗ, Đào tri đã có hẹn
Chớ cho Phương Sóc đến lân la*

*"Phương Sóc lân la, đã hờ cơ
Mấy phen trộm được há tình cờ
Có ai ước hỏi tiên Vương Mẫu
Tin khá tin mà ngờ khá ngờ...".*

* *

*

Khi Nguyễn gặp vua Lê Thái Tôn bày tỏ những ý tưởng của ông, thực ra trong thâm tâm Nguyễn cũng thừa hiểu sự vô nghĩa của việc mình làm. Những năm gần bó với vua Lê Thái Tổ từ ngày khởi nghiệp đã cho ông

những kinh nghiệm cay đắng về thế sự.

Những buổi trò chuyện với Nguyễn Thị Lộ giúp Nguyễn nhiều điều. Trong vắt như nước suối, nàng lặng lẽ để cho ông gạn lọc những ý tưởng của mình. Hoàn toàn giản dị, nàng chảy một cách từ từ, chậm rãi, tự tin, vừa độ lượng, vừa ích kỉ chính trong dòng đời. Chỉ nhìn thấy nàng, Nguyễn nhận ra ngay ông đã sai lầm hoặc ông đã đứng trong các suy luận. Nàng chẳng hỏi ông nghĩ gì và các suy luận ấy của ông đầu cuối ra sao, xuất phát từ đâu, đến đâu chấm dứt. Nguyễn so sánh những ý tưởng mơ hồ trong đầu óc ông với cách nàng quét nhà hoặc nàng ngáp ngủ. Chỉ có nàng mới có khả năng siêu phàm giúp ông đối chiếu cái thế giới ảo vô hình với cái thế giới thực hữu hình quanh mình, điều mà ông biết chắc chắn có hoài công đi khắp thế gian ông cũng chẳng tìm ra được một người phụ nữ thứ hai như vậy.

Từ nhỏ, Nguyễn đã sớm nhận ra sự lạc loài của ông giữa đám đông. Ông như khoai giữa ngô, như lạc giữa vừng. Ông là một thứ chất liệu khác. Ông cô đơn chính với đồng loại của mình.

Gặp Nguyễn Thị Lộ, Nguyễn sống ráo riết hơn và nghiêm nhặt hơn. Ông rà xét lại mình và nhận ra một loạt yếu kém trong phương diện tinh thần cũng như cách tổ chức cuộc đời. Cho đến lúc này, Nguyễn mới có thể cất nghĩa được bản chất các sự kiện đã từng diễn ra với ông và cả triều đại.

Trước đây, khi dâng "Bình Ngô sách" cho Bình Định Vương Lê Lợi, Nguyễn đề xuất tư tưởng nhân nghĩa, ông coi nó là máu thịt dân tộc, là nguyên tắc ứng xử giữa con người. Nguyễn đã hướng về tuyệt đối. Song chính Nguyễn đã một chiều, thậm chí không tưởng. Lê Lợi tỉnh táo hơn, nhận ra Nguyễn đã mắc bẫy bởi chính tư tưởng của mình. Lê Lợi biết tư tưởng đó chỉ là ngọn cờ khởi sự chứ không phải phương pháp. Hơn nữa, ngọn cờ ấy chỉ phù hợp với tình trạng khốn cùng về vật chất của đám đông trong từng khoảng thời gian nhất thời. Lê Lợi vĩ đại vì đã thực tế hơn Nguyễn về cuộc sống. Nguyễn, vốn giàu tưởng tượng - hình dung ra những bi kịch tập thể nhưng Lê Lợi biết chắc chắn chỉ có những bi kịch cá nhân và chỉ là những bi kịch cá nhân, mãi mãi là những bi kịch cá nhân. Nguyễn tôn sùng đám đông nhưng Lê Lợi tin chắc chỉ có những cá nhân siêu việt mới có khả năng gây men cho lịch sử. Lê Lợi hiểu rõ khả năng tạo dựng và khả năng phá bỏ của Nguyễn nhưng Nguyễn lại không có khả năng giữ nguyên tình trạng. Giữ nguyên tình trạng đòi hỏi một sự ngu xuẩn phi thường, một sự ngu xuẩn thiên tài. Bao giờ cũng



Lê Thị Minh Tâm

tiền

Vì nàng là Nguyễn Thị Lộ...

vậy, giữ nguyên tình trạng đòi hỏi những con bệnh lớn.

Nguyễn xem xét lại mình và ông hoảng sợ bởi những tham vọng mơ mộng của mình.

Nguyễn hiểu những khó khăn của việc thi hành đạo. Oái ăm ở chỗ đạo là thứ danh không phải là danh, điều ấy đẻ ra những khó khăn trong xuất xứ. Chính Khổng Tử cho rằng người làm quan là để thi hành điều nghĩa chứ đạo thì chẳng thi hành được.

Nguyễn Thị Lộ lo lắng bởi những đổi thay trong tinh thần Nguyễn. Nàng cũng không hiểu Nguyễn đến với nàng với mong muốn gì? Thực ra, Nguyễn mong muốn ở chính bản thân. Ông cô đơn giữa đời như một hành tinh hoặc một ngọn gió. Điều ấy khiến nàng xót xa. Nguyễn biết gắn bó với nàng là ông chuốc họa vào mình. Nhưng biết thế, Nguyễn vẫn gắn bó với nàng.

Bởi nàng là Nguyễn Thị Lộ.

Vì nàng là Nguyễn Thị Lộ.

Chỉ có một Nguyễn Thị Lộ.

Còn Nguyễn, Nguyễn đâu có hai cuộc đời? Rồi ngày nào đấy Nguyễn cũng chết đi, trên nấm mộ chỉ có cỏ xanh. Như bao người khác.

Chỉ có cỏ xanh: cỏ ấu, cỏ gà, cỏ chân chim, cỏ gianh, cúc, thảo đầu, xương rồng.

Những con kiến ca hát.

Và chúng ca hát theo kiểu kiến.

* *
*
*
*

Không thể nói Nguyễn Trãi đã sống thanh thản dưới triều vua Lê Thái Tôn. Vị vua trẻ sớm nắm quyền lực, lại ít kinh nghiệm sống, chỉ thích sự chiều nịnh hơn là nói thẳng. Những cột trụ nhà nước như bọn Lê Ngân, Lê Sát, Lê Văn Linh, Lê Hy... đều là những chính khách xuất thân giang hồ, trị nước bằng mưu mẹo chứ không xuất phát từ đạo và luật. Thêm nữa, bọn Lương Đắc và Hạ Đắc Đắc xúm lại phò nịnh, đẩy lòng kiêu ngạo của người có thế lực lên tột bậc. Giới quý tộc cung đình mới qua được một đời còn hết sức quê mùa về lối sống, chưa có được đời sống tinh thần vương giả, luôn nhầm lẫn giả thật, thực hư. Hơn nữa, ý thức xây dựng một tập đoàn quyền lực dựa trên đạo nghĩa, kỷ cương không được củng cố. Cung đình giống như nơi tụ họp các anh hùng lực lưỡng, chỗ nhóm lửa, chỗ thổi cơm, chỗ múa giáo, chế được đặt ra do vui chuyện mà định. Trên các chân dung chính khách chỉ nhìn thấy các cơ mặt bất động hoàn toàn, biểu thị tinh thần chính trị tù đọng tột cùng. Số trẻ trung hơn, dễ thấy trên gương mặt họ những nét chối bỏ thẳng thừng học vấn, chỉ chờ đón tiếp nhận cảm giác lạc thú.

Nguyễn sống âm thầm. Khi về Côn Sơn, khi ra Đông Đô, chẳng nơi nào ông thấy yên ổn. Nội tâm ông sôi réo, thúc giục. Ông tránh các tình huống phải tự biểu hiện. Những mũi tên đổ kị hằn thù rình ông từ bốn phía.

Nguyễn Thị Lộ biết rõ giá trị con người Nguyễn. Nàng thông cảm những nỗi dày xé trong tâm hồn ông. Nàng biết ông đang chạy tể lên phía trước trong hệ thống tư tưởng đương thời, vừa hung hãn, vừa tuyệt vọng.

Mới đầu, nàng quý trọng ông theo cách người ta quý trọng một con thú hiếm, giống như quý trọng một con tê giác độc nhất có hai sừng. Dần dần, nàng hiểu ra rằng ông không trông chờ ở nàng điều ấy. Nguyễn đến với nàng bằng tình yêu thương tuyệt vọng đối với con người, vừa độ lượng, vừa bao dung, vừa đầy kinh nghiệm. Ông yêu thương nàng bằng toàn bộ tri thức văn hóa cùng sự tử tế ở trong lòng ông.

Cuối cùng điều ấy cũng đến. Nguyễn ngỏ lời cầu hôn với nàng giản dị và mạch lạc. Chắc khi đứng trước Vương Thông, Mã Kỳ, Phương Chính... Nguyễn cũng thế này. Thoạt tiên, cung cách ấy dễ gây ấn tượng về một con người chán đời khủng khiếp, ai biết đằng sau cung cách ấy là một khối lửa khổng lồ? Nguyễn bày tỏ với nàng như thể một việc tình cờ hoặc tiện dịp. Nàng biết ông hoang mang. Những sóng gió trong cuộc đời khiến ông không còn tự tin mình nữa. Hết sức nhạy cảm, nàng thấy thương xót ông tận đáy lòng. Nàng biết, Nguyễn phải ngăn ngừa cảm xúc chính mình. Nàng chỉ gợn chút hờn hĩnh lạnh lẽo, ông sẽ biến mất; còn nàng đa cảm nồng nàn ông cũng bỏ đi. Bao nhiêu công việc đang chờ đợi Nguyễn. Ông đâu phải là người trắng gió đa tình.

Hôm Nguyễn ngỏ lời cầu hôn, trời mưa như trút. Đồn rằng hôm ấy có rồng bay trên sông Cái.

* *
*

Họ trao thân cho nhau vào một buổi đêm yên tĩnh. Ngọn nến để ở một góc phòng kiên nhẫn cháy. Nguyễn Thị Lộ biết Nguyễn cũng kiên nhẫn cháy như thế khi hình bóng nàng nằm giữa tim ông.

Nàng quay lưng về phía Nguyễn, cởi xiêm áo lộn qua đầu. Thân hình dài dài, thanh mảnh của nàng hiện ra lấp lánh trong bóng tối. Khi nàng luồn vào, nằm nép bên Nguyễn, ông lặng người đi, lòng ngập tràn tình

cảm biết ơn vô hạn. Nguyễn lắng nghe tiếng nàng thở dốc. Ông mỉm cười trong bóng tối khi nghĩ rằng cả nàng, cả ông, cả hai hết như hai đứa bé con. Nguyễn vùi đầu vào bộ ngực mảnh khảnh của nàng. Cảm giác về sự bé nhỏ yếu ớt của nàng, của con người nói chung giữa tự nhiên mệnh mông, giữa vũ trụ mệnh mông khiến lòng ông nhói đau. Ông, chính ông chứ không ai khác, ông phải chứng tỏ một điều gì đấy bởi sự tốt đẹp thật sự trong thế giới này.

Họ nằm yên lặng, vui thích lắng nghe những tiếng lách tách cháy từ ngọn nến.

Nguyễn cũng đã cháy như thế, cháy bùng như một ngọn đuốc dẻo dai, kiên cường cho đến trót đời.

Nguyễn Trải đã trải qua không biết bao nhiêu thăng trầm, bao nhiêu đau đớn, bất hạnh, bao nhiêu niềm vui, nỗi buồn, bao nhiêu vinh quang kể từ ngày ấy. Không một người thường nào có được số phận lạ lùng như ông trong 500 năm nay.

500 năm, tức là năm thế kỷ.

1990

TRƯƠNG CHI

"Ngày xưa có anh Trương Chi
Người thì thộm xấu hát thì thộm hay"
(Truyện cổ)

Trương Chi đứng ở đầu mũi thuyền. Chàng trật quần đái vọt xuống dòng sông. Phía xa kia là chân trời rực hồng ráng đỏ. Nhà nàng ở phía ấy. Sương xuống lạnh. Một nỗi buồn da diết choán ngập lòng chàng. Chàng gác chèo và mặc kệ dòng sông cuốn con thuyền đi.

Chàng hát:

*"Nỗi buồn của ta ơi
Như cục đá đè nặng tim ta
Nào ai thấu?
Phía xa kia là quê nhà
Tuổi trẻ mờ sương
Những kỷ ức mờ sương
Những ước mơ đâu cả rồi?
Những ước mơ của ta?
Ta đã mơ rất say đắm
Mơ hoa lá, những bài ca, những tiếng đàn,
Những nụ cười, những đồng lúa chín,
Những lâu đài rực rỡ,
Ta đã mơ thấy nàng
Trong suốt và đỏ chói
Những ước mơ đâu cả rồi?
Những ước mơ của ta?
Có ai về đó không?
Về quê nhà ta
Chào giúp một câu
Cho bớt nỗi đau*

*Chào giúp một câu
Cho bớt nỗi sầu
Những ước mơ đâu cả rồi?
Những ước mơ say đắm khôn người
Nỗi buồn của ta ơi
Như cục đá đè trĩu tim ta
Ai thấu chăng tình ta?"*

Tiếng hát vút cao. Đêm xuống. Bóng tối mù mịt. Trương Chi rùng mình vì sự vắng lặng xung quanh. Không ai đáp lại chàng. Sự vắng lặng kinh hoàng. Chỉ có tiếng giun dế, tiếng ếch ương, tiếng chó sủa. Trương Chi úp mặt vào hai lòng bàn tay chai sạn. Chàng khóc. Không có nước mắt. Chàng cắn vào ngón tay. Một đốt ngón tay đứt trong miệng chàng. Chàng nhổ máu ngón tay xuống sông. Trời tối, không thấy máu. Chàng thò ngón tay xuống dòng nước xiết. Dòng nước mơn man khiến chàng dễ chịu. Chàng duỗi chân, ngả người vào lòng thuyền. Chàng nói:

- Cút!

Nói xong chàng nhắm mắt lại. Bốn nghìn năm trước chàng đã mất ngủ thế này. Bốn nghìn năm trước chàng đã đau đớn thế này, chàng đã căm giận thế này.

Việc gặp Mỹ Nương xốc lại toàn bộ suy nghĩ của chàng. Trước kia, Trương Chi chỉ hình dung mơ hồ có những cuộc sống khác, lối sống khác. Chàng chỉ ngỡ ngợ rằng cuộc đời chàng tẻ nhạt, nhàm chán. Rằng thân phận chàng chẳng ra gì. Rằng con thuyền này, những vật dụng này chẳng ra gì. Rằng thân xác chàng xấu xí, chẳng ra gì. Cả ngay tiếng hát của chàng cũng thế, vô nghĩa, chẳng ra gì. Tuy nhiên, việc tự khép kín, thói lười nhác an phận, thêm một chút khinh bạc nữa và những cố gắng không mỗi để kiếm miếng ăn khiến chàng giữ được bên ngoài vẻ thường. Không ai ngờ vực chàng. Không ai sợ hãi chàng. Chàng sống giữa bầy. Chàng cười nói. Chàng chịu đựng. Chàng mua bán. Chàng chấp nhận. Mọi ước lệ của thói đời lướt qua chàng không dấu vết. Chàng cũng lướt qua nó, những ước lệ của thói đời ấy không dấu vết. Giờ đây, gặp Mỹ Nương rồi, chàng hiểu chắc chắn rằng cuộc sống của chàng thật là cút, là cút chó, không sao ngủ được. Không chỉ riêng chàng, mà cả bầy. Tất cả đều thói hoắc.

- Cút!

Trương Chi găm lên khe khẽ. Những bức bối cồn cào lòng chàng.

Chàng hát:

"Đêm nay là đêm nao
Này người tình ơi
Rồi nàng cũng thành một bà lão lụ khụ, đáng kính
và cô đơn thôi!

Bây giờ nàng cứ cười đi
Ta đâu méch lòng
Nàng còn trẻ tuổi
Nàng hiểu làm sao
Những khao khát nức cười của ta
Ta ước một nắm gió
Ném vào khoảng không kia
Nheo một bên mắt
Tay đút túi
Ta không khiến nàng bận tâm gió đi đâu
Đạt đến chân trời nào
Nàng biết quái gì?
Gió đi đâu?
Đến bao giờ thành bão?
Trên con thuyền này
Ta bất quyết
Luyện phép một mình
Ai thấu lòng ta?
Nàng cứ cười đi
Và chớ có tin
Nàng có tin ai đâu
Thói của nàng là thế
Nàng được giáo dục như thế từ bé tí
Nàng chỉ tin ở bạo lực
Ta biết thừa
Ai thấu lòng ta
Những khát khao của ta
Những cuồng vọng của ta
Những tín ngưỡng của ta
Với con thuyền này
Ta chèo qua số phận
Ta chèo qua thời gian
Ta chèo một mình..."

Trương Chi không hát nữa. Chàng lại nói:

- Cút!

Nói xong chàng nhòem dẫy. Chàng thấy đói. Chàng phải kiếm ăn đã. Chàng lái thuyền vào bờ. Ở hai ven bờ, suốt từ thượng nguồn đến tận hạ nguồn, chàng đã đặt mỗi bên một nghìn cái đó. Nhắc đó lên là có cái ăn. Đây là cá, là cua, là ếch nhái.

Trương Chi bắt cá ném vào lòng thuyền. Chàng dùng hai hòn đá nhen lửa nướng cá. Chàng ăn cá nhưng được vài miếng chàng lại nhổ đi. Chàng lại nói:

- Cút!

Hình ảnh My Nương hiện ra. Trương Chi thở dài. Nàng ngả người trên nệm. Nàng lấy những ngón tay thon thả gỡ tóc. Nàng bảo chàng:

- Hát đi!

Viên quan trưởng bảo chàng:

- Hát ca ngợi công danh đi!

Trương Chi tức nghẹn họng. Chàng biết, hát về điều ấy thật là trò cút. My Nương mỉm cười khuyến khích chàng. Chàng đã mềm lòng trước nụ cười ấy. Chàng khò khè trong cổ. Chưa bao giờ chàng hát một bài hát thô bỉ thế này. Bài hát chỉ toàn "ấy a" với lại "huầy dô". Bài hát đông người.

My Nương bảo:

- Hay lắm!

Bọn hoạn quan đứng quanh cười ré lên:

- Hát như cút!

My Nương tỏ vẻ thương xót:

- Hát về tình yêu đi!

Viên quan trưởng ngăn lại:

- Đừng! Nên hát về sự nhẩn nhục!

My Nương làm một cử chỉ khuyến khích. Trong cuộc đời bạc bẽo của chàng, Trương Chi chưa được ai khuyến khích bao giờ.

Chàng hát, mắt hướng về viên quan trưởng:

*"Sợ nhẵn nhụi bắt đầu từ đâu?
Ngày xưa, ta tưởng nó bắt đầu từ bản tính ta
Từ đầu ngón chân, ngón tay ta,
Hóa ra không phải
Sợ nhẵn nhụi bắt đầu từ đây!"*

Viên quan trưởng ngăn lại:

- Đừng hát!

Trương Chi lưỡng cuống. Chàng thấy khổ quá. Giữa sông nước có ai chỉ bảo chàng đâu? Sự nhẵn nhụi, thói hãnh tiến, lòng tham, tính thiện... Tất cả như nhau hết, vụn vặt và vô nghĩa lý. Chàng chỉ có một mình. Ngày cũng một mình. Đêm cũng một mình. Mưa nắng như nhau hết.

Bọn hoạn quan cười ré lên:

- Hát như cứt!

Mị Nương cười, Trương Chi rất thích giọng nàng cười. Tiếng cười rung trong ngực chàng.

Viên quan trưởng bảo:

- Hát ca ngợi tiền bạc đi!

Bọn hoạn quan reo lên.

Mị Nương làm một cử chỉ mơn trớn. Chẳng có ai nhận ra cử chỉ ấy. Chỉ có riêng chàng biết.

Trương Chi lưỡng cuống, lại một bài hát toàn "ấy a" với lại "huầy dô". Có chỗ chàng lại bắt chước tiếng chó sủa, tiếng gà cục tác và tiếng dê kêu nữa. Bài hát đồng người...

Bọn hoạn quan cười ré lên:

- Hát như cứt!

Mị Nương cười rữ rượi. Chàng biết, sau tiếng cười độ lượng kia nàng sẽ mím môi lại. Nàng có tật thế.

Trương Chi rùng mình. Chàng thấy lo sợ cho chàng. Chàng biết rõ mình. Chàng có thể chịu được đói khổ, nhọc nhằn, thói nhẵn tâm, sự đều đặn. Thậm chí cả sự hạ nhục của bọn người nông nổi và thiển cận nữa, không sao. Chàng chỉ sợ khi chính bản thân chàng lâm vào tình thế phải tự hạ nhục bản tính mình, thế là mất hết, không còn tiếng hát, không còn Trương Chi.

Trương Chi ngó quanh. Bọn hoạn quan, những gã đồng cô, những tên hề lùn, bọn bói toán, tướng số, lang băm... xúm xít, ép chặt lấy chàng.

Trương Chi sợ hãi. Chàng mong nhìn thấy một người đánh cá, chỉ đánh cá mương thôi cũng được, chẳng cần đến loại người đánh cá kinh. Chàng sẽ vững tâm.

Mỵ Nương giúp chàng. Nàng bảo:

- Hát về tình yêu đi!

Trương Chi nhắm mắt lại. Chàng thấy bỗng bồng bênh như đứng trên thuyền. Đến lúc này, chàng biết chàng phải cất giọng tự hát cho mình, bởi không chàng sẽ mất hết, mất cả cuộc đời. Chỉ bằng tình yêu của chàng, tình yêu chân thực và nồng cháy của chàng mới hòng cứu vớt được. Không phải là Mỵ Nương, không chỉ là Mỵ Nương. Dù cho Mỵ Nương có là một con phượng hoàng kiêu hãnh hoặc một con nhện xấu

Những ước mơ của ta ...



xí cũng vậy. Với chàng lúc này tất cả đều như nhau. Tình yêu của chàng hướng về tuyệt đối. Nàng là cái bấy của số phận chàng.

Chàng hát:

Tình yêu, bài ca mà Tritong Chi hát
Cất lên từ trái tim bị thương tổn
Ngọn cờ nàng phất trên ta là tình yêu
Và tiếng trống trận là nhịp tim ta
Kẻ thù của ta
Chúng sẽ bơi nhờ tên ta
Còn ta
Ta sẽ tung ra trước chúng
Lưỡi mác của tình yêu
Xuyên qua tim ta
Và qua tim nàng
Này người tình ơi
Thực ra, nàng đôi khi cũng rỗng tuếch
và tẻ nhạt
Tim hồn nàng có những con rắn hoài nghi
trơn tuột nằm phực
Nàng gian lận trong bài bạc
Nàng đánh giá điều thiện nhit cách nàng
đánh giá đồ trang sức và tài sản
Nàng ngờ vực ngọn gió
Và gieo gặt nhờ kích thích thói xấu
Mỗi thính của nàng
Là quyền lợi và danh dự hào huyền
Ta đâu cần một bữa cơm
Đâu cần một manh áo
Cơm ta thiếu gì?
Áo ta cần chi
Ta ở trên đất đai của tổ tiên ta
Và quãng hươt trên dòng sông của tổ tiên ta
Những khao khát của ta
Hướng về tuyệt đối...
Ta là Tritong Chi
Ta ca ngợi tình yêu
Nở từ hạt thiện
Và bông hoa của tự nhiên

Là sự chân thực lạnh buốt..."

Tiếng hát Trương Chi cao vút. Xung quanh im bật. Những giọt nước mắt long lanh trên mắt Mỹ Nương. Nàng chưa từng được nghe ai hát thế này. Bọn hoạn quan, những gã đồng cô, những tên hề lùn, bọn bói toán, tướng số, lang băm... đứng dật cả ra. Trương Chi vẫn hát, đôi chân của chàng như bốc khỏi đất, chàng đang bay lên.

Chàng hát:

*"Hãy ca hát tình yêu
Hỡi những trái tim lạnh cảm
Những trái tim sắt đá
Bao lực chỉ gây oán thù
Nỗi giống phải trả giá
Ta là Tritong Chi
Ta hát cho tình yêu
Vẻ đẹp tự nhiên
Sự chân thực lạnh buốt..."*

Chàng hát:

*"Ta là Tritong Chi
Ta hát cho tình yêu
Đây là thanh danh ta
Và thanh danh nàng..."*

Chàng hát:

*"Ta là Tritong Chi
Ta hát cho tình yêu
Tình yêu không xúc phạm được
Bởi nó kiêu hãnh và tinh tế..."*

Chàng hát:

*"Ta là Tritong Chi
Ta hát cho tình yêu
Tình yêu cần hy sinh
Bởi nó không khoan nhượng..."*

Chàng hát:

*"Sự ngu ngốc bay khôn ngoan với tình yêu
đều như nhau
Sự ràng buộc bay không ràng buộc cũng thế..."*

Chàng hát:

*"Tình yêu không mất đi và không sinh ra
Tình yêu tuyệt đối..."*

Chàng hát:

*"Ta là Trương Chi
Bài ca ta cất lên từ trái tim bị thương tổn
Này người tình ơi
Xin đừng vì sự thương tổn trái tim ta mà
tổn thương trái tim nàng
Chúng ta đi qua cuộc đời bạc bẽo này,
giả dối này
Nàng cứ sống đi rồi sẽ hiểu
Những chân trời nào nàng sẽ qua...
Và những gì làm trái tim ta đau
Ghi dấu trên thanh danh ta...
Và trên cả thanh danh nàng...
Có một thứ tình yêu bất tử..."*

Trương Chi im bật. Chàng cũng không biết chàng đã bay tới bến sông từ khi nào nữa. Hình ảnh Mỹ Nương biến mất đâu rồi, trước mặt chàng là sông nước trắng xóa một màu, trời mây trắng xóa một màu.

Trương Chi chèo thuyền ra giữa tim sông. Chàng lại nói:

- Cút!

Chàng từ trên thuyền bước xuống xoáy nước giữa sông. Ở trên trời, trên mặt đất, trên biển cả và các dòng sông đều có những hốc đen bí mật. Những xoáy nước trên sông là những hốc đen như thế.

* *
*

Trong truyện cổ, người ta kể rằng khi hát xong câu hát cuối cùng:

*"Kiếp này đã dở dang nhau
Thì xin kiếp khác duyên sau lại lành".*

Trương Chi đã nhảy xuống sông tự trầm. Hồn chàng nhập vào thân cây bạch đàn. Người ta lấy gỗ bạch đàn tuyện thành bộ chén tiến vua. Mỹ

Nương rót nước, nhìn thấy hình ảnh Trương Chi trong chén. Giọt nước mắt nàng lăn xuống, cái chén bạch đàn vỡ tan.

Tôi - người viết truyện ngắn này - cảm ghét sâu sắc cái kết thúc truyền thống ấy. Quả thực, cái kết thúc ấy là tuyệt diệu và cảm động, trí tuệ dân gian đã nhọc lòng làm hết sức mình.

Còn tôi, tôi có cách kết thúc khác. Đây là bí mật của riêng tôi. Tôi biết giây phút rồi đời Trương Chi cũng sẽ văng tục. Nhưng đây không phải là lỗi ở chàng.

My Nương sống suốt đời sung sướng và hạnh phúc.

Điều ấy vừa tàn nhẫn, vừa phi lý.

Lẽ đời là thế.

1990

TỘI ÁC VÀ TRỪNG PHẠT

Cái Đẹp sẽ cứu thế giới
(F.M. Dostôievski)

1. Vào chuyện

Đã có nhiều bạn đọc đến với tôi, họ kể lể về cuộc đời, than phiền những điều bất hạnh trong số phận, mong muốn tôi viết “một cái gì đấy” về tội ác và trừng phạt. Mong muốn của họ chân thành và cảm động.

Trước mặt tôi là một cô gái 16 tuổi. Khuôn mặt cô đánh lại, khắc khổ. Mái tóc đỏ quạch, rối bời. Cô nói bằng một giọng trầm, khô đặc hết như đàn ông. Cô phạm một tội rất nặng.

Cô gái này ở cùng bố, một bà mẹ mù và ba đứa em ở vùng cao huyện M. Tây Bắc... Hồi đi dạy học, tôi đã có lần đặt chân lên vùng cao này. Nơi đây hết sức hoang vu. Để bỏ cái thư, người ta phải đi chừng 15 cây số mới tới bưu điện. Thỉnh thoảng (tức là phải đi khoảng ba tiếng đồng hồ), mới thấy chơ vơ ở lưng chừng đồi mấy nóc nhà người Xá. Nhà người Xá làm hơi giống nhà người Thái đen, nhưng không có “quần”, không có “khu cút”, đơn sơ như chòi canh nương. Tôi đã từng ngồi trên cầu thang một nhà như thế ăn cháo ngô. Dưới chân cầu thang những con lợn bấn thiu rúc mồm vào đám phân trâu ỉm ướt.

Cô gái 16 tuổi ngồi trước mặt tôi phạm tội giết bố và ba đứa em. Cô ta giết bố bằng rìu, khi ông ngủ say. Ông bố nằm ngửa, tay vất lên trán. Cô gái đứng dạng hai chân, nâng rìu lên ngắm nghía, giống như ta lựa thế bổ củi:

- Ban đầu cháu định bổ vào mặt ông ta, nhưng cháu sợ lưỡi rìu trượt theo sống mũi, không chết được. Ông ta rất khỏe, đã từng tay không mà bắt được một con trăn lớn...

Cô gái cúi xuống, một tay chống rìu, còn tay kia nhắc tay ông bố đặt sang bên cạnh.

- Cháu nhắm vào giữa trán... cháu biết chỗ ấy có xương rất cứng, nên cháu lấy sức để bổ thật mạnh. Ốc bắn lên tung tóe như bã đậu...

Tôi đứng dậy đi ra ngoài trời. Tôi nhớ lại màn sương mù xám bạc vẫn thấy ở vùng cao, thứ màu xám bạc ử dột, nó làm thần kinh bất ổn, vô vọng tới cùng.

Có lần, đấy là vào mùa hè năm 1978, tôi đi vào những rẻo đất hoang vu ở thượng nguồn sông Mã. Ở đây tưởng như sự sống đã rời bỏ nó hoàn toàn, thế mà vẫn thấy một, hai ngôi nhà người dân đã từng ngụ cư ở đây đến hai, ba đời. Tôi nói chuyện với họ, ngạc nhiên thấy những kỷ niệm từ đầu thế kỷ này vẫn còn nguyên vẹn. Những thông tin xã hội trong vài ba chục năm nay không đến được đây. Sự tối tăm về tinh thần của họ khiến tôi kinh hoàng.

Những người "hãy đi xa hơn nữa" trước đây là một số tội đồ hoặc bị cảnh nghèo đói buộc phải tha hương. Lòng nghi ngờ con người ở họ thật đáng sợ. Giao tiếp với xã hội bên ngoài được thông qua một số người nào đấy đã được thời gian bảo hiểm sự an toàn. Thường đấy là một số tay buôn vật, buôn những mặt hàng nhu yếu phẩm như dầu, muối, kim, chỉ..., những thầy mo.

Những đứa trẻ, con của những tội đồ hoặc những người nghèo bị hắt hủi lớn lên trong mặc cảm về nhân cách, sống trong hoàn cảnh hết sức nhọc nhằn, bị bầu không khí ủ ỉu buồn bã của núi rừng làm mù mịt đi. Ta sẽ bất lực khi áp dụng những kinh nghiệm tâm lý của xã hội văn minh đối với họ. Họ không hiểu "các quan điểm chính trị"(!) của chúng ta, đã đành rồi. Họ cũng không biết cách chế biến món ăn sao cho ngon miệng.

Dẫn tôi đi vào các bản người Mông, người Xá, người Sán Dìu hồi ấy là một thanh niên vốn quê gốc ở Hưng Yên tên là Quản Văn Lanh. Tên này về sau bị chết khi bọn buôn thuốc phiện thanh toán lẫn nhau. Họ Quản ở Hưng Yên tập trung thành vùng Phố Hiến là một thương cảng nhất nhì ở ta hồi mấy thế kỷ trước. Phần lớn các gia đình họ Quản vùng này đều khá giả, không hiểu vì sao một gia đình họ Quản lại phiêu bạt lạc đến vùng đất khổ ho cò gáy này.

Quản Văn Lanh có mẹ là người Xá. Hắn biết chừng ba chục từ tiếng Kinh và việc chuyện trò của chúng tôi quanh quẩn trong ba chục từ ấy. Lanh trán thấp, môi dày, quai hàm bạnh, hoàn toàn lẩm lì. Tôi không

hiếu dưới vầng trán ngắn ngủi và bật về phía thóp kia, hần nghĩ gì. Không bao giờ Lanh cười, hỏi gì thì lời đi, gặng mãi mới bật ra một hai từ tối nghĩa. Hần sống lùi thúi, chưa bao giờ đi xa khỏi nhà về phía “xuôi”, mà chỉ “đi xa hơn nữa” về phía Tây, tức là về phía biên giới Thượng Lào và những núi tuyết ở Vân Nam, ở đấy có nhiều đảng sâm, ba kích, ấu tẩu, tam thất, thuốc phiện và tắc kè, toàn những vị thuốc quý hiếm.

Có lần, khi tôi ngủ thiếp ở giữa chòi canh nương, một phần vì quá mệt mỏi do chuyến đi vất vả, một phần nữa vì những mệt mỏi trong tâm hồn, khi choàng tỉnh dậy, tôi thấy Lanh ngồi xổm bên tôi chăm chú nghiền ngẫm ngẫm nghĩ. Thấy tôi mở mắt, hần đứng dậy bỏ phắt ra ngoài. Tôi hết sức kinh hoàng và tôi chợt nghĩ rằng người ta hoàn toàn có thể giết người chỉ vì do buồn chán, giết người để “thỏa trí tò mò”, để “nghiên cứu”. Ta đã thấy có em bé khi bị mẹ nhốt trong nhà đã tháo tung một cái “tì vi” mới nguyên chỉ để xem trong ấy có người hay không? Em bé không hề có động cơ “phá hoại” hoặc “phản động”.

Lần ấy, tôi đã kiên quyết bỏ dở chuyến đi phiêu lưu sang Thái Lan. Người dẫn đường lăm lè của tôi có thể thịt tôi như bợn vì tôi nhận ra ở hần khát vọng khốn nạn là muốn “xem tâm hồn thằng chó này có gì”. Nhân đây tôi cũng muốn nói rằng ở ngay Hà Nội, tôi cũng đã thấy những tên Quân Văn Lanh như vậy, mặc “com lê” hần hỏi chứ không đóng khổ cởi truồng muốn thịt tôi để xem tâm hồn tôi có thật “nhà văn” hay không? Xtăngđan đã nói rất đúng rằng khi người ta không có gì để nhìn vào lòng mình thì họ sẽ nhòm vào tâm hồn người khác.

Cô gái mà tôi nhắc đến ở đầu bài viết này không phải là người không có tâm hồn.

Tôi còn nhớ ở miền núi, người ta đã giết chết những con gà rồi buộc cao lên sào chỉ vì con gà ấy phá hoại vườn rau.

Ở Quỳnh Nhai, phía tả ngạn sông Đà, cũng chỉ vì một con gà bị giết như thế, một người tên là Phúc đã cầm dao nhọn đâm chết hai mẹ con người hàng xóm. Tôi đã nói chuyện với tên Phúc này. Trông hần hiền lành, lừ đừ hết như ông từ giữ đền. Hần không biết chữ, suốt từ bé đến lớn chỉ làm mỗi một việc chặt nửa thuê cho bọn buôn bèo. Khi hỏi vì sao hần đã giết người, hần nghĩ ngợi một chút rồi bảo: “Dao vừa mới mài xong”.

Ở Thanh Hoá vài ba năm trước đây đã có một vụ gà con trai dùng cước bổ vào gáy bố để ra hần. Hần đã róc thịt ông cụ ra để nấu cám lợn, còn xương thì vút xuống sông.



Lê Thiết Cương

Nghĩ tà, phiền não đến...

Ở Hà Nội, cũng đã từng xảy ra một vụ người chết bị chặt ra từng đoạn và thủ phạm quăng xác người chết ra nhiều nơi. Song, những bi kịch dẫn tới cái chết ở các vùng thành phố khác với những bi kịch ở vùng hoang dã.

Khi xem các thống kê tội phạm, người ta dễ nhận thấy người có trình độ văn hóa thấp chiếm tỷ lệ cao. Đời sống tinh thần tăm tối cùng với hoàn cảnh quẩn bách vật chất tạo ra tội ác.

Có lẽ cũng cần kể đến tình trạng ngồi lê đôi mách ở các bà và một số các ông. Đây cũng là một thứ mông muội tinh thần, dẫu nó không dẫn đến tội ác, nhưng quả thật nó cũng bẩn thỉu.

Chúng ta đang sống trong một đất nước mà bi kịch ở con người chủ yếu do khát vọng về miếng ăn và nhà ở gây ra. Đây là thứ bi kịch thâm hại nhất trong các bi kịch. Có người lưu ý tôi về bi kịch khát vọng dân chủ, bi kịch tôn giáo và nhiều thứ khác nhưng tôi thấy khả nghi. Tôi đã xem các thống kê về người tự tử, số người chết về miếng ăn và nhà ở chiếm tới 80%. Ở Việt Nam, tôi gần như chưa thấy có nhà chính trị hay nhà trí thức nào tự tử vì để bảo vệ lý tưởng cá nhân của mình.

Như vậy, sự mông muội tinh thần có cả ở những vùng đất xa xôi lẫn ở thành thị. Tội ác sẽ trở nên hết sức man rợ bởi sự mông muội tinh thần đó.

Đã đành những tội ác nảy sinh từ sự mông muội tinh thần, nhưng chúng ta cũng có thể mô tả nó như kết quả của những thèm khát muốn thay đổi, muốn đổi mới hoàn cảnh sống theo xu hướng xấu đi.

Những kẻ giết người thật thà nhất không bao giờ lý giải được vì sao chúng lại giết người. "Tôi không hiểu... Tôi cũng không biết vì sao như thế... Có cái gì buộc tôi như thế..."

Cô gái 16 tuổi phạm tội giết bố và ba đứa em ở đầu thiên truyện này cũng đã nói với tôi như vậy.

Bọn giết người ở thành phố, ở những "hoàn cảnh văn minh" trả lời động cơ giết người rõ ràng hơn, cụ thể hơn nhưng chính vì thế lại vô lý hơn: "Vì nó chửi tôi... Nó cướp miếng ăn của tôi... Nó đổ dầu định đốt nhà tôi...". Những tên cao thủ hơn trong bọn giết người trả lời về động cơ giết người đơn giản và khá tàn nhẫn: "Tôi cần tiền". Khi tôi phân tích cho chúng người ta hoàn toàn có thể kiếm được tiền triệu bằng các phương pháp "diễn biến hòa bình", không chết người mà vẫn có văn hóa cao, chúng hiểu ra ngay rằng chúng ngu độn. Một tên xỏ lá nhất trong

bọn nháy mắt hỏi tôi: “Ông có thể không?”. Tôi giải thích cho hắn rằng tôi là nhà văn, rằng tôi không có khả năng và phương tiện hành động như thế, hơn nữa tôi không bao giờ làm thế. Hắn nhe răng cười, vỗ vai tôi theo kiểu các vị tướng vỗ vai anh binh nhất: “Hiểu rồi! Sẽ khổ cả đời thôi, con ạ!”.

Trong một chuyến đi về nông thôn cách đây không lâu, tôi hết sức ngạc nhiên vì ở một huyện lỵ trung du hẻo lánh có khoảng ba chục ngôi nhà xây cất tạm bợ mà có tới gần chục điểm giải khát ăn uống, trong đó có ba điểm trá hình buôn bán gái mại dâm. Các cô gái điểm là dân nhà quê mà khách làng chơi cũng là dân nhà quê nốt. Tôi đã thấy một tay chơi mặc quần ta (dân miền Nam gọi là quần bà ba), áo sơ mi trắng, hút thuốc lá cuộn, đi đứng như thẳng sa đi, đi chơi gái với năm nghìn đồng trong túi.

Thời thơ ấu, tôi đã từng ở một huyện lỵ trung du và tôi đã từng thấm thía “nỗi buồn trung du”. Một sự kiện nhỏ xảy ra có thể khiến người ta bàn tán hàng tháng trời. Người dân ở đây thuộc từng nốt ruồi trên mặt nhau. Một cô gái chữa hoang thời ấy có thể làm sôi sục cả một huyện lỵ. Một gánh xiếc rong đi qua sẽ làm bọn trẻ con ồm hàng năm rông. Thế mà bây giờ dân ở phố huyện ấy không còn thứ cảm xúc kia nữa. Tội ác trắng trợn và tàn nhẫn được coi như chuyện bình thường.

Ở Hà Nội, tôi biết một cô gái tên là Q. Cha cô nhiều người biết tiếng, ông mất cách đây ít năm. Ông có óc thẩm mỹ, ưa hài hước và niềm say mê thiên nhiên của ông khá mãnh liệt. Tôi quý ông, chính vì thế nên mới để ý theo dõi số phận cô ta. Q. lớn lên, đi học, tốt nghiệp trường đại học danh tiếng, nói thạo tiếng Anh, tiếng Nga. Cô từng tham gia một ban kịch, từng đóng phim. Q. có những phẩm chất và nhiều điều kiện để trở thành một phụ nữ danh vọng, có tài sản cùng hạnh phúc. Song, sự buông thả bản tính và sự lợi lõng ý thức hướng thiện đã biến Q. thành một con điểm thương lưu. Trong tâm hồn cô, mất dần đi sự thông cảm với người bình dân, mất cả khả năng xét đoán nội tâm chính mình và người khác. Hành động của Q. không gây tội ác nhưng sẽ để ra những đứa con hoang tinh thần.

Tôi có thể kể ra những tội ác bắt nguồn từ những nguyên nhân khác nhau nữa. Sự ghen tuông, tính đố kỵ, mê tín dị đoan v.v...

Cải tạo đời sống mong muội về vật chất và tinh thần, luôn đề cao ý thức hướng thiện, đây chính là con đường, là Đạo. Khi tôi hỏi cô gái 16 tuổi phạm tội giết người có biết về tình yêu hay không, cô ta nói là không biết.

Tội ác không bao giờ biết đến tình yêu.

Tội ác sinh ra tội ác. Ngay từ xưa người ta đã nói: “ác giả ác báo, hại nhân nhân hại”. Tội ác cứ nhân thêm. Và đến lúc nào đấy, sẽ bốc lửa. Sự trừng phạt sẽ đến. Sẽ đến ngày phán xử cuối cùng.

2. Câu chuyện

Cô gái tên là X., 16 tuổi, ở với bố, một bà mẹ mù và ba đứa em. Ngôi nhà của họ biệt lập trên một quả đồi vùng cao huyện M. Tây Bắc.

Một lần đi đường, ông bố không kìm được thú tính đã hiếp X.. Cô gái phẫn uất, dùng rìu giết chết ông bố, sau đó quay về khóa cửa lại đốt nhà. Ba đứa em cô bị thiêu sống. Bà mẹ mù đi hái lá thuốc thoát chết. Cô gái ra đầu thú, ít lâu sau treo cổ tự tử trong nhà giam.

3. Đoạn kết

Cô gái phạm tội giết người trước hôm chết ít hôm có nói với tôi: “Chú ơi, cháu có chết cũng chẳng ai thương. Cháu xin chú hai việc, chú mua cho cháu một vòng hoa, chú đọc cho cháu một bài kinh sám hối. Cháu muốn được chết như mọi người. Xuống âm phủ, cháu chẳng quên ơn, cháu sẽ phù hộ cho chú suốt đời”. Tôi đã nhận lời.

Tôi đã đọc bài kinh ấy bên mộ cô gái. Tôi cũng đã đọc bài tụng “Vô tướng” của Lục tổ Huệ Năng cho chính bản thân mình nữa, cũng để là cho bạn đọc đã bớt chút thời giờ đọc thiên truyện buồn tẻ này của tôi.

Bài tụng như sau:

*Thuyết thông với tâm thông
Mặt trời chốn hư không
Diệu pháp giúp thấy tính
Ra đời đẹp tà tông
Pháp vốn không lâu chóng
Mê tỉnh có chậm nhanh
Nhưng pháp môn kiến tính
Phàm phu chẳng hiểu rành
Thuyết pháp đâu muôn cách
Quy một lại, chẳng ngoài
Nhà âm u phiền não*

Vàng tuệ nhật sáng soi
Nghĩ tà, phiền não đến
Nghĩ chính, phiền não trừ
Chính tà đều chẳng thiết
Thanh tịnh đến vô cùng
Bỏ để chân giác ngộ
Tham cầu là hư vọng
Tịnh ngay trong vọng tâm
Chính niệm hết ba chướng
Người đời tu đạo Phật
Pháp môn chẳng ngại đường
Thường tự mình xét lỗi
Tức cũng Phật một đường
Sắc thân tuy khác loại
Tự tu chẳng trái nhau
Lìa đạo mà cầu đạo
Suốt đời chẳng thấy đâu
Gió bụi bốn ba mãi
Chỉ chước toàn phiền não
Muốn thấy đạo chân thực
Ngay chính: ấy đạo màu
Không có lòng cầu đạo
Mò mẫm chẳng tới nơi
Người tu đạo chân chính
Chẳng trách lỗi người đời
Thấy người khác có lỗi
Tự trách đường lối mình
Người sai ta chẳng chê
Ta sai tự trách mình
Phải bỏ ý chê bai
Phiền não trừ hết thấy
Yêu ghét chẳng để tâm
Khểnh chân nằm thoải mái.
Muốn giáo hóa người đời
Phải tự có phật tính
Chớ để họ sinh ngờ
Tự tính liền biểu hiện
Phép Phật ở thế gian

*Vì thế gian giác ngộ
Lìa thế gian cầu đạo
Tìm sừng thỏ khác nào
Chính kiến là xuất thế
Tà kiến ấy thế gian
Chính tà đều quét sạch
Tĩnh Bồ đề huy hoàng
Tụng này phép Đốn giáo
Gọi tên Đại Pháp thuyền
Mê thì chìm kiếp kiếp
Tĩnh chỉ một chớp sao!*

Ý nghĩa của bài tụng cầu cho người viết sách (nhà văn) và người đọc sách. Giác ngộ đến mức nào là ngoài sự kiểm soát của tôi.

1990

ĐÔI THẾ MÀ VUI

Ngôi nhà nhỏ ở trên đồi, cách đường cái ba chục mét. Ngôi nhà đơn độc, lẻ loi. Đằng sau ngôi nhà có hai cây nhội gai lá đỏ, thứ cây mọc hoang chỉ dùng làm củi.

Từ dưới chân đồi đi lên ngôi nhà là một lối nhỏ xếp đá, hết hai mươi bậc thì đến một bãi đất hoang; người ta định san nền cho ngôi nhà mới nhưng sau lại bỏ ý định ấy đi. Từ bãi đất hoang đi lên mười sáu bậc nữa mới đến ngôi nhà vừa kể.

Ngôi nhà làm theo kiểu nhà ở tạm, cột buồm, mái gianh, tường đất. Những người công nhân lâm trường dựng ngôi nhà này mấy năm trước làm chỗ trú mưa nắng khi đào hố trồng thông và bạch đàn.

Trong nhà, đồ đạc lèo tèo. Đáng kể chỉ là cái giường rẻ quạt gỗ mít đã sứt sọc cả. Trẻ con dùng dao khắc lên thành giường những nỗi buồn và ước mơ của chúng: nỗi buồn thì dứt khoát và sâu sắc, còn ước mơ thì táo tợn. Cuối giường có vết khắc chạm là của một tay đàn ông phóng đảng in hình mũi tên xuyên qua trái tim.

Chính giữa nhà là chiếc ban thờ làm bằng miếng tôn đóng nẹp treo lên tường. Bát hương là loại bát tô đựng miến. Xế bên trái ban thờ là chiếc gương với ảnh nữ tài tử Mai Diễm Phương người Hồng Kông trên tờ quảng cáo phim. Chỗ ức cổ trắng ngần của Mai Diễm Phương có ghi một bài thơ của kẻ vô danh, lời lẽ tầm thường:

*"Thời không có anh hùng
Người không có tri âm*

*Mỹ nhân đêm vò gối
Gạt nước mắt thương thầm”.*

Trong góc nhà đặt chiếc kiềng sắt, tro than nguội lạnh. Cạnh đấy là xô nước, nồi xoong, rổ đựng bát đĩa.

Thằng bé ngồi ở trên giường, dựa lưng vào cái chần bông. Nó trạc sáu tuổi. Trên nét mặt nó chưa có dấu vết của lòng căm thù hay sự đau đớn, điều ấy phải sau nữa mới có. Cũng không có dấu vết của lòng độ lượng hay sự chán nản, điều ấy cũng phải sau nữa mới có. Nét mặt nó vô sự.

Thằng bé đưa mắt nhìn ra cửa. Mẹ nó khóa trái bên ngoài. Mẹ nó đi chợ mua sách bút để mai nó đi học. Nó học lớp Một.

Thằng bé nhồm người dậy. Nó tần ngần ngắm con tò vò xây tổ. Con tò vò tha những viên đất tròn, ướt ở góc xô nước về chỗ then cửa kiên nhẫn uốn thành một vòm mỏng, cong. Nó bay đi bay lại hàng chục lần, không lần nào thay đổi hướng bay.

Con tò vò vụt qua mặt thằng bé. Nó nhận ra cái eo lưng thất lại của con tò vò. Ở đấy có những ngấn tròn. Con tò vò cái.

Trong trí óc non nớt của thằng bé xuất hiện hình ảnh mẹ. Bụng mẹ nó nhẽo, cũng có những ngấn tròn. Sáng nay mẹ nó đi nhờ xe chở than của chú Hảo.

Thằng bé không thích chú Hảo. Chú Hảo râu xồm. Chú nói:

- Đồ đi! Béo nứt bụng!

Mẹ nó cười. Chú Hảo lại bảo:

- Gái xề! Đồ mặt chó!

Mẹ nó lại cười.

Con tò vò lại vụt qua mặt thằng bé. Đôi cánh của con tò vò có màu vàng phơn phớt. Ở gò má mẹ nó cũng có vết lốm màu vàng phơn phớt. Nó sờ vào chỗ ấy và thấy ngón tay ướt.

Chú Hảo nói:

- Nước mắt đàn bà! Nước đáí bò!

Mẹ nó lại cười.

- Rồi mày cũng bỏ tao mà đi thôi con ơi. - Mẹ nó nói. - Như thằng bố mày!

*Tò vò mà nuôi con nhện
Ngày sau nó lớn nó quện nhau đi.
Tò vò ngồi khóc tỉ tỉ:
"Nhện ơi! Nhện hỡi! Mày đi đường nào?"*

Thằng bé hỏi mẹ:

- Bố đi đâu?

Mẹ nó thở dài:

- Bố mày là sói! Bố mày đi kiếm ăn! Bố mày đi theo gái!

Thằng bé có lần đã nhìn thấy sói. Con sói chạy ở ven rừng, bốn chân, sốt ruột, đuôi cúp lại, lưỡi thè ra. Nó sợ hãi. Nó côi cút. Thằng bé không thấy sợ nó.

Chú Hảo cũng có vẻ bồn chồn của sói. Chú Hảo nói:

- Chán đời... Rất chán đời!

Chú Hảo nằm ngả trên giường, chân gác lên tường.

Chú Hảo hát:

*"Này em, người yêu ơi, đôi môi dịu dàng
Và mắt em xa xôi mơ màng
Anh đã suốt đời lang thang tìm em..."*

Thằng bé thấy đói. Nó ra rổ bắt tìm cái ăn. Mẹ nó trước khi đi đã để quà cho nó: cơm nguội với nải chuối luộc. Đường lên chợ thị xã ba mươi cây số. Ô tô của chú Hảo đến trưa mới về.

Thằng bé ngồi xồm ở góc nhà bóc chuối ăn. Nó bày những cái bát ra rồi cắn từng miếng chuối cho vào bát. Đây là mâm cỗ tướng. Ăn cỗ có nó, mẹ nó và ông khách qua đường. Có lần trời mưa, ông khách qua đường đã vào nhà nó. Mẹ nó nấu cơm cho ông khách ăn. Ông khách cao lớn, cười nói sang sảng, đi đứng rung chuyển cả căn nhà.

Ông khách nói:

- Vô nghĩa hết! Làm gì có vàng mà đào... Tôi đi xem thiên hạ đào vàng, vừa khinh bỉ, vừa đau đớn, vừa buồn cười... Chỗ nào cũng tàn ác, dâm dục, đều giả, tham lam...

- Ăn đi ông... Mời ông xơi miếng phao câu... - Thằng bé ăn một miếng chuối. Nó mời. - Ăn đi..



Hoàng Phương Vy

Và mắt em xa xôi, mơ màng...

Ông khách cười:

- Thằng này khá... Làm thân nam nhi, vượt qua một bể lửa lọc, vượt qua một bể ái tình... đời nát toét ra... Kể nào có phao là đồng tiền hay lòng nhân đức còn đỡ, không có phao xót lắm... Lửa thử vàng. Vàng thử đàn bà. Đàn bà thử đàn ông. Đàn ông thử ma quỷ với thánh thần... Hóa ra ma quỷ hết! Thánh thần ít lắm...

Thằng bé nhớ đến con sói đi ở ven rừng, đuôi cúp lại.

Ông khách ôm thằng bé vào lòng, gõ nhịp hát bài hát của bọn người đi đào vàng:

*"Khi có vàng là ta có ăn, ta có chơi
Đời thế mà vui!
Khi có vàng là ta hết đời, ta hết hơi
Đời thế mà vui!"*

Thằng bé không ăn nữa. Khách đến rồi khách lại đi.

- Chào cô... Chào Phật bà Quan âm... Chào Bồ tát... Tôi đi nhé.

- Mẹ con cháu chào ông. Ông đi chân cứng đá mềm... Ông đi về quê hay đi đâu ạ?

- Về quê làm gì? - Ông khách cười khê. - Tôi còn đi nữa... Đời thế mà vui. Về quê làm gì? Lòng người đen bạc, đất đai khô cằn...

Thằng bé không biết gì về làng quê. Mẹ nó hứa nhiều lần sẽ đưa nó về thăm quê nhưng chẳng bao giờ mẹ nó đủ tiền. Mẹ nó nói ở quê có nhiều người quen: ông bà chết rồi nhưng vẫn còn mộ, mẹ nó sẽ về thắp hương; rồi chú, bác, cô, dì; những bạn bè của mẹ nó như cô Lượt, cô Na, chú Sửu, cậu Bến...

Chú Hảo cũng hay nói chuyện về thăm quê. Chú bảo đã về thăm quê ba lần, mỗi lần về lại buồn thêm một chút.

Chú Hảo bảo:

- Quê tao có cái đình rất to. Hội đình vui lắm. Các bà các chị đứng xem dân ông vật nhau. Hồi còn bé, bạn bè đổ tao hể cứ phát vào đít một cô lại được một hào. Mỗi kỳ hội tao có vài trăm tiền tiêu, tha hồ ăn quà.

Mẹ nó cười:

- Ba tuổi ranh đã dâm!

Chú Hảo cãi:

- Đấy là bọn có tiền nó dâm chứ! Tôi phận nghèo hèn phải bỏ quê ra đi là cơ nhục lắm.

Mẹ nó bảo:

- Sao bảo chú bỏ quê ra đi là vì theo gái?

Chú Hảo bảo:

- Đồ đi! Đồ mặt chó! Nói thế cũng nói!

Chú Hảo hát:

*"Ta ra đi, ta ra đi, đâu nề công gái.
Tiến lên đi, tiến lên đi, tung hoành sức trai
Chỉ ta lớn cao ngất tầng mây..."*

Mẹ nó cười:

- Tôi còn lạ gì đàn ông! Các người đi tìm vàng, tìm gái chứ chỉ lớn khỉ gì!

Chú Hảo bảo:

- Đồ đi! Đồ mặt chó! Nói thế cũng nói!

Chú Hảo lại hát:

*"Tiến lên đi chân trời rực hồng
Thân nam nhi phải chí tang bồng
Coi cái chết tựa như lông hồng
Kìa mấy ai da ngựa bọc xương..."*

Thằng bé đứng lên, nó dỏng tai để ngóng tiếng xe ô tô. Nó biết làm thế vô ích. Mẹ nó còn lâu mới về.

Không có âm thanh nào lọt vào nhà ngoài tiếng gió. Tiếng gió thổi khẽ, từng đợt, như có người ngáy khẽ. Nó nhận ra bởi những phen gianh va đập vào nhau.

Thằng bé ngẩng mặt nhìn lỗ hở trên mái nhà. Lỗ hở bé, chỉ bằng đồng xu. Ánh trời lọt vào nhà qua lỗ hở vạch một vệt sáng thẳng đầy những hạt bụi bé li ti. Thằng bé xòe tay hứng vệt sáng. Vệt sáng đầy lòng tay nó.

Thằng bé nhớ khi ông khách vốc nắm đất trong tay. Ông khách bảo mẹ nó:

- Chỗ đất này biến được thành vàng là xong cuộc chơi hùng. Đàn ông thường anh nào ở đời cũng mơ như vậy... Vô nghĩa hết!

- Tiến mà làm gì. - Mẹ nó nói. - Đàn bà chúng tôi sống chỉ vì tình.

Chú Hảo bảo:

- Đồ đi! Đồ mặt chó! Nói thế cũng nói!

Ông khách lắc đầu:

- Có được tình tốn sức lắm đấy... có khi trả cả cuộc đời cho người ta mà không trả đủ.

Mẹ nó khóc:

- Đàn bà chúng tôi nhẹ dạ lắm, trong lòng lúc nào cũng thấy trống vắng, trong lòng lúc nào cũng thấy thiếu tình thương. Ai nói đến tình thương là bọn chúng tôi gục đầu vào ngay chẳng biết đất trời gì nữa.

Ông khách cười:

- Thế mới khổ! Thế mới đích thị đàn bà!

Chú Hảo bảo:

- Thế mới chết! Đồ đi! Đồ mặt chó!

Chú Hảo cười:

- Đàn bà là giống yêu tinh ác độc nên trong lòng nó mới thấy thiếu tình thương! Còn đàn ông bao giờ thiếu tình thương đâu! Hoan hô đàn ông! Hoan hô dê cù!

Ông khách bóp nát nắm đất, tung ra như gieo mạ. Ông khách vung tay:

- Bay đi... bay đi lòng căm hờn. Bay đi giả trá. Bay đi bắt công. Bay đi dục vọng dê hèn...

Ông khách xốc áo, vươn vai đứng dậy, bước đi rung chuyển cả căn nhà.

Ông khách móc túi lấy một gói vải đưa cho mẹ nó:

- Chào Bồ tát... Chào cô... Cô giữ cái này để nuôi cháu... Chẳng được là bao, gắng sống qua được nạn này.

Ông khách cười, giơ tay làm một cử chỉ khó hiểu, như biểu tượng. Mưa giăng giăng. Bây giờ đang tiết mưa xuân.

Thằng bé đi lại chỗ giường. Nó ngồi tựa lưng vào chỗ có vết khắc mũi tên xuyên qua trái tim. Mũi tên cắm vào vai nó.

Thằng bé đưa mắt tìm con tò vò. Không thấy con tò vò đâu nữa. Cái tổ đang còn xây dở, vết đất còn ướt. Thằng bé thở dài. Cái tổ tò vò xây ngay chỗ cài then cửa. Mở cửa ra là cái tổ tò vò nát bét.

Có tiếng động khê đầu dây. Không phải bên ngoài, mà ở trong nhà. Thằng bé đồng tai nghe ngóng. Như có con gì rón rén bò vào nhà. Thằng bé hoảng sợ. Nó lạnh toát cả người, mồ hôi rịn ở chân tóc. Nó đưa mắt nhìn quanh. Linh cảm của nó không nhầm: nó thoáng thấy có cái bóng nhằng ở xó tối, nơi để xoong nồi. Bóng gì?

Thằng bé run bắn người. Nó co hai chân lên giường rồi lúi sất vào tường. Rõ ràng có một cái bóng. Bóng gì?

Tiếng động khẽ, ụt và lén lút. Thằng bé run bắn người. Nó chưa bao giờ nghe thấy tiếng động như thế. Rõ ràng có một cái bóng. ánh sáng ở trong căn nhà đột ngột trầm xuống, mờ mờ, lạnh hắt đi. Bóng gì?

Thằng bé thấy tim nó đau thắt lại. Nó không dám thở mạnh nữa. Lại nhòang một cái đầu đẩy trong xó nhà. Thằng bé nhận ra điều ấy không phải bằng mắt.

- Mẹ...

Thằng bé co rúm người. Nó kêu lên, nước mắt trào ra, hai tay thu vào, ngón tay quắp lại. Nó đập chân xuống chiếu. Rõ ràng có một con gì đang bò chậm chậm, ráo riết, lì lợm, lạnh lùng ở dưới gầm giường.

- Ầm...

Có tiếng đổ vỡ chai lọ, tiếng kéo lê sên sệt, tiếng nhai xương rau rầu. Tiếng nhai khẽ, ngấu nghiến, nhẩn nha. Tiếng hút tủy. Tiếng xương vỡ vụn. Tiếng chép miệng nữa.

Thằng bé choáng người, ngực đau tức. Nó không thở được. Nước mắt nó trào ra. Mặt nó đỏ tía.

- Mẹ... Mẹ...

Thằng bé cuống cuống gọi. Nó lăn lộn trên giường. Bây giờ không còn nghi ngờ gì nữa. Rõ ràng có tiếng nhai xương. Tiếng hút tủy. Tiếng chép miệng. Tiếng nhai rau rầu.

Thằng bé khóc ngằn ngặt. Nó nằm im gục mặt vào chăn. Nó mệt lả người. Nó lịm đi.

Căn nhà yên tĩnh. Vẫn chỉ có tiếng gió bên ngoài rin rít. Mãi lâu sau thằng bé mới hồi tỉnh lại. Nó hé mắt nhìn. Mồ hôi túa đầy mặt nó.

Thằng bé lắng tai nghe, căn nhà yên tĩnh lạ thường. Không có tiếng động nào cả. Không có gì hết.

Thằng bé đưa tay cấu vào chân. Nó cảm thấy đau. Nó lồm cồm bò dậy, mắt liếc nhìn thanh sắt mẹ nó dựng ở đầu giường, thanh sắt giữa trộm. Nó rón rén dịch người để lấy thanh sắt.

Thằng bé nín thở. Nó kéo thanh sắt lên, cầm chắc trong tay. Nó đóng tai nghe. Không có tiếng động nào cả. Yên lặng lạ lùng.

Thằng bé đập đập thanh sắt xuống giường, sau đó lại đóng tai nghe. Vẫn yên lặng như thường.

Thằng bé thở nhè nhẹ. Nó lấy lại sức rồi rón rén bò ra mép giường. Nó nhìn dưới gầm giường: dưới ấy không có gì cả.

Thằng bé đặt hai chân xuống đất, cố giữ để không run. Nó cầm thanh sắt khua dưới gầm giường. Không có gì cả. Một nỗi căm uất vô hình dâng đầy ngực nó. Nó khua thanh sắt vào xô đựng nước, vào các xoong nồi. Nó đập nát chiếc gương. Nó lục soát tất cả các góc kín trong nhà: dưới đất, trên tường, trên mái gianh. Nó xô đổ mọi thứ. Không có gì cả. Yên lặng như thường. Yên lặng đáng sợ.

Thằng bé đóng tai nghe. Tiếng gió ngoài trời ngừng bật. Không gian sững lại, nặng nề. Thằng bé bỗng cảm như toàn bộ không khí trong nhà ngừng lại, dồn tất cả lên người nó. Nó bị nén xuống, ép chặt. Nó run lấy bầy, thanh sắt tuột khỏi tay. Nó quy xuống đất. Toàn bộ gân cốt nó nhào ra, không cử động được.

Thằng bé nằm co quắp, úp mặt xuống nền đất, ngay chỗ vũng nước. Tìm nó đập thành thịch, đập rất nhanh, loạn xạ, cuống cuồng, đôi lúc ngừng hẳn. Sức lực nó bị rút kiệt. Nó định mở mắt nhưng không sao mở được.

Nó máy môi. Nó định gọi mẹ nhưng không sao đẩy được âm thanh ra khỏi lồng ngực.

Thằng bé nằm im như thế rất lâu. Không biết bao nhiêu thời giờ đã trôi qua. Con tò vò đã xây xong tổ. Khuôn mặt bầu bĩnh của thằng bé như bị rút kiệt hết nước, hết máu. Khuôn mặt nó tái nhợt, khô danh lại.

Căn nhà hoang khóa trái nằm ở trên đồi. Mưa giăng giăng. Bây giờ đang tiết mưa xuân.

Mãi đến giữa trưa, chiếc xe ô tô chở mẹ thằng bé mới về. Người lái xe có bộ râu xồm mở cửa xe cho mẹ thằng bé bước xuống.

Người đàn bà mặt đỏ, mặt xỉ ra có lẽ vì phù, cười thỏn thển kéo từ ca-bin ra hai cái bị cói bần thiu. Người lái xe đóng cửa ca-bin lại rồi giăng lấy hai cái bị cói trên tay người đàn bà. Anh ta cau có:

- Đồ đi! Đồ mặt chó!

Người đàn bà đứng lại, nhận ra một vết máu loang ở ống quần.

Ngượng ngập, người đàn bà quay người ngồi thụp xuống, bứt vôi nắm cỏ bên đường.

Người lái xe quay mặt nhìn về phía hai cây nhội gai lá đỏ. Anh ta hát khe khẽ:

*"Này em, người yêu ơi, đôi môi dịu dàng
Và mắt em xa xôi, mơ màng.
Anh đã suốt đời lang thang tìm em..."*

Người đàn bà đã chùi sạch vết máu, chị ta đứng dậy bươn bả bước lên đồi. Người lái xe xách bị đi sau. Anh ta bỗng như nhớ ra chuyện gì bèn gọi:

- Này... này! Đổ đi!

Người đàn bà quay lại, nét mặt lo lắng, chờ đợi.

Người lái xe thở dài:

- Này, cái ông khách hôm nọ trú mưa ở đây nghèo rồi đấy.

Người đàn bà ngơ ngác:

- Sao biết?

Người lái xe lắc cái đầu bù xù, tỏ vẻ không hiểu.

- Lão ấy bị bọn ở bãi vàng thịt. Chúng nó tưởng lão ấy lắm tiền nhưng hóa ra chẳng có cóc khô gì cả.

Người đàn bà lặng im, quay người đi tiếp lên đồi. Còn chín bậc đá nữa là đến ngôi nhà của chị.

Ngôi nhà nhỏ ở trên đồi. Ngôi nhà đơn độc, lẻ loi. Mưa xuân giăng giăng trùm lên ngôi nhà. Mưa xuân giăng giăng trùm lên hai cây nhội gai lá đỏ. Mưa xuân giăng giăng trùm lên quả đồi.

Năm nay mưa xuân trong thời tiết nồm thế này là có nhiều sâu hại lúa. Mưa xuân suốt từ tiết *Kinh trập* đến nay vừa được 14 ngày.

SANG SÔNG

Bến đò.

Sang đò có một nhà sư, một nhà thơ, một nhà giáo, một tên cướp, hai tên buôn đồ cổ, hai mẹ con, một cặp tình nhân và chị lái đò. Chị lái đò bắc tấm ván cầu để hai tên buôn đồ cổ đẩy chiếc xe máy lên đò. Tên cao gầy bảo tên mặc áo ca rô:

- Cần thận!

Đấy là tên này bảo bạn nó cần thận ôm cái bọc vải trên tay, trong ấy có cái bình cổ.

- Giúp với!

Tên cao gầy nói với người đứng sau. Người ấy là nhà thơ.

Họ loay hoay đẩy chiếc xe máy lên tấm ván cầu. Nhà thơ vụng về nín chiếc xe máy lật nghiêng. Anh khuỵu đầu gối xuống nước. Đôi trai gái đứng trên bờ bật cười. Cô gái nói với người yêu:

- Giúp họ một tay!

Chàng trai cởi áo khoác đưa cho cô gái. Anh đến chỗ xe đổ.

Chiếc xe được nâng lên, đẩy vào khoang đò, nơi có hai mẹ con ngoài thành phố về thăm quê. Người mẹ ba mươi hai tuổi, xinh đẹp, dài các. Đứa con trai chín tuổi trông rất kháu khỉnh.

Chiếc xe máy quay ngang trong lòng đò, chạm vào người thiếu phụ. Thiếu phụ cau mặt. Tên cao gầy nhanh nhẩu:

- Xin lỗi chị.

Tên cao gầy cúi xuống phủi vết bẩn ở đầu gối thiếu phụ. Thiếu phụ hất tay hất, quay mặt đi.

Đằng sau họ, nhà sư đang kể chuyện cho ông giáo nghe về đức Bồ

Đề Lạt Ma:

- Khi ngài ngồi điện bích ở Tụng Sơn, Huệ Khả đến chặt tay mình để xin pháp ấn, nói rằng: “Bạch thầy, tâm con không an”. Ngài bảo: “Người đưa tâm của người ra đi”. Huệ Khả đáp: “Bạch thầy, con tìm tâm mãi mà không thấy”. Ngài bảo: “Đó! Đó là ta đã an tâm cho người rồi đó”. Thế là Huệ Khả giác ngộ...

Tên mặc áo carô ôm bọc vải vào lòng ngồi cạnh nhà sư. Đây là chỗ an toàn nhất trong đò. Ông giáo không bằng lòng:

- Cái anh này! Sao chen vào đây?

Tên mặc áo carô khép nép:

- Cụ xá lỗi! Con đang giữ trong tay báu vật. Vỡ cái bình này thì sạt nghiệp.

- Bình gì thế?

Tên mặc áo carô hơi co người lại.

Cặp tình nhân xuống đò. Họ ngồi ở mũi đò, sau chỗ chèo lái đò. Chàng trai đưa tay vớ lấy chiếc áo khoác trên đùi cô gái. Tay anh chạm vào làn da bụng ấm áp của cô. Anh để yên, không rút tay ra nữa. Cô gái đỏ mặt, lấy chiếc áo khoác trùm lên tay anh.

Nhà thơ ngồi chênh vênh ở bên mạn đò. Anh khỏa tay xuống nước làm đò chao nghiêng. Tên cao gầy cau mặt vỗ vai nhà thơ:

- Ông anh đừng đùa! Chết ráo cả bây giờ.

Nhà thơ ngơ ngác:

- Nước trong quá! Nhìn thấy những con cá thần tiên dưới đáy.

Tên cao gầy bật cười:

- Thật chịu thấy! Tôi chỉ thấy có cá diếc thôi!

Chú bé chen vào hòa với nhà thơ:

- Cá thần tiên đấy!

Tên cao gầy lia mắt vào lòng thiếu phụ:

- Con ơi, con hỏi mẹ con xem đây là cá diếc hay cá thần tiên?

Thiếu phụ lưỡng cuống, khép đuôi lại, kéo tay chú bé.

Chị lái đò đẩy sào. Chiếc đò rời bến. Trời chiều mây xám. Một cánh chim bay về phía núi. Con đò xoay ngang.

- Đò!

Tiếng gọi gay gắt từ trên bờ đất vang lên. Tên cao gầy khoát tay:

- Kệ họ!

Chị lái đò lưỡng lự đẩy sào.

- Đò!

Tiếng gọi lần này lại gay gắt hơn. Con đò hướng mũi vào bờ.

Từ doi đất đi xuống là một người cao lớn, khoác túi, trông dáng phong trần. Nhảy một bước, anh ta đã ở trên đò. Nước sông bắn cả vào nhà sư.

Nhà sư giật mình, thốt lên:

- A di đà Phật!

Ông giáo lắc bả:

- Người với ngợm, trông như tướng cướp.

Kẻ ấy là tướng cướp thật. Hắn cười nhả nhận như để xin lỗi mọi người rồi thản nhiên cầm lấy tay chèo. Hắn quần chiếc túi vải lên đầu tay chèo rồi vừa kẹp tay chèo vào nách để châm thuốc lá vừa nháy mắt nói với chị lái đò:

- Trời chẳng nắng, trời chẳng mưa. Thoát cái mà đã xế trưa mất rồi!

Chị lái đò băng quơ:

- Giống bão gì đâu mà quạ xuống núi?

Tên cướp vui vẻ:

- Có cỗ cưới, người ta mời. Ông lão sáu mươi lấy cô mười bảy.

Mọi người trên đò lặng ngắt. Chẳng ai ưa lối trò chuyện này. Chỉ có cặp tình nhân không chú ý gì. Chàng trai luồn bốn ngón tay qua lần chun quần cô gái. Cô gái định làm một cử chỉ cương lại nhưng sợ mọi người chú ý nên lại ngồi im.

Tiếng chèo khua rất khẽ.

Tên mặc áo carô ngủ gà ngủ gật.

Ông giáo tiếp tục câu chuyện:

- Bạch thầy! Bản chất đời sống con người có sự ác. Con người chạy theo dục tình, tiền bạc, danh vọng hao huyền.

Nhà sư đưa mắt nhìn vào lòng bàn tay. Ông giáo nói:

- Bạch thầy! Đâu đâu con cũng thấy toàn là súc vật. Mọi sự thấy súc vật hết. Cả sự chung tình cũng là súc vật. Ý thức hướng thiện cũng súc vật nốt.

Nhà thơ ngâm khe khẽ:

- *Chỉ có ta, cô đơn giữa bầy...*

Thiếu phụ bóc một quả cam đưa cho chú bé. Chú bé lắc đầu.

Tên cao gầy rút bao thuốc lá mời nhà thơ. Nhà thơ nhận ra một nốt ruồi ngay tinh mũi hần. Anh lắc đầu:

- Cái nốt ruồi kinh quá!

Tên cao gầy trố mắt:

- Sao thế?

- Anh có thể thoát cái giết người như bôn.

Nhà thơ đưa tay cửa ngang cổ mình:

- Như thế này này...

Tên cao gầy bật cười:

- Sao biết?

Nhà thơ lấp bắp, anh không tin chắc điều mình nói nữa:

- Tôi là nhà tiên tri thấu thị.

Chú bé nín lấy tay anh:

- Thế còn cháu thế nào hả chú?

Nhà thơ chăm chú nhìn sâu vào mắt chú bé, nhận ra một nỗi buồn khắc khoải tê dại như thể của tổ tông truyền lại cho nó, lẫn ở đấy có những vẩn đốm nhỏ li ti.

Anh ngần ngại hỏi:

- Cháu có dám mơ mộng không?

Chú bé gật đầu quả quyết:

- Có!

Nhà thơ mỉm cười:

- Vậy cháu bất hạnh.

Thiếu phụ thở dài. Ông giáo lẩm bẩm:

- Đâu đâu cũng rất những phường điều trá.

Cô gái ngồi ở đầu mũi đò chạ quây. Người yêu của cô luồn bốn ngón tay sâu thêm chút nữa vào trong quần lót của cô. Cử chỉ của anh không lọt qua mắt thiếu phụ. Bằng kinh nghiệm riêng đàn bà, thiếu phụ biết cặp tình nhân đang giở trò khi.

Ông giáo ngâm ngợi:

*Gót danh lợi bìn pha sắc xám,
Mặt phong trần nắng râm mùi dàu.
Nghĩ thân phù thế mà đau,
Bọt trong bể khổ bèo dàu bến me.
Mùi tục lụy lười tê tân khổ,
Đường thế đổ gót rõ kỳ khu.
Sóng cồn cửa bể nhấp nhô,
Chiếc thuyền bào ảnh lơ xô mặt ghềnh...*

Nhà thơ reo khê:

- Hay quá! Thơ của ai thế cụ?

Ông giáo trả lời:

- Đây là Nguyễn Gia Thiều.

Nhà thơ thở dài:

- Tiếc thật...Tay nào hay thì đều toi cả...Văn chương chết đoán hết...

Cô gái ngồi ở đầu mũi đò bật lên tiếng rên khe khê.

Thiếu phụ nhìn sâu vào mắt cô gái rửa rủa thầm:

- Đồ dũ!

Cô gái nhận ra lời rửa rủa quay mặt đi nhưng vẫn bị ánh mắt thiếu phụ dõi theo. Không chịu nổi, cô gái trắng tráo nhìn thẳng vào mắt thiếu phụ thừa nhận:

- Ủ thì dũ!

Chú bé bật cười vì nhìn thấy rớt dãi ở mép của tên buôn đồ cổ mặc áo ca rô. Mắt hắn đui lại, đầu cứ thúc lia lịa vào mặt nhà sư.

Chiếc bọc vải trên tay của tên mặc áo carô tỳ hẳn lên đùi ông giáo. Ông bực mình, giằng lấy chiếc bọc vải làm sợi dây buộc ra để lộ chiếc bình.

Tên mặc áo carô tỉnh ngủ, giật mình:

- Cháu xin lỗi cụ!

Ông giáo nâng chiếc bình lên tay ngắm nghía thán phục:

- Chiếc bình đẹp quá!

Ông giáo quay sang bên cạnh:

- Bạch thầy! Chiếc bình này thời nào?

Nhà sư ngược lên, trong ánh nhìn lóe một tia sáng thậm chí giống hệt dục vọng:

- Bình gốm thời Bắc thuộc, đời Lý Bí hay Khúc Thừa Dụ...

Ngẩn ngừ giây lát, nhà sư đưa bàn tay sờ lên miệng bình:

- Chùa Tương có cái bình thế này, bán đi đủ tiền xây lại tam quan.

- Một "cây" đấy!

Tên cao gầy hãnh diện đỡ lấy chiếc bình trên tay ông giáo. Tên cướp dừng chèo, không điều gì trong đồ lọt qua mắt hắn.

Cô gái ngồi ở cuối đò xoay người, tránh một cử chỉ quá trớn bất cần của người yêu cô. Chàng trai bực mình rút tay khỏi lòng cô gái. Anh len lén chùi tay vào khe ván đò nhưng không làm sao gạt được sợi lông xoắn dính ở ngón tay. Ngay lúc ấy, một ý nghĩ hiện lên khiến anh tự đứng câu bản.

Anh ngồi nhích xa cô gái:

- Đàn bà...quỷ sứ...Tất cả đều chẳng ra gì... Bẩn thỉu...

Cô gái duỗi thẳng chân. Vẻ thất vọng của cô làm cho thiếu phụ chú ý. Thiếu phụ cười nụ, không giấu được vẻ hả hê trong mắt.

Nhà thơ xem xét chiếc bình, thán phục:

- Hàng nghìn năm lịch sử...Kinh thật! Ngày xưa có cô công chúa đựng nước gội đầu ở bình này đấy!

Tên cao gầy mỉm cười:

- Tôi tưởng bình đựng rượu?

Nhà thơ gạt đầu:

- Đúng rồi! Thế kỷ XIII, khi quân Nguyên Mông sang, có tráng sĩ đã dùng bình này đựng rượu...Thế kỷ thứ XV người ta chôn nó xuống đất.

- Thật chịu thấy! - Tên cao gầy thú vị. - Chiếc bình này chắc nhiều

sự tích phải không?

- Tất nhiên rồi. - Nhà thơ nheo mắt lại. - Có năm mươi sự tích.

Ông giáo đánh rơi chiếc cặp trên tay. Tên mặc áo ca rô nhặt hộ tờ giấy, thấy ở đáy có chữ ghi chép. Hắn liếc mắt đọc:

"Nhân loại có bốn phận làm việc không ngừng để sáng tạo những người cao thượng; đó là nhiệm vụ của con người, và chẳng có việc gì khác nữa (Nitsơ). Tôi thường nói với nghệ sĩ - và tôi còn nói mãi - rằng cùng đích những xung đột trong vũ trụ và loài người chính là nghệ thuật trình diễn kịch, bởi vì những xung đột đó không có một công dụng nào nữa (Gơơ)".

Tên mặc áo carô đưa trả ông giáo tờ giấy. Hắn lễ độ:

- Chữ cụ tươi quá!

Ông giáo cầm tờ giấy, chưa chát nói:

- Chữ à! Văn tốt chữ tươi thì nghĩa lý gì?

Chú bé dựa hẳn vào lòng nhà thơ. Chú bé đút tay vào trong miệng bình. Thiếu phụ hốt hoảng:

- Này con! Khéo không rút tay được ra thì khốn!

Có lẽ lời nhắc nhở của thiếu phụ chính là lời rửa của tạo hóa, ở đây chứa cả nỗi căm uất quá khứ.

Tên cao gầy giật mình. Hắn bảo chú bé:

- Rút tay ra!

Nhà thơ bông đùa:

- Đút tay vào lịch sử thì kẹt ở đấy còn lâu!

Chú bé loay hoay. Hình như miệng của chiếc bình bé lại. Chú bé mếu máo:

- Mẹ cứu con!

Mọi người trong đồ rối rít cả lên. Chú bé không sao rút tay ra được miệng bình.

Thiếu phụ sợ hãi:

- Làm sao bây giờ?

Tên mặc áo carô ngồi xuống đỡ lấy chiếc bình, hắn vừa xoay chiếc bình vừa cần nhẫn:

- Đồ quý! Nghịch hết chỗ nói!

Chú bé òa khóc. Tên cao gầy bắt đầu nổi giận.

Tên cướp không chèo nữa. Hấn đến gần, xem xét.

Hấn khuyên chú bé:

- Kéo mạnh tay ra!

Tên cao gầy nhăn mặt, giọng khàn lại:

- Cần thận không vỡ chiếc bình!

Chỉ còn một thoi chèo nữa là đồ cặp bến. Dòng sông lặng ngắt như tờ. Đã thấy khói lam chiều ở phía làng xa.

Cặp tình nhân cũng rời chỗ ngồi đến gần chú bé. Người ta tìm đủ cách gỡ chiếc bình ra. Chú bé nước mắt lưng tròng.

Nhà thơ đùa cợt, rõ ràng chẳng hợp tình cảnh chút nào:

- Chỉ còn cách chặt tay chú bé để cứu chiếc bình, sau đó lại đập vỡ bình cứu tay chú bé.

Thiếu phụ khóc lóc, rên rỉ:

- Trời ơi...khổ quá!

Tên cao gầy đỡ lấy chiếc bình. Hấn kéo mạnh.

Đây là cố gắng cuối cùng. Cổ tay chú bé đỏ hồng, xước cả da.

- Chịu!

Tên cao gầy khẳng định. Hấn đứng dậy, thò tay vào trong ngực áo. Tên mặc áo carô hiểu ý bạn hấn.

Chiếc đồ cặp bến. Ở trên bờ không một bóng người.

Gió lạnh thổi.

Tên cao gầy và tên mặc áo carô lăm lăm hai mũi dao nhọn.

Tên cao gầy nói với thiếu phụ, dứt khoát, lạnh lùng:

- Chiếc bình này một "cây"! Bà chị tính sao thì tính!

Thiếu phụ sợ hãi, ôm chặt chú bé:

- Trời ơi...tôi không mang tiền...

Sực nhớ ra, thiếu phụ vội vả tháo ở ngón tay chiếc nhẫn.

Tên cao gầy hất đầu cho tên mặc áo carô. Tên này cầm ngay chiếc



Gate gate! Para gate. Para para san gate!

nhấn đút vào túi áo.

Tên cao gầy dí dao vào cổ chú bé. Một giọt máu ứa ra nơi đầu mũi dao. Giọt máu chảy từ từ trên vệt lang ben trắng bạch.

- Làm sao thế?

Ông giáo lập cập đánh rơi cả kính. Mũi dao ấn sâu hơn nữa. Một tia máu nhỏ phun vào bàn tay ông giáo.

Cô gái đứng bên chàng trai ôm mặt rú lên, ngã cạnh thành đồ. Chàng trai đẩy nhà thơ ra, anh tháo chiếc nhẫn ở tay chìa cho tên mặc áo carô.

Anh nói, giọng như ra lệnh:

- Các người bỏ thằng bé ra!

Thiếu phụ thôi khóc. Chị hơi ngạc nhiên trước cử chỉ của chàng trai trẻ.

Tên cao gầy đảo mắt. Mũi dao lún sâu dần vào cổ chú bé.

Tên mặc áo carô cầm lấy chiếc nhẫn trên tay chàng trai.

Tên cướp sấn vào, hấn dẫm vào chân chú bé.

Chú bé rú lên. Tên cướp nghiêng người, xô cả vào người ông giáo. Chiếc túi vải khoác trên vai hấn rơi xuống, đổ ra lũng củng các thứ đồ nghề rõ ràng chẳng phải lương thiện chút nào. Chiếc côn nhị khúc, chùm chìa khóa đến năm chục chiếc khác nhau, lưỡi lê, còng số 8, cuốn lịch xem ngày tốt xấu ố vàng rách nát...

Tên cướp nhét vội đồ nghề cho vào túi vải. Hấn cầm chiếc côn lên tay đập đập. Hấn nói:

- Việc đã lỡ rồi, coi như vận xấu, đi buôn lỗ vốn!

Tên cao gầy trừng mắt lên nhìn. Tên cướp nửa đùa nửa thật:

- Thôi đi! Trẻ con là tương lai đấy! Làm gì cũng phải nhân đức hàng đầu.

Tên cao gầy lưỡng lự, để lỏng mũi dao. Ngay lúc ấy, chiếc côn trên tay tên cướp bổ mạnh vào miệng chiếc bình.

Chiếc bình gốm vỡ.

Nhà thơ thở phào, anh tán thưởng:

- Có thể chứ!

Chú bé quỵ vào lòng mẹ. Hai mẹ con ôm nhau khóc. Tên cao gầy và tên mặc áo carô sững sờ, chúng quay sang phía tên cướp, lăm lăm lưỡi dao. Tên cướp lùi dần rồi nhảy lên bờ. Hấn xoay chiếc côn nhị khúc trên tay.

- Vô ích! - Hấn thần nhiên nói.

Mà vô ích thật. Rõ ràng là thế.

Chàng thanh niên đỡ cô gái dậy. Cô gái mỉm cười. Cô biết, cô sẽ yêu anh mãi mãi.

Nhà thơ lẩm bẩm:

- Tình yêu làm cho con người cao thượng.

Hai tên buôn đồ cổ cất dao rồi đẩy xe máy lên bờ.

Chúng lau bầu chửi rửa đến khi ngồi lên xe máy. Ông giáo bàng hoàng. Sự việc xảy ra khiến ông kinh ngạc:

- Trời! Anh ấy dám đập vỡ bình! Thật đúng là một anh hùng! Một nhà

cách mạng! Một nhà cải cách!

Chị lái đò giấu nụ cười thầm. Chị biết, vô phúc cho ai một mình gặp hấn trong đêm..

Nhà thơ nhặt mấy mảnh gốm đưa cho thiếu phụ. Anh giải thích:

- Để làm kỷ niệm.

Anh cúi xuống đỡ người chú bé. Mọi người lần lượt lên bờ.

Bóng chiều tan dần. Trên đò còn lại nhà sư vẫn ngồi bất động.

Chị lái đò dè dặt:

- Bạch thầy! Mời thầy lên bờ.

Nhà sư lắc đầu:

- Thôi, tôi nghĩ lại rồi...Cho tôi quay về.

Ngần ngừ giây lát, ông lương lự nói:

- Tôi sẽ đi sau.

Chị lái đò tần ngần nhìn những vì sao cuối trời:

- Bạch thầy, về bên kia sông con không đi nữa.

Nhà sư vui vẻ, cười khẽ:

- Không sao! Muốn đi là được. Ngày xưa, đức Bồ Đề Lạt Ma còn sang sông trên một cọng cỏ cơ mà...

Chiếc đò quay về bến cũ. Bóng chị lái đò và nhà sư nổi bật ở trên dòng sông phẳng lặng. Trăng lên, tiếng chuông ngân nga êm đềm. Nhà sư thầm thì đọc câu thần chú:

- *Gate gate! Para gate! Para para san gate!*